NGUYỄN THẾ LONG

CHUYỆN ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI XƯA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

https://tieulun.hopto.org

Lời nói đầu

Trong nhiều năm trước đây, khi nghiên cứu về nền giáo dục truyền thống dân tộc - giáo dục Nho học, trong cuốn Nho học ở Việt Nam - Giáo dục và thi cử (Nhà xuất bản Giáo dục in năm 1995), tôi đã chú ý đặc biệt đến những mẫu người lý tưởng mà nền giáo dục đó đã đào tạo cho đất nước. Trong vòng hơn 8 thế kỷ, giáo dục Nho học đã đào tạo được trên ba ngàn người đỗ tiến sĩ và hàng chục vạn người đỗ cử nhân để bổ nhiệm giữ những chức vụ trong bộ máy quản lý nhà nước. Họ đã đảm đương được tất cả các nhiệm vụ từ tổ chức cai trị, thi hành luật pháp, mở mang kinh tế, di dân đi khai khẩn đất hoang, chỉ huy quân sự, bảo vệ trị an, đánh giặc ngoại xâm giữ gìn bờ cõi đến đi sứ nước ngoài, thông thương giao hiếu, củng cố hoà bình hữu nghị. Tôi cũng như nhiều người đã từng theo học nền giáo dục trước và sau cách mạng không khỏi ngạc nhiên vì những con người đó, suốt thời gian theo đòi bút nghiên trong khoảng từ 10 đến 15 năm chỉ được học mấy quyển Tứ thư, Ngũ kinh, đâu có được đào tạo trong những trường đại học chuyên ngành cho từng công việc như ngày nay mà sao họ làm tốt tất cả những việc đó, đặc biệt là công việc bang giao, thay mặt vua đi sứ. Từ những suy nghĩ đó, tôi đã thống kê trong các triều đại có bao nhiêu người đỗ đạt và đã được cử đi làm sứ thần ra nước ngoài. Chỉ mới thống kê sơ bộ (trong phần phụ lục ở cuối sách) đã có tới gần ba trăm đoàn và hàng ngàn người đã đỗ đạt được đảm nhận việc đi sứ và đón sứ. Tìm hiểu những việc trong khi đi sứ và những thành công của những con người đó đã đem lại niềm vui hiểu biết thêm lịch sử dân tộc trong mối quan hệ với các nước láng giềng, trong việc giữ nước, bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc, đồng thời cũng tăng thêm niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước, biết ơn tiền nhân, học hỏi để áp dụng trong thời đại ngày nay đang đầy biến động và toàn cầu hoá mọi hoạt động.

Chuyện đi sứ, tiếp sứ thời xưa ra đời trong hoàn cảnh đó. Nó được sưu tầm và biên soạn dựa trên các sách sử chính thức như Đại Việt sử kí toàn thư, Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục, Lịch triều hiến

https://tieulun.hopto.org

chương loại chí, Kiến văn tiểu lục... một số sách như Việt sử lược, An Nam chí lược, một số nhà nghiên cứu về tác giả như Lê Quý Đôn, Phan Huy ích, Ngô Thì Nhậm, Quang Trung... vì vậy những mẩu chuyện ghi lại trong sách đều mang tính lịch sử chân thật, góp phần dựng lại một phần nào những vấn đề bang giao trong quá khứ giữa nước ta và các nước lân bang. Một số bài thơ trong các tập thơ đi sứ, một vài cuốn nhật ký, một vài bản tường thuật, báo cáo viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong những lần đi sứ ở thế kỷ 18 và 19, đã được dịch ra chữ quốc ngữ, được trích đăng sẽ là những trang viết hết sức chân thật và sống động của chính những người đi làm nhiệm vụ. Như tên sách đã nêu, cuốn sách chỉ giới hạn trong các sự việc về đi sứ và đón sứ, không nêu các việc khác trong cuộc đời của người đã đi sứ hay đón sứ. Những sự việc, mẩu chuyện không được ghi trong các sách sử chính thức, chỉ thấy trong các truyện kể, dã sử hay giai thoại... đều được ghi mở đầu bằng chữ "tương truyền" hay "truyện kể" để bạn đọc thấy được tính chân thật của các chuyện đó chỉ có mức độ.

Trong hàng ngàn người đi sứ và hàng trăm lần đón sứ, cuốn sách mới chỉ ghi được rất ít chuyện, điều đó phụ thuộc chủ yếu vào nguồn tư liệu sưu tầm còn thiếu thốn và gặp rất nhiều khó khăn. Những chuyện về việc bang giao với các nước lân bang phía nam và phía tây như Chiêm Thành, Chân Lạp, Bồn Man, Ai Lao, Vạn Tượng, Lão Qua, Đại Lý, Miến Điện, Trảo Oa, Mã Lai... và nhiều chuyện bang giao dưới triều Nguyễn với nhà Thanh và các nước phương Tây nữa sẽ xin được tiếp tục ra mắt bạn đọc trong một tập tiếp theo, mong bạn đọc thông cảm.

Hoàn thành việc sưu tầm và biên soạn để cuốn sách đến tay bạn đọc hôm nay, điều trước tiên tác giả xin được nói đến lòng biết ơn đối với các nhà nghiên cứu đã đi trước khai phá. Cuốn sách với những sự việc và mẩu chuyện chân thật giúp ích được gì cho bạn đọc từ những bài học lịch sử của ông cha ta trong việc bang giao để giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc tuỳ theo góc độ nhìn nhận và hiểu biết, vị trí công tác của mỗi người, chính là do những việc làm của tiền nhân còn lưu lại. Những thiếu sót của cuốn sách là do người biên soạn trình độ còn hạn chế, mong được tận tình chỉ bảo, xin hết sức cảm tạ.

NGUYỄN THẾ LONG

https://tieulun.hopto.org

Chương I
MẤY NÉT CHUNG

https://tieulun.hopto.org

1. MẤY NÉT CHUNG

Nói đến chuyện đi sứ tiếp sứ thời xưa có nghĩa là chúng ta đã đề cập đến mối quan hệ ngoại giao giữa nước ta và các nước lân bang. Mối quan hệ đó chỉ có thể xuất hiện từ khi nước ta giành được nền độc lập và chấm dứt (hoặc chỉ còn là hình thức) khi đất nước đã bị làm nô lệ cho ngoại bang.

Với cuộc khởi nghĩa năm 544, Lý Bôn lập ra nước Vạn Xuân và lên ngôi Hoàng đế, nước ta đã trở thành một nước độc lập. Tiếp sau đó là cuộc chiến đấu của Triệu Quang Phục, cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ giành lại quyền tự chủ cho đất nước, rồi đến Ngô Quyền chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 mở ra một kỷ nguyên độc lập cho đất nước. Từ đó mối bang giao chính thức giữa nước Việt Nam độc lập với các nước lân bang đã được mở mang trong gần ngàn năm. Cho đến cuối thế kỷ XIX khi thực dân Pháp xâm lược, bắt triều đình nhà Nguyễn lần lượt ký các hiệp định đầu hàng nhục nhã, thì từ năm 1884 trở đi triều đình nhà Nguyễn chỉ còn là một ổ bù nhìn nhơ nhớp, không còn quyền tự chủ về ngoại giao nữa, mọi việc giao dịch với các nước ngoài đều do thực dân làm thay cả.

Trong **Lịch triều hiến chương loại chí**, Phan Huy Chú đã viết: "*Trong việc trị nước, hoà hiếu với nước láng giềng là việc lớn, mà những khi ứng thù lại rất quan hệ, cho nên nghĩa tu hiếu (việc giao hiếu) chép ở* Kinh Xuân Thu, *đạo giao lân (giao thiệp với các nước láng giềng) chép ở* Hiền truyện *(sách* Mạnh Tử*), chính là đem lòng tin thực mà kết giao, người có quyền trị nước phải nên cẩn thận*". Lời nhận định ấy đã được đúc kết từ khi nước ta trở thành một nước độc lập và giao hiếu với các nước láng giềng. Thiết nghĩ cũng là một chân lý lịch sử mà dân tộc ta mãi mãi cần tuân theo.

Việt Nam là một bán đảo vùng Đông Nam Á, ba mặt tây, nam, bắc đều giáp với các nước lân bang, nhưng trong lịch sử thì

https://tieulun.hopto.org

mối giao hiếu với phương Bắc vẫn là chủ yếu. Nhà nước phương Bắc đã sớm hình thành trong lịch sử. Từ thời Hạ, Thương, Chu; từ trước công nguyên đã thành một đế chế rộng lớn là nước Trung Quốc; đã kết hợp chặt chẽ quan hệ nô lệ và quan hệ phong kiến trong việc thống trị tàn bạo nhân dân trong nước và mở rộng đất đai ra bên ngoài. Được soi sáng bởi học thuyết Khổng Mạnh, với tư tưởng **Thiên mệnh**, những người cầm đầu Nhà nước đó tự coi là **Thiên tử** và coi triều đại của họ là **Thiên triều**, họ tự xem mình là giữa của vũ trụ (Trung Quốc), xem dân tộc mình là tinh hoa (**Hoa**), là lớn mạnh nhất (**Hạ**). Hoa Hạ làm chủ Trung Quốc, còn các nước xung quanh là **Nhung, Di, Man, Địch**. Lấy **Bình thiên hạ** làm đích, các "con trời" luôn tự cho mình thay mặt trời để mở rộng việc giáo hoá bằng các cuộc viễn chinh xâm chiếm đất đai của các nước láng giềng, nhằm áp đặt chính giáo Trung Quốc, đồng hoá các dân tộc. Trong lịch sử, người Hoa Hạ đã chinh phục nước Văn Lang của các vua Hùng, thiết lập chế độ quận huyện để đô hộ và mưu mô đồng hoá nước ta trong gần ngàn năm.

Trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt như vậy nên sau khi đã giành được độc lập việc bang giao giữa nước ta và Trung Quốc có một tầm quan trọng đặc biệt và đã chiếm một vị trí chủ yếu trong lịch sử ngoại giao của nước ta. Giành lại được nền độc lập, xây dựng vương triều Đại Việt, nhưng chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Trung Hoa, vẫn lấy chữ Hán làm văn tự chính thức, học thuyết Khổng Mạnh làm hệ tư tưởng với cốt lõi là Thiên mệnh, trong đó Thiên tử thay mặt trời và cai trị thứ dân, thống trị các chư hầu và thuộc quốc. Việc tôn thờ Thiên triều của các vương triều Việt Nam được thể hiện ở chỗ xin thần phục, triều cống. Đây là một dạng quan hệ đặc biệt giữa các nước nhỏ với nước lớn trong chế độ phong kiến ở phương Đông. Quan hệ thần phục ấy cũng có nhiều mức độ, từ chỗ chỉ được công nhận là người đứng đầu một quận huyện đến chỗ được công nhận là một phiên thuộc chỉ được giao dịch với các quan vùng biên, đến chỗ được đứng vào hàng chư hầu, triều hội nơi

https://tieulun.hopto.org

nhà Minh Đường, có mặt trong các buổi dâng lễ, chúc tụng; được coi là đứng đầu một nước, được công nhận là quốc vương, quá trình đó không phải là điều đơn giản mà quốc gia nào cũng có thể nhận được từ Thiên triều.

Việc xin thần phục Thiên triều được biểu hiện trong việc triều cống các sản vật địa phương như lông chim trĩ, voi và ngà voi, tê giác và sừng tê, trầm hương, tốc hương, kỳ nam, vải vóc, tơ lụa, người (như thợ khéo tay, thầy tu, thầy bói...) và sau nữa là vàng bạc, châu báu, ngọc trai... Việc đài tải những sản vật đem cống đó nhiều khi rất vất vả, tốn kém, phải dùng đến hàng trăm người. Việc triều cống đó được Thiên triều quy định theo lệ 3 năm một lần phải sang nộp cống nhưng từ khi Trung Hoa chuyển kinh đô lên Yên Kinh (Bắc Kinh) việc đi lại quá xa xôi, thì từ thế kỷ 17 việc triều cống được định là 6 năm một lần, nhưng vẫn phải mang hai lễ cống. Cùng với việc triều cống là việc xin phong vương. Việc xin phong vương của các triều đại phong kiến Việt Nam cũng trải qua nhiều khó khăn, không phải là ngay từ đầu đã được phong vương ngay. Việc phong vương cho các vua Việt Nam có ý nghĩa khẳng định tính chất chính thức của một người đã được Thiên triều đồng ý công nhận, chính danh định vị, khẳng định tính hợp pháp của một triều đại hay một ông vua, nhất là khi có sự thay đổi từ triều đại nọ sang triều đại kia. Việc nhận phong vương do Thiên triều ban cho vua Việt Nam cũng còn ý nghĩa khẳng định sự hợp pháp của triều đại đó đối với Thiên triều, Thiên triều có nghĩa vụ bảo vệ an ninh, toàn vẹn lãnh thổ cho quốc gia được phong vương, không thể vô cớ tự đem quân sang xâm chiếm, trừ trường hợp nếu nước đó trái đạo trời. Tuy bề ngoài nhận phong vương, được Thiên triều gọi là AN NAM QUỐC VƯƠNG, ban cho sắc phong và ấn vàng (hoặc bạc mạ vàng), tượng trưng cho quyền lực của Thiên triều, nhưng những thứ đó luôn được cất kỹ, ấn Thiên triều thì chỉ dùng trong các công văn, thư, biểu dâng lên với các quan lại Trung Hoa và Thiên tử, còn trong nước Việt Nam thì các vua vẫn xưng là hoàng đế và dùng ấn

https://tieulun.hopto.org

riêng theo tên hiệu của vua.

Trong việc phong vương, vua Trung Hoa cử các sứ thần là các Thượng thư trong triều hoặc các quan lớn như tổng đốc, tuần phủ cai trị các tỉnh biên giới mang sắc phong và ấn sang. Việc đón tiếp các sứ thần Trung Hoa sang phong vương đã diễn ra theo các nghi lễ quan trọng đặc biệt. Theo học thuyết Khổng Mạnh thì chữ Lễ có vai trò là đầu mối của mọi quan hệ trong xã hội. Trong các sách của Khổng Tử có cả một quyển gọi là *Kinh Lễ*, gồm 17 chương ghi chép lại các nghi lễ từ thời Xuân Thu, Chiến Quốc mà các chư hầu và Thiên triều phải tuân theo. Tuân theo những nghi lễ đó chính là tuân theo mệnh Trời, phục tùng Trời mà trong tâm trí mỗi người dân phương Đông, nhất là những nhà Nho phải lấy Lễ làm đạo và lẽ sống. Nghi lễ tế trời đất, nghi lễ giữa Thiên triều và chư hầu, giữa vua và bầy tôi, giữa các hạng người đều là quy định bắt buộc mọi người phải tuân theo. Trong việc đón tiếp sứ thần Trung Hoa sang phong vương, các vua Việt Nam phải tuân theo những nghi lễ quy định bởi các Bộ luật lễ như "Đại Minh tập lễ", "Đại Thanh tập lễ". Trong lịch sử đón tiếp các sứ thần, xung quanh việc thực hiện các nghi lễ quy định từ lối đi cửa nào, việc đón tiếp ra sao, việc vái lạy bao nhiêu, như thế nào, ở đâu... cũng đã có biết bao lần tranh cãi. Do đó việc đón tiếp các sứ thần Trung Hoa cũng được triều đình hết sức chú ý và giao cho các quan cao cấp, như Thượng thư, các sứ thần đã từng đi sứ, có tài ứng đối trông coi việc thù tiếp. Các nghi thức ấy được Phan Huy Chú ghi lại rất đầy đủ trong **Bang giao chí** của **Lịch triều hiến chương loại chí**, có thể làm cho người đọc ngày nay thấy rất phiền toái, nhưng đó chính là những quy định trong văn bản bắt buộc thi hành.

Cũng chính là do hoàn cảnh bang giao với Thiên triều đặc biệt như trên nên chúng ta cũng không lấy làm lạ trong các bài biểu, trần tình, thư, công văn phúc đáp, triều đình Việt Nam và các sứ thần thường dùng những lời lẽ hết sức nhún nhường, khiêm tốn, hạ mình, tâng bốc sự sáng suốt của các Thiên triều.

https://tieulun.hopto.org

các quý quan thượng quốc. Tuy hết sức nhún nhường nhưng bao giờ các văn biểu cũng giữ vững nguyên tắc là bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc, khước từ mọi yêu sách vô lý làm hại đến quốc thể. Có thể thấy rõ những văn biểu điển hình ấy trong các văn thư đời Trần, và đời Tây Sơn. Đó cũng là sách lược ngoại giao của một nước nhỏ đối với nước lớn để giữ gìn an ninh hoà bình, tránh xung đột chiến tranh cho quốc gia.

Việc cử các sứ sang Trung Hoa ngoài mục đích triều cống, xin phong vương, còn có các mục đích khác nữa như sang mừng vua mới lên ngôi, mừng việc phong hoàng thái tử, tạ ơn vua Trung Hoa đã ban cho mũ áo, lịch, tạ ơn việc phong vương, xin kinh phật, sách... Ngoài ra phải kể đến các sứ bộ Việt Nam sang để điều đình về việc các biên thần của Thiên triều lấn chiếm đất đai vùng biên giới của nước ta rồi đổi tên các vùng đất đó mưu sáp nhập vào đất đai của Thiên triều, hoặc xin hoãn binh, hoặc giải quyết hậu quả chiến tranh giữa hai nước. Qua đó ta thấy việc đi sứ quan trọng như thế nào đối với vận mệnh của quốc gia. Vì vậy những người được cử đi sứ đều là những quan lại tài giỏi. Trong thời kỳ Hậu Lê đó hầu hết là những người đã đỗ đại khoa, nhiều người là Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa, là những nhà văn hoá lớn có tên tuổi. "Đem chuông đi đấm nước người", những sứ thần Việt Nam là đại diện cho một quốc gia văn hiến đã "cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương", luôn chứng tỏ cho các Thiên triều biết nước ta cũng là một nước văn hiến không kém gì thượng quốc; xoá bỏ cái thói quen của các "con trời" quen gọi nước Việt Nam là Man Di. Ngay từ thời còn đi học nơi "cửa Khổng, sân Trình", những người được cử đi sứ đã học thuộc lòng những câu trong *Luận ngữ*: "Sứ ư tứ phương bất nhục quân mệnh, khả vị sĩ hĩ". Nghĩa là: "Kẻ sĩ đi sứ bốn phương, không làm nhục mệnh vua, được như thế mới gọi là kẻ sĩ". Và "Sĩ ư tứ phương, bất năng chuyên đối, tuy đã diệc hề dĩ vi". Nghĩa là: "Đi sứ bốn phương, tự mình không có tài ứng đối, thì học nhiều mà làm gì". Lê Quý Đôn được cử làm Phó sứ đi năm

https://tieulun.hopto.org

1760 nhớ lại ngay từ khi lên tám chín tuổi đã từng học thuộc lòng những câu đó do người cha là Lê Trung Thứ dạy. Không làm nhục mệnh vua, giữ gìn được quốc thể đòi hỏi sứ thần phải tinh thông lịch sử, tài năng mẫn tiệp, ứng đối nhanh trí, thông minh. Lịch sử còn ghi lại tài ứng đối của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi với quan lại triều Nguyên trong bao nhiêu việc, đến mức độ lưu truyền trong nước và ông được phong: "Lưỡng quốc Trạng nguyên". Lê Quý Đôn đi sứ đã làm cho quan nhà Thanh phải hết lời khen ngợi, kính phục mà nói rằng: "Nhân tài nước Nam như Lê tiên sinh thì ngay cả Trung Hoa cũng chỉ có đến 1, 2 người". Không những thế, với học vấn uyên bác, lịch lãm, Lê Quý Đôn còn làm cho cả sứ thần nước láng giềng như Lưu Cầu, Triều Tiên phải kính phục. Ông lại xây đắp thêm tình hữu nghị giữa hai nước với việc giới thiệu nền văn hiến nước nhà.

Một phẩm chất nữa tiêu biểu cho các sứ thần Việt Nam, những nhà văn hoá, là phải biết làm thơ. Làm thơ thù tiếp các quan lại địa phương ra đón; làm thơ thù phụ với các quan sứ trong triều; làm thơ mừng chúc thọ vua; làm thơ khi đón tiếp sứ thần nước ngoài đến kinh đô phong vương; làm thơ tiễn biệt... Việc làm thơ tuy không bắt buộc nhưng lại là một biểu hiện của thần dân một nước có văn hiến. Chính một sứ thần Trung Hoa là Tiền Phổ sang phong vương cho Lê Thánh Tông năm 1462 đã yêu cầu khi tiếp đón sứ phải biết làm thơ để bộc lộ cái trí cho người khác biết. Về việc làm thơ của các sứ thần thì có lẽ không lấy gì làm khó khăn vì người nào ngày xưa cắp sách đi học mà không biết làm thơ, huống chi những sứ thần đều là người đã đỗ đạt trung, đại khoa. Làm thơ tưởng như là chuyện thong thả vui chơi, hàn huyên tâm sự, nhưng đối với các sứ thần thì quả thật không phải là chuyện chơi. Trong dân gian ta thường có câu nói: "Miếng trầu là đầu câu chuyện", còn trong việc bang giao giữa các sứ thần ngày xưa thì bài thơ cũng có thể coi như mở đầu cho việc giao dịch bàn bạc. Phùng Khắc Khoan sang Yên Kinh cầu phong vương cho vua Lê Thế Tông năm 1597, đã bị để nằm ở công quán 4, 5 tháng trời, không được

https://tieulun.hopto.org

dâng biểu. Nhân dịp vua Minh Thần Tông mừng thọ 80 tuổi, ông đã làm 31 bài thơ chúc thọ trong tập **Vạn thọ vô cương** dâng lên, đến được tay vua Minh xem, được khen là "trung hậu" và sau đó đã nhận biểu phong cho vua Lê. Đường lối ngoại giao bằng văn chương thơ ca thì từ đời Lê, sứ thần Phùng Khắc Khoan lúc đi sứ đã dùng.

Bên cạnh tài năng văn hoá sâu rộng tiêu biểu cho nền văn hiến quốc gia các sứ thần Việt Nam còn có dũng khí, can đảm, bất khuất, không sợ chết trước mặt đối phương, bao nhiêu sứ thần Việt Nam sang sứ Trung Hoa đã bị giữ lại: Đào Tử Kỳ bị giam ở Giang Lảng một năm, Trịnh Đình Toản, Nguyễn Nghĩa Toàn và 34 hành nhân đã bị nhà Nguyên giam giữ, lâu hơn cả là Lê Quang Bí bị giam cầm đến 18 năm mới được tha về. Ngô Tử Can đi sứ Chiêm Thành cũng bị giữ lại. Hơn thế nữa, có sứ thần còn bị giết hại như Nguyễn Nhật Tư và Lê Ngân sang cầu phong cho Trần Quý Khoáng vào năm 1411 đã bị vua Minh giết hại, Nguyễn Biểu đã bị tướng Minh thử thách tinh thần bằng cách dọn cho ăn cỗ là đầu của một người Việt Nam đã bị chúng giết rồi sau đó đem trói dưới chân cầu cho nước dâng lên dìm chết.

Không những phải có dũng khí trước mặt đối phương, các sứ thần Việt Nam còn phải vượt qua bao nhiêu gian khổ trên đường đi sứ. Phải vượt hàng vạn ki-lô-mét đường bộ, đường thuỷ, khi đi xe ngựa, khi đi thuyền với thời gian cả đi và về kéo dài đến gần hai năm, khi nắng gió, khi tuyết rơi lạnh buốt, khi đắm thuyền, khi mưa dột không chỗ che thân, khi bị mất trộm cả tư trang lẫn đồ triều phục, ốm đau bệnh tật phải bỏ xác nơi đất khách quê người. Chỉ kể sơ qua những sứ thần có tên tuổi, chưa kể đến các hành nhân, tuỳ tùng như Phạm Mưu bị chết trên đường đi sứ Nguyên năm 1295, Doãn Bang Hiến chết năm 1322, Phó sứ Phan Ninh, hành nhân Nguyễn Cát Phu cùng 7 nhân viên trong sứ bộ trong khi đi sứ Minh đều bị bệnh dịch chết năm 1435, Phạm Quang Tiến chết trên đường đi sứ đời Mạc năm 1530, Bùi Bỉnh Quân chết năm 1632 trên đường đi sứ nhà Minh, Đinh Nho Hoàn chết năm 1821 trên đường đi sứ nhà

https://tieulun.hopto.org

Thanh dưới triều Nguyễn... còn các hành nhân thì không kể xiết và không được ghi chép.

Trong *Nhật ký đi sứ phương Bắc* của Phạm Hy Lượng năm 1870 cũng đã ghi lại có 3 hành nhân chết trên đường đi về. *Nhật ký sang Pháp* của Phan Thanh Giản năm 1863 cũng ghi có hai người phục vụ trong đoàn chết, một thì chôn ở vùng Aden, một thì vất xác xuống biển. Còn biết bao nhiêu gian khổ vất vả nữa trên đoạn đường dài hàng vạn ki-lô-mét mà sử sách cũng đã không ghi lại...

Nhìn lại chuyện đi sứ và tiếp sứ trong lịch sử bang giao của nước nhà, không ai trong chúng ta không nhận thấy hai thời kỳ vẻ vang nhất trong mối quan hệ Thiên triều là vào đời Trần và đời Tây Sơn. Các vua Trần đã bác bỏ các yêu cầu lố xược của quân Nguyên - Mông trong những văn bản ngoại giao và các lần đi sứ, kiên quyết không để chúng ép bắt các vua Trần phải sang chầu, phải nộp lương thực, phải cho mượn đường đi đánh Chiêm Thành... thực chất là để chiếm đóng nước ta. Dưới thời Tây Sơn, thắng lợi ngoại giao đối với nhà Thanh là cực kỳ vẻ vang. Vua quan nhà Thanh đã hoàn toàn phải tuân theo những đề nghị ngoại giao của vua Quang Trung trong việc giảng hoà, rút quân, phong vương. Những sứ thần Việt Nam như Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích, Đoàn Nguyên Tuấn, Võ Huy Tấn... và nổi bật hơn cả là Ngô Thì Nhậm là những người đã viết nên trang sử ngoại giao oanh liệt rực rỡ đó. Chưa bao giờ trong lịch sử, vua Càn Long kiêu hãnh với các chiến công ở các nơi lại cho vẽ tranh sứ bộ Nguyễn Quang Hiển là cháu vua Quang Trung và tự tay đề thơ cho bức vẽ cảnh đón tiếp sứ bộ Ngô Quang Hiển. Phan Huy Ích được họa thơ cùng với vua Càn Long, đến nỗi sứ thần Đoàn Nguyên Tuấn đã phải thốt lên: "Chưa bao giờ việc đi sứ lại lạ lùng và vẻ vang như thế". Những chuyến đi sứ thành công vẻ vang như thế khiến ta nghĩ tới câu nói của một nhà quân sự Đức ngày xưa là "ngoại giao là tiếp nối của quân sự". Phải, chỉ có chiến thắng giữ vững được độc lập thì những lời nói của các sứ thần mới được đối phương tôn trọng.

https://tieulun.hopto.org

Ngoài những việc chung của triều đình, quốc gia, trên đường đi sứ, các sứ thần cũng có những nỗi niềm riêng, đó là nỗi nhớ nhà, nhớ đất nước quê hương, đó là những cảm xúc trữ tình khi đi qua những nơi di tích lịch sử danh thắng trên đất nước Trung Hoa mà mỗi bước đi là cảm xúc liên tưởng đến những trang sử đã học lại trào dâng. Hàng trăm sứ thần đã viết bao tập thơ trên đường đi sứ. Nổi bật trên hết trong những vần thơ trữ tình ấy vẫn là niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn chứa chan. Tập **Thơ đi sứ** do Phạm Thiều và Đào Phương Bình chủ biên đã phần nào nói lên được những tình cảm chân thành thiết tha đó.

Một sự thật không thể bỏ qua được là do việc đi sứ và tiếp sứ có phần quan trọng trong đời sống xã hội trước đây, nên với ý thức tự hào dân tộc, trong dân gian đã có nhiều Trạng ghi lại các giai thoại đối đáp với sứ Tầu như truyện Trạng Quỳnh, truyện Trạng Lợn, từ câu chuyện sư Pháp Thuận, năm 987, giả làm lái đò đọc thơ đối đáp với sứ thần Lý Giác đến câu chuyện Trạng Quỳnh đọc câu đối lại: "Vũ quá Bắc Hải" để đối với: "Lôi động Nam bang" của sứ Tầu đọc khi qua sông; từ chuyện Nguyễn Trung Ngạn, năm 1342, đã tranh luận buộc sứ thần nhà Nguyên là Mã Hợp Mưu phải xuống ngựa qua cầu, đi bộ bưng chiếu chỉ của vua Nguyên vào trong điện, đến chuyện Trạng Quỳnh cầm cán quạt, gõ lên đầu sứ Tầu rồi chửi tục để sứ mắc mưu, phải qua cổng phụ vào thành... chỉ là những khoảng cách rất gần với sự thật. Trạng Lợn giải các trò đố của sứ Tầu, đối lại các câu đối, chiết tự các chữ, làm cho sứ Tầu phải thua cờ... có thể đều đã được bắt nguồn từ các chuyện của các sứ thần nước ta đã đi sứ ngày xưa. Để ca ngợi những sứ thần tài giỏi, giữ gìn quốc thể, làm vẻ vang cho dân tộc trong những lần đi sứ, nhân dân ta thường gọi là: "Lưỡng quốc Trạng nguyên", chuyện đó có lẽ cũng chỉ là giai thoại đặt ra nhân một lần nào đó vua Bắc triều đã khen một chánh sứ đỗ Trạng nguyên của nước ta mà thôi.

Một chuyện nữa mà chúng ta không thể không nhắc tới là

https://tieulun.hopto.org

vai trò của các sứ thần trong việc tiếp thu và phổ biến những kỹ thuật học tập được trong khi đi sứ nước ngoài. "Đi một ngày đàng học một sàng khôn", trong nhiều chuyến đi sứ, một số sứ thần đã chú ý học nghề, tìm hiểu các bí mật nghề nghiệp, kỹ thuật cao, để mang về nước, truyền ba trong dân làng, như nghề dệt lượt, nghề dệt chiếu cói, nghề thêu, nghề làm lọng, nghề vẽ sơn, nghề in, nghề chạm khắc gỗ, khắc đá, nghề chụp ảnh, kỹ thuật dùng xe trâu dưới nước ruộng thay cho sức người... Việc mang những hạt giống như ngô, đỗ tương, các cây thuốc vào nước ta đều có vai trò của các sứ thần. Nhiều người có công lao phổ biến đã được tôn thờ là tổ sư nghề và được thờ là thần. Đến đầu thế kỷ XIX, khi nền văn minh công nghiệp trên thế giới phát triển, một số ít sứ thần khi được tiếp xúc với các nước xung quanh và phương Tây, đã nhìn thấy sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật các nước đó, đã có những tâu trình và đề nghị học tập, nhưng tiếc thay tiếng nói của những sứ thần này không được các vua triều Nguyễn chú ý nghe theo, đất nước vẫn chìm đắm trong bảo thủ, trì trệ và lạc hậu, ở đây ta có thể thấy là con mắt nhìn và cái đầu suy nghĩ của các sứ thần trong sự phát triển nhanh chóng của thế giới, cùng với trách nhiệm và dũng khí của họ có tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển sống còn của mỗi quốc gia. Ngày xưa cũng như ngày nay, bài học của ông cha ta vẫn còn đó.

2. VIỆC PHONG VƯƠNG CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN VIỆT NAM

Phan Huy Chú có viết trong **Lịch triều hiến chương loại chí:** "Nước ta thời Hùng Vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc, nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu triều hội ở nhà Minh Đường. Rồi bị Triệu Đà kiêm tính, nhà Hán phong Đà làm Nam Việt Vương, chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc, chứ chưa được nêu là một nước. Đến sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường bèn thành lập quận huyện (của Trung

https://tieulun.hopto.org

Quốc). Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục nền nước bờ cõi, bấy giờ diễn lễ sắc phong của Trung Quốc mới nhận cho đứng riêng là một nước."

Việc xin phong vương của các triều đình phong kiến nước ta có từ khi giành lại được nước từ thế kỷ thứ 10 với Ngô Quyền, qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Gia Long, chấm dứt sau đời vua Tự Đức nhà Nguyễn khi thực dân Pháp xâm lược và biến nước ta thành thuộc địa, chịu sự cai trị của chúng và gạt hẳn ảnh hưởng của phong kiến Trung Hoa từ hàng ngàn năm. Việc xin phong vương cũng như việc triều cống theo quy định là những việc đặc biệt trong quan hệ ngoại giao giữa nước ta, một nước nhỏ vừa thoát khỏi ách thống trị của phong kiến Trung Hoa, với các triều đại phong kiến Trung Hoa, nhằm xác nhập ảnh hưởng "Thiên Triều" với các nước nhỏ xung quanh, và cũng là để duy trì mối quan hệ hữu nghị trên cơ sở của một học thuyết Khổng Mạnh mà giai cấp phong kiến Việt Nam khi vừa giành được chính quyền trong tay là nhằm một sự công nhận chính thức về phương diện ngoại giao để tạo một "chính danh" theo Khổng giáo, "danh chính ngôn thuận", với lòng người trong nước, trong đó có các quan lại sĩ phu đã theo đòi và chịu ảnh hưởng của Nho giáo và đã làm quan với triều đại trước cũng như nhằm thuyết phục các thổ tỳ, các nước nhỏ lân bang lại chịu ảnh hưởng của nước lớn hơn, là Việt Nam. Có thể nói đây là một mối quan hệ đặc biệt giữa các quốc gia phong kiến ở phương Đông trong thời kỳ xã hội dưới chế độ phong kiến và cũng là của nhiều nước khác, chịu ảnh hưởng và phụ thuộc đến mức độ nào đó vào một nước lớn.

Việc phong vương của Thiên triều cho vua Nam được thể hiện trong việc Thiên triều cử một sứ bộ mang theo sắc phong và ấn vàng hay bạc, ghi rõ chức ban cho vua Nam, đến kinh đô và được diễn ra trong một buổi lễ hết sức long trọng. Sắc phong và ấn tín do Thiên triều ban là dấu hiệu của sự chính thống,

https://tieulun.hopto.org

biểu thị sự thừa nhận chính thức của vua Trung Hoa cho vua đang trị vì ở Việt Nam. Việc thừa nhận này cũng có ý nghĩa đảm bảo an ninh quốc gia cho Việt Nam, bao hàm ý rằng Trung Hoa cam kết không tấn công một nước đã thần phục trừ khi có những thay đổi đặc biệt.

Về phía các vua Việt Nam nhận phong vương đều coi đây là một thủ tục đơn thuần để giữ gìn hoà bình đối với một nước láng giềng to lớn đã nhiều lần đem quân sang xâm lược Việt Nam. Tuy đối ngoại thì nhận phong vương nhưng bên trong thì vẫn xưng đế, tự gọi là hoàng đế, ý muốn khẳng định nền độc lập của một quốc gia, ngang hàng với Thiên triều. Dưới triều Lê trong các biểu xin phong vương, các vua Lê đều lấy tên khác và dùng tên đó trong các giấy tờ giao dịch với Thiên triều, điều ấy cũng chứng tỏ cái tên trong giấy tờ chịu nhận tước vương, còn tên hiệu chính thức xưng với người trong nước vẫn là hoàng đế. Các vua Việt Nam luôn có ý thức này, trong quan hệ với Trung Hoa, họ luôn coi đây là quan hệ giữa hai nước cùng cấp, đã dùng thuật ngữ "bang giao", "Nam triều", "Bắc triều", mọi công việc vẫn giải quyết hoàn toàn độc lập tự chủ, không chịu phụ thuộc vào ý kiến của Thiên triều. Hơn thế nữa, các triều đại Việt Nam khi hưng thịnh đều tự coi mình là thượng quốc và các nước nhỏ xung quanh như Chiêm Thành, Hoả Xá, Thuỷ Xá, Cao Miên, Vạn Tượng đều phải tỏ dấu hiệu thần phục. Chứng cứ là năm 1815 vua Gia Long công bố 13 nước mà vua coi là chư hầu.

Xét vậy, việc phong vương của Trung Hoa đối với các vua Việt Nam, tuy chỉ là một nghi thức thông thường nhưng có ý nghĩa khá quan trọng, không những không ảnh hưởng đến tính chất độc lập của nước Việt Nam trong đối ngoại và đối nội, lại còn là việc bảo đảm công nhận độc lập, hoà bình cho nước Việt Nam.

Tuy vậy, việc phong vương cũng không đơn giản. Không phải vua Việt Nam nào cũng được phong vương ngay, nhất là khi xã hội Việt Nam trước đây có những biến động: lúc quyền lực dòng họ này chuyển sang dòng họ khác vì xung đột hoặc sau những lần chiến thắng Thiên triều xâm lược, giết hại quân lính

https://tieulun.hopto.org

và tướng tá của Thiên triều, làm cho Thiên triều mất mặt với các nước nhỏ khác xung quanh...

Về phía các vua Việt Nam trước đây, ở một mức độ nào đó, cần đến việc Thiên triều phong vương như trên đã nói, nên xung quanh việc xin phong vương cũng đã có sách lược mềm dẻo thích hợp. Đó chính là những cuộc đấu tranh trên phương diện ngoại giao, trước hết là đấu lí, biểu lộ chính nghĩa. Những cuộc đấu lí này đều dựa trên cơ sở của học thuyết Khổng - Mạnh về Thiên tử và chư hầu, nước nhỏ và nước lớn, vua và bầy tôi. Mục tiêu quan trọng của việc đi sứ của các sứ thần Việt Nam trước đây là phải thực hiện được lệnh vua của mình là thuyết phục sao cho vua Trung Hoa phải chịu phong vương. Vì vậy xung quanh việc sang xin phong vương và sứ thần Trung Hoa sang phong vương, để giữ gìn quốc thể, cuộc đấu tranh xung quanh các nghi thức cũng không đơn giản và đã có biết bao nhiêu chuyện, thực có, giai thoại có, trong lịch sử ngàn năm của các triều đại...

Ngô Quyền sau khi đánh tan quân Nam Hán giành lại nền độc lập cho đất nước vào năm 938, đã xưng vương, lập hoàng hậu, đặt trăm quan, chế định triều nghiphẩm phục. Ngô Quyền chưa lên ngôi hoàng đế và đổi niên hiệu, cũng chưa sang xin phong vương. Mãi đến năm 954, con Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập, sau khi giành được ngôi vua từ Dương Tam Kha, và em là Xương Văn mới sai sứ sang vua Nam Hán là Lưu Xưởng xin phong vương, nhưng chỉ được phong cho làm TĨNH HẢI QUÂN TIẾT ĐỘ SỨ.

Năm 972 vua Đinh Tiên Hoàng sai con là Đinh Liễn sang Tống xin phong vương, Tống Thái Tổ phong cho làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG, phong cho Đinh Liễn làm KIỂM HIỆU THÁI SƯ TĨNH HẢI QUÂN TIẾT ĐỘ SỨ AN NAM ĐÔ HỘ.

Lời chế đại lược nói: "Nhà Đinh đời đời là họ đàn anh, giữ được cõi đất ở phương xa, có chí mộ phong hoá Trung Hoa, thường muốn nội phụ. Nay chín châu thống nhất, Ngũ Lĩnh lặng yên, bèn vượt biển trèo non, dâng nộp chức cống, ta khen ý

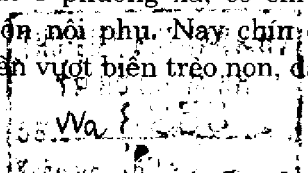

https://tieulun.hopto.org

tốt cho con sang xưng thần, mới cho cha được chia đất nhận phong, được giữ binh quyền, được thu thuế má. Để khen người đức tốt, sắc mệnh đâu có hẹp hòi" (LTHCLC -BGC).

Năm 975, phong cho Đinh Tiên Hoàng làm NAM VIỆT VƯƠNG và cho Đinh Liễn làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG.

Sau khi đoạt ngôi vua từ tay nhà Đinh (Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết, Vệ Vương Toàn còn nhỏ, 6 tuổi) Lê Hoàn lập ra nhà Lê (sử gọi là Tiền Lê). Lê Hoàn đã sai hai sứ thần là Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ sang xin vua Tống phong vương. Biểu viết: "Cha và anh thần (chỉ Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn) đều đội ơn thượng quốc, lạm mang trách nhiệm ở biên thuỳ, giữ gìn bờ cõi, đâu dám phi vi. Nhưng công đánh giặc chưa có mà vụt đã qua đời. Thần đương lúc nhà cửa sắp hư, áo tang chưa bỏ thì những quân dân tướng lại, các dòng họ phiên tù cùng các kỳ lão trong nước đến chỗ cử tang, xin thần tạm giữ việc quân, việc nước. Thần đã cố từ ba bốn lần nhưng họ cố nài ép mãi. Nếu đợi tâu xin lại sợ chậm trễ. Tục nơi rừng núi dữ tợn, dân nơi hang động tinh ranh, nếu không theo ý sợ sinh biến khác, cho nên thần đã tạm giữ chức TIẾT ĐỘ HÀNH QUẢN TƯ MÃ kiêm lĩnh việc quân trong châu. Cúi xin phong cho sắc mệnh, được kể vào hàng phiên thần để yên ủi tấm lòng tận trung của hạ thần và nêu được ân điển ban thưởng của đời thịnh trị...".

Vua Tống không nghe.

Chỉ sau khi đánh thắng cuộc xâm lược của nhà Tống vào năm 981 thì đến năm 985 vua Tống mới phong cho Lê Hoàn chức TIẾT TRẤN. Năm 986, vua Tống sai sứ sang phong cho Lê Đại Hành chức KIỂM HIỆU THÁI BẢO SỬ TRÌ TIẾT ĐÔ ĐỐC GIAO CHÂU CHƯ QUÂN SỰ, AN NAM ĐÔ HỘ, TĨNH HẢI QUÂN TIẾT ĐỘ SỨ, GIAO CHÂU QUẢN NỘI QUAN SÁT XỬ TRÍ ĐẲNG SỨ, KINH TRIỆU QUẬN HẦU.

Lời chế đại lược viết:

"Nay Quyền tri tam ti lưu hậu Lê Hoàn, tư chất vốn kiêm nghĩa dũng, bản tính trung hậu, thuận hoà, đã được lòng người

https://tieulun.hopto.org

trong nước. Lại giữ trọn nghĩa phiên thần. Trước đây Đinh Toàn tuổi còn thơ ấu, chưa biết trị dân, ngươi lấy ruột thịt tình thân, coi giữ quân đội, hiệu lệnh tự mình, uy ái đủ cả. Rồi thì *họ Đinh tự giải chức quyền* để theo ý muốn dân chúng. (Nay ngươi) tỏ lòng thành cầu lĩnh mao tiết... (Ngươi) vốn dòng giống, nên cho liệt vào chư hầu. Phải vỗ về bộ lạc, tuyên dương đức hoá nhà vua".

Năm 988 vua Tống phong cho làm KIỂM HIỆU THÁI UÝ

Năm 993 phong làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG.

Năm 997 phong làm NAM BÌNH VƯƠNG KIÊM THỊ TRUNG.

Như vậy là trong việc sắc phong, cho đến đời Lê các vua Trung Hoa mới chỉ phong cho vua nước Nam là GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG hay NAM BÌNH VƯƠNG, tức là người đứng đầu trông coi một huyện mà thôi và NAM BÌNH VƯƠNG là chức tước cao nhất.

Đến đời nhà Lý, năm 1010 phong cho Lý Thái Tổ chức KIỂM HIỆU THÁI PHÓ, TĨNH HẢI TIẾT ĐỘ SỨ QUAN SÁT SỨ, XỬ TRÍ SỨ, AN NAM ĐÔ HỘ, NGỰ SỬ ĐẠI PHU, THƯƠNG TRỤ QUỐC GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG, thực ấp 3000 hộ, thật phong 1000 hộ.

Sau thêm ĐỒNG BINH CHƯƠNG SỰ. Năm 1012 thêm KHAI PHỦ NGHỊ ĐỒNG TAM TI. Năm 1014 thêm BẢO TIẾT THỦ CHÍNH CÔNG THẦN. Năm 1018 thêm KIỂM HIỆU THÁI UÝ, năm 1022 thêm KIỂM HIỆU THÁI SƯ. Năm 1028 thêm THỊ TRUNG NAM VIỆT VƯƠNG.

Đến vua Lý Thái Tông, năm 1028 phong cho AN NAM ĐÔ HỘ GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG. Năm 1032 thêm ĐỒNG TRUNG THƯ MÔN HẠ BÌNH CHƯƠNG SỰ. Năm 1034 thêm KIỂM HIỆU THÁI SƯ, năm 1038 tiến NAM BÌNH VƯƠNG. Năm 1055 tặng THỊ TRUNG NAM VIỆT VƯƠNG.

Đến vua Lý Thánh Tông, năm 1055 ban KIỂM HIỆU THÁI UÝ TĨNH HẢI QUÂN ĐỘ TIẾT SỨ, AN NAM ĐÔ HỘ GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG. Năm 1064 thêm ĐỒNG TRUNG THƯ MÔN HẠ BÌNH CHƯƠNG SỰ. Năm 1068 tiến NAM BÌNH VƯƠNG.

https://tieulun.hopto.org

Đến vua Lý Nhân Tông, năm 1074 phong làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG. Năm 1086 phong làm NAM BÌNH VƯƠNG.

Đến vua Lý Thần Tông phong làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG.

Đến vua Lý Anh Tông, năm 1138 phong làm GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG. Năm 1175 đặc cách phong làm AN NAM QUỐC VƯƠNG.

Đến vua Lý Cao Tông, năm 1177 phong làm AN NAM QUỐC VƯƠNG.

Nhận xét về việc sắc phong cho các vua nước Nam, Phan Huy Chú viết:

"Nhà Đinh, nhà Lê khi mới dựng nước, cầu phong chỉ phong cho làm Kiểm hiệu Thái sư, GIAO CHỈ QUẬN VƯƠNG, lâu rồi mới được tiến lên NAM BÌNH VƯƠNG, đến khi chết mới được tặng THỊ TRUNG NAM VIỆT VƯƠNG. Các vua nhà Lý đều nối theo như thế cả. Đến Lý Anh Tông cầm chính quyền, việc bang giao đầy đủ ân cần, được vua nhà Tống khen ngợi, mới cho tên nước phong làm Chân vương. Về sau các triều nối nhà Tống nối lên tuy muốn làm cho nhỏ đi mà không thể đổi khác được. Nghi điển long trọng ít có, mấy trăm năm chưa từng thấy, cái công khởi xướng kể cũng là to".

Từ đó các triều đại Trung Hoa đều phải phong cho vua nước Nam là AN NAM QUỐC VƯƠNG, trừ một vài lần có thay đổi triều đại như các vua nhà Mạc không được nhà Minh phong vương mà chỉ phong là ĐÔ THỐNG SỨ TI.

Đời Trần, khi vua Mông Cổ đánh nhà Tống rồi đem quân sang xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257) bị thất bại, năm 1261 đã phong cho vua Trần Thánh Tông là AN NAM VƯƠNG. Lúc này nhà Tống chưa bị bại hẳn.

Sau đó suốt trong thời gian vua Nguyên nắm giữ quyền cai trị Trung Hoa không phong vương cho các vua Trần. Khi nhà Nguyên mất, Minh Thái Tổ lên ngôi, năm 1368 đã phong cho vua Trần Dụ Tông làm AN NAM QUỐC VƯƠNG, ban cho quả ấn núm hình lạc đà bằng bạc mạ vàng. Lại ban cho Lịch Đại Thống và 40 tấm vóc, sa, là hoa vàng.

https://tieulun.hopto.org

Đến đời nhà Hồ, năm 1403 Hồ Hán Thương sai sứ sang Minh xin cầu phong, vua Minh sai sứ đem sắc sang dụ các kỳ hào hỏi xem con cháu họ Trần có còn người thừa kế không, được nghe là không còn ai. Sứ Minh về tâu vua Minh phong cho Hồ Hán Thương làm AN NAM QUỐC VƯƠNG.

Đến đời nhà Lê (Hậu Lê) sau khi vua Lê Thái Tổ đánh tan quân Minh đã giả lập Trần Cảo làm vua (dòng dõi nhà Trần) để mau chóng chấm dứt chiến tranh với nhà Minh, sai sứ sang xin cầu phong cho Trần Cảo. Vua Minh phong cho Trần Cảo làm AN NAM QUỐC VƯƠNG. Năm 1428 vua Lê sai sứ sang báo tang Trần Cảo. Năm 1429 sai sứ sang xin phong vương. Vua Minh là Tuyên Đức sai sứ sang phong cho Lê Thái Tổ làm quyền thụ AN NAM QUỐC SỰ. Đến năm 1435 mới phong AN NAM QUỐC VƯƠNG.

Khi Mạc Đăng Dung đoạt ngôi vua nhà Lê năm 1527, không được vua Minh phong vương, đến năm 1540, khi cha con Mạc Đăng Dung mang biểu xin đầu hàng thì Minh Thế Tông mới tha tội và đổi nước An Nam thành An Nam Đô thống sứ ti và phong cho Đặng Dung làm ĐÔ THỐNG SỨ, ấn bạc nha môn tòng nhị phẩm, ấn khắc chữ: AN NAM ĐÔ THỐNG SỨ TI...

Đến đời Lê Trung Hưng, năm 1597, Lê Thế Tông sai sứ thần là Phùng Khắc Khoan sang xin phong Vương nhưng vua Minh vẫn theo lệ cũ (phong cho Vua Mạc) chỉ phong cho Vua Lê làm AN NAM ĐÔ THỐNG TI ĐÔ THỐNG SỨ và cho ấn bạc. Mãi đến năm 1646 mới phong cho Lê Thần Tông làm AN NAM QUỐC VƯƠNG, từ năm 1651 lại phong cho chúa Trịnh là PHÓ QUỐC VƯƠNG. Các vua sau đời Lê đều được phong làm AN NAM QUỐC VƯƠNG.

Từ đời Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Gia Long, các vua Thanh đều phong cho vua Nam làm AN NAM QUỐC VƯƠNG cả.

3. NGHI THỨC PHONG VƯƠNG

Trong trường hợp bình thường, không có sự thay đổi triều đại, khi trong nước Nam có vua qua đời, vua mới lên nối ngôi

https://tieulun.hopto.org

thì cử một sứ bộ sang Trung Quốc xin phong vương, một sứ bộ sang báo tang, hai sứ bộ do hai vị quan cấp cao đứng đầu riêng rẽ nhưng đi cùng trong một đoàn và sang cùng làm 2 việc trong một lượt.

Vua Trung Hoa sau khi tiếp nhận được biểu của vua Nam dâng lên cũng cử hai sứ bộ, một sang phong vương cho vua mới và một sang tế vua đã chết, họp thành một đoàn đi trong một lần, trong 2 vị chánh sứ của 2 sứ bộ có một người làm trưởng đoàn chung. Sứ thần Trung Hoa sang phong vương, có thể là các quan cấp cao trong triều đình như Thượng thư, Thị lang (như bộ trưởng, thứ trưởng) hoặc là các quan đầu tỉnh các tỉnh biên giới giáp ta như Tổng đốc Lưỡng Quảng hay Tuần phủ. Họ mang sắc phong của vua Trung Hoa sang ban cho vua Nam, nếu là một triều đại mới lên ngôi thì ban cả ấn vàng (có thể là bạc mạ vàng). Ấn mà vua Trung Quốc ban cho vua Nam tượng trưng cho quyền lực của Thiên triều đối với các chư hầu và biểu thị sự phục tùng tôn thờ của nước nhỏ đối với nước lớn. Ấn vua Thanh ban cho Gia Long mỗi chiều dài khoảng 10 đến 12 cm, bằng bạc mạ vàng nặng khoảng 250g.

Việc phong vương phải tuân theo các nghi thức long trọng đặc biệt đã được quy định của cả hai nước, diễn ra ở kinh đô. Thời Đinh, Lê là ở Hoa Lư, các đời sau là ở Thăng Long kể cả dưới triều Nguyễn, khi kinh đô đã chuyển vào Huế, trừ một lần khi phong vương cho Tự Đức năm 1847. Sau đây là nghi thức phong vương và dụ tế vua đã từ trần dưới thời Lê do Phan Huy Chú ghi lại trong danh sách "*Lịch triều hiến chương loại chí*". Nghi thức quy định việc trang trí bày biện nơi kinh đô và chỗ vua nhận sắc phong, các quan tham dự, nghi thức đón sứ vào điện, chỗ đứng của vua, của sứ, việc chuyển và nhận sắc, tuyên đọc, đọc xong, các nghi lễ vái, quỳ, lạy... đều phải tuân theo nghiêm chỉnh (xung quanh việc thực hiện nghi thức thường xảy ra rất nhiều tranh biện mỗi lần đón tiếp, xin xem ở các phần sau trong những chuyện cụ thể).

https://tieulun.hopto.org

Nghi thức sách phong

Trước ba ngày, Thượng Thiết Ti đặt long đình ở giữa điện Kính Thiên, đặt hương án ở phía nam Long Đình, đặt vị bái của vua ở trước hương án (vị bái dưới dùng chiếu tre, trên trải chiếu cạp), đặt vị đứng của khâm sứ trước hương án hơi về hướng bắc, vị đứng dưới dùng chiếu tre, trên trải chiếu cạp), đặt vị đứng của vua ở bên hữu hương án (vị đứng dưới dùng chiếu tre, trên trải chiếu cạp). Một viên diễn nghi, một viên tuyên chiếu, hai viên triển chiếu đều đứng ở bên tả điện. Một viên thụ chiếu, hai viên nội tán đều đứng ở bên hữu điện; tám viên cử nghi: hai viên đứng hai bên tả hữu sân điện; hai viên đứng hai bên tả hữu long trì[1], hai viên đứng hai bên tả hữu đan trì[2], hai viên đứng hai bên tả hữu ngoài cửa Đoan Môn; tám viên ngoại tán đều đứng dưới các quan cử nghi. Trước hai ngày vua phải ăn chay, cáo tế trời đất, điện Thái Miếu, điện Chí Kính. Trước một ngày, 36 phố trong kinh đều kết hoa ở đường phố (dùng 50 tấm vừa lụa vàng, lụa đỏ, trồng hai cột sơn đỏ, đầu cột có ngù nhọn). Từ ngoài bến sông cho đến cửa Đông Tràng An, đường xá các phường các xứ đều dọn dẹp sửa sang. Sáng sớm hôm làm lễ, phụng chỉ của chúa, các quan vào đan trì trước. Dụ sai ba viên văn võ trọng thần đôn đốc các tướng tá binh mã, nhã nhạc, giáo phường và nghi trượng ra bài trí ở ngoài bến sông; mặc áo mũ theo phẩm tước, đợi khi long đình đến thì làm lễ 5 lạy 3 vái (từ năm Giáp Dần đã làm theo lễ 3 quỳ 9 vái). Làm lễ xong, các văn võ trọng thần đi trước rồi đến giáo phường, đến nghi trượng, đến nhã nhạc, đến hương án, đến long đình, đến khâm sứ, đến người ngựa theo hầu khâm sứ. Khi đến cửa Nam Môn người theo hầu xuống ngựa. Đến ngoài cửa Đông Tràng An viên thông sứ mời khâm sứ xuống kiệu. Vua đội mũ xung thiên, mặc áo hoàng bào, đeo đai ngọc, đứng đón ở bên hữu ngoài ba cửa, các quan chia

(1) *Long trì: Thềm rồng, ở trong.*

(2) *Đan trì: Thềm son, ở ngoài.*

https://tieulun.hopto.org

ban theo hầu. Vua gặp khâm sứ vái chào. Long đình tiến vào theo cửa chính. Khâm sứ tiến vào theo cửa tả. Vua tiến vào do cửa hữu. Khi vào đến điện Kính Thiên thì đặt long đình vào vị. Quan điển lễ mời khâm sứ đến vị đứng. Quan nội tán tâu xin vua đến vị đứng. Các quan chia ban đứng hai bên tả hữu sân điện, long trì, đan trì, và ngoài cửa Đoan Môn. Các viên chấp sự tựu vị, ai giữ việc nấy. Viên nội tán tâu vua đến vị bái. Ngoại tán xướng: "Bài ban" (các quan đều đứng vào ban), lại xướng: "Ban tề" (các quan quay mặt vào hương án). Nội tán: "Tấu tam bái ngũ khấu đầu", "hưng", "bình thân". Ngoại tán cũng xướng như thế. Viên điển lễ xướng: "Tuyên chiếu". Nội tán: "Tấu quỳ". Ngoại tán cũng xướng như thế. Khâm sứ bưng tờ chiếu trao cho quan tuyên chiếu. Hai viên triển chiếu đến mở tờ chiếu. Viên tuyên chiếu đọc xong, bưng tờ chiếu đặt lên hương án rồi ra đứng ở vị mình. Quan điển nghi: "Tấu thụ chiếu". Viên khâm sứ bưng tờ chiếu trao cho vua, vua nhận tờ chiếu, giơ lên ngang trán, rồi trao cho quan thụ chiếu, quan thụ chiếu quỳ xuống nhận tờ chiếu, đứng lên, ra đứng ở chỗ trước. Khâm sứ ra đứng ở chỗ trước. Nội tán: "Tấu phủ phục" "hưng" "bình thân". Ở ngoài cũng xướng như thế. Nội tán: "Tấu phục vị". Nội tán: "Tấu hành tạ ân lễ ngũ bái tam khấu đầu"[1]. Ngoại tán cũng xướng như thế. Nội tán: "Tấu lễ tất". Các quan chia ban đứng hầu. Nội tán: "Tấu Hoàng thượng hướng khâm sứ hành nhị ấp lễ"[2]. Khâm sứ xuống điện đi ra. Vua đến điện Cần Chánh. Vua cùng khâm sứ chia hai phía đông tây cùng ngồi, làm lễ tiếp dãi (uống nước chè, ăn trầu) xong rồi lại tiễn sứ đến ngoài ba cửa. Vua vái chào xong khâm sứ đi ra lên kiệu. Sai quan nghinh tiếp khâm sứ vào nhà công quán (ở nha môn Lễ Bộ) thết yến. Vua ngự về điện Cần Chánh, các quan theo hầu. Khi đến điện, nội tán tâu vua ngự lên ngai, các quan làm lễ khánh hạ 5 lạy 3 vái. Vua về cung. Các quan lần lượt đi ra.

---

[1] *Tàu làm lễ tạ ơn 3 lạy 5 vái.*

[2] *Tàu Hoàng Thượng làm kế vái khâm sứ 2 vái.*

https://tieulun.hopto.org

Nghi thức dụ tế[3] *(Phụ)*

Trước ngày Dụ tế một ngày lễ quan đặt vị thờ tiên đế ở phía đông điện, hướng về phía tây, đặt một chiếc bàn đồ lễ vật (hai con trâu, một con dê, một vò rượu, ba mâm cỗ) ở trước vị thờ và đặt hương án ở trước bàn đặt lễ vật; đặt vị đứng của vua ở chính tây ngoảnh mặt về phía đông; đặt vị tế của khâm sứ ở phía đông điện hơi hướng về tây nam; đặt vị tế của khâm sứ bên hữu vị đứng. Đến ngày, sai quan văn võ trọng thần sửa sang đốc suất dồ nghi trượng và nhã nhạc đến bên sông. Khi Long đình đến cửa Nam Môn, người theo hầu xuống ngựa. Đến ngoài cửa thứ tư[1] khâm sứ xuống kiệu. Vua mặc áo bào và thắt đai đều màu đen, ra ngoài cửa đón tiếp, các quan theo hầu. Khi long đình đến, vua quỳ xuống. Long đình tiến vào cửa chính giữa. Khâm sứ đi cửa bên tả. Vua đi cửa bên hữu. Đến điện, đặt long đình ở giữa và đặt vị lễ thăm ở trước long đình, hơi về phía nam. Khâm sứ đến vị đứng, vua đến vị đứng. Các quan đứng hầu ở hai bên tả hữu sân điện. Quan nội tán xướng: "Tấu Hoàng thượng nghệ bái vị, hành ngũ bái tam khấu đầu". Ngoại tán xướng: "Bách quan bồi bái". Nội tán xướng: "Tấu Hoàng thượng nghệ tiền vị lập"[5]. Các quan chia ban đứng hầu. Các viên chấp sự ai giữ việc nấy. Lễ sinh dẫn khâm sứ, dâng ba tuần rượu. Lễ quan xướng: "Tuyên đọc dụ văn". Quan tuyên dụ đến đứng ở bên hữu khâm sứ. Lễ sinh mở tờ dụ trao cho quan tuyên dụ, đọc xong, lễ sinh bưng tờ dụ đặt lên long đình, rồi bưng tờ dụ và lụa đốt trước long đình. Khâm sứ ra đứng chỗ trước. Nội tán xướng: "Tấu Hoàng thượng nghệ bái vị hành tạ ân lễ ngũ bái tam khấu đầu". Ngoại tán xướng: "Bách quan bồi bái". Xong, nội tán xướng: "Tấu Hoàng thượng xuất tiền vị lập". Vua hướng về khâm sứ làm lễ vái nhau. Khâm sứ do thềm phía đông đi xuống. Vua do thềm phía tây đi xuống. Tiễn sứ ra đến

---

[3] *Sứ Trung Quốc sang viếng vua chết.*

[4] *Có lẽ là cửa Đông Trang An.*

[5] *Tâu Hoàng thượng đến chỗ đứng trước.*

https://tieulun.hopto.org

ngoài ba cửa, lại làm lễ vái nhau. Vua về cung. Quan nghênh tiếp tiễn sứ về công quán.

Xét: Sứ Trung Quốc từ trước đến nay, sau khi làm lễ sách phong tất làm lễ dụ tế (vua đã chết). Điển lễ thăm viếng của triều đình Trung Quốc rất quan trọng. Nước ta ứng tiếp, nguyên có tiết thứ, nên nay chép nghi tiết sách phong ra trước mà phụ chép cả nghi tiết dụ tế để tham khảo.

4. NGHI THỨC TRONG ĐÓN TIẾP SỨ THẦN PHƯƠNG BẮC

Trong triều đại Đinh, Lê, Lý và đầu đời Trần, việc đón tiếp sứ thần phương Bắc sang nước ta còn đơn giản, chưa có những quy định chặt chẽ. Từ cuối đời Trần, bắt đầu với nhà Minh thì việc đón tiếp sứ thần đã có quy định. Triều đình ta đã căn cứ vào các quy định trong "*Đại Minh tập lễ*" để ấn định nghi thức đón tiếp các sứ thần, một mặt để tỏ ra cung kính Thiên tử, một mặt để tỏ ra nước ta là một nước có thi thư, văn hiến. Đến đời Thanh thì những quy định này rất nặng nề cho các lần đón tiếp. Trong "*Lịch triều hiến chương loại chí*", Phan Huy Chú đã ghi lại rất đầy đủ chi tiết những quy định trong việc đón tiếp sứ thần phương Bắc do vua cử sang nước ta (khâm sứ) (dưới đời Lê):

Quy định y phục tiếp sứ thần

Đời Lê năm 1488, triều đình quy định y phục các quan khi tiếp sứ thần nhà Minh như sau: "Các công, hầu, bá, phò mã (con rể vua) và các quan văn võ phải may sẵn áo có cổ bằng gai tơ sa là sắc xanh, dài cách đất một tấc, tay rộng một thước hai tấc. Còn quan bàn bạc thì dùng chế y, dài cách đất 9 tấc, hai tay hẹp như kiểu cũ. Đều phải dùng bố tử đi hia, phải màu tươi sáng, không được dùng thứ cũ xấu để đón tiếp sứ nhà Minh".

Sự lệ đón tiếp khâm sứ

+ Ngày làm lễ đón khâm sứ: Kết hoa ở hai bên đường phố, từ bến sông cho đến cửa Đông Tràng An. Quan phòng thị để

https://tieulun.hopto.org

lĩnh phụng hành.

+ *Ngày khám sứ về nước:* Lệ có tiễn chân và tặng riêng bạc và đồ vật, do quan Công phiên chỉnh biện.

+ *Thết yến khâm sứ:* Lệ hai ngày đặt một buổi, mỗi buổi 30 mâm. Còn thức ăn quý hàng ngày ban cho.

+ *Nhà công quán ở các trạm:* Xứ Lạng Sơn 4 trạm, mỗi trạm hai khu công quán, cộng 12 dãy, mỗi dãy năm gian hai chái, 4 dãy cổng chào (nghi môn), mỗi dãy ba gian, 4 dãy tàu ngựa, mỗi dãy ba gian. Bốn bên rào kín. Xứ Kinh Bắc: công quán hai trạm Tiện Lệ và Cần Dinh, mỗi trạm 4 dãy nhà gỗ, mỗi dãy năm gian hai chái; 8 dãy nhà tre, mỗi dãy năm gian hai chái; 4 dãy cổng chào, mỗi dãy ba gian; 4 dãy tầu ngựa, mỗi dãy ba gian; 2 dãy cổng ngoài, mỗi dãy ba gian. Bốn bên rào thưa và rào kín. Công quán 3 trạm: Thọ Xương, Thị Cầu, Lã Côi thì châm chước dùng đình của dân. Về trạm Thọ Xương thì thêm 4 dãy nhà tre, 2 dãy bên tả, 2 dãy bên hữu, mỗi dãy 7 gian 2 chái, 2 dãy điếm cửa ngoài, mỗi dãy 3 gian. Trạm Thị Cầu thì làm 2 khu, 2 dãy nhà gỗ, mỗi dãy 5 gian 2 chái và làm thêm 6 dãy nhà tre, mỗi dãy 5 gian 2 chái, 2 dãy cổng chào, mỗi dãy 3 gian, hai dãy điếm cửa ngoài mỗi dãy 3 gian. Bốn bên rào kín và rào thưa. Trạm Lã Côi thì làm thêm bốn dãy ở hai bên tả hữu: 2 dãy thì mỗi dãy bảy gian hai chái; 2 dãy thì mỗi dãy năm gian hai chái; 2 dãy tàu ngựa, mỗi dãy ba gian; 2 dãy điếm cửa ngoài, mỗi dãy ba gian, đều làm bằng tre cả.

+ *Đồ vật ở các trạm.*

Trạm Pha Luỹ (các trạm Mai Pha, Nhân Lý, Chi Lăng cũng thế). Giường 12 cái - Ghế ngồi 4 cái - Bàn 4 cái - Phên nứa 40 tấm - Mâm lớn 20 cái - Khay chè 20 cái – Nồi đồng lớn 40 cái - Nồi đồng lỡ 40 cái - Bát lớn 200 cái - Bát lỡ 200 cái - Đĩa 200 cái - Chén uống nước 200 cái - Chén uống rượu 200 cái - Chiếu 40 đôi - Chậu rửa mặt 16 cái - Cây đèn 40 cây (cả đĩa đèn) - Đèn nến 20 cân - Dầu, bấc đủ dùng - Đũa 400 đôi - Than gỗ 4 gánh.

Trạm Lã Côi (các trạm Thị Cầu, Thọ Xương, Cần Dinh,

https://tieuluan.hopto.org

Tiên Lệ cũng thế). Đồ dùng của quan chánh sứ và người tuỳ tòng: Giường sơn cánh gián 1 cái - giường gỗ 8 cái (cả giát tre) - Phên nứa 30 đôi - Chiếu cói nhỏ 2 đôi - Chiếu lác 20 đôi - Xanh, chảo 20 cái - Nồi đồng 12 cái - Vò đất 12 cái (cả quảng gánh) - Gáo 4 cái - Rá 20 cái - Rổ 20 cái - Dao dựa, dao phay mỗi thứ 10 con - Thớt 10 cái - Chum một cái - Mâm sơn son lỡ 1 cái (cả lồng bàn) - Đĩa tàu 12 cái - Bát tàu 6 cái - Chén tàu 20 cái - Bát trắng 120 cái - Đĩa trắng 200 cái - Cây đèn 10 cái. Chén trắng 60 cái - Mâm sơn cánh gián lỡ 20 cái - Chậu trắng 4 cái - Đũa 100 đôi. Đồ dùng của các quan đi trước và người tuỳ tòng: Giường sơn đen 1 cái (cả giát tre) - Phên nứa 5 tấm - Chiếu cói nhỏ 3 đôi - Xanh, chảo 2 cái - Nồi đồng 2 cái - Vò đất 4 cái (cả quang gánh) - Gáo 2 cái - Rá 2 cái - Rổ 3 cái - Dao rựa, dao phay đều 1 con - Mâm sơn son lỡ 1 cái - Bát tàu 2 cái - Đĩa tàu 10 cái - Chén tàu 2 cái - Mâm sơn cánh gián lỡ 2 cái - Đĩa trắng 30 cái - Bát trắng 16 cái - Cây đèn 4 cái - Chén trắng 10 cái - Thớt 1 cái - Chậu trắng 2 cái - Đũa 50 đôi.

Phó sứ và người tuỳ tòng cũng như trên.

Trạm Gia Quất. Đồ dùng của quan chánh sứ: Đài chén bạc 1 bộ - Bình rượu bạc 1 cái - Bát tàu bịt bạc 6 cái - Đĩa tàu bịt bạc 12 cái - Chậu rửa 2 cái (một cái bằng thau, một cái sơn cánh gián) - Đũa ngà 4 đôi (giá cắm đũa khảm xà cừ) - Ghế chéo sơn son 1 cái - Bàn sơn cánh gián 1 cái (cả quần bàn dùng lụa tốt thêu hoa đỏ và ngân tuyến) - Đẳng gỗ 1 cái (sơn cánh gián) - Giường sơn cánh gián 1 cái (cả giát tre) - Ghế ngựa sơn cánh gián 1 cái - Phên nứa 1 đôi - Chiếu cói nhỏ 3 đôi (một đôi cạp đỏ, 2 đôi cạp đen) - Màn 1 cái - Dầu 2 chĩnh (cả bấc và đĩa đèn) - Mâm sơn son lỡ 2 cái - Mâm sơn nhỏ 2 cái - Bát men trắng 30 cái - Đĩa trắng 50 cái - Nồi đồng 3 cái - Xanh, chảo lớn lỡ nhỏ 3 cái - Chum lớn 1 đôi (cả nắp đậy và đồ khiêng) - Vò đất 2 đôi (cả quang gánh) - Gáo 2 cái - Chậu trắng 2 cái - Dao dựa, dao phay và búa đều 1 cái - Thớt 2 cái - ống nhổ trắng 1 cái - Cây đèn sơn cánh gián 1 cái - Rá 2 cái - Rổ 2 cái - Đèn gỗ mộc 10 cây - Giấy rộng 200 tờ - Bút 20 ngọn - Mực 20 thoi.

https://tieulun.hopto.org

Đồ dùng những người tuỳ tòng: giường gỗ 20 chiếc - Chiếu lác 20 đôi - Bát trắng 200 cái - Đĩa trắng 400 cái - Chén trắng 100 cái - Vò đất 20 cái (cả quang gánh) - Gáo 4 cái - Xanh chảo 20 cái - Nồi đồng 12 cái - Rá 20 cái - Rổ 20 cái - Dao rựa dao phay và búa đều 8 cái - Dầu 4 chĩnh - (cả bấc và quang treo) - Thớt 12 cái - Mâm sơn cánh gián lỡ 20 cái - Đũa 100 đôi.

Đồ dùng của quan đi trước: Chén bạc 1 cái - Đài sơn son 1 cái - Bình rượu bạc 1 cái - Bát Tàu bịt thau 4 cái - Đĩa Tàu bịt thau 8 cái - Chậu thau 1 cái - Bàn sơn cánh gián 1 cái (cả quần bàn lụa đen thêu ngân tuyết) - Giường sơn cánh gián 1 cái (cả giát tre) - Ghế ngựa sơn cánh gián 1 cái - Đẳng gỗ 1 cái (sơn cánh gián) - Phên nứa 1 đôi - Chiếu cói nhỏ 2 đôi (có cạp) - Màn 1 bức - Dầu 1 chĩnh (cả bấc và quang treo) - Mâm sơn son lỡ 1 cái (cả lồng bàn) - Mâm sơn cánh gián lỡ 1 cái - Bát trắng 20 cái - Đĩa trắng 30 cái - Nồi đồng 2 cái -- Xanh, chảo 2 cái - Chum lớn 1 cái (cả nắp đậy và đồ khiêng) - Vò đất 1 đôi - Gáo 2 cái - Chậu trắng 2 cái - Cây đèn 4 cây - Dao rựa, dao phay và búa đều 10 cái - Thớt 1 cái - ống nhổ trắng 1 cái - Rá 2 cái - Rổ 2 cái.

Đồ dùng của những người tuỳ tòng: Giường gỗ 2 cái (cả giát tre) - Phên nứa 3 tấm - Chiếu lác 5 đôi - Bát trắng 20 cái - Đĩa trắng 50 cái - Chén trắng 15 cái - Vò đất 3 cái (cả quang gánh) - Rá 3 cái - Rổ 3 cái - Dao dựa dao phay đều 1 con - Búa (bổ củi) 2 cái - Dầu 1 chĩnh (cả bấc và quang treo) - Thớt 2 cái - Mâm sơn cánh gián lỡ 3 cái - Đũa 50 đôi.

Phó sứ và người tuỳ tòng cũng như trên.

+ Đồ cung đốn ở các trạm.

Trạm Pha Luỹ (các trạm Mai Pha, Nhân Lý, Chi Lăng cũng thế): Lợn 4 con - Ngỗng 4 con - Gà 29 con - Vịt 29 con - Thịt lợn 300 cân - Gạo 700 cân - Rượu 8 vò - Dầu 20 cân - Muối 20 cân - Dấm 20 cân - Trứng gà 200 quả - Chè 30 cân - Gừng 10 cân - Hành tỏi 10 cân - Cỏ ngựa 40 gánh - Thóc cho ngựa ăn 100 cân.

Trạm Lã Côi (các trạm Thị Cầu, Thọ Xương, Cần Đình, Tiên Lệ cũng thế).

https://tieulun.hopto.org

Cung đốn chánh sứ: Gạo trắng 20 bát - Lợn 1 con - Gà 2 con - Vịt 2 con - Cá tươi 5 con - Trứng 20 quả - Rượu 1 vò - Vôi 1 bình - Cau tươi 1 buồng - Trầu không 1 sọt - Than gỗ 2 sọt - Nước mắm 2 chĩnh - Muối 1 sọt - Dấm 1 chĩnh - Hồ tiêu 2 lạng - Rau, gừng, hành, tỏi một sọt. Cung đốn những người tuỳ tòng: Gạo 180 bát - Lợn 2 con - Gà 10 con - Vịt 10 con - Rượu 1 vò - Tương 1 vò - Các thứ rau 2 sọt - Củi gỗ 15 gánh - Dầu 2 chĩnh (cả bấc và quang treo).

Cung đốn quan đi trước: Gạo trắng 10 bát - Lợn 1 con - Gà 1 con - Vịt 1 con - Cá tươi 5 con - Trứng 20 quả - Rượu 1 vò - Vôi 1 bình - Cau tươi và trầu không đều 1 sọt - Than gỗ 1 sọt - Nước mắm 2 chính - Muối 1 sọt - Dấm 1 chĩnh - Hành, tỏi 1 sọt - Hồ tiêu 1 lạng. Cung đốn những người tuỳ tùng: Gạo 30 bát - Lợn 1 con - Gà 2 con - Vịt 2 con - Rượu 1 vò - Tương 1 chĩnh. Các thứ rau 1 sọt - Củi gỗ 8 gánh. Dầu 3 chĩnh (cả bấc dầu, quang treo).

Phó sứ và người tuỳ tùng cũng như trên.

Trạm Gia Quất. Cung đốn chánh sứ: Gạo trắng 20 bát - Lợn 1 con - Dê 1 con - Rượu 1 vò - Thóc 5 bát - Cá tươi 5 con - Nước mắm 1 chĩnh - Đậu xanh 4 bát - Muối 1 sọt - Trứng 30 quả - Vừng 1 bát - Cá khô 10 con - Cau tươi 1 sọt - Dấm 1 chĩnh - Than gỗ 2 sọt - Gà 3 con - Vịt 3 con - Trầu không 1 sọt - Củi gỗ 3 gánh - Hồ tiêu 2 lạng - Vôi 1 bình - Rau, gừng, hành, tỏi 1 sọt. Cung đốn những người tuỳ tòng: Gạo 250 bát - Gà 20 con - Vịt 20 con - Lợn 2 con - Rượu 4 vò - Dấm 2 chĩnh - Nước mắm 2 chĩnh - Trứng 200 quả - Muối 2 sọt - Các thứ rau 2 sọt - Củi gỗ 30 gánh.

Cung đốn quan đi trước: Gạo trắng 15 bát - Lợn 1 con - Dê 1 con - Rượu 1 vò - Cá tươi 5 con - Nước mắm 1 chĩnh - Muối 1 sọt - Trứng 200 quả - Cá khô 8 con - Cau tươi và trầu không đều 1 sọt - Đậu xanh 2 bát - Gà 2 con - Vịt 2 con - Vôi 1 bình - Vừng 1 bát - Củi gỗ 1 gánh - Than gỗ 1 sọt - Rau, gừng, hành tỏi 1 sọt - Hồ tiêu 1 lạng. Cung đốn những người tuỳ tòng Gạo 32 bát - Lợn 1 con - Gà, vịt mỗi thứ 3 con - Trứng 10 quả -

https://tieulun.hopto.org

Rượu 1 vò - Nước mắm 1 chĩnh - Muối 1 sọt - Dấm 1 chĩnh - Củi gỗ 3 gánh - Các thứ rau 1 sọt.

Phó sứ và người tuỳ tòng cũng như trên.

+ Lễ vật sơ kiến:

Ngày khâm sứ qua cửa quan, lễ sơ kiến sứ bộ sách phong (Lễ vật đối với sứ bộ tứ tuất[1] cũng thế). Trâu 1 con - Dê 3 con - Lợn 2 con - Ngỗng 5 con - Vịt 10 con - Gà 10 con - Chim bồ câu 20 con - Rượu 2 vò.

Trạm Thọ Xương (Lễ vật đối với sứ bộ tứ tuất cũng thế). Trâu 2 con - Bò 2 con - Dê 4 con - Lợn 4 con - Ngỗng 20 con - Vịt 40 con - Gà 40 con - Trứng 50 quả - Cá 60 con - Cam 500 quả - Rượu 20 vò - Dừa 200 quả - Chuối tiêu 1.000 quả - Trầu không 10 sọt - Cau tươi 10 sọt.

+ Nghi trượng đón tiếp.

Long đình sơn son thếp vàng 2 cỗ và đòn sơn son 4 chiếc - Lụa nhuộm vàng 2 tấm (mỗi tấm 65 thước) Hương án sơn son thếp vàng để đặt cáo sách 2 chiếc, cùng độc bình, giá gương và 4 chiếc đòn sơn son - án để cờ tiết sơn son thếp vàng 1 chiếc và 2 chiếc đòn sơn son - Tàn vàng 14 chiếc - Lư hương đồng 12 chiếc - Hèo sơn son 300 chiếc - Ghế ngồi 4 chiếc - Màn 2 chiếc (lụa vàng tẫm dầu) - Chiếu lác 12 đôi (cạp vải đen).

+ Lễ vật tiễn chân.

Lễ tiễn chánh sứ sách phong: Bạc 430 lạng - Lụa mộc 26 tấm - Vải thâm 4 tấm - Gai là xanh 1 súc - Nhung (lông chim) 1 súc.

Lệ tiễn chánh sứ dụ tế: Bạc 130 lạng - Lụa mộc 26 tấm - Vải thâm 4 tấm - Gai là xanh 1 súc - Nhung (lông chim) 1 súc.

Tiễn tặng các nhân viên tuỳ tòng chánh sứ: *Mang cáo mệnh 1 viên*: bạc 80 lạng, lụa mộc 5 tấm, vải thâm 2 tấm - *Hộ tống 1 viên*, bạc 80 lạng, lụa mộc 5 tấm, vải thâm 2 tấm - *Nội ty mang cáo mệnh 2 viên*: bạc 20 lạng, lụa mộc 6 tấm, vải thâm 4 tấm - Lễ sinh 2 viên: bạc 60 lạng, lụa mộc 4 tấm, vải thâm 2 tấm - *Thông sự 1 viên*: bạc 6 lạng, lụa mộc 2 tấm, vải thâm 3

[1] *Tứ tuất: Ban cho là tứ (như ban cho mũ áo). Phúng viếng là tuất.*

https://tieulun.hopto.org

tấm - *Tổng quản đường quan 3 viên*: bạc 18 lạng, lụa mộc 6 tấm, vải thâm 3 tấm - *Gia đình 10 người*: bạc 40 lạng, lụa mộc 20 tấm, vải thâm 2 tấm - *Nhà bếp 4 người*: bạc 12 lạng, lụa mộc 8 tấm, vải thâm 4 tấm - *Những người phòng trà, tiếp khách, đầu bếp và phụ kiệu 27 người*: bạc 82 lạng, lụa mộc 54 tấm, vải thâm 27 tấm - Phục dịch 6 người: bạc 18 lạng.

Lễ tiễn phó sứ sách phong: Bạc 400 lạng, lụa mộc 26 tấm, vải thâm 4 tấm, gai là xanh 1 súc - Nhung (lông chim) 1 súc.

Lễ tiễn phó sứ dụ tế: cũng như trên.

Tiễn tặng các nhân viên tuỳ tòng phó sứ: Mang dụ văn 1 viên: bạc 80 lạng, lụa mộc 5 tấm, vải thâm 2 tấm - Hộ tống 1 viên: bạc 80 lạng, lụa mộc 5 tấm, vải thâm 2 tấm - Lễ sinh 2 viên: bạc 60 lạng, lụa mộc 4 tấm, vải đen 2 tấm - Thông sự 1 viên: bạc 6 lạng, lụa mộc 2 tấm, vải đen 1 tấm - Gia đình 7 người: bạc 28 lạng, lụa mộc 14 tấm, vải thâm 7 tấm - những sinh viên...[1], người giữ của, người hộ vệ, người sai phái 13 người: bạc 52 lạng, lụa mộc 26 tấm, vải thâm 13 tấm - Phòng trà Đức Chiêu, nhà bếp, quân chăn ngựa, phu kiệu, pháo thủ, đầu bếp, cộng 33 người: bạc 99 lạng, lụa mộc 66 tấm, vải thâm 33 tấm. Phục dịch 44 người: bạc 44 lạng.

+ *Lễ vật tặng riêng* (Bạc nén, là, nhung, lĩnh do trong nội phát cho, còn các thứ khác thì mua sắm).

Tặng chánh sứ: Bạc 100 lạng - Lọ bạc 1 cái - Bát bạc 1 cái - Chén bạc 1 cái - Hộp bạc 1 cái - Thương dài thếp vàng 3 đôi - Phiệt thếp vàng 1 đôi - Kiếm thếp vàng 1 đôi - Thương ngắn thếp vàng 1 đôi - Gai là hồng 1 súc - Nhung lông 10 súc - Lụa dày 4 tấm - Vải thâm 3 tấm - Lụa mộc 6 tấm - Quạt ngà 1 cái - Quạt đồi mồi 1 cái - Quạt sừng hoạ 1 cái - Quạt gỗ bạch đàn 1 cái - Quạt sừng 10 cái - Mâm nạm vàng 1 cái (cả lồng bàn) - Mâm rồng 1 cái (cả lồng bàn) - Hộp đầu bằng vẽ hoa 3 cái - Hộp đầu bằng nạm vàng 1 cái - Hộp

---

[1] *Nguyên văn là không rõ nghĩa là gì. Hoặc giả viết lầm*

https://tieulun.hopto.org

đầu nhọn nạm vàng 1 cái.

Tặng viên mang cáo mệnh: Bạc 40 lạng - Nhung 1 súc - Là trừu 2 tấm - Lụa mộc 2 tấm - Hộp đầu bằng vẽ hoa 2 cái - Hộp đầu nhọn vẽ hoa 2 cái.

Tặng viên hộ tống sách sứ: cũng như lễ tặng viên mang cáo mệnh.

Lễ tặng phó sứ: cũng như lễ tặng chánh sứ.

Xét: Lễ vật khoản tiếp Bắc sứ, sau trung hưng đã có thành lệ, các triều làm theo có thêm bớt. Lễ chính tiễn chân là lễ của vua, lễ tặng riêng là lễ của chúa, cũng là gia thêm lễ vật để cho nhiều mà sứ Trung Quốc chưa từng nhận cả. Nay chép rõ ra đây để làm tài liệu khảo cứu.

5. VIỆC CỬ SỨ THẦN ĐI CỐNG BẮC TRIỀU

Các quan lại làm sứ thần đi cống, xin phong vương, báo tang hoặc trao đổi về các việc ở biên giới hay chiến tranh trước đây là làm những việc có tầm quan trọng đến an nguy của dân tộc nên các vua nước ta rất thận trọng trong việc cử người. Đời Đinh vua cử con là Đinh Liễn Lê Đại Hành sai con là Minh Đế. Từ đời Lý vua cử những quan có học vấn như Đào Tôn Nguyên, Lê Văn Thịnh. Đời Trần cử những người giỏi như Phạm Sư Mạnh, Mạc Đĩnh Chi... Từ đời Lê trở đi phần lớn những sứ thần đi sang Bắc triều đều là những người đã đỗ tiến sĩ. Dưới thời phong kiến, việc đào tạo các quan lại trông coi quản lý bộ máy nhà nước từ triều đình đến phủ huyện chưa phân các ngành, vì vậy việc ngoại giao không có quan lại chuyên trách và nơi đào tạo riêng. Với những kiến thức học trong Tứ thư và Ngũ kinh, người thi đỗ tiến sĩ (kể cả cử nhân) được trang bị khá toàn bộ các khoa học xã hội các bài học lịch sử trong mọi việc cai trị, điều hành, xử án, tổ chức đời sống, phát triển kinh tế, cầm quân dẹp loạn và ngoại giao với nước ngoài.

Không kể việc đột xuất như báo tang, xin phong vương... việc cống nạp từ đời Lê cứ theo lệ 3 năm cống một lần, trừ khi nào

https://tieulun.hopto.org

trong nước có biến động thì phải lui lại. Song, ngoài việc cử sứ thần đi cống thường kỳ, còn nhiều việc khác phải cử sứ thần sang. Đường sá xa xôi, đi lại vất vả nên từ năm 1584 nhà Minh đồng ý cho 6 năm 1 lần đi cống nhưng vẫn phải mang đủ 2 lễ cống.

Khi cử sứ bộ, gồm 1 chánh sứ, 2 phó sứ và các người đi theo, vua ban các lộc theo quy định cho từng người theo chức vụ gồm: vàng, bạc, tiền, đồ dùng, dân lộc, điền lộc và dân phu. Ngoài ra còn được cấp các vật phẩm để tế ở một số đền miếu khi đi qua là bạc và các thổ sản để sứ bộ làm lễ yết kiến và trao tặng các quan lại phương Bắc khi gặp. Những chi tiết này đã được Phan Huy Chú kê cứu chi tiết trong *Sự lệ lễ cống* ở đời Hậu Lê Trung hưng với triều Thanh.

Sự lệ lễ cống

- Phàm tới kì đi cống, trước phải đưa thư sang cho viên thủ bị ở Long Bằng[1] để báo cho viên quan đạo Tả Giang. Trong văn thư nói ngày tháng khởi hành; xin báo lên triều đình nhà Thanh chuẩn cho, lại sai hai tên thông sự và hai tên thám tử đem các văn thư và tờ biểu sang cửa quan đưa cho viên thủ bị Long Bằng để viên ấy tiếp lĩnh và đệ đạt lên triều đình. Việc đem lễ vật đi theo giao cho các quan phụng sai hậu mệnh[2] phân phối cho những sai nhân lĩnh nhận mang về trước. Hậu mệnh thì sai 3 viên quan văn, cùng với 2 viên trung thư, 2 viên y viện, 2 tên thám tử đi theo để làm việc; hộ cống[3] thì sai 2 viên võ quan cùng với 2 tên cai hợp của Công phiên và 2 tên thợ bạc đi theo làm việc.

- Cống bộ thì chánh sứ 1 viên, phó sứ 2 viên, hành nhân thông sự 3 tên, y viện 2 tên, đãi tuyển 2 tên. Còn người theo hầu thì chánh sứ 4 tên, phó sứ mỗi viên 3 tên, nội sai mỗi viên 1 tên. Trước khi đi cống, sai 1 viên thay mặt trọng thần báo

---

[1] *Long Bằng: Có lẽ là Bằng Tường*

[2] *Hậu mệnh: Chờ mệnh lệnh để làm.*

[3] *Hộ cống: Hộ vệ cống bộ*

https://tieulun.hopto.org

trước cho viên đốc trấn Lạng Sơn sửa sang đồ hành ngơi như kiệu, lọng, quạt và mũ áo, giày, bít tất.

- Những lễ vật phụng ban mang đi trước (còn thừa thì nộp lại): Bạc thổ sản 66 lạng, lụa thổ sản 39 tấm, quạt 290 chiếc, hồ tiêu 29 cân.

- Các lễ vật phụng ban cho quan hậu mệnh để làm lễ yết kiến và khao tặng: Bạc thổ sản 100 lạng, lụa thổ sản 50 tấm, hồ tiêu 30 cân, hương đen 2.000 nén, hương trắng 2.000 nén, quạt 200 chiếc.

- Hai bộ tuế cống mỗi bộ nghi vật như sau: Lư hương và bình hoa bằng vàng 4 cái (tất cả nặng 209 lạng, chiết can làm 29 đĩnh vàng), mâm bạc 20 chiếc (tất cả nặng 692 lạng, chiết can làm 69 đĩnh bạc), trầm hương 960 lạng, tốc hương 2.368 lạng.

- Lễ vật phụng ban cho sứ thần đem đi: Vàng thoi 2 dật (mỗi dật 10 lạng), gai là hồng[1] ba súc (mỗi súc dài 18 thước), gai là xanh 3 súc, bạc thổ sản 824 lạng, lụa thổ sản 400 tấm, hương đen 6.000 nén, hương trắng 6.000 nén, sáp thơm 200 bình, quạt sơn 600 chiếc, hồ tiêu 30 cân, giấy rộng 5.000 tờ, ván ép 30 tấm.

- Phàm các sứ thần đều được cấp dân lộc, điền lộc và nhiêu phu (xem rõ ở *Quan chức chí*). Đến khi sắp đi cống thì được vua ban yến và tiền thưởng. Nội yến thết ở điện Vạn Thọ, ban cho 3 viên chánh, phó sứ bạc thoi cộng là 9 lạng 9 tiền 9 phân và 9 ly, cho 23 viên hành tuỳ tiền quý cộng là 11 quan 2 tiền 50 đồng. Ngoại yến thết ở bên hữu Đan Trì. Ban cho 3 viên chánh phó sứ, mỗi viên 10 lạng bạc thoi và 10 quan tiền quý; 9 viên hành nhân mỗi viên 5 lạng bạc và 5 quan tiền quý; tuỳ nhân mỗi tên 3 lạng bạc và 3 quan tiền quý.

- Khi vào nội phủ bái tạ, phụng ban cho 3 viên chánh phó sứ mỗi viên một bộ áo triều, mỗi bộ 3 chiếc (áo ngoài bằng sa đen, áo trong bằng lĩnh đỏ và lĩnh trắng) và một cái mũ, một cái đai bằng thau (dùng sừng trâu bịt thau).

---

[1] *Gai là hồng: Một thứ là dệt bằng sợi gai màu hồng.*

https://tieulun.hopto.org

Lại ban cho mỗi viên một hốt (nén) bạc hoa; hành nhân và tuỳ nhân được mỗi người một tấm vải đen, một tấm lụa trắng. Cả hai bộ được lãnh một số tiền là 149 quan 1 tiền 30 đồng, nước mắm 152 chĩnh. Lại truyền cho nha môn Phủ Doãn dựng một cái đình ở bến Đông Tân để đến ngày khởi hành các quan triều thần hội tiễn.

- *Những lễ vật cáo tế ở dọc đường:*

Tế thần Hà bá Thuỷ quan ở bến Nhị Hà: lợn 1 con giá 8 tiền, xôi 1 mâm giá 3 tiền, vàng bạc giấy và hương rượu giá 3 tiền.

Tế cung miếu: trâu 6 con, giá mỗi con 4 quan và tiền cau hương rượu 6 tiền, xôi 6 mâm giá mỗi mâm 1 tiền, vàng bạc giấy 6 mâm giá mỗi mâm 1 tiền.

Tế đền Lý Bát Vị[1]: trâu 1 con giá 4 quan, xôi 1 mâm giá 3 tiền, vàng bạc giấy và hương rượu cộng 2 tiền.

Tế đền Cần Dinh[2]: trâu 1 con giá 4 quan, xôi 1 mâm giá 3 tiền, vàng bạc giấy và hương rượu cộng 2 tiền.

Lễ đền thần ở Quỷ Môn Quan[3], đền Trung Vũ, đền Bờ Long[4], đền Bờ Duy[5], lễ vật theo như tế đền Cần Dinh.

Khi nào sứ thần về nước thì có giấy báo. Các quan sai đi trước, các quan hậu mệnh cùng lễ vật đem đi đều theo đúng lệ ngày đi.

- Phàm có những lễ như tạ ơn, lễ mừng hoặc tâu việc thì đều đợi đến kỳ cống mang đi một thể. Nếu chưa đến kỳ cống thì sai sứ bộ riêng, chánh phó mỗi chức 1 viên, nội sai 2 viên, thông sự 1 tên, còn các quan đi trước hậu mệnh cùng các lễ vật sứ thần mang đi đều giảm một nửa so với lệ cống. Lệ ban yến

---

[1] *Tám vị vua nhà Lý, tức đền thờ Lý Bát Đế ở làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh*

[2] *Cần Dinh: Ở huyện Bảo Lộc tỉnh Bắc Giang ngày nay*

[3] *Quỷ Môn Quan: Đền thờ Mã Viện, ở xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.*

[4] *Bờ Long: Đền thờ thần núi ở ngoài cửa nam tỉnh thành Lạng Sơn.*

[5] *Bờ Duy: Đền thờ thần núi ở làng Đồng Đăng, châu Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn.*

https://tieulun.hopto.org

thưởng đều chiếu số người mà ban như lệ cống sứ.

Lễ vật tạ ơn: Lư hương và bình hoa bằng vàng mỗi thứ 1 cái (nặng 57 lạng 5 đồng cân, chiết can làm 6 đĩnh vàng), hạc bạc và đế bạc đều 1 chiếc (nặng 48 lạng 4 đồng cân, chiết can làm 5 đĩnh bạc).

Lễ vật mừng: Rùa vàng 1 con (nặng 18 lạng), hạc bạc và đế bạc đều 1 cái (nặng 50 lạng), lư hương và bình hoa bằng bạc, mỗi thứ 1 cái (nặng 49 lạng), trầm hương 30 cân, tốc hương 60 cân, quạt sơn 100 chiếc.

Lễ vật báo tang: Trầm hương 30 cân, tốc hương 70 cân.

Lễ vật về tâu việc: cũng như lễ vật mừng, chỉ bớt đi 100 cái quạt sơn.

Đời Lê lễ cống được dâng lên vua 3 phần, thái hậu và thái tử mỗi người một phần.

Bài biểu của Lê Thái Tổ dâng lên vua Minh Tuyên Tông năm 1433, do các sứ thần Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Chi và Bùi Cầm Hổ mang sang viết: "Thần Lê Lợi tạm coi việc nước An Nam, rất sợ hãi cúi đầu kính tâu: Cúi thấy cửa Bắc ơn ban, mệnh tự chín tầng phong xuống, cõi Nam lễ cống lòng thành muôn dặm xa dâng. Sự báo đáp không được phân li, lòng cảm phục in sâu cốt tuỷ. Kính nghĩ: Hoàng đế bệ hạ, rộng như trời đất, sáng tựa đôi vầng. Đức Ngũ đế, Công Tam vương nơi nào chẳng phục, con muôn nhà bốn biển cùng một lòng nhân, đến cả phương xa cũng nhuần ơn thánh. Thần tuy ở nơi rợ mọi lòng vẫn ngưỡng mộ Trung Hoa, một đoá mây hồng chín tầng trời xa cách, muôn năm tuổi thọ, ba lời chúc dâng lên".

Bài biểu dâng Hoàng thái tử viết:

"Chốn Thanh cung tiến đức, địa vị đáng bậc nguyên lương. Nơi Nam phục nhờ ơn, chức phận phải đến triều cống. Tấc thành giãi tỏ, sao nước xa trông. Kính nghĩ: hoàng thái tử điện hạ phú tính ôn hoà, giữ lòng hiếu thuận. Đức vua thêm rạng, muôn phương nhờ ánh sáng nối soi. Mệnh trời ban cho, bốn biển mong vị vua xứng đáng. Cõi gốc thêm bền vững, nước nhà được yên vui. Thần ở cõi Châu Nhai, lòng về Hạc Cấm (nơi thái tử ở). Xin

https://tieulun.hopto.org

dâng lời ca chúc tụng, như sao sáng biển nhuần, kính chúc thọ tuổi ngàn thu tựa đôi vầng thường sáng".

Trong những lần tuế cống, có 3 bài biểu dâng 3 người là vua, mẹ vua (thái hậu), con vua (thái tử), nếu bà vua (thái hoàng thái hậu) còn thì biểu cũng dâng cả lên thái hoàng thái hậu.

Sau đây là một bài biểu do các sứ thần Nguyễn Phú và Phạm Thời Trung đem vàng sang tuế cống năm 1439 đời vua Lê Thái Tông dâng lên nhà Minh Năm Tuyên Đức thứ VIII. Bài biểu dâng thái hoàng thái hậu viết:

"Cung Đông Triều phụng dưỡng, chín châu bốn biển tôn vinh. Xứ Nam thổ dốc lòng, một nước ba năm tiến cống. Lễ vật tuy bạc, tấm lòng rất thành. Kính nghĩ: Thái hoàng thái hậu bệ hạ đức nhất cung vi, công cao xã tác. Hiệp sức giúp nước, nối tiếng tốt Thái Tự (vợ Văn Vương nhà Chu) nhà Chu, cầm giữ chính quyền hơn đức thịnh Tuyên Nhân (vợ Tống Anh Tông cầm quyền) nhà Tống. Nhờ ơn nuôi nấng ai cũng tôn tân. Thần ở nơi xa xôi được nhuần đức hoá. Sửa sang lễ cống, kính xin giữ phận chư hầu. Tuổi thọ sánh trời, dâng chúc lên cung Trường Lạc (cung của Thái Hoàng Thái Hậu ở).

Bài biểu dâng lên Hoàng thái hậu viết:

"Ở nơi tôn quý, chín châu phụng dưỡng vẻ vang. Lễ cống dâng lên nước nhỏ tỏ lòng thành kính. Dốc lòng ngưỡng mộ, trông ngóng tầng mây. Kính nghĩ hoàng thái hậu bệ hạ hiền hậu trinh minh, trầm tĩnh kính cẩn. Ban ơn bốn biển, muôn dân đều coi như con. Giữ chính trong chiều, khắp nơi cùng nhờ đạo mẹ. Mọi người sinh sống, nhờ lượng chăm nuôi. Thần ở nơi xa xôi ngưỡng mộ giáo hoá. Lòng nhân rộng khắp, thấm nhuần đức hoá Nhị Nam (hai thiên trong Kinh thi là Chu Nam và Thiệu Nam đều đều khen đức hoá của Hậu phi là vợ Chu Văn Vương). Đức cả bao dung, mong được sống lâu muôn tuổi".

Có thể thấy được là qua các bài biểu dâng lên vua, mẹ vua, bà vua và con vua những lời lẽ nhún mình của vua Nam; những lời ca ngợi công đức của các người được dâng biểu là những lời hoa mỹ tán tụng, bày tỏ lòng biết ơn chịu sự chỉ bảo

https://tieulun.hopto.org

và chúc sống lâu muôn tuổi. Đó cũng là khuôn mẫu của lối văn thù phụng tuân theo một mẫu mực về nội dung đã định của văn chương (chiếu, biểu) thuở xưa.

- Đồ cống Bắc triều: ban đầu, khi nước ta mới giành độc lập, thì hầu hết là những sản vật địa phương ở phương nam như voi, sừng tê giác, trầm hương, tốc hương... mãi sau đó đến triều Lê mới thấy có vàng bạc, vải, sa, lụa... Đồ cống trong thời này có giá trị tính đến hàng trăm kg vàng, bạc. Việc mang vác các đồ cống cũng rất vất vả, tốn kém. Mỗi khi sứ bộ sang cống Bắc triều thì vua và triều đình Trung Hoa thường gửi quà biếu vua ta và ban thưởng cho các sứ thần. Sang đến đời Nguyễn thì đồ cống giá trị không đáng là bao, chỉ có ý nghĩa tượng trưng như một sự đổi quà giữa hai vua. Ngày xưa khi việc ngoại thương chưa phát triển thì trong những dịp sứ bộ đi cống Bắc triều cũng là một dịp để mua hàng hoá và đồ dùng cho triều đình và các quan, do sẵn nhân công mang đồ cống sang.

Trong những lần đến kinh đô Bắc triều để dâng biểu nộp cống, các sứ bộ đều giao dịch với bộ Lễ, mọi ý kiến đề đạt cao nhất chỉ đến Thượng thư bộ Lễ, còn phần lớn là với các quan bên dưới. Việc sứ bộ ta được vua Trung Quốc tiếp kiến là rất hãn hữu, chỉ trong những trường hợp đặc biệt và đó là những vinh dự đặc biệt cho sứ thần Việt Nam, nhất là lại được vua ban thơ, hỏi chuyện hay thơ hoạ.

6. ĐỒ CỐNG BẮC TRIỀU VÀ LỆ CỐNG NGƯỜI VÀNG

Trong quan hệ giữa các triều đại Việt Nam và Trung Hoa thời trước các sứ thần nước ta khi đi sứ đều có mang theo đồ cống. Dưới thời Lê, Lý sử sách chỉ ghi là biếu. Hầu hết là các thú vật của phương Nam như tê giác, voi nhà. Năm 1014 vua Lý Thái Tổ, sau khi phá được tướng Man, sai sứ sang Tống báo tin thắng trận đã biếu 100 con ngựa Man. Năm 1034 biếu một con thú một sừng và 2 con voi nhà. Nhiều năm sau đó chỉ thấy ghi đồ biếu là thú vật, đến năm 1226 mới thấy ghi trong đồ biếu có

https://tieulun.hopto.org

vàng, bạc, nhưng cũng chưa biết rõ số lượng là bao nhiêu.

Dưới thời Lý, năm 1172, vua sai sứ thần đem 15 con voi sang hiến nhà Tống. Phan Huy Chú viết trong "Lịch triều hiến chương loại chí":

"Xưa kia, nước ta sang thăm triều đình Trung Quốc đều hiến voi nhà, sau thành lệ thường. Đến đời Đại Đinh sính sứ của ta đến, Tống Cao Tông cho là mang thú vật đi xa người cũng vất vả, mới bảo đình việc hiến vật. Đến nay Tống Hiểu Tông mới lên ngôi, sắp có việc tế nam giao, hạ chiếu cho kinh lược Quảng Tây sang mua 10 con voi nhà của nước ta... Vua Lý sai Doãn Tử Tư đi sứ, lấy 10 con voi làm lễ mừng và 5 con voi làm lễ cung tiến, bành voi để vua ngự, ngà, móng chân và trán voi đều trang sức bằng vàng, bạc cả. Ngoài ra còn vàng bạc, tiền giấy và các hương liệu phụ thêm vào..." (Tr.219).

Tuy vua Lý thuần phục Bắc triều, nhưng kỳ cống hiến chưa định hạn năm, lễ vật có lẽ chỉ là những thú vật địa phương. Tuy về sau đã thấy nói đến có vàng, bạc và cả tiền giấy nhưng chưa rõ chi tiết là bao nhiêu.

Sang đời Trần: năm 1258 lệ cống định 3 năm một lần. Nhà Nguyên đòi cống nho sĩ, thầy thuốc, thầy số, thầy bói và các hạng thợ, mỗi hạng 3 người, cùng với các sản vật như trầm hương, sừng tê, ngọc trai, đồi mồi, vàng bạc, ngà voi, bát sứ...

Đời Lê, sau khi Lê Thái Tổ chém được đầu Liễu Thăng, xin phong vương và nộp đồ cống thì có người vàng, tương truyền để đền mạng Liễu Thăng, trong dân gian thường nói là "cái nợ Liễu Thăng." Đồ cống năm 1431 như sau: một người vàng, một lư hương bạc, một đôi bình hoa bạc, 300 tấm lụa thổ sản, 14 đôi ngà voi, 20 lọ hương hun áo, 2 vạn nén tuyền hương, 24 khối tốc hương. Năm 1431 vua Lê tạ ơn việc được phong và cấp 5 vạn lạng vàng.

Đời nhà Mạc đồ cống gồm: lư hương và bình hoa bằng vàng 4 bộ (nặng 100 lạng), rùa vàng 1 con nặng 90 lạng, hạc bạc và đài bạc mỗi thứ 1 cái (nặng 50 lạng), bình hoa và lư hương bằng bạc 2 bộ (nặng 2150 lạng) mâm bạc 12 chiếc (nặng 641 lạng),

https://tieulun.hopto.org

trầm hương 60 cân, tốc hương 148 cân (cân ta).

Theo Phan Huy Chú thì đầu đời Lê sơ cống người vàng, đến khoảng giữa mới đổi ra làm lư hương, bình hoa, số lượng vàng bạc vẫn nặng bằng người vàng. Theo nhiều sử sách khác thì sau khi nhà Mạc đoạt ngôi, đã hối lộ quân Minh nhiều hơn cho yên chuyện nên đã đúc người vàng nặng cân hơn và người vàng này có tư thế cúi mặt.

Đến khi nhà Lê trung hưng, quan nhà Minh lại yêu sách cống người bằng vàng. Năm 1595 vua Lê sai Trịnh Vĩnh Lộc mang lên Lạng Sơn 2 người bằng vàng và bạc đều cao 1 thước 2 tấc, nặng 10 cân, nhưng tượng không cúi mặt. Sứ thần Phùng Khắc Khoan đã biện giải cho tư thế này.

Đến đời Lê Dụ Tông, năm 1718, vua sai Hữu Thị Lang bộ Binh là Nguyễn Công Hãng đi sứ nhà Thanh, ông đã dùng lí lẽ bác bỏ việc cống người vàng. Sách "*Tang thương ngẫu lục*" khi viết về chuyện ông Nguyễn Công Hãng có viết..."Trước kia Thái Tổ hoàng đế đánh người Minh ở núi Mã Yên, chém được tướng Minh là An viễn hầu Liễu Thăng. Kịp khi nộp cống khoản, người Minh trách móc, bắt đền phải đúc người vàng để thay thế nó. Họ Mạc cướp ngôi, nhà Minh sai Cửu Loan, Mao Bá Ôn sang đánh. Mạc sợ, lấy người vàng đút lót xin hoà. Hồi mới trung hưng, nhà Minh vặn hỏi về việc tự tiện giết chết cống thần của nhà Minh là Mạc Hậu Hợp, (Lê trung hưng) lại phải dùng người vàng để tạ. Nhân thế các triều mới thành ra lệ thường cống. Nay ông Nguyễn Công Hãng xin bỏ đi. Bô viện nhà Minh lại đem việc cũ ra hỏi. Ông nói: "Quốc Vương nay giữ cơ nghiệp của tổ tiên, về việc cống hiến không thiếu thốn gì, còn chuyện châu thành nạp khoản là việc cũ thì sứ thần này không dám biết tới". Họ lại vặn hỏi về việc Liễu Thăng, ông nói: "Liễu Thăng là tướng nhà Minh trước kia, còn nhà Thanh ta rộng có muôn nước thế mà lại bo bo đòi của lót để báo thù cho người xưa thì lấy gì khuyên người ta đến với mình?... " Thế là bắt đầu từ ông lệ cống người vàng và lệ cống nước rửa ngọc trai mới đình lại".

https://tieulun.hopto.org

Đến đời Nguyễn Tây Sơn, sau khi đuổi được Tôn Sĩ Nghị về nước, vua Quang Trung muốn cầu hoà, tướng nhà Thanh là Phúc An Khang lại đòi hỏi người vàng với Tây Sơn nhưng đã bị bác bỏ và sau đó chúng không dám nêu ra nữa.

7. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SỨ THẦN

Ngoài việc phải tuân theo những quy định khen thưởng và kỉ luật đối với các quan lại nói chung, những người được vua cử làm sứ thần vâng mệnh vua ra nước ngoài còn phải tuân theo những điều được quy định trong quốc luật đối với sứ thần.

Trong Bộ Luật Hồng Đức có quy định 2 điều đối với sứ thần như sau: "Điều 79: Sứ thần đi sứ ra nước ngoài, hay sứ thần nước ngoài vào trong nước, mà trò chuyện riêng (nhân dân dọc đường mà thông đồng riêng tư cũng đồng tội) hoặc lấy của hối lộ mà tiết lộ công việc nước nhà thì đều phải tội chém. Các vị chánh, phó sứ và các nhân viên cùng đi biết mà cố ý dung túng thì cũng cùng một tội, nếu không biết thì được giảm tội".

"Điều 221. Các quan vâng mệnh đi sứ nước ngoài mà chỉ chăm về việc mua bán thì phải tội biếm hay đồ. Nếu là vật quý lạ và sách vở cùng là các thứ thuốc men thì cho phép được mua. Khi về nước đến quan ải phải khai rõ từng thứ. Quan ở trấn ấy sai quan cấp dưới đệ trình các thứ đó về kinh để kiểm soát, nếu có thứ gì đáng dâng lên cho vua dùng thì sẽ trả lại số tiền mua thứ ấy, còn các thứ khác sẽ trả lại cho người đi sứ. Nếu giấu giếm không khai thực đều xử tội biếm hay bãi chức, đồ vật đó sẽ tịch thu sung công".

(Biếm là giáng chức quan. Đồ là bắt đi làm việc nặng nhọc sau khi đã đánh roi, có 3 bậc tội)

Về khen thưởng thì không có quy định rõ riêng cho sứ thần, nhưng sứ thần cũng theo những quy định chung cho việc khen thưởng các quan lại.

Phần lớn các sứ thần sau khi công cán ở nước ngoài, hoàn thành nhiệm vụ vua giao, đều được khen thưởng khi về, được

https://tieulun.hopto.org

thăng chức. Thí dụ: Lê Quý Đôn trước khi đi sứ là Hàn lâm viện Thị giảng, khi về được thăng Thừa chỉ, tước Dĩnh Thành hầu. Đoàn Nguyên Tuấn, làm quan đời Tây Sơn, Hàn lâm trực học sĩ, tước hầu, sau khi đi sứ về được thăng Lại bộ Tả Thị lang (như thứ trưởng) tước Hải Phái hầu. Phạm Hy Lượng làm Hộ bộ Viên ngoại, Biện lí Hình bộ sự vụ, sau khi đi sứ năm 1870 về được vua Tự Đức thăng hàm Quang Lộc Tự Khanh... Ngoài việc khen thưởng ta cũng thấy có các sứ thần bị tội như vua Trần Trùng Quang đã xử tội chết. Chánh sứ Hồ Ngạn Trần đã tiết lộ bí mật quốc gia khi đi sứ Minh. Phan Huy Chú đời Nguyễn đi sứ Thanh về bị giáng chức vì tội "lộng quyền"... Cũng có khi chánh sứ sau khi được phái đi thi hành một nhiệm vụ với nước ngoài về bị giáng chức vì lý do chính trị như Phan Thanh Giản...

8. ĐẤU TRANH KHÔNG CHO GỌI NƯỚC NAM LÀ "MAN DI" (MỌI RỢ)

Từ khi nước ta giành lại được độc lập sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc, trong quan hệ bang giao với phương Bắc, các triều đình phương Bắc thường coi khinh nước ta như một nước chư hầu nơi phên giậu, chưa được khai hoá văn minh, nên thường hay dùng chữ MAN DI (mọi rợ) để gọi nước ta. Đã nhiều lần, trong quan hệ, các sứ thần nước ta đã chống lại, phản đối cách gọi khinh bỉ đó.

Năm 980, trong bức thư do Lư Đa Tốn nhà Tống mang sang dụ nước ta - nhà Tiền Lê - phải đầu hàng, đã viết:

"Trung Quốc với các man di cũng như người ta với tay chân... Giao Châu nhà ngươi như một ngón tay của thân thể... vậy nên mở đường ngu tối cho ngươi, ban bố giáo hoá của ta...".

Năm 986, sau khi bị Lê Hoàn đánh thua, buộc phải phong tước cho Lê Hoàn, nhà Tống vẫn gọi nước ta là man di:

"Vậy nên cho Lê Hoàn giữ chức Nguyên Nhung, ngang hàng với các bậc hầu tước, cai quản nước Rợ và tôn trọng sứ mệnh của trời".

https://tieulun.hopto.org

Năm 1077, đời Lý, Tống Thần Tông sai Triệt Tiết đem quân sang đánh nước ta bị thua, trong thư của quan ngự sử là Thái Phụng Hỷ dâng lên vua đã dùng chữ man di để chỉ nước ta:

"Từ khi bọn Giao Châu không quy thuận... nay triều đình lấy cớ bọn man di hay đi cướp bóc... bệ hạ dung nạp cả loài ô uế".

Năm 1762 khi sứ bộ Trần Huy Mật sang cống, các quan lại nhà Thanh vẫn dùng chữ "di quan", "di mục" để gọi sứ thần ta. Lê Quý Đôn đã phản bác lại cách dùng khinh miệt đó, buộc chúng phải gọi sứ thần Việt Nam là "An Nam Cống sứ".

Năm 1790, dưới thời Tây Sơn, khi sứ bộ Việt Nam sang Thanh, chúng lại vẫn gọi sứ thần ta là "di quan". Võ Huy Tấn đã phản bác và làm thơ biện luận tỏ rõ sức mạnh của ta.

Năm 1831 khi Lý Văn Phức đi sứ, bọn quan nhà Thanh lại dùng chữ "di quan" (quan mọi) để gọi sứ thần ta. Lý Văn Phức cũng đã phản đối, buộc chúng phải sửa đổi.

Chắc là còn nhiều lần bọn quan lại phương Bắc đã dùng chữ "mọi rợ" để gọi người nước ta nhưng sử sách không ghi lại được hết. Quan niệm coi khinh những nước ngoài Trung Hoa là mọi rợ của chúng đã kéo dài hàng ngàn năm, sau khi nước ta đã giành được độc lập, đã thể hiện cách đối xử bất bình đẳng, trịch thượng, khinh mạn của chủ nghĩa nước lớn, đã luôn bị ta đấu tranh phản đối.

9. VIỆC GIÁM SÁT CÁC SỨ THẦN NƯỚC NGOÀI

Các sứ thần nước ngoài đến nước ta thường được sắp xếp ở theo quy định, sứ phương Bắc thì ở bên kia sông Hồng. Để bảo vệ tính mạng và tài sản cho các sứ thần có một số quân canh gác ngày đêm. Tuy vậy, có các sứ bộ ngoài việc bang giao còn làm nhiệm vụ thăm dò tình báo các mặt nên các triều đại Việt Nam, cũng có những lần phải chỉ thị tăng cường giám sát không cho họ làm việc thu thập tình báo.

Năm 1426, khi sứ nhà Minh sang, triều đình đã thông báo

https://tieulun.hopto.org

cho các quan văn võ biết là: "Báo cho các nhà quân dân ở các huyện thuộc Phủ lộ Trung Đô (kinh thành Thăng Long), nhà nào có nô tì người Ngô (Trung Quốc) thì không được cho ra ngoài để thông đồng với sứ nhà Minh".

Năm 1485, triều Lê lại định rõ việc giám sát các sứ thần nước ngoài đến như sau:

"Nếu sứ thần các nước Chiêm Thành, Lão Qua, Xiêm La, Trảo Oa, Lạt Gia (Lào, Thái, Java, Malacca) và các đầu mục (người đứng đầu) phụ trách các trấn biên giới đến quán Hội đồng (chỗ ở của sứ thần) thì Vệ Cấm Y (quân canh phòng ở kinh đô) sai các tráng sĩ, cùng với quân cờ của Ngũ thành binh mã lang tướng ty, đều phải theo đúng phép mà giám thủ nghiêm cẩn. Từ việc canh phòng cho đến những khi đi lại trên đường, vào chầu ra mắt cũng nên đằng trước đằng sau dàn đi, xua đuổi những người tiểu nội và bọn nô tỳ công tư, đều không được đến gần hỏi thăm, trò chuyện đến nỗi tiết lộ sự tình, dụ dỗ sinh tệ. Giám quan phụ trách không biết phòng ngừa nghiêm cẩn như phép, lấy tình riêng dung túng, thì Ti Xá nhân Ti Kì bài, Ti Tráng sĩ Vệ Cẩm Y cứ thực tâu lên, bắt đến trị tội".

Qua đó đủ thấy việc canh phòng giám sát các sứ thần ngày xưa đã được triều đình chú ý để tránh tiết lộ các bí mật quốc gia ra đến ngoài.

https://tieulun.hopto.org

Chương II

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI ĐINH, TIỀN LÊ, LÝ

https://tieulun.hopto.org

1. VIỆC ĐI SỨ VÀ TIẾP SỨ THỜI ĐINH

Sau khi đánh tan quân Nam Hán vào mùa xuân năm Kỉ Hợi (939), Ngô Quyền tự xưng Vương, đóng đô ở Cổ Loa. Trong hàng chục năm sau, không thấy các sử sách ghi lại việc bang giao giữa triều Ngô với phương Bắc. Sau khi Ngô Quyền mất, các con tranh nhau ngôi vua. Năm 954 con Ngô Quyền là Ngô Xương Văn lên ngôi vua, xưng là Nam Tấn Vương, sai sứ sang xin mệnh lệnh của chúa nhà Nam Hán là Lưu Thanh. Lưu Thanh đã phong cho Ngô Xương Văn chức *Tĩnh hải quân Tiết độ sứ kiêm Đô hộ*.

Sau khi dẹp xong 12 sứ quân, năm 968, Đinh Tiên Hoàng lên ngôi Hoàng đế, ở phương Bắc nhà Tống đã dẹp nhà Nam Hán. Năm 972 Đinh Tiên Hoàng đã sai con là Đinh Liễn sang Tống xin phong vương. Năm sau, 974 vua sai sứ sang phong cho Đinh Tiên Hoàng làm *Giao Chỉ quận vương*. Lời chế đại lược viết:

"Nhà Đinh đời đời là họ đàn anh, giữ được cõi đất ở phương xa, có lòng hâm mộ phong thái văn minh, thường tỏ ý muốn phụ thuộc với Trung Quốc. Nay gặp buổi chín châu về một mối, Ngũ Lĩnh lặng yên, bèn vượt biển trèo non dâng nộp chức cống. Ta khen ý tốt, cho con sang xưng thần, cho cha được chia đất nhận phong, được giữ binh quyền, được thu thuế má. Để khen người đức tốt, sắc mệnh đâu có hẹp hòi".

Vua Tống lại phong cho Đinh Liễn làm *Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ*.

Năm 975 vua Tống lại sai sứ thần là Cao Bảo Tự và Vương Ngạn Phù sang phong cho Đinh Tiên Hoàng là *Nam Việt Vương*, phong cho Đinh Liễn là *Khai phủ nghi đồng tam ti kiểm hiệu Thái sư Giao Chỉ quận vương*.

Về việc này Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* ghi:

"Nước ta đời Hùng Vương mới bắt đầu giao hiếu với Trung

https://tieulun.hopto.org

Quốc nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu triều hội ở nhà Minh Đường. Rồi bị Triệu Đà kiêm tính, nhà Hán phong Đà làm Nam Việt vương, chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc, chứ chưa từng là một nước. Đến sau nội thuộc vào nhà Hán, Đường biến thành quận, huyện. Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ sắc phong của Trung Quốc mới công nhận cho đứng riêng là một nước".

2. SỨ THẦN GIANG CỰ VỌNG VÀ VƯƠNG THIỆU TỘ MANG THƯ XIN NHÀ TỐNG HOÃN BINH

Vào năm Kỷ Mão (979) Đinh Tiên Hoàng và Nam Việt vương Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết. Các quan trong triều tôn Vệ Vương Toàn, mới 6 tuổi lên ngôi vua. Nhân dịp này viên quan nhà Tống cai trị Ung Châu là Hầu Nhân Bảo dâng thư lên vua Tống nói:

"An Nam quận vương và con là Liễn đều bị giết, nước đã gần mất, có thể nhân lúc này đem quân địa phương đánh lấy được, nếu bỏ lúc này không mưu, sợ mất cơ hội. Xin đến cửa khuyết để trình bày trước mắt tình trạng có thể đánh lấy được".

Lư Đa Tốn là một viên quan trong triều Tống tâu lên:

"An Nam nổi loạn, đó là lúc trời làm mất. Triều đình ta, trong khi bất ý, đem quân đánh úp tức như sét đánh không kịp bịt tai. Nếu gọi Hầu Nhân Bảo về thì cơ mưu bị tiết lộ, người Nam biết mất, sẽ sẵn dựa núi, cách biển mà phòng bị trước, thế được thua chưa có thể biết được. Chi bằng giao cho Nhân Bảo chịu trách nhiệm vận chở ngay lương thực chọn tướng đem quân ở Kinh Hồ gồm 3 vạn người kéo sang đánh. Thế là vẹn toàn như bẻ cành khô cây mục, không lo mất một mũi tên."

Vua Tống nghe theo, cử Tôn Toàn Hưng, Hầu Nhân Bảo và một số tướng tá nữa đem quân sang đánh Đại Cồ Việt.

Nghe tin quân Tống sắp sang xâm chiếm, các quan trong triều đã đồng thanh tôn Lê Hoàn đang làm Nhiếp chính lên

https://tieulun.hopto.org

ngôi hoàng đế để đối phó với giặc ngoại xâm.

Vua Tống sai sứ là Lư Đa Tốn mang chiếu thư sang dụ nước Đại Cồ Việt đầu hàng. Trong thư có những lời lẽ rất láo xược: "Trung Quốc với các Man Di cũng như người ta có 4 tay chân... Vậy nên mở đường ngu tối cho ngươi, ban bố giáo hoá của ta, ngươi có theo hay không? Ngươi không nên nấp vào xó tối để ta khó chịu, để ta phải dùng đến kế cắt thịt chặt xương, giết hết nước ngươi, sau hối không kịp... Ngươi nên quy phục, không nên vơ lấy tội. Hiện nay ta đương sửa soạn chiêng trống, nếu quy phục ta sẽ tha, trái lệnh ta sẽ đánh...".

Nhận được thư vua Tống, một mặt Lê Hoàn cử Phạm Cự Lang là đại tướng quân đem quân lên biên giới chống cự, một mặt sai hai sứ thần là Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ mang thư sang nước Tống giả là thư của Vệ Vương Toàn xin nối ngôi cha là Đinh Tiên Hoàng, xin triều cống để tìm cách hoãn binh. Lời thư viết:

"Cha thần là... anh thần là... đều đội ơn nhà nước, được cho trông coi biên khổn, kính giữ bờ cõi, không dám trái lệnh, công lao chưa tí chút báo đền, giọt sương đã tan rơi buổi sớm. Thần trong nhà hại nhau, áo tang chưa bỏ, bọn quân dân tướng lại trong hạt và các phụ lão, bộ lạc cùng nơi chiếu rơm gối đất của thần yêu cầu thần tạm coi việc quân. Thần cố từ mấy lần nhưng bị ép mãi, vẫn định tâu bày xin mệnh lệnh, song lại nghĩ nếu để chậm không nhận thì cái tục hung tợn của người rừng núi, các dân gian trú ở nơi khe động, nếu không chiều lòng họ sợ xảy ra biến gì, cho nên thần đã kính quyền nhiếp chức Tiết độ hành quân tư mã, tạm lãnh việc quân của châu. Cúi mong ban cho chân mệnh, cho được dự hàng phiên bang để yên lòng kẻ tôi mọn, giữ hết đạo trung, ban điển của thánh triều thưởng cho đời đời".

Vua Tống đang lấy cớ để xâm chiếm nước ta. Khi nhận được thư của Vệ Vương Toàn đã sai Trương Tông Quyền đưa thư trả lời rằng:

"Họ Đinh truyền nối 3 đời, Trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh (Lê Hoàn) làm phó. Nếu Toàn không có tướng tài

https://tieulun.hopto.org

hay còn non dạ thì nên bảo mẹ con sang quy phục, đợi khi vào chầu tất sẽ ưu đãi và sẽ cho khanh cờ tiết. Có hai đường ấy khanh nên chọn lấy một". Thư đi và về vào mùa đông năm 980.

Vua Tống Thái Tông đã có ý định đem quân sang xâm chiếm nước ta nên sau đó đã phát "Lời chiếu chinh phạt Giao Chỉ" như sau:

"Thanh giáo và oai linh của nước nhà vang khắp cả mọi nơi. Gần đây, đất Giao Chỉ chưa sáp nhập vào địa đồ Trung Quốc ở một phương, gần nơi Ngũ Lĩnh. Từ cuối đời Đường rối loạn, chia xẻ đất đai, rồi chúng làm ra một nước tiếm nguỵ, ở xa thanh giáo, thành ra phong tục như đứa mù đứa điếc. Kịp khi Phiên Ngung đã bình định, mới ban cho chính sóc mà tuân hành. Tuy đã chịu phục tùng làm phiên thuộc nhưng cứ tu luyện binh lính, có ý quật cường. Lễ thờ phụng nước trên lẽ nào như thế? Vậy ta bất đắc dĩ phải trừ tội gian để cứu dân, phải cử binh qua đánh để khai hoá xứ mọi rợ này. Nay cho bọn Tôn Toàn Hưng xuất quân qua đánh.".

Năm 981 quân Tống do Tôn Hoàn Hưng và Hầu Nhân Bảo cầm đầu đã bị Lê Đại Hành đánh cho đại bại ở Chi Lăng (Lạng Sơn) và Bạch Đằng, Hầu Nhân Bảo bị giết chết, nhà Tống bắt buộc phải rút quân về.

Mùa xuân năm 983 vua Lê Đại Hành cho sứ sang xin thông hiếu với nhà Tống để duy trì hoà bình cho đất nước. Đã bị đại bại, vua Tống bắt buộc phải sai sứ sang phong cho Lê Đại Hành chức *Tiết trấn* (Tiết độ sứ ở phiên trấn).

Năm 985, vua Lê đã sai sứ sang lĩnh Tiết trấn.

Lời lẽ trong chế phong của vua Tống đã thay đổi ngay:

"Lê Hoàn tư chất nghĩa dõng, bẩm tính trung thuần, được lòng quốc dân, kính cẩn giữ lễ phiên thần... Nay Lê Hoàn mặc dầu xa cách, vẫn tỏ lòng thành kính, xin lãnh tiết mao... Vậy nên cho Lê Hoàn giữ chức nguyên nhung, ngang với các bậc hầu tước, cai quản các nước rợ, và tôn trọng sứ mệnh của trời. Nay gia thêm hàm Kim Tử Quang Lộc đại phu, Kiểm Hiệu Thái uý sứ, Tri Tiết Đô đốc chư quân sự".

https://tieulun.hopto.org

Mục đích xâm lược nước ta không đạt được bằng quân sự. Bị thua phải rút chạy, vua quan nhà Tống bắt buộc phải bằng con đường ngoại giao công nhận vai trò chỉ huy cầm đầu quân đội ở vùng phiên trấn của Lê Hoàn nhưng chưa công nhận là quốc vương. Còn Lê Đại Hành vẫn theo chính sách của các triều đại trước, xin triều cống thiên triều để giữ vững hoà bình và chủ quyền dân tộc.

3. VUA LÊ ĐẠI HÀNH KHÔNG LẠY KHI NHẬN CHẾ VĂN CỦA VUA TỐNG

Năm Canh Dần (990) vua Tống Thái Tông lại sai hai sứ thần là Tống Cảo và Vương Thế Tắc đem chế sang phong cho vua Lê chức Đặc tiến, (một chức quan to dưới hàng tam công, chỉ vua chư hầu nào có công đức, được Triều đình kính trọng mới được phong chức này). Vua Lê sai tướng là Đinh Thừa Chính đem thuỷ quân gồm 9 chiến thuyền và 30 quân đến Thái Bình Quán (Châu Liêm, Quảng châu ngày nay) để đón sứ. Đoàn chiến thuyền đi theo đường biển ròng rã hơn nửa tháng trời mới vào đến sông Bạch Đằng. Đến tháng 9 âm lịch thì đến trạm Nại Chính ở Trường Châu (Trường Yên). "Sự đón tiếp cố làm ra vẻ sơ sài, kiêu ngạo. Nơi sứ quán đồ cung cấp không được đầy đủ. Khi sứ sắp đến thành thì mới có gian nhà lợp tranh để chữ "*mao kinh dịch*" (Trạm qua đường lợp cỏ tranh). Đến khi quân ra đón ở ngoài thành thì quân dụng lộng lẫy, cờ xí dàn bầy khắp nơi". Vua Lê Đại Hành cùng sứ thần Tống Cảo dong ngựa đi song song. Theo sách *Đại Việt sử kí toàn thư* thì vua Lê đã cho bày thuỷ quân và chiến cụ để tỏ ra quân đội nghiêm minh, có kỷ luật, có vũ khí tốt và thiện chiến, đã đánh thắng Chiêm Thành, và cũng sẵn sàng bảo vệ đất nước nếu quân nhà Tống lại xâm lăng.

Khi vào đến cung vua, đến cửa Minh Đức, vua giơ tay đón lấy bài chế của vua Tống từ tay sứ thần Tống Cảo để lên trên điện nhưng không lạy. Vua Lê nói với sứ thần là năm vừa rồi đi

https://tieulun.hopto.org

đánh giặc Mán bị ngã ngựa đau chân. Tống Cảo và Vương Thế Tắc tin là thực. Có lẽ đây là lần đầu tiên vua nước Nam khi nhận sắc phong của vua Trung Hoa đã không chịu lạy để giữ thể diện quốc gia lại còn trưng bày chiến cụ và cho thuỷ quân diễn tập để biểu thị ý chí quyết chiến bất khuất của nước nhỏ.

Ngày hôm sau khi đặt tiệc thết đãi hai sứ quân, vua Lê nói với Tống Cảo:

"Đường sá xa khơi, núi sông hiểm trở, sau này nếu có quốc thư, xin cứ giao nhận ở biên giới, khỏi phiền sứ giả đến đây". Chính ý của vua Lê là không muốn để cho các sứ thần và quân lính đi sâu vào trong đất nước ta để dò xét đường đất đi lại và lực lượng quân dân ta. Sau khi về nước, Tống Cảo có viết bài "hành lục" miêu tả chuyến đi. (Xem kèm theo sau).

Theo lời chú giải trong sách *Đông tây dương khảo* của Trương Nhiếp nhà Minh thì Tống Cảo đi sứ về nói với vua Tống rằng: "Năm ngoái đến Giao Châu Lê Hoàn đem quân và dân bơi thuyền, gióng trống, hò reo, những núi ở gần đô thành thì hư trương thanh thế, cắm rặt cờ trắng làm như dáng vẻ bầy binh bố trận. Kịp đến khi đến cửa kinh đô Lê Hoàn nhận lấy tờ chế nhưng không lạy". Như vậy là việc không lạy chế của vua Tống đã được sứ nhà Tống xác nhận.

Cũng theo sách *Đông tây dương khảo* và *Lịch triều hiến chương loại chí:* trong lần tiếp Tống Cảo và Vương Thế Tắc, để thấy tinh thần dũng cảm gan góc không sợ chết của quân lính, vua Lê đã mời sứ giả cùng ngồi xem những người lính tay không đánh nhau với hổ dữ trong sân vua. Hổ đã gầm thét, lồng lộn để vồ lấy người lính nhưng đã bị những quả đấm như búa bổ vào hai bên thái dương và chân người lính đạp vào chỗ hiểm nên chỉ còn gầm gừ và điên cuồng giãy giụa kiệt sức. Sau trận đấu hổ, vua Lê lại cho hai lính vác hai con trăn dữ tợn ra biểu diễn. Có thể nuốt người ăn thịt, hoặc vặn người cho đến nát nhừ nhưng hai con trăn đã bị những người lính bé nhỏ điều khiển, cho quấn lên cổ, lên người mà không hề khiếp sợ. Vua Lê lại hỏi sứ Tống có ăn thịt trăn không, sứ Tống từ chối.

https://tieulun.hopto.org

Thấy những trò chơi biểu hiện tinh thần dũng cảm, không sợ chết của quân lính nhà Lê, hai sứ thần nhà Tống phải cảm phục và thấy cuộc bại trận của chúng năm Canh Thìn (980) là đích đáng.

Bàn về việc tiếp sứ thần Tống Cảo, Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã viết: "Thời ấy nhà Lê đóng đô ở Hoa Lư, đường bộ đi quanh co cho nên khi sứ Trung Quốc sang tất phải do đường thuỷ thì sự đón tiếp mới tiện, nhưng mà gần đến kinh thành quán trạm quá sơ sài, thiếu phần trọng thể, dù cho là nhà Tống nhu nhược thì coi khinh họ cũng không hại gì. Nhưng ta là một nước văn vật thì không khỏi như ngọc có vết. Xem lời Bắc sứ khi về nước thì cũng có ý bất mãn lắm (Khi Cảo về đem cả sự đón tiếp đơn giản, ngạo mạn của vua tôi lên, lại nói nhà vua chột, quê mùa mà mắt trừng trừng, toàn là lời chê bai cả)".

4. VUA LÊ ĐẠI HÀNH TIẾP SỨ THẦN TỐNG LÀ LÝ NHƯỢC CHUYẾT VÀ LÝ GIÁC

Sau khi đánh thắng quân nhà Tống do Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng chỉ huy năm 981, vua Lê Đại Hành đã cho xây dựng thêm nhiều cung điện nguy nga ở kinh đô Hoa Lư nhằm khẳng định triều đại thịnh trị.

Đến tháng 10 năm Bính Tuất (986) vua Tống Thái Tông đã cho hai sứ thần là Lý Nhược Chuyết và Lý Giác mang chế văn phong cho Lê Đại Hành chức: *Kiểm hiệu thái bảo sử tri tiết đô đốc Giao Châu chư quân sự, An Nam đô hộ, Tĩnh hải quân tiết độ sứ, Giao Châu quản nội quan sát xử trí đẳng sứ, Kinh triệu quận hầu.*

Chế của vua Tống viết đại lược:

"Đấng vương giả dựng nên chế độ trung chính, yên vỗ chư hầu; đặt phủ đệ ở kinh đô, để lễ hội đồng được long trọng; phong đất cho một địa phương để quyền tiết chế được rõ ràng.

https://tieulun.hopto.org

Huống chi ở nơi Chu Diên Giao Chỉ xa xôi, mà đem lông cánh chim đẹp cống hiến. Vừa lúc đổi chủ mới tiện phong *Hầu*. Không quên cung kính xin ban sắc mệnh, nên đem thịnh điển đáp lại công ơn lớn lao.

Nay quyền Tri tam ti lưu hậu Lê Hoàn, tư chất vốn kiêm nghĩa dũng, bản tính trung hậu thuần hoà, đã được lòng người trong nước, lại giữ trọn nghĩa phiên thần. Trước đây Đinh Toàn tuổi còn thơ ấu chưa biết trị dân, ngươi lấy tinh thần ruột thịt, coi giữ quân đội hiệu lệnh, tự mình uy ái đủ cả. Rồi thì họ Đinh tự Giao Chỉ quyền thể theo ý muốn dân chúng. Nay ngươi tỏ lòng thành, cầu lĩnh mao tiết. Sĩ Nhiếp là người thông minh, hoá tục dân Việt được yên, Úy Đà là người cung thuận, theo chiếu nhà Hán không trái. Ngươi vốn dòng giống nên cho liệt vào chư hầu. Phải vỗ về bộ lạc, tuyên dương đức hoá nhà vua...".

Lời lẽ của Tống Thái Tông tuy đã phải công nhận vai trò của Lê Hoàn nhưng cũng chỉ phong cho làm Đô đốc Giao Châu, cho vào hàng chư hầu.

Lê Đại Hành nhận chế và tiếp đãi hai sứ thần rất hậu, nói với hai sứ thần rằng: "Nước chúng tôi bé nhỏ, sông núi xa xôi, cách thiên triều muôn dặm, hẻo lánh một nơi, các quan sứ thần đi lại lội suối trèo dèo chẳng cũng khó nhọc lắm ư?".

Lý Giác đáp: "Bản triều bờ cõi muôn dặm, hàng bốn trăm quận, có chỗ bằng phẳng, có chỗ hiểm trở, một phương này sao đáng gọi là xa".

Để giữ hoà hiếu với nhà Tống, Lê Đại Hành đã trao trả nhà Tống hai tên tướng giặc bị bắt sống năm xưa là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân sau khi đã giam giữ 5 năm trời. Hai tướng bị cầm tù mừng rỡ lạy tạ và về nước cùng với hai sứ thần.

5. ĐỖ PHÁP THUẬN: NHÀ SƯ, NHÀ SỨ, NHÀ THƠ

Đỗ Pháp Thuận thường được gọi là Đỗ Thuận hay sư Thuận là người học rộng, thơ hay, giỏi việc đối đáp nên được

https://tieulun.hopto.org

vua Lê Đại Hành mời vào triều bàn việc nước. Nhiều lần vua định phong chức nhưng ông đều không nhận.

Vào mùa xuân năm 987, vua Tống lại sai Lý Giác sang sứ nước ta. Vua Lê Đại Hành biết Lý Giác là người giỏi văn thơ nên đã sai sư Thuận giả làm người chèo đò ra đón sứ Lý Giác ở chùa sông Sách Giang. Khi qua sông Lý Giác trông thấy xa xa có hai con ngỗng trời bay, liền đọc hai câu thơ:

"*Nga nga lưỡng nga nga*
Ngưỡng diện hướng thiên nha"

Dịch nghĩa:

"Ngỗng ngỗng, hai con ngỗng
Ngửa mặt nhìn chân trời"

Sư Thuận nghe xong, tay vẫn nhịp nhàng chèo thuyền và đọc tiếp 2 câu thơ sau thành một bài thơ tứ tuyệt:

"*Bạch mao phô lục thuỷ*
Hồng trạo bãi thanh ba".

Dịch nghĩa:

"Nước lục phô lông trắng
Chèo hồng sóng xanh bơi".[1]

Lý Giác thấy người lái đò mà cũng hay chữ như vậy đã kinh ngạc và cảm phục. Khi về đến công quán, Lý Giác làm một bài thơ gửi cho sư Thuận. Bài thơ viết bằng chữ Hán:

(Dịch):

---

(1) Bốn câu thơ sư Thuận và Lý Giác đọc nguyên gốc ở bài thơ Vĩnh Nga *của nhà thơ đời Đường là Lạc Tân Vương làm lúc lên 10 tuổi. Nguyên văn:*

"Nga, nga, nga,
Khúc hạng hướng thiên ca.
Bạch mao phù lục thuỷ
Hồng chưởng bát thanh ba"

Dịch nghĩa cũng tương tự như trên. Lý Giác và Đỗ Thuận chỉ là người ngâm lại chứ không phải là sáng tác. Song câu chuyện ở đây cho sứ Trung Hoa thấy một người lái đò bình thường ở Giao Châu cũng học rộng, thông thạo thơ Đường, đủ biết nước Nam là một nước văn hiến, có lắm người tài không kém gì phương Bắc.

https://tieulun.hopto.org

"May gặp thời binh giúp kế hay
Thân này 2 lượt sứ Giao Châu.
Đông Đô mấy độ còn lưu luyến,
Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu,
Ngựa vượt khói mây xuyên sóng núi,
Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.
Ngoài trời lại có trời soi nữa.
Sóng lặng khe dầm bóng nguyệt thâu".

Sư Thuận đem bài thơ ấy dâng vua. Vua triệu sư Khuông Việt vào xem, Khuông Việt nói: Bài thơ này sứ giả tôn bệ hạ không khác gì vua của ông ta. Vua khen bài thơ và tặng Lý Giác rất hậu. Khi Lý Giác từ biệt, vua sai Khuông Việt làm một bài thơ tiễn chân. Bài thơ theo điệu "Tống Vương lang quy":

(Dịch):

"Gió xuân đầm ấm cánh buồm giương
Trông vị thần tiên về đế hương,
Muôn lần non nước vượt trùng dương.
Đường về bao dặm trường,
Tình lưu luyến chén đưa đường,
Nhớ vị sứ lang
Xin lưu ý việc biên cương,
Tâu rõ lên thánh hoàng".

Lý Giác lạy tạ vua lên xe về Bắc.

6. VUA LÊ ĐẠI HÀNH TIẾP ĐÓN SỨ THẦN, NHẬN SẮC PHONG VƯƠNG VÀ ĐAI NGỌC CỦA VUA TỐNG

Sau khi đã dựng nên một triều đại mới là nhà Lê (Tiền Lê) và đánh tan quân Tống xâm lược, Lê Hoàn sai sứ sang Trung Hoa xin cầu phong. Vua Tống tuy bị thua trận nhưng vẫn chưa chịu công nhận ngay Lê Hoàn là vua nước Nam mà chỉ phong những chức quan lần lượt từ Đô đốc, Thái uý, Đặc tiến, mãi đến năm Quý Tỵ (993) mới chịu phong *Giao Chỉ quận vương* và năm Đinh Dậu mới phong làm *Nam Bình vương*. Sở dĩ phải

https://tieulun.hopto.org

mất sau 16 năm sau chiến thắng quân Tống (980) vua Tống mới chịu phong vương cho Vua Lê chính là bởi lực lượng Vua Lê đã đủ mạnh để có thể uy hiếp cả biên giới phía Nam của nhà Tống. Muốn giữ cho yên bờ cõi biên cương phía nam không thể không phong vương cho Vua Lê để ràng buộc Vua Lê theo nghĩa bầy tôi.

Sau khi đánh thắng Chiêm Thành và sai quan mở đường bộ thông đến châu Địa Lý, để khẳng định sức mạnh của triều Lê, Vua Lê sai sứ sang cống Vua Tống và dâng tờ biểu của Đinh Toàn nhường ngôi cho Lê Hoàn. Vua Tống thấy lực lượng của Lê Hoàn đã mạnh nên bắt buộc phải sai hai sứ thần là Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản sang phong vương cho Vua Lê làm *Tĩnh hải quân tiết độ sứ Giao Chỉ quận vương*. Tuy là tước vương nhưng phạm vi chỉ bó hẹp trong quận Giao Chỉ mà thôi.

Trước sức ép đòi phải phong vương của Lê Hoàn Vua Tống Thái Tông phải phong hạn chế. Bình luận việc này sách *Cương mục tục biên* của Trung Quốc viết: "Năm Thuần Hoá thứ IV (993) Lê Hoàn đưa lễ sang cống, (Vua đã) phong cho Lê Hoàn làm *Giao Chỉ quận vương*. Bài "Phát minh" trong cuốn sử trên bàn rằng: Thiên tử sở dĩ được quý là chỉ vì vâng mệnh trời, đánh giết kẻ phản nghịch. Giao Châu là đất do họ Đinh giữ trước. Năm Khai Bảo thứ VI (973) Đinh Liễn vào cống vâng mạng; chịu phong vương, vậy thì con cháu nối nghiệp là theo đúng lễ. Đinh Lễ mất rồi, em là Đinh Toàn lên nối ngôi. Bộ tướng là Lê Hoàn lừa gạt kiếm chế chủ mình, giành nắm quyền bính, đó là kẻ loạn thần tặc tử. Đối với pháp luật của vương giả tất phải tru diệt. Nay Tống thấy Lê Hoàn sang tiến cống cũng gia phong cho tước vương. Thế là tước vương ở Giao Chỉ có thể dùng thế lực mà chiếm được, chứ có phải nhận lấy bằng lễ nghĩa đâu. Nếu sau này bầy tôi của Lê Hoàn cũng bắt chước làm theo thói xấu ấy thì vua Tống lấy gì mà chế trị được? Than ôi! Làm vua mà không nắm được quyền đánh dẹp thì kẻ loạn thần lấy gì để mà răn chừa?... Thì ra hai bên đều trọng về lợi, chứ không trọng về nghĩa nữa. Công đạo bởi đâu mà giãi tỏ

https://tieulun.hopto.org

được ra?" Các sách sử không ghi rõ về chi tiết cuộc đón tiếp sứ thần nhà Tống và nhận phong vương lần này. Có thể là Vua Lê vẫn không bằng lòng với việc phong đè đặt đó, nên vào năm Kỷ Mùi (995), theo các sử sách, Nhà Vua dung túng dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống ở Như Hồng và Như Tích (thuộc Liêm Châu - Quảng Đông).

Đến năm 996 Vua nhà Tống lại sai sứ thần là Lý Nhược Chuyết đem tờ chiếu và đai ngọc sang ban cho Vua Lê. Theo *Việt sử thông giám cương mục* thì việc đón tiếp sứ thần nhà Tống đã diễn ra như sau:

"Khi sứ thần đã đến nơi, Nhà Vua ra đón ngoài đô thành có ý ngạo mạn coi thường, không thi lễ, bảo Lý Nhược Chuyết rằng:

- Trước đây việc cướp trấn Như Hồng là do giặc ở ngoài biên giới, chẳng hay Hoàng đế (vua Tống) có biết không? Giả sử Giao Châu chúng tôi nổi lên chống lại (vua Tống) thì trước hết kéo sang Quảng Đông rồi vào mọi quận ở Mãn Châu, chứ có khi nào chỉ nhằm một trấn Như Hồng mà thôi?

Lý Nhược Chuyết ung dung đáp:

- Túc hạ xuất thân từ một nha tướng, được Hoàng đế trao cho tiết Việt, hết lòng cung thuận, hợp với lẽ nghĩa, tất không có ý gì khác. Các đại thần bên tôi đều cho rằng giặc biển quấy rối, một mình Giao Châu không chế trị nổi, xin đem quân ra hội tiễu để dứt hẳn nỗi lo về sau. Nhưng Hoàng đế lại lo Giao Châu không biết rõ ý nghĩa của triều đình, lỡ sinh ra sợ hãi chăng, cho nên không đem quân ra hội tiễu nữa.

Nhà vua ngạc nhiên nói:

- Giặc biển xâm phạm biên giới, đó là lỗi tại người bầy tôi có trách nhiệm giữ biên cương. Từ nay xin kính theo giáo hoá triều đình, quét sạch chướng khí ngoài biển.

Nói đoạn cúi đầu tạ lỗi".

Lời lẽ của Vua Lê đã thể hiện một niềm tin vào sức mạnh của nước Đại Cồ Việt, có đủ sức mạnh kéo sang để đánh lấy những đất cũ đã bị nhà Tống chiếm cứ, cũng ngầm bảo cho sứ

https://tieulun.hopto.org

nhà Tống biết, nếu Vua Tống không chịu công nhận vai trò làm vua của Lê Hoàn và chủ quyền của nước Nam thì hãy dè chừng, vua Nam sẽ dùng đến sức mạnh để bắt vua Tống phải công nhận. Còn về Lý Nhược Chuyết, tuy bị thất lợi sau vụ Như Hồng và trước lời cảnh báo của Lê Hoàn cũng với giọng điệu của kẻ nước lớn, thiên tử, để lấp liếm sự hèn yếu và để vỗ về vua Lê giữ phận bầy tôi.

Phải đợi đến năm sau, khi Tống Thái Tông mất, Tống Chấn Tông lên ngôi mới chịu phong cho Lê Hoàn làm *Nam Bình vương*, nhưng chỉ sai viên quan ở biên cương triệu người của vua Lê sang để trao cho sắc chỉ, chứ không sai sứ thần mang sang như trước nữa.

7. MINH SƯỞNG, SỨ THẦN ĐẦU TIÊN SANG TỐNG XIN SÁCH NHO HỌC VÀ KINH PHẬT VỀ NƯỚC

Nho học được truyền vào nước ta từ thời Bắc thuộc, Phật giáo được truyền vào từ thế kỷ thứ II sau Công nguyên, phát triển mạnh ở Luy Lâu. Từ sau khi giành được độc lập các triều đại Ngô, Đinh, Lê đều chú ý phát triển các đạo trên. Vua Lê Đại Hành ở ngôi vua được 24 năm, tuy phải đối phó với nhà Tống ở phía Bắc và Chiêm Thành ở phía Nam nhưng tình hình trong nước vẫn ổn định, cần phải xây dựng đời sống văn hoá để trở thành một quốc gia có nền văn hiến như phương Bắc nên đã cử người sang Trung Quốc xin kinh Nho giáo và Phật giáo.

Năm 1005, Lê Long Đĩnh lên nối ngôi. Mùa xuân năm 1007 sai em là Minh Sưởng sang nhà Tống dâng biểu xin Cửu kinh Nho giáo và Kinh Đại tạng Phật giáo về nước để phổ biến. Cửu kinh là 9 quyển sách cơ bản của Nho giáo gồm Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Chu Lễ. (Cũng có thuyết cho Cửu kinh gồm: Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Chu Lễ, Nghi Lễ, Lễ Kí, Tả Truyện, Công Dương, Cốc Lương). Vua Tống là Tống Chân Tông cho là vua Lê nước Nam cho sứ sang xin các kinh, thấy có

https://tieulun.hopto.org

ý muốn tuân theo về mặt tinh thần, lễ nghi nên rất mừng và ưng thuận. Các quyển kinh này đều được in ở Trung Quốc bằng các bản khắc gỗ, trong nước ta khi đó chưa biết in nên phần lớn các sách Nho giáo và Phật giáo đều chép tay.

Đến đời Lý, vào năm 1018, vua lại sai 2 sứ thần là Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc sang nhà Tống để xin kinh Tam Tạng. Hai năm sau bộ sách Kinh Tam Tạng mới được đưa về tới trong nước. Vua cho xây dựng nhà tàng kinh Bát Giác để chứa và sai người chép ra các bản sao. Vào năm 1034, 1081 và 1098 vua Lý lại sai sứ thần sang Tống để xin kinh. Bộ Kinh Tạm Tạng gồm 480 tập 5.048 quyển, gồm 13.000 bản gỗ đã được nhà Tống khắc trong 11 năm mới xong. Các sứ thần sang Tống năm 1034 là Hà Thụ và Đỗ Khoan. Nhân dịp này vua đã biếu vua Tống con voi đã thuần phục.

Đến đời Trần, sau khi đánh thắng quân Nguyên xâm lược, vua Trần Anh Tông sai 2 quan là Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo vào năm 1295 theo sứ thần của vua Nguyên là Tiêu Thái Đăng sang Trung Quốc để xin bản kinh Đại Tạng mới được in xong vào năm 1278 - 1294. Bản kinh này được đặt ở chùa Phổ Minh, Hàng Châu gồm 6.010 quyển được đóng thành 587 tập.

Như vậy là các sứ thần đời Lê, Lý, Trần cũng là những người góp phần vào việc mang các kinh sách Nho và Phật từ Trung Quốc vào nước ta.

8. VIỆC ĐI SỨ SANG TRIỀU TỐNG CỦA NHÀ LÝ

Sau khi Lý Thái Tổ lên ngôi và dời kinh đô ra Thăng Long việc bang giao với triều Tống, triều cống và xin phong vương, vẫn được tiến hành đều đặn. Trước và sau khi xảy ra chiến tranh Lý - Tống việc thương lượng về trả đất đai và tù binh cũng là một nội dung của việc phái sứ thần sang Tống. Ngoài ra, dưới thời Lý, đạo Phật ở nước ta rất thịnh nên nhiều lần các vua nhà Lý đã sai sứ thần đi sang xin kinh Phật.

Các sứ thần nhà Lý sang Tống từ Thăng Long có thể đi

https://tieulun.hopto.org

đường bộ đến Khâm Châu qua Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Bằng Tường, Ninh Minh, mất khoảng 4, 5 ngày. Đường thuỷ thì từ Thăng Long đi thuyền đến sông Lục Đầu, tới Vạn Xuân, Vĩnh Thái, đến đảo Kế Bào ngày nay, đến châu Vĩnh An rồi đến Khâm Châu mất khoảng 5 ngày.

Trước chiến tranh Lý - Tống, các vua Lý đã phái 25 sứ bộ sang Tống và sau chiến tranh khoảng 25 lần, tổng cộng vào khoảng 50 lần. Số lần đi sứ của các phái bộ nhà Lý có thể còn nhiều hơn nữa. Vì nhìn vào bảng thống kê các lần đi sứ, ta thấy dưới triều Lý Anh Tông, từ 1138 đến 1158, trong vòng 20 năm, không thấy các sách sử ghi một lần nào đi sứ của nhà Lý trong khi các lần đi sứ chỉ cách nhau vào khoảng 3, 4 năm một lần. Danh sách các chánh phó sứ của từng phái bộ cũng được ghi khá đầy đủ, chỉ có vài lần không biết tên (8 lần). Các sứ bộ đến tận kinh đô nhà Tống ở Biện Kinh (gần Khai Phong ngày nay). Khi nhà Tống bị Kim đánh, dời xuống Lâm An (tức Hàng Châu ngày nay) thì sứ của ta cũng chỉ đến đó, hoặc chỉ đến Quảng Tây và giao nộp đồ sản vật cống cho Ti Đề hình lộ Quảng Tây.

Theo sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi nhà Tống viết thì trước khi sứ bộ nước ta đến biên giới phải có các viên quan tới trước xin phép cho sứ bộ tới kinh đô, Triều đình nhà Tống có ưng thuận thì mới được đi. Mỗi sứ bộ có thể có 50 người, có lúc lên đến trăm người, nhưng số người đến kinh cũng phải được nhà Tống chấp nhận. Các cống vật thường gồm những con vật của phương Nam như tê giác đen hoặc trắng, voi nhà đã luyện thuần phục, ngựa chiến lợi phẩm, các đồ vàng bạc, châu báu, trầm hương, quế... Năm 1156 sứ thần Lý Quốc (Nguyễn Quốc, 1158) đem cống kim khí nặng hơn 1.200 cân (cân Trung Quốc cũ), nạm châu báu nặng phần nửa. Lại thêm 100 hạt trân châu đặt trong bình vàng (3 hạt lớn như quả cà, 6 hạt lớn như hạt mít, 24 hạt lớn như hạt đào, 17 hạt lớn như hạt mận và 50 hạt lớn như hạt táo). Lại thêm 1000 cân hương trầm, 50 đôi lông thuý, 850 tấm đoạn màu vàng thẫm, hoa rồng cuốn, 6 ngựa vua cưỡi đủ cả yên cương, 8 ngựa thường, 5 voi. Phái bộ gồm 100

https://tieulun.hopto.org

người (Sách *Lĩnh Ngoại đại đáp*).

Theo Hoàng Xuân Hãn trong sách *Lý Thường Kiệt* thì những lần cống khác tuy không lễ hậu như trên nhưng cũng trị giá đến vài ba vạn quan, muốn biết giá trị một lễ như vậy ta có thể so sánh với tiền ban cho các nhân viên phái bộ dọc đường mỗi ngày chỉ được 10 đồng tiền ngoài gạo.

Việc cống voi khi phải đến kinh đô Tống là rất vất vả khó nhọc vì giống vật này vừa to vừa đi chậm, ăn rất nhiều cỏ cây, nên những người phục vụ cả ta và nhà Tống phải chăm nom săn sóc chu đáo không để chúng đi nhiều quá sức và ốm chết dọc đường. Vì vậy, vào đời Đại Định (Lý Anh Tông), vua Tống Cao Tông thấy việc mang voi đi xa vất vả nên từ đó cho miễn cống voi. Nhưng đến khi Tống Hiến Tông mới lên ngôi vào năm 1172, tế nam giao, vua Lý sai Doãn Tử Tư, Lý Bang Chính và Nguyễn Văn Hiến đi sứ cống 10 voi làm lễ mừng Tống Hiến Tông lên ngôi và 5 voi làm lễ cung tiến đại lễ, có cả bành voi để vua ngự. Ngà, móng chân và trán voi đều trang sức bằng vàng bạc cả. Ngoài ra, còn vàng bạc tiền giấy và các thứ hương liệu phụ thêm vào *(Lịch triều hiến chương loại chí* - Phan Huy Chú).

Các sứ thần trước đây gồm 2 người là chánh sứ và phó sứ đều chọn trong các hành quan cao cấp trong triều, biết ứng đối, biết làm thơ và một số quan nhỏ giúp các việc. Từ năm 1172 thì cầm đầu sứ bộ gồm 3 viên quan: 1 đại sứ, 1 chánh sứ, 1 phó sứ và những người phục dịch. Khi sứ bộ đến kinh đô được tiếp kiến vua, được ân cần phủ dụ và ban lễ vật...

Đáp lại các lễ cống của triều đình Lý các vua Tống ít sai sứ đến Thăng Long. Chỉ khi có vua Lý cũ mất và vua mới lên ngôi thì vua Tống mới cử các quan lại ở Quảng Tây tới điếu và phong vương. Chính vì vậy nên trong cùng thời gian nhà Lý cử đến 50 sứ bộ sang Tống thì nhà Tống chỉ cử vào khoảng 14 sứ bộ sang ta mà thôi. Các sử sách ta cũng không ghi rõ được tên các sứ thần nhà Tống sang ta.

https://tieulun.hopto.org

9. SỨ THẦN MAI NGUYÊN THANH MANG CỐNG VUA TỐNG CON "KÌ LÂN"

Theo sách *Đại Việt sử lược* và *Việt sử thông giám cương mục*, năm Đinh Dậu (1057), vua Lý Thánh Tông đã sai sứ thần là Mai Nguyên Thanh đem 2 con "kì lân" để cống vua Tống. Lân là con vật linh thiêng, theo quan niệm của các nước phương Đông, thì việc xuất hiện của kì lân là một điều rất quan trọng.

Người Trung Quốc tin rằng chỉ khi nào có thánh nhân ra đời thì kì lân mới xuất hiện. Ngay khi Khổng Tử ra đời, không gặp vận nên kì lân tuy xuất hiện cũng chỉ là con kỳ lân quèn. Vì vậy nên khi sứ bộ Giao Chỉ mang "kì lân" đến cống vua Tống, ở Quảng Tây, các quan nhà Tống đều bàn cãi sôi nổi.

Sách *Tục tự trị thông giám trường biên* của Lý Đào đời Tống còn mô tả hình dáng con vật ấy như sau: "Hình như trâu, mình có da dày, từng mảnh như giáp, đầu mũi có sừng, hay ăn cỏ, quả dưa. Cho ăn thì phải lấy gậy đánh nó mới ăn". Cứ theo miêu tả đó thì ngày nay chúng ta đoán nó là con tê giác ở các nước nhiệt đới. Tin tâu lên triều đình nhà Tống, các quan lại bàn nhau mãi. Sau đó, Tư Mã Quang mới nói nửa chừng rằng: "Giả sử đó là con kì lân thật, thì hiện không gặp thời là điềm dở, mà nếu đó không phải là kì lân, mà ta nhận thì các nước phương xa sẽ cười ta". Sau đó vua Tống quyết định gọi tên nó là con "thú lạ" và chỉ cho để ở Quảng Châu, không cho mang lên kinh.

Việc vua Tống từ khước con "kì lân" đã làm cho vua Lý không hài lòng.

10. SỨ THẦN LÊ THUẬN ĐÔNG ĐỔI LẠI CHÂU LÔI HOẢ

Động Lôi Hoả thuộc phía tây bắc Cao Bằng ngày nay, từ trước dưới sự cai trị của tù trưởng Nùng Tông Đản, được coi như là phiên thần của triều Lý. Năm 1057 Nùng Tông Đản đem quân vào đánh nhà Tống ở Ung Châu. Sau đó Tông Đản bị nhà Tống mua chuộc nên đem các động thuộc quyền cai trị là Lôi Hoả và Kế Thành nộp cho nhà Tống, được chúng bổ coi

https://tieulun.hopto.org

châu Thuận An (là vùng Lôi Hoả và Kế Thành được đổi ra tên ấy). Như thế là một vùng đất của vua Lý dưới sự cai trị của tù trưởng Nùng Tông Đản đã bị mất sang cho nhà Tống (1062).

Vua Lý Thánh Tông đã sai sứ thần Lê Thuận Tông (là phò mã đời Lý Thái Tông (1036), lấy công chúa Kim Thành) sang Tống để đòi đất và dân thuộc các động đó. Lý Thuận Tông đến Quế Châu gặp viên quan nhà Tống là Lục Sằn. Lục Sằn là viên quan xuất thân tiến sĩ, am hiểu việc biên giới nên đã tình nguyện xuống Quế Châu để lo việc phòng bị biên giới. Do các quan phòng giữ biên ải của nhà Tống thường nhu nhược, và quân quan nhà Lý đã vài lần đánh sang để đòi đất và dân trước đây bị mất, nên lần này thái độ của sứ thần Lê Thuận Tông là kiên quyết. Tống sử có chép: "Từ giặc Nùng (Nùng Trí Cao và Nùng Tông Đản) yên, người Giao Chỉ càng kiêu căng, các thú thần thường chịu nhịn cho qua... Sứ Giao Chỉ là Lý Thuận Tông tới, kiêu ngạo như cũ, Sằn nhún nhường mời tới, giảng dụ phải kính lễ phải, làm sứ phải sợ mà trở về".

Những lời ghi trên Tống sử trên đây đã cho ta thấy phần nào sự thật là sứ Giao Chỉ đi đòi đất với một tư thế đàng hoàng có chính nghĩa, có hậu thuẫn mạnh. Còn nói "sứ sợ mà phải trở về" thì không đúng vì cũng trong Tống sử có ghi lại là khi sứ ta tới đòi đất, Lục Sằn tâu về triều Tống, vua Tống Anh Tông mới lên ngôi, hỏi ý kiến các đình thần. Tể tướng là Hàn Kỷ tâu rằng: "Xứ Giao Châu rừng núi hiểm trở, khí hậu ẩm độc. Nếu có lấy cũng không giữ được. Chỉ nên vỗ về mà thôi". Vua Tống Anh Tông bèn trả hai châu (Lôi Hoả và Ôn Nhuật?) lại cho vua Lý.

Như vậy nhờ thực lực quân sự đủ mạnh, với chính sách ngoại giao kết hợp, nên bước đầu, sứ Lê Thuận Tông đã đòi lại được đất Lôi Hoả thuộc về nhà Lý (vào khoảng năm 1070).

11. SỨ THẦN KIỀU VĂN ỨNG SANG DINH QUÁCH QUỲ BÀN GIẢNG HOÀ

Sau khi nghe tin Châu Khâm và Châu Liêm bị Lý Thường

https://tieulun.hopto.org

Kiệt đánh phá, vua Tống Thần Tông sai Quách Quỳ và Triệu Tiết cầm quân đi xâm lăng Đại Việt. Đại quân của Quách Quỳ đã kéo đến bờ sông Như Nguyệt, cách kinh thành Thăng Long chừng 30 km. Phòng tuyến của quân Lý ở phía nam đã ngăn chặn không cho chúng qua được sông, thuỷ quân của chúng lại bị đánh và cầm chân ở hải phận Vĩnh An bởi Lý Kế An. Quân Tống khi ra đi đánh Đại Việt có khoảng 10 vạn lính và 20 vạn phu nhưng phần nào vì giao chiến, phần vì nóng nực, lam chướng đã chết mất quá nửa, lại bị lương thực thiếu thốn nên quân lính đều ốm yếu. Về phía quân Lý sau trận tấn công Khả Túc bị thất bại, chết mất 2 Hoàng tử là Hoằng Chân và Chiêu Văn nên cũng nghĩ đến việc hưu binh.

Nắm được tình hình ta và địch như vậy Lý Thường Kiệt đã "dùng biện sĩ để bàn hoà, không nhọc tướng tá, khỏi tốn máu mủ mà bảo an được tông miếu". Kiều Văn ứng là viên quan giữ chức Văn tư sứ, có tài biện luận thuyết phục, đã được cử sang dinh Quách Quỳ ở phía bắc sông Như Nguyệt. Kiều Văn ứng đã phân tích cho Quách Quỳ những nguyên nhân dẫn đến bại vong là quân xa hậu phương, đường sá hiểm trở, lương thực thiếu thốn, khí hậu phương Nam không thuận lợi tất sẽ bị tiêu hao dần và bị tiêu diệt. Để giữ thể diện cho vua Tống, sứ thần Kiều Văn ứng, được vua Lý và Lý Thường Kiệt dặn trước, nói với Quách Quỳ là vua Lý sẽ sai sứ sang xin tạ tội về việc đã cho quân lính kéo vào châu Khâm và châu Liêm đồng thời xin lại cống nạp như trước. Sứ thần nhà Lý cũng bào chữa cho việc đem quân vào đất Tống, vây đánh Ung Châu (Nam Ninh ngày nay) là do người Tống là Từ Bá Tường xui giục.

Tuy vậy, Quách Quỳ vẫn không chịu, vì y nghĩ rằng cất mấy chục vạn quân đi chinh chiến trong gần hai năm, số người bị chết quá nửa mà nay lại đem quân về, không thu được một tý gì thì tiếng thất bại là quá rõ ràng, vả lại cũng sợ bị triều đình trị tội nên chưa chịu nghe theo lời của Kiều Văn ứng. Thăng Long kinh đô Đại Việt chỉ cách trước mặt có hơn 50 dặm nhưng đã phải chôn chân bên sông Phú Lương 40 ngày không tiến được.

https://tieulun.hopto.org

Nếu đóng lại mãi thì hết lương, sẽ chết dần mà lui quân thì không được phép và chứng tỏ là thua; Quách Quỳ và Lý cùng rút quân, nhưng Quỳ vẫn thấy chưa ổn. Kiều Văn Ứng phải trở về doanh trại báo cáo với Lý Thường Kiệt là Quách Quỳ chưa chịu nghe việc giảng hoà. Lý Thường Kiệt biết nỗi băn khoăn của Quách Quỳ nên đã bàn cùng Kiều Văn Ứng sang nói cho Quách Quỳ biết một điều kiện nữa mà vua Lý chấp nhận là: "Chỗ nào quân Tống" đã chiếm tức là đất Tống. Lý Thường Kiệt biết rằng câu nói đó chỉ làm cho Quách Quỳ đỡ mang tiếng là thất bại vì đã chiếm được đất của Đại Việt, nhưng trên thực tế Quách Quỳ không thể nào cứ ở lại đất nhà Lý để giữ đất mà sẽ mau mau rút quân để giữ lấy mạng sống. Khi quân của Quỳ rút thì tức là đất của nhà Lý lại trở lại với nhà Lý.

Sau khi nghe Kiều Văn Ứng nói thêm ý này Quách Quỳ đã chấp nhận giảng hoà với nhà Lý và thốt lên rằng: "Ta không đạp đổ được sào huyệt giặc, bắt được Lý Càn Đức để bảo mệnh triều đình, đó là bởi Trời. Thôi ta đành liều một thân ta chịu tội với triều đình, để mong cứu mạng hơn 10 vạn nhân mạng". Quỳ cho người mang biểu của vua Lý về triều Tống, nhận lời của sứ ta và lui quân. Như vậy là đến đầu tháng 2 năm Đinh Tỵ (1077) sứ thần Kiều Văn Ứng đã thuyết phục để tướng nhà Tống là Quách Quỳ nghe theo ta mà lui quân. Sau này khi kể về chuyện thiếu lương, một quan nhà Tống có nói: "May mà có lời của giặc (nhà Lý) xin quy thuận nếu không thì làm thế nào (để có lương cho 10 vạn quân lính ăn)?".

Đánh và giảng hoà (đàm) đó là sách lược của vua tôi nhà Lý khi thực lực của bản thân bị hạn chế và lực lượng đối phương đã hao tổn trong công cuộc bảo vệ đất nước.

12. DÂNG BIỂU VUA TỐNG VIẾT PHẠM HUÝ, SỨ THẦN LÝ KẾ NGUYÊN PHẢI TRỞ VỀ.

Sau khi giảng hoà, Quách Quỳ kéo quân về nước, Quách Quỳ rút đến đâu thì quân Lý tiến theo để thu hồi lại đất đai đã

https://tieulun.hopto.org

bị chiếm đến đó. Nhưng nhà Tống vẫn còn để quân lính chiếm giữ 5 châu miền núi là Quảng Lang, Tô Mậu, Môn, Tư Lang và Quảng Nguyên. Hai châu Quảng Lang và Quảng Nguyên là quan trọng hơn cả vì Quảng Lang là cổ họng của châu Ung và Quảng Nguyên là nơi sản xuất nhiều vàng bạc. Nhà Tống tổ chức cai trị ở những nơi đó đổi Quảng Nguyên ra châu Thuận An, và nâng Quảng Lang lên hàng huyện.

Nhà Lý đã dùng lực lượng quân sự đánh úp lấy lại Quảng Lang kể trại Vĩnh Bình. Có lẽ hai châu Tô Mậu và Môn cạnh đó cũng được giải phóng nốt. Tin đó được tâu về triều Vua Tống. Vua Tống hạ chiếu cho các quan coi vùng biên làm sao không hao tốn binh lực, tài phí và quốc uy. Chỉ còn Quảng Nguyên vì trọng binh Tống đóng ở đây nên Lý Thường Kiệt không dám kéo quân vào khôi phục, chủ trương dùng ngoại giao mềm dẻo và xin sai sứ thần tới bàn. Lý Thường Kiệt tâu vua Lý Nhân Tông cử sứ thần Lý Kế Nguyên sang tâu bày về việc đất Quảng Nguyên. Triệu Tiết là viên quan coi Ung Châu tâu về triều xin ý kiến Vua Tống. Vua Tống hạ chiếu nói:

"Giao Chỉ chịu theo ta rồi. Nếu nó sai người tới bàn việc hãy cho tới Quế Châu". Tuy vậy Vua Tống vẫn sợ nhà Lý đem quân sang đánh Ung Châu như năm trước nên viết thư hỏi ý kiến viên quan Triệu Tiết để chuẩn bị đối phó:

"Giao Chỉ nghịch thuận thế nào? Chúng sắp vào cống. Thế nào chúng cũng yêu cầu trả miền đã nhượng cho ta, ta nên trả lời chống hay chầy, cho chúng nhiều hay ít?"

Trước khi cho sứ ta vào đất Tống vua tôi nhà Tống đã chuẩn bị đầy đủ và khẳng định lần này sứ ta vào hoàn toàn không có mục đích quân sự. Tháng 7 năm Đinh Tỵ (1077), sứ bộ ta tới biên thuỳ. Triệu Tiết lúc đó được giữ chức An phủ sứ tỉnh Quảng Tây đã giao dịch với Lý Kế Nguyên đòi nhà Lý phải trả lại các người Tống đã bị Lý Thường Kiệt bắt đem về thì sẽ trả lại các đất đã chiếm giữ. Triệu Tiết tâu về triều Tống: Người Giao Chỉ sai sứ thần Lý Kế Nguyên tới biên giới cùng quan ta bàn việc. Tôi đã bảo quan ta lấy ấn tín triều đình (ấn đã phong

https://tieulun.hopto.org

vương cho vua Lý) mà hiểu dụ Lý Càn Đức (Lý Nhân Tông) ra lệnh cho y trả lại nhân khẩu đã cướp, rồi triều đình (Tống) sẽ cấp đất cho" (trả lại đất đã chiếm).

Nhưng khi xem đến biểu dâng vua Tống của vua Lý Nhân Tông, Triệu Tiết thấy chỗ phạm huý triều Tống nên Triệu Tiết không chịu nhận biểu và bảo sứ ta phải trở về Thăng Long làm lại tờ biểu khác rồi sẽ dâng lên vua Tống cho. Thế là vào quãng đầu tháng 11 Đinh Tỵ (1077) sứ bộ ta do Lý Kế Nguyên dẫn đầu đã phải trở về. Triệu Tiết tâu về vua Tống, vua Tống bảo "cứ thu nhận rồi tâu đệ về triều" thì Triệu Tiết tâu sứ nhà Lý đã về rồi.

Sách Tống là *Tục tự trị thông giam trường biên* ghi lại việc này nhưng cũng không ghi rõ về việc phạm huý là đã dùng chữ gì, còn các sử sách Việt Nam đều không thấy ghi. Như thế đủ biết trong văn bản ngoại giao ngay từ đời xa, việc thảo và dùng từ cũng cần thận trọng đến chừng nào.

13. SỨ THẦN ĐÀO TÔNG NGUYÊN ĐÒI ĐẤT QUẢNG NGUYÊN

Vì phạm huý trong lời biểu nên sứ thần Lý Kế Nguyên phải quay về. Đến đầu năm sau (Mậu Ngọ - 1078) vua Lý Nhân Tông lại sai sứ thần Đào Tông Nguyên, cầm đầu một sứ bộ mang theo biểu của Vua, đòi lại đất Quảng Nguyên và Quảng Lang cùng mang theo 5 con voi cống vua Tống.

Biểu của vua Lý viết:

"Tôi đã nhận được chiếu chỉ cho phép theo lệ tới cống y như lời tôi thỉnh cầu. Chiếu lại đã sai quan thuộc Tì An phủ định rõ cương giới và dặn tôi không được xâm phạm. Tôi đã vâng lời chỉ dụ. Nay sai người tới cống phương vật. Tôi xin triều đình trả lại các đất Quảng Nguyên và Quảng Lang".

Triệu Tiết tâu về triều văn biểu. Vua Tống chỉ dụ: "Hãy đợi sứ thần tới kinh rồi hãy phán xử về cương giới". Tuy vẫn cho vào kinh nhưng vua tôi nhà Tống nghi, sợ nhà Lý có ý khác.

https://tieulun.hopto.org

nhân việc đi sứ để tiến đánh chăng, nên một mặt chúng tăng cường quân ở khắp nơi như Quế Châu, Ung Châu và Khâm Châu, một mặt giám sát chặt chẽ các hành vi của sứ bộ. Chính vua Tống phê:

"Sứ Giao Châu tới kinh (Biện Kinh). Vì chúng mới cướp ta nên phải lo đề phòng. Khi còn ở dọc đường cũng như khi tới kinh, hễ chúng ra vào phải cắt người giám thị. Vậy phải viết thư cho Ti kinh lược Quảng Tây và cho các viên hộ tống phải mau mau báo cáo. Nếu dọc đường có xảy việc gì, Ti kinh lược chưa kịp bẩm thì cho cứ việc thi hành."

Sứ bộ Đào Tông Nguyên rất khó nhọc dẫn đàn voi đến kinh vào ngày mồng 2 tháng 9 năm Mậu Ngọ (1078). Khi đi qua kinh Hồ Bắc, viên chuyển vận sứ ở đó không đủ phu hộ tống, đã xin phép bỏ tiền ra thuê thêm phu phục dịch cho voi.

Vua Tống Thần Tông nghe lời Triệu Tiết khuyên, "không nên trả hai châu cho nhà Lý", nên đòi Vua Lý phải trả trước các tù binh và nhân khẩu đã bị bắt năm trước, và bất đắc dĩ trả lời sẽ trả các đất đó cho Vua Lý. Chiếu của vua Tống Thần Tông trả lời cho Vua Lý được Tống sử chép như sau:

"Khanh đã được triều đình cho coi cõi Nam Giao, đời đời được ban vương tước. Thế mà khanh đã bội đức, phụ mệnh tới cướp phá các biên thành, đã bỏ lòng trung thuận của cha ông, làm phiền quân triều đình phải đi chinh phạt. Đến lúc quan quân vào trong cõi, thế bức bách rồi khanh mới quy hàng. Xét tội thì khanh càng đáng bị truất chức.

Nay khanh đã sai sứ tới cống dâng lời rất kính cẩn. Xét rõ tư tình, trẫm thấy khanh đã biết hối.

Trẫm vỗ về vạn quốc không kể xa gần. Nhưng khanh phải trả dân các châu Khâm, Ung mà khanh đã đưa đi xa làng mạc chúng. Đợi khi nào đưa chúng trở về hết, Trẫm sẽ lập tức lấy các châu Quảng Nguyên ban cho khanh".

Đào Trần Tông thay mặt vua Lý, dệ lời vâng theo điều mà Tống Thần Tông đưa ra, hẹn sẽ trả lại một nghìn quân và dân đã bắt ở ba châu Khâm, Liêm và Ung. Đến đây vua Tống lại

https://tieulun.hopto.org

đặt điều kiện nữa là phải trừng phạt những kẻ cầm đầu gây chiến tranh. Vua Tống hạ chiếu:

"Giao Chỉ quận vương Lý Càn Đức bằng lòng trả những người đã cướp ở ba châu Ung, Khâm, Liêm thì, theo lời khanh đã xin, Trẫm đem các châu Quảng Nguyên và huyện Quảng Lang trả lại cho. Nhưng phải đem các thủ lĩnh đã gây loạn đến biên giới xử".

Vua Tống muốn ám chỉ thủ lĩnh gây rối loạn là Lý Thường Kiệt, nhưng điều đó thì không thể nào chấp nhận được. Theo các sách sử Trung Quốc thì lời lẽ trả lời của Vua Lý rất tường tận, nhưng các sách sau đã bỏ đi không ghi lại, ngày nay ta rất tiếc không biết được những lời lẽ đối đáp ấy.

Sứ bộ Đào Tông Nguyên lần này sang triều Tống để đòi lại đất nhưng đã không đạt được kết quả gì ngoài **lời hứa "sẽ trả" của vua Tống.** Phía nhà Lý **cũng hứa là sẽ trả những người bị bắt.**

14. VIỆC ĐÓN TIẾP SỨ BỘ ĐÀO TÔNG NGUYÊN LẦN THỨ NHẤT (1078)

Khi sứ bộ Đào Tông Nguyên đến Quảng Châu thì sứ Chiêm Thành cũng tới đó. Quan lại nhà Tống không muốn cho Chiêm Thành vào kinh vì "chúng (Chiêm Thành) đều lai vãng với Giao Chỉ, sợ có gian phi lẻn vào để thám thính". Quan lại nhà Tống đề phòng cả hai sứ bộ nhưng rồi Vua Tống đã cho cả hai đoàn đều vào kinh đô. Từ trước tới nay thì Chiêm Thành là phiên bang phụ thuộc vào Đại Việt nhưng Chiêm Thành muốn phần nào thoát ra khỏi ảnh hưởng của ta nên đã sang triều cống nhà Tống. Việc này đã làm cho vua nhà Lý không bằng lòng vì vậy sứ Chiêm sợ gặp mặt sứ bộ ta. Vua Tống không bằng lòng. Vua Tống cũng biết điều đó: Chiêm Thành phải sang triều cống Đại Việt chứ không được ngang hàng với Đại Việt sang triều cống nhà Tống. Vua Tống sai quan xếp đặt sao cho hai sứ bộ không chạm mặt nhau và tỏ ra Vua Tống ưu đãi sứ bộ nhà Lý hơn sứ

https://tieulun.hopto.org

bộ Chiêm Thành: "Nhà ở, nơi ăn yến đều ở riêng. Gặp ngày sóc thì hai sứ bộ đều đến viện Văn Đức nhưng chia ra đông tây mà đến. Ngày vọng thì sứ bộ Giao Chỉ vào điện Thuỷ Củng, sứ bộ Chiêm Thành vào điện Tử Thần. Ngủ và đãi yến thì sứ Giao Chỉ ở điện Đông Đoá, sứ bộ Chiêm Thành ở điện Tây Vu".

15. SỨ THẦN ĐẠI VIỆT TRAO TRẢ TÙ NHÂN CHO VUA TỐNG

Sau khi ra điều kiện cho sứ thần Đào Tông Nguyên là phải trả hơn một ngàn người đã bị Lý bắt và hứa sẽ trả Quảng Nguyên cho Vua Lý, quan lại nhà Tống vẫn muốn chiếm giữ lâu dài vùng này. Nhưng khi đó Vua Tống phải lo đối phó với cuộc xâm lăng phía bắc và vùng Ung Châu lại gặp khó khăn, tật dịch và hoả tai luôn luôn, quân lính thì ốm đau chết mất quá nửa. Vua tôi nhà Tống chỉ chờ cơ hội để trả đất Quảng Nguyên sao cho không mất thể diện mà thôi.

Nắm được tình hình ấy, Lý Thường Kiệt đã đem trả một ít tù nhân gồm đủ gái, trai, già, trẻ. Việc áp giải tù nhân để trả được giao cho sứ bộ (Rất tiếc là các sách sử không ghi tên) "Các tù nhân được đưa từ Nghệ An về bằng đường thuỷ. Cửa thuyền đều được trát bùn kín. Trong thuyền thắp đèn đuốc luôn để tù nhân không biết ngày đêm thế nào và cũng để không thấy đường sá. Mỗi ngày chỉ cho thuyền đi từ 10 đến 20 dặm rồi dừng lại. Quân lính canh thuyền giả đánh trống cầm canh, ngồi vào trong thuyền nghe canh tưởng chừng đi vài tháng mới tới nơi" (*Việt sử thông giám cương mục*).

Ngày 13 tháng 10 năm Kỷ Mùi (1078) các tù nhân được đưa đến Quảng Tây. Tỉ kinh lược Quảng Tây tâu với Vua Tống là Giao Chỉ đã trả 221 người và đã khắc chữ vào mặt và tay các tù nhân. Đàn ông từ 15 tuổi trở lên thì thích vào trán chữ: **thiên tử binh** (quân lính của thiên tử), từ 20 tuổi trở lên thì thích chữ: **đầu nam triều** (theo về với Nam triều), phụ nữ thì thích vào tay trái là **quan khách**.

https://tieulun.hopto.org

Vua Tống trả lời: "Thuận Châu là nơi lam chướng, dẫu được cũng không lợi ích gì, há nên dồn quân lính vào chỗ chết ư?" Thế là Vua Tống trả lại cho Vua Lý đất Quảng Nguyên, nhưng các quan lại Quảng Tây đã bớt lại những động mà chúng cho là trước đây của Ung Châu và dời tới 9929 người dân vào vùng đất của chúng.

Vì vậy việc bang giao về đất đai mà nhà Tống đã chiếm đoạt của vua Lý vẫn còn kế tiếp.

16. MỘT SỨ BỘ GỒM TỚI 156 NGƯỜI

Sau khi biện luận gần 4 năm trời để đòi lại đất Quảng Nguyên, đến năm Tân Dậu (1081), vua Lý đã sai một sứ bộ sang triều cống vua Tống, đông đến 156 người, do Lương Dũng Luật làm chánh sứ, Nguyễn Văn Bội làm phó sứ. Số người đông như vậy đã nói lên tầm quan trọng của việc đi sứ lần này. Bên cạnh việc cống các phương vật (chắc là có voi nhà và các ngọc ngà, châu báu, vàng bạc, rất tiếc là các sử sách không ghi lại cụ thể) để gây tình thân thiện đã bị sứt mẻ vì việc dụng binh của Lý Thường Kiệt và của Quách Quỳ, sứ bộ còn có mục đích xin kinh Tam Tạng nữa. (Đạo Phật dưới thời Lý rất được sùng bái). Sợ các quan ở biên giới của nhà Tống làm khó dễ nên vua Lý Nhân Tông gửi biếu vua Tống:

"Trước đây tôi có sai bọn Đào Tông Nguyên vào triều cống. Nhưng bị quan Quảng Châu cấm chế, ngăn cản nên các thú vật đem cống không cùng tới một lần được. Nay tôi lại sai viên Lương Dũng Luật và Nguyễn Văn Bội đi thuyền tới cống. Xin giáng chỉ cho phép theo lệ cũ mà vào kinh".

Viên quan nhà Tống ở Quảng Tây là Trương Hiệt đã tâu lên với vua Tống: "Giao Chỉ vào cống, số người lên đến 156 người, theo lệ cũ thì thừa ra 56 người". Tống Thần Tông truyền cứ cho cả vào, lần sau sẽ theo lệ cũ (100 người).

Sứ bộ xin theo đường thuỷ là đường Kinh Hồ. Vua Tống cũng truyền cho quan lại nghe theo và bắt cử một viên quan hộ

https://tieulun.hopto.org

tống đi theo sứ bộ lấy kinh.

Sau khi tiếp sứ bộ Lương Dũng Luật tình hình bang giao Lý và Tống trở nên thân thiện. Vua Tống thấy sự giao tiếp công văn với nước ta phiền phức, đã hạ lệnh cho các quan ở Quảng Tây như sau: "Từ nay hễ có chiếu cho An Nam, thì sai khâm Châu báo cho nước ấy, đợi họ sai người tới biên giới thì giao cho".

Về việc vua Tống nhận cống vật của nhà Lý và phải trả đất Quảng Nguyên, lúc đó có 2 câu thơ phê phán:

"Nhân tham Giao Chỉ tượng,
Khước thất Quảng nguyên kim."

Nghĩa là vì tham voi cống của Giao Chỉ nên đã bỏ mất vàng Quảng Nguyên.

17. SỨ BỘ ĐÀO TÔNG NGUYÊN ĐI LẦN THỨ 2, ĐỔI ĐỘNG VẬT DƯƠNG VÀ VẬT ÁC

Tuy đã trả cho vua Lý đất Quảng Nguyên sau khi đã nhận được 221 tù nhân nhưng các quan nhà Tống vẫn còn giữ lại các đất cũ do các tù trưởng của vua Lý đem nộp cho vua Tống trước đây, trong đó có động Vật Dương và Vật Ác. Chính Hùng Bảng là viên quan cai trị Quảng Tây đã tâu với triều Tống về hai động này: "Năm Gia Hữu (1057), Nùng Tông Đản đem động Vật ác nộp, Vua ban tên là Thuận An. Đời Trị Bình (1064), Nùng Trí Hội đem động Vật Dương nộp, Vua ban tên là châu Quy Hoá".

Năm Nhâm Tuất 1082 vua Lý đã sai sứ mang biểu dâng vua Tống, đòi lại Quảng Nguyên. Biểu có viết: "Thủ lĩnh động Cát Đán (?) thuộc Quảng Nguyên là Nùng Dũng cùng dân động đã làm loạn và chạy vào Ung Châu không chịu trả..."

Vua Tống trả lời: "Bọn Nùng Dũng nguyên không phải là người của Giao Chỉ quản. Chúng theo ta khi Giao Chỉ chưa hàng (1075). Vậy chúng là dân ta, không lẽ gì ta trả chúng".

Lý Thường Kiệt thấy vua Tống không chịu trả, đã làm căng, sai đem quân đánh Nùng Trí Hội ở Quy Hoá và toan

https://tieulun.hopto.org

đánh vào Thuận An. Thấy thế Hùng Bản đã viết thư trách vua Lý, đồng thời xin vua Tống trả lại cho vua Lý tám động đất hoang và hẹn với vua Lý cử người tới Vĩnh Bình để bàn việc biên giới.

Tháng 6 năm Quý Hợi (1083), đến Vĩnh Bình họp bàn, về phía nhà Tống có hai quan là Thành Trạc và Đặng Khuyết, về phía nhà Lý có Đào Tông Nguyên dẫn đầu. Đào Tông Nguyên nêu hai động vật Dương, Vật Ác là của nhà Lý và yêu cầu phía Tống trả cho vua Lý. Thành Trạc và Đặng Khuyết nói chỉ trả một dải đất phía nam dãy núi Hoả Diễm mà thôi, phía ta không nghe. Cuối cùng Đào Tông Nguyên đề nghị:

"Đất Quảng Nguyên này là đất nhỏ. Khó lòng mà ban chia. Tôi muốn tự làm biểu tâu lên Vua để rồi tuỳ triều đình (Tống) có bằng lòng hay không?".

Có thể coi lời nói đó như một tối hậu thư cho phía Tống Thành Trạc không dám quyết định, tất không bằng lòng trả. Đào Tông Nguyên bỏ hội nghị ra về.

18. SỨ THẦN LÊ VĂN THỊNH DÙNG LỄ ĐỂ ĐÒI LẠI ĐỘNG VẬT DƯƠNG, VẬT ÁC NĂM 1084

Tháng 6 năm Quý Hợi (1083) Đào Tông Nguyên lên hội nghị Vĩnh Bình để đòi lại 2 động Vật Dương và Vật Ác đã không thành công vì phía nhà Tống nhất định không chịu trả. Vua Lý sai tập trung quân gần Quy Hoá uy hiếp, lấy cớ đuổi bắt Nùng Trí Hội. Tình hình căng thẳng. Nhưng Vua Lý cũng không muốn đoạn tuyệt việc thương lượng nên đến tháng 6 năm Giáp Tý (1084) đã sai sứ thần Lê Văn Thịnh và phó sứ là Nguyễn Bội lại tới Vĩnh Bình bàn tiếp việc đòi lại Vật Dương và Vật Ác. Lê Văn Thịnh người làng Đông Cứu huyện Gia Định (nay là xã Đông Cứu huyện Gia Lương tỉnh Bắc Ninh) đã đỗ đầu khoa thi Minh Kinh bác sĩ năm 1075, khoa thi đầu tiên trong lịch sử giáo dục nước ta. Ông được vua vời vào trong cung dạy vua Lý Nhân Tông, sau đó được cử làm Thị lang Bộ Binh

https://tieulun.hopto.org

và được cử làm chánh sứ lần này.

Vào hội nghị phía Tống đã khẳng định: "Những đất mà quân nhà vua (Tống) đã lấy thì trả cho Giao Chỉ. Còn những đất mà các người coi giữ lại mang nộp để theo ta (vua Tống) thì khó mà trả lại".

Lê Văn Thịnh đã trả lời quan nhà Tống: *"Đất thì có chủ. Các viên coi giữ mang nộp và trốn đi (họ Nùng) thì đất ấy thành vật ăn trộm của chủ (vua Lý). Việc chủ giao cho mà tự ý lấy trộm đã không tha thứ được, mà trộm của hay tàng trữ (của ăn trộm) thì pháp luật cũng không cho phép. Huống chi nay chúng lại mang đất ăn trộm dâng lên để làm nhơ bẩn sổ sách của nhà Vua* (Tống)".

Lê Văn Thịnh đã dùng lí lẽ biện luận theo pháp luật để phân biệt việc uỷ nhiệm cho quản lí khác với quyền sở hữu. Các tù trưởng thiểu số chỉ có quyền quản lí các đất đai của vua Lý chứ không có quyền sở hữu đất của vua Lý. Dưới chế độ phong kiến ngày xưa, đất đai là thuộc quyền sở hữu của vua (thiên tử). Đã không có quyền sở hữu thì tất không có quyền cho hay bán cho người khác. Vậy các tù trưởng không được phép mang nộp đất của vua cho bất kì ai. Người nộp đất ấy là bất hợp pháp và người nhận đất ấy cũng bất hợp pháp.

Cũng nên nhớ từ năm 1042 vua Lý đã ban hành Bộ Luật Hình thư để cai trị dân theo pháp luật; vì vậy những lí lẽ của Lê Văn Thịnh cũng là sự phát triển của luật hình ở nước ta mà Lê Văn Thịnh đã vận dụng.

Lê Văn Thịnh đã viết trong thư gửi cho Hùng Bản:

"Thành Trạc đã nói về vạch địa giới phía nam mười tám sứ sau này: Thượng Điện, Hạ Lôi, Ôn Nhuận, Anh, Dao, Vật Dương, Vật Ác, Kế Thành, Cống, Lục, Tần, Động, Nhâm, Cảnh, Tư, Kỷ, Huyện và nói những xứ ấy đều thuộc Trung Quốc. Bồi thần tiểu tử chỉ biết nghe mệnh không dám cãi lại. Nhưng những đất ấy mà họ Nùng đã nộp, đều thuộc Quảng Nguyên.

Nay may gặp thanh triều ban bố hàng vạn chính lệnh khoan hồng, sao lại chuộng miếng đất đầy đá sỏi, lam chướng

https://tieulun.hopto.org

này mà không trả lại nước tôi, để giúp kẻ ngoại thần" (trong việc thương lượng).

Sau khi Hùng Bản tường trình, ngày 22 tháng 10 năm Giáp Tý (1084) vua Tống Thần Tông sắc cho vua Lý như sau:

"Sắc cho Giao Chỉ quận vương Lý Càn Đức:

Trẫm đã xét lời Tỉ kinh lược Quảng nam Tây lộ tâu về nói: Trước đây vì An Nam tâu kêu rằng cương chỉ các khê động thuộc hai châu Vật Ác, Vật Dương chưa được rõ, đã có triều mệnh sai bản tỉ lo liệu. Bản đạo đã sai quan chức biện chính. Nay được tin báo An Nam đã sai bọn Lê Văn Thịnh tới biên giới và biện chính đã xong. Vậy giang chiếu chỉ để cho An Nam theo làm.

Trẫm đã xem xét các lời khanh trần tình về phong cương. Trẫm đã đặc biệt sai biên thần lo liệu biện chính. Khanh vốn được Trẫm yêu mến, giữ một lòng trung thuận, khanh đã vâng chiếu chỉ, sai chức thuộc đến chia cõi các châu động. Nay đầu đuôi đã được rõ ràng.

Về hai động Vật Dương, Vật Ác, Trẫm đã giáng chỉ lấy tám ải sau này làm giới hạn: Canh Liệm, Khâu Cự, Khiếu Nhạc, Thông Khoáng, Canh Nham, Đốn Lị, Đa Nhân và Câu Nam. Đất ngoài các ải ấy có 6 huyện là Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đình, Phóng, Cân và 2 động la Túc, Tang. Các đất ấy đều do Khanh chủ lĩnh.

Khanh hãy xem đó biết Trẫm luyến ái, Khanh càng phải cung thuận, tuân theo cẩn thận điều ước về biên giới, chớ có xâm lấn." (theo *Tự tự trị thông giám trường biên*).

Như vậy là vua Tống có trả lời (nói là ban) cho vua Lý đất 6 huyện và 2 động nhưng đất Vật Dương và Vật Ác vẫn bị giữ lại.

19. VUA LÝ CỬ SỨ THẦN 6 LẦN ĐI ĐÒI LẠI ĐẤT VẬT DƯƠNG VÀ VẬT ÁC

Sau chiến tranh Lý - Tống, vua Lý đã cử nhiều sứ thần đi thương lượng với nhà Tống để thu hồi lại các đất đã bị chiếm

https://tieulun.hopto.org

giữ. Vua Tống tuy đã trả lại một số châu nhưng vẫn giữ lại 2 động Vật Dương và Vật Ác. Vua Lý đã kiên trì cử tới 6 đoàn sứ thần sang Tống để đòi lại 2 động này, có đoàn đến Quảng Tây, có đoàn đến Biện Kinh.

Triều đình Lý không bằng lòng với việc trả đất của nhà Tống sau 2 lần cử Đào Tông Nguyên và Lê Văn Thịnh đi đàm phán. Năm 1085 nhân cơ hội Tống Thần Tông mất, Tống Triết Tông lên ngôi mới 10 tuổi, quyền hành vào tay Thái hoàng thái hậu họ Cao, triều Lý lại gửi biểu sang xin trả 2 động Vật Dương và Vật Ác. Ngày 24 tháng 6 năm 1085, vua Tống trả lời với giọng cương quyết:

"Ban cho Giao Chỉ quận vương Lý Càn Đức chiếu sau này.

Trẫm đã xét kĩ lời của Khanh xin cương thổ các động Vật Ác, Vật Dương. Đời tiên đế Khanh đã bày tỏ việc cương giới. Tiên đế đã giảng chiếu dụ đầu đuôi rõ ràng. Đã đặc biệt theo lời Khanh cầu ma cắt đất cho. Nay Trẫm đọc lời tâu, bất ngờ còn thấy Khanh bày tỏ kêu ca điều ấy.

Trẫm vừa nối nghiệp, hành động phải theo mệnh trước. Nghị định trước đã rõ, nay khó lòng ma đổi được. Khanh phải trung thuận, nhất nhất phải tuân theo lời chiếu trước".

Đây là lần thứ ba vua Lý đòi và nhà Tống từ chối.

Triều Lý không chịu, cho quan coi châu Quảng Nguyên đem quân đánh phá miền đất Tống đã chiếm chưa trả. Năm 1086, vua Tống đã gửi thư trách vua Lý vì cớ gì không chịu theo chiếu sắc. Vua Lý dâng biểu xin vua Tống đổi mới chính sách với đất Vật Dương, Vật Ác:

"Ấp tôi có 8 huyện ở 2 động giáp Vật Dương, Vật Ác, giáp với đất Nhà Vua. Trước sau bị các tù trưởng làm loạn mà bỏ đi đem mình vào quý minh. Đất Vật Dương thì năm Bính Thìn (1076) được thu vào vương thổ. Đất Vật Ác thì năm Nhâm Tuất (1082) mới được thu và đặt vào ải Thông Khang.

Tuy đất ấy là nhỏ nhen, nhưng tôi rất lấy là đau xót, luôn luôn nghĩ đến.

Tổ tiên tôi ngày trước đã xông pha gian hiểm, đánh dẹp các

https://tieulun.hopto.org

kẻ tiếm nghịch mới có đất ấy. Nay gặp thời vận suy đồi tôi không nối được sự nghiệp cha ông. Tôi đâu dám dự vào hàng phiên thần sống trong chốc lát.

Năm Giáp Tý (1084) Tỉ kinh lược Quảng Tây đã từng tâu về việc ấy. Tiên triều lấy 2 huyện Túc, Tang và 6 huyện cho tôi chủ linh. Nhưng các đất Túc, Tang ấy hiện thuộc ấp tôi rồi, không phải là đất mà nay tôi xin. Cho nên tôi không dám nhận mệnh.

Nay gặp khi bệ hạ lên ngôi, việc gì cũng đổi mới. Xin kính cẩn bày tỏ lời biểu này dâng lên".

Tuy vậy vua Tống đã gạt lời xin đất này. Thư của vua Tống như sau:

"... Vả nay biên thần nói thủ lĩnh của khanh đã xâm lấn biên thuỳ. Tiên hoàng vốn sẵn lòng nhân đã ban chiếu dụ, cho phép biện chính, chứng thực rõ ràng. Đã đặc biệt cắt đất ải Khang ân tứ cho Khanh. Tiếng ban như đức còn đó, nét mực chiếu chỉ vẫn còn tươi.

Vậy Khanh nên nghĩ đến lượng bao dung mà tuân theo bờ cõi đã định. Cớ sao còn tâu nhắc lại, vẫn giữ lầm xưa, mà lấy đất mới ban cho làm đất cũ sẵn có. Thờ bề trên như vậy coi sao được?

Xét lòng Khanh không lẽ như vậy, ngờ rằng đó là lời người khác, mách như thế là sai. Huống chi dân châu động ấy là dân nhà Vua (Tống) đã từ lâu. Từ khi quan quân đánh lấy Quảng Nguyên đến lúc Trẫm trả Thuận Châu không hề có tranh giành ruộng đất ở đó.

Khanh phải hết lòng thành thật, tuân theo chiếu trước. Phải thêm cẩn thận giữ gìn cương vực. Chớ có sinh sự lôi thôi. Gắng làm cho dáng Trẫm thương để được đời đời hưởng lộc".

Như vậy là vua Lý cố nài với lời lẽ mềm dẻo, nhưng vua Tống đã kiên quyết chối từ, có ý quở mắng Vua Lý không được sinh sự lôi thôi.

Đây là lần thứ IV Lý đấu tranh đòi đất đã bị vua Tống từ chối.

Năm 1086 vua Lý cử một sứ bộ sang Biện Kinh mừng Minh Triết Tông lên ngôi do chánh sứ là Lê Chung và phó sứ là Đỗ Anh Bối dẫn đầu. Tháng 10 năm 1086 sứ bộ đến Quảng Tây

https://tieulun.hopto.org

đã nhắc lại việc đòi địa giới mà chưa được chiếu trả lời với Lê Thành Trạc là quan coi việc biên giới. Thành Trạc đã nhắc lại là nên theo chiếu vua Tống đã gửi và không nhắc đến chuyện đất 2 động. Đây là lần thứ 5 nhà Tống từ chối.

Để xoa dịu việc đòi đất, khi sứ bộ Lê Chung đến Biện Kinh vào tháng 4 năm Đinh Mão (1087), vua Tống phong chức cho Chánh sứ và Phó sứ, phong cho vua Lý *Giao Chỉ quận vương* Lý Càn Đức tước *Nam Bình vương*.

Vua Lý vẫn không chịu từ bỏ đấu tranh ngoại giao để đòi lại đất, nên nhân việc quân Tống sợ ta đánh úp đã xây thêm đồn ở các cửa ải, Vua Lý vin vào việc ấy đã viết biểu kêu Vua Tống ý nói quan quân Tống đang đe doạ đất mình. Bức thư ấy không còn nhưng chiếu trả lời của Vua Tống nay còn. Chiếu ấy viết ngày 22 tháng 8 năm Mậu Thìn (1088):

"Trẫm nhớ thanh đức của Tiên đế đã đoái thương đến phương xa. Sau khi rút quân khỏi Phú Lương, Tiên đế đã xét lời khẩn cầu của Khanh, liền lấy các châu Quảng Nguyên ban cấp.

Sau đó vì thủ lĩnh An Nam nhận nhầm vương thổ, Tiên đế lại sai quan biện chính chia cõi. Rồi lấy 6 huyện, 2 động ở ngoài ải cấp cho Khanh chủ lĩnh. Thi ân thế có thể gọi là tột bực.

Trẫm vâng theo lời dạy của Tiên đế, cốt làm sao cho bờ cõi yên vui. Huống chi trẫm đã giáng chiếu xuống nhiều lần, giảng cực rõ ràng. Các đất Vật Dương, Vật Ác không thể đem bàn trở lại được nữa.

Còn như sự xây cửa ải đặt lính thú là việc thường làm ở nơi biên cương. Huống chi những đất qui minh trước và sự xây cửa ải là sau, vậy không lẽ gì mà ngờ vực và kêu ca nữa.

Thật rằng những kẻ phiên thần là trước hết dốc lòng thành tin. Chớ nên vu hoặc. Lời Trẫm không thể nói đi nói lại nhiều lần!

Thành Trạc Nhân đi tuần biên để soát các cửa ải, đã tự tiện đem đồ vật và lụa cho các thủ lĩnh ngoài cõi. Làm thế là trái luật. Vừa rồi theo lời Tỉ Kinh lược tố giác và tâu Thành Trạc đã sinh sự, Trạc đã bị biếm và đổi đi rồi. Khanh nên đòi lại những đồ vật ấy và đệ tất cả tới quan.

https://tieulun.hopto.org

Hãy dâng thư, biểu tỏ lòng cung thuận. Gắng hiểu lòng Trẫm thương mến nồng nàn để được hưởng thêm nhiều phúc".

Đây là lần thứ 6 vua Lý dùng lí lẽ để đòi lại đất Vật Dương, Vật Ác mà vua Tống từ chối. Hai lần từ chối đầu do Tống Thần Tông, 4 lần sau do Thái hoàng thái hậu họ Cao. Từ sau đó không thấy nhắc đến việc vua Lý đòi lại đất 2 động này nữa.

20. SỨ THẦN NHÀ LÝ PHẢI ĐEM ĐỒ CỐNG VỀ

Vào tháng 11 nhuận mùa đông năm Bính Ngọ (1126), để thắt chặt quan hệ với nhà Tống, vua Lý Nhân Tông đã sai 2 sứ thần là Nghiêm Thường và Tứ Diên đem đồ cống sang biếu nhà Tống gồm vàng, bạc, sừng tê, ngà voi. Việc vận chuyển từ kinh đô Thăng Long đến Quế Châu phải dùng phu của hai nước.

Nhưng năm đó người Kim ở phương Bắc vào vây Biện Kinh là kinh đô của nhà Tống tức huyện Khai Phong tỉnh Hà Nam bây giờ. Sau đó bắt được 2 vua Tống là Tống Huy Tông và Tống Khâm Tông. Triều đình nhà Tống đang bối rối đối phó với người Kim nên Tỉ Kinh lược nhà Tống đã nói với sứ thần Đại Việt :

- Năm nay ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam, Đỉnh Phong đều có việc động binh đánh người Kim, cho nên dọc đường những ngựa tải đâu cũng hiếm. Vậy các sứ giả hãy đi về.

Thế là Nghiêm Thường và Tứ Diên phải đem đồ cống trở về nước tâu với vua Lý. Mãi đến 4 năm sau, khi Lý Thần Tông lên ngôi, nhà Tống bị nhà Kim uy hiếp, đã phải sang sông Trường Giang, lui về đóng đô ở Lâm An (tức là Hàng Châu ngày nay), mới sai 2 sứ thần là Lý Phụng Ân và Doãn Anh Khải sang báo về việc lên kế vị và đã được vua Tống phong cho làm *Giao Chỉ quận vương*. Từ khi lui về đóng đô ở Lâm An (phủ Lâm An tỉnh Triết Giang) nhà Tống được gọi là Nam Tống. Thế lực của nhà Tống ngày càng suy yếu, nên việc phong chức cho vua ta cũng không còn quá khắt khe. Năm 1130 phong vua Lý là *Giao Chỉ quận vương*; năm 1132 phong làm *Nam Bình vương*; năm 1164 đổi Giao Chỉ làm *An Nam Quốc* và phong cho

https://tieulun.hopto.org

vua Lý là *An Nam quốc vương*. Tên gọi *An Nam Đô Hộ Phủ* được đặt cho nước ta từ đời Đường Cao Tông. Đến đời Tống Hiếu Tông mới gọi nước ta là "quốc" (nước) và phong cho vua Lý Anh Tông làm *vua nước An Nam*.

Bàn về việc phong vương này, nhà sử học Ngô Thì Sĩ có viết: "Nhà Tống, từ khi rút xuống phía nam, mỗi khi sứ ta sang cống vẫn giao nhận cống phẩm ở tỉnh Quảng Tây chứ chưa từng tới kinh đô của Nam Tống bao giờ. Năm nay là kì đưa lễ cống, Nhà Vua đưa thư sang Tống xin cho sứ giả đến tận cung khuyết, vua Tống ưng thuận. Lệ cũ việc cống sính chưa lần nào đi đủ 3 sứ thần. Kì này nhà vua cử Doãn Tử Tư làm Đại sứ, Lý Bang Chính làm Chánh sứ, Nguyễn Văn Hiến làm Phó sứ. Từ người dẫn đầu đến tuỳ hành đều đủ số. Khi đến nơi Vua Tống khen là có lòng thành khẩn. Lại thấy sứ thần của ta ôn hoà, văn phép, áo mũ chững chạc đoàng hoàng, rất lấy làm ưng ý. Vua Tống hạ chiếu cho đình thần bàn định về việc ban cho tên nước là "An Nam Quốc" và gia phong cho Nhà Vua làm *An Nam quốc vương*.

https://tieulun.hopto.org

Chương III

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI TRẦN

https://tieulun.hopto.org

1. VIỆC TIẾP SỨ VÀ ĐI SỨ ĐẦU ĐỜI TRẦN

Tồn tại bên cạnh một nước lớn, luôn tìm cách xâm chiếm đô hộ nước ta nên ngay từ khi lập quốc, chính sách ngoại giao của các triều đại phong kiến Việt Nam cực kì khó khăn và phức tạp. Một mặt phải luôn giữ gìn độc lập chủ quyền dân tộc nhưng mặt khác phải hết sức khôn khéo, mềm dẻo để giữ vững hòa bình tránh đổ máu trong những cuộc chiến không cân sức và tổn hại tới lợi ích quốc gia.

Đặc biệt trong thời kì đầu nhà Trần, phải đối phó với đế quốc Nguyên Mông có một đội quân rất thiện chiến, hùng mạnh, đã đánh chiếm một lãnh thổ rộng lớn từ Hắc Hải đến Thái Bình Dương, gồm Siri, Irắc, Agiecbaidan... Hunggari, Nga, Tuôcmênistăng đến Trung Quốc. Sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ nhất thắng lợi, nước Đại Việt bước vào một thời kì quan hệ ngoại giao khó khăn và phức tạp trong 26 năm trời (từ 1258 đến 1284): phải hòa hoãn với Mông Cổ để xây dựng lực lượng chiến đấu. Vì vậy từ vua nhà Trần cho đến các sứ thần Đại Việt đón tiếp sứ thần Mông Cổ hay đi sứ sang Mông Cổ đều tuân thủ những nguyên tắc triều đình đã đề ra là nhún nhường trong việc xưng hô, tiếp đãi nồng hậu, nạp các đồ tiến cống trong phạm vi một nước chịu thần phục nhưng kiên quyết giữ vững chủ quyền, biên giới lãnh thổ; độc lập, tự chủ mọi công việc nội bộ cai trị quốc gia; không cấp lương, không cho mượn đường đi, không bị lệ thuộc về quân đội, không giúp chúng đánh nước khác, không nộp nô lệ và giữ gìn quốc thể. Dù nước có nhỏ vua Trần cũng là vua một nước.

Cho đến khi cuộc đấu tranh ngoại giao phải chuyển tiếp sang thành chiến tranh thì việc tiếp sứ và đi sứ được biểu hiện thành cuộc đọ sức của súng gươm giữa hai bên trong 2 lần tiếp theo. Tuy thắng trận 3 lần, đuổi được quân Mông Cổ ra khỏi nước nhưng vì là một nước nhỏ yêu chuộng hòa bình, phải luôn tìm mọi cách để khỏi lâm vào một cuộc chiến tranh mới và xoa dịu mối thù nhục nhã bị thua

https://tieulun.hopto.org

trận của Thiên triều. Do vậy nhiệm vụ của các sứ thần Đại Việt vẫn là vô cùng nặng nề và đầy khó khăn.

Trên mặt trận đối ngoại không chỉ có các quan lại mà cả tể tướng, vua cha (Thái Thượng hoàng) và vua con (đang nắm quyền trị vì), cũng đều phải xung trận. Có chính nghĩa, có lực lượng hậu thuẫn là sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, là "đội quân cha con" nên nhà Trần có những lí lẽ cứng cỏi, các yêu sách của vua Mông Cổ bị bác bỏ hầu hết. Có thể nói từ khi lập quốc, chưa có thời kì nào cuộc đấu tranh ngoại giao lại gay go và thắng lợi vẻ vang như vậy.

Năm 1257 Chúa Mông Cổ là Mông Ke sai Uryang Kha Đai (Ngột Lương Hợp Thai) sau khi đánh thắng nước Đại Lí (vùng Vân Nam) đánh thẳng vào nước Đại Việt. Trước khi tiến quân vào Đại Việt, chúng đã sai sứ 3 lần sang dụ Vua Trần Thái Tông hàng phục. Lần thứ I vào tháng 8 năm Đinh Tị (1257), lần thứ 2 vào tháng 9, lần thứ 3 vào tháng 11 (theo *Toàn thư* và *Nguyên sử*). Để tỏ rõ ý chí kiên quyết chiến đấu của Đại Việt, Vua Trần, không hề sợ hãi, đã ra lệnh tống giam tất cả những tên sứ Mông Cổ. Đến khi chúng vào được Thăng Long còn "Thấy những tên sứ ấy bị nhốt trong ngục, người đều bị trói, thừng tre lằn sâu vào thịt. Khi cởi trói ra một tên đã chết". Bọn Mông Cổ đã trả thù bằng cách điên cuồng tàn phá kinh thành.

Sau khi đánh đuổi quân thù ra khỏi Thăng Long (1258), nước Đại Việt nhỏ bé ở phương Nam, dám đương đầu với đế quốc Mông Cổ hùng mạnh đang chiến thắng khắp nơi trên thế giới, đã phải áp dụng một chính sách ngoại giao hết sức khôn khéo vừa mềm dẻo vừa kiên quyết để có thời giờ chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng đánh bại mọi cuộc xâm lăng khác. Việc tiếp đón sứ Mông Cổ và đi sứ cũng có nhiều khó khăn.

Năm 1258 ngay khi vừa bị đuổi chạy về đến Vân Nam, Ngột Lương Hợp Thai đã sai hai sứ sang dụ Thái Tông vào chầu. Thái Tông đã sai trói 2 sứ, đuổi về và sai sứ sang Nam Tống cống voi và ngỏ ý định truyền ngôi cho con (là Trần Thánh Tông), nhưng sau đó nhà Nam Tống đã bị Mông Cổ diệt

https://tieulun.hopto.org

nên vua Trần đã quyết định nối bang giao với Mông Cổ. Lê Phụ Trần người tướng tài giỏi và dũng cảm ở Bình Lệ Nguyên làm Chánh sứ, Bác Lãm làm Phó sứ tiến vào Vân Nam. Ngột Lương Hợp Thai đã cho dẫn đến gặp Chúa Mông Cổ là Mông Ke đang giữ vùng Thiểm Tây. Sứ bộ Lê Phụ Trần đi đến thỏa thuận là 3 năm triều cống một lần.

Năm 1261 Chúa Mông Cổ sai sứ là Nột Lạt Đình sang Đại Việt đưa thư, nội dung như sau: "Trước ta sai sứ sang thông hiếu, các ngươi giữ lại không cho về vì thế mới có việc xuất quân năm ngoái, làm cho Chúa nước ngươi phải chạy ra nơi thảo dã. Ta lại sai hai sứ đến chiêu an, các ngươi lại trói đuổi sứ của ta. Nay đặc sai sứ sang dụ rõ ràng: nếu các ngươi thật lòng nội phụ thì *quốc chủ phải thân đến*, nhược bằng còn không sửa lỗi thì nói rõ cho ta biết".

Năm 1261 Vua Mông Cổ sai Mạnh Giáp và Lý Văn Tuấn mang chiếu thư sang Đại Việt : "Quan lại sĩ thứ nước An Nam phàm áo mũ lễ nghi đều được theo chế độ cũ nước mình. Trong Triều đã hạ lệnh răn bảo quan ngoài biên giới không được tự tiện đem quân xâm chiếm, vậy hai bên đều nên giữ việc trị an như cũ". Đấy là những lời chối việc đem quân xâm chiếm lần thứ nhất, đổ cho quan lại biên giới và lừa phỉnh xảo quyệt, trấn an khi chúng còn bận tranh giành quyền lực lẫn nhau ở Mông Cổ.

Khi Mạnh Giáp và Lý Văn Tuấn trở về thì vua Trần Thái Tông cho sứ bộ Đại Việt là Trần Phụng Công, Nguyễn Thám và Nguyễn Diễn sang thông hiếu xin theo lệ 3 năm triều cống một lần. Trên danh nghĩa, từ nay Đại Việt đã thần phục Mông Cổ. Mông Cổ cũng muốn biến Đại Việt thành một thuộc quốc mà không cần đến tên cứng và ngựa mạnh.

Nếu coi như từ năm 1261 Đại Việt chính thức lập quan hệ bang giao với Mông Cổ (thôi không triều cống nhà Tống nữa) cho đến sau khi cuộc xâm lược lần thứ III của chúng thất bại (1289) và việc giải quyết những hậu quả của chiến tranh tạm xong vào năm 1293, thì trong vòng hơn 30 năm có quan hệ bang giao đã xảy ra 2 cuộc đánh chiếm Đại Việt của Mông Cổ.

https://tieulun.hopto.org

Trong thời gian này các cuộc đi sứ và tiếp sứ Mông Cổ của Đại Việt bình quân mỗi năm một lần.

Đại Việt cử đi khoảng 30 đoàn, sứ Mông Cổ sang ta khoảng 35 đoàn. Có năm vua Trần đã cử đến 2 đoàn sang, có đoàn gặp tướng Mông Cổ, có đoàn sang gặp vua Nguyên. Sứ Mông Cổ có năm sang đến 3 đoàn dồn dập, thường là trước khi chúng đem quân sang đánh ta. Các vua Trần kiên quyết giữ vững chủ quyền quốc gia và kiên trì đường lối ngoại giao mềm dẻo để giữ vững hòa bình, đẩy lùi chiến tranh nên ngay cả khi quân Mông Cổ đã tiến quân đến sát biên giới, Đại Việt vẫn cử sứ thần sang gặp đối phương tìm cách hoãn binh, dâng biểu lên vua Nguyên hứa hẹn cống nạp đầy đủ. Trong cuộc kháng chiến lần thứ II, khi quân giặc đã tiến đến sát kinh thành Thăng Long vua Trần vẫn cử sứ sang xin hòa hoãn.

Khi sứ thần Mông Cổ sang ta thì các vua Trần là người cuối cùng trực tiếp giao dịch, tiếp chuyện, chấp nhận hay bác bỏ những yêu sách của phía Mông Cổ. Cuộc đấu tranh qua nghi lễ cũng không đơn giản khi tiếp sứ thần Mông Cổ. Ngay cả từ các việc như cho chúng đi cửa nào, chính hay phụ ở hai bên, bên phải hay bên trái, mở tiệc tiếp dãi ở cung điện nào, vua Trần khi nhận chiếu thư của vua Mông Cổ có phải chắp tay lạy hay không... Xung quanh nghi lễ là những lần đấu tranh để giữ gìn quốc thể. Các vua Trần có nhân nhượng về lối cửa đi vào, về nơi mở tiệc nhưng khi nhận chiếu thư không bao giờ chịu lạy vì coi mình cũng là vua một nước ngang hàng với vua Mông Cổ chứ không phải là một viên quan dưới quyền của vua Mông Cổ. Thường sau khi trao đổi các vấn đề do Mông Cổ đưa ra cùng với sứ Mông Cổ (trong các văn bản thường gọi là Thiên sứ (sứ của thiên tử - vua Mông Cổ -) các vua Trần đều làm tờ biểu dâng lên vua Mông Cổ và cho sứ thần nước ta mang sang dâng vua Mông Cổ. Có thể đi cùng với sứ bộ Mông Cổ lúc họ trở về hoặc có thể gửi ngay sứ Mông Cổ mang về nước.

Về phía Mông Cổ, tuy đã nhận cho Đại Việt 3 năm triều cống một lần, nhưng không theo những định lệ như các triều

https://tieuluan.hopto.org

đại Trung Quốc trước đây mà thực chất là muốn bắt Đại Việt làm nô lệ với 6 điều mà chúng đưa ra bắt vua Trần phải tuân theo. Đó là:

1. Quốc trưởng (vua) phải vào chầu.
2. Đưa con em sang làm con tin.
3. Kê biên dân số.
4. Phải chịu quân dịch.
5. Phải nộp thuế.
6. Chịu đặt quan Đạt lỗ hoa xích[1] để kiểm soát các việc trong nước.

Sáu điều khoản đó thực sự là bắt dân ta làm nô lệ cho chúng đời đời. Thậm chí chúng còn cho sứ sang nêu những yêu sách ngang ngược như: cho quân lính chúng mượn đường đi sang Chiêm Thành, phải giúp quân lính và lương thực cho chúng đánh Chiêm Thành, đem quân phối hợp đánh Chiêm Thành giúp chúng...

Những tên sứ Mông Cổ sang Đại Việt trong thời kỳ này đều cậy thế nước lớn, có đội quân hùng mạnh đã đánh bại nhiều quốc gia trên thế giới, nên đều hống hách, kiêu ngạo, láo xược, coi thường vua quan nhà Trần. Để giữ gìn hòa bình, chuẩn bị lực lượng chiến đấu, vua quan Đại Việt vẫn giữ vững nguyên tắc bảo vệ chủ quyền độc lập giữ gìn quốc thể nhưng trong việc tiếp đãi cũng đã phải mềm dẻo, tranh thủ, mua chuộc chúng. Chính vì vậy cho nên trong Hịch tướng sĩ của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã nhắc lại thời kỳ tiếp sứ đầy khó khăn đó mà vua tôi phải ráng chịu:

"... Huống chi ta cùng các ngươi sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi khó khăn, ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt-nạt tể phụ. Lại thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham không cùng, lại giả hiệu Vân Nam Vương mà vơ vét bạc vàng châu báu của kho có hạn. Thật khác

[1] *Một chức quan đô hộ của Triều Nguyên có chức năng là một "quan Toàn quyền" bên cạnh Vua nước chư hầu, thuộc địa.*

https://tieulun.hopto.org

nào ném thịt cho hổ đói giữ sao cho khỏi tai vạ về sau...". Đó cũng là thời kỳ "nghe nhạc thái thường dãi yến nguy sứ..."

Các vua Trần đã hoàn toàn bác bỏ mọi yêu sách láo xược của Mông Cổ, giữ vững chủ quyền độc lập bằng các sứ bộ mang biểu, thư sang nhiều lần kiên trì không chấp nhận, biểu thị tinh thần tự tôn, tự cường dân tộc, giữ gìn quốc thể trong mọi trường hợp và chuẩn bị lực lượng chiến đấu, nâng cao ý chí giết giặc "Sát thát", củng cố khối đoàn kết thống nhất. Cuộc đấu tranh ngoại giao tiến hành song song với đấu tranh quân sự được sự hậu thuẫn bởi ý chí và lực lượng chiến đấu của toàn dân trong thời kỳ này là những trang sử vẻ vang nhất của dân tộc.

Viết về việc tiếp sứ Mông Cổ và đi sứ Nguyên dưới thời Trần, nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã nhận xét: "Cuối cùng đánh được giặc mạnh, khiến chúng phải nguội lạnh cái lòng nhòm ngó phương Nam đó, há có phải chỉ vì binh lực mà thôi đâu?" (*Lịch triều hiến chương loại chí*).

Nhận xét về việc đón tiếp sứ Mông Cổ dưới thời Trần, trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú có nhận xét:

"Nước ta đời nhà Trần ứng tiếp với sứ nhà Nguyên khi cương, khi nhu, đều là đắc thể cả. Cho nên từ năm Trùng Hưng về sau mới có thể hết việc binh đao, mà Bắc sứ thường thường phải khuất phục. Trong khoảng hơn trăm năm, ngăn được sự dòm ngó của Trung Quốc mà tăng thêm thanh danh cho văn hiến nước nhà, đó là nhờ có sự giao tiếp dắc nghi giúp sức vậy."

Thiết nghĩ những nhận xét đó đã nói lên thắng lợi to lớn trong việc tiếp đón sứ Nguyên và đi sứ sang Nguyên dưới thời Trần.

2. CÁC VUA TRẦN NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHỊU LẠY KHI NHẬN CHIẾU THƯ CỦA VUA MÔNG CỔ

Trong nghi lễ tiếp đón các sứ thần Mông Cổ, Trần Thái Tông đã giữ gìn quốc thể, nhất định không chịu lạy chiếu thư của vua Mông Cổ.

Tháng 12, mùa đông 1268 Vua Mông Cổ sai tên Hốt Lung

https://tieulun.hopto.org

Hải Nha sang thay Nậu Lạt Đinh giữ chức quan Đạt lỗ hoa xích và Trương Đình Trân (một tên Hán gian) sang làm phó quan. Vua Trần Thái Tông đã nhận chiếu thư của Vua Mông Cổ từ tay chúng mà không chịu cúi lạy. Hắn căm tức và đe doạ:

"...Nhà vua vẫn hoà mục với Tống, tưởng được cứu viện lúc gấp. nay trăm vạn quân đang vây kín Tương Dương, chim bay cũng không có lối, chỉ sớm tối hạ thành, dồn quân qua sông lật đổ kinh thành nước ấy dễ như bẻ cành khô, thế mà nhà vua còn dựa vào nơi bờ bể, cậy là môi với răng... tự tôn tự đại. Nếu tâu lên Hoàng đế oai trời khê động, thì chẳng cần gọi đến quân Trung Quốc ở xa, mà 10 vạn quân Vân Nam hơn tháng là đến, sẽ biến Vương miếu thành gò hoang Vương đình thành bãi cỏ chẳng khó khăn gì..."

Trương Đình Trân còn hống hách đòi vua Trần phải tiếp đãi hắn theo lễ đối với tước vương, nhưng Thái Tông đã trả lời hắn: "Thánh thiên tử thương tôi nhưng sứ giả đến nhiều người vô lễ. Ông là quan triều liệt, còn tôi là vua, mà cùng ngang lễ với nhau, tự cổ chí kim có điều đó không?"

Trước thái độ hỗn xược của Đình Trân, vua Trần đã đem binh, sai lực sĩ tuốt gươm trần vây quanh. Trân tỏ vẻ uể oải nằm dài trong một căn phòng, vứt hết cung tên gươm giáo đeo bên người, nói với vệ sĩ là xem các ngươi làm gì? Trời nắng. Trân khát lắm, quân lính được sai lấy nước sông nóng và bẩn cho hắn uống, hắn không uống được, đòi múc nước giếng. Quân lính Đại Việt được lệnh nói: "Tục lệ nước ch ing tôi đã không ưa nhau thì thường bỏ thuốc độc vào trong giếng để giết người, vì vậy không thể múc nước giếng cho ông uống được, sợ làm chết sứ giả của vua Mông Cổ." Sau đó hắn phải nói: "Tự tôi yêu cầu uống nước giếng, nếu có chết cũng không oán hận". Sau đó quân lính mới múc nước giếng cho hắn uống. Cuối cùng hắn gần như bị giam lỏng ở Thăng Long, không cho tự do đi lại.

Cuộc đấu tranh với sứ giả Nguyên của vua Trần để bảo vệ quốc thể đã làm cho bọn sứ giả Mông Cổ, cậy là đội quân đánh đâu được đấy, đã phải nhụt chí khí kiêu căng, hỗn xược, phải kính nể nước Nam.

https://tieulun.hopto.org

Sau việc nhận chiếu thư không chịu lạy của vua Trần Thái Tông, vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt sai Trung thư gửi công điệp sang nói về việc nhà vua không lạy là không đúng lễ "Vương nhân" đối đãi với sứ thần. Trong công điệp lại viện dẫn nghĩa trong kinh *Xuân Thu* để trách móc. Vua Trần đã lợi dụng ngay điển lễ của Mông Cổ và chiếu thư của Hốt Tất Liệt gửi cho vua Trần năm 1261 để đấu tranh không chịu lạy. Năm 1272 trong thư trả lời, Trần Thái Tông đã viết:

"Nước tôi thờ phụng Thiên triều đã được phong tước Vương, há không phải là "vương nhân" hay sao? Sứ thần Thiên triều đến lại xưng là "vương nhân", nếu đãi ngang lễ thì sợ nhục triều đình. Huống chi nước tôi trước đã nhận được chiếu chỉ, bảo cứ theo tục cũ. Phàm nhận chiếu cứ để yên nơi chính điện, còn mình thì lui tránh ở nhà riêng, đó là điển lễ cũ của nước tôi..." (*Nguyên sử* và *An Nam truyện*).

Trung thư nước Mông cổ lại gửi công điệp sang lấy cớ rằng "sứ thần của Triều đình dầu chức nhỏ, nhưng phải coi mệnh lệnh của Thiên tử là trọng hơn cả. Trước kia vì triều đình nhận thấy nước nào cũng đều có tập tục riêng, không bắt phải thay đổi vội, nên hạ chiếu cho được theo tục nước ấy, chứ có lẽ nào lấy việc không lạy chiếu của triều đình mà bảo là theo tục cũ được hay sao?".

Nhà vua không thuận theo những lời trong công điệp ấy. Sai Lê Đà và Đinh Củng Viên sang Mông Cổ biện bạch về việc này.

Năm 1271 Vua Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên.

Nguyên sử Thế tổ bản kỷ cũng chép về việc Vua Trần không lạy chiếu: "Ngày Mậu Ngọ tháng 1 Chí Nguyên X (24.1.1273) sứ đi An Nam về, nói Trần Quang Bình (Thái Tông) nhận chiếu không lạy. Trung thư đưa thư trách hỏi, Quang Bình nói rằng đó là theo bản tục. Thư của Trung thư tỉnh nhà Nguyên đã vặn lý về việc không lạy chiếu:

"... Trong khoảng trời đất có hàng muôn nước mà mỗi nước có một phong tục riêng, nếu bắt thay đổi ngay có điều không tiện, nên cho phép được dùng phong tục bản gốc, nhưng có lẽ tục nào

https://tieulun.hopto.org

nhận chiếu của Thiên tử mà lại không lạy?" (Theo *Nguyên sử*).

Cuộc đấu tranh không chịu lạy chiếu thư của Mông Cổ còn diễn ra nhiều lần nữa dưới thời Trần. Năm 1271 Vua Mông Cổ đưa thư sang trách về việc Vua Trần không lạy chiếu. Năm 1273 thư của Vua Nguyên lại trách về việc Vua Trần không lạy chiếu:

"Mấy năm nay các sứ giả đi về đều nói những khi Vương nhận chiếu của Thiên triều chỉ đứng chắp tay chứ không lạy, tiếp kiến sứ giả hoặc yến tiệc thì đều ngồi trên sứ giả. (*An Nam truyện*)"

Xung quanh nghi lễ tiếp đón sứ thần Mông Cổ, sách LTHCLC của Phan Huy Chú có dẫn một đoạn viết của nhà sử học Ngô Sĩ Liên:

"Xét sứ nhà Nguyên có Lý Tư Diễn thường sang sứ nước ta để dụ vua vào chầu. Khi đến, Tư Diễn nói: "Người bề tôi nước lớn không lạy vua nước nhỏ, đó là lễ đấy". Triều thần tả hữu biến sắc mặt. Vua (Nhân Tông) cười và nói: "Kính vua nên kính cả sứ đó, đó cũng là lễ đấy". (Có nghĩa là sở dĩ vua nước Nam vái sứ Mông Cổ không phải là dưới sứ thần Mông Cổ mà chính là do kính trọng vua Mông Cổ, vua nước Nam là người có lễ - chú thích của người viết). Rồi đối đãi ngang hàng. Xem đấy thì biết, trước kia sứ Trung Quốc đến, vẫn có lễ nghi đáp bái với vua nước ta, mà nay nhà vua đem câu ấy đáp lại Tư Diễn, lời lẽ hàm súc vừa cứng vừa mềm, quốc thể càng thêm tôn trọng.

Lại có Hoàng Thưởng (không rõ năm nào - NV) cũng được sai sang sứ. Khi đến cửa Thừa Thiên không xuống ngựa, quân gác cửa ngăn lại. Thưởng cứ đi vào thẳng cửa Tế Thiên mới chịu xuống ngựa. Nhà vua vái dài mà nhận chiếu. Hoàng Thưởng nói:

"Đã 10 năm nay Vương không sang cống, sở dĩ chưa muốn đem quân sang đánh vì cho là nước có lễ nghĩa, cho nên ban xuống chiếu này tức là cái ý nhà Tây Hán ban ghế và gậy cho Ngô Vương[1] ngày xưa. Nay nhà vua nhận chiếu mà không lạy thì phỏng có yên tâm được không?" Phan Huy Chú có nhận xét

---

[1] *Hán Văn Đế thấy Ngô Vương Tỵ không vào chầu nên ban cho gậy chống và ghế ngồi, ý nói vẫn đối đãi tử tế để làm cho cảm phục mà vào chầu.*

https://tieulun.hopto.org

trong LTHCLC:

"Xem thế biết rằng lúc bấy giờ, sứ Nguyên phần nhiều là kiêu ngạo, không phải chỉ có Sài Xuân thôi, mà vua tôi bấy giờ ứng đối thù tiếp chỗ nào cũng đắc thế, nghiễm nhiên có khí thế, không ai dám khinh..."

3. KHÔNG CHỊU TIẾN CỐNG ĐẦY ĐỦ VÀ ĐÚNG HẠN

Sau khi tiếp nhận mối bang giao chịu triều cống 3 năm một lần theo thỏa thuận chính thức giữa 2 nước năm 1261, trong các văn bản gửi vua Nguyên trong việc tiếp đón sứ và đi sứ các vua Trần và sứ thần Đại Việt tuy phải chấp nhận triều cống nhưng vẫn tìm cách để khước từ một số yêu sách, hoặc chấp nhận trên giấy tờ nhưng tìm nhiều lý do không thực hiện.

Tháng 10 năm 1262 Hốt Tất Liệt gửi chiếu thư cho Vua Trần: "Khanh đã gửi đồ lễ xin làm bề tôi, vậy bắt đầu từ năm Trung Thống thứ IV (1263), cứ 3 năm cống một lần. Hãy chọn nho sĩ, thầy thuốc, người giỏi âm dương bói toán, các loại thợ, mỗi thứ 3 người. Cùng nộp dầu tô hợp, quang hương, vàng bạc, châu sa, trầm hương, đàn hương, sừng tê, đồi mồi, trân châu, ngà voi, vải trắng, chén sứ, đem đến cả một lúc...".

Tháng 12.1266 Vua Trần sai Dương An Dưỡng và Vũ Hoàn sang cống. Dương An Dưỡng dâng Vua Hốt Tất Liệt 3 đạo biểu: đạo thứ nhất nói về tiến dâng phương vật, đạo thứ hai xin miễn việc đòi tú tài và thợ. Như vậy là vua Trần xin cống nạp những sản vật từ phương Nam như vàng, đồi mồi... nhưng không chịu cống người. Đây là một việc đấu tranh biểu thị ý thức tự tôn dân tộc, không chịu để người Việt đi làm nô lệ cho một dân tộc khác, đề cao nhân cách, phẩm giá của người Việt, cũng là để bảo vệ giữ gìn những nhân tài trong nước.

Trong việc cống nạp phương vật, không phải là bao giờ vua Trần cũng đúng kỳ hạn 3 năm một lần. Năm 1269 sứ Mông Cổ là Trương Đình Trân cũng đã nêu trong thư gửi vua Trần: "An Nam vào cống không đúng kỳ hạn". Hoàng Thưởng, sứ Mông

https://tieulun.hopto.org

Cổ, cũng viết: "Đã 10 năm nay vương không sang cống...".

Về cống voi: không phải lúc nào vua Mông Cổ đòi là vua Trần nộp ngay mà luôn tìm cách từ chối. Năm 1269 vua Trần Thái Tông đã xin hoãn việc cống voi:

"Theo lời Khu Rung Khay A, bệ hạ muốn đòi mấy con voi lớn. Loài thú ấy thân thể to lắm, bước đi rất chậm chạp, không như ngựa của thượng quốc. Xin tuân sắc chỉ, đợi đến năm tiến cống sau sẽ đem dâng".

Năm 1271 Vua Nguyên lại nhắc đến việc cống voi. Năm 1272 Vua Trần đã trả lời: "...Sứ nói đến việc cống voi, trước vì sợ trái chỉ nên không dám nói thẳng là theo hay không theo chứ thật ra vì voi nó không chịu rời nhà, khó sai đi, còn việc đòi nho sĩ, thầy thuốc và thợ thì khi bồi thần nước tôi là Lê Trọng Đà vào bệ kiến, gần uy quang trong gang tấc cũng không nghe chiếu dụ gì đến việc ấy. Huống chi từ năm Trung Thống thứ IV (1263) đã được đội ơn tha cho, nay lại nhắc đến xiết bao kinh ngạc".

4. VUA TRẦN VÔ HIỆU HÓA TÊN QUAN ĐẠT LỖ HOA XÍCH

Trong tình hình khó khăn phải đối phó với sức mạnh quân sự của Mông Cổ, nhà Trần tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng kháng chiến nên đã quyết định nhận triều cống vua Mông Cổ và cho Mông Cổ đặt chức quan Đạt lỗ hoa xích trên nước Đại Việt. Tuy phải chấp nhận cho đặt quan Đạt lỗ hoa xích nhưng nhà Trần đã tìm nhiều cách để vô hiệu hóa nhiệm vụ của tên này và đến khi cần thiết đã đòi bãi bỏ.

Hốt Tất Liệt đòi Đại Việt phải để cho Mông Cổ đặt quan Đạt lỗ hoa xích là chức quan thống trị mà Mông Cổ đặt ở các nước để kiểm soát mọi công việc ở nước đó.

Nhà Trần đã tìm mọi cách để ngăn trở không cho viên quan này làm nhiệm vụ kiểm soát công việc của triều đình và dò nắm được tình hình trong nước ta. Tên quan này chỉ như một sứ giả của Mông Cổ mà thôi. Nột Lạt Đinh – quan Đạt lỗ hoa

https://tieulun.hopto.org

xích đầu tiên đến Đại Việt 1262, đến tháng 12 năm 1263 hắn đã về nước, đến 1266 mới trở lại Đại Việt. Vua Trần đã cấm dân không được nói chuyện với người Hồi Hột để ngăn chặn mọi tin tức, không cho chúng biết mà thông báo cho tân quan Đạt lỗ hoa xích. Chính vì vậy nên Hốt Tất Liệt đã giận dữ và đe dọa:

"...Lại ngay trong tờ tâu thường có câu "một nhà". Nay nghe Nột Lạt Đinh nói ở đấy (Đại Việt) có lệnh cấm người Hồi Hột không cho dân được nói chuyện. Nếu quả như vậy thì cái nghĩa một nhà có lẽ nào như thế?".

Có thể, nhà Trần bên cạnh việc ngăn trở tên quan Đạt lỗ hoa xích dò xét tình hình, còn tìm cách mua chuộc; vì thế mà vua Trần đã yêu cầu vua Mông Cổ cho Nột Lạt Đinh được giữ chức đó lâu dài ở Đại Việt. Trong tờ biểu của Thánh Tông gửi vua Mông Cổ năm 1275 có viết: "Nếu như các quan Đạt lỗ hoa xích của thiên triều sai sang, khi về, há lại chịu về không?" Câu này cho thấy sự nhũng nhiễu tìm cách vơ vét của tên quan nhưng mặt khác cũng cho chúng ta thấy rằng nhà Trần đã lợi dụng tính tham lam vơ vét đó để mua chuộc chúng làm lợi cho triều đình (như sau này đã đút lót cho tên sứ Lương Tằng).

Có thể cũng chính vì vậy nên đến năm 1268 vua Hốt Tất Liệt đã cử tên Hốt Long Hải Nha (Khu Rung Kha I A) sang thay Nột Lạt Đinh vì sợ tên này thông tình với Đại Việt.

Để vô hiệu hóa tên quan Đạt lỗ hoa xích, vua Trần đã cấm nhân dân không được giao dịch với người Hồi Hột vì trong số họ có những tên làm gián điệp. Tên quan này chỉ ở Thăng Long, bị bao vây, không đi lại các nơi, không có tin tức gì. Âm mưu của Hốt Tất Liệt là dùng những lái buôn người Hồi Hột (Ulgur - Tân Cương) để dò xét tình hình. Tháng II năm Chí Nguyên I (1267) Hốt Tất Liệt đòi vua Trần phải trả những thương nhân Hồi Hột đã đến Đại Việt, mượn cớ là để biết tình hình Tây Vực, nhưng đó chỉ là một sự dối trá vì lúc đó Tây Vực (vùng Trung và Tây Á) đã nằm trong bản đồ của đế quốc Mông Cổ và trong vùng kiểm soát của Mông Cổ thì lái buôn Hồi Hột có rất nhiều.

Năm 1268 Hốt Tất Liệt lại sai sứ sang đòi lái buôn Hồi Hột.

https://tieulun.hopto.org

Vua Trần Thái Tông đã không chịu, tháng 12.1269 trong thư gửi Hốt Tất Liệt, vua viết: "Lái buôn Hồi Hột một người tên là I Ôn đã chết lâu ngày, một người tên là Bà Bà vừa bị bệnh chết". Như vậy đủ thấy là vua Trần đã nhìn rõ âm mưu của Hốt Tất Liệt dùng bọn này làm do thám và những tên lái buôn này nếu không bị quản thúc thì chắc cũng đã bị giết chết để mất nguồn cung cấp tin tức cho Đạt lỗ hoa xích.

Năm 1272 vua Nguyên lại cử Yê Si Nê sang làm Đạt lỗ hoa xích thay Hốt Long Hải Nha; năm 1273 Yê Si Nê chết, vua Nguyên cử Lý Nguyên thay.

Năm 1275, vua Trần lại tìm cách thoái thác cả việc cống và không nhận chức quan Đạt lỗ hoa xích của nhà Nguyên cử sang Đại Việt. Thư tháng 2 năm 1275 gửi vua Nguyên có đoạn:

"...Hơn 10 năm nay tuy 3 năm cống một lần, nhưng sai phái sứ thần đi lại quá mệt mỏi, chưa được nghỉ ngơi lấy một ngày. Còn như chức quan Đạt lỗ hoa xích, Thiên triều sai đến nước chúng tôi sao có thể về không, phương chi những kẻ sai đến, động tí gì là cậy thế chèn ép nước nhỏ... Vả lại Đạt lỗ hoa xích chỉ nên đặt ở các vùng man di ngoài biên giới, còn tôi đã được phong vương, nước tôi làm phên dậu một phương mà còn đặt Đạt lỗ hoa xích để giám sát, há không bị các nước chư hầu cười cho sao. Sợ giám sát mà nộp cống sao bằng trong lòng vui vẻ mà nộp cống... Tất cả quan lại thiên triều sai đến xin đổi làm Dẫn tiến sứ để tránh được cái tệ Đạt lỗ hoa xích...".

5. MƯỜI LẦN, CÁC VUA TRẦN NHẤT ĐỊNH KHÔNG SANG CHẦU HỐT TẤT LIỆT

Ngay sau khi bị đuổi chạy về Vân Nam, Ngột Lương Hợp Thai đã sai ngay hai sứ sang dụ Thái Tông sang chầu. Vua Thái Tông đã trói sứ, đuổi về. Năm 1261 chúa Mông Cổ lại sai Nột Lạt Đinh đưa chiếu thư sang cho vua Trần. Thư viết:

"Nay đặc sứ sang dụ rõ ràng: nếu các ngươi thật lòng nội phụ thì quốc chủ phải thân đến, nhược bằng còn không sửa lỗi

https://tieulun.hopto.org

thì nói cho ta biết" (theo *Nguyên sử*).

Trần Thái Tông vẫn không nao núng, không sang chầu và trả lời một cách khôn khéo:

"...Nước nhỏ thành tâm thờ bề trên thì nước lớn nên đối đãi lại như thế nào cho phải?".

Nột Lạt Đinh trở lại Vân Nam trình với thân vương Mông Cổ. Tên này lại sai Nột Lạt Đinh sang Đại Việt lần nữa để dụ sang chầu. Vua Trần đã lựa lời lảng tránh: "Đợi đức ân ban xuống, sẽ lập tức sai con sang làm con tin".

Cuộc nội chiến giữa các thân vương Mông Cổ đã làm cho quan hệ với Đại Việt được dịu đi một thời gian.

Đến năm 1267, vua Hốt Tất Liệt lại ra một tờ chiếu đòi 6 điều trong đó có việc vua Trần phải vào chầu và con em phải sang làm con tin. Lời lẽ rất xảo quyệt:

"Phàm những nước đã quy phụ với Trung Quốc, thì vua phải thân hành đến chầu, cho con em ở lại Trung Quốc làm tin, biên nạp dân số, cung ứng quân dịch, nạp thuế khóa, còn đặt quan Đạt lỗ hoa xích cai trị. Các khoản nói trên đều để tỏ rõ lòng trung thành làm nước chư hầu. Nay khanh cống hiến không hề quá hạn 3 năm, đủ biết lòng thành thật như trước, nên ta cũng lấy lòng thành thật tỏ bầy vậy. Vả lại vua chư hầu tới chầu, cho con em vào làm tin, nạp sổ dân và sổ thuế, xuất quân giúp nhau xưa vẫn đã có, không phải ngày nay ta mới bầy đâu. Khanh lo làm đủ mấy khoản đó thì trẫm còn nói gì nữa..." (*An Nam chí lược*).

Năm 1271 nhân dịp Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, để thị uy, đã cho sứ sang đòi vua Trần phải vào chầu. Vua Trần chối là có bệnh không đi.

Năm 1275 (vào năm Chí Nguyên thứ 12), vua Nguyên lại sai sứ sang đưa chiếu thư:

"Theo chế độ của tổ tông đã quy định, phàm các nước nội phụ thì vua phải thân hành tới chầu, gửi con em làm tin, biên nạp dân số, nộp thuế lệ, mộ dân trợ binh và vẫn đặt quan Đạt lỗ hoa xích để thống trị. Sáu điều nói trên, năm trước đã có lời

https://tieulun.hopto.org

dụ cho Khanh biết rồi. Thế mà quy phụ đã hơn 15 năm nay, khanh chưa từng tới triều kiến lần nào và các điều quy định đến nay vẫn chưa thi hành. Tuy rằng Khanh 3 năm tới cống một lần, nhưng các đồ cống dều không dùng được. Ý Trẫm muốn để lâu ngày Khanh sẽ hiểu cho nên cũng bỏ qua không hỏi làm chi, đến nay cũng chưa thấy tỉnh ngộ cho nên lại sai sứ thần là Hợp Sát Nhi Hải Nha qua nước Khanh, dụ Khanh vào triều. Nếu vì cớ gì khác mà không thể đi được thì sai con em thay mặt..." (*An Nam chí lược*).

Năm 1276 vua Trần sai sứ là Chu Trọng Ngạn và Ngô Đức Thiệu sang Nguyên bác bỏ yêu sách đó.

Năm 1278 vua Nguyên lại sai sứ dụ vua Trần sang chầu:

"...Nhưng đã lâu năm rồi lễ nghi dần dần sơ bạc, vì vậy cho nên trong năm Chí Nguyên thứ XII (1275) Trẫm lại xuống một lời chiếu để trách Khanh không thân hành vào chầu và trợ binh (mà không thấy).

Mới đây bọn Lê Khắc Phục qua dâng tờ biểu đều là nói dối: nói nước Khanh nội phụ trước hết. Kì thực, các nước tứ phương tới đầu hàng trước Khanh lâu rồi, sau nước Đại Việt chỉ có nhà Tống mà thôi, nhưng Trẫm cho một đạo quân ra thì cả nước đều dẹp yên, kể ra thì Khanh cũng nghe biết, thế thì lời của Khanh không phải là giả dối sao? Lại nói: có nước Chiêm Thành là kẻ thù quấy rối nên không thể trợ binh (cho thiên triều). Sự thực thì Khanh và Chiêm Thành là bạn láng giềng đã lâu, không phải mới từ ngày nay (vậy không phải là kẻ thù). Còn như nói: Vì đường xa nên không thể vào chầu, thế thì bọn Lê Khắc Phục làm sao mà tới được? Hai điều đó rõ ràng là nói dối.

Hồi xưa, Khanh cùng nhà Tống thông hảo, nay nhà Tống đã dẹp yên, nhưng lễ nghĩa thờ kính thế nào có thể xem mà biết ở trong thư tịch. Việc trong thiên hạ chỉ lấy lòng chí thành làm căn bản. Nay Khanh dối trá như vậy thì ai tin được? Trước kia ông thân sinh Khanh tuổi già suy nhược, đường sá xa xôi, xông pha không nổi thì còn có lý, chứ nay Khanh đương tuổi cường tráng, vào chầu (vua Nguyên) mà chịu sắc mạng là chính tại lúc này,

https://tieulun.hopto.org

huống chi nước Khanh tiếp giáp với Châu Ung và Châu Khiêm của nước ta, có sợ gì mà không đi tới một lần? Hoặc giả Khanh không lo sự an toàn cho nước Khanh thì nên lo sửa thành quách cho vững vàng, chuẩn bị binh giáp cho đầy đủ để chờ quân ta. Cơ họa phúc đổi dời chính tại trong việc này, phải lo mà định đoạt lấy. Nay sai Lễ Bộ Thượng thư Sài Thung và các quan viên khác phụng sự qua nước Khanh để truyền chiếu chỉ".

Trước đây con đường qua lại của sứ thần Đại Việt và Mông Cổ qua Thiện Xiển (Côn Minh, Vân Nam) nhưng tên sứ Sài Thung mang chiếu chỉ trên đi thẳng từ Giang Lăng (Hồ Bắc) qua Ung Châu (Quảng Tây) để vào nước ta - Vua Trần phản đối nhưng Sài Thung vẫn cứ đi đến trại Vĩnh Bình ở Ung Châu. Triều đình phải nhân nhượng, cử Đỗ Quốc Kế lên đón và Trần Quang Khải ra bờ sông Hồng đưa Sài Thung vào sứ quán ở Thăng Long.

Những lời lẽ trong chiếu, láo xược và đầy ngạo mạn, đã làm cho quan hệ giữa 2 nước càng thêm căng thẳng. Vua Trần đặt tiệc ở hành lang, Sài Thung không chịu đến, phải đặt tiệc ở điện Tập Hiền hắn mới đến dự. Trong tiệc, Thánh Tông khước từ việc đi chầu:

"Trước dụ 6 việc đã được miễn xá, còn việc thân hành vào chầu thì vì tôi sinh trưởng ở thâm cung, không biết cưỡi ngựa, không quen phong thổ, sợ chết dọc đường, con em thái úy trở xuống cũng đều như thế...". Vua không đi chầu mà cũng không cho con em đi làm con tin, đó là thái độ cương quyết của vua Trần. Sài Thung trong bữa tiệc đã nói:

"Vua Tống chưa đến 10 tuổi và cũng sinh trưởng ở thâm cung, thế sao cũng đến kinh sư được?... Bốn người chúng tôi sang đây là mời ngài vào chầu chứ không phải để lấy phương vật...". Sài Thung bực tức bỏ về. (Sự thực là tháng 2 năm 1276 quân Nguyên đã chiếm Lâm An (kinh đô Tống, bắt Tông Cung Đế Triệu Hiển về đại đô (Bắc Kinh) chứ không phải vua Tống tự đến chầu).

Sau khi Sài Thung về nước, vua Trần đã sai Phạm Minh

https://tieuluh.hopto.org

Tự, Trịnh Đình Toản và Đỗ Quốc Kế đem cống phương vật và 2 con voi, dâng biểu xin miễn vào chầu. Lời biểu viết:

"...Cô thần đương lúc có tang cha, kì niên cống lại đến, thần không dám lo phiền về sự tang tóc, nhân sứ trước là Lê Khắc Phục trái thời chưa đến mà để chậm niên cống, tiếp sai Trung thi đại phu Chu Trọng Ngạn, Trung lượng đại phu Ngô Đức Thiệu làm hành nhân để đem biểu văn cùng phương vật đến dâng ở cửa khuyết. Kịp đến năm Chí Nguyên thứ XV (1278) bọn Chu Trọng Ngạn chưa về, duy đoàn thiên sứ Sài Thượng thư, đem chiếu thư đưa lũ Lê Khắc Phục cùng về tiểu quốc... Thấy chiếu thư dụ thần vào chầu thần kính sợ vô cùng, mà sinh linh cả nước nghe thấy tin ấy đều nhao nhao kêu phải bơ vơ như chim mất tổ. Vì thần sinh trưởng ở đất Việt Thường, sức người yếu đuối, không quen thủy thổ, không dạn nắng mưa. Tuy được xem biết văn hóa của thượng quốc, được dự làm tân khách ở vương đình, nhưng e đi đường có sự không may xảy ra, chỉ dãi phơi xương trắng để động lòng nhân của bệ hạ xót thương mà thôi, không ích chút nào choThiên triều vậy".

Vua Nguyên tức giận sai giam giữ sứ bộ Trịnh Đình Toản không cho về.

Bấy giờ Mông Cổ đã hoàn thành việc xâm chiếm Nam Tống. Đại Việt đứng trước nguy cơ một cuộc xâm lăng mới của Mông Cổ. Tháng 12 năm 1279 vua nhà Nguyên lại sai Sài Thung và Binh Bộ Thượng thư Lê Tàng dẫn Đỗ Quốc Kế (sứ thần Việt Nam sang 1278) vào Đại Việt. Chiếu thư viết:

"... Nếu quả thật Khanh không tự vào ra mắt được thì lấy vàng thay thân, lấy hai hạt châu thay mắt, thêm vào đó lấy hiền sĩ, phương kĩ, con trai, con gái, thợ thuyền, mỗi loại 2 người để thay cho sĩ nhân. Nếu không thì hãy tu sửa thành trì mà đợi xét xử" (*Nguyên sử*).

Trước yêu sách ngày càng ngang ngược của Mông Cổ, nguy cơ chiến tranh khó bề tránh khỏi, vua Trần đã phải cho chú họ là Trần Di Ái thay mình cùng Lê Tuấn, Lê Mục sang Nguyên với Sài Thung.

https://tieulun.hopto.org

Thấy việc đòi vua Trần vào chầu không được, vua Nguyên đã nhân cơ hội này để thực hiện âm mưu lập ngay một bộ máy chính quyền bù nhìn cho việc xâm chiếm sắp tới nên phong ngay cho Trần Duy Ái làm *An Nam quốc vương*, Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuấn làm Thượng thư. Lời chiếu của vua Nguyên gửi vua Đại Việt năm Chí Nguyên thứ 18 (1281) như sau:

"...Ta sai sứ thần qua triệu, thì mượn cớ khôngđến chầu, nay lại thác ốm không đi, thật cố ý trái mệnh lệnh của ta, chỉ cho thúc phụ Khanh là Trần Di Ái vào bái yết. Ta liền muốn đem quân sang đánh. Nhưng vì Khanh đã chịu làm tôi và cống hiến từ lâu nên không muốn giết oan tính mạng nhân dân để dạy bảo một người vô tri như Khanh. Khanh đã xưng bệnh mà không chầu thì cho Khanh nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng, nên ta lập thúc phụ Khanh là Di Ái thay Khanh làm *An Nam quốc vương* để cai trị dân Khanh. Các quan lại và thân sĩ nhân dân đều cứ yên ổn mà sinh sống, không nên sợ sệt gì. Hễ có ai cùng dân làm loạn thì đại binh ta thẳng tiến vào giết hại sinh mạng cũng không nên oán trách, vì thật ra đấy là lỗi của Khanh" (*An Nam chí lược*).

Bên cạnh việc dựng chính quyền bù nhìn do Trần Di Ái làm *An Nam quốc vương*, nhà Nguyên còn lập bộ máy cai trị của chúng ở An Nam gọi là An Nam Tuyên uý ti, do tên Bột Nhan Thiết Mộc Nhĩ (Buyan Tamur) Sài Thung và Khu Ghe làm phó.

Vua Nguyên sai hơn 5 ngàn quân đưa Di Ái về nước. Trần Nhân Tông đã ngầm sai quân phục đánh, bọn bù nhìn Di Ái sợ chạy trốn. Vua vẫn sai người lên đón Sài Thung vào Thăng Long. Sài Thung cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, quân lính ngăn lại, hắn đã lấy roi ngựa đánh họ bị thương ở đầu, rồi phóng ngựa vào thẳng điện Tập Hiền mới chịu xuống. Vua sai Trần Quang Khải đến tiếp, Sài Thung nằm khểnh không chịu dậy. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nghe vậy, xin đến xem cách cử động của hắn. Khi ấy Quốc Tuấn cạo trọc đầu, mặc áo vải, giả làm một vị hòa thượng Trung Quốc, Sài Thung bất giác đứng dậy vái chào và mời ngồi, mọi người đều lấy làm lạ. Ngồi

https://tieulun.hopto.org

xong pha trà cùng uống. Người hầu của Thung cầm mũi tên đứng ở đằng sau Quốc Tuấn đâm vào đầu Trần Quốc Tuấn chảy máu mà sắc mặt Quốc Tuấn vẫn như thường. Quốc Tuấn ra về, Thung ra cửa tiễn. (*Toàn thư*).

Vừa đấu tranh chống thái độ kiêu ngạo, hỗn xược với Sài Thung sau khi đánh tan hơn 5 ngàn quân đưa Trần Di Ái về nước, Quang Khải vẫn làm thơ tiễn sứ Sài Thung về nước.

"*...Không biết đến bao giờ lại được gặp mặt*
Ân cần nắm tay nhau kể chuyện hàn huyên".

Sau cuộc xâm lăng lần thứ nhất năm 1257 vào nước Đại Việt, vua Nguyên Hốt Tất Liệt đã tìm cách dụ dỗ và đe dọa bắt vua Trần phải sang chầu nhưng hoàn toàn thất bại. Dùng lực lượng quân sự hùng mạnh, cả bộ binh và thủy quân sang xâm chiếm lần thứ II vào năm 1285 và lần thứ III vào năm 1288 đều bị thất bại nhục nhã phải rút quân về nước, trong khi chuẩn bị cho cuộc xâm lăng lần thứ IV, thì vua Hốt Tất Liệt vẫn tiếp tục yêu sách vua Trần phải sang chầu. Các cuộc tiếp đón sứ nhà Nguyên sau cuộc kháng chiến lần thứ II và thứ III, bên cạnh việc giải quyết các hậu quả của chiến tranh, còn nhằm bác bỏ những yêu sách vô lý của vua Nguyên trong đó có việc bắt vua Trần phải sang chầu.

Sau khi cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ III thắng lợi, vào tháng 5.1288 vua Trần đã cử một sứ bộ gồm Trần Khắc Dụng và Nguyễn Mạnh Thông đi sứ. Tháng 11 lại sai Đỗ Thiện Thử đi sứ Nguyên. Tháng 12.1288 Hốt Tất Liệt đã cử một sứ bộ sang Đại Việt gồm Lư Đình Trực và Lý Tư Diễn mang chiếu của Hốt Tất Liệt sang, đòi vua Trần vào chầu. Chiếu có đoạn viết:

... "Trên danh nghĩa Khanh đã phục tùng mà trên thực tế không hề tới chầu, đã mấy phen đưa thư sang mời mà cứ cáo bệnh. Đến khi sai chú Khanh (Trần Di Ái) quyền nghi giữ nước thì Khanh công nhiên kháng cự và dám tự chuyên sát hại. Còn A Lí Hải Nha qua đánh Chiêm Thành mượn đường nước Khanh, đã truyền lệnh sửa sang cầu đường và tiếp vận lương

https://tieulun.hopto.org

thực, Khanh không những thất tín mà lại chống nhau với quân ta, nếu không trừng trị thì còn đâu quy chế nhà vua nữa? Dân bị tàn hại, nước bị phá tan là tự Khanh gây ra cả(!) Nay Khanh dâng biểu xin phục tội, hình như đã biết ân hận. Ngoài ra lại có sứ thần Khanh đến tâu rằng: Khanh tự trách mình 3 điều là: 1. Vua đòi không tới, 2. Tướng Thoát Hoan đem quân qua mà không tiếp rước. 3. Cản trở đường Toa Đô và Căn Đế Lỗ. Nếu được Vua tha tội, xin đưa con làm tin, tiến mĩ nhân và cống hiến thổ sản.

Những cái kính lễ đó là giả dối và vô dụng cả. Nếu quả có lòng thành thật thì sao không sang chầu để tự lòng bày tỏ? Chứ đâu lại hễ cứ nghe ta cử tướng sang thì lo chuyện trốn tránh, khi ta rút quân về thì lại nói chuyện sang cống hiến? Lấy điều đó mà thờ kẻ trên thì lòng ngay thật hay giả dối đã bầy ra đó. Khanh thử nghĩ xem, nếu cứ sống lẻn lút trên non dưới biển, không nghĩ tới mối họa binh qua thì chi bằng đến cửa khuyết chầu để được sủng ái, rồi được về nước một cách vinh dự? Trong hai điều ấy, Khanh chọn lấy một điều xem điều nào là hơn. Nếu Khanh nghĩ nhầm thì quan hệ đến sự tồn vong của cả xứ Khanh... Ta sẽ hoàn toàn tha hết tội lỗi trước và lại phong Khanh như cũ. Nếu còn chậm trễ nghi ngờ thì quyết không tha thứ. Nếu còn chần chừ không đi thì Khanh nên sửa sang thành quách, rèn luyện giáp binh, chuẩn bị sẵn sàng đón đợi quân ta sang...".

Vua Trần đã bác bỏ mọi yêu sách của Hốt Tất Liệt và nhất định không sang chầu. Năm 1289 đã cử một sứ bộ gồm Đàm Minh và Chu Anh Chủng sang Đại đô (Bắc Kinh) cùng với Lưu Đình Trực và Lý Tư Diễn thất bại trở về nước.

Tháng 1.1292 Hốt Tất Liệt lại cử một sứ bộ gồm Trương Lập Đạo là Lễ Bộ Thượng thư, người đã đến Đại Việt 2 lần vào năm 1267 và 1271, đã có nhiều kinh nghiệm giao tiếp với vương triều Trần cùng một người nữa là Bội Nhan Thiết Mộc Nhĩ (Buyan Tamur) cũng đã đến Đại Việt năm 1282, với mục đích chủ yếu là dụ vua Trần sang chầu. Chiếu của Hốt Tất Liệt viết: "Nước nào chống cự không phục tùng thì nước ấy không khỏi bị diệt vong...

https://tieulun.hopto.org

nếu ngươi thân đến khuyết đình thì phù ấn tước vương ta cũng không tiếc, đất đai và nhân dân được bảo tồn vĩnh viễn".

Chánh sứ Trương Lập Đạo dọa dẫm và dụ dỗ vua Trần sang chầu: "Ngài chỉ cậy có núi biển hiểm trở và lam chướng ác nghiệt mà thôi. Những người Vân Nam và Lĩnh Nam (Đại Việt) thì tập tục giống nhau và tài nghệ sức lực ngang nhau. Nay đem quân ở đấy ra dùng, lại lấy thêm quân tinh nhuệ ở miền Bắc thì ngài chống được chăng? Ngài đánh thua chẳng qua lại trốn ra biển. Dân man di ở hải đảo tất thừa cơ đến cướp bóc. Ngài thiếu ăn, chống không nổi tất phải khuất phục họ. Làm bề tôi của chúng sao bằng làm bầy tôi của Thiên tử? (Vua Nguyên)". Trương Lập Đạo còn viết: "Tù trưởng các vùng Hồi Hột, Lưu Vực qua bãi Lưu Sa đều đến mà cống. Quốc chúa các nước CaoLy Đông vượt biển Doanh Hải để vào chầu. Vua các rợ Khiết Đan, Tây Hạ, Nữ Chân vì trái lệnh trời mà bị diệt. Chúa các nước Côn Ngô, Thổ Phồn, Bạch Thất bởi theo lệnh nên được kết hôn. Các vua Vân Nam, Kim Xỉ, Bồ Châu gửi con trai làm con tin. Các miền Đại Hạ, Trung Nguyên, Vong Tống, hết toàn bộ làm tôi mọi. Duy nước An Nam là nước bé nhỏ, ngoài mặt thì phục tùng, trong lòng thì chưa thay đổi...".

Những lời đe dọa của Trương Lập Đạo cũng không khuất phục được vua Trần sang chầu. Vua Trần đã viết biểu gửi Hốt Tất Liệt:

"...Thần sinh trưởng ở miền xa, không quen thủy thổ, không dạn nắng rét. Các sứ thần của tiểu quốc đi lại thường chết đến 6, 7 phần. Nếu không tự liệu thì chỉ chết ở dọc đường, vô ích... Thần há lại không muốn mắt xem thấy văn hóa thượng quốc, thân mình thấm nhuần ân huệ thánh triều, mà vội trái mệnh để chịu vạ ư? Trên có trời và mặt trời làm chứng, thực là do thường tình tham sống, sợ chết... Thần tâu hết lời như phơi bầy gan phổi, mong mỏi Bệ hạ thương người cô quạnh, niệm cảnh khốn cùng, xét lòng ngay của thần, tha hẳn tội nặng cho thần được kéo dài hơi thở, tận tâm phụng sự đại quốc, trăm họ được bảo toàn tính mạng, hưởng phúc đức hiếu sinh...".

https://tieulun.hopto.org

Trong chiếu dụ vua nước An Nam năm Chí Nguyên thứ 29, vua Nguyên viết:

..."Vâng theo mệnh trời, Hoàng đế xuống chiếu chỉ cho An Nam quốc vương Trần Nhân Tông rằng: Ta đã xét lời biểu dâng lên... nay Khanh đã biết lỗi, dâng biểu thú tội, thì ta chẳng trách phạt gì nữa. Nhưng nếu mượn cớ con mồ côi, đương có tang chế và đường sá xa cách, sợ chết dọc đường không dám đi chầu, xét lại mượn những lời lẽ như trên là bất thông. Trong đời có loài vật nào cứ sống mãi? Trong thiên hạ có nơi nào mà con người cứ sống hoài? Lời dụ này Khanh phải xem cho chu đáo, nếu dùng những lời xảo trá hư văn và chỉ chiếu lệ cống hiến lễ vật, như thế thì đạo nghĩa còn đâu nữa?".

Ngay khi tiếp được chiếu thư của vua Nguyên, vua Trần Nhân Tông cũng lấy cớ có tang không chịu ra ngoài thành đón chiếu thư mà chỉ sai Lê Khắc Phục ra dẫn sứ Nguyên là Lương Tằng và Trần Phu đi vào cửa bên của thành Thăng Long, rồi sau đó vẫn cự tuyệt việc sang chầu.

Sứ Nguyên là Lương Tằng và Trần Phu không chịu đi theo cửa bên, nằm ở nhà trạm, 3 lần viết thư cho Nhân Tông đòi đi cửa chính. Theo *Nguyên sử* thì thành Thăng Long khi đó có 3 cửa: cửa giữa là Dương Minh, cửa bên trái là Nhật Tân, bên phải là Vân Hội. Thông thường nghi lễ đón chiếu thư của vua Trung Quốc (năm 1929) được miêu tả như sau: "...Qua cầu Ngoạn Nguyệt, lầu Trường Minh, đến cửa Chính Dương thì chánh sứ xuống ngựa, bưng chiếu đi vào cửa Minh Dương. Các người tùy tùng thì đi theo cửa Vân Hội, các liêu thuộc nước An Nam thì theo cửa Nhật Tân đi vào. Đến dưới gác Minh Hà có trải thảm đốt hương. Vua và 7 người nữa lên điện Thọ Quang, xong rồi ra gác Triều Thiên, xuống điện Tập Hiền đặt yến...".

Lương Tằng và Trần Phu nằm ở nhà trạm, nhất định không đi cửa Nhật Tân. Thư gửi Nhân Tông do Trần Phu soạn ngày mồng 1 tháng giêng năm Chí Nguyên XXX (8.2.1293) đòi vua Trần phải ra đón tiếp chiếu thư và sứ thần, vua Nhân

https://tieulun.hopto.org

Tông viết thư ngày 13 tháng giêng (20.2.1293) biện bạch về việc mình đang có tang nên sai Lê Khắc Phục ra đón. Sứ Nguyên lại viết thư thứ 2 ngày 29.3.1293 đòi Nhân Tông sang chầu. Ngày 30.3.1293 vua Nhân Tông trả lời từ chối yêu cầu sang chầu. Không bắt được Vua sang chầu, sứ Nguyên đã viết thư ngày 30.3.1293 đòi Vua phải cho con trưởng sang chầu. Ngày 3.4.1293, vua Nhân Tông đã viết thư từ chối việc đưa thái tử sang chầu. Trải qua 3 lần thư đi và đáp lại vua Trần đều từ chối việc sang chầu và cho con thay mặt Vua sang chầu. Qua đó ta thấy ý chí kiên quyết của Vua khi giao tiếp sứ Nguyên và thất bại của chúng trong việc tìm cách dụ dỗ, thuyết phục hoặc đe dọa bắt vua Trần phải sang chầu.

6. SỨ NGUYÊN LO SỢ KHI ĐI SỨ SANG ĐẠI VIỆT

Việc vua Trần lúc đầu không cho sứ Nguyên đi cửa Dương Minh, chính là muốn làm giảm tính hống hách kiêu căng của các "con trời" nhưng sau đó lại vẫn cho chúng vào theo cửa giữa. Lương Tằng và Trần Phu tuy bên ngoài tỏ vẻ hống hách nhưng trong lòng rất run sợ trước thắng lợi của Đại Việt đã 3 lần đánh tan tác quân Nguyên. Bài thơ của Trần Phu làm sau khi đi sứ về đã nói lên nỗi sợ hãi của hắn. Lê Quý Đôn đã chép lại bài thơ này trong *Kiến văn tiểu lục*:

SỨ HOÀN CẢM SỰ
(Dịch ý)

Trẻ thơ vâng lệnh sứ phương xa,
Thân nhẹ như lông, Ngũ lĩnh qua.
Muôn dặm Thượng Lâm, tin vắng nhạn,
Ba canh Hàm Cốc, gáy mong gà.
Bóng lòe gươm sắt lòng thêm đắng,
Tiếng rộn trống đồng, tóc đốm hoa,
Được sống trở về mừng vẫn khỏe,
Còn ghê khí độc, giấc nam kha.

https://tieulun.hopto.org

7. VUA TRẦN TỪ CHỐI VIỆC GIÚP MÔNG CỔ ĐÁNH CHIÊM THÀNH

Năm 1283, Hốt Tất Liệt sai sứ thần là Triệu Chử đòi vua Trần phải giúp binh lương cho việc đánh Chiêm Thành.

Vua Trần đã sai Nguyễn Đạo Học sang triều Nguyên, Phạm Chí Thanh và Đỗ Bào Trực sang Hành tỉnh Kinh Hồ (quan đứng đầu trông coi đánh chiếm Chiêm Thành) đưa thư từ chối:

"... Về việc giúp thêm quân để đánh Chiêm Thành thì nước này thờ phụ cha tôi đã lâu (Trần Thái Tông), cha tôi chỉ lấy đức để che chở. Đến tôi cũng nối chí cha tôi. Từ khi cha tôi quy thuộc thiên triều đến nay đã 30 năm, gươm giáo không dùng đến nữa, quân lính cho về làm dân đinh, một lòng cống hiến thiên triều, trong lòng không có mưu đồ gì khác, mong các hạ thương mà xét cho.

Về việc giúp quân lương thì nước tôi ở ven biển, ngũ cốc trồng được không nhiều. Sau khi đại quân rút đi, trăm họ lưu vong, lại thêm lụt hạn, sớm no chiều đói, cái ăn không đủ. Tuy vậy lệnh của thiên tử không dám trái, xin đợi mang nộp ở châu Vĩnh An trên địa giới châu Khâm...".

Trong thư vua Trần đã nêu những lý do rất chính đáng để từ chối giúp quân lính còn về lương thực cũng không có để giúp. Tuy vậy cũng hứa sẽ nạp, nhưng chắc chắn là nói trên giấy thôi vì nếu từ chối tất cả 2 yêu sách thì quá cứng rắn, sợ vua Nguyên nghe sẽ khó xuôi tai, chứ thực tế thì không bao giờ nộp.

Chẳng những không chịu giúp quân và lương cho Mông Cổ mà vua Trần còn đem chiến thuyền ứng viện giúp Chiêm Thành đánh lại Toa Đô để cùng nhau chống kẻ thù chung. *Nguyên sử* có ghi: "Giao Chỉ thông mưu với Chiêm Thành, sai 2 vạn quân và 500 chiến thuyền ứng viện". Trong thư của vua Trần gửi viên chỉ huy Mông Cổ đánh Chiêm Thành có viết đại lược: Chiêm Thành nội thuộc tiểu quốc, đại quan đến đánh thật đáng xót thương. Nhưng chưa từng dám nói một lời, đó là thời,

https://tieulun.hopto.org

trời, việc người, tiểu quốc cũng biết vậy. Nay Chiêm Thành phản nghịch, mê muội không tỉnh, đó là không biết trời, biết người vậy. Kẻ biết trời biết người mà trái lại đồng mưu với kẻ không biết trời, biết người, tuy trẻ con lên ba cũng biết là không nên, huống hồ là tiểu quốc.

Trong thư vua Trần nhận là đáng xót thương cũng đã thể hiện rõ lập trường của vua Trần là đứng về phía Chiêm Thành. Quan điểm về biết trời, biết người ở đây tưởng là nói Đại Việt biết trời nên không đi với Chiêm Thành nhưng chính là nói không đi với Mông Cổ vì lý lẽ đó có thể hiểu thế nào là trời cũng được cả.

Lúc này vua Chiêm Thành có sai sứ đi xin viện binh của Đại Việt, Chân Lạp và Java. Vì vậy nên Đại Việt có lẽ đã mang quân sang giúp thật. Những số liệu quân Đại Việt giúp Chiêm Thành là do những tên tướng Mông Cổ sang đánh Chiêm Thành nêu lên bởi bọn chúng dễ nắm được việc này.

8. ĐỖ KHẮC CHUNG ĐỐI ĐÁP VỚI Ô MÃ NHI

Năm 1285 Hốt Tất Liệt đem quân sang xâm chiếm nước ta lần thứ 2. Sau khi kháng cự ở biên giới, quân dân nhà Trần đã rút về Bình Than. Một cuộc chiến đấu ác liệt đã xảy ra trên phòng tuyến sông Đuống và sông Hồng và dùng pháo để bắn giặc.

Chiều ngày 17.2.1285 vua Trần Nhân Tông muốn sai người đến doanh trại tên tướng Ô Mã Nhi đưa thư vờ cầu hòa, nhưng cốt là để điều tra tình hình lực lượng của quân giặc. Trong chiến tranh việc phái sứ đến trại giặc là một việc đầy nguy hiểm, rất khó bảo toàn tính mạng vì quân giặc đang hung hăng, ỷ thế nước lớn, quân mạnh sẽ chiến thắng nên sứ giả có thể bị giết. Việc vờ cầu hòa cũng không phải là không khó khăn, sao cho trôi chảy, có đường rút. Việc dò la tình hình lực lượng của địch, âm mưu của chúng, chiến lược tiến công... ra sao cũng thật là khó khăn. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* đã chép là Đỗ Khắc Chung, lúc đó làm Chi cục hậu thủ đã tâu với vua: "Thần là kẻ ti tiện, không có

https://tieulun.hopto.org

tài gì, xin đi". Vua mừng lắm nói:

- Biết đâu trong ngựa kéo xe muối lại có ngựa kì ngựa ký.

Vua sai viết thư cầu hòa, đưa cho Khắc Chung mang đến doanh trại quân Nguyên xin gặp tướng Ô Mã Nhi. Quân Nguyên sau khi khám xét kĩ càng người Khắc Chung đã đưa Khắc Chung vào đến trung quân.

Lại nói về Ô Mã Nhi, trên đường tiến quân từ Bình Than về đến sông Đuống, đã bắt được một số quân ta chống cự, thấy người nào cũng thích 2 chữ "Sát Thát" bằng mực vào cánh tay, nên tức lắm và đã giết hại nhiều người. Khi gặp Khắc Chung đến xin cầu hòa đã mắng:

- Vua nước ngươi vô lễ, dám sai lính thích chữ Sát Thát, khinh nhờn quân thiên triều, lỗi ấy là to lắm sao có thể tha được!

Khắc Chung đã bình tĩnh trả lời:

- Chó trong nhà cắn người lạ vì không phải là chủ nó. Do lòng trung thành tức giận những người lính của nước tôi, họ tự thích lấy những chữ đó. Quốc vương tôi có biết đâu. Tôi là kẻ hầu ở gần vua sao việc ấy lại không có?

Nói rồi Khắc Chung vén tay áo lên cho Ô Mã Nhi xem hai cánh tay đều không có chữ nào cả.

Ô Mã Nhi hống hách nói:

- Đại quân ta từ xa kéo đến đây, nước ngươi sao không trở ngược giáo để đến ra mắt mà lại chống cự lại mệnh lệnh? Càng con bọ ngựa chống lại bánh xe rồi sẽ ra sao?

Khắc Chung đã bình tĩnh trả lời:

- Hiền tướng không theo kế sách của Hàn Tín bình nước Yên ngày xưa[1]: đóng quân ở đầu địa giới, đưa thư tín trước, nếu không chịu hòa hiếu mới là có lỗi. Nay tướng quân đem quân bức nhau, tức như người ta nói "Muông cùng thì phải đánh lại, chim cùng thì phải mổ lại" huống chi là người nước Nam tôi.

Ô Mã Nhi lại đe dọa:

---

[1] *Hàn Tín là tướng của Hán Cao Tổ muốn đánh nước Yên, hỏi Lý Tả Xa, Lý Tả Xa bàn nên viết thư đưa cho nước Yên để dụ trước. Hàn Tín làm theo, quả nhiên nước Yên đầu hàng, không phải đánh.*

https://tieulun.hopto.org

- Đại quân của ta chỉ mượn đường nước ngươi đi đánh Chiêm Thành. Vua nước ngươi nếu đến gặp nhau thì trong cõi yên ổn, không xâm phạm mảy may, nếu cứ chấp nê thì trong khoảng giây phút núi sông nước ngươi sẽ thành đất bằng, vua tôi nhà ngươi sẽ thành cỏ mục!

Sau cuộc đối đáp với Khắc Chung, Ô Mã Nhi đã nói với các tướng dưới trướng rằng:

- Người này đương lúc bị uy lực áp chế mà lời nói, sắc mặt vẫn tự nhiên, không hạ thấp chủ nó làm Chích, không nịnh hót ta làm Nghiêu, nước nó có người giỏi, chưa dễ đánh lấy được nước nó.

Đêm đó Khắc Chung ở lại trong trại giặc. Giờ Mão (từ 5 đến 7 giờ) ngày hôm sau (18.2.1285), Khắc Chung đã an toàn trở về với những dò xét được từ phía kẻ thù.

Ô Mã Nhi hối hận vì đã thả Khắc Chung, cho quân đuổi theo nhưng không kịp.

Hoàn thành sứ mạng, ông đã được trọng dụng. Về sau làm đến Ngự sử đại phu, ít lâu sau thăng Đại Hành khiển, được cho theo họ vua nên cũng gọi là Trần Khắc Chung. Đến đời Trần Anh Tông, ông đã được sai sang Chiêm Thành cứu công chúa Huyền Trân không phải lên đàn hỏa thiêu. Ông mất năm 1330.

9. VUA TRẦN TRẢ LỜI HỐT TẤT LIỆT VỀ VẤN ĐỀ TÙ BINH MÔNG CỔ VÀ Ô MÃ NHI

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ III, dưới sự chỉ huy của Trần Hưng Đạo, trong trận Bạch Đằng ngày 9.4.1288, quân dân Đại Việt đã đánh cho tan tác đoàn thuyền của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp, thu được hơn 400 thuyền giặc, giết chết viên Vạn hộ thủy quân Trương Ngọc, bắt sống Phàn Tiếp, Ô Mã Nhi và một viên đại úy tộc Mông Cổ là Tích Lệ Cơ (Siragi). Thoát Hoan dẫn quân theo đương bộ rút đến cửa ải Nội Bàng cũng đã bị phục kích đánh cho tan tác.

Ngày 18.4.1288 Thượng hoàng và Trần Nhân Tông về phủ Long Hưng (Thái Bình) đem bọn tù binh tướng giặc là Ô Mã

https://tieulun.hopto.org

Nhi, Tích Lệ Cơ, Sầm Đoan, Nguyên soái Điển(?) cùng nhiều tên vạn hộ và thiên hộ khác (các viên quan chỉ huy) đến làm lễ báo công trước lăng của Trần Thái Tông, vị vua anh hùng trong cuộc kháng chiến lần thứ 1. Trước lăng mộ của Thái Tông, Nhân Tông đã cảm xúc đọc 2 câu thơ:

"Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu".

Dịch: "Xã tắc hai phen bôn ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng".

Thất bại trong cuộc xâm lược lần thứ III đã làm cho Hốt Tất Liệt rất căm tức. Hắn đuổi con trai là Thoát Hoan ra Dương Châu và hạ lệnh suốt đời không cho gặp mặt. Tên A Gu Rúc Trì là phụ tá của Thoát Hoan cũng bị đối đi Giang Tây. Hắn hạ lệnh chuẩn bị xâm lăng Đại Việt lần nữa. Để tránh cho đất nước một cuộc chiến tranh mới trước một kẻ thù lớn là Mông Cổ, để xoa dịu thất bại nhục nhã của chúng trước một nước nhỏ bé ở phương Nam, đã 3 lần cất quân mà không khuất phục được, vua Trần đã phải áp dụng một đường lối bang giao hết sức mềm dẻo và khéo léo. Ngay sau khi Thoát Hoan vừa rút quân khỏi biên giới, vua Trần đã cử một sứ bộ gồm Trần Khắc Dụng và Nguyễn Mạnh Thông đi sứ Nguyên. Trong bài biểu viết tháng 4 năm Mậu Tý (5.1288) vua Trần đã hết sức mềm mỏng nhưng đồng thời vẫn vạch rõ tội ác của chúng:

"...Năm Chí Nguyên thứ XXII (1285) Bình chương A Lý Hải Nha đã tấn công nước tôi từ biên giới, làm trái thánh chiếu (chiếu năm 1261 của Hốt Tất Liệt cấm quan ở biên giới tự tiện xâm lược Đại Việt), vì thế nên sinh linh nước nhỏ chúng tôi phải chịu lầm than... Mùa đông năm Chí Nguyên thứ XXIV lại thấy đại quân thủy bộ tiến đánh, cướp giết dân chúng già trẻ, phá phách sản nghiệp trăm họ, không sót điều gì tàn ác mà không làm... Đến khi nhờ được Thái tử thương xót (!) nghe theo lời kêu xin của nước chúng tôi rút đại quân về, thì Tham chính Ô Mã Nhi lại đem quân thủy đi ra riêng rẽ ngoài biển, bắt hết nhân dân ven biển, lớn thì giết, bé thì cướp đi, cho đến cả treo

https://tieulun.hopto.org

trói, mổ cắt, vứt mình một nơi đầu một ngả. Trăm họ bị bức đến chỗ chết mới nổi lên cái họa "chim cùng thú quẫn"...

Cũng trong tờ biểu để làm dịu lòng căm tức của Hốt Tất Liệt và chấm dứt chiến tranh giữa 2 nước, vua Trần đã nói đến việc trao trả tù binh và các tướng giặc bị bắt trong chiến tranh. Tờ biểu viết:

"... Thấy bách tính đưa đến một người là Đại vương Tích Lệ Cơ, nói là bậc quý thích của đại quốc. Thần từ hôm đó đã lấy lễ đối đãi rất tôn trọng, kính hay không kính thì Đại vương tất rõ. Còn những hành vi tàn bạo của Ô Mã Nhi, Đại vương trông thấy tận mắt, thần không dám nói dối.

Tiểu quốc thủy thổ độc, viêm chướng nhiều, thần lo ở lại lâu ngày tướng và lính của Đại vương sẽ sinh ra bệnh tật, tuy thần có hết sức phụng dưỡng cũng không khỏi bị bọn tham công ngoài biên cương vu tấu đặt điều cho mang tội. Vì vậy thần xin sắm đủ lễ vật đi đường, sai người đưa Đại vương lên biên giới để về quý quốc... Ngoài ra đại quân cũng còn rớt lại (!) hơn nghìn người, thần đã ra lệnh cho về nước hết, sau này nếu còn tìm được người nào, thần cũng sẽ cho về nước hết.

Tiểu quốc gần đây gặp cơn binh lửa, vả lại hiện nay khí trời còn nóng nực, nên cống vật và sứ thần thật khó có ngay lập tức, đợi đến mùa đông mới sai người đi được...".

Theo như biểu thì vua Trần đã cho Tích Lệ Cơ và hơn một nghìn tù binh về nước. Tích Lệ Cơ tuy là một tên đại quý tộc nhưng đã tham gia làm phản chống lại Hốt Tất Liệt nên thực chất là một tên tù, bị Hốt Tất Liệt cho đi đầy đến Giang Nam. Còn những tên tướng tàn ác khác như Ô Mã Nhi hay Phàn Tiếp thì không nói rõ là còn sống hay chết, có bắt được hay không và có cho về hay không. Biểu chỉ nói Ô Mã Nhi rất tàn ác và trái lệnh vua trên (!) Vua Trần cũng không nói rõ số tù binh còn bị bắt giữ là bao nhiêu, chỉ hứa là sẽ trả hết nếu thấy còn. Các vấn đề nêu lên sau chiến tranh trong tờ biểu của vua Trần thật là những kinh nghiệm hết sức quý báu đối với chúng ta trong hai cuộc kháng chiến vừa qua. Quả thật ông cha ta đã để lại những bài học đầy ý nghĩa cho con cháu đời sau.

https://tieulun.hopto.org

Tháng 10.1288 vua Trần lại cử Đỗ Thiên Thử đi sứ Nguyên.

Tháng 12.1288, Hốt Tất Liệt cử một sứ bộ sang Đại Việt có Lư Đình Trực và Lý Tư Diễn. Bọn chúng đưa đoàn sứ của vua Trần do Nguyễn Nghĩa Toàn dẫn đầu đã bị bắt giữ trước đây gồm 24 người về nước và đến Thăng Long tháng 3.1289 (Nghĩa Toàn đã được cử đi sứ ngay sau khi cuộc kháng chiến lần thứ II thắng lợi vào tháng 2. 1286. Sứ bộ Nghĩa Toàn đã bị giam giữ gần 3 năm). Trong thư sứ Nguyên mang sang, ngoài việc đòi vua Trần sang chầu, Vua Nguyên còn đòi trả hết tù binh và đặc biệt phải trả Ô Mã Nhi. Thư viết: "...Tích Lệ Cơ là người tộc thuộc của ta, Khanh đã lấy lễ mà cho về, y là người có tội phải trích thú. Nếu người lấy chuyện giữ lễ với ta thì hãy đem bọn quan quân Ô Mã Nhi trả về, như thế mới tỏ lòng trung thuận. Ngày tiếp được chiếu thư này, bọn quân quan Ô Mã Nhi phải đến triều kiến. Bọn ấy nếu phải xử lý thế nào, Trẫm sẽ khu xử hoàn bị (!) Khanh phải đưa họ về tất cả" (Theo *An Nam chí lược*).

Vua Trần không sang chầu mà các tên tướng giặc tàn ác với nhân dân ấy cũng không bao giờ trở về nữa. Phàn Tiếp trong trận Bạch Đằng đã bị thương, nhảy xuống sông, bị quân ta dùng câu liêm móc lên bắt sống, sau đó đã chết(?). Vua Trần sai đốt xác rồi cho gia nhân hắn mang về nước. Còn Ô Mã Nhi thì sai đưa về nước bằng đường thủy, theo kế của Hưng Đạo Vương, lấy người giỏi bơi lặn chở thuyền, đang đêm đục thuyền cho ngập nước, bọn Ô Mã Nhi chết đuối (*Toàn thư*).

Những tên tướng này đã chết trước khi sứ Nguyên sang ta tháng 3/1289. Khi sứ Nguyên là Lưu Đình Trực đến Thăng Long đã được tiếp đãi cẩn thận tử tế và theo sách *Xuyết canh lục* của Đào Trọng Nghi thì Vua Trần còn dùng cả vàng để mua chuộc chúng. Khi chúng về nước, Vua Trần đã cử một sứ bộ nữa gồm Đàm Minh và Chu Anh Chủng đi cùng với chúng sang Bắc Kinh dâng biểu của Vua Trần. Biểu viết về việc Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp và các tù binh như sau:

"... Năm ngoái nhân dân tiểu quốc đưa đến những quan quân còn sót lại, vì thần tự xét hỏi chỉ có 3 người là Tích Lệ Cơ,

https://tieulun.hopto.org

Tham chính Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp. Trăm họ đều căm giận vì vợ con bị giết chóc, nhà cửa bị đốt phá, nhiều người muốn làm điều trái nghĩa, nhưng vì thần hết lòng che chở, cấp dưỡng rất hậu, thê thiếp họ đều được ăn mặc đầy đủ. Trước khi về đã sắm sửa đủ hành lí, đặc sai sứ thần là Tông nghĩa lang Nguyễn Thịnh đi theo Đại vương Tích Lệ Cơ cùng Đường Ngột Đãi vào cửa khuyết. Trong khi đó 2 quan Tham chính còn chậm lại sau vì đại quân vừa lui, ý sợ Tham chính chưa nguôi lòng giận, ắt sinh ra tai vạ, nên để chậm lại rồi mới đưa ra bến thuyền để lên đường. Ngờ đâu vì thần vô phúc nên việc xảy ra trái với ý muốn. Phàn Tham chính (Phàn Tiếp) bỗng phát cơn sốt, thần đã dốc hết thuốc thang, thuê bộ hạ tìm thầy chạy chữa, nhưng cũng không khỏi đến phải bỏ mạng. Thần đã cho hỏa táng, làm ma chay, rồi cấp ngựa cho thê thiếp ông ta để chở xương cốt, có các thiên hộ Mai Thế Anh, Tiết Văn Chính (là tù binh) đi hộ tống cùng trở về nhà. Ngày Lưu Thiên sứ (Lưu Đình Trực) đến nơi, họ đã qua Ung Châu rồi. Hằng ngày thần đối đãi kính trọng hay không, hỏi thê thiếp ông ta cũng có thể biết được.

Còn Tham chính Ô Mã Nhi định ngày sẽ tiếp tục về sau. Trên đường về ngang qua Vạn Kiếp nên ông ta xin đến gặp Trần Hưng Đạo để sắm sửa hành lí. Dọc đường, đang đêm thuyền bị vấp để nước đội vào, Tham chính mình to vóc lớn khó bề cứu vớt thành ra bị chết đuối. Những người phụ của tiểu quốc cũng đều chết hết. Thê thiếp, tiểu đồng của ông ta cũng suýt nữa chết, nhờ người nhỏ nhẹ mà cứu thoát được. Thần đã chôn cất ma chay ở bờ biển, thiên sứ Lang trung (một sứ thần trong đoàn Lưu Đình Trực đến Thăng Long 1289) đã thấy tận mắt(!). Nếu có sự gì bất kính thì thê thiếp (Tham chính) ở đó khó mà che giấu được. Thần đã sắm sửa đủ lễ vật để đưa thê thiếp cùng với xá nhân và Lang trung về nước.

Còn số quân nhân ở lại cộng hơn tám nghìn người, trong đó hoặc có kẻ là đầu mục cũng không được biết. Nay nhờ chiếu dụ, thần lại tìm kiếm, nếu thêm được bao nhiêu đầu mục, bao nhiêu quân nhân nữa, đều cho theo Thiên sứ về nước. Sau đấy

https://tieulun.hopto.org

nếu còn sót lại chưa về được hết thì thần sẽ cho về không dám lưu lại một người nào...".

Sứ bộ Đàm Minh và Chu Anh Chủng đã dâng biểu này của Trần Nhân Tông lên Hốt Tất Liệt. Lời trong biểu đã biện bạch rất khôn khéo về cái chết của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp, vẫn tỏ lòng cung kính vua Nguyên, nhún nhường, mềm dẻo, nhưng không thực hiện cả 2 yêu sách của Hốt Tất Liệt. Sứ bộ Đại Việt đã phải tuân theo lời trong biểu để ứng đáp phù hợp, không để cho Vua Nguyên khuất phục. Những lý lẽ trong biểu là rất hợp lý, vua Nguyên không thể bắt trả Ô Mã Nhi được nữa. Tuy vậy cũng không làm cho hắn từ bỏ ý định xâm lược Đại Việt một lần thứ IV nữa.

10. VUA TRẦN THÁI TÔNG LÀM THƠ TIỄN SỨ TRƯƠNG HIỂN KHANH

Trần Thái Tông (1218 – 1277) vốn tên là Trần Cảnh, là vua sáng nghiệp triều Trần. Lên ngôi vua năm 1225, làm vua 33 năm. Khi quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ I, ông đã thân chinh cầm quân đánh giặc.

Ông là người say mê đạo Phật đã viết một tác phẩm triết học Phật giáo là Khóa hư lục. Thơ ông chỉ còn mấy bài chép trong *Toàn Việt thi lục* trong đó có bài tiễn sứ thần Trương Hiển Khanh:

TỐNG BẮC SỨ TRƯƠNG HIỂN KHANH
(Dịch nghĩa)

Nghĩ thẹn vì không có ngọc quỳnh để báo đáp,
Phóng tầm mắt ra bờ sông ý tưởng tràn trề.
Trước đầu ngựa gió thu thổi vào đốc gươm,
Trên xà nhà ánh trăng tà giọi vào am sách[1].
Màn trống không khó giữ én bay về phương bắc,
Miền đất ấm áp, buồn nghe nhạn từ biệt cõi nam.

[1] *Tứ thơ nói về tình bè bạn thân thiết khi xa cách.*

https://tieulun.hopto.org

Chuyến đi này chưa biết ngày nào nghiêng lọng[1]
Tạm có bài thơ thay cuộc nói chuyện suông.

11. VUA TRẦN NHÂN TÔNG LÀM THƠ TIỄN SỨ NHÀ NGUYÊN

Trần Nhân Tông (1258 – 1308) vốn tên là Trần Khâm là vua thứ 3 nhà Trần, làm vua trong 14 năm, nhường ngôi cho con và đi tu ở núi Yên Tử, sáng lập ra phái Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam. Ông có công lớn với đất nước đã 2 lần lãnh đạo dân tộc ta đánh thắng quân Nguyên Mông.

Ông đã để lại nhiều bài thơ thanh tao, nhàn dật, tươi đẹp. Thơ tiễn sứ với lời văn thanh nhã, tế nhị mang phong thái ung dung của thơ tiễn sứ thời Trần.

BIỂU TRƯỜNG HIỀN KHANH BÁNH XUÂN (Dịch thơ)

Thôi mùa cành đào, thử áo xuân,
Ngày nay hàn thực lại đương tuần.
Mâm son hồng ngọc, bánh xuân thế,
Tục cũ An Nam cứ mỗi lần.

TIỄN THIÊN SỨ MA HIỆP VÀ KIỂU NGUYÊN LÃNG (Dịch thơ)

Trời Việt hai ngôi sao sứ giả,
Hào quang thai phủ rọi 3 vòng,
Ơn trên tình nặng bao hân cảm,
Nước mọn lễ sơ những thẹn thùng.
Lam chướng xông pha người mạnh khỏe,
Gió xuân rong ruổi ngự thung dung,
Chiếu ban Trung Thống[2] *lời trung hậu,*
Lo nước bàng khuâng khỏi bận lòng.

---

[1] *Sách* Khổng Tử gia ngữ *chép: Một hôm Khổng Tử đi sang đất Đàm trên đường gặp Trình Sinh, ông đã nghiêng lọng nói chuyện thân mật sau đó người ta dùng từ nghiêng lọng (khuynh cái) để nói tình bạn khi xa nhau mong có ngày gặp lại.*

[2] *Trung Thống: niên hiệu vua Thế Tổ nhà Nguyên.*

https://tieulun.hopto.org

BÀI ĐÁP LẠI CỦA SỨ GIẢ KIỀU NGUYÊN LÃNG
(Dịch nghĩa)

Người đi phơi phới về phía nam mây Ngũ Lĩnh,
Mùa xuân đến, cành mai điểm vài bông hoa.
Chung lòng nhân ái coi nhau như một, đó là đức của bậc thiên tử,
Sinh ra không có ích cho đời, ấy là điều thẹn của kẻ trượng phu.
Gió tuyết đầu ngựa vẫn còn ngoái lại,
Non sông in đáy mắt, tạm dừng vó câu.
Ngày mai qua sông Lô mênh mông khói nước,
Nay hãy cùng nâng chén rượu bồ đào xanh tươi rửa sạch nỗi ưu phiền.

TIỄN SỨ THẦN LÍ TRỌNG TÂN, TIÊU PHƯƠNG NHAI
(Dịch thơ)(*)

Chén đưa vân dịch nức hương bay
Gió mát khôn ngăn khách trở giầy
Chẳng biết hai ngôi sao sứ giả
Trời Nam còn chói mấy hôm nay.

12. TRẦN QUANG KHẢI LÀM THƠ TIỄN SỨ SÀI NGHIÊM KHANH(2)

Trần Quang Khải là con thứ 3 của Trần Thái Tông và là em Trần Thánh Tông. Thời Nhân Tông Ông làm thượng tướng, khi quân Nguyên sang xâm chiếm Ông đã đánh thắng ở Chương Dương, bắt sống Toa Đô. Khi trở về kinh thành Thăng Long Ông có làm bài thơ:

(*) *Các bài dịch trong phần này theo bản dịch của* An Nam chí lược - *Viện Đại học Huế 1967.*

(2) *Năm 1281 Sài Nghiêm Khanh tức Sài Thung hộ tống vua bù nhìn Trần Duy Ái về nước bị đánh tan ở biên giới. Sài Thung được đón về Thăng Long. Y vẫn tỏ thái độ hống hách. Trần Quang Khải đã tiếp y lần đó. Lần này Trần Quang Khải lại tiếp y. Bài thơ lần này có cái ý vị sâu xa ngoài lời.*

https://tieulun.hopto.org

Đoạt sáo Chương Dương độ
Cầm Hồ Hàm Tử quan
Thái bình đương trí lực
Vạn cổ cựu giang san.

(Dịch)

Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân Hồ.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước cũ ngàn thu.

Sách Lịch triều hiến chương loại chí ghi: "Ông nghe rộng biết nhiều, hiểu các tiếng người nước ngoài. Mỗi khi sứ các nước sang, ông được chọn vào thù tiếp". Ông đã nhiều lần tiếp sứ Nguyên sau khi chiến thắng, củng cố tình hòa hảo giữa hai nước. Ông còn lưu lại mấy bài thơ trong tập *Lạc đạo* trong đó có bài *Tiễn Sài Nghiêm Khanh* (Sài Thung) (Dịch nghĩa):

Tiễn ông về nước, riêng những bồi hồi,
Đầu ngựa xăm xăm hướng về quê hương nhà vua,
Tâm tình Nam, Bắc treo trên lá cờ trở về,
Mùi đạo chủ khách tràn đầy chén biệt li,
Vừa chốc lát nói cười đã than thở dứt áo ra đi,
Trong cuộc ngâm nga thù xướng, tiếc khi giường đối diện với nhau.
Chưa biết ngày nào lại cùng gặp mặt,
Để ân cần cầm tay kể chuyện hàn huyên.

13. VÕ TƯỚNG TRẦN NHẬT DUẬT TIẾP CÁC SỨ THẦN KHÔNG CẦN PHIÊN DỊCH

Người Việt Nam đều biết Trần Nhật Duật là một danh tướng đời Trần, là người anh hùng đánh thắng quân Nguyên Mông trong trận Hàm Tử. Ông lại còn là một nhà chính trị, ngoại giao, có công trong việc xây dựng nước. Ông đã học nhiều ngoại ngữ, am hiểu phong tục tập quán các nước láng giềng. Chính việc hiểu biết nhiều ngoại ngữ đã giúp cho ông đạt nhiều

https://tieulun.hopto.org

thắng lợi trong chính trị, ngoại giao và cả quân sự.

Ông là con thứ VI của Trần Thái Tông. Tục truyền khi mới sinh ra ở hai cánh tay có chữ "Chiêu Văn Đồng Tử", nét chữ rõ ràng, đến khi lớn lên thì nét chữ mới mất đi, vì vậy nên được Trần Thái Tông phong tước là Chiêu Văn Vương. Từ nhỏ ông đã theo học võ nghệ, hiểu biết các binh pháp; chăm chỉ theo học *Thi Thư*, tinh thông đạo giáo, có tiếng là người học rộng. Ông lại rất ham thích học các tiếng nước ngoài. Ông không bằng lòng với việc hai nước Việt Nam và Trung Hoa tuy cùng dùng chung một chữ viết nhưng lại phát âm khác nhau nên không hiểu được tiếng nói của nhau. Vì thế ông thường ra khỏi hoàng cung, giao du với những lái buôn người Tống sang ta buôn bán và những nhà sư người Tống trụ trì ở các chùa. Đối chiếu cách đọc chữ Hán với cách phát âm của người Tống và qua thực tế, Trần Nhật Duật đã nói được tiếng Trung Hoa như người Tống, đến nỗi chính người Tống cũng không phân biệt được ông là người Việt hay người Tống!

Học được tiếng Trung Hoa của người Tống, Trần Nhật Duật cũng học tiếng nói của người nước Đại Lý, Kim Xỉ (là những nước ở vùng Vân Nam thuộc Trung Quốc ngày nay) và cả tiếng của nước Sách Mã Tích (?) mà trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư* có ghi lại. Ông cũng học tiếng Chiêm Thành và biết viết cả chữ của người Chiêm Thành qua những binh lính và quan lại Chiêm Thành bị bắt về nước ta từ thời Lý và đầu đời Trần. Ông nhận thức rất rõ là tiếng nói của nước nào thì gắn liền với phong tục tập quán văn minh của nước đó vì vậy không thể chỉ học tiếng mà không biết đến văn hóa của nước mình học tiếng. Thiết nghĩ đó chính là những lời khuyên rất bổ ích đối với học sinh thanh niên học ngoại ngữ ngày nay. Còn đối với tiếng của các dân tộc ít người ở miền núi trong nước như tiếng Thái, tiếng Mường, tiếng Tày, Nùng, Dao... thì không tiếng nào mà ông không biết. Thật hiếm có người Việt Nam nào ngày xưa lại biết nhiều thứ tiếng như ông. Chính việc biết nhiều thứ tiếng đã giúp cho ông thuận lợi và thành công trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao và quân sự. Sau đây là một vài dẫn chứng

https://tieulun.hopto.org

tiêu biểu được ghi trong *Đại Việt sử kí toàn thư*:

- Vào năm 1280 dưới thời Trần Nhân Tông, nước Đại Việt đang phải chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lăng lần thứ II của quân Nguyên Mông thì một tù trưởng đồng bào thiểu số người Man ở vùng Đà Giang là Trịnh Giác Mật đã cầm quân nổi lên chống lại triều đình. Vua sai Trần Nhật Duật đem quân đi dẹp, ông đã không dùng đến lực lượng quân sự. Để các đạo quân ở ngoài xa, một mình cùng 5, 6 tiểu đồng đi thẳng vào trại của người Man. Quân sĩ e ngại ngăn lại, sợ Trần Nhật Duật bị người Man giết hại. Ông bèn nói: "Ta biết tiếng nói người Man, ta hiểu phong tục tập quán của họ, ta sẽ nói họ đều chịu ơn của triều đình, đều là con dân trong một nước, trước sự xâm lấn của giặc Nguyên, phải cùng nhau hợp sức đánh đuổi nhất định họ sẽ nghe ra lời ta nói, còn nếu như họ không nghe, có giáo giở thì triều đình sẽ còn nhiều vương khác, lo gì". Khi ông đến trại thì người Man bao vây mấy chục vòng, đều cầm gươm và thương, hướng vào người ông. Tù trưởng Trịnh Giác Mật mời ngồi, ông đã cùng với Mật trò chuyện bằng tiếng Man, những người đứng hầu xung quanh cũng đều hiểu được lời giải thích ơn của triều đình với các người miền thượng du "Ông đã ăn cơm bằng tay và uống nước bằng mũi cùng với người Man, họ thích lắm và tỏ lòng kính phục vô cùng". Sau khi ông về doanh trại, Trịnh Giác Mật đã đem cả gia quyến đến xin quy phục triều đình. Ông đã đưa gia quyến Mật về Thăng Long vào ra mắt Vua, được Vua khen ngợi và cho về lại quê quán để cai trị dân chúng. Như vậy là nhờ chính sách mềm dẻo, do biết tiếng nói và phong tục của người Man nên Trần Nhật Duật đã không mất một mũi tên và không phải đổ máu mà thu được cả vùng Đà Giang.

- Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lăng lần thứ II, Trần Nhật Duật được phân công chặn đánh quân Nguyên từ Vân Nam kéo xuống, ông được lệnh trấn thủ lộ Tuyên Quang, giữ trại Thu Vật (Yên Bình, Yên Bái). Trong quân của Nhật Duật có nhiều người Tống, trong số đó có đạo sĩ Hứa Tông Đạo, người ở Phúc Châu thuộc lộ Phúc Kiến. Theo

https://tieulun.hopto.org

bài minh khắc trên chuông Thông Thánh Quán ở Bạch Hạc năm Đại Khánh VIII (1321) ghi rõ: "Cuối mùa đông năm Giáp Thân, giặc Bắc đến xâm lược, bấy giờ Khai Quốc Vương (Trần Nhật Duật) trấn thủ các lộ Tuyên Quang... vào ngày thượng nguyên (rằm tháng Giêng) năm Ất Dậu (20.2.1285), ở sông Bạch Hạc đã làm lễ cắt tóc tuyên thệ, thề với thần là dốc hết lòng trung quân...". bài minh cũng ghi rõ đạo sĩ Hứa Tông Đạo là người hương Thái Bình, huyện Phúc Thanh, Phúc Châu, lộ Phúc Kiến theo thuyền đến Đại Việt từ năm 1276.

Sở dĩ nhiều quân lính Tống chiến đấu dưới ngọn cờ của ông để chống lại quân Mông Cổ chính là bởi ông đã thông thạo tiếng nói của họ và phong tục tập quán của phương Bắc. Ông đã giải thích cho binh lính và quan lại nhà Tống là cả hai nước cùng có kẻ thù chung là Mông Cổ. Binh lính Tống vẫn ăn mặc quần áo của nhà Tống. Chính vì vậy nên Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc (khi chưa đầu hàng Nguyên Mông) đã tâu lên vua Trần rằng Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật ở Tuyên Quang "đã làm nội ứng ở vùng thượng du, gọi giặc vào". Đạo quân của Nhật Duật đã giao chiến với quân Mông Cổ do Nạp Tốc Lạt Đình kéo xuống. Sau đó để bảo toàn lực lượng đã rút lui về Bạch Hạc rồi về đến chỗ Vua Trần đóng quân ở phủ Thiên Trường. Khi quân của Trần Nhật Duật chiến đấu chống quân Nguyên ở trận Hàm Tử đã có cả binh lính người Tống tham gia nên Thượng hoàng Trần Thái Tông đã phải dặn để các tướng Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái biết là trong quân của Trần Nhật Duật có người Tống cũng ăn mặc và nói tiếng giống người Thát Đát (quân Mông Cổ), vì thế không thể đánh nhầm và phải biết phối hợp. Trong chiến đấu, quân Mông Cổ thấy trong hàng quân của Đại Việt có cả người Tống nên càng lo sợ, không biết rõ lực lượng của Đại Việt có bao nhiêu và cũng sinh nghi ngờ giữa các đạo quân Mông Cổ đạo nào là của Đại Việt. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* có ghi: "Nhà Tống mất nước, có người sang quy phụ nước ta, Nhật Duật đã dung nạp. Trong bọn ấy có Triệu Trung, Nhật Duật cho làm gia tướng; cho nên công đánh

https://tieulun.hopto.org

giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả".

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* còn ghi lại một đoạn nói về việc ông thông thạo nhiều tiếng nước ngoài và cách giao tiếp với người nước ngoài của ông như sau:

"Nhật Duật thích chơi với người nước ngoài, thường cưỡi voi đến chơi thôn Bà Già (thôn này là do khi Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành bắt được người Chiêm về và cho ở đấy, lấy tiếng nước Chiêm đặt tên là Da Đa Li, sau gọi sai là Bà Già) có khi 3, 4 ngày mới về. Lại đến chơi chùa Tường Phù, nói chuyện với nhà sư người Tống, ngủ lại rồi về. Phàm người nước ngoài đến kinh đô Thăng Long thường kéo đến chơi nhà, nếu là người Tống thì ngồi ghế đối nhau mà đàm luận suốt ngày; nếu là người Chiêm hay các người Man khác thì đều theo quốc tục của họ mà tiếp đãi. Đời vua Trần Nhân Tông sứ của nước Sách Mã Tích(?) sang cống, không tìm được người thông dịch, duy có Nhật Duật dịch được. Có người hỏi sao ông lại biết được tiếng nước ấy, ông trả lời rằng: đời Trần Thái Tông, sứ Bắc quốc đến, có giao du với họ cho nên hiểu được tiếng nói của họ. Trần Nhân Tông thường nói: "Chú Chiêu Văn (Nhật Duật) có lẽ là kiếp sau của người Phiên lạc cho nên mới nói được tiếng các nước đó".

Khi ông đã làm tể tướng thường đến nhà người Tống là Trần Đạo Chiếu, nói chuyện phiếm với nhau giờ lâu không thôi. Vua Anh Tông nghe thế nói: "Ông là tể tướng, Đạo Chiếu là người Tống, đã có Hàn Lâm phụng chỉ tiếp đãi há nên cùng ngồi nói chuyện với họ?".

Theo lệ cũ, khi sứ Nguyên đến tất sai người biết tiếng để thông dịch, tể tướng không được cùng ngồi nói chuyện hoặc sợ có sự gì lầm lỗi thì đổ cho người phiên dịch. Trần Nhật Duật thì không thế, mỗi khi tiếp sứ Nguyên thì đều nói chuyện lấy, không mượn người phiên dịch. Đến khi sứ về nơi nhà nghỉ thì dắt tay nhau cùng vào, ngồi uống rượu như bạn cũ. Sứ giả hỏi:

- Ông là người Chân Định (nay thuộc tỉnh Trực Lệ, Trung Quốc, là một nơi văn vật) đến làm quan ở đây chứ gì?

Nhật Duật cố sức biện bạch mình là người Đại Việt chứ

https://tieulun.hopto.org

không phải là người Trung Quốc nhưng sứ giả Trung Quốc vẫn không tin vì nét mặt và tiếng nói của ông đều giống như người Chân Định (!)".

Nói tiếng Trung Quốc đến nỗi chính người Trung Quốc phải tin là người cùng giống nòi họ, quả thật Trần Nhật Duật đã thông thạo tiếng Trung Quốc đến mức độ đáng khâm phục!

Qua những mẩu chuyện lịch sử kể trên, mọi người đều nhận thấy chính là do biết nhiều tiếng nước ngoài nên Trần Nhật Duật đã thu phục được binh lính nước ngoài chiến đấu trong đội ngũ của mình, góp phần làm nên những thắng lợi quân sự mà sử sách đã công nhận công lao của ông. Cũng do ham học tiếng nước ngoài nên ông đã góp phần đáng kể trong quan hệ với các nước láng giềng như Trung Hoa, Chiêm Thành, Lào, củng cố tình hữu nghị và hòa bình giữa các nước. Hiểu biết nhiều tiếng của các dân tộc ít người vùng núi nên Trần Nhật Duật đã góp phần ổn định chính trị trong nước, củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

15. SỨ NHÀ NGUYÊN HỎI MỐC GIỚI CỘT ĐỒNG MÃ VIỆN

Dưới thời Trần vua Nguyên đã hai lần sai sứ sang nước ta để hỏi vua Trần về mốc cột đồng Mã Viện.

Vào năm 1272, đời Trần Thánh Tông, vua Nguyên sai sứ là Ngột Lương Hợp Thai sang nước ta hỏi mốc giới cột đồng Mã Viện. Vua Trần cử quan viên ngoại lang là Lê Kính Phu đi hội khán cùng sứ Nguyên, Lê Kính Phu đã trả lời sứ Nguyên là chỗ dựng cột đồng của Mã Viện nay đã lấp mất dấu vết, không còn vết tích gì.

Đến năm 1345, vua Nguyên lại sai sứ là Vương Sĩ Hành sang hỏi về cột đồng Mã Viện. Vua Trần Dụ Tông đã phải sai sứ thần là Phạm Sư Mạnh sang Nguyên để biện bạch về việc không còn dấu vết của cột đồng này.

Chuyện cột đồng Mã Viện đã trở thành một đề tài trong

https://tieulun.hopto.org

việc bang giao giữa nước ta và triều đình phương Bắc. Theo sử sách thì vào năm 43 sau Công nguyên Mã Viện đã dẹp được cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, cho dựng cột đồng để ghi địa giới tận cùng của nhà Hán giáp với Giao Châu. Theo sách *Nhất thống chí* của nhà Đại Thanh thì cột đồng do Mã Viện dựng ở động Cổ Sâm châu Khâm. Mã Viện có ghi rằng: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt". Nghĩa là "Nếu cột đồng gẫy thì người Giao Chỉ sẽ bị diệt vong". Do đó người Giao Chỉ đi qua cột đồng, ai cũng lấy đá lấp vào chỗ chân cột để cho cột khỏi bị gãy. Lâu này đá lấp hết cả cột, không ai còn trông thấy cột đồng nữa và chỗ đó đã trở thành một núi đá. Từ đó: cột đồng đối với người nước ta thì như một dấu vết của thất bại, của một thời kỳ bị làm nô lệ cho phương Bắc còn đối với phương Bắc thì như đánh dấu một chiến công dẹp yên được phương Nam (Giao Chỉ).

Việc truy hỏi cột đồng của nhà Nguyên có thể là muốn khẳng định oai quyền của Thiên triều với các nước chư hầu xung quanh chăng? Nhận xét về việc này, Phan Huy Chú viết:

"Việc cột đồng là chuyện cũ lâu đời mà nhà Nguyên hai lần đến hỏi, không biết định khu xử thế nào, có lẽ muốn lấy chỗ ấy để chia định cương giới chăng. Triều đình ta đã mấy lần bác bẻ, không biết đâu mà tra khám, cho nên việc cũng bỏ đi".

Cột đồng Mã Viện đã trở thành một đề tài của các sứ thần Việt Nam khi đi sứ qua đó. Nhiều sứ thần đã làm thơ vịnh cột đồng. Trong số các bài thơ về cột đồng, có bài *Vọng đồng trụ cảm hoài* (Trông cột đồng cảm hoài) của sứ thần Võ Huy Tấn đi sứ nhà Thanh thời Tây Sơn đã thể hiện được tinh thần tự hào dân tộc.

15. SỨ THẦN ĐẠI VIỆT NGUYỄN ĐẠI PHÁP: "TA NAY LÀ SỨ THẦN CỦA MỘT NƯỚC"

Sau 3 lần đại bại, không cướp được nước Đại Việt nhỏ bé, vua Nguyên vẫn căm giận muốn khởi binh sang đánh nữa. Nghe theo lời các quan, vua Nguyên lại sai Thượng thư Trương Lập Đạo sang dụ vua Trần sang chầu vua Nguyên. Mặc cho

https://tieulun.hopto.org

Trương Lập Đạo đe dọa và dụ dỗ, vua Trần vẫn kiên quyết không sang chầu, vin cớ có tang cha.

Năm 1292 vua Trần sai 2 sứ thần là Nguyễn Đại Pháp và Hà Duy Nhan sang sứ Nguyên. Nguyễn Đại Pháp sang sứ Nguyên với tư thế của một nước vừa chiến thắng, làm cho quân Nguyên phải kính nể, gọi ông là "lão lệnh công" (ông quan già). Khi Nguyễn Đại Pháp vào yết kiến các viên quan Bình chương ở hành sảnh, thì thấy Trần Ích Tắc cũng ngồi đấy.

Trần Ích Tắc là con vua Trần Thái Tông, là em của vua Trần Thánh Tông là anh ruột của Trần Nhật Duật. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*: "Khi chưa sinh Trần Ích Tắc, vua Thái Tông nằm chiêm bao thấy người thần có ba mắt từ trên trời xuống nói với Thái Tông rằng: Tôi bị Thượng đế quở trách, xin thác sinh làm con Vua, sau sẽ về phương Bắc. Đến khi Ích Tắc sinh, giữa trán có cái vết giống như con mắt mà hình dáng cũng giống như người trông thấy trong chiêm bao. Khi 15 tuổi thông minh hơn người, thông kinh sử và các kĩ thuật, văn chương nhất đời, đủ nghề vật như đá cầu, đánh cờ, không nghề gì không tinh thạo, từng mở trường dạy học ở bên hữu phủ đệ, họp các văn sĩ bốn phương vào học tập, cấp cho ăn mặc, dạy bảo nên tài" "Ích Tắc vẫn ngầm có ý tranh ngôi trưởng, từng đem thư riêng gửi khách buôn ở Vân Đồn, xin nhà Nguyên đem quân sang nước Nam". Khi quân Nguyên sang đánh nước ta lần thứ hai, Trần Ích Tắc cùng một một lũ nữa gồm Văn Chiêu hầu Văn Lộng, Văn Nghĩa hầu Tú Hoãn, Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Trịnh Long đều đem cả gia quyến đầu hàng quân Nguyên. Trần Ích Tắc đã được phong làm Chiêu Quốc Vương, khi ra hàng Nguyên được chúng phong làm *An Nam quốc vương*, sau đó theo quân Nguyên về Trung Hoa, được phong chức quan Bình chương, vì thế cũng có mặt ở nơi đó.

Thấy Đại Pháp không chào hỏi mình, Trần Ích Tắc bèn hỏi Đại Pháp: Người có phải là kẻ biên chép ở nhà Chiêu Đại vương không? (Chiêu Đại Vương có tên là Trần Quang Sưởng là con vợ thứ của Trần Thái Tông, là anh cùng mẹ với Ích Tắc) Đại Pháp

https://tieulun.hopto.org

khoan thai trả lời:

- Thế sự đã đổi thay, Đại Pháp này, trước đây là kẻ biên chép của Chiêu Đại Vương, nay là sứ thần của một nước, cũng như ông trước là con vua một nước mà nay là kẻ đầu hàng giặc!

Ích Tắc nghe Đại Pháp nói đã đỏ mặt hổ thẹn. Từ đó hễ khi nào có sứ thần nước ta đến, không dám ngồi ở sảnh đường nữa. Sau chết ở bên đó.

16. SỨ THẦN NHÀ TRẦN: ĐẶNG NHỮ LÂM LÀM TÌNH BÁO

Sau khi đánh thắng quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ III, vua Trần đã sai nhiều sứ bộ sang Nguyên để giao hảo. Sứ bộ Trần Khắc Dụng và Phạm Thảo đi sang Nguyên năm 1295 mừng Thánh Tông (Nguyên) lên ngôi vua, đã ban lệnh bãi binh, và xin *Kinh Đại Tạng* đem về. Sau đó sai khắc ban bố khắp trong nước.

Nam 1299 lại sai sứ thần Đặng Nhữ Lâm sang giao hảo với nhà Nguyên. Khi Nhữ Lâm đến kinh đô nhà Nguyên đã làm những việc:

- Vẽ bản đồ cung điện và vườn tược.
- Đem về cất giấu trong mình bản đồ địa dư và sách đã bị cấm.
- Ghi chép vào sổ riêng những núi rừng và tình hình quân sự ở Bắc phương".

" Thừa tướng nhà Nguyên là Hoàn Trạch biết việc làm của Nhữ Lâm, tâu lên vua Nguyên. Khi đó Nhữ Lâm đã lên đường về nước rồi. Vua Nguyên sai Thượng thư Mã Hợp và Thị lang Kiều Tôn Lượng sang nước ta dụ bảo vua Trần về việc Nhữ Lâm làm trái phép, đáng lẽ tra xét kĩ để trị tội. Nhưng Thiên tử lấy độ lượng bao dong đã hạ lệnh tha cho về nước. Vậy từ nay cử sứ thần phải lựa chọn cẩn thận, nếu có tâu bày, thỉnh thác việc gì, phải hết lòng thành thực, chứ nếu chỉ trang sức văn từ khéo léo thì không ích gì cả" (*Việt sử thông giám cương mục Chb* VIII - 30).

Đó là lời dụ bảo của sứ thần nhà Nguyện với vua Trần.

https://tieulun.hopto.org

Việc Nhữ Lâm ghi chép dò xét các bí mật quân sự của nhà Nguyên của Nhữ Lâm chắc chắn phải được lệnh của vua Trần vì các sứ thần chỉ được phép của vua mới dám làm những việc hệ trọng như vậy. Nhưng mục đích của việc dò xét này của vua Trần để làm gì? Không có lẽ nhà Trần lại chuẩn bị một cuộc tấn công phòng ngự như của Lý Thường Kiệt dưới thời nhà Lý? Tại sao lại cần đến cả vẽ bản đồ cung điện và vườn tược ở kinh đô? Việc ghi chép địa thế hiểm yếu nơi biên giới và trên đường đi là có thể hiểu được. Nếu nhà Nguyên biết được Nhữ Lâm tự ý làm những việc đó thì sau khi sứ thần nhà Nguyên (cấp cao là Thượng thư và Thị lang) sang dụ bảo (phê phán, quở trách) thì vua Trần chắc phải xử tội Nhữ Lâm. Nhưng trong sử sách không thấy nói gì cả. Lời phê phán "Nếu chỉ trang sức văn từ khéo léo bề ngoài thì không ích gì cả" đã phần nào cho ta thấy vua tôi nhà Nguyên đã nhận ra việc Nhữ Lâm sang sứ là để che đậy cho một mục đích không nói ra của vua tôi nhà Trần.

Sứ thần làm tình báo là việc đã có từ khá lâu ngày xưa!

17. MỘT SỰ KIỆN NGOẠI GIAO HIẾM CÓ ĐỜI NHÀ TRẦN

Sau khi đánh thắng quân Nguyên lần thứ 3 (1287), vua Trần Nhân Tông làm vua thêm sáu năm rồi nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông (Trần Tuyền) năm 1293 và giữ chức Thái Thượng hoàng. Thế mà tháng 9 năm 1301, Thượng hoàng lại cầm đầu một phái đoàn đi Chiêm Thành. Phái đoàn đồ sộ này chưa từng có trong lịch sử ngoại giao từ xưa đến nay. Đi tháp tùng Thượng hoàng Trần Nhân Tông có tướng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, tướng Văn hiển hầu Trần Khắc Chung, Ngự sử Trung tán Đoàn Nhữ Hài, Quản Thánh Dực quân Phạm Ngũ Lão và ba nghìn quân.

Lý do công khai của cuộc thăm này rất bình thường. Vua Trần Nhân Tông là người mộ đạo Phật, được nghe xưa kia đức Phật Quan Âm giáng sinh vào cung vua Chiêm và vẫn còn di tích ở Phát Thệ, kinh đô cũ của Chiêm Thành. Vì thế Thượng

https://tieulun.hopto.org

hoàng muốn tới thăm. Thực chất bên trong không ai rõ ý đồ. Nước Chiêm Thành phải cung phụng cho phái đoàn và nuôi ba nghìn quân hơn một tháng trời rất tốn kém. Để trả giá cho cuộc đón tiếp thịnh tình của vua Chiêm, Thượng hoàng đã gả công chúa Trần Huyền Trân cho vua Chế Mân và Chế Mân đã cắt hai châu Ô, Lý để làm đồ sính lễ. Nhưng chỉ một năm sau, vua Chiêm mất, Trần Khắc Chung sang viếng tang và đã tráo một thị nữ rồi bí mật đưa Huyền Trân thẳng buồm dong về Bắc (theo tục lệ Chiêm Thành, Huyền Trân sẽ bị thiêu sống cùng Vua). Thế là từ đó hai châu Ô, Lý (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên) thuộc về lãnh thổ Việt Nam. Căm tức về việc này, Chế Bồng Nga đã đem quân sang đánh nước ta để đòi đất.

18. VUA TRẦN TRẢ LỜI SỨ THẦN NHÀ NGUYÊN VỀ VIỆC ĐÁNH HAI CHÂU QUY THUẬN VÀ DƯỠNG LỢI

Năm 1313 viên Tri châu Trấn An của nhà Nguyên là Triệu Giác đem quân đánh vào châu Tư Lang nước ta, bắt một số người dân và lấy mất một lọ vàng, đồng thời cũng lấn đất hơn một nghìn khoảnh ruộng. Vua Trần Anh Tông đã sai quan quân đánh lấy lại đất Tư Lang và đem quân đánh vào hai châu Quy Thuận và Dưỡng Lợi của nhà Nguyên, bắt một số dân và nói rõ là sang đánh cốt để báo thù việc quan quân nhà Nguyên đã đánh châu Tư Lang. Nhà Nguyên sai sứ thần là Lưu Nguyên Hanh sang dò xét và gửi công điệp cho vua Trần. Công điệp của vua Nguyên viết:

"Trước kia nhà Hán đặt (nước ta) ra 9 quận, nhà Đường lập ra 5 quản, thì An Nam thực là nơi mà thanh danh giáo hóa của Trung Quốc đã tràn lan tới. Huống chi An Nam đối với Trung Quốc, nào là dâng địa đồ, nào là nộp lệ cống, danh phận trên dưới đã phân minh. Trung Quốc đối với An Nam thì ban cho một cách đầy đặn, không kể đến việc đáp lại đơn sơ, cái ơn huệ yên ủi người phương xa thật là hết sức. Như thế Thánh triều có phụ gì quý quốc đâu? Thế mà bây giờ sao lại tự nhiên gây ra

https://tieulun.hopto.org

sự không yên lành, dùng sức ngông cuồng để mở rộng bờ cõi? Tuy nói riêng về đất ở Dư Thôn (xã Bảo Lâm, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn ngày nay, hiện có cửa ải Dư Thôn) thì việc quan hệ là nhỏ, nhưng nói chung về địa đồ nhà nước là quan hệ rất to. Hơn nữa, những người bị giết, bị cướp đều là những người dân, những hộ đã ghi vào sổ của Triều đình (nhà Nguyên). Vậy người chủ trương làm việc ấy không rõ là ai?".

Vua Trần sai trả lời công điệp: "Đấy là việc làm của những quân lính quan nhỏ nơi biên giới, đã gây nên những việc không yên ổn. Nước tôi biết thế nào được những việc ấy!".

Lưu Nguyên Hanh dâng thư lên vua Nguyên: "Trước kia An Nam đã từng xâm phạm vào đất Vĩnh Bình, nay lại quen thói cũ. Nghĩ nên sai quan đến tuyên truyền dụ bảo, định lại bờ cõi và nghiêm sức các quan lại ở biên giới không được xâm phạm lẫn nhau, như thế mới giữ được sự yên ổn lâu dài nơi biên giới".

Vua Nguyên sai sứ thần đem sắc thư đến dụ bảo vua Trần. Sau khi lấy lại được đất đai đã bị mất, vua Trần nhân đó bãi binh. Việc biên giới giữa Trần và Nguyên còn kéo dài vài chục năm do quân Nguyên sang lấn chiếm. Năm 1322 vua Trần sai Thượng thư Bộ Hình là Doãn Bang Hiến sang Nguyên để biện luận về biên giới. Bang Hiến đã bị chết ở dọc đường, nhà vua rất thương tiếc.

19. TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN HIỀN GIẢI THƠ ĐỐ CỦA SỨ TÀU

Nguyễn Hiền người xã Dương A, huyện Thượng Hiền, nay là thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Định. Ông thông minh từ thuở nhỏ. Đỗ Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh năm Đinh Mùi niên hiệu Thiên Ưng Chính Bình XVI (1247) đời Trần Thái Tông khi mới 13 tuổi.

Tương truyền sứ thần Trung Hoa đem một bài thơ ngụ ngôn sang thử nhân tài nước Nam. Bài thơ như sau:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,
Tứ sơn điện đảo sơn.

https://tieulun.hopto.org

Lưỡng vương tranh nhất quốc,
Tứ khẩu tung hoành gian.

Nghĩa là:

Hai mặt trời, mặt trời bằng đầu.
Bốn trái núi, trái núi điên đảo
Hai vua tranh nhau một nước
Bốn miệng ở trong khoảng dọc ngang.

Vua và các quan trong triều không ai giải nghĩa được là gì. Một viên quan tâu với vua xin mời Trạng nguyên Nguyễn Hiền (mà vua cho là còn bé cho ở nhà để rèn luyện thêm) đến để hỏi nghĩa.

Các quan đến mời gặp lúc Nguyễn Hiền đang nô đùa với chúng bạn. Nguyễn Hiền nói với các quan:

- Trước đây Thiên tử nói ta chưa biết lễ phép thì chính nay thiên tử cũng không biết lễ phép: không ai đi mời Trạng về kinh lại không có lễ nghĩa. Quan về tâu lại với vua rồi đem đồ lễ và xe ngựa đến đón, Nguyễn Hiền mới chịu về kinh.

Khi về đến kinh đô, vua đưa bài thơ của sứ Tàu ra, Trạng Hiền liền giải thích như sau:

Câu thứ nhất nghĩa là 2 chữ "nhật" (日) đều bằng đầu nhau. Câu thứ hai "Tứ sơn điên đảo sơn" nghĩa là 4 chữ "sơn" ngược xuôi cũng đều là sơn cả. Câu thứ ba "Lưỡng vương tranh nhất quốc" nghĩa là chữ "vương" hai vua tranh một nước. Câu thứ tư "Tứ khẩu tung hoành gian" có nghĩa là bốn chữ "khẩu" ngang dọc cũng đều thành chữ khẩu cả. Tóm lại tất cả 4 câu thơ chỉ nói đến chữ "Điền".

Giải xong, Trạng Hiền viết thư đưa cho sứ Tàu, sứ Tàu phải chịu là nước Nam có nhân tài. Sau đó, vua cử Nguyễn Hiền làm đến Công bộ Thượng thư phong Kim tử vinh lộc đại phu. Không được bao lâu thì ông mất, vua sai lập miếu thờ[1].

20. SỨ THẦN ĐOÀN NHỮ HÀI KHÔNG LẠY VUA CHIÊM

Đoàn Nhữ Hài người làng Trường Tân huyện Gia Phúc tỉnh

---

[1] *Cũng có sách viết câu chuyện này là của Mạc Đĩnh Chi giải.*

https://tieulun.hopto.org

Hải Dương là một học sinh nghèo ở kinh đô Thăng Long.

Một hôm vua Trần Anh Tông vì say rượu bị Thượng hoàng Trần Nhân Tông quở mắng, đã nhờ Đoàn Như Hài làm biểu tạ tội. Trần Anh Tông thấy ông là người học trò tài giỏi, bèn gọi vào cung cho giữ chức quan Ngự sử trung tán, lúc đó ông mới 20 tuổi. Được ít lâu có việc đi sứ Chiêm Thành, Vua sai ông đi. Trước khi đi ông vào yết kiến Thượng hoàng Nhân Tông ở chùa Sùng Nghiêm để xin ý kiến, được Thượng hoàng khen.

Năm 1303, sau nhiều ngày đi thuyền và bộ, đến kinh đô Chiêm Thành, Đoàn Như Hài tới gặp vua Chiêm. Theo tục lệ của Chiêm Thành, hễ sứ đến thì phải lạy vua trước rồi mới đọc chiếu sau. Đoàn Như Hài đi thẳng tới án, đặt tờ chiếu của vua Trần lên trên rồi nói với vua Chiêm: "Tôi từ lúc mang tờ chiếu của vua nước tôi tới đây, xa vua nước tôi đã lâu. Ngày nay mở tờ chiếu, như được trông thấy mặt vua nước tôi. Tôi lạy tờ chiếu rồi hãy tuyên đọc". Ông đã lạy tờ chiếu của vua Trần chứ không chịu lạy vua Chiêm rồi sau đó mới đọc chiếu của vua Trần cho vua Chiêm nghe.

Khi ông về nước được Vua khen ngợi về việc này. Từ đó sứ Đại Việt sang Chiêm không lạy vua Chiêm nữa.

Năm 1312, ông theo vua đi đánh Chiêm Thành. Ông đã tìm cách dụ được vua Chiêm ra hàng, không phí một mũi tên nào mà bình được Chiêm Thành.

21. SỨ THẦN PHƯƠNG BẮC KHEN VUA NƯỚC NAM

Vào năm 1314, sau khi vua Trần Minh Tông lên ngôi, sứ thần nhà Nguyên sang làm lễ tuyên đọc quốc thư. Ngày hôm sau vua Trần ban yến. Vua mặc áo tràng vạt bằng là, màu vàng, đội mũ có thao rủ. Sứ Nguyên khen là vua có phong thái nhẹ nhõm như tiên. Sứ Nguyên khi về nước đã kể lại dung nhan và cách ăn mặc của vua Nam cho các quan trong triều nghe, ai nấy đều thấy là vua nước Nam có phong thái khoan thai đĩnh đạc. Sau này, khi sứ nước ta sang Nguyên, có quan hỏi:

- Tôi nghe đồn rằng Thế tử (nước Nam) có vẻ người thanh

https://tieulun.hopto.org

tú nhẹ nhõm như thần tiên có phải không?

Sứ nước ta đã trả lời:

- Vua nước tôi có vẻ dáng đúng như thế, song cũng là tiêu biểu cho phong thái cả dân nước tôi vậy.

Xem thế đủ biết, cách ăn mặc, phong thái khi tiếp sứ thần nước ngoài có ảnh hưởng quan trọng như thế nào đối với việc đánh giá một nước.

Gần 200 năm sau, vào năm 1500 đời vua Lê Hiến Tông, nhà Minh sai sứ thần là Lương Chừ sang phong vương cho Vua Lê. Vua đã sai ngự sử là Đăng Quỳ đến trạm Lã Côi (nay thuộc xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội) để đón tiếp. Trước đó, khi sứ nhà Minh đến trạm Thị Cầu (Bắc Ninh) vua đã sai Đàm Văn Lễ và Bùi Nhân đến Thị Cầu để bàn về nghi thức đón tiếp. Khi sứ thần nhà Minh đến trạm Lã Côi, vua Hiến Tông đã ngự thuyền nhỏ đến trạm thăm hỏi sứ thần. Khi Vua về cung, sứ thần nhà Minh là Lương Chừ đã tiễn ra ngoài cửa trạm, rồi nói với quan ta là Bùi Nhân rằng:

- Nay được trông thấy Quốc vương đã đứng tuổi, thực tướng thánh nhân, tướng trường thọ, thực là phúc cho nhân dân nước Nam. Sao mà Vua học rộng, gặp việc ứng đối nhanh như thế. Lương Chừ còn khen Vua nhiều.

Sau khi sứ nhà Minh làm lễ tế Lê Thánh Tông, vua Lê đã làm lễ tương kiến. Lương Chừ bị ốm. Vua đã thân đến sứ quán hỏi thăm sức khoẻ. Vua thết yến tiễn sứ thần ra về ở điện Cần Chánh, tặng vàng bạc và đồ tơ lụa cho các sứ thần. Sử ghi lại: họ cố từ không nhận.

22. NGUYỄN TRUNG NGẠN LẤY LỄ BẮT SỨ THẦN HỢP MƯU PHẢI XUỐNG NGỰA

Ông người xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nổi tiếng là thần đồng. Năm 16 tuổi, ông đỗ Hoàng giáp khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn niên hiệu Hưng Long (1304) đời Trần Anh Tông. Ông làm quan đến Nhập nội Đại hành

https://tieulun.hopto.org

khiển kiêm Tri khu Mật viện sự, Nhập thị Kinh Diên. Ông đi sứ nhà Nguyên năm 1314. Trong thời gian đi sứ ông đã làm nhiều thơ. Phan Huy Chú bình luận về thơ ông:

"Lời thơ phần nhiều hào mại phóng khoáng, có khí phách và cốt cách Đỗ Lăng. Những bài làm trong khi sang sứ Trung Quốc như *Động Đình hồ, Nhạc Dương lâu, Hùng Tương dịch, Ung Châu*..., bài nào lời thơ cũng mạnh mẽ phóng khoáng khác thường". Ông đi sứ sau khi quân dân ta đã đại thắng quân Nguyên nên thơ ông thể hiện lòng tự hào dân tộc, yêu đất nước và cũng thể hiện rõ khát vọng hòa bình, hữu nghị giữa hai dân tộc Trung - Việt.

Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú có ghi về việc ông tiếp sứ Nguyên như sau:

"Năm Khai Thái I (1324), nhà Nguyên cho bọn Thượng thư Mã Hợp Mưu và Dương Thụy sang báo việc lên ngôi của vua Nguyên và ban cho một quyển lịch. Bọn Hợp Mưu cưỡi ngựa đến đường cầu hồ Tây Thấu không xuống ngựa. Những người biết tiếng Trung Quốc vâng chỉ vua ra nói chuyện với chúng từ giờ Thìn đến giờ Ngọ (khoảng từ 9 giờ sáng đến 13 giờ chiều) không tranh luận được. Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn đến lấy lễ mà bẻ. Hợp Mưu hết chỗ nói mới xuống ngựa, bưng tờ chiếu đi bộ vào. Vua rất hài lòng".

Lý lẽ của Nguyễn Trung Ngạn không được ghi lại nhưng việc Thượng thư Hợp Mưu phải nghe theo và chịu xuống ngựa thực sự chứng tỏ tài năng đối đáp ứng xử, thông thạo lễ nghi văn hiến hai nước của ông.

Sách *Công dư tiệp kí* cũng đã ghi lại chuyện sứ thần Tàu sang ta, không chịu đi qua cửa có chữ Đại Hưng, đòi bắc cầu qua cổng. Thượng thư Võ Duy Đoán được sai tiếp đón sứ thần Tàu liền giả vờ tuân theo. Ông ngầm bảo quản tượng xua voi đi qua, lúc đến gần sát chỗ sứ giả đang đứng thì lấy giáo chích vào mình voi khiến voi bị đau gầm lên và chạy loạn xạ. Ai cũng hoảng hốt tìm chỗ nấp, xô nhau vào phía trong cửa Đại Hưng, cả đoàn sứ Tàu cũng vội vàng nấp sau cửa Đại Hưng. Khi voi đi qua rồi, họ mới biết mình đã bị mắc mưu của quan nước Nam.

https://tieulun.hopto.org

Trong dân gian có chuyện Trạng Quỳnh, cũng nói việc Trạng đã lấy quạt gõ vào đầu sứ thần mà chửi tục, làm cho sứ Tàu đuổi theo, phải chạy qua cổng.

Một số bài thơ của Nguyễn Trung Ngạn

DI SỨ PHƯƠNG BẮC NGỦ ĐÊM Ở TRẠM KHẨU ÔN
(Dịch thơ)

Kéo hết sông trời gột giáp binh,
Triều đình đâu muốn việc tây chinh
Nước non dẫu vạch bờ Nam, Bắc,
Hồ, Việt cùng chung nghĩa đệ huynh.
Xóm núi trăng ngời, đêm mõ điểm.
Nương xuân rãy đốt, sớm mưa lành.
Mảy may chưa chút đền ân chúa,
Muôn dặm đường xa dám ngại mình.

(**Ngô Linh Ngọc** dịch)

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở GHỀNH LĂNG THÀNH
(Dịch thơ):

Khách ở thuyền con, trăng trên sông,
Động Đình thu hứng trải mênh mông.
Mộng hồn chẳng quản mây xa cách,
Đưa tới quê nhà cậy gió đông.

(**Ngọc Nhuận** dịch)

NHỚ VỀ NHÀ (Dịch thơ)

Dâu già, lá rụng tằm xong,
Bông thơm lúa sớm, béo mòng con cua,
Ở nhà nghèo thế mà ưa,
Giang Nam vui mấy cũng thua quê nhà

(**Xuân Thủy** dịch)

TỰ VỊNH
(Dịch thơ)

Giới Hiên, công cụ của triều đình,
Ôm chí nuốt trâu lúc còn nhỏ.

https://tieulun.hopto.org

Mười hai tuổi đỗ thái học sinh
Vừa đúng 16 tuổi vào đình thí
Hai mươi bốn tuổi làm gián quan
26 tuổi đi sứ Yên Kinh.

23. VUA TRẦN MINH TÔNG LÀM THƠ TIỄN SỨ MÃ HỢP MƯU

Trần Minh Tông (1300 - 1375) vốn tên là Trần Mạnh, là con thứ 4 của Trần Anh Tông. Năm 15 tuổi ông được kế vị, trở thành vua thứ 5 của triều Trần. Ông còn một số bài thơ được ghi trong *Toàn Việt thi lục, Việt âm thi tập*... Năm 1324 sứ Tàu là Mã Hợp Mưu sang nước ta, trong tiệc tiễn đưa ông, vua Trần có làm thơ:

TIỄN SỨ PHƯƠNG BẮC MÃ HỢP MƯU, DƯƠNG ĐÌNH TRẦN
(Dịch thơ)

Vó câu muôn dặm gian lao,
Lạnh lùng lam chướng, tiết mao rỡ ràng.
Nhác trông chiếu phượng mười hàng,
Tưởng như thiên tử tấc gang bên người.
Kĩ nguyên ngôi Hán thảnh thơi.
Ban ra lịch Thuấn trong ngoài Đội ơn.
Hai người thành khẩn ân cần
Khiến ai mày mặt vẻ xuân tưng bừng.

(Phạm Phú Tiết dịch)

24. PHẠM SƯ MẠNH HỌA THƠ VỚI SỨ NHÀ MINH: DƯ QUÝ

Phạm Sư Mạnh hiệu là úy Trai người làng Giáp Thạch, huyện Giáp Sơn, nay thuộc Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Không rõ năm sinh và mất. Ông là học trò của Chu Văn An, đỗ Thái học sinh đời Trần Minh Tông, làm quan trong 3 triều Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông, lên đến chức Nhập nội hành khiển,

https://tieulun.hopto.org

Trì khu mật viện sự. Năm 1345 niên hiệu Thiệu Phong đời Trần Dụ Tông ông được cử sang sứ Nguyên biện bác về việc cột đồng trụ do Mã Viện dựng. Ông đã bác bỏ được yêu cầu láo xược của sứ Nguyên. Thơ của ông được ghi lại trong *Giáp Sơn thi tập*. Phan Huy Chú viết về ông: "Ông có tài khí hùng hồn hơn người, nguồn thơ lai láng, đi khắp muôn dặm non sông đến đâu cũng ngâm khắc để lại, lời đều hào hùng thanh thoát đáng đọc".

Sau đây là vài bài thơ làm khi đi sứ.

1. LÊN LẦU HOÀNG, VIẾT NGAY ĐƯA CHO QUAN THỊ ĐỘC TRIỀU NGUYÊN LÀ DƯ GIA TÂN

(Dịch thơ):

Núi xanh bọc Bành Thành[1] *ở trong*
Chọc vào mây trời như bình phong,
Sông Hoàng ào ào tẩm cốt đất,
Đông Nam cuồn cuộn trôi theo dòng.
Hoàng lâu dựng lên ngang giữa trời,
Đứng cao trông ba ngàn dặm khơi.
Trước đài Hạng Vương mặt trời lặn,
Trên mồ Quán Quân mây sầu rơi.
Trời hoang đất già chiến trường cũ
Anh hùng muôn thuở nay đâu rồi?
Nhà ta xa tận Giao Nam đầu,
Ta cầm tiết ngọc lên Hoàng lâu.
Sờ chữ Pha công[2] *trên vách đá,*
Không uổng bình sinh cuộc viễn du.

(**Tôn Quang Phiệt** dịch)

---

[1] *Bành Thành là cố đô của Hạng Võ, có Hoàng Lâu. Nay là huyện Đông Sơn tỉnh Giang Tô.*

[2] *Pha công: Tô Đông Pha làm Trấn thủ ở Từ Châu có xây một lầu to tại cửa phía đông thành, đặt tên là Hoàng Lâu. Lầu có bút tích của Tô Đông Pha khắc trên đá.*

https://tieulun.hopto.org

2. ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC QUA Ô GIANG, ĐỀ MIẾU HẠNG VƯƠNG
(Dịch thơ):

Câu chuyện hưng vong nói chẳng cùng,
Tạm đêm chén rượu viếng trùng đồng[1]
Giết hàng bội ước ngàn năm hận[2]
Tranh bá đồ vương một chốc không,
Mây phủ Giang Đông, rầu phụ lão[3]
Trăng soi Cai Hạ khóc anh hùng[4]
Trùm đời nhổ núi kia bao kẻ,
Cỏ nội hoa ngàn một kiếp chung.

(**Tôn Quang Phiệt** dịch)

3. TIỄN SỨ NHÀ MINH
(Dịch thơ)

Hai sứ về đông muôn dặm xa,
Ân cần tiễn biệt chốn quan hà.
Ngựa qua núi Dũ, hoa mai trắng,
Thuyền vượt sông Ngô bóng nhạn mờ.
Ải Bắc giao binh nay thắng trận,
Triều Nam nhân vật giỏi văn thơ.
Khi về trình lại điều cơ mật,
Kể đạo Đường, Ngu với đức vua

(**Tôn Quang Phiệt** dịch)

---

[1] *Trùng đồng: 2 đồng tử. Tương truyền: Hạng Vũ là người khác thường nên mắt có 2 đồng tử.*

[2] *Hạng Võ "làm cỏ" thành Hàm Dương, chôn sống rất nhiều người và cả vua Tần là Tử Anh đã đầu hàng. Khi đánh Tần, Hạng Võ giao ước cùng Lưu Bang và chư hầu: Ai vào Quan Trung trước thì được làm vua đất ấy. Võ bội ước tự lập làm Tây Sở Bá Vương.*

[3] *Khi thua trận, Hạng Võ định vượt sông Ô nhưng nghĩ thẹn với người Giang Đông nên đã đâm cổ chết.*

[4] *Lúc bị vây ở Cai Hạ, Hạng Võ đã trở dậy ban đêm, uống rượu với nàng Ngu Cơ và hát bài ca tự thán.*

https://tieulun.hopto.org

4. HỌA THƠ SỨ NHÀ MINH LÀ DƯ QUÝ (I)
(Dịch thơ):

Ba mươi năm xưa đến Kiến Khang[1]
Gió thu muôn dặm chiếc thuyền buông.
Sáu triều[2] *nhân vật, non Chung Phụ,*
Trăm trận quan hà, nước Đại Giang.
Thiết ứng, Thạch Đầu trơ bóng nguyệt[3]
Ô Y[4]*, Chu Tước dãi tà dương*
Ngày nay Minh đóng đô Giang Tả[5]
Hồ đã suy tàn, Hán thịnh xương[6]

(Tôn Quang Phiệt dịch)

HỌA THƠ SỨ NHÀ MINH LÀ DƯ QUÝ (II)
(Dịch thơ):

Muôn dặm Bắc sứ, Yên ròng rã,
Băm ba năm ta đã từng sang[7]
Sóng Hoàng Hà, tuyết Thái Hàng[8]
Trạm dừng Đại Biệt, thuyền ngang Bành Hồ[9]
Kìa Khổng Miếu, Nghiêu Đô xem khắp,
Lại Tân Thành, Hán ấp ngâm nga,

---

[1] *Kiến Khang: Tức Nam Kinh ngày nay. Năm 1345 Phạm Sư Mạnh đã sang sứ Nguyên biện bạch về việc cột đồng.*

[2] *Lục triều: Ngô, Đông Tấn, Lưu Tống, Tề, Lương, Trần, 6 triều đại này đều đóng đô ở Kiến Khang.*

[3] *Thiết Ứng: Thuộc tỉnh Giang Tô ngày nay, Thạch Đầu ở Kim Lăng.*

[4] *Ngõ Ô Y cầu Chu Tước là nơi ở của Vương Đạo và Tạ An là hai đại quý tộc đời Tấn.*

[5] *Giang Tả ở tả ngạn sông Trường Giang, đời Minh Thái Tổ còn đóng đô ở đó, chưa về Yên Kinh.*

[6] *Hồ chỉ nhà Nguyên, Hán chỉ nhà Minh*

[7] *Tác giả họa thơ với sứ Minh năm 1377. Năm 1345 tác giả đã đi sứ Nguyên.*

[8] *Thái Hàng: dãy núi chạy dài trên 3 tỉnh Hà Nam, Sơn Tây, Hà Bắc.*

[9] *Đại Biệt là núi ở Hồ Bắc, Bành Hồ là hồ Bành Lãi tức hồ Phiên Dương*

https://tieulun.hopto.org

Bạc đầu thấy bạn đi xa,
Non sông trước mắt hiện ra rành rành

(Tôn Quang Phiệt dịch)

25. VUA TRẦN NGHỆ TÔNG LÀM THƠ TIỄN SỨ NGƯU LƯỢNG

Trần Nghệ Tông vốn tên là Trần Phú, là con thứ 3 Trần Minh Tông, trước làm Hữu tướng quốc. Khi Dương Nhật Lễ tiếm ngôi ông lánh ra Đà Giang rồi đem quân về kinh thành khôi phục ngôi vua. Làm vua trong 3 năm rồi nhường ngôi (1370 - 1372). Bài thơ tiễn sứ nhà Minh là Ngưu Lượng làm trong lúc ông là tướng quốc.

TIỄN SỨ PHƯƠNG BẮC NGƯU LƯỢNG
(Dịch thơ):

Tể tướng An Nam thơ chẳng hay,
Chén tà đưa khách buổi chia tay.
Sông Lô, núi Tản màu xanh biếc,
Cưỡi gió bay vào năm sắc mây.

(Xuân Thủy dịch)

26. TRẠNG NGUYÊN MẠC ĐĨNH CHI HAI LẦN ĐI SỨ

Mạc Đĩnh Chi tự là Tiết Phu, người làng Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nay là thôn Lũng Động, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Dương. Ông là cháu nội của Mạc Hiển Tích, đậu Trạng nguyên khoa thi Thái học sinh năm Giáp Thìn, niên hiệu Hưng Long XII, đời Trần Anh Tông (1340). Sau khi thi đỗ, ông được bổ Thái học sinh hóa dũng thư gia, sau được thăng Đại liêu ban, Tả bộc xạ, làm Nhập nội hành khiển, Tả tư Lang trung. Ông làm quan, sống thanh đạm, liêm khiết nổi tiếng, được vua Trần và nhiều người mến phục.

Năm 1308, sứ nhà Nguyên là Thượng thư An Lỗ Uy sang báo tin vua Nguyên Vũ Tông lên ngôi. Vua Trần Anh Tông đã cử

https://tieulun.hopto.org

ông đi sứ để đáp lễ năm đó. Năm 1324, vua Nguyên sai Thượng thư Mã Hợp Mưu sang báo việc lên ngôi và ban cho vua Trần một quyển lịch. Vua Trần Minh Tông lại sai ông đi sứ mừng vua Nguyên. Ông đã đi sứ hai lần nên những chuyện đi sứ của ông cũng khá nhiều. Nội dung các chuyện đều nhằm bộc lộ tài năng hơn người trong khi đi sứ, có chuyện được ghi trong các sách, có chuyện được lưu truyền như những giai thoại văn học (có phần thực và phần thêm vào, không chính xác).

1. Câu đối qua cửa ải

Truyện kể, trong lần Mạc Đĩnh Chi đi sứ năm 1308, do đường xa, mưa gió nên sứ bộ đến cửa ải Nam Quan chậm mất 1 ngày. Viên quan giữ cửa ải không cho mở cửa để sứ bộ qua. Mạc Đĩnh Chi nói mãi chúng cũng không chịu cho qua. Sau đó họ ném từ trên cửa ải xuống một vế câu đối, bảo hễ đối được thì sẽ mở cửa cho qua, còn nếu chưa đối được thì hãy ở tạm bên dưới qua đêm, đợi đến sáng hôm sau. Vế ra đối viết:

- *Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan,*

Nghĩa là:

- Qua cửa quan chậm, cửa quan đóng, mời khách qua đường qua cửa quan.

Thật là một câu đối hiểm hóc, nội dung nói lên việc Mạc Đĩnh Chi đang cần qua cửa quan để sang Yên Kinh. Song khó ở chỗ trong 11 chữ của vế đối mà có tới 4 lần nhắc lại chữ Quan.

Mạc Đĩnh Chi nghĩ vế ra quả rất khó đối lại nhưng nếu im lặng thì mất thể diện. Ông ứng khẩu đọc lại vế đối:

- *Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.*

Vế đối cũng có 4 chữ đối.

Nghĩa là:

- Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin tiên sinh đối trước.

Mọi người đều đang bí thì nghe Mạc Đĩnh Chi đọc vế đối lại. Quan lính nhà Nguyên phải chịu và mở cửa ải để ông qua.

2. Chim sẻ đậu cành trúc

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* và *Lịch triều hiến chương loại*

https://tieulun.hopto.org

chí đều chép việc ông sang sứ nhà Nguyên:

"Ông đi sứ nhà Nguyên, Mạc Đĩnh Chi người thấp bé, người Nguyên khinh bỉ. Một hôm tể thần mời vào trong phủ cùng ngồi. Lúc ấy đương khoảng tháng 5 tháng 6, trong phủ có treo một cái màn mỏng, thêu hình con chim sẻ đậu trên cành trúc. Đĩnh Chi giả lầm là chim sẻ thật, vội chạy đến bắt. Người Nguyên đều cười ồ cho là người phương xa bỉ lậu. Mạc Đĩnh Chi kéo cái màn xuống xé đi. Mọi người đều lấy làm lạ hỏi tại sao. Đĩnh Chi trả lời: Tôi nghe người xưa chỉ vẽ cây mai, chim sẻ thôi chưa thấy vẽ chim sẻ đậu cành trúc bao giờ. Nay trong trướng của tể tướng lại thêu chim sẻ đậu cành trúc. Trúc là quân tử, sẻ là tiểu nhân, tể tướng đem trúc, sẻ mà thêu vào trướng thế là để tiểu nhân lên trên quân tử; tôi sợ rằng đạo của tiểu nhân ngày lớn mạnh, đạo của quân tử ngày càng mòn mỏi, cho nên tôi trừ giúp bọn tiểu nhân cho thánh hiền. Mọi người đều phục ông là nhanh trí khôn.

3. Lưỡng quốc Trạng nguyên

Khi Mạc Đĩnh Chi vào ra mắt vua Nguyên cùng với sứ thần Cao Li, nhân có một sứ thần nước khác dâng vua chiếc quạt, vua Nguyên liền bảo sứ thần Đại Việt và Cao Li làm thơ về chiếc quạt.

Mạc Đĩnh Chi còn đang đắn đo tìm ý thơ thì thấy sứ Cao Li đã cầm bút viết thoăn thoắt. Liếc theo quản bút lông, Mạc Đĩnh Chi thấy sư Cao Li viết hai câu:

Uẩn long trùng trùng, Y Doãn, Chu Công,
Đông hàn thê thê, Bá Di, Thúc Tề.

Nghĩa là:

Nóng nực oi ả thì như Y Doãn, Chu Công,
Rét mướt lạnh lùng thì như Bá Di, Thúc Tề.

Thế là ông lấy ngay ý thơ ấy để phát triển và viết luôn:

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô,
Nhĩ ư tư thời hề, Y, Chu cự nhu (nho).
Bắc phong kì lương, tuyết vũ tái đồ,
Nhĩ ư tư thời hề, Di, Tề ngã phu.

https://tieulun.hopto.org

Y, Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng,
Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù.

Nghĩa là:

Chảy vàng tan đá, đất là lò lửa,

Người lúc ấy như Y Doãn, Chu Công là những bậc cự nho,

Gió bấc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường,

Người lúc ấy như Bá Di, Thúc Tề đi ở ẩn, nhịn đói trên núi Thư Sơn.

Ôi! Dùng thì chuyên tay, bỏ thì xếp xó.

Chỉ có ta với ngươi là như thế chăng?

Cuối cùng Mạc Đĩnh Chi làm thơ xong trước mà ý tứ lại hay hơn bài thơ của sứ thần Cao Lì. Bài thơ đã nói lên được đúng tác dụng của cái quạt trong đời sống, giúp người đời khi nóng nực, đồng thời cũng nói lên vai trò người quân tử hết lòng phò vua lúc khó khăn, coi đó là nghĩa vụ vẻ vang của kẻ sĩ. Khi không cần đến thì sẵn sàng đi ở ẩn như Bá Di, Thúc Tề. Vua Nguyên xem xong, gật gù khen và phê từ chữ Y. (Ôi) trở xuống bốn chữ: "Lưỡng quốc Trạng nguyên".

Thế là từ đó danh hiệu Lưỡng quốc Trạng nguyên được mọi người dùng để gọi Mạc Đĩnh Chi.

4. "Phương Nam mạnh hay phương Bắc mạnh"

Tương truyền hồi Mạc Đĩnh Chi sang sứ nhà Nguyên, thường hay cưỡi lừa đi rong chơi các phố. Một hôm mải ngắm cảnh hàng phố, đang nghênh ngang trên lưng lừa, bỗng chạm phải ngựa của một người đi tới. Người ấy tức mình liền đọc một câu rằng:

- Xúc ngã kị mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã?

Nghĩa là:

- Chạm ngựa ta cưỡi, là người rợ phương Đông hay là người rợ phương Tây đến?

Từ chữ "Đông di" trở đi là lấy trong sách *Mạnh Tử*, nhằm khinh rẻ Mạc Đĩnh Chi là người man di mọi rợ.

Mạc Đĩnh Chi thấy người đó có thái độ khinh khi mình như

https://tieulun.hopto.org

thế, lấy làm bực lắm, ông bèn đáp lại rằng:

- Ái dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?

Nghĩa là:

- Ngăn lừa ta ngồi, hỏi người phương Nam mạnh hay người phương Bắc mạnh?

Từ chữ "Nam phương" trở đi là lấy trong sách *Trung Dung*. Câu đáp này lời lẽ rất ngang tàng, tự hào nhằm nói lên ý chưa chắc người phương Bắc đã mạnh hơn người phương Nam, chưa biết mèo nào cắn mỉu nào?

Người Nguyên nọ nghe Mạc Đĩnh Chi đối lại biết là gặp phải tay cứng cổ, ra roi cho ngựa đi thẳng không dám hoạnh họe gì nữa.

5. Chim chích, ếch ộp

Tương truyền trong thời gian sang sứ nhà Nguyên, người Nguyên tỏ ý chê tiếng nói của sứ bộ nước Nam líu ríu như chim chích hót (quých thiệt) mới đọc giễu Mạc Đĩnh Chi một vế đối rằng:

- Quých tập chi đầu đàm Lỗ luận, tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri. (Có 5 chữ tri).

Nghĩa là:

- Chim chích tụ đầu cành đọc sách *Luận Ngữ*, biết nói là biết, không biết nói là không biết, ấy là biết.

Câu này dùng toàn chữ trong sách *Luận Ngữ*, cái khó là ở nhiều từ tri và chi được lắp lại và tạo nên âm điệu líu lo như chim chích hót vậy, vừa tỏ ý nhại lại tiếng nói người Nam. Mạc cũng dùng toàn những chữ trong sách *Mạnh Tử* để đáp lại:

- Oa minh trì thượng độc Châu thư, lạc dữ thiểu nhạc lạc, lạc dữ chúng nhạc lạc, thục lạc? (Có 5 chữ lạc)

Nghĩa là:

- Ếch lên trên bờ ao đọc sách *Mạnh Tử*, vui cùng ít người vui nhạc, vui cùng nhiều người vui nhạc, đằng nào vui?

Câu đối lại rất chỉnh, tỏ rõ sự hiểu biết thông minh kiến thức sách thánh hiền, cũng lại có ý mỉa mai quan nhà Nguyên

https://tieuluun.hopto.org

như ếch ộp ngồi trong ao không biết gì.

Người Nguyên biết là dại không dám chê bai gì nữa.

6. Câu đối ghép tên người

Truyện kể, hồi sang sứ triều Nguyên, Mạc Đĩnh Chi cùng với quan nhà Nguyên đi chơi. Tới gần một cái cầu, chẳng may trạng Việt Nam bị sa hố, mọi người đều chạy lại đỡ ông dậy. Đùa vui và thử tài trạng Việt Nam, nhà Nguyên đọc một vế đối:

- *Can mộc, hoành cừ, lục giả, tương như, tự đạo.*

Nghĩa là:

- Gỗ thẳng, cầu ngang, đường đi ngỡ là đất phẳng.

Cái khó của câu này là dùng toàn tên người để ghép lại. Can Mộc là tên của Đoàn Can Mộc, một nhân vật đời Chiến Quốc. Hoành Cừ là tên hiệu của Trương Tải, một triết gia đời Bắc Tống. Lục Giả là người nước Sở giỏi biện luận, từng giúp Hán Cao Tổ. Tương Như là Lạn Tương Như, một nhân vật nổi tiếng đời Chiến Quốc. Tự Đạo là Gỉ Tự Đạo, người nước Tống là một quyền thần chuyên chế.

Mạc Đĩnh Chi nhìn quanh thấy ở bên kia sông, có một cái đình dưới chân núi, nhân đó bèn chỉ vào đình mà đối lại:

- *Đại đình, an thạch, vọng chi, nghiễm nhược, thai sơn.*

Nghĩa là:

- Đình to, đá vững, nhác nom như thể thiên thai.

Câu này cũng dùng toàn tên người ghép lại như thế câu trên. Đại Đình là biệt hiệu của Thần Nông. An Thạch là tên Vương An Thạch, tể tướng đời Tống. Vọng Chi người đời Hán làm phụ chính cho Hán Nguyên Đế (còn 2 tên sau chưa tra cứu được).

Một lần nữa người Nguyên lại phải khâm phục tài văn học của ông.

7. Thử tài văn tự của Mạc Đĩnh Chi

Nghe nói Mạc Đĩnh Chi là Trạng nguyên của nước Nam, văn chương siêu việt, các quan lại nhà Nguyên đã tìm mọi cơ hội để thử tài ông. Thấy dáng người ông vừa đen vừa xấu nên

https://tieulun.hopto.org

một viên quan đã mời Mạc Đĩnh Chi đối giùm một câu đối:

Lị, Mị, Võng, Lượng, tứ tiểu quỷ.

Nghĩa là: Bốn chữ Lị, Mị, Võng, Lượng là 4 con quỷ nhỏ.

Mạc Đĩnh Chi giận vì lời lẽ ngạo mạn, trịch thượng của viên quan nhà Nguyên ví hình dáng của mình xấu như 4 con quỷ. Nhưng ông đã nhanh trí đối lại cho hắn biết tay:

Cầm, Sắt, Tì, Bà, bát Đại vương

Nghĩa là: Bốn chữ Cầm, Sắt, Tì, Bà, có 8 chữ vương lớn ở trên. Cầm, Sắt, Tì, Bà cũng là 4 loại đàn. Câu đối lại rất chọi. Mạc Đĩnh Chi đã "ăn miếng trả miếng", các người khinh ta xấu xí như quỷ nhưng ta chính là Đại vương đây.

Thua câu đối này, quan nhà Nguyên lại ra một câu đối chiết tự khác:

An, nữ khứ, thỉ nhập, vi gia.

Nghĩa là: Chữ An bỏ chữ Nữ, thay chữ Thỉ vào là chữ Gia.

Câu đối này quá dễ. Mạc Đĩnh Chi đã đáp lại ngay:

Tù, nhân xuất, vương lai, thành quốc.

Nghĩa là:

Chữ Tù bỏ chữ Nhân, thêm chữ Vương thành chữ Quốc.

Một viên quan nhà Nguyên nữa lại đọc một câu đối:

Thập khẩu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu.

Nghĩa là: Ghép chữ Thập, chữ Khẩu, chữ Tâm, thì thành chữ Tư là Lo, lo nước, lo nhà, lo bố mẹ.

Mạc Đĩnh Chi đã đáp lại:

Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương.

Nghĩa là: Ghép chữ Thốn chữ Thân chữ Ngôn thì thành chữ Tạ là ơn, ơn trời, ơn đất, ơn vua chúa.

Mấy câu đối chiết tự của quan nhà Nguyên ra đã bị Mạc Đĩnh Chi đối lại sắc sảo hơn làm cho chúng phải kinh ngạc tài năng của ông.

8. Trăng là cung, sao là đạn

Truyện kể, Mạc Đĩnh Chi vào yết kiến vua Nguyên; vừa để tỏ oai phong của Thiên triều, vừa là để thử tài của sứ thần nước

https://tieulun.hopto.org

Nam, vua Nguyên ra một vế đối như sau:

- *Nhật hỏa, vân yên, bạch đán thiêu tàn ngọc thỏ.*

Nghĩa là:

- Mặt trời là lửa, mây là khói, ban ngày đốt cháy vừng trăng.

Trong vế đối này vua Nguyên kiêu hãnh, tự xem mình là mặt trời coi nước Nam như mặt trăng, ban ngày mặt trăng bị mặt trời thiêu cháy.

Ý nói nước Nam nhất định sẽ bị nhà Nguyên thôn tính không tránh khỏi. Mạc Đĩnh Chi liền ứng khẩu đáp ngay:

- *Nguyệt cung, tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.*

Nghĩa là:

- Trăng là cung, sao là đạn, chiều tối bắn rơi mặt trời.

Câu đối ra đã hay mà câu đối lại lại tài hơn, vừa sát với cảnh mặt trời ban ngày mặt trăng ban đêm lại vừa nói lên được mặt trăng cũng không chịu thua mặt trời, để nói nước Nam không chịu thua thiên tử. (Cũng có sách viết câu đối này là của Ngô Kính Thần đỗ Hoàng Giáp 1493 đời Lê Thánh Tông, nhưng không thấy nói đi sứ).

Vua Nguyên nghe xong câu đối lại biết là mình đã bị trả miếng rất đau nhưng cũng hết sức kính phục sứ thần nước Nam, bèn thưởng cho trạng nước Nam rượu ngon, nhiều vàng lụa và phong cho Mạc Đĩnh Chi làm Lưỡng Quốc Trạng nguyên (Trạng nguyên của cả hai nước).

9. Mạc Đĩnh Chi đọc văn tế

Tương truyền trong thời gian sứ thần Việt Nam lưu tại Yên Kinh gặp lúc Hoàng hậu Nguyên Thế Tổ mất. Vua Nguyên vô cùng thương xót. Lễ tang được tổ chức rất trọng thể có mời các sứ thần đến dự. Mạc Đĩnh Chi được vua Nguyên mời đọc một bài văn tế đã viết sẵn. Khi mở giấy ra để đọc thì chỉ thấy văn tế viết có 4 chữ Nhất (–). Ông không hề bối rối liền ứng khẩu đọc ngay:

Thanh thiên nhất đóa vân,
Hồng lô nhất điểm tuyết,

https://tieulun.hopto.org

Ngọc uyển nhất chi hoa
Dao trì nhất phiếm nguyệt,
Y
Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết.

Dịch nghĩa:

Một đám mây trên trời xanh,
Một giọt tuyết trong trong lò đỏ,
Một cành hoa vườn thượng uyển,
Một vầng trăng Dao trì.
Than ôi.
Mây rã, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết.

Một bài văn tế thật là đặc sắc trong lịch sử vừa ca tụng Hoàng Hậu vừa nói lên tiếc thương đau đớn với người mất.

Bài văn tế ấy đã được chép vào trong sử Trung Hoa.

10. Mạc Đĩnh Chi thắng Trạng Cờ Trung Hoa

Hồi đi sứ ở Yên Kinh, nhân lúc nhàn rỗi đi dạo phố, Mạc Đĩnh Chi thấy trước cửa nhà một người có treo biển tự xưng là Trạng Cờ. Ông bèn vào để thử tài cao thấp. Sau khi biết Mạc muốn thử tài mình, người Tàu bèn đem bàn cờ và bộ quân bằng sừng trâu ra tiếp. Mạc lắc đầu và nói xin đem bộ quân bằng ngà ra để chơi mới được. Trạng Cờ Trung Hoa nói:

- Bộ quân bằng ngà chỉ để tiếp vua mà thôi. Ngoài ra cũng chỉ tiếp những người hơn cờ ta thôi. Nếu mang ra đánh, ngài thua cờ tôi thì sao? Mạc Đĩnh Chi bèn nói:

- Nếu tôi thua thì xin gửi lại ngài cái đầu, còn nếu tôi thắng thì chỉ xin ngài cái bảng treo chữ "Trạng Cờ" và bộ quân ngà này.

Hai người chơi ván cờ đã đến 3 ngày vẫn chưa phân thắng bại. Đến gần tối ngày thứ 3, thấy nước cờ của mình đã núng thế, Mạc Đĩnh Chi bèn nói xin nghỉ để đến sáng hôm sau. Đêm về, Mạc Đĩnh Chi đã dựng lại các nước cờ trong óc và nghĩ ngay ra phải đấm Tốt mới là nước cờ quyết định.

Sáng hôm sau gặp lại Trạng Cờ Trung Hoa, Đĩnh Chi ụng dung dí ngón tay đấm ngay con Tốt. Trạng Cờ giật mình rồi la lên:

https://tieulun.hopto.org

- Đúng là nước cờ thần, xin chịu thua ngài.

Trạng Cờ vội gói lại bộ quân cờ bằng ngà và cái biển xin nộp cho Mạc Đĩnh Chi nhưng ông đã từ chối mà không nhận, chỉ muốn từ nay người chơi cờ nọ nên cất cái bảng Trạng Cờ kia đi.

11. Mạc Đĩnh Chi giữ tình hòa hảo

Tương truyền trong thời gian đi sứ, lúc cần phải tỏ cho người Trung Hoa thấy văn tài của người Nam và giữ quốc thể thì Mạc Đĩnh Chi đã không ngần ngại mà ứng đối lại cứng rắn nhưng có lúc ông cũng mềm mỏng giữ vững tình hòa hảo giữa 2 triều.

Một lần vua Nguyên muốn nói lên đất đai rộng lớn, thiên triều tồn tại đời đời bèn ra cho ông một vế đối:

- Lạc thủy tần quy đan ứng triệu, thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo, đạo hợp Nguyên thủy thiên tôn, nhất thành hữu cảm.

Nghĩa là:

- Con rùa sông Lạc báo triệu tốt, số trời chín, số đất chín, chín chín thành tám mươi mốt số, số số hợp thành 3 đạo lớn, đạo hợp với Nguyên thủy thiên tôn, bởi một bùng thành cảm cách lên.

Mạc Đĩnh Chi đã đáp lại:

- Kì Sơn minh phụng lưỡng trình tường, hung thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh ưởng triệt cửu trùng thiên, thiên sinh Gia Tĩnh (?) hoàng đế, vạn thọ vô cương.

Nghĩa là:

- Con phụng núi Kì trình điềm hay, tiếng đực sáu, tiếng cái sáu, sáu sáu thành ba mươi sáu tiếng, tiếng tiếng suốt đến chín, tầng trời, trời sinh ra Gia Tĩnh hoàng đế, cho muôn tuổi thọ dài lâu.

Vua Nguyên phục tài văn học của sứ nước Nam và ban thưởng rất hậu cho ông.

12. Thử tài lần cuối

Tương truyền trước khi về nước Mạc Đĩnh Chi và sứ bộ vào

https://tieulun.hopto.org

triều yết kiến vua Nguyên và các quan văn võ lần cuối. Vua Nguyên đã phong cho biển đề "Lưỡng Quốc Trạng nguyên" và thấy Mạc Đĩnh Chi thật là xứng đáng. Tuy vậy Vua và các quan Nguyên cũng thử tài Mạc lần nữa. Lần này không ra vế đối nữa mà ra một câu hỏi thông thường về đời sống. Vua Nguyên hỏi:

- Từ khi đến Yên Kinh, ngày nào nhà ngươi cũng cưỡi ngựa đi trên đường thăm phong cảnh, thế ngươi có biết mỗi ngày có bao nhiêu người qua lại trên đường cái không?

Câu hỏi thật là bất ngờ, Vua không thử tài văn học mà là muốn thử tài quan sát. Hàng ngày đi lại trên đường ở kinh đô thì có biết bao nhiêu người, ai có công để ý mà đếm. Sau một lát suy nghĩ, Mạc Đĩnh Chi đã điềm tĩnh trả lời:

- Muôn tâu bệ hạ, hàng ngày trên đường kinh đô chỉ có 2 người đi lại.

Vua Nguyên lấy làm lạ bèn hỏi lại:

- Nhà ngươi nói không đúng, sao lại chỉ có 2 người?

Mạc Đĩnh Chi bèn thưa:

- Muôn tâu bệ hạ: Thần nói chỉ có 2 người là rất đúng ạ, vì hàng ngày phàm những người qua lại trên đường thì chẳng vì danh cũng là vì lợi mà thôi, như vậy rõ ràng chỉ có 2 người là cầu danh và cầu lợi.

Vua Nguyên phải phục vì tài biện bác của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi nhưng lại hỏi một câu hỏi nữa:

- Một cái thuyền trên có chở 3 người là vua, thầy dạy và cha, khi ra đến giữa sông thì bị sóng to gió lớn nên đã lật đắm. Khi ấy nhà ngươi ở trên bờ bơi ra cứu, nhưng chỉ có thể cứu được một người thôi, như vậy thì nhà ngươi cứu ai?

Câu hỏi này thật là oái oăm và như một cái bẫy để buộc tội Mạc. Nếu Mạc nói chỉ cứu vua thì được chữ trung nhưng mắc tội bất hiếu với cha và mắc tội bất nghĩa với thầy. Nếu nói chỉ cứu thầy dạy thì mắc tội bất trung với vua và tội bất hiếu với cha. Nếu chỉ cứu cha thì mắc tội bất trung và bất nghĩa. Nếu nói không cứu ai cả thì tội bất nhân, bất trung, bất nghĩa, bất

https://tieulun.hopto.org

hiếu lại càng nặng.

Đắn đo suy nghĩ một lúc rồi Mạc trả lời:

- Thần bơi ra giữa sông, chỉ cứu được một người nên gặp ai trước thì cứu ngay người đó, bất kể là vua, thầy hay cha.

Cả triều đình đều phục trí thông minh và tài ứng đối nhanh trí của Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi.

Thơ đi sứ của Mạc Đĩnh Chi

QUA BÀNH TRẠCH THĂM CHỖ Ở CŨ CỦA ĐÀO TIỀM
(Dịch thơ):

Tính phóng khoáng ưa nhàn,
Sớm khác phường dung tục
Đấu gạo chẳng khom lưng,
Ấn treo, từ bổng lộc
Xum xuê năm nhóm liễu,
Thanh đạm một giậu cúc,
Lặng lẽ nghìn năm sau,
Thanh cao ta cảm phục

(**Ngô Linh Ngọc** dịch)

27. SỨ THẦN NHÀ MINH SANG PHONG VƯƠNG TRẦN DỤ TÔNG VÀ VIẾNG TRẦN DỤ TÔNG

Năm 1368 vua Minh Thái Tổ đại định thiên hạ, lên ngôi vua ở Kim Lăng đã sai sứ thần là Dịch Tế Dân đem chiếu thư sang nước ta. Đại lược nói: chính sự nhà Nguyên không còn kỉ cương gì nữa. Thiên hạ nổi lên tranh giành đến 15 năm. Các nơi xa gần, do đó, tin tức không thông. Bản Triều (nhà Minh) gây dựng cơ nghiệp Đế vương đất Giang Tả, quét sạch các hùng trưởng, dẹp yên chốn Hoa Hạ, được quần thần và nhân dân suy tôn, đã lên làm chủ Trung Quốc. Vậy đâu đấy đều nên ở yên, đừng sinh sự gì để chung hưởng thái bình".

Trước đấy, vào năm 1359, khi nhà Nguyên đang loạn, nhà Minh khởi binh, vua Trần đã sai sứ thần là Lê Kính Phu sang

https://tieulun.hopto.org

Nguyên để thăm dò hư thực. Nay Minh đã thắng Nguyên, lên ngôi vua, lại sai sứ thần sang dụ an, vua Trần bèn sai sứ thần là Đào Văn Đích sang Minh đáp lễ. Từ đó việc bang giao giữa Trần và Minh bắt đầu. Nhà Minh muốn chứng tỏ uy quyền của thiên triều tới các cõi lân bang nên vào năm sau 1369 đã sai 2 sứ thần là Ngưu Lượng và Trương Dĩ Ninh sang phong vương cho vua Trần Dụ Tông. Ngưu Lượng và Trương Dĩ Ninh sang Đại Việt, mang theo sắc phong của Minh Thái Tổ và một quả ấn, núm ấn đúc hình con lạc đà mạ vàng.

Lời chiếu của Minh Thái Tổ viết:

"Hỡi An Nam quốc vương Trần Nhật Khuê, xét ông cha ngươi giữ bờ cõi phương Nam, làm phiên thần Trung Quốc, kính giữ chức bề tôi để đời đời được phong. Nay ta, nhờ anh linh trời đất, trong ngoài dẹp yên, vừa chạy thư báo người liền dâng biểu xưng thần, sai sứ sang cống. Ta theo lời dạy của tiền nhân, muốn vỗ yên dân chúng phương xa, xét lòng khẩn khoản thật rất đáng khen, nên sai sứ đem ấn sang phong người làm *An Nam quốc vương*. Ôi, thương khắp mọi người, bắt chước thịnh điển vua trước, tước đầu năm bực, nối theo nghiệp cũ các đời. Phải nên cố gắng giữ mưu hay để làm phiên thần mãi mãi. Người hãy kính theo". Vua Minh lại ban cho Lịch Đại Thống và 40 tấm vóc, sa, là hoa vàng. Khi đến Thăng Long thì biết tin vua Trần Dụ Tông đã chết, Ngưu Lượng có làm bài thơ viếng:

(Dịch thơ):

Dân cõi Nam bang được trị an,
Long Biên mở nước giữ người man.
Cỏ tranh mừng mới đem dâng cống,
Hát vãn ngờ đâu bỏ các quan.
Chiếu đỏ, ấn vàng xa mới xuống,
Quách vàng, áo ngọc đã lìa trần.
Sứ trời là kẻ thương tâm nhất,
Khôn thấy dung nhan, luống lệ tràn.

Mang ấn vàng và sắc phong sang cho vua thì Vua đã mất, tình cảm của Sứ nhà Minh trong bài thơ là chân thành, chứa

https://tieulun.hopto.org

chan đối với người đã mất, tính nhân đạo trong bài thơ thật đáng quý.

Cũng trong dịp đi sứ này sứ thần Trương Dĩ Ninh đã bị ốm chết, chôn xác ở nước ta, chỉ có Ngưu Lượng trở về nước mà thôi.

28. SỨ THẦN TRẦN ĐÌNH THÁM KHÔNG LÀM NHỤC MỆNH VUA

Năm 1377, vua Trần Duệ Tông sai Đỗ Tử Bình đem quân trấn giữ Châu Hóa để dề phòng quân Chiêm cướp phá biên giới. Chế Bồng Nga là vua Chiêm đem 10 mâm vàng dâng, nhưng Đỗ Tử Bình giấu đi lấy cho mình, nói dối là Chế Bồng Nga ngạo mạn và vô lễ; Vì vậy, vua Trần tức giận đem quân đi đánh. Đại tướng Đỗ Lễ can vua nói là nên sai một người khéo nói, cầm mảnh thư đến hỏi tội để xem tình hình giặc thế nào. Trần Duệ Tông không nghe, lại cho Đỗ Lễ là hạng đàn bà và cho quần áo đàn bà mặc cho viên tướng này. Trận đó bị thua, quân ta tan vỡ Trần Duệ Tông bị giết chết. Thượng hoàng cho là Vua vì nạn nước mà chết, lập con trưởng của Vua là Nghiễn nối nghiệp là Trần Phế Đế.

Vua sai Thám hoa Trần Đình Thám làm Chánh sứ sang cáo ai với nhà Minh và xin phong vương cho vua mới. Trong việc cáo ai, vua quan nhà Trần không muốn để nhà Minh biết là vua Trần thua trận với Chiêm Thành nên đã bị giết chết, bèn nói là vua Trần Duệ Tông đi tuần ngoài biên giới và đã bị chết đuối. Nghe báo tin vua Trần bị chết đuối ở biển, các quan nhà Minh bèn từ chối không sang viếng lấy cớ rằng theo Lễ, có 3 điều không nên thăm là: vì phạm tội mà chết ở trong ngục (úy), bị đè bẹp mà chết chẹt (áp), ngã xuống nước mà chết đuối (ních).

Sứ thần Trần Đình Thám đã tranh luận, cãi rằng:

- Người Chiêm Thành chống nghịch, quấy nhiễu nơi biên giới, vua Trần Duệ Tông có công chống ngoại hoạn, cứu nhân dân, như thế là có công với dân, chẳng may chết vì việc nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

vậy cớ sao lại không đến viếng?

Vua Minh thấy lí lẽ của Trần Đình Thám là đúng nên mới sai sứ thần sang viếng vua Duệ Tông.

Nhân việc cáo ai và lời lẽ của Trần Đình Thám, quan Thái sư nhà Minh là Lý Thiện Trường đã nói với vua Minh:

- Em chết vì việc nước mà anh lập con của em lên, việc người làm như thế thì đủ biết là mệnh trời hãy còn.

Vua Minh lúc đó đã có ý định xâm chiếm nước ta, nghe lời nói của Thiện Trường nên từ bỏ ý đồ trên.

29. SỨ THẦN HỒ TÔNG THỐC CHÊ HẠNG VÕ, CHỮA THƠ VƯƠNG BỘT

Hồ Tông Thốc người làng Thổ Thành, phủ Diễn Châu, nay là làng Dương Khê Thượng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, không rõ năm sinh và mất. Trú quán tại xã Vô Ngại, huyện Đường Hào, nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Thuở nhỏ đã nổi tiếng là thơ hay, một lúc có thể làm hàng trăm bài thơ. Ông đậu thái học sinh năm 1327. Đời Trần Duệ Tông, ông vâng mệnh đi sứ nhà Nguyên. Làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ Thẩm hình viện sự.

1. Đọc thơ chê Hạng Võ

Tương truyền một hôm thuyền của sứ bộ đi trên sông Ô Giang, đến chỗ có miếu thờ Hạng Võ dựng ở trên bờ, người ta đồn miếu đó rất thiêng, hễ thuyền bè qua lại trên sông mà không ghé vào lễ bái thì sẽ bị đắm.

Tuy có biết chuyện đó, nhưng khi qua miếu, Hồ Tông Thốc vẫn không cho đốt vàng, cứ để thuyền đi thẳng. Quả nhiên, ngay lúc đó sóng gió bỗng nổi lên ầm ầm, chiếc thuyền tròng trành chỉ chực đắm. Hồ Tông Thốc không hề nao núng, đứng ra đầu thuyền ngâm một bài thơ:

Vua chẳng vua, mà tôi chẳng tôi,
Bến sông miếu mạo để thờ ai?

https://tieulun.hopto.org

Giang Đông ngày trước còn chê nhỏ
Tiền giấy nay sao lại vật nài?

Hồ Tông Thốc đọc xong, tự nhiên gió lặng sông yên và người ta nói miếu thờ Hạng Võ từ đó mất thiêng, thuyền bè qua lại không phải đốt vàng hương nữa.

2. Đề thơ đền Hạng Võ

Theo gia phả họ Hồ ở Nghi Xuân thì trong một lần được cử đi sứ phương Bắc, trên đường đi khi qua đền Hạng Võ, ông đã ghé vào thăm và làm một bài thơ vịnh Hạng Võ như sau:

(Dịch thơ):

Non nước trăm hai nổi bụi hồng[1]
Đem đoàn tử đệ đến Quan Trung[2]
Khói tan Hàm Cốc cung châu lạnh[3]
Tuyết rã Hồng Môn dấu ngọc không[4]
Thua chạy trời xui đường Trạch Tả[5]
Quay về đất lấp nẻo Giang Đông[6]
Năm năm lăn lộn hoài công cốc
Còn được vùi trong mả Lỗ Công[7]

---

[1] *Nhà Tần đóng đô ở Quang Trung là nơi hiểm yếu, có hai người ở trong có thể chống với trăm người ở ngoài nên có chữ là non nước trăm hai.*

[2] *Chỉ việc Hạng Võ đem quân đánh Quan Trung, đánh quân Tần.*

[3] *Nói việc Hạng Võ lọt cửa Hàm Cốc và đốt cung A Phòng của nhà Tần.*

[4] *Trong tiệc ở Hồng Môn, Phạm Tăng định giết Bái Công, Hạng Võ không cho, để Bái Công thoát. Tăng tức mình chém vỡ tan cái đấu ngọc của Trương Lương biếu, mảnh vụn ra như tuyết.*

[5] *Hạng Võ bị vây ở Cai Hạ phá vòng vây chạy được đến Âm Lăng, hỏi thăm đường thì bị một ông già làm ruộng đánh lừa chạy sang phía tả có cái đầm lớn không chạy được.*

[6] *Hạng Võ chạy đến Ô Giang, người lái thuyền khuyên qua sông sang Giang Đông rồi sau lại tính kế, Võ không nghe xấu hổ với người Giang Đông nên đã tự tử ở đó.*

[7] *Bài thơ nguyên văn chữ Hán trích theo "Câu chuyện ở đền Hạng Vương" theo* Truyền kỳ mạn lục *của Nguyễn Dữ.*

https://tieulun.hopto.org

3. Chữa thơ Vương Bột

Vương Bột (650 - 675) là một nhà thơ xuất sắc ở đầu thời Đường. Năm ngoài 20 tuổi nhân dịp dự bữa tiệc mừng tết "trùng cửu" (mồng 9 tháng 9 âm lịch) ở gác Đằng Vương, ông có làm một bài thơ và lời tựa về Đằng Vương Các rất nổi tiếng mà bao thế hệ nhà thơ sau đều kính phục. Sau đó trên đường sang Giao Chỉ thăm cha, ông bị đắm thuyền và chết đuối trên sông Chương Giang.

Tục truyền, từ đó ở khúc sông này, cứ vào khoảng đêm khuya canh vắng, người ta thường nghe văng vẳng có tiếng ngâm bài thơ của ông, trong đó có hai câu tả cảnh đặc sắc:

"Lạc hà dữ cô lộ tề phi,
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc"

Nghĩa là:

Ráng chiều với con cò lẻ loi cùng bay
Nước thu cùng trời xanh một màu.

Hồ Tông Thốc trong dịp đi sứ Trung Quốc, một buổi chiều tà, nhân chèo thuyền dạo chơi trên khúc sông Chương Giang, nơi Vương Bột bị chết trước đây, đã được dân địa phương kể cho nghe câu chuyện nói trên: Hồ Tông Thốc nghe rồi ra đứng trước mũi thuyền, nói rằng:

- Hà tất dữ, cộng nhi tự?

Nghĩa là:

- Cần gì phải dùng cả hai chữ dữ và cộng (với và cùng).

Mọi người hỏi tại sao ông lại nói như vậy; ông liền giải thích:

- Hai câu tả cảnh thiên nhiên thật là đẹp nhưng thừa 2 chữ dữ và cộng vì đã nói là Tề Phi (cùng bay) thì mặc nhiên là có ý Dữ (với) đã nói Nhất Sắc (một màu) thì mặc nhiên là có ý Cộng (cùng) trong đó rồi, vậy 2 chữ đó là thừa.

Sau đó ông sửa lại như sau:

"Lạc hà cô lộ tề phi
Thu thủy trường thiên nhất sắc".

Mọi người nghe nói đều phục là ông bắt bẻ có lí, vì về mặt

https://tieulun.hopto.org

văn tự thì có gọn và hàm súc hơn, tuy vậy về âm hưởng thì lại không bằng câu cũ của Vương Bột.

Rồi từ đó trên khúc sông Chương Giang, đêm đêm người ta không còn nghe tiếng ngâm thơ của oan hồn họ Vương nữa.

30. CÁC SỨ THẦN NHÀ MINH SÁCH NHIỄU, LÀM TÌNH BÁO, CHUẨN BỊ XÂM LĂNG

Sau khi đã dẹp yên trong nước, ổn định ngai vàng, thấy tình hình nhà Trần suy yếu rồi nhà Hồ tiếm ngôi vua. Các vua Minh thường sai sứ thần sang ta để yêu sách, cống nạp, bắt "giúp đỡ" rất nặng nề.

Mùa thu năm 1384 nhà Minh đem quân đi đánh Vân Nam, đã sai sứ là Dương Bàn và Hứa Nguyên sang bắt nước ta phải cung cấp lương thực cho quân lính của chúng trấn giữ ở Lâm An. Nhà Vua phải sai quan Hành khiển là Trần Nghiêu Du vận tải năm nghìn thạch lương đưa đến đầu địa phận châu Thủy Vĩ (nay thuộc tỉnh Lào Cai). Sử còn ghi lại quan quân ta bị chết vì lam sơn chướng khí trong việc tải lương này rất nhiều.

Năm 1385 nhà Minh lại sai sứ sang bắt vua Trần nộp 20 vị sư đưa sang Kim Lang vì cho là phép thuật của sư Nam giỏi hơn sư Bắc

Năm 1386, lại sai Sứ thần là Lâm Bột sang yêu cầu nộp các cây quý như: cau, vải, nhãn, mít. Vua Trần phải sai Sứ là Phạm Trần đem các thứ cây ấy sang nộp. nhưng vì cây không quen chịu lạnh, nên dọc đường đều chết héo cả.

Cũng năm đó nhà Minh lại sai Sứ thần là Lý Anh sang hỏi mượn đường đi đánh Chiêm Thành và đòi lấy 50 thớt voi nữa. Vua Trần phải sai quan sắp xếp từ Nghệ An đổ ra, cứ theo dọc đường, dựng các cung trạm, chứa sẵn lương thảo, luân chuyển để đưa đến Vân Nam.

Năm 1395, nhà Minh đem quân đánh người Man làm phản ở Long Châu, sai sứ thần là Nhâm Hanh Thái sang nước ta xin giúp 5 vạn lính, 50 thớt voi và 50 vạn thạch lương thực để tiếp

https://tieulun.hopto.org

tế cho quân lính. Thâm tâm nhà Minh là muốn giả thác việc này để chộp bắt người nước ta. Sứ thần Nhâm Hanh Thái do không bằng lòng Vua Minh nên khi sang đã nói ngầm thâm ý ấy cho triều đình biết. Vì thế Vua Trần đã không giúp cho lính và voi, chỉ sai quan đưa số gạo đến Đồng Đăng rồi về. Sách sử VSTGCM ghi rõ là số lương thực ấy không được bao nhiêu.

Cũng năm đó, nhà Minh lại sai sứ sang đòi vua Trần nộp các tăng nhân, người bị thiến và đàn bà xoa bóp cho chúng. Nhà Trần chỉ nộp vài người.

Đến khi Hồ Quý Ly tiếm đoạt ngôi vua của nhà Trần, sai sứ sang Minh tâu dòng dõi nhà Trần đã tuyệt tự, xin lấy danh nghĩa là cháu ngoại để tạm quản lí việc trong nước (con gái của Trần Minh Tông, công chúa Huy Ninh, được gả cho Hồ Quý Ly, sinh ra Hồ Hán Thương).

Năm 1403 Thành Tổ nhà Minh lên ngôi vua, Hồ Hán Thương sai sứ ta sang mừng việc đăng quang và xin phong tước. Nhà Minh sai sứ thần là Dương Bột đem sắc thư sang dụ các quan và phụ lão trong nước phải xét xem dòng dõi nhà Trần có còn hay không, lời của Hán Thương thực hay giả, đều phải tâu bày sự thực. Hán Thương lại sai sứ theo sang triều đình nhà Minh để nộp tờ trạng cam đoan của các quan và phụ lão nhận là đúng như lời tâu trước đây của Hán Thương. Vua Minh căn cứ vào đó phong cho Hán Thương làm *An Nam quốc vương*. Từ đấy sứ thần nhà Minh đi lại nước ta như mắc cửi, nào yêu cầu, nào hạch sách, Hán Thương phải khổ sở vì ứng tiếp (VSTGCM XII).

Ý muốn xâm lăng nước ta của Minh Thành Tổ càng ngày càng rõ. Vua Minh trước đây cho bọn người bị thiến, được Đại Việt đem cống, sung làm nội quan, nay lại cho bọn ấy là Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín sang sứ thăm hỏi thân thuộc, dò la nắm tình hình trong nước. Bọn này dặn các người thân thuộc rằng: "Nếu có quân phương Bắc sang thì dựng cờ vàng, ghi lên là thân thuộc của nội quan họ tên là... tất không bị giết hại". Việc dặn mật ấy bị tiết lộ, Quý Ly cho bắt

https://tieulun.hopto.org

hết thân thuộc của những tên ấy rồi đem giết đi.

Năm 1404, nhân việc một kẻ thông mưu với Chiêm Thành bị trị tội trốn sang Lão Qua, tự đặt tên là Trần Thiêm Bình, xưng là con vua Trần Nghệ Tông, sang Minh, tố cáo việc lừa dối cướp ngôi của Quý Ly. Vua Minh sai sứ thần là Lý Kỷ sang nước ta tra hỏi tình hình. Lý Kỷ khi đã qua quan ải, đánh đập những quan hộ tống, bắt phải đi thật nhanh cho được đường. Trước đây các sứ giả đi từ Đông Độ đến Tây Kinh phải 12 ngày, y bắt đi trong 8 ngày. Khi đến quán sứ, lại đi xem xét hình thế khắp nơi rồi trở về. Khi Lý Kỷ về, Quý Ly sợ lộ việc, sai người đuổi theo để giết đi, nhưng lúc đến Lạng Sơn thì Kỷ đã sang bên kia quan ải rồi. Lý Kỷ về triều, đem hết cả tình hình gian dối của Hán Thương tâu bày cho vua Minh biết.

Năm 1405, vua Minh cho sứ thần sang đòi Quý Ly trả đất Lộc Châu cho Trung Quốc, nói đất đó nguyên là đất cũ của châu Tư Minh thuộc Trung Quốc (do Hoàng Quảng Thành là thổ quan châu Tư Minh tâu lên). Trước đây Quý Ly không nghe, nhưng nay, để làm an lòng nhà Minh nên Quý Ly đã sai Cát địa sứ là Hoàng Hối Khanh lên Lạng Sơn đàm phán. Hoàng Hối Khanh đã đem 59 thôn ở Cổ Lâu giao cho quân Minh. Thấy vậy, Quý Ly đã quở trách Hối Khanh tàn tệ là đã trả đất quá nhiều. Những thổ quan do nhà Minh đặt ra để giữ những đất mới nhượng ấy đều bị Quý Ly ngầm sai người bản thổ đánh thuốc độc cho chết.

Hán Thương bị sứ nhà Minh tra hỏi nhiều nên đã sai 2 sứ thần là Phạm Canh và Lưu Quang Định sang nhà Minh dâng lễ cống và tạ lỗi, nhằm hòa hoãn chiến tranh. Nhà Minh đã giữ Phạm Canh ở lại chỉ cho Quang Định về. Quang Định sau khi về nước đã bị Hán Thương đem chém vì khi sang sứ Bắc Kinh đã lạy tên Trần Thiêm Bình, mạo xưng là con Trần Nghệ Tông (do quan nhà Minh là Phạm Chất đã cho Hán Thương biết tin).

Năm 1406 sau khi Lý Kỷ trở về Trung Quốc thì Hán Thương đã sai Nguyễn Cảnh Chân sang dâng biểu tạ tội và xin đón Thiêm Bình về tôn làm chúa. Vua Minh sai sứ thần là Niếp

https://tieulun.hopto.org

Thông đem sắc sang dụ Hán Thương "Nếu quả đón Thiêm Bình về tôn làm chúa thì sẽ ban cho Khanh (Hán Thương) tước Thượng công và phong cho một quận lớn". Hán Thương lại sai sứ là Nguyễn Cảnh Chân đi theo Niếp Thông sang Minh báo cáo về việc xin đón Thiêm Bình.

Nhân đó, vua Minh sai bọn Hàn Quan đem 5000 quân để hộ tống Thiêm Bình về nước (thực chất là để xâm lăng và lập tên Thiêm Bình làm vua bù nhìn). Quân Minh giao chiến ở Chi Lăng bị thua đã phải giao nộp Thiêm Bình để xin mở đường cho rút quân về nước. Thiêm Bình đã bị Hán Thương sai chém chết.

Sau khi giết chết Thiêm Bình, Hán Thương đã sai 3 sứ thần là Trần Cung Túc, Mai Tú Phu, Tưởng Tư sang Minh biện bạch về việc giả mạo của Thiêm Bình và xin được cống nạp như cũ. Nhà Minh đã giữ cả 3 sứ thần của nước ta lại, không cho về. Ba sứ thần này được thả sau khi Minh đã diệt xong họ Hồ.

Qua việc các sứ thần nhà Minh sang nước ta từ cuối đời Trần đến đầu Hồ, ta có thể thấy việc đối xử bất bình đẳng trong quan hệ bang giao của nhà Minh đối với nước ta, thể hiện chính sách của nước lớn, áp bức nước nhỏ, hạch sách, nhũng nhiễu, làm tình báo thu thập tin tức tình hình, địa thế bố trí phòng ngự để chuẩn bị cho cuộc xâm chiếm nước ta. Nhiều sứ thần Đại Việt đã bị giam giữ lại. Tiếc rằng các sách sử không ghi rõ được các đối đáp tranh cãi của sứ thần nước ta trong những lần bàn bạc các vấn đề lúc đó.

31. VUA MINH THÀNH TỔ GIẾT SỨ THẦN NHÀ TRẦN

Tháng 9 năm Bính Tuất (1406), vua Minh sai hai tướng là Trương Phụ và Mộc Thạnh đem 80 vạn quân sang đánh nhà Hồ. Nhà Hồ thất bại. Nhà Minh tính sổ đã lấy được 48 phủ châu, 168 huyện, 3.129.500 hộ, 112 con voi, 420 con ngựa, 35.750 con trâu, 8.865 cái thuyền.

Cuối đời Hồ, Trần Giản Định dấy quân khôi phục nhà Trần, ở ngôi được 2 năm. Sau đó Trần Quý Khoáng (Trần

https://tieulun.hopto.org

Trùng Quang) nối sự nghiệp, sai quan quân chống lại quân Minh. Để củng cố chức vị là vua kế nghiệp nhà Trần, trong khi nhà Minh vẫn rêu rao ủng hộ con cháu nhà Trần làm vua, Trần Trùng Quang đã sai sứ bộ sang Trung Quốc cầu phong, gồm quan Hành khiển Nguyễn Nhật Tư và quan Thẩm hình Lê Ngân sang Kim Lăng. Vua Minh Thái Tổ giận bắt giam, giết. Vì sao vua Minh giết 2 sứ thần của Trần Trùng Quang? Mưu đồ xâm lược của nhà Minh đã rõ, tuy mượn tiếng là giúp Trần diệt Hồ. Trong khi chúng đem quân xâm chiếm các nơi thì đã bị quân lính của Trần Trùng Quang chặn đánh ở Bình Than và Thanh Hóa. Chúng nghĩ rằng trước sau chúng cũng diệt được các lực lượng kháng chiến và cướp được nước ta nên đã đem giam và giết 2 sứ thần. Đây có lẽ là lần đầu tiên trong quan hệ giữa 2 nước, Trung Quốc đã giết sứ thần của nước ta.

32. VUA TRẦN TRÙNG QUANG GIẾT CHÁNH SỨ HỒ NGẠN THẦN SAU KHI ĐI SỨ VỀ

Năm 1411, vua Trần lại cử một sứ bộ gồm Chánh sứ là Hồ Ngạn Thần và Phó sứ là Bùi Nột Ngôn mang tờ biểu, sản vật địa phương cùng hai hình người vàng và bạc thay mình sang Kim Lăng xin cầu phong. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* thì "Vua Minh sai Hồ Trừng giả vờ lấy ân tình cũ hỏi Quốc vương mạnh hay yếu, sự tình trong nước thế nào. Ngạn Thần đều nói thực cả. Nột Ngôn thì không chịu nói. Nhà Minh giả cách phong cho Vua làm Bố Chính xứ Giao Chỉ, Ngạn Thần là tri phủ Nghệ An. Khi về nước, Nột Ngôn tâu rõ việc Ngạn Thần tiết lậu việc nước và nhận quan chức của giặc. Vua Trùng Quang sai bắt giam rồi giết".

Việc giết một Chánh sứ đi sứ không làm tròn nhiệm vụ, tiết lộ bí mật quốc gia (sự thể, binh lực của vua) có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử nước ta.

https://tieulun.hopto.org

33. NGUYỄN BIỂU ĐI SỨ, ĂN CỖ ĐẦU NGƯỜI, BỊ TƯỚNG MINH GIẾT CHẾT

Sau khi nhà Minh mượn cớ phù Trần diệt Hồ để xâm chiếm nước ta, con cháu nhà Trần đã đứng lên khởi nghĩa: Trần Giản Định, Trần Quý Khoáng, trước sau đều thất bại. Trần Quý Khoáng là con Mẫn Vương Ngạc, cháu Trần Nghệ Tông đã được Nguyễn Cảnh Dị và Đặng Dung lập lên làm vua ở Nghệ An từ năm 1409. Quân của Quý Khoáng đã đánh thắng giặc Minh ở Thanh Hóa rồi kéo quân ra Bắc, nhưng sau đó lại bị thua phải kéo về Nghệ An.

Năm 1412 tướng giặc là Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân đánh vào Nghệ An, Quý Khoáng lại thua, quân chỉ còn độ 3, 4 phần mười, phải rút vào Hóa Châu (thuộc vùng Thừa Thiên-Huế ngày nay). Vua sai Đài quan là Nguyễn Biểu mang phẩm vật đến Nghệ An biếu Trương Phụ và dâng chiếu xin cầu phong.

Trước đây nhà Minh đã sai giết 2 sứ thần của Trần Quý Khoáng khi đến Yên Kinh cầu phong là Nguyễn Nhật Tư và Lê Ngân; 2 sứ thần được cử đi sau đó là Hồ Ngạn Thần và Bùi Nột Ngôn cũng không có kết quả, nay lại là lúc đang thua trận, chạy mãi vào sâu phía Nam thì việc đi sứ dâng biểu xin cầu phong có ít kết quả và nguy hiểm đến tính mệnh là chắc chắn, nhưng Nguyễn Biểu đã vâng lệnh lên đường. Trước khi đi sứ, vua Trùng Quang đã làm thơ ban cho Nguyễn Biểu:

Mấy vần thơ cũ ngợi hoàng hoa, [1]
Trịnh trọng rày nhân dựng khúc ca.
Chiếu phượng[2] *mười hàng tơ cặn kẽ,*
Vó câu ngàn dặm tuyết xông pha.
Tang bồng[3] *đã bấm lòng khi trẻ,*
Khương quế thêm cay tính tuổi già.

---

[1] *Nói việc đi sứ thay mặt vua của Nguyễn Biểu.*

[2] *Chiếu của vua Trùng Quang viết trên giấy có vẽ hình phượng để dâng vua Minh.*

[3] *Ý nói chí trai gánh vác việc đời, lập công danh.*

https://tieulun.hopto.org

Việc nước một mai công ngõ vẹn,
Gác lân[1] *danh tiếng dọi lâu xa.*

Nguyễn Biểu đã họa lại thơ Vua ban trước khi đi:

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hoa,
Ngóng tai đồng vọng thuở âu ca.
Đường mây vó kí lần lần trải,
Ải tuyết cờ mao thức thức pha.
Há một cung tên lồng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đúc gan già.
Hổ mình vả thiếu tài chuyên đối.
Dịch lộ ba ngàn dám ngại xa.

Khi vào thành Nghệ An, đến trước dinh của Trương Phụ, Nguyễn Biểu vái chào mà không quỳ lạy. Tên Việt gian Phan Liêu được Trương Phụ phong cho làm tri phủ Nghệ An thấy thế, đã hoạnh họe sao không quỳ lạy, Nguyễn Biểu đã nói cho hắn biết:

- Trương Tổng binh là bầy tôi của Vua phương Bắc, ta là bầy tôi của Vua phương Nam. Cùng là bầy tôi cả, có sao ta lại phải quỳ lạy?

Trương Phụ đã nạt nộ quát mắng Nguyễn Biểu, đòi Vua Trần phải đến nộp mạng, phô trương các binh khí và hàng xâu tai người bị chúng giết hòng làm cho Nguyễn Biểu phải khiếp sợ.

Đến trưa, hắn thết tiệc sứ giả, cho quân lính bê ra một mâm cỗ chỉ có một đĩa đầu người đã luộc chín. Ông đoán đây hẳn là một cái đầu của dân lành đã bị chúng hành hình, nếu không ăn thì giặc cho là hèn nhát, nếu ăn thì thật là dã man. Nhưng để tỏ rõ khí phách của người Nam đi sứ, ông không hề khiếp sợ, đã cầm đôi đũa moi đôi mắt trong đầu lâu nhắm rượu. Ăn xong, Nguyễn Biểu đã làm thơ tức sự:

Ngọc thiệt, trân tu đã đủ mùi[2]
Gia hào thêm có cỗ đầu người.
Nem công, chả phượng còn chưa béo,
Thịt gấu, gan lân cũng kém tươi.

---

[1] *Gác nơi vua sai vẽ những công thần để lưu danh với hậu thế.*

[2] *Lưỡi ngọc, râu quý, chỉ những thức ăn quý*

https://tieulun.hopto.org

Cá lối lộc minh so cũng một,
Vật bày thỏ thú bội hơn mười
Kia kìa ngon ngọt tày vai lợn,
Tráng sĩ như Phàn[1] *tiếng để đời*[2]

Quân lính Trương Phụ thuật lại cho hắn nghe việc Nguyễn Biểu không hề khiếp sợ khi ăn cỗ đầu người đã làm cho hắn thêm kính phục khí phách và tài năng của Nguyễn Biểu, lấy lễ tiếp đãi rồi cho ra về.

Sau khi cho Nguyễn Biểu trở về, Trương Phụ lại nghe lời tên Việt gian Phan Liêu cho quân lính đuổi theo bắt lại để giết. Nguyễn Biểu biết chúng sẽ giết mình, nên đã thẳng tay vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của Trương Phụ:

"Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu nhà Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại nhân dân, bọn mày thật là lũ giặc bạo ngược" (VSTGCM, Chb Q XII).

Trương Phụ đã sai quân đem chém đầu Nguyễn Biểu ở chân núi Thành Sơn. Truyền thuyết kể là Trương Phụ ra lệnh trói Nguyễn Biểu ở chân cột cầu Lam để khi thủy triều lên ông sẽ bị chết ngập. Nhưng 3 ngày, nước vẫn không dâng. Ông vẫn luôn mồm chửi mắng quân Minh độc ác nên tên tướng giặc đã sai cởi trói, đem ông đến trước cửa chùa Yên Quốc dưới chân núi Thành Sơn để giết. Nay ở quê ông là thôn Nội Diên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, nhân dân đã lập đền thờ ông gọi là Miếu Nghĩa Sĩ.

Can trường không sợ hãi, ăn cỗ đầu người, không khuất phục trước uy vũ của quân giặc, không làm nhục mệnh vua khi đi sứ, một lòng trung nghĩa với đất nước, sẵn sàng hy sinh tính mệnh, Nguyễn Biểu đã tiêu biểu cho những phẩm chất khí phách của các sứ thần Việt Nam thời xưa, thật đáng kính phục đến muôn đời.

---

[1] *Phàn Phoái là bầy tôi của Hán Cao Tổ.*

[2] *Cũng có thuyết cho rằng bài thơ này do tên sứ làm ra.*

https://tieulun.hopto.org

Chương IV

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI LÊ, MẠC, LÊ TRUNG HƯNG

https://tieulun.hopto.org

1. VIỆC CẦU PHONG VƯƠNG CỦA VUA LÊ THÁI TỔ

Năm 1426, sau khi quân khởi nghĩa Lam Sơn lấy lại được Nghệ An, đánh thắng trận Ninh Kiều, kéo về bao vây thành Đông Quan, Lê Lợi đã tìm cách hoà hoãn để chấm dứt chiến tranh bằng việc tìm con cháu nhà Trần là Trần Cảo lập làm Vua và xin nhà Minh phong vương (dựa vào lời chiếu của quân Minh khi kéo sang cướp nước ta nói là để dựng con cháu nhà Trần làm Vua). Vua sai sứ thần dâng biểu cầu phong cho Trần Cảo làm Vua (Không thấy sử sách ghi tên sứ thần dâng biểu). Nguyên văn bản biểu cầu phong cho Trần Cảo do Nguyễn Trãi viết, được in trong *Quân trung từ mệnh tập* (bài số 21). Sau khi dâng biểu cầu phong cho Trần Cảo, Lê Lợi còn làm văn tấu cáo liệt thánh nhà Trần, có đoạn viết: "*Năm Ất Tỵ (1425) tìm được Trần Mỗ ở đất Lão Qua, là cháu ba đời của đức Nghệ Tông, năm nay đã chính đại hiệu để thờ tôn xã... Quân giặc các nơi đều đã hàng phục, duy còn thành Đông Quan chưa thể vội diệt... Thế lực là trời tựa Hoàng Trần cho nên thành công được chóng, mà thần chẳng mặc giáp cầm gươm may được có chút công lao. Cúi nhờ liệt thánh Hoàng đế (nhà Trần) rủ lòng giúp đỡ, tiêu diệt quân Minh, để đem lại cái phúc thái bình muôn thuở. Kẻ dưới hèn mọn, xiết bao nỗi trông trời ngóng thánh, kính cẩn dâng lên.*"

2. LÊ THIẾU DĨNH DÂNG BIỂU, CẦU PHONG CHO TRẦN CẢO

Tháng 8 năm Đinh Mùi (1427), sau khi đánh thắng viện binh của nhà Minh chém được đầu Liễu Thăng và Lương Minh ở Mã Yên, Lê Lợi đã sai Nguyễn Trãi viết tờ tấu cầu phong xin cho Trần Cảo làm vua. Tờ tấu này được giao cho Lê Thiếu Dĩnh chuyển sang Quảng Tây và Vân Nam, mỗi nơi một bản. Mộc Thạnh là tướng giặc ở Vân Nam đã chuyển ngay về kinh. Sau

https://tieulun.hopto.org

đây là tờ tấu cầu phong được in trong *Quân trung từ mệnh tập* (bài số 44)[1] *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú cũng có ghi:

"Thần thiết nghĩ, nước thần ở biệt tại miền hẻo lánh, xa cách phong hoá Trung Hoa. Khi Thái Tổ Hoàng Đế[2] mới lên ngôi, trước các nước tổ tiên thần đã vào cống. Đặc ân khen ngợi, phong cho tước vương. Từ đấy đời đời được giữ cõi bờ, lễ thường không thiếu triều cống. Mới rồi nhân vì họ Hồ cướp nước, lật đổ tông tự nhà thần; trên dối triều đình, dưới khổ dân chúng; trời giáng tai vạ, quan dân lìa lòng. Thái Tông Hoàng đế[3] không nỡ để dân một phương khổ sở, liền dấy quân hỏi tội. Sau khi dẹp yên, lại xuống chiếu tìm con cháu họ Trần. Bảo rằng còn cháu họ Trần đều đã chết hết, không còn ai có thể kế lập, nên lại xin đặt quận, huyện, rồi đem con cháu họ Trần là bọn Trần Nguyên Hy, Trần Nguyên Tích, Trần Quang Chỉ vài chục người đưa về kinh sư để an trí. Lại mở đặt ba ty Đô, Bố, án cùng các nha môn phủ huyện vệ sở, bổ quan chia trị. Nhưng quan đặt ra không thể theo ý của triều đình mà yên vỗ người ta, lại chăm bóc lột dân để sung sướng cho mình. Người giữ trách nhiệm địa phương thì không biết đại thể, tối đường thừa tuyên; kẻ ở đài ngự sử thì ngậm miệng làm thinh, ngồi nhìn dân khổ; kẻ chăm dân thì không lo nuôi nấng, chỉ vụ vét vơ, kẻ làm tướng suý thì không để ý vệ dân, cứ hoành hành tàn ngược. Còn như bọn hoạn quan thì chuyên mặt thu vét bóc lột lương dân, kiếm ngọc tìm vàng, kiệt chằm trơ núi, tìm tòi nhặt nhạnh, không còn sót gì. Muốn tiền của có nhiều thì đục khoét của dân mà lấp hố dục. Muốn nhà cửa cao đẹp thì cướp việc mùa màng để bắt đắp xây. Thuế công thu vào một phần, giám lâm ăn ngoài quá nửa. Quan lại có lòng thương dân chúng, tuyệt không có ai; quan lại

---

[1] *Bài này đã sửa theo bài in trong* Quân trung từ mệnh tập *của* Ức Trai di tập.

[2] *Thái Tổ: Minh Thái Tổ.*

[3] *Minh Thái Tông.*

https://tieulun.hopto.org

coi dân như cừu thù đều như thế cả. Càng ngày càng tệ, dân sống không vui, như đắm trong nước sâu, như ngồi trên lửa nóng. Khốn nỗi, trời thì cao, triều đình thì xa, tình dưới không kêu thấu được. Song đói rét thiết thân thì không còn đoái nghĩ gì nữa, dân chúng bèn họp nhau để giết bọn tham quan ô lại, đó là sự bất đắc dĩ trong nhất thời, để mong được nhẹ bớt chút khổ cực ở trong nước lửa mà thôi. Thân lánh mình ở nước Lão Qua đã hơn 10 năm. Đến nay người cả nước, không bảo nhau mà cùng một lời, tự ý mời xin nài ép. Trong lúc thảng thốt, thần không kịp kén chọn, đã phải theo lòng dân chúng để chờ mệnh triều đình. Ngày tháng 11 năm Tuyên Đức thứ I (1426), thần về đến nước nhà thì thấy người trong nước đã thu phục được hết bờ cõi đất đai của ông cha thần. Các thành trì Tân Bình, Thuận Hoá, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hoá, Tiền Vệ, Xương Giang, Trấn Di, Thị Cầu, Tam Giang[1] đều đã mở cửa cởi giáp để giảng hoà. Đến như các quan lại ở vệ, sở, châu, huyện cùng mọi quan quân thì thần đã thu nuôi tất cả, không xâm phạm mảy may. Còn quan Tổng binh Vương Thông cùng bọn Trần Trí, Lý An, Mã Anh, Phương Chính, Nội quan Sơn Thọ, Mã Kỳ cũng đã cùng thần hoà giải. Thần đã xin bọn Vương Thông sai người đem thư về tâu, nhưng bọn ấy vừa sợ tội vừa hoài nghi nên không dám sai đi. Bọn thần tự biết mang tội rất nặng, không biết tiến thoái đường nào. Nhưng thần trộm nghĩ rằng từ xưa thánh nhân như Thang Vũ đánh kẻ có tội mà cứu dân, hết thảy đều do ở lẽ trời chí công, không hề có chút tư ý ở trong. Vì thế nên nhà Hạ, nhà Thương tuy đã mất mà con cháu còn được phong ở nước Kỷ, nước Tống[2]. Việc đánh việc phong chưa hề không thể theo ý trời. Về sau như nhà Hán, nhà Đường,

---

[1] *Tiền Vệ: Đồn để bảo vệ trước thành Đông Quang; Xương Giang: ở xã Thọ Xương huyện Bảo Lộc, Bắc Giang; Trấn Di: ải Trấn Di, thuộc Lạng Sơn; Thị Cầu: thuộc huyện Võ Giang, Bắc Ninh; Tam Giang: sau là Tam Đới, tức Việt Trì ngày nay.*

[2] *Nước Kỷ: Con cháu nhà Hạ; nước Tống: Con cháu nhà Thương.*

https://tieulun.hopto.org

thích ham công to, mà cũng chỉ ràng buộc nước thần qua loa, không để ý đến. Huống chi điển chương của Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta để lại đời sau rành rành ở đó, chiếu lập con cháu họ Trần của Thái Tông Văn Hoàng Đế nét mực vẫn chưa khô. Cúi nghĩ Hoàng đế Bệ hạ là bậc thánh thần văn võ, trí tuệ thông minh, đức hiếu sinh đây đó thấm đều, lòng nhất thị xa gần không khác, tất như Hán Vũ hạ chiếu bãi Luân Đài[1], tất như Đường Thái rút quân ở Tân Thị[2], tất tuân theo điều chương của Thái Tổ, tất thi hành chiếu thư của Thái Tông, tất xá cho thần tội lỗi như núi gò, tất tha cho thần hình phạt bằng phủ việt, để cho thần được giữ đất cõi Nam, nộp cống cửa khuyết. Như thế thì không những là may mắn cho một mình thần, mà dân cả nước thần, không ai là chẳng vui mừng nhảy nhót, cảm đội nhân đức của bệ hạ, chẳng khác gì khí xuân làm tươi cỏ héo, gió ấm làm tan nước đông vậy. Thần xin ghi dạ khắc xương, hết sức trung thành, dâng biểu xưng thần, cống hiến không thiếu. Ngoài ra việc sai người đưa biểu văn cống sản vật thì chưa dám tự chuyên. Vậy kính cẩn tâu bày, cúi chờ sắc chỉ."

3. SỨ BỘ LÊ THIẾU DĨNH DÂNG BIỂU TRẦN TÌNH VÀ TIẾN CỐNG

Ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi, Lê Lợi cùng với Vương Thông và các tướng nhà Minh hội thề ở phía nam thành, hẹn đến 22 tháng 12 thì chúng rút quân về nước. Ngày 29 tháng 11 Đinh Mùi (17-12-1427) Vua sai một sứ bộ sang trần trình với Vua Minh ở Yên Kinh. Sứ bộ gồm: Lê Thiếu Dĩnh (người làng Mộ Trạch, huyện Đường An), Lê Cảnh Quang, Lê Đức Huy, Đặng Hiếu Lộc, bốn người này là đầu mục. Bốn người đi theo là

---

[1] *Vũ đế nhà Hán, lúc mới lên ngôi bắt dân đi làm đồn điền ở đất Luân Đài, đến lúc tuổi già lấy làm hối, hạ chiếu bỏ việc đồn điền ở đất Luân Đài.*

[2] *Thái Tông nhà Đường, trước sai quân đi đánh nước Cao Ly, đến sau rút đạo quân đi đánh Tân Thị về.*

https://tieulun.hopto.org

Đặng Mục, Lê Trạc, Đỗ Lãng, Trần Nghiễm. Sứ bộ mang theo tờ biểu và bản ghi sản vật trong đó có hai tượng người, một bằng vàng và một bằng bạc (một thay cho Vua, một đền mạng Liễu Thăng bị chém chết). Đồng thời cũng trả nhà Minh hai song hổ phù của Liễu Thăng, một quả ấn bạc và danh sách quân quan bị bắt sẽ được trả về.

Danh sách các cống phẩm gồm có:

- *Hai pho tượng người vàng, người bạc* thay cho bản thân để tạ tội, cộng nặng 200 lạng (một pho tượng vàng nặng 100 lạng 1 pho tượng bạc nặng 100 lạng)

- *Sản vật địa phương:*

Lư hương bạc 1 cỗ.

Bình cắm hoa bạc một đôi, cộng nặng 300 cân.

Lụa thổ cẩm 300 tấm.

Ngà voi 10 chiếc (*Toàn thư*: 14 chiếc)

Hương xông áo 20 bánh, cộng 130 cân.

Hương nén 20.000 nén.

Trầm hương, tốc hương 24 khối.

- *Số người đầu mục tiến kinh*

Đầu mục 4 người là: Lê Dĩnh, Lê Cảnh Quang, Lê Quang Đức, Đặng Hậu Lộc. Người giúp việc 4 người là: Đỗ Thế Linh, Lê Trạc, Đặng Lục, Trịnh Nghiễm[1].

- *Các hàng trả về:*

Hai dải Long hổ phù của Tổng binh quan An Viễn hầu Lĩnh chinh Lỗ phó Tướng quân (Liễu Thăng)

Một quả ấn bạc.

Các quan và quân nhân: 13.587 viên danh

Quan coi quân: 280 viên.

Quan coi dân và điển lại: 137 viên.

Kỳ quân: 13.170 viên danh (Toàn thư ghi 13180 người)

Ngựa: 1.200 con.

---

[1] *Trích theo "Quân trung từ mệnh tập" của Nguyễn Trãi.*

https://tieulun.hopto.org

4. SỨ THẦN HÀ LẬT DÂNG TỜ TẤU VỀ CON CHÁU HỌ TRẦN

Vua Minh sau khi nhận được biểu cầu phong của Trần Cảo do Mộc Thạnh chuyển về gấp, tuy biết là giả dối, nhưng cũng muốn mượn cớ để bãi binh nên đã đồng ý phong cho Trần Cảo làm vương. Theo *Đại Việt SKTT* thì Vua Minh đã sai Thượng thư Bộ Công là La Nhữ Kính và Từ Vĩnh Đạt mang chiếu sắc phong Trần Cảo làm An Nam Quốc Vương. Lại ra lệnh kê khai con cháu nhà Trần hiện còn để sắc phong và lệ triều cống như cũ. Sách VSTGCM ghi thêm 2 sứ thần nữa sang phong vương cho Trần Cảo là Lý Kỉ và Hoàng Kí. Nhưng khi sứ bộ nhà Minh đem tờ dụ và bài văn ân xá sang thì Trần Cảo đã chết. Để chấm dứt chiến tranh, Lê Lợi đã xin phong vương cho Trần Cảo để nhà Minh có cớ rút quân nhưng Trần Cảo biết mình không có công nên đã bỏ trốn. Quan quân bắt được, Cảo uống thuốc độc chết. Cũng có thuyết cho Trần Cảo bỏ trốn đã bị nhà Vua sai người đuổi theo và giết chết.

Vua Lê Thái Tổ đã sai hai sứ thần là Lê Quốc Khi và Phạm Thành sang Minh đáp tạ, sai Hà Phủ và Hà Liễn đi cáo phó về việc Trần Cảo chết. Cùng đi với sứ nhà Minh. (tháng 3 - 1428)

Sau khi nhận được báo tang Trần Cảo, nhà Minh lại sai La Nhữ Kính và Từ Vĩnh Đạt mang sắc thư sang dụ Vua rằng "họ Trần đời đời vẫn được lòng người, phải tìm cho được con cháu nhà Trần mà tâu lên và trả hết các quân nhân, khí giới."

Vua sai sứ thần là Hà Lật sang tạ ân, cống người vàng và sản vật địa phương cùng dâng tờ tâu về việc con cháu nhà Trần không còn ai.

Sau đây là tờ tâu do Nguyễn Trãi viết:

Tờ tâu về việc tìm con cháu họ Trần.

(Bấy giờ báo tang Trần Cảo, nhà Minh sai sứ sang dụ, khiến tìm con cháu họ Trần tâu lên để ban mệnh kế tập.)

"Thân tộc họ Trần, trước bị Hồ Quý Ly giết hết, không thấy còn ai. Năm Tuyên Đức thứ I (1426) mới tìm được ở đất Lão

https://tieulun.hopto.org

Qua Trần Cảo xưng là cháu họ Trần. Năm Tuyên Đức thứ II (1427) Trần Cảo về nước, thì người cả nước đều quy phụ, đã sai thần Lê Lợi cùng các đầu mục gửi thư cho quan Tổng binh xin rút quân. Năm Tuyên Đức thứ II đã sai Lê Thiếu Dĩnh dâng biểu trần tình tạ tội. Không ngờ thấm thoát mấy ngày, Trần Cảo ốm chết. Con cháu họ Trần thực nay không còn ai.

Nếu quả có còn ai, bọn thần tuy chưa phụng sắc, cũng đã phải gõ cửa quan mà xin mệnh, lẽ nào ân chiếu như thế mà thần lại mang lòng khác, việc đó tất nhiên không có. Lại trong sắc có truyền phải trả về hết những quan lại quân nhân còn giữ lại. Thần lấy làm lo sợ không dám yên lòng. Đó là khi trước quan quân sang chinh thảo, người nước thần sợ bị giết chóc, liền đem nhau ra giữ gìn phòng bị, làm kế tự vệ, không khác gì chim cùng thì mổ, thú cùng thì vồ. Trừ những người đã tử thương ở trước lưỡi gươm, mũi giáo ra, những quân nhân hiện còn thần đã sai Thiếu Dĩnh dâng danh sách. Thần lại hết sức tìm tòi, nay theo lời những đầu mục, kì lão trong nước, thì những hạng người nói trên thực không còn ai cả."

5. SỨ THẦN NHÀ MINH VẪN ĐỜI TÌM CON CHÁU NHÀ TRẦN

Năm Kỷ Dậu (1429) nhà Minh lại sai sứ thần là Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt đến Đông Đô dụ bảo Vua Lê lùng tìm con cháu nhà Trần. Kịp khi sứ Minh về nước, Vua ra lệnh cho các đầu mục và các kì lão làm tờ trạng nói rõ đầu đuôi cứ việc là đã tìm hết sức mà con cháu nhà Trần không còn ai và xin phong cho Lê Lợi làm Vua. Đại lược tờ trình ghi: "Người trong nước chúng tôi đã tìm khắp mọi nơi, nhưng con cháu họ Trần không còn ai cả. Lê Lợi, đại đầu mục của bản quốc, là người khiêm tốn, cung kính, cẩn thận, trung hậu, biết đường lối vỗ về yên ủi nhân dân, rất được lòng dân yêu mến, có thể cáng đáng coi quản công việc đất nước."

Vua Minh xem xong bảo các thị thần: "Lời lẽ trong bản

https://tieulun.hopto.org

trạng này, chưa vội tin được, phải lại nêu cho tìm kiếm con cháu họ Trần."

Bản trạng này được Vua sai sứ thần Đào Công Soạn và Lê Đức Huy theo sứ nhà Minh là Lý Kỳ và Từ Vĩnh Đạt sang Yên Kinh để dâng.

Vua Minh sai viết sắc dụ Lê Lợi cùng các đầu mục lại cứ lùng kiếm con cháu nhà Trần, nếu quả thật hiện nay không còn ai bấy giờ sẽ làm lại bản tâu trình mọi người liên danh kí tên để đợi xử trí. Vua Minh ban áo vóc và tiền cho Sứ thần Đại Việt.

Ngày 1 tháng Giêng năm Tân Hợi (1430) Vua sai Chánh sứ là Lê Nhữ Lâm, Phó sứ là Hà Lật và Lê Bính sang Minh dâng biểu trần tình về việc không tìm được con cháu họ Trần, về dụ đòi trả khí giới của nhà Minh bị giữ là không còn, đã trả hết và xin cầu phong cho Lê Lợi.

Vua Minh thấy tình thế không thể làm khác được, phải bằng lòng, sai Chưởng Xưởng và Tử Kỳ mang ấn sắc sang phong cho Lê Lợi làm *Quyền thự An Nam quốc sự*. Sách *Hoàng Minh thống ký* chép là phong làm *An Nam Quốc Vương*.

Việc phong vương cho một ông vua chiến thắng cũng thật khó khăn, phải bao lần đi lại, chính là do chính sách nước lớn, thiên triều của các vua phương Bắc gây ra.

6. SỨ THẦN ĐỖ NHƯ HÙNG SANG YÊN KINH TÌM CON VUA LÊ THÁI TỔ

Tháng 4 năm Mậu Thân (1428) Vua Lê Thái Tổ từ Điện Tranh về Bồ Đề vào thành Đông Kinh. Ngày 15 lên ngôi Hoàng đế, đặt niên hiệu là Thuận Thiên, đặt quốc hiệu là Đại Việt, đóng đô ở Đông Kinh (thành Thăng Long), đại xá cho thiên hạ, định nghi thức, ban chức tước cho các quan và thân tộc. Trước đây trong những năm gian khổ bị lùng đuổi, Vua đã bị tướng giặc là Mã Kỳ bắt mất một người con gái mới lên 9 tuổi, Mã Kỳ đem về nuôi rồi đưa về Yên Kinh tiến làm cung tì.

Nay được lên ngôi báu, Vua nhớ tới người con gái bé nhỏ

https://tieuluan.hopto.org

khi xưa nên ngày 1 tháng 11 năm Mậu Thân, vua đã sai sứ thần Đỗ Như Hùng đi sứ sang Yên Kinh, xin trả lại người con đó. Nhà Minh trả lời rằng người con gái ấy đã bị chết bì bệnh đậu mùa. Sứ thần Đỗ Như Hùng về tâu lại, Vua và Hoàng hậu đều buồn rầu, than khóc và sai quan lại làm lễ tang như tang lễ công chúa.

7. SỨ THẦN NHÀ MINH THAM LAM, BUÔN BÁN

Ngày 22 tháng 8 nhuận năm Quý Sửu (1433), Vua Lê Thái Tổ băng hà. Ngày 22 tháng 12, Triều đình sai hai sứ thần là Lê Vi và Trình Chân sang Minh báo tang. Hai sứ thần nhà Minh là Quách Tế, và Từ Kỳ sang đòi vàng cống hàng năm, đi từ trước cũng đến nước ta vào dịp này.

Đến tháng 11 năm Giáp Dần (1434) Vua Minh đã sai sứ thần Quách Tế và Chu Bật đi theo sứ cáo ai của nước ta là Lê Vi sang làm lễ điếu Lê Thái Tổ. Sứ thần nhà Minh đã đem theo một số đồ tế từ bên nước sang. Ngày 4 tháng 11 làm lễ tế ở kinh đô Thăng Long. Các đồ tế và sứ thần được rước từ cửa Thuận Thiên vào và tế ở điện Càn Đức. Lễ vật gồm có một con lợn, một con dê, đồ thực phẩm, tiền mã, cờ tiết, hương hoa, cộng tất cả 80 bàn. Tế quan đứng ở bên tả, chủ tế ở bên hữu, trong khi tế không dâng rượu. Đàn bà đứng ở sau màn cất tiếng khóc.

Ngày mồng 5, vua Thái Tông thết yến sứ thần Quách Tế ở điện Cần Chính. Ngày 7 đại tư đồ Lê Sát lại thết tiệc Sứ thần nhà Minh ở sứ quán và theo lời yêu cầu của Sứ thần đã bày các chò chơi cho họ xem. Khi về Triều đình sai quan biếu các vật cống cho Sứ thần. Sau đó lại có quà riêng cho từng người nhưng họ đã giữ kẽ không nhận. Tuy vậy theo sách ĐVSKTT quyển XI thì họ cho nhiều người đi theo mang nhiều hàng hoá phương Bắc, tính giá bán cao và bắt Triều đình phải mua. Sách không ghi rõ là những hàng gì, nhưng những hàng cần cho Triều đình lúc đó có thể là vải vóc, gấm lụa vàng bạc, mĩ nghệ và đồ gốm cao cấp dùng trong cung điện nhà vua.

https://tieulun.hopto.org

Khi sứ thần nhà Minh về nước thì Vua Lê đã cử sứ thần Lê Bính, Phạm Ninh, Nguyễn Thiện Tích, Lê Cát Phủ theo chân, sang Minh tạ ơn về việc nhà Minh đã sang tế điếu Vua Lê Thái Tổ.

Đến tháng 12 năm Ất Mão (1435) Vua Minh Anh Tông sai sứ thần là Chu Bật và Tạ Kinh sang báo tin việc lên ngôi và việc gia tôn Thái hoàng Thái hậu. Bọn này sai người tâu với Vua Lê mặc đồ cát phục (quần áo mặc lúc vui mừng) để đón tiếp. Khi mở đọc chiếu thư cũng không có lễ cử ai, cứ yến tiệc vui chơi như thường. Nhà vua sai dâng lễ vật biếu các sứ thần, bọn Bật tuy trong lòng rất thích nhưng lại ngượng với những người đi theo nên cố ý từ chối. Các quan tiếp khách biết ý mới đem bọn người đi theo ban yến ở nơi khác. Nhân lúc rót rượu, ngầm lấy mấy nén vàng để vào trong bọc của bọn Bật, Bật thích quá. Bọn Bật lại mang nhiều hàng phương Bắc sang, đặt giá cao ép Triều đình phải mua. Đến khi về nước mua nhiều thứ hàng hoá mang về, bắt nhân phu đến gần ngàn người để khiêng gánh hành lý. (ĐVSKTT Quyển XI).

Xem đó thì đủ thấy sứ thần nhà Minh sang nước đầu triều Lê đã rất tham lam, lợi dụng dịp đi sứ để buôn bán vơ vét, đến nỗi 2 sứ thần mà bắt đến gần ngàn người khiêng gánh hàng hoá.

8. SỨ THẦN ĐẦU TRIỀU LÊ CŨNG TRANH THỦ BUÔN BÁN

Năm 1433 khi triều đình sai sứ thần Lê Vi sang Minh báo tang Vua Lê Thái Tổ, lúc về Lê Vi cùng Nguyễn Triều đã mua nhiều hàng hoá phương Bắc, bắt phu gánh đến hơn 30 gánh. Khi về, Triều đình thấy thế đã cho thu hết rồi bày ra ở điện đình để các quan cùng xem và làm cho hai người phải xấu hổ. Sau đó mới trả lại. Cũng trong chuyến đi sứ này, hành nhân là Phạm Tư Minh đã bồi đai bán cho người phương Bắc đã dùng phải giấy cũ biên việc điểm binh, làm tiết lộ các bí mật quân sự nên đã bị giáng bãi và bị biếm một tư. Một tòng nhân nữa là Hà Đức Chính đã đánh cờ vây với người Minh và đã cãi nhau với Chánh sứ nên khi

https://tieulun.hopto.org

về đã bị đồ làm thuộc dinh (bị bắt đi làm việc công ích).

Năm sau, (1434) Nguyễn Công Trụ cùng Thái Quân Thực được Vua Lê sai đi sứ đã đánh nhau đến vỡ mặt. Trụ lại đem nhiều tiền lụa sang mua hàng phương Bắc. Vua sai lấy hết hành trang chia cho các quan.

Qua việc hai sứ bộ nhà Minh và Đại Việt đầu triều Lê đều tranh thủ đi sứ để buôn bán, chúng ta có thể thấy được là tình trạng hàng hoá của nước ta sau cuộc kháng chiến chống Minh rất khan hiếm, các cơ sở kinh tế thủ công chưa được phục hồi, các hàng dùng cao cấp cho các quan lại, Vua và hoàng thân rất hiếm nên mới có việc các sứ thần của hai nước tranh thủ đi buôn. Mặt khác việc lưu thông vận chuyển buôn bán hàng hoá giữa hai nước khi đó hầu như không có.

Có thể chính vì thế mà trong bộ luật thời Lê, *Quốc Triều Hình Luật* đã quy định về Điều 221 về việc đi sứ nước ngoài như sau:

"Các quan vâng mệnh đi sứ nước ngoài, mà chỉ chăm về việc buôn bán thì phải tội biếm hay đồ[1]. Nếu là vật quý lạ cùng là sách vở và các thứ thuốc men thì cho phép được mua. Khi về nước đến quan ải, phải khai rõ ràng từng thứ, quan ở trấn ấy sai quan cấp dưới đệ trình các thứ đó về kinh để kiểm soát, nếu có thứ gì đáng dâng lên cho Vua dùng thì sẽ trả lại số tiền mua thứ ấy, còn các thứ khác sẽ trả lại cho người đi sứ. Nếu giấu giếm không khai thực, đều xử tội biếm hay bãi chức, đồ vật đó sẽ tịch thu sung công."

9. HAI SỨ THẦN VIỆT NAM LÀ THÁI QUÂN THỰC VÀ NGUYỄN TÔNG TRỤ ĐÁNH NHAU VỠ MẶT Ở BẮC KINH NĂM 1435

Sau khi Vua Lê Thái Tổ chết, Nguyên Long là con thứ lên ngôi năm Giáp Dần (1434) lấy hiệu là Lê Thái Tông. Đến tháng

[1] *Đồ là tội bị giam cấm, Biếm là giáng chức quan đang làm.*

https://tieulun.hopto.org

Năm vua cử một sứ bộ sang nhà Minh cầu phong vương, mang theo sản vật địa phương và một tờ biểu do Hành khiển Nguyễn Trãi viết. Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và học sĩ Lê Cảnh Xước muốn sửa đổi mấy chữ nhưng Nguyễn Trãi không nghe. Sứ bộ gồm ba quan là Tuyên phủ sứ Nguyễn Công Trụ, Trung thư hoàng môn thị lang Thái Quân Thực và bô lão là Đái Lương Bật cùng các hành nhân tùy tùng. Sau đây là đoạn tường thuật hai người đến Bắc Kinh, do tức nhau về chức vụ trên dưới và ban áo khác nhau đã đánh nhau, được ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* trang 101:

"Khi hai người này vâng mệnh đi sứ, Hữu Ti làm giấy theo thứ tự trước sau, ghi Nguyễn Tông Trụ làm bồi thần (quan đại phu của nước chư hầu tự xưng với Thiên tử - Vua Minh), Thái Quân Thực làm kì lão (người già cả có danh vọng). Quân Thực có ý không bằng lòng, khi đến nước Minh, chiểu theo thứ tự để ban áo, áo của Quân Thực không có hoa bằng kim tuyến, trong lòng hậm hực, bảo với người phương Bắc (quan nhà Minh) rằng:

- Ta làm quan đến tứ phẩm, lại ở dưới Tông Trụ là làm sao được?

Đến khi vào dự yến, Quân Thực không mặc áo đã ban cho, lại mặc áo dệt kim tuyến của mình để vào dự. Quân Thực lại đem bản tâu của Thừa chỉ Nguyễn Trãi đã viết ra chửi bừa đi, rồi lại chửi Tham tri đông đạo Đào Công Soạn đã cử Nguyễn Tông Trụ cùng đi với mình. Tông Trụ cũng tức giận với Quân Thực, tranh cãi mãi không thôi, thành ra đánh nhau, Tông Trụ bị vỡ mặt. Người đi theo can không được. Hai người kiện nhau ở Hồng Lô Tự (của nhà Minh) nói xấu lẫn nhau. Khi về Tông Trụ lại đi riêng một mình đến nội quan của Bắc triều ở Long Châu (thuộc phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây) nhận lễ vật tặng, lại cùng với quan đi tiễn Long Châu là Mã Hồi nói đến việc khi đi sứ Ai Lao nói vụng Tiên đế (Thái Tổ) nghe gièm giết bậy.

Hai người đều vì tội đi sứ mà giao thông với người nước ngoài, tức giận đánh nhau, làm nhục quốc thể, đáng phải xử tử, nhưng vì đã từng có công nên tuỳ tình nặng nhẹ đều xử tội lưu.

https://tieulun.hopto.org

Thái Quân Thực ra viễn châu (Bố Chính), Nguyễn Công Trụ ra cận châu (Nghệ An).

Tông Trụ lại đem nhiều tiền lụa sang mua hàng của người phương Bắc, Vua ghét là trái cấm lệnh mà làm tiền, bèn cho lấy hết hành trang chia cho các quan."

Như thế là việc các sứ thần đánh nhau và đi buôn đã có từ xưa.

10. SỨ CHIÊM THÀNH BIỆN BẠCH KHÔNG NHẬN TỘI

Năm 1434, đem quân đánh vào Châu Hoá và bắt người, Vua Chiêm Thành là Bồ Đề được tin Vua Lê Thái Tổ băng, cho là Vua mới lên ngôi trong nước sẽ loạn nên dẫn quân và thuyền định vào chiếm nước ta. Khi cho thuyền vào tới Cửa Việt (tức cửa Việt Yên thuộc tỉnh Quảng Trị ngày nay) Vua Chiêm đã bị quân dân Đại Việt đánh đuổi, bắt được hai người.

Vua Chiêm thấy tình hình Đại Việt vẫn yên ổn nên không dám quấy phá, bèn cho sứ thần sang cầu hoà. Sứ thần Chiêm Thành mang sản vật đến kinh đô và biểu đến cầu thân. Đại tư đồ Lê Sát tiếp sứ giả và hỏi:

- Vì sao vua nước người đem quân vào chiếm Châu Hoá nước ta đã bắt trộm dân ta?

Sứ Chiêm Thành đã bình tĩnh đáp lại:

- Thưa đại thần, vua nước tôi nghe tin Tiên đế băng hà, Hoàng đế mới nối ngôi, vì hai nước chưa thông sứ, chưa có đi lại, nên chỉ sai tướng quân nước tôi đến đầu biên giới thăm hỏi tin tức mà thôi. Không ngờ tướng quân nước tôi đã tự ý làm trái lời dặn bảo, cho lính vào đất quý quốc, bắt 6 người dân Châu Hoá đem về. Vua nước tôi đã giận lắm, từ đại tướng trở xuống đều xử tội chặt chân cả. Còn người đã bắt, thì Vua nước tôi đã đem giả cho tổng quản Châu Hoá rồi, không dám xâm phạm đến đất đai các quý quốc nữa.

Lê Sát và triều đình biết là họ đã biện bạch, nói dối để che đậy tội đem quân vào sâu và bắt dân, nhưng vì Vua Chiêm đã

https://tieulun.hopto.org

tự sai sứ sang cầu hoà cho nên đã khoan dung không hỏi tội nữa. Khi sứ Chiêm ra về đã ban tặng các phẩm vật để giữ hoà hoãn phía Nam và xây dựng lại đất nước sau 10 năm bị chiến tranh tàn phá và quân Minh vơ vét.

11. TRẠNG NGUYÊN LƯƠNG THẾ VINH TIẾP SỨ NHÀ MINH

Ông người thôn Cao Hương huyện Thiên Bản, nay là thôn Cao Phương huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Năm 22 tuổi ông đỗ Trạng Nguyên khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận IV (1463) đời Lê Thánh Tông. Ông thông minh từ thủa nhỏ. Người đương thời gọi ông là thần đồng. Ông làm quan đến chức Hàn Lâm Viện Thị giảng Trưởng viện sư, Nhập thị Kinh Diên. Các văn thư bang giao với nhà Minh đều do ông soạn thảo, tiếng tăm lừng lẫy đến cả Trung Hoa. Ông là người đã đem môn toán và bàn tính của người Tàu về dạy dân trong nước.

Cân voi

Tương truyền khi sứ nhà Minh là Chu Hi sang nước ta, Vua Lê Thánh Tông đã cử ông ra tiếp Chu Hi nghe nói ông giỏi văn chương lại tinh thông toán học nên muốn thử tài ông. Một hôm ra ngoài kinh thành thấy một con voi đang kéo gỗ từ dưới sông lên, Chu Hi liền bảo ông:

- Trạng nguyên nước Nam thử cân xem con voi kia nặng bao nhiêu cân?

Ông liền nói với Chu Hi:

- Cân dễ thôi, chỉ phiền sứ thần ngồi chơi trong chốc lát. Ông sai quân lính lấy một cái thuyền to và cho dẫn voi xuống thuyền, thuyền chìm đến chỗ nào, ông cho lấy vôi đánh dấu mức. Sau đó lại dẫn voi lên và sẵn đá bên sông ông cho quân lính xếp đá vào thuyền cho đến đúng mức nước voi xuống và thuyền đã chìm. Sau đó ông cho lấy cân bình thường cân đống đá xếp trong thuyền lấy lên, ông cho sứ Minh biết trọng lượng con voi đang kéo gỗ bằng số đá mà ông đã xếp xuống thuyền.

https://tieulun.hopto.org

Sứ nhà Minh phải thốt lên:

- Tiếng đồn quả không sai, thật là trạng nước Nam.[1]

Đo tờ giấy mỏng

Sau khi thử Lương Thế Vinh cân voi nặng thế nào, sứ Trung Hoa lại đưa một tờ giấy bản mỏng trong một cuốn sách và bảo với ông là đo xem tờ giấy đó dầy bao nhiêu. Chu Hi đưa cho ông chiếc thước cầm trong tay, chiếc thước đo chỉ phân chia đến tấc va li, thì khó mà đo được tờ giấy mỏng kia. Lương Thế Vinh đã không bối rối. Ông bèn bảo sứ thần của Trung Hoa đưa cho mượn cả quyển sách dầy. Sứ Trung Hoa đưa cho ông mượn trong bụng nghĩ thầm hay là trong sách có cách dạy cho đo? Nhưng không phải, Lương Thế Vinh đã đo chiều dày của quyển sách và chia chiều dầy đó cho số tờ giấy thì sẽ biết ngay chiều dày của một tờ giấy.

Sứ thần Trung Hoa thấy thế đã phải thốt lên lời thán phục: Nước Nam quả là lắm nhân tài!

Phép tính của Lương Thế Vinh cân voi và đo bề dầy của tờ giấy thực sự là một phương pháp của toán học biểu thị tài trí thông minh.

12. TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN TRỰC VÀ BẢNG NHÃN TRỊNH THIẾT TƯỜNG ĐI SỨ TRUNG HOA

Tương truyền khoảng niên hiệu Thái Hoà (1443 - 1453), Trạng nguyên Nguyễn Trực[2] và bảng nhãn Trịnh Thiết Trường[3] cùng phụng mệnh sung vào sứ bộ sang Trung Hoa.

---

[1] *Có tài liệu ghi là câu chuyện trên xảy ra khi Lương Thế Vinh đi sứ bên Trung Hoa.*

[2] *Nguyễn Trực: người xã Bối Khê huyện Thanh Oai, nay là thôn Bối Khê xã Tam Hưng huyện Thanh Oai tỉnh Hà Tây, đậu Trạng Nguyên khoa Nhâm Tuất (1442), làm Tế tửu Quốc Tử Giám và đã đi sứ nhà Minh.*

[3] *Trịnh Thiết Trường: người huyện Yên Định tỉnh Thanh Hoá đậu bảng nhãn khoa Nhâm Tuất (1442), làm Hữu Thị lang, đi sứ nhà Minh tháng 11 - 1475. Được vua kén làm phò mã.*

https://tieulun.hopto.org

Gặp lúc triều đình đang mở khoa thi, để tỏ rõ tài trí văn học của người nước Nam, hai người xin với vua cho vào dự thi cùng với cống sĩ Trung Hoa. Vua đồng ý. Khi vào trường thi, hai người đã viết bài được gần một nửa thì Trịnh Thiết Trường bảo với Nguyễn Trực rằng: "Tôi dự tính người đỗ đầu khoá này chỉ có tôi hoặc là bác mà thôi. Văn của tôi có nhiều chỗ đắc ý, e rằng văn của bác không sánh kịp. Nhưng nghĩ ở nước nhà, bác đỗ trạng nguyên, tôi đỗ bảng nhãn, nếu nay tôi đỗ trên, e rằng vua nước ta sẽ không bằng lòng và các giám khảo khoa thi sẽ cho là giám khảo nước ta chấm bài thi không đúng. Vậy ý bác thế nào?" Nguyên Trực nói: "Đa tạ tấm lòng của bác thực bụng muốn nhún nhường để người nước ngoài khỏi coi thường ta. Vậy để giữ nguyên danh thứ như kỳ thi trong nước, bác nên giảm bớt bút lực". Thiết Trường nhận lời, trong bài văn của Trịnh Thiết Trường có câu: "Nam chi châu, Bắc chi mã", nghĩa là thuyền phương Nam, ngựa phương Bắc. Nhân đấy Thiết Trường xoá chữ Mã đi mà viết chữ Mã khác ở ngoài dòng chữ, chữ Mã này chỉ có ba dấu chấm ở dưới. Đến lúc các khảo quan chấm bài thi thì tất cả đều kém chỉ có bài của Thiết Trường đáng đậu trạng nguyên và bài của Nguyễn Trực đáng đỗ bảng nhãn. Sau đó các quan chấm thi nhìn kĩ lại thì thấy chữ Mã chữa lại của Thiết Trường chỉ có 3 dấu chấm cho ngựa phương bắc (Trung Hoa) chỉ có ba chân, là ngựa què, có ý khinh thường thiên triều, bèn thay đổi thứ tự lấy Nguyễn Trực đậu trạng nguyên và Thiết Trường đậu bảng nhãn. Vua Trung Hoa phong cho hai người là Lưỡng quốc Trạng nguyên và Bảng nhãn. Khi xong việc, hai người vào tạ ân và xin về nước, được vua ban cho áo gấm hốt vàng, tàn lọng và ngựa hay. Nguyễn Trực được đi trước, Thiết Trường đi sau. Khi giao ngựa cho Thiết Trường, vua sai quân lính buộc một chân lại và ra lệnh cho Thiết Trường nếu ngựa ba chân không đi được thì sẽ giữ lại không cho về nước. Thiết Trường đã bình tĩnh sai người đẽo một miếng gỗ như hình móng ngựa dùng dây sắt buộc chống vào chân què của ngựa vì vậy ngựa què vẫn đi được. Triều đình khen là có tài ứng biến,

https://tieulun.hopto.org

cho lính cởi chân ngựa bị buộc ra và cho lên đường về nước. Ý muốn dạy Thiết Trường không được khinh lờn và nhớ chữ Mã là ngựa luôn có 4 dấu chấm như 4 chân của ngựa.

Nhận xét về chuyện này, Lê Quý Đôn viết như sau: "Sở dĩ có người đặt ra chuyện này là bởi họ thấy trong tập biểu văn của quốc triều có bài: nghĩ thiên triều từ Nguyễn Trực Trạng nguyên, ban quan, đai bào, hốt, tạ biểu (nghĩ bài biểu tạ ơn thiên triều cho Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên và ban cho mũ, đai, áo và hốt), họ tưởng là sự thực nên đặt ra câu chuyện quê kệch ấy mà thôi. Thực ra thì vì Thánh Tông Thuần Hoàng Đế quý trọng Nguyễn Trực, mới ra bốn đầu đề ấy để cho Nguyễn Trực soạn, chứ có phải có thật việc ấy đâu."

13. SỨ THẦN NHÀ MINH LÀ TIỀN PHỒ BẮT BẺ VỀ NGHI THỨC ĐÓN TIẾP VÀ PHONG VƯƠNG

Xung quanh việc đón sứ thần phương Bắc sang phong vương, các triều đình Việt Nam phải tuân theo các nghi thức do triều đình Trung Quốc quy định. Tuy vậy những chi tiết nào cho là có phương hại đến quốc thể thì thường tìm cách chống chế, không tuân theo, vin cớ này cớ khác khi đón tiếp sứ thần và tuyên đọc chiếu chỉ. Việc tuân theo những nghi thức này cũng tuỳ thuộc theo sự cường thịnh của các triều vua. Khi triều đình suy biến vì mâu thẫn nội bộ hay vì do chiếm đoạt ngôi vua... thì trong khi đón tiếp và tranh biện quan hệ triều đình ta thường không chủ động được, phải tuân theo các yêu sách cống nộp và các nghi thức đón tiếp do đối phương quy định.

Vào đời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ III (1462), phong kiến Việt Nam đã bước vào thời kỳ hưng thịnh, lòng tự hào dân tộc trong giai cấp phong kiến được đề cao. Vì vậy việc đón các sứ thần nhà Minh đã có chi tiết không chịu tuân theo để giữ gìn tư thế của một quốc gia độc lập. Khi sứ nhà Minh là Tiền Phồ và Vương Dự sang phong vương Lê Thánh Tông đã bắt bẻ triều đình về các việc sau:

https://tieulun.hopto.org

Gặp lúc triều đình đang mở khoa thi, để tỏ rõ tài trí văn học của người nước Nam, hai người xin với vua cho vào dự thi cùng với cống sĩ Trung Hoa. Vua đồng ý. Khi vào trường thi, hai người đã viết bài được gần một nửa thì Trịnh Thiết Trường bảo với Nguyễn Trực rằng: "Tôi dự tính người đỗ đầu khoá này chỉ có tôi hoặc là bác mà thôi. Văn của tôi có nhiều chỗ đắc ý, e rằng văn của bác không sánh kịp. Nhưng nghĩ ở nước nhà, bác đỗ trạng nguyên, tôi đỗ bảng nhãn, nếu nay tôi đỗ trên, e rằng vua nước ta sẽ không bằng lòng và các giám khảo khoa thi sẽ cho là giám khảo nước ta chấm bài thi không đúng. Vậy ý bác thế nào?" Nguyên Trực nói: "Đa tạ tấm lòng của bác thực bụng muốn nhún nhường để người nước ngoài khỏi coi thường ta. Vậy để giữ nguyên danh thứ như kỳ thi trong nước, bác nên giảm bớt bút lực". Thiết Trường nhận lời, trong bài văn của Trịnh Thiết Trường có câu: "Nam chi châu, Bắc chi mã", nghĩa là thuyền phương Nam, ngựa phương Bắc. Nhân đấy Thiết Trường xoá chữ Mã đi mà viết chữ Mã khác ở ngoài dòng chữ, chữ Mã này chỉ có ba dấu chấm ở dưới. Đến lúc các khảo quan chấm bài thi thì tất cả đều kém chỉ có bài của Thiết Trường đáng đậu trạng nguyên và bài của Nguyễn Trực đáng đỗ bảng nhãn. Sau đó các quan chấm thi nhìn kĩ lại thì thấy chữ Mã chữa lại của Thiết Trường chỉ có 3 dấu chấm cho ngựa phương bắc (Trung Hoa) chỉ có ba chân, là ngựa què, có ý khinh thường thiên triều, bèn thay đổi thứ tự lấy Nguyễn Trực đậu trạng nguyên và Thiết Trường đậu bảng nhãn. Vua Trung Hoa phong cho hai người là Lưỡng quốc Trạng nguyên và Bảng nhãn. Khi xong việc, hai người vào tạ ân và xin về nước, được vua ban cho áo gấm hốt vàng, tàn lọng và ngựa hay. Nguyễn Trực được đi trước, Thiết Trường đi sau. Khi giao ngựa cho Thiết Trường, vua sai quân lính buộc một chân lại và ra lệnh cho Thiết Trường nếu ngựa ba chân không đi được thì sẽ giữ lại không cho về nước. Thiết Trường đã bình tĩnh sai người đẽo một miếng gỗ như hình móng ngựa dùng dây sắt buộc chống vào chân què của ngựa vì vậy ngựa què vẫn đi được. Triều đình khen là có tài ứng biến,

https://tieulun.hopto.org

cho lính cởi chân ngựa bị buộc ra và cho lên đường về nước. Ý muốn dạy Thiết Trường không được khinh lờn và nhớ chữ Mã là ngựa luôn có 4 dấu chấm như 4 chân của ngựa.

Nhận xét về chuyện này, Lê Quý Đôn viết như sau: "Sở dĩ có người đặt ra chuyện này là bởi họ thấy trong tập biểu văn của quốc triều có bài: nghĩ thiên triều từ Nguyễn Trực Trạng nguyên, ban quan, đai bào, hốt, tạ biểu (nghĩ bài biểu tạ ơn thiên triều cho Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên và ban cho mũ, đai, áo và hốt), họ tưởng là sự thực nên đặt ra câu chuyện quê kệch ấy mà thôi. Thực ra thì vì Thánh Tông Thuần Hoàng Đế quý trọng Nguyễn Trực, mới ra bỡn đầu đề ấy để cho Nguyễn Trực soạn, chứ có phải có thật việc ấy đâu."

13. SỨ THẦN NHÀ MINH LÀ TIỀN PHỔ BẮT BẺ VỀ NGHI THỨC ĐÓN TIẾP VÀ PHONG VƯƠNG

Xung quanh việc đón sứ thần phương Bắc sang phong vương, các triều đình Việt Nam phải tuân theo các nghi thức do triều đình Trung Quốc quy định. Tuy vậy những chi tiết nào cho là có phương hại đến quốc thể thì thường tìm cách chống chế, không tuân theo, vin cớ này cớ khác khi đón tiếp sứ thần và tuyên đọc chiếu chỉ. Việc tuân theo những nghi thức này cũng tuỳ thuộc theo sự cường thịnh của các triều vua. Khi triều đình suy biến vì mâu thẫn nội bộ hay vì do chiếm đoạt ngôi vua... thì trong khi đón tiếp và tranh biện quan hệ triều đình ta thường không chủ động được, phải tuân theo các yêu sách cống nộp và các nghi thức đón tiếp do đối phương quy định.

Vào đời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ III (1462), phong kiến Việt Nam đã bước vào thời kỳ hưng thịnh, lòng tự hào dân tộc trong giai cấp phong kiến được đề cao. Vì vậy việc đón các sứ thần nhà Minh đã có chi tiết không chịu tuân theo để giữ gìn tư thế của một quốc gia độc lập. Khi sứ nhà Minh là Tiền Phổ và Vương Dự sang phong vương Lê Thánh Tông đã bắt bẻ triều đình về các việc sau:

https://tieulun.hopto.org

1. Hướng ngồi của Vua và quan Đại Việt khi tiếp sứ thần Trung Quốc: chúng yêu cầu ngồi tiếp kiến theo hướng Nam - Bắc, chúng ngồi hướng về Nam, Vua quan ta ngồi hướng về Bắc. (Có ý là hướng về thiên triều ở phương Bắc, chúng đại diện cho thiên tử, thay mặt vua Trung Quốc nhìn xuống phía Nam). Phía ta nêu hướng ngồi là Đông và Tây, coi như quan hệ ngang hàng. Trước lần này trong 9 lần đón sứ nhà Minh đều ngồi theo hướng Đông - Tây chỉ có một lần tiếp Hoàng Gián, tuy đã biện luận đến vài bốn lần nhưng Hoàng Gián "hơi có tính hiếu danh", nên Triều đình "gượng nghe ngồi theo hướng Nam - Bắc". Nay vẫn nên theo hướng ngồi đó.

2. *Đón sứ thần*: Chúng yêu cầu khi chúng qua biên giới thì quân Việt phải nghênh tiếp dọc đường. Vua và quan Đại Việt phải đến tận trạm Lã Côi (xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay) để đón chiếu sắc của Vua Trung Quốc, ngoảnh mặt về bắc làm lễ 5 lạy 3 vái. Ta không nghe theo.

3. *Nghênh tiếp chiếu sắc của Vua Bắc*: phải tuân theo các thể lệ rước, lễ... theo đúng quy định. Phía triều đình Nhà Lê căn cứ vào lễ chế Hồng Vũ (đời Minh Thái Tổ) không chịu ra ngoài thành làm lễ, cho là mệnh của thiên tử chưa tuyên bố (phong vương cho vua Nam) thì chưa thể uý lạo sứ thần.

4. *Chỗ ngồi khi yến tiệc*: Chúng nêu bốn vị sứ thần Minh ngồi phía Đông hướng sang phía Tây, Vua ta ngồi phía Tây hướng sang phía Đông, ngang với vị thứ 4 của sứ thần phương Bắc. Quan ta không được cùng ngồi với Vua tiếp sứ thần. Ta không nghe.

5. *Đọc chiếu sắc của Vua Trung Quốc*: chúng bắt đọc bằng tiếng Trung Quốc. Ta đề nghị đọc bằng âm Hán Việt, cho là nếu đọc tiếng Trung Quốc "e giọng điệu sống sượng", sợ có lỗi với thiên tử. (Thí dụ: từ kim liên đọc âm Hán là "kim liên", nếu đọc âm Trung Quốc là "cắm lìn").

Hai bên thư từ tranh biện nhiều lần sau đó mới tiến hành nghi thức đón sứ thần và phong vương. Xin trích thư từ trao đổi giữa sứ thần Tiền Phổ nhà Minh và triều đình Vua Lê để thấy

https://tieulun.hopto.org

đây chỉ là một lần tranh biện trong không biết bao nhiêu lần đón tiếp sứ thần Trung Quốc của các triều đại phong kiến Việt Nam. *Trích theo Lịch triều hiến chương loại chí - Bang Giao Chí* của Phan Huy Chú.

"Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ III (1462), nhà Minh sai Hàn lâm học sĩ Tiền Phổ và Lễ bộ cấp sự trung Vương Dự sang sách phong. Bọn Tiền Phổ mới sang đến cửa quan đã đưa thư trách về lễ đón tiếp, đại lược nói rằng: "Nước An Nam là nước thần phục ở cõi Nam, giữ gìn lễ phép, đáng lẽ tiếp đãi sứ thượng quốc phải hơn nước khác mới phải, thế mà sao khi sứ nước tôi mới đến, thì không chuyện trò gì, tớ thầy phân tán, mà những nơi nguồn sâu đèo cao đều đem quân đóng, khiến người ta phải bực tức không yên lòng, khác nào như đối với giặc cướp. Như thế quả là xuất ư, là thành tâm sao? Đối đãi khi đã đến thì như bọn thị lang họ Từ[1] đến thì đặt chỗ ngồi đông tây đối nhau, bọn hành nhân họ Biên[2] đến đặt chỗ ngồi nam bắc đối nhau, bọn tự khanh họ Hoàng[3] đến thì thư từ đi lại biện luận mấy phen, đến 7 ngày mới định chỗ ngồi hướng về nam. Tại sao lại không giống nhau thế? Có phải là làm điên đảo hào kiệt của nước tôi để khiến ly gián hay không? Hay là vì lễ nghi lúc đầu mới tạm đủ, đến đấy mới định chăng? Xin nói rõ cho tôi biết. Triều đình nước tôi đối với nước An Nam, việc gì cũng giao tiếp bằng lễ văn mà đều phải theo nghĩa hết lòng thờ nước lớn giúp nước nhỏ, sao riêng việc tiếp sứ lại không thành tâm như thế? Hay là những người tả hữu của các tiên vương thích làm gian dối như thế để lấy công chăng? Cho nên ngay lúc Vương mới lên ngôi tôi nói để Vương biết: bọn Phổ này là bề tôi theo hầu thân

---

[1] *Thị lang họ Từ: Tức Từ Kỳ, là sứ sang năm Thuận Thiên thứ 4 (1431).*

[2] *Hành nhân họ Biên: Tức Biên Vĩnh là sứ sang năm Thái - Hoà thứ 9 (1451).*

[3] *Tự khanh họ Hoàng: tức Hoàng Giám là sứ năm Diêm - Ninh thứ 4 (1457).*

https://tieulun.hopto.org

cận của Thiên tử, Vương cũng biết là không ví như các sứ thần trước được. Nếu vương có thể sửa đổi lại mà tiếp đãi bằng lòng thành thì nên sai ngay những người trưởng giả ra biên giới đón tiếp. Chọn định ngày tốt và các nghi thức đón tiếp, đọc chiếu thư, yến hội hướng chỗ ngồi, cần phải nhún nhường mà năng qua lại, cốt châm chước việc cổ mà chuẩn định việc kim cho phải, bỏ thói khinh bạc mà theo trung hậu. Tôi sẽ xem lễ ấy thế nào. Đừng chê rằng "chửa trông thấy mặt đã nói là người mù..."

Nước ta đưa thư đáp lại rằng: "Nhiếp An Nam quốc sự Lê Mỗ xông gội mà kính cẩn đưa thư đáp lại vị sứ giả thiên triều: Vừa rồi tiếp được thư, tôi trang trọng đọc hai ba lần, được biết ý yêu mến, hân hạnh khôn xiết, chưa kịp trả lời, sai ngay đầu mục là Nguyễn Thiện, ngày đêm đi gấp, để cúi chờ lệnh. Còn trong lời dụ của ngài nói chỗ ngồi của các sứ giả có ba bực khác nhau, tôi thiết nghĩ nước tôi mới chịu mệnh (thượng quốc) hai quan thị lang họ Lý[1] và họ Chương[2] phụng chiếu sang nước tôi, lễ yến hội và hướng ngồi đã được bàn, lấy hướng đông tây ngồi đối toạ làm chủ. Về sau hai vị Thị lang họ Từ[3] họ Lý[4], các quan Thông chánh họ Lý[5], Cấp sự họ Thang[6], Đô cấp sự Tiết[7], Lang trung họ Trần[8], Hành nhân học Quách[9] họ Phú[10]

---

[1] *Thị lang họ Lý: Tức Lý Kỳ, là sứ sang năm Thuận Thiên thứ I (1428).*

[2] *Thị lang họ Chương: Tức Chương Xưởng, là sứ sang năm Thuận Thiên thứ IV (1431).*

[3],[4] *Thị lang họ Từ, họ Lý: Đã chú thích ở trên.*

[5] *Thông chính họ Lý: Tức Lý Hanh, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ IV (1437).*

[6] *Cấp sự họ Thang: Tức Thang Nại, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ V (1438).*

[7] *Đô cấp sự họ Tiết: Tức Tiết Kiêm, là sứ sang năm Thái Hoà thứ I (1443).*

[8] *Lang trung họ Trần: Tức Trần Kim, là sứ sang năm Thái Hoà thứ X (1452).*

[9] *Hành nhân họ Quách: Tức Quách Tế, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ I (1434).*

[10] *Hành nhân họ Chu: Tức Chu Bật là sứ sang năm Thiệu Bình thứ I (1434).*

https://tieuluan.hopto.org

họ Tạ[1] họ Cao[2] họ Hầu[3] họ Biên[4] đều cho thế là phải, không ai dị nghị gì cả. Năm gần đây, quan Tự khanh họ Hoàng[5] hơi có tính hiếu danh, nghe nhầm kẻ tiểu nhân ở Long Châu nói càn rằng quan Hành nhân họ Biên ngồi đối toạ hướng nam bắc, cho việc làm của các bực trước là không đáng theo, biện luận vài bốn lần, sau mới biết là nghe phải lời nói dối, cố ý đặt ra để nghị cùng ngồi hướng về nam. Triều đình chúng tôi bất đắc dĩ phải gượng theo. Vừa đây quan Hành nhân họ Lưu[6] cũng từng đem việc đó ra nói, cuối cùng biết việc họ Chương họ Từ trước kia đáng theo, và vẫn theo hướng ngồi như trước. Tôi trộm nghĩ ngài là bề tôi yêu quý của thiên tử, vâng mệnh đến hạ quốc, thể theo ý yêu mến của Triều đình để thuận lòng dân chúng, yên vỗ phương xa. Kinh Lễ có nói: "Lễ tòng nghi, sứ tòng tục"[7]. Đại nhân là bực quân tử rộng rãi phong nhã, đối với việc này tất đã có cách xử trí. Kính cẩn trả lời".

Bọn Tiền Phổ lại đưa thư bàn về nghi thức: "Nghĩ rằng nước An Nam vốn là một nước văn vật, thành tâm sợ mệnh trời thờ nước lớn, không việc gì là không chu đáo, mà riêng về lễ tiếp đãi sứ thần lại còn có chỗ không nhất trí, cho nên, bọn tôi phụng ân mệnh của Thiên tử, xông pha muôn dặm nóng nực đến đây, trước đến Nam Ninh, tôi đã gửi thư ngay cho Vương nói rõ cái cớ tiếp sứ không giống nhau để cho lễ nghi đối với người đem vận mệnh của Thiên tử được kính cẩn mà không ngờ

---

[1] *Hành quân họ Tạ: Tức Tạ Kinh, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ XII (1435).*

[2] *Hành nhân họ Cao: Tức Trần Cao Dần, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ V (1435).*

[3] *Hành nhân họ Hầu: Tức Hầu Văn Tấn, là sứ sang năm Thiệu Bình thứ II (1435).*

[4] *Hành nhân họ Biên: Tức Biên Vĩnh, là sứ sang năm Thái Hoà thứ IX (1451).*

[5] *Tự khanh họ Hoàng: Tức Hoàng Giản đã chú ở trên.*

[6] *Hành nhân họ Lưu: Tức Lưu Trật, là sứ sang năm Quang Thuận thứ III (1462).*

[7] *Lễ thì theo thích nghi, đi sứ thì theo phong tục.*

https://tieulun.hopto.org

gì. Khi vào biên giới được hai ngày thì Vương sai Nguyễn Thiện đến nói rằng: Không có thư trả lời, chỉ xin chỉ giáo, ý của Vương là hậu đấy. Nhưng quả chuông chưa bao giờ không đánh mà tự kêu, cho nên tôi bảo Nguyễn Thiện nói lại rằng: Nếu Vương không có thư thì khó định lễ. Vả lại trước nghe người chấp chính nói rằng: Quốc vương hiện nay đương mở lòng thành thật, nên cố tính sao cho vừa phải để sau lễ mừng này, không nên thơ từ đi lại tranh luận, để lòng vương không được yên". Người nói như thế có khác nào như người có bệnh lại uống nhầm thuốc thì bệnh càng khó chữa, người thầy thuốc sau nếu không tìm được căn bệnh thì chữa sao cho khỏi được? Cho nên Thiện về được 5 ngày, quả nhiên đem thư cuả Vương đến, mới biết chỗ tiếp sứ không giống nhau, lễ tuy không có bằng cứ, nhưng lời nói có thể tin, thế là bệnh đã rõ, mà lòng cần chữa bệnh đã cần. Nhưng nếu cứ giữ cả hai cách[1] mà chưa nhất định thì tôi e rằng lại uống nhầm thuốc nữa. Ôi! Đó là bởi chưa có rành mà bàn kỹ vậy. Phàm lễ là để phân biệt trên dưới mà thống nhất lòng dân; phân biệt để tỏ phận trên dưới khác nhau, như thế để quy lòng dân làm một. Đại để quy làm một thì thuần nhất, chia làm hai thì hỗn tạp. *Kinh Thư* có nói: "Đức chỉ có một thì làm việc gì cũng hay, đức chia hai ba thì làm việc gì cũng dở" là nghĩa thế đấy. Nay muốn quy hai ba mối lại làm một thì đã có quy chế sẵn của tổ tông. Quy chế đã định ở chỗ này. Ở sách *Đại Minh tập lễ*, Thái Tổ ta làm ra lễ để cả thiên hạ cùng theo như một, trong ấy có phép về yến hội, chỗ ngồi vào nghi thức ban chiếu đối với nước An Nam rất rõ ràng, sao Tiên vương của Vương không tìm đến cách ấy, mà lại đem lễ chế của đời đời Hồng Vũ chỉ dùng cho các ti phủ mà nói. Từ nay về sau nên theo cái thuyết ngồi hướng về nam. Tuy thế, dưa xương bồ là một vị tầm thường mà Chu Công[2] cũng từ chối không nhận,

---

[1] *Hai cách: Tiếp sứ giả, lúc thì ngồi hướng đông tây, lúc thì ngồi về hướng nam.*

[2] *Nhà Chu sai Chu Công Duyệt sang sính nước Lỗ, khi ăn yến có thứ dưa muối bằng cổ xương bồ, Duyệt từ chối không ăn, nói.* (tiếp trang sau)

https://tieulun.hopto.org

cho rằng một người không có đức không dám hưởng những vật người ta kính biếu; cái dây thắng đai ngựa là vật nhỏ mọn, mà đức Khổng Tử cũng tiếc, bảo rằng đồ danh khí không nên bạ ai cũng cho. Đời xưa cẩn thận về lễ đối với việc nhỏ như thế đó. Định chế của tổ tông ta chép ở phương sách, sáng tỏ như mặt trời, đâu có dám làm mờ ám đi để tham lễ đặc biệt. Huống chi ngày nay lại làm cả lễ kính nhận sắc phong nữa. Vậy chúng tôi xin xét những điều đã chép (ở *Đại Minh tập lễ*), tham khảo cả lễ chế đời Hồng Vũ và lễ cổ đã thi hành, không những là vẻ vang cho nước mà còn được đời đời không trái lễ nữa. Mong rằng đừng tin lầm vào lời bàn của cố lão bảo cái lễ này tiên quân ta chưa làm mà bỏ qua".

Kê khai 6 điều nghi thức như sau:

- Sứ thần mang chiếu sắc vào đến đầu biên giới thì các quan nghênh tiếp dọc đường và các quan ở các nha môn đi qua phải làm lễ 5 lạy 3 vái, còn các quan dân gặp ở dọc đường thì phải phủ phục ở trên đường, chờ khi đi qua mới được đứng.

- Trước ngày ấy, kết hoa ở sân điện, các công sở và đường phố, các quan và kỳ lão, tăng đạo chiếu theo nghi thức ở *Đại Minh tập lễ* mà diễn tập nghi lễ trước. Đêm hôm ấy, Vương ngủ ở nơi trai sở và đường phố. Các quan ngủ ở nha môn. Sáng sớm hôm sau Vương và các quan đều đủ mũ áo đi đón, đem bọn kỳ lão tăng đạo ra ngoài trạm Lã Côi[10] trông về phía chiếu sắc mà cúi đầu. (Khi chiếu sắc đến) Vương theo chiếu sắc vào trạm, còn các quan thì đợi sứ thiên triều xuống kiệu vào trạm, rồi bê chiếu sắc để vào giữa long đình, hướng về nam. Vương và các quan cùng ngoảnh mặt về bắc làm lễ 5 lạy 3 vái. Các quan đều đứng theo ban hai bên đông tây. Vương và sứ thần cùng làm lễ lạy nhau 2 lạy. Đặt chỗ của sứ hướng về nam, vương quay mặt về bắc mời rượu. Uống rượu xong, vương dẫn các quan về, lưu chính chấp sự ở lại khoản tiếp và lưu quan quân ở lại túc vệ. Đó là cái lễ cổ uý lạo ở ngoài thành, nước An Nam làm đã lâu rồi.

---

tôi không đáng vị được ăn món ấy.

[1] Trạm Lã Côi: Thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc Hà Nội.

https://tieuluan.hopto.org

Ngày xưa thế tử nước Tào sang nước Lỗ, nước Lỗ cho là chưa làm vua, lấy lễ thượng khanh (quan to) để tiếp đãi; nay nhà vua chưa được phong vương, lui xuống một bực, theo lễ thượng khanh để tiếp sứ thiên triều, đó cũng là lễ.

- Sai quan rước ở ngoài cửa thành. Treo màn kết hoa, đặt hai chiếc long đình và một chiếc hương án ở chính giữa, có đủ các đồ nghi trượng chiêng trống. Đánh nhạc rước vào long đình, đặt long tiết[1] vào một long đình, chiếu và sắc vào một long đình. Ngày hôm ấy Vương và các quan mặc triều phục cùng với các kỳ lão, tăng đạo làm lễ cúi đầu vái, rồi rước long đình ra. Kỳ lão và tăng đạo đi trước, rồi đến các quan, rồi đến đồ nghi trượng, trống và nhạc, rồi đến long đình, rồi đến các sứ giả chia hàng đi sau long đình rước đến phủ (của Vương). Các quan chia hàng đứng hai bên đông tây. Viên tán lễ xướng: "Bài ban". Viên dẫn lễ dẫn Vương và các quan đến chỗ lễ. Lại xướng: "Ban tế". Viên sứ giả ở phía đông là chức học sĩ đến trước hương án đứng quay mặt về nam nói "hữu chế", xướng "cúc cung tứ bái". Xướng "tam thượng hương"[2]. Hai quan khai độc và tuyên độc dùng người biết tiếng Trung Quốc. Sứ giả đến chỗ long đình bưng tờ phiếu đưa cho quan phụng chiếu, quan phụng chiếu quỳ xuống nhận lấy tờ chiếu đưa cho quan khai độc. Đọc xong lại bưng trả lại, sứ giả lại đặt tờ chiếu lên long đình. Tán lễ xướng: "Tứ bái", "tấn hốt cúc cung nhị", "vũ đạo tung hô giả tam", "xuất hốt", "phủ phục, hưng, tứ bái"[3]. Xong, sứ giả ở phía tây là chức thái giám đến trước hương án đứng quay mặt về hướng nam. Tán lễ xướng: "Quỳ". Vương và các quan đều quỳ. Sứ giả đến trước long đình quỳ, hỏi thăm sức khoẻ Thánh thượng. Thái giám cúi mình đáp: Thánh cung vạn phúc[4]. Vương lui ra. Lại đặt hương án ở trên

---

[1] *Long tiết: Con dấu riêng của sứ thần mang đi.*

[2] *Ba lần dâng hương.*

[3] *Bốn lạy - Đặt hốt mà cúi mình hai lần - Múa nhảy tung hô ba lần - Lấy hốt ra - Phủ phục, đứng dậy, bốn vái.*

[4] *Thánh cung vạn phúc: Thánh thượng bình yên mạnh khoẻ.*

https://nxbhanoi.org

điện đài hướng về phía tây. Vương thay mặc áo cửu chương[1], làm lễ 5 lạy 3 vái để tạ ơn. Sau đó thay mũ đai vương giả, cùng với sứ thần chia hai bên đông tây lạy nhau hai lạy. Các quan yết kiến sứ giả, đứng ngoảnh mặt hướng nam, lễ hai lạy xong, vương đem các quan, đủ đồ nghi trượng trống nhạc, đưa chiếu và tiết về sứ quán. Đấy là lễ nghênh tiếp chiếu sắc, đều theo hai sách *Đại Minh tập lễ* và *Hồng - Vũ lễ chế* châm trước mà làm, có chỗ hơi không giống nhau, là lấy nghĩa mà định.

- Lễ yến tiệc. Bốn vị triều sứ ngồi phía đông hướng sang phía tây, vương ngồi phía tây hướng sang phía đông, ngang với vị thứ tư. Đó là theo *Đại Minh tập lễ* mà chép lại. Năm chí nguyên thứ 28 nhà Nguyên (1304), Lễ bộ thượng thư Trương Lập Đạo sang sứ An Nam, khi ăn yến ở Tập Hiền Viện thì cùng ngồi đông tây đối diện nhau. Quốc triều ta (Minh) theo thế mà làm. Đến năm Hồng Vũ thứ 26 (1411), quan chỉ huy Vương Khải Huy sang nước Triều Tiên, theo lễ định ra nghi thức cũng ngồi đông tây đối diện nhau. Đó là lễ chế của tổ tông ta đã đặt ra, phải kính cẩn mà làm. Như trước kia có thị thần cùng dự yến ở trong điện, thì nay nên đặt ở hai bên điện ngoài, rồi lần lượt lên mời rượu. Là vì, vua đã ngồi với sứ thần thì bề tôi nên lui tránh.

- Vương và người hiền trong nước có học thức thì đều nên làm thơ để tiễn triều sứ về Bắc Kinh. Đó là (theo lễ) từ xưa, các sứ giả đi sứ bốn phương tất thu nhặt văn thơ của các nước để xem phong tục tốt xấu. Như Tuyên Tử sang sứ nước Trịnh, khi về các quan lục khanh tiễn ra ngoài thành, Tuyên Tử nói: Xin các ông làm thơ cũng là để biết cái chí của người nước Trịnh. Rồi thơ làm nói cái chí của người nước Trịnh đều thích yên vui. Nếu có người làm thơ thì không những để xem chí, rồi ra còn thu thập lấy dâng lên vua.

- Ngày tiễn hành. Vương dẫn các quan đưa chiếu và tiết ra ngoài thành, làm lễ ba vái rồi về. Sau sẽ sai bồi thần sang triều đình tạ ơn.

---

[1] *Áo cửu chương: áo vẽ và thêu chín vẻ của vua.*

https://tieulun.hopto.org

Thư đáp lại của nước ta rằng: "Trước Lưu Khang Công thường nói: Người ta bẩm thụ khí trung chính của trời đất mà sinh, tức gọi là mệnh nên mới có quy tắc cho động tác uy nghi để định cái mệnh. Đó không những là dụng ý sâu xa, mà cũng là yêu hạ quốc mà đem điều phải dạy cho. Ngài theo đạo trung dung, ở bên cạnh thiên tử, mang minh chiếu đến tệ ấp, khi mới đến Vân Ung (Nam Ninh) đã gửi thư sang, khi đến gần thành lại có thư và làm ơn biên cả nghi thức cho, đủ thấy cái ý đôn hậu ân cần, còn gì hơn nữa. Tôi đâu giám không tuân lệnh. Nhưng điều khoản làm lễ đón ngoài thành khiến làm theo lễ cổ, mà chúng tôi cúi xem lễ chế Hồng Vũ vốn không có thuyết ấy. Có lẽ nào mệnh thiên tử chưa tuyên bố mà dám vội làm lễ uý lạo sứ thần! Vả lại đón ở ngoài thành, lễ của nước tôi vẫn là cung kính. Tuân theo lễ chế và giữ cung kính là để theo lẽ phải vậy. Nếu bỏ điều đó không làm thì chưa biết có khỏi lỗi hay không? Còn như mặc triều phục mà đón là lễ đấy, hiềm vì nước tôi xa xôi, dẫu muốn miễn cưỡng mà làm, những lo phẩm phục lỡ có ai sai lầm thì đổ cho ai?

Việc khai độc tờ chiếu là để tuyên dương đức ý của thiên tử, nếu bắt đọc bằng tiếng Trung Quốc thì trong một nước tôi đành không phải là không có người biết tiếng Trung Quốc, nhưng giọng điệu không khỏi sống sượng, lỗi ấy rất to. Huống chi những thần tử thân cận của tôi chưa hiểu được hết thì đức ý của thiên triều chưa tuyên bố ngay được. Ngài đã lấy đạo trung dung dạy tôi, vậy tôi không thể làm trái điều ấy, cho nên tôi không từ mạo muội nói nhảm, mà giám tuyên bố cho bọn chấp sự của tôi, xin ngài xét định cho. Kính phúc thư".

Bọn Tiền Phổ lại đưa thư sang rằng: "Tờ phúc thư trước có nói: Lễ yến và chỗ ngồi các bực tiền bối đã bàn định, đến Tự khanh họ Hoàng mới cho là không đáng theo, Hành nhân họ Lưu thì lại theo như cũ. Những lời không căn cứ đó có thể thuyết phục được chúng tôi chăng? Có thể thuyết phục được thiên hạ hậu thế chăng? Vì thế nên Tự khanh họ Hoàng giữ theo hướng nam là phải. Chúng tôi thiết tưởng Vương nói như

https://tieulun.hopto.org

vậy là chỉ khéo đó thôi, cho nên không tranh luận nữa, chỉ đem lễ lớn xưa nay cùng nhau bàn bạc và thi hành. Vì lễ chế đời Hồng Vũ đều để thi hành ở các nha môn, chưa thi hành đến các phiên bang, chưa thi hành đến lễ phong sách, cho nên mới châm cổ chuẩn kim mà làm thành (sáu nghi thức đó). Nếu tôi không biết điều đó, chấp nhất vào lễ chế ngồi hướng nam, thì Vương lấy lẽ gì mà biện bạch được? Mà tôi giữ lễ ngồi hướng nam thì đối với non sông quỷ thần của Vương sẽ ra sao? Vương không xét điều đó mà lại muốn đổi lễ của các quốc khanh, như thế quốc khanh ngồi ở điện thì Vương đã thất lễ rồi. Việc gì phải thỉnh mệnh thiên tử mà làm cho người phải đi muôn dặm khó nhọc!

Còn như nói rằng mệnh thiên tử chưa tuyên bố nên chưa dám uý lạo thì ở đời có ai không ăn uống mà làm việc chăng? Đó là lúc mới tiếp kiến với Vương, chỉ cốt lễ nghi, không cần lễ vật. Ôi, đối với trời thì không thể lấy sự giả dối mà lừa được, đối với người không thể lấy sự giả dối mà làm được, Vương nên xét đấy.

"Còn như tiếng Trung Quốc và tiếng An Nam đều cùng cả mà không ngờ nhau thì có lỗi gì? Đến như việc dùng phẩm phục khác thì đợi tâu xin (mệnh lệnh thiên tử) rồi sẽ thi hành. Nếu Vương thực lòng muốn tiếp kiến tôi, xin lại viết thư khác, tôi sẽ xin theo".

Ngày sứ về, đưa lễ vật tiễn tặng, bọn Tiền Phổ đưa thư từ chối rằng: "Từ khi chúng tôi ở sứ quán, được Vương tiếp đãi thịt rượu và đồ ăn đầy đủ, mà lòng khiêm tốn kính tín không thiếu, thực là thuỷ chung, kẻ hành nhân này làm gì mà được đến thế! Lúc tiễn về lại cho tặng phẩm, càng thẹn biết nhường nào? Nhưng tôi từng nghe nước Tống có người bắt được ngọc đem dâng Tử Hãn, Tử Hãn không nhận, người biếu ngọc nói: "Ngọc này tôi đã đưa cho thợ ngọc xem, bảo là ngọc quý, nhưng ta lấy không tham làm quý. Nếu người cho ta ngọc thì (cả hai) mất cái quý, chi bằng mỗi người đều giữ cái quý của mình". Nay tôi vâng mệnh tuyên dương đức chính, chỉ sợ không làm hết trách

https://tieulun.hopto.org

nhiệm mà hổ thẹn với ân mệnh, nếu nhận của quý thì không những mất cái quý, có khi còn phạm lỗi nhiều nữa. Người xưa có nói: "Thờ nước lớn ở chỗ cung ứng theo mệnh lệnh, vỗ về nước nhỏ ở chỗ thương là không có gì". Vương thờ nước lớn, tuy trong nước không có gì mà cũng đã theo mệnh một cách cung kính rồi, tôi đã chưa có thể tỏ lòng thương mà lại còn nhận hậu tặng nữa sao? Vì vậy tôi xin từ chối, không nói nhiều."

Nước ta phúc thư lại rằng: "Nay sứ ra về, sắp phải đi xa, dám đem năm lễ để tỏ lòng cung kính mà lại nhân xem việc khen (Tử Nhãn) để từ chối, tiết tháo liêm khiết càng đáng kính mến lắm. Nhưng đối với người quân tử thì nên chối nên nhận, nên lấy nên cho, chỉ cần phải nghĩa, cho nên Mạnh Tử không nhận tặng của nước Tề mà nhận tặng của nước Tống, nước Tiết, là cớ thế vậy. Nay đại nhân vâng mệnh Thiên tử sang ban ơn cho hạ quốc, người cả nước đều nhờ ơn, nếu không kính sao tỏ được tình. Lễ tiễn tặng lúc ra đi là để tỏ lòng kính vậy. Huống chi lễ tiến tặng, người xưa đều có làm, nay sao lại không thể? Nếu cho là đã phải cung ứng theo mệnh lệnh, thì sự tốn ấy không phải bây giờ mới lo liệu. Cho là lễ nghi không bằng lễ vật, thì lễ ý cũng đã đủ cả. Vì thế tôi lại làm nhàm bực cao minh để cho rõ cái nghĩa đáng lấy đáng cho, mà lòng cung kính của tôi có lúc giãi bày ra được. Xin ngài xét cho. Không nói nhiều."

Bọn Tiền Phổ lại gửi thư từ chối lễ vật rằng: "Trước đây trên đình Nghinh Tân được Vương nâng chén và đưa xuống thuyền, tình quyến luyến ấy nói sao cho hết. Huống chi lời từ chối vật tiễn tặng chưa xong mà lại cho thêm lễ vật, lúc ở thuyền tôi đã từ chối nhiều lần. Nhưng Vương lại cho sứ đến, chỉ là đem lễ vật để tỏ tình, có biết đâu của hết thì tình cũng hết. Sao bằng coi thường vậy, mà tình riêng còn mãi mãi ở đấy được. Tối nay, đường sá xa cách, ngày tháng còn nhiều, tấm lòng chiêm ngưỡng xiết bao tưởng nhớ. Không nói nhiều."

Lại đưa thư từ chối lễ tặng riêng: "Từ khi phụng mệnh sang sứ đến nay, được Vương sai cận thần là Lê Hoàng Dục và Nguyễn Chử ở luôn bên cạnh. Hai người ấy học hành đủ cả,

https://tieulun.hopto.org

thực đáng là bề tôi tín nhiệm của Vương, một ngày không thể rời ra được, thế mà Vương cho ở luôn để tiễn cống đến 12 ngày, cơ hồ như xa nghìn dặm mà đến, như thế cố nhiên là lễ tôn kính triều đình cũng kịp đến cả sứ thần, mà cái tình hậu đối với tư văn cũng ở đấy rồi. Ngờ đâu đi được một lát, lại mang vàng trong kho giúp cho hành lí, lòng Vương yêu mến sao lại hậu đến thế? Phàm lễ không ở thêm của mà việc không làm đến hai lần. Các sứ giả đời xưa thường cẩn thận ở đó. Vì vậy tôi xin trả lại, mong Vương miễn trách. Việc này không phải hai người chúng ta không thấu hết được tình nhau. Nhân khi gió mát thổi về phương nam, nhìn lại biển nam, chẳng qua chỉ được vầng trăng cùng soi lòng chúng ta mà thôi. Kính phúc thư".

Nhận xét của Phan Huy Chú: Việc tiếp đãi sứ Trung Quốc của nhà Lê xưa cũng là tuỳ nghi châm trước thích ứng, chưa có nghi thức nhất định. Tiền Phổ là người thích tranh luận cho nên thư từ bắt bẻ, việc gì cũng phiền đến ba bốn lần; mà nước ta thù ứng, nghi thức phẩm vật cái gì cũng đầy đủ, đủ làm cho người Trung Quốc phải khen ngợi, kính trọng. Nay chép cả những thư từ đi lại để biết rõ văn minh của thời ấy cũng thịnh,

14. VŨ HUYẾN GIÚP VUA ĐÁNH CỜ THẮNG SỨ THẦN TRUNG HOA

Vũ Huyến người làng Mộ Trạch huyện Đường An, nay huyện Cẩm Bình tỉnh Hải Dương là cháu tiến sĩ Vũ Đôn (đậu hoàng giáp năm Đinh Mùi 1487).

Tương truyền Vũ Huyến ở giữa thiên đỉnh có một cái xương nhô lên như hình quân cờ nên rất giỏi về cờ tướng. Lúc ấy có sứ thần Trung Hoa sang nước ta, tự phụ là người cao cờ, muốn đấu cờ với vua. Vua Lê lo sợ nếu thua viên sứ thần thì xấu hổ và mất thể diện quốc gia nên cho vời các quan bàn cách giúp. Đình thần tâu rằng có Vũ Huyến người làng Mộ Trạch, Vua liền cho quan mời đến và cho thi đấu với những tay cao cờ lúc đó. Lần lượt những người này đều bị Vũ Huyến đánh cho thua xiểng

https://tieulun.hopto.org

liểng. Thấy Vũ Huyến giỏi nhất, Vua chọn để giúp mình đánh cờ với sứ thần, nhưng còn đang băn khoăn là tìm cách nào giúp Vua, để sứ thần Trung Hoa không biết có người gà. Vũ Hiến đã kiếm cớ là Vua giao hẹn cùng đánh cờ vào giữa trưa ở sân rồng. Khi đấu, mỗi bên chỉ có một người cầm lọng che nắng mà thôi còn các quan lại đều phải lánh đi nơi khác không được "cờ ngoài bài trong". Lọng che nắng cho Vua đã được chọc một lỗ thủng nhỏ ở bên trên từ trước, ánh nắng có thể chiếu qua như một tia nhỏ. Vũ Huyến cầm lọng đứng hầu, tính các nước cờ, dùng tia nắng chiếu qua lỗ thủng để chỉ đường nước đi các quân cờ cho Vua. Nhờ thế Vua đã thắng sứ thần mấy ván liền. Sứ thần Trung Hoa phải phục Vua nước Nam tài giỏi, không dám khoe khoang khoác lác nữa.

Nhà Vua khen tài đánh cờ của Vũ Huyến và ban cho danh hiệu là *Trạng Cờ*, vì là người cao cờ nhất nước. Từ đó tục ngữ có câu: "Rượu Hoàng Mơ, cờ Mộ Trạch".

Về câu chuyện này, Lê Quý Đôn có nhận xét: "Phương nam phương bắc giao thông, lễ sinh vẫn đã có thể lệ, không vì duyên cớ gì mà lại yêu cầu quốc vương thủ đàm như vậy, nếu họ có yêu cầu cũng không nên nhận lời xin càn rỡ ấy. Hoặc giả Vũ Huyến sung vào một tay giúp đỡ sứ thần đi cống Trung Quốc rồi cùng những người bạn thi đấu cờ. Hoặc giả sứ thần Trung Hoa đến chơi nhà các quan công khanh nước ta, những người quyền quý ấy nhờ Vũ Huyến giúp sức để đối địch với khách phương Bắc, cho nên mới có chuyện kể trên."

15. CHÁNH SỨ QUÁCH VŨ NGHIỆM LÀM BÀI VĂN, ĐƯỢC VUA MINH THƯỞNG ÁO

Ông người xã Phúc Khê, huyện Thanh Oai, nay là xã Thái Phúc, huyện Thái Thuỵ, tỉnh Thái Bình. Ông đỗ hoàng giáp khoa Bính Tuất (1466). Năm 1490, ông làm Phó Đô ngự sử coi việc thi Điện rồi thăng Đô ngự sử. Năm 1502 ông được cử làm chánh sứ sang Minh tạ ơn về việc ban cho mũ áo. Bấy giờ

https://tieulun.hopto.org

hoàng hậu nhà Minh thấy sứ nước ta đến, sai quan ra thu các hòm xiểng, để kiểm nhận các thứ hương lạ. Khi ấy ông có mua cái áo lông cổn (là của cấm) để ở trong hòm, sợ người Minh xét thấy mới làm bài bảng văn của sứ bộ mình rồi thu dị hương dâng lên. Lời trong bài văn nói:

"Kẻ thất phu mang ngọc bích, kinh *Xuân Thu* chê là tham của (ý nói kẻ thất thu không có tội vì mang ngọc bích thành ra có tội), lái buôn người Hồ giấu ngọc châu, sử họ Mã răn là liều mình (Tư Mã Thiên kể chuyện một người lái buôn có ngọc châu sợ mất mới rạch đùi để giấu ngọc vào). Cho nên kẻ gõ cửa dâng ngọc, lòng trung thành cũng đáng khen, kẻ dâng cần bộc để tỏ lòng, tuy vật nhỏ mọn mà đáng quý. Kẻ dở người hay, gương soi đã rõ.

Nay sứ bộ chúng tôi đi từ phương xa tới được thấy ánh nắng thượng quốc. Muôn dặm trèo non vượt biển chẳng quản vất vả. Chín tầng nhật nguyệt sáng soi, vui sướng được thấy mặt rồng. Đến chốn thanh danh văn vật của triều Ngu Thuấn, được thấy lễ nhạc y quan của chế độ nhà Chu. Tôn Kính để dạ, báo đáp không cùng. Phàm những của cải đem theo đâu dám tơ hào luyến tiếc.

Chúng tôi có một hộp hương kì nam rất quý lạ, xin giao cho sai quan, xét thu dâng vào."

Vua Minh xem văn, khen là nhân tài như thời Tam Đại, ban yến hậu thưởng cho cái áo màu đại hồng, trước ngực, sau lưng đều thêu con dê thần bằng kim tuyến, xen chỉ tơ chỉ gai mọi thứ. Quách Hữu Nghiêm dâng biểu tạ:

"Thần trộm nghĩ: trời đất sinh nuôi muôn vật, dẫu mầm mống gốc rễ còn cảm cái đức hoá sinh, vua chúa vỗ về mọi nước, dẫu kẻ dân mọn ở cõi xa vẫn nhớ cái đạo rộng phẳng.

Thần nay may mắn, nhân việc đi cống được thấy mặt rồng, ngửa thấy mặt trời ở chốn trường an, tấc lòng thiết tha được dự, góp mũ áo ở chốn triều hội, hân hạnh xiết bao, ngờ đâu kẻ hèn mọn ở nơi xa, lại được ân ban chồng chất. Thân được vẻ vang, phẩm phục rực rỡ, áo mệnh phục mới ban, nét thêu con dê thần

https://tieulun.hopto.org

tươi đẹp. Tự nghĩ phận hèn như chồi cây bụi cỏ, càng cảm ơn đại tạo như đất trời.

Thần được đội ơn khôn xiết ghi nhớ mãi mãi, xin kính chúc nhà vua sống lâu muôn tuổi, tuổi thọ ngang với trời. Thần dân khắp nơi đều vui thịnh trị, các nước lớn bé đều được thấm nhuần ân trạch, đó là điều thần rất mong muốn."

Hôm ông vào cáo từ, Vua Minh lại cho cái áo màu đại hồng đằng trước đằng sau thêu con dê thần, giữa có đám mây bằng kim tuyến, xen chỉ tơ sống, chỉ gai. Lại truyền cấp ngựa đưa về nước. Ông có làm bài thơ tạ ơn. Dịch như sau:

"Nhân đi việc nước, đem cống đồ vật quý,
Được lạm dự ăn yến ở nơi bệ ngọc
Hình con dê thần thêu rực rỡ ở áo tam phẩm.
Lại đi thuyền vẽ đầu chim ích, vượt qua đủ tám thứ gió.
Tự cười thơ mình không được rộng như biển,
Và sức uống rượu của mình không được như sức hút của cầu vồng.
Xin chúc nhà Vua hưởng phúc sống lâu như lời chúc trong thiên Chu Nha".

Sau khi đi sứ về ông được thăng Thượng thư Bộ Lại, cùng anh là Quách Đình Bảo đều làm Thượng thư.

16. TRẠNG NGUYÊN PHẠM ĐÔN LỄ: "TRẠNG CHIẾU"

Phạm Đôn Lễ nguyên quán làng Hải Triều, huyện Ngự Thiên, nay thuộc xã Phạm Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, trú quán xã Thanh Nhàn, huyện Kim Hoa, nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Năm 27 tuổi ông đỗ Trạng nguyên khoa Tân Sửu, niên hiệu Hồng Đức 12 (1481) đời Lê Thánh Tông. Ông làm quan đến chức Tả Thị lang. Trong sử sách thì không thấy nói ông đi sứ.

Theo dân gian tương truyền thì trong lần đi sứ Trung Hoa đến vùng Ngọc Hà, Châu Quế Lâm tỉnh Quảng Tây, Thấy dân

https://tieulun.hopto.org

ở đây có nghề dệt chiếu, ông đã chú ý khảo sát kỹ lưỡng, học tập được kỹ thuật dệt chiếu mới của họ. Khi về nước, ông đã phổ biến cho dân làng và các vùng duyên hải.

Ở làng Hải Triều, trước đây khi dệt chiếu dùng bàn dệt đứng, không có ngựa đỡ sợi. Ông đã cho áp dụng kỹ thuật dệt theo bàn dệt nằm có ngựa đỡ sợi. Sợi dây đay giữ cói được căng, chiếu dệt ra được đều sợi và đẹp hơn. Chiếu ở làng Hải Triều quê ông được nhiều người yêu thích nổi tiếng khắp chốn kinh đô. Chiếu Hải Triều có màu trắng ngà, có nhiều loại: cải, đậu, đót, trơn kẻ sọc màu, in hoa, cạp điều, sợi xe... dùng lâu chiếu đậu ngả màu vàng, trơn nhẵn, độ mềm vừa phải, thoát nước nhanh, mau khô. Đặc biệt là kỹ thuật chiếu cải mà nhiều nơi không làm được. Những lá chiếu cải phải nhuộm cói trước khi dệt, sau đó dệt thành những chữ thọ, bông hoa, chân dung, rồng, phượng... Đường biên của chiếu Hải Triều cũng rất bền và đẹp. Biên được bện sau khi dệt xong đòi hỏi phải khéo léo cẩn thận. Người dân ở đây từ xưa đã có câu: "mua chiếu xem biên người hiền xem mặt".

Người Hải Triều đã tôn thờ ông là tổ nghề dệt chiếu và gọi ông là "Trạng Chiếu".

17. SỨ BỘ MẠC VĂN MINH[1] XIN CẦU HOÀ NHÀ MINH NĂM 1540. BIỂU XIN CẦU HOÀ

Mạc Đăng Dung "cướp ngôi", truyền đến cháu là Phúc Hải, nhà Minh mới cho đầu hàng, nhưng chưa được phong tước hiệu. Đăng Dung sai cháu là Văn Minh và bọn tiểu đầu mục là Hứa Tam Tỉnh gồm 28 người, mang hàng biểu sang Yên Kinh cầu phong.

Lời biểu nói: "Thần là tiểu nhân ở xa, trí thức chưa được mở mang. Nhưng mỗi khi núp ở phương Nam, trông về trời Bắc, thấy trời quang đất tĩnh, biển nặng sông trong, biết là

[1] *Mạc Văn Minh là cháu ruột Mạc Đăng Dung.*

https://tieulun.hopto.org

Trung Quốc đã có thánh nhân. Huống chi oai hùng của nhà vua đã vang động khắp thiên hạ, và lòng nhân huệ của nhà vua lại như khí hoà mùa xuân, tấc lòng vừa mừng vừa sợ, không thể nói lên hết được. Thần nghĩ: Dòng họ Lê là quốc vương của thần trước, vận nước đã suy, ngày càng chìm đắm. Đến khi quan trị lên nối ngôi, coi việc nước chưa được mấy ngày, thì lại bị bệnh chết. Trong khi thảng thốt, tạm theo tục rợ, giao phó việc nước cho thần. Thần lại giao cho con là Đăng Doanh. Chưa kịp thỉnh mệnh tâu lên; thực đã tự chuyên phạm tội. Tuy cửa khuyết cách xa muôn dặm, khôn nỗi tỏ bày; nhưng tội lớn tày trời, thế nào giấu nổi. Năm Gia Tĩnh thứ 17 (1538), cha con thần đã sai bọn Nguyễn Văn Thái *dâng biểu xin hàng và xin xét xử,* thực do tấm lòng trung thành, không dám man trá. Nhưng lòng thành chưa tỏ được nên không động được thánh tâm. Vì vậy thần rất lấy làm lo sợ, không lúc nào yên. Ngày 25 tháng Giêng năm Gia Tĩnh thứ 19, chẳng may Đăng Doanh bị bệnh chết, người trong nước theo thói quen, muốn đem Phúc Hải là con trưởng Đăng Doanh lập lên thay quyền, trông coi dân chúng. Thần sợ cái lối tự tiện truyền ngôi trước đây đã là trái nghĩa, nay nếu lại theo lời xin của dân chúng, thì tội càng thêm nặng, gỡ sao khỏi được? Vì vậy, thần và Phúc Hải một lòng cung kính, đợi mệnh triều đình. Vừa rồi đại tướng sang đánh, khi quân tới bờ cõi nước thần thì *thần như con lợn trong chuồng*, đâu đủ sức để chống lại. May được xem tờ hịch hỏi tội ở trước quân môn, mới biết lòng nhân từ thực không bờ bến, khiến phải vuốt ngực rỏ nước mắt. Thần trộm nghĩ, riêng thần là kẻ có tội, còn nhân dân thì có tội gì? Bệ hạ không nỡ lấy tội của một kẻ tôi hèn mà giết hại dân chúng; thần cũng may nhờ được dân chúng mà còn giữ được hơi tàn. Thần tuy ở trong nước, nhưng vẫn hướng về phương Bắc mà tung hô, nên ngày 3 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 19 (1540) thần đem bọn tiểu mục Nguyễn Thạch Quế, Nguyễn Thế Khanh, bọn kỳ lão Lê Thuyên, Nguyễn Tổng và bọn sĩ nhân Nguyễn Kinh Tế, Dương Huy Nhất, Bùi Chí Vĩnh kính đợi ở cửa Nam Quan, *tự trói mà ra ngoài cõi,* đến doanh

https://tieulun.hopto.org

đại tướng cúi đầu tỏ lòng trung *để xin hàng*. Thần Đăng Dung vốn muốn thân đến kinh để chầu và chịu tội, nhưng vì tuổi già lại ốm, không thể khúm núm đi được. Cháu trưởng thần là Phúc Hải lại đương có tang. Vậy xin sai cháu ruột là Mạc Văn Minh thay thần sang chầu, cúi đầu đợi tội, để tỏ lòng cha con thần khi trước sai bọn Nguyễn Văn Thái dâng biểu xin hàng là do sợ oai mến đức, không dám có lòng man trá. Cúi mong rộng lòng tha tội cho thần được tự sửa. Còn như *đất đai và nhân dân thì đều là của thiên triều*, chỉ xin thể lòng dân rợ, để được tiện sự khu xử. Cho thần được nội thuộc *xưng phiên*, hàng năm lĩnh lịch nhất thống để ban bố cho trong nước đều theo chính sóc, Thực là đại hạnh phúc cho thần. Tuy rằng nước thần trước đây, từ đời họ Đinh, họ Trần, họ Lê, theo nhau xưng vương đặt niên hiệu, sau khi ăn năn tự biết là không nên, thần đã từng nghiêm khắc khuyên răn người trong nước *trừ bỏ niên hiệu để đợi mệnh*, đâu dám noi theo thói cũ để gấp mang tội trời tru. Còn việc quan thú Khâm Châu thuộc Quảng Đông tâu rằng bốn động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát thuộc hai đô Nhu Tích và Chiêm Lăng là đất cũ của Khâm Châu, Quảng Đông, nếu quả thực như lời ấy, thì đó là cái lỗi mạo nhận của họ Lê trước, nay *thần xin giao trả lại*, để thuộc về Khâm Châu. Còn như người mà Trịnh Duy Liêu xưng là Lê Ninh, thì theo như người trong nước thần nói với nhau, người ta cho là con Nguyễn Kim. Dòng dõi họ Lê quả không còn ai, cho nên ở quốc đô thần đã đặt nơi hương hoả để giữ tế tự cho họ Lê. Nay tỉnh Vân Nam lại cho Lê Ninh là con cháu họ Lê, hiện ở Lão Qua, mà tâu lên bệ hạ, thì thần đâu dám biện bạch. Chỉ xin *đem 7 châu Quảng Lăng và các trại Hồng y cùng một vài nơi phụ cận để cắt cho làm đất quảng hạt, thuộc về Vân Nam*. Kính xin phái một vài viên sứ thần sang bản xứ hỏi khắp các dân kỳ cựu, nếu còn có ai là con cháu họ Lê thì thần sẽ đem nhân dân đón về và trả tất cả đất đai, không những chỉ cắt giao những địa phương nói trên mà thôi. Nếu quả thực như lời truyền của người nước thần thì cũng xin thương đến sinh linh, cho được có nơi thống thuộc.

https://tieulun.hopto.org

Còn như các cống phẩm năm trước còn thiếu phải kể ra để bổ sung, và cống phẩm năm sau phải cống thì thần không dám nói đến, vì còn đương ở trong vòng tội, chỉ mong khỏi tội, còn sợ không được. Thần lại muốn chiếu theo việc cũ của triều trước, *đúc người vàng bạc thế thân*, muốn dâng lên ngay, lại sợ đường đột. Chỉ xin đem tình thực tâu lên xin hàng để chờ xét xử, và xin được tạm dùng ấn tín của triều đình đã ban bản quốc từ trước, ấn tín này thần vẫn giữ cẩn thận, không dám tự tiện đem dùng. Nhưng nếu không có nó thì không lấy gì làm bằng chứng. Kính mong rủ lòng xét cho".

Lời bàn về biểu xin cầu hoà của sứ bộ Mạc Văn Minh

Trong quan hệ bang giao giữa các triều đại Việt Nam và Trung Quốc, chưa có triều đại nào đớn hèn, nhục nhã như triều Mạc. Qua những biểu của nhà Mạc dâng lên vua Minh, ta thấy rất rõ điều đó. Trong sách lược ngoại giao, lời văn trong các biểu của vua Nam thường nhún mình và hết lời ca ngợi oai phong của thiên triều song vẫn dừng ở mức độ nhất định, bảo vệ nền độc lập và chủ quyền, không có việc gì tổn hại đến quốc thể. Trái lại triều Mạc đã dâng biểu xin hàng và xin xét xử. So sánh với các thư, biểu đời Lý, Trần, Lê, dù khi lực lượng "thiên triều" rất hùng mạnh với những lời đe doạ láo xược đòi dầu hàng, đòi đủ mọi quy thuận, nhưng các thư trả lời đều cương quyết cự tuyệt. Ở đây Vua Mạc tự coi mình "*như con lợn trong chuồng*", để xin hàng, khi nghe tin Mao Bá Ôn đem quân sang hỏi tội. Tệ hại hơn nữa Mạc Đăng Dung lại cùng các triều thần đến tận cửa ải Nam Quan, *tự trói* sang dinh tướng giặc để xin đầu hàng. Chưa có một ông vua Việt Nam nào trong lịch sử đã làm như Mạc Đăng Dung.

Trong biểu, Mạc Đăng Dung lại còn viết: "*đất đai và nhân dân thì đều là của thiên triều*", "*xin từ bỏ niên hiệu*", xin xưng là phiên, không còn là một nước riêng, có chủ quyền nữa. Mạc lại xin trả lại đất vùng biên giới mà các triều Lý, Trần, Lê đã tốn bao nhiêu công sức ngoại giao để bảo vệ không cho Bắc

https://tieuluan.hopto.org

triều chiếm lấn. Lại còn xin đem 7 châu Quảng Lăng cắt trả về Vân Nam.

Như vậy là dưới triều Mạc, Đại Việt không còn là một nước, không có chủ quyền, chỉ là một phiên (một vùng đất bên ngoài bờ cõi) của Bắc triều, không có vua cai quản trong nước, chỉ cho Vua Mạc làm Đô thống sứ, với ấn bạc Vua Minh ban cho tước nhị phẩm, Vua Minh coi Mạc Phúc Hải như một viên quan phái ra ngoài vùng biên giới cai quản với phẩm hàm nhị phẩm.

Chưa có bao giờ quan hệ bang giao giữa nước ta và Bắc triều lại bất bình đẳng và nhục nhã đến thế.

18. PHÓ SỨ TRẦN LƯ HỌC NGHỀ VẼ SƠN

Trần Lư, có sách viết là Trần Lô, tự là Tu Hán, quê làng Bình Vọng huyện Thượng Phúc, nay là thôn Bình Vọng xã Bạc Đằng (cũ) huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. Ông tinh thông nghề thuốc nên năm 1488 được cử làm người bốc thuốc cho các quan đi sứ Trung Quốc. Năm 1502 ông thi đỗ tiến sĩ. Năm Ất Sửu (1505) đời Lê Hiển Tông, ông được cử làm phó sứ sứ bộ sang Trung Quốc lần thứ hai.

Trong hai lần đi sứ, ông đều có ý tìm tòi học hỏi nghề vẽ sơn của Trung Quốc. Lần đầu học chưa thành. Lần sau ông quan sát kỹ những mẫu vẽ ở hoạ các, nghiên cứu kỹ phép vẽ sơn trang trí trên gỗ trong các toà nhà và các đồ dùng bằng gỗ. Khi về nước ông đã truyền dạy cho dân làng và xung quanh. Ngành vẽ sơn trang trí được coi trọng. Tên tuổi ông nổi tiếng với nghề vẽ sơn. Ông làm quan đến chức Hiến sát xứ Kinh Bắc.

Sau đây là 2 bài thơ làm khi đi sứ, có bài nói về việc tạ ơn đã học thành nghề.

CẢM NGHĨ KHI QUA CỬA ẢI

(Dịch nghĩa):

Vâng mệnh vua đi sứ, phải rất thận trọng,
Việc khó không dám từ, còn tranh làm trước mọi người.

https://tieulun.hopto.org

Ngày ruổi ngựa về kinh đô phương Bắc cách nghìn trùng,
Đêm mơ triều đình cõi Nam trời xa muôn dặm.
Báo nước tâm cô trung, nghĩ sao cho xiết,
Lợi nhà rắp mưu kế, đâu dám để tâm.
Chỉ mong khi xong việc Vua, quay ngựa về nước,
Thấy hoàn cảnh yên hơn hẳn năm xưa.

THƠ TẠ ƠN HỌC THÀNH NGHỀ VẼ
(Dịch nghĩa):

May sao kẻ ngu này lại được lạm đi sứ
Học tập thành tài nỗi mừng càng nhiều.
Làm như con kiến dễ thành công, vẻ rồng rực rỡ,
Vẽ con chim thêm sáng sủa, màu phương càng tăng.
Đội ơn lâu mãi đã truyền cho ngọn bút tinh xảo,
Cách trang hoàng càng lộng lẫy, bức hoạ đẹp đẽ.
Khi về nước, nghề nghiệp ngày một rạng rỡ,
lấy gì báo đáp,
Xin khắc xương ghi dạ mãi mãi không phai mòn.

19. TIẾP ĐÓN SỨ THẦN NGÀY XƯA: PHẢI BIẾT LÀM THƠ HOẠ

Tuy không phải một nghi thức bắt buộc trong việc tiếp sứ thần là phải biết làm thơ hoạ lại, nhưng để chứng tỏ là người có học thức tiêu biểu cho một quốc gia có văn hiến thì những quan lại tiếp sứ thần nước ngoài (phương Bắc) phải biết làm thơ xướng hoạ trong lúc đón và tiễn sứ, sau những nghi thức chính thức, trong những bữa tiệc yến do vua hay triều đình thết sứ nước ngoài.

Chính sứ thần Tiền Phổ nhà Minh đã yêu cầu việc làm thơ tiễn sứ như một bằng chứng để chứng tỏ vua quan nước đón là những người có học thức. Tiền Phổ cũng nói là qua những vần thơ tiễn sứ, họ "thu nhặt mang về nước để hiểu biết thêm phong tục tốt xấu của nước đó, cái chí của người làm thơ." Đây cũng chính là điều gần như tiêu chuẩn của một người toàn diện

https://tieulun.hopto.org

của một xã hội phương Đông, lấy Nho học làm cơ sở giáo dục và hoàn thiện con người. Vì vậy ta không lấy làm lạ khi các sứ thần Đại Việt sang phương Bắc đều làm thơ ngâm vịnh trên đường đi, trong khi giao tiếp với các quan lại địa phương, trong triều và với cả sứ thần láng giềng như Lưu Cầu, Triều Tiên...

Năm 1513 khi sứ thần nhà Minh là Trạm Nhược Thuỷ và Phạm Huy Tăng sang sách phong, lúc trở về Vua Lê Tương Dực đã làm thơ đưa tiễn, hai bên đã xướng hoạ. Tuy những vần thơ này chỉ là thù xướng ca ngợi nhưng qua đó sứ thần cũng thấy được Vua là người có học thức và biết được chí hướng của Vua Nam đối với vua Minh, có thần phục và công nhận vai trò của thiên triều hay không.

20. TRẠNG NGUYÊN GIÁP HẢI HOẠ LẠI BÀI THƠ SỨ NHÀ MINH LÀ MAO BÁ ÔN

Giáp Hải còn có tên là Giáp Trưng, sinh quán tại làng Công Luận huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, làm con nuôi một gia đình ở làng Dĩnh Kế huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Ông sinh năm 1507, đỗ trạng nguyên khoa Mậu Tuất niên hiệu Đại Chính IX (1538) lúc 32 tuổi đời Mạc Đăng Doanh. (Có sách ghi đỗ năm 23 tuổi) Ông làm quan trải lục bộ Thượng thư Đông các Đại học sĩ, từng đi sứ nhà Minh, lãnh việc đối đáp và thảo văn thư bang giao được người Minh nể phục, thường gọi là Giáp Trạng nguyên. Ông có soạn bộ *Bang giao bị lãm* gồm 10 tập ghi các công văn ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Hoa. Ông mất năm Mậu Tý (1588) đời Mạc Mậu Hợp thọ 72 tuổi.

Một lần sứ nhà Minh là Mao Bá Ôn sang ta, ông được cử lên ải Nam Quan để đón tiếp. Sứ nhà Minh đã làm bài thơ *Bèo* để tỏ ý khinh nước ta nhỏ bé, hèn kém như phận bèo bọt. Nguyên văn bài thơ bằng chữ Hán, sau đây là bản dịch của Trần Văn Giáp:

Cao sâu theo nước, mọc im lìm,
Nông nổi xưa nay vốn khó dìm,

https://tieulun.hopto.org

Ngọn gốc đã trơ không lá lẩu,
Cội cành sao lại cả gan tim.
Coi thường tản mát khi thường tụ
Biết lúc lênh đênh chẳng biết chìm.
Ví gặp tung trời cơn gió táp,
Cuốn theo về biển biết đâu tìm.

Nghe đọc bài thơ thấy khinh miệt rẻ rúng, ví thân phận nước Nam như cánh bèo trôi dạt, Giáp Hải bèn hoạ lại:

Xin sứ hoa thêu cản mũi khâu,
Mấy tầng gốc rễ vẫn xen nhau,
Ganh cùng mây bạc trên làn sóng
Đâu để vầng hồng lọt đáy sâu.
Nước vỗ, vỗ sao cho vỡ được,
Gió to, to mấy có chìm đâu,
Biết bao rồng cá nằm trong đó
Cụ Lã đừng hòng thả lưới câu.

(Trần Văn Giáp dịch)

Bài hoạ lại của Giáp Hải đã toát lên lòng tự hào của dân tộc, dù có bao kẻ thù tàn bạo cũng không khuất phục được: "Cụ Lã Vọng cũng khó buông câu".

21. VUA LÊ TRANG TÔNG SAI TRỊNH DUY LIỄU VƯỢT BIỂN CẦU CỨU NHÀ MINH

Trịnh Duy Liễu vốn là dòng dõi Trịnh Khắc Phục, một công thần thời Lê Thái Tổ (Trịnh Khắc Phục gọi thân mẫu Lê Lợi bằng cô, đã giữ chức Thái uý, tước An quốc công). Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, Nguyễn Kim đã giúp cho Vua Lê khôi phục lại ngôi vua. Vua Lê Trang Tôn lập kinh đô ở Yên Trường, Thọ Xuân, Thanh Hoá, đã sai Trịnh Duy Liễu sang tố cáo nhà Mạc và cầu cứu nhà Minh.

Trước đây Vua Lê đã sai nhiều quan đem thư sang Minh nhưng đi đường bộ nên đã bị quan quân Mạc bắt được giết chết. Nay sai Trịnh Duy Liễu và hơn 10 người vượt biển từ Chiêm

https://tieuluan.hoptc.org

Thành, đi ghé thuyền buôn Quảng Đông trong hai năm trời mới tới Yên Kinh. Đến nơi, Trịnh Liễu đã trình bày đầu đuôi về việc Mạc tiếm ngôi vua, chiếm giữ kinh đô, nên đường sang cống bị gián đoạn. Đồng thời xin nhà Minh cất quân hỏi tội họ Mạc. Người Minh ngờ rằng có sự dối trá nên chưa nghe. Duy Liễu đã viết một bức thư vài ngàn lời, tự cho mình là một người có nghĩa khí, có thể sánh với Thân Bao Tự và Trương Tử Phòng. Lời lẽ trong thư đầy trung nghĩa , sục sôi, tức bực căm hờn khiến người đọc phải xót xa.

Tuy vậy, Thượng thư Bộ Lễ là Nghiêm Tung tâu rằng: "Những lời điều trần của Duy Liễu chưa chắc đã có căn cứ đích xác vậy xin cho lưu Duy Liễu ở ngoài sứ quán rồi sai quan sang khám xét thực sự." Vua Minh nghe theo đã sai Đào Phương Nghi, Trần Tỉ cùng với tuần phủ Vân Nam là Uông Văn Thịnh sang hội khám. Sau đó qua tin một sứ thần nữa của Vua Lê là Trịnh Viễn sang Vân Nam tố cáo. Vua Minh đã thấy tội ác của Mạc, quyết định sai Mao Bá Ôn, Cửu Loan đem quân sang đánh. Uông Văn Thịnh làm dụ răn bảo Vua Mạc. Mao Bá Ôn được Vua Mạc đem nhiều vàng bạc hối lộ nên đã viết thư về xin hoãn binh, phong cho Vua Mạc là Đô thống ti. Còn đối với Trịnh Duy Liễu thì Mao Bá Ôn viết trong thư đâng: "Đối với Trịnh Duy Liễu nên tuỳ tiện an trí ở ngay một chỗ nào đó thuộc Quảng Đông, rồi liệu cấp cho ruộng đất và nhà ở, đừng để long đong đến nỗi không được yên chỗ..."

Sau này, trong sách Chư Tử Lục, Nghiêm Tư Giản đời Minh soạn viết về Trịnh Duy Liễu, đã khen ông là "người có tiết tháo, giỏi văn chương dẫu cổ nhân cũng không hơn được." Trong sách *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn cũng khen ông là "bậc đại tài, đại trung, đại dũng ở đời."

22. SỨ THẦN GIANG VĂN MINH ĐỐI LẠI CÂU ĐỐ I (1573-1638)

Ông người xã Mộng Phụ huyện Thượng Phúc, nay là thôn Mộng Phụ xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây tỉnh Hà Tây.

https://tieulun.hopto.org

56 tuổi đỗ Hội nguyên, Đình nguyên thám hoa khoa Mậu Thìn niên hiệu Vĩnh Tộ X (1628) đời Lê Thần Tông. Năm Đinh Sửu niên hiệu Dương Hoà (1637), ông giữ chức Tự khanh được cử đi sứ nhà Minh.

Tương truyền nhà Minh khi nói tới nước Nam còn mãi mãi ghi nhận bị thiên triều đô hộ ở thời Mã Viện nên ra một vế đối:

- *Đồng trụ chí kim đài dĩ lục.*

Nghĩa là:

- Cột đồng trụ (do Mã Viện trồng) đến nay rêu đã mọc xanh.

Giang Văn Minh đã ung dung đối lại:

- *Đằng giang tự cổ huyết do hồng.*

Nghĩa là:

- Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ.

Ý của ông nhằm nhắc lại chiến thắng lừng lẫy của người Nam trên sông Bạch Đằng đã đánh tan quân của thiên triều thời Ngô Quyền và thời Trần Hưng Đạo.

Người Minh căm tức vì ông đã nói đến hai lần thua trận nhục nhã của họ nên đã sai người đầu độc ông. Nhà Minh sai mổ bụng lấy ruột và đổ thuỷ ngân vào bụng để chở thi hài ông về nước.

Ông được truy tặng chức Thị lang tước Vinh Quận công[1].

23. CHÁNH SỨ PHÙNG KHẮC KHOAN ĐI SỨ LÚC 70 TUỔI, THỰC HIỆN SÁCH LƯỢC "NGOẠI GIAO VĂN CHƯƠNG"

Sau khi nhà Lê trung hưng lên, việc bang giao giữa nhà Lê và nhà Minh trở nên căng thẳng và phức tạp. Khi nên ngôi vua, các Vua Mạc đã tỏ rõ yếu hèn, quỵ lụy, tiến cống, hối lộ quá nhiều để mong được vua quan nhà Minh che chở. Nhà Minh đòi Vua Lê phải lên tận Nam Quan để chúng khám duyệt các giấy

---

[1] *Có thuyết nói là câu đối này là của Nguyễn Tuấn người Nhân Mục huyện Thanh Trì (nay thuộc Hà Nội) đỗ tiến sĩ năm 52 tuổi khoa Quý Sửu niên hiệu Hoằng Định 14 (1613) đời Lê Kính Tông, được cử đi sứ nhà Minh năm 1615.*

https://tieulun.hopto.org

tờ, xác minh xem Lê Thế Tông có đúng là con cháu nhà Lê hay Trịnh giả danh.

Năm 1596, Phùng Khắc Khoan cùng hai anh của Vua là Lê Nganh và Lê Hựu mang các giấy tờ có in mẫu ấn *An Nam Đô thống sứ ti* và mẫu ấn *An Nam quốc vương* cùng một trăm cân vàng và một nghìn lạng bạc, lên Nam Quan để quan nhà Minh công nhận. Sau đó 10 ngày thì vua Lê Thế Tông cũng lên Nam Quan để hội khám, nhưng đã bị quan nhà Minh tìm cách không gặp.

Cuối năm 1596, vua sai Đỗ Uông và Trịnh Vĩnh Lộc đem hai tượng người bằng vàng, bạc, lọ hoa, bình hương bằng bạc, lụa lên Nam Quan định hội khám cũng không thành. Tháng hai năm Đinh Mậu (1597) Đỗ Uông và Nguyễn Văn Giai lại lên Nam Quan thăm dò tình hình quân Minh, việc không thành. Tháng 3, Lê Thế Tông phải kéo đại quân sang Bằng Tường hội khám với các quan nhà Minh. Quan hệ ngoại giao giữa Lê và Minh là không bình đẳng. Nhà Minh hống hách, quan nhà Minh thường ăn đút lót của nhà Mạc, gây khó khăn cho việc bình thường hoá quan hệ giữa hai triều đại. Trong hoàn cảnh quan hệ khó khăn như vậy, Vua Lê đã cử Phùng Khắc Khoan đi sứ. Đi sứ nhà Minh lúc đó thực sự là một tai hoạ không lường hết được. Vào thời nhà Mạc, Lê Như Hổ đi sứ bị sơn cả hai mắt, Lê Quang Bí bị chúng lấy mất đồ cống, bị vu cho là giả và bị giam cầm đến 18 năm sau mới được tha về. Phùng Khắc Khoan được cử đi sứ lần này lúc tuổi đã 70. Trong lịch sử ngoại giao Việt Nam thời xưa chưa có một sứ thần nào tuổi già như thế.

Phùng Khắc Khoan quê ở làng Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây (làng Phùng Xá tục gọi là làng Bùng). Ông sinh tháng Giêng năm Mậu Tý (1528) và mất năm Quý Sửu (1613) thọ 86 tuổi. Ông học giỏi, thông minh từ nhỏ, gặp khi nhà Mạc "cướp ngôi" nhà Lê, ông không theo, bỏ vào Thanh Hoá để giúp Vua Lê, Chúa Trịnh. Ông thi đỗ Hoàng giáp khoa Canh Thìn, niên hiệu Quang Hưng III (1580) lúc 53 tuổi. Ông được cử đi sứ 2 lần vào năm 1597 và 1606. Ông làm quan đến

https://tieulun.hopto.org

chức Hộ bộ Thượng thư kiêm Quốc Tử Giám Tế tửu. Khi mất được tặng Thái tể và phong làm phúc thần. Ông đã nói lên trọng trách của việc đi sứ đồng thời cũng nói lên quyết tâm thực hiện trong bài "*Đinh Dậu phụng sứ thuật hoài*" (Năm Đinh Dậu, nỗi lòng khi đi sứ):

"Bẩy mươi là kế tuổi già nua,
Dáng chẳng bằng ai dám kém thua.
Xe ngựa xôn xao đoàn sứ bộ,
Công khanh trang trọng lớp chào đưa,
Uy vua thế nước nhờ giao thiệp,
Nói khéo, lời hay học chẳng vừa,
Công trạng kết minh đành gắng gỏi,
Bạn bè được mất một mình lo."

(**Trần Lê Sáng** dịch)

Như vậy là sách lược ngoại giao của Phùng Khắc Khoan đã thể hiện rõ trong cảm tác khi đi sứ, đó là: nói khéo, lời hay (văn hay).

Sứ bộ Phùng Khắc Khoan đến biên giới, quan nhà Minh không cho sứ bộ nhập cảnh với lí do chúng chỉ biết nước Nam có nhà Mạc cai trị, chưa công nhận nhà Lê. Phùng Khắc Khoan đã đấu lí và chắc là có đút lót vàng bạc cho chúng nên cửa ải được mở. Đoàn đi sứ tháng 7 năm Đinh Dậu đến tháng 8 năm sau mới đến Yên Kinh. Lúc đi đường thuỷ, lúc đi đường bộ qua Nam Ninh, Quảng Châu, Hồng Châu, Nam Kinh, Tế Nam, Thiên Tân, rồi đến Yên Kinh. Hành trình dài như vậy đã làm tiêu hao sức lực con người đã 70 tuổi như Phùng Khắc Khoan.

Sau đây là cảnh sứ bộ Đại Việt do Phùng Khắc Khoan là chánh sứ khi ở Yên Kinh dưới ngòi bút miêu tả của sứ thần Triều Tiên là Lý Chi Phong:

"Sứ thần họ Phùng tên là Khắc Khoan, tự hiệu là Nghị Trai, tuổi ngoại 70, hình dáng lạ lùng, răng nhuộm đen, tóc vận thành búi, áo dài, ống tay rộng. Khăn đội trên đầu thì lấy cả khổ vải đen trùm lên đầu như dáng khăn ông sư, để một nửa rủ về đằng sau xuống quá vai. Ông họ Phùng, người tuy đã già, sức còn khoẻ, thường đọc sách, viết sách luôn luôn.

https://tieulun.hopto.org

Gặp ngày triều hội vào chầu thì búi tóc, đội khăn, đội mũ theo đúng đồ mặc các triều thần Trung Quốc. Nhìn nét mặt có vẻ vướng víu khó chịu khi về nhà liền bỏ ra ngay. Chuyến đi này có 23 người đều vấn búi tóc. Người cao quý thì nhuộm răng, người thấp kém thì mặc áo ngắn, đi chân không. Tuy về tháng rét vẫn đi chân không, không có quần lót và bít tất, vì thói quen như vậy. Nơi nằm thì phải ở trên giường, không có hầm sưởi. Ăn uống giống như người Trung Hoa mà không thật tinh khiết. Áo mặc phần nhiều là the lụa, không mặc áo gấm vóc và áo bông..." (Trích *Hậu Chí* của Lý Chi Long, do Trần Văn Giáp dịch).

Sứ bộ Phùng Khắc Khoan đến Yên Kinh, tạm trú ở quán Ngọc Hà trong 5 tháng liền mà không được bàn đến việc chính là sang xin cầu phong cho Vua Lê Thế Tông. Chánh sứ Phùng Khắc Khoan phải chịu sự khinh thị của nhà Minh. Sách lược ngoại giao của ông đã được thực hiện: *nói khéo* và *lời hay*. Hoàn cảnh của Phùng Khắc Khoan lúc đó có những khó khăn: Tuy là sứ giả của nhà Lê, nhưng nhà Minh chưa công nhận Vua Lê, chưa đặt quan hệ ngoại giao. Chức sứ giả của Phùng Khắc Khoan chưa phải là "chính danh", nhà Minh không phải tiếp đón ông như các sứ giả bình thường khác. Có thể các đại thần trong triều chưa biết đến sứ giả nhà Lê sang cầu phong và Vua Minh cũng chưa biết, do bọn quan lại trực tiếp ỉm việc. Cho nên Phùng Khắc Khoan có dâng biểu cũng không thể đến tay các đại thần hoặc Vua Minh được.

Bằng sở trường của mình, ông đã có quan hệ văn chương với quan lại nhà Minh. Ông đã nắm được tinh thần cốt yếu của thơ nhà Minh đương thời, đàm đạo văn chương, thù ứng các câu đối, trở thành người bạn văn chương của họ như Thượng thư Bộ Lại Trương Vị, một Đại học sĩ dạy thái tử, đã kính trọng ông. Ông còn tranh thủ kết bạn văn chương với các sứ thần Triều Tiên là Lý Toái Quang, đưa xem thơ, nhờ viết đề tựa. Quan hệ ngoại giao với các quan lại nhà Minh bắt đầu bằng việc văn chương. Được biết Vua Minh Thần Tông sắp tổ chức mừng thọ 80 tuổi nên ông đã chuẩn bị ráo riết, làm xong 31 bài thơ trong

https://tieulun.hopto.org

tập "*Vạn thọ thánh tiết*" để dâng lên Vua Minh. Chỉ trong mấy tháng, ông đã hoàn thành một công trình văn học nghiêm túc để phục vụ mục đích ngoại giao. Để "vạn thọ để dâng Vua" không thể có một sai sót nhỏ, ông phải tìm hiểu dòng dõi các Vua Minh cùng gia tộc, kiêng các điều cấm kỵ, phải tránh và nắm được tình hình phát triển thơ ca đời Minh lúc đó như những vấn đề triết học, nội dung nghệ thuật thơ ca. Ông phải có tứ thơ và nghệ thuật điêu luyện trong những bài thơ dâng vua và có thể còn có nhiều yêu cầu nữa để tranh thủ được cảm tình của Vua Minh đối với Vua Lê nhằm thực hiện các quan hệ ngoại giao với một nước tự xưng là Thiên triều...

Để có tập thơ được hoàn thiện tối đa, ông đã đưa cho sứ thần Triều Tiên xem, nhờ "phủ chính" và có viết lời tựa. Ông cũng đưa cho Thượng thư Bộ Lại Trương Vị xem mà xin lời đề tựa. Và sau khi hai đại thần đã "phủ chính", đến khi tập thơ dâng lên Vua Minh, nhỡ có điều gì chưa được vừa ý hoặc có quan nào khích bác ý thơ nào đó thì đã có người đỡ hộ. Trương Vị đã đưa Vua Minh tập thơ của Phùng Khắc Khoan, Vua Minh xem lấy làm bằng lòng, vui thích và đã phê: "*Hiền tài hà địa vô chi. Trẫm lãm thi tập, cụ khiến Phùng Khắc Khoan chi trung khổn, thủ khả thâm gia quốc mĩ, tức mệnh hạ khắc bản ban thần thiên hạ*". (nghĩa là: Hiền tài đất nào chẳng có. Trẫm xem thi tập, thấy rõ Phùng Khắc Khoan là người trung hậu, thật đáng ngợi khen, mệnh lệnh khắc bản in ngay để ban hành trong thiên hạ).

Thực ra nội dung của tập thơ không có gì mới lạ, chỉ là những lời ca ngợi cái hay cái đẹp chung chung của một nhà vua: vua nhân từ thì thiên hạ thái bình, Vua sáng suốt thì quần thần hiền lương... Những lời lẽ ca ngợi khéo léo làm ý mong Vua Minh noi theo các Vua đời trước coi trọng tình hữu nghị các nước láng giềng, lấy nhân nghĩa hàm trọng. Cái khéo léo tế nhị của Phùng Khắc Khoan là đưa những giáo lý về đạo làm vua vào những văn từ hoa mĩ, vào vần điệu nghiêm trang đúng bài bản của thể thơ cổ điển Trung Quốc.

https://tieulun.hopto.org

Trong triều đình nhà Minh lúc đó, có phe ủng hộ sứ giả Phùng Khắc Khoan công nhận Vua Lê, có phe ăn tiền của nhà Mạc tìm cách trì hoãn. Được Minh Thần Tông vì nể, ông đã mềm mỏng, ôn hoà và cương quyết buộc quan nhà Minh phải tổ chức để ông được dâng biểu cầu phong của Vua Lê lên Vua Minh. Bài biểu có viết: "Thần Lê Đàm, cháu xa đời của thần Lê Lợi, Quốc vương trước của nước An Nam cùng bọn tiểu mục là thần Trịnh Tùng, kì mục là Hoàng Đình Ái, quan mục là Bùi Bỉnh Uyên, kính tâu về việc giãi lòng trung thành, xin ơn trời tha tội. Thần xem đấng vương giả lấy 6 cõi làm một nhà, lấy tứ đi làm phiên trấn kẻ nào không cống hiến thì đánh dẹp, kẻ nào đến chầu phục thì vỗ về, là cốt lấy đại thống nhất để tỏ đại hiếu sinh vậy. Bọn thần ở cõi xa hẻo lánh, còn rất ngu tối quê mùa, chỉ mong được thấm nhuần thanh giáo nên lâu nay vẫn ngưỡng mộ hoàng thân.

... Cúi xin Đại hoàng đế thương nước lưu li, theo lòng dân suy tôn, ban cho danh hiệu, có chút quyền hành, có thể nộp cống làm phiên thần, đời đời nội thuộc, không những là nguyện vọng đời đời của họ Lê mà cũng là của nhân dân cả nước. Nhờ đức sinh thành của Hoàng đế ơn ấy lồng lộng như trời. Vì các lẽ đó xin làm bản tâu, sai thần là Phùng Khắc Khoan mang đi...". Vua Minh chỉ phong cho Vua Lê chức *Đông thống* chưa chịu phong *Quốc vương*. Phùng Khắc Khoan không bằng lòng, theo *Đại Việc sử kí toàn thư*, ông đã tâu lên: "Chủ của thần họ Lê là dòng dõi *An Nam Quốc Vương*, giận nghịch thần họ Mạc cướp ngôi, không nhịn được mối thù nghìn năm, mới nằm gai nếm mật, lo thu phục lại cơ nghiệp của tổ tông để nối gót tổ tông. Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước Nam, giết vua cướp ngôi, là người có tội mà lại nhằm cầu lấy chức Đông thống. Nay chủ của thần không có tội như họ Mạc mà phải nhận chức như họ Mạc là nghĩa làm sao?" Vua Minh cười mà nói rằng: "Chủ của ngươi tuy không ví như họ Mạc, nhưng vì mới lấy lại được nước, sợ lòng người chưa yên, hãy cứ nhận đi, sau này gia phong vương tước cũng không muộn gì. Người nên kính theo, chớ có từ

https://tieulun.hopto.org

chối". Khắc Khoan bèn nhận ra về.

Vua Minh đã tặng ông một đồng tiền vàng Vạn Lịch thông bảo. Tương truyền về đến công quán, ông đã quẳng ngay đồng tiền. Một sứ thần đã sợ hãi, vội nhặt lên cất đi. Yêu cầu cao nhất của chuyến đi sứ của Phùng Khắc Khoan là xin phong vương, tuy chưa đạt được song cũng là một thắng lợi, vua quan nhà Minh phải coi nhà Lê là chính thống, không còn danh nghĩa gì để giúp quân Mạc, đã đạt được một bước để bước tiếp sau.

1/ Bỏ lệ cống người vàng cúi mặt

Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* thì trong chuyến đi sứ này ông còn đấu tranh bỏ được lệ cống người vàng *cúi mặt* của nhà Mạc trước đây. LTHCLC ghi: "Khi đã đến Yên Minh, Lễ bộ đường trách về việc người vàng ta đem cống không theo mẫu cũ làm *cúi đầu*, nên ngăn cản không cho Sứ vào châu. Ông cãi lại: "Nhà Mạc cướp ngôi, danh nghĩa là nghịch, nhà Lê khôi phục lại danh nghĩa là thuận. Nhà Mạc dâng người vàng cúi đầu thay mình đã làm may lắm. Còn như nhà Lê bao đời làm công thần, thì kiểu người vàng *ngửa mặt,* bao đời còn có. Nay lại bắt theo như lệ nhà Mạc thì lấy gì để khuyến khích chiêu an và trừng phạt?" Việc đến tai Vua Minh, cuối cùng lại theo thể thức cũ của nhà Lê."

Khi ông về nước, chúa Trịnh Tùng kính trọng tài năng và khí phách của ông, gọi là "*Phùng tiên sinh*". Dân gian gọi ông là Trạng nguyên, là "*Trạng Bùng*". Một phái đoàn do Đỗ Uông dẫn đầu đã lên tận Nam Quan để đón ông về nước. Vua Lê qua Sông Cái đón ông về kinh đô.

Nhận xét về chuyến đi sứ năm 1597 của ông, Lê Quý Đôn viết trong *Kiến văn tiểu lục*: "Phùng Khắc Khoan phụng mệnh đi sứ, tuổi đã ngoài 70, không những biện bạch quang minh chính đại, đạo đạt được mệnh lệnh của Vua, làm mạnh mẽ được thể thống trong nước. Đến như 70 vần thơ dâng mừng khánh tiết và hơn 10 vần thơ đáp lại chánh phó sứ Triều Tiên tài tử

https://tieulun.hopto.org

chứa chan, cách điệu tươi đẹp, y như lúc còn trẻ tuổi, như thể chả phải được tinh khí sông núi gúp đỡ đấy ư?"

2/ Phùng Khắc Khoan đoán chữ của sứ thần nhà Minh

Tương truyền, một lần nhà Minh sai sứ sang nước ta chỉ đưa đến triều đình một tấm vóc trong chỉ có 2 chữ thanh thuỷ. Các quan trong triều không ai hiểu sứ Minh muốn nói gì. Vua cho mời ông đến để giải thích. Ông suy nghĩ trong giây lát rồi nói:

- Đây là họ muốn cùng quân lính triều đình ta đến tháng 12 này thì cất quân cùng họ lên đánh nhà Mạc còn lẩn lút ở biên giới.

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Sao chỉ hai tiếng thanh thủy nghĩa là nước trong xanh mà lại hiểu như vậy?

Ông thong thả tâu: Nhà Minh muốn thử tài của người nước Nam ta, nên chỉ viết có vậy. Chữ thanh là do ghép ba chữ *thập, nhị, nguyệt* mà thành. *Thập, nhị, nguyệt* là vào tháng 12. Chữ thuỷ là do ghép hai chữ vũ và tốt có nghĩa là ra quân.

3/ Chánh sứ Phùng Khắc Khoan đem về nước hạt giống ngô và phổ biến kỹ thuật dệt lượt

Chuyện kể trên đường đi sứ, Phùng Khắc Khoan chú ý quan sát cách làm ăn của nhân dân nơi đi qua. Khi qua vùng nước Ngô ông thấy nhân dân sinh sống bằng một thứ hạt to đầu vàng hay trắng, gọi là "ngọc mễ". Cây trồng trên đất khô không cần tưới nước như lúa, rất thuận tiện cho việc trồng ở các ruộng cao, vùng trung du và nơi không có nước. Ông ăn thử và thấy bùi ngon, có ý định khi về nước sẽ mua một ít hạt giống mang về.

Khi về xe đến gần cửa ải, quân lính nhà Minh khám xét thấy và không cho mang một cân ngọc mễ nào cả. Ông và cả sứ bộ khéo léo mãi mới giấu được một ít hạt mang về. Có sách viết là do chúng khám kỹ, bắt cởi cả quần áo ra nên phải giấu vào hậu môn. Hạt ngọc mễ được đem cho dân làng trồng và được

https://taieu.mobi

đặt tên là hạt ngô vì thứ hạt này được lấy giống từ nước Ngô. Cũng vì vậy nên khi cúng cơm, người ta không cúng ngô.

Chuyện kể, trên đường đi qua các vùng dệt lụa, ông đã chú ý xem xét dân địa phương kéo sợi từ kén tằm sao cho nhỏ, kỹ thuật làm cho sợi tơ thêm bóng, mượt và mềm. Ông cũng quan sát các khung cửi và cách dệt sao cho lụa dệt xong đẹp mịn màng và bóng. Khi về nước, ông đã phổ biến cho dân làng các kỹ thuật đó. Nhờ thế dân làng Bùng và sau đó cả trong vùng dệt được một thứ lụa mượt, mềm và bóng nổi tiếng. Trong nước gọi là lượt. Và nổi tiếng nhất vẫn là lượt do dân làng Bùng dệt, được coi là lượt Bùng.

4/ Chánh sứ Phùng Khắc Khoan giao hảo với sứ thần Triều Tiên

Theo sử sách, sứ thần Phùng Khắc Khoan đã tiếp xúc với sứ thần Triều Tiên là Lý Tối Quang, hiệu là Chi Phong Đại Nhân, ở Yên Kinh trong khi sang tuế cống Vua Trung Hoa vào năm Đinh Dậu (1597). Đây là cuộc giao tiếp có ý nghĩa mở đầu quan hệ văn hoá giữa hai nước Việt Nam và Triều Tiên và cũng là mở đầu quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Phùng Khắc Khoan đã cùng các sứ thần Triều Tiên kết giao, thơ từ xướng hoạ, tặng đáp, mỗi bên có đến hàng chục bài. Sứ thần Lý Tối Quang đã viết tựa và hậu chí cho tập thơ của Phùng Khắc Khoan, bài tựa có đoạn viết:

"Trong khoảng trời đất, có lớp tinh khí sáng trong lành, hoặc chung đúc muôn vật, hoặc chung đúc vào người ta. Cái khí ấy chung đúc đầy rẫy khắp nơi, tất sinh ra những tài kì dị lỗi lạc, không hẳn chỉ ở nơi gần mà có khi ở nơi xa, không phú bẩm cho muôn vật mà phú bẩm vào cho con người ta.

Tôi nghe Giao Châu ở hẳn về phía Nam, có nhiều thứ quý lạ, như vàng bạc, ngà voi, sừng tê chẳng hạn, ấy chỉ có cái khí tinh sáng trong lành ấy chung đúc vào đâu thì có bậc dị nhân sinh ở đó, không phải chỉ các thứ của báu mà thôi.

Nay sứ thần An Nam là Phùng Khắc Khoan, đầu tóc bạc phơ, thân hình gầy guộc, tuổi bảy mươi mà nét mặt còn như trẻ,

http://tieulun.hopto.org

đi đường xa mà không mỏi. Xem lễ triều đình, lại chầu thượng quốc, ông có làm 31 bài thơ mừng tết Vạn Thọ, chúc tụng nhà vua, Tập thơ ấy nhời nhẽ trình bày, ý tứ hồn hậu, khác gì nhả ngọc phun châu, âm điệu ròn rã như tiếng vàng tiếng ngọc. Đó há chẳng phải như người ta là người lạ hay sao?

... Đời cổ có quan Thái sử thu lượm những lời phong giao phả vào đàn hát. Biết đâu thơ văn của ông lại chẳng biên chép vào trong nhạc phủ để bày tỏ thịnh trị của Trung Quốc mãi về muôn đời sau.

Tôi sinh ra ở phương Đông, được tiếp chuyện ông, xem văn từ của ông, giật mình hoảng hốt như cưỡi xe mây: thần hồn nhởn nhơ nơi biển lửa, chân đi đến chỗ cột đồng, thực là may lắm, đâu dám thoái thác là không làm được văn mà từ chối. Vậy làm bài tựa này"

(Trần Văn Giáp dịch)

Sau đây xin trích hai bài viết của sứ thần Triều Tiên là Lý Tối Quang về cuộc giao tiếp với Phùng Khắc Khoan tại Yên Kinh để bạn đọc hiểu thêm nội dung mối quan hệ giữa hai người:

5/ Bài Hậu chí (trích)

"Sứ thần lại còn nói với tôi rằng: Chúng tôi có tập thơ vạn thọ khánh hạ, dám xin quan cứ làm cho bài tựa để được nhờ ơn cây bút lớn.

... Lời nói rất khẩn thiết, tôi chối mãi không được, bèn làm bài tựa gửi cho. Sứ thần cảm ơn bài tựa ấy, có nói: "Được đọc bài tựa của quan sứ rất là vui mừng. Lời văn sáng sủa, ngợi khen quá đáng, tôi tự thấy làm thẹn, xin đa tạ, đa tạ." Thế rồi đem thổ sản mang đi sẵn: 100 nén bạch tuyến hương và một lọ chỉ hương đưa cho tôi và bảo rằng: "Nghe nói bút và mực của quý quốc là những thứ tốt nhất thiên hạ, xin cho một tí."

Tôi liền lấy một ít bút mực tặng lại. *Bạch tuyết hương* là một nén hương nhỏ lắm mùi thơm gay gắt, *chỉ hương* là một thứ đã nấu thành cao, xoa lên mặt hay lên mình suốt ngày vẫn thơm.

https://tieulun.hopto.org

Hỏi đáp giữa hai sứ thần

Hỏi: Nước Việt Thường Giao Chỉ có phải là đất nước của ông không?

Đáp: Thưa phải.

H: Ngài làm quan gì?

Đ: Tôi ngu hèn già cả, ở nước tôi làm chức Thị lang.

H: Quan chế và phong tục nước ông như thế nào?

Đ: Nước tôi học tập Thi, Thư, Lễ, Nhạc của Khổng Mạnh, làm văn theo lối khoa cử tiến sĩ đời Đường, Tống.

H: Lấy người ra làm quan bằng thơ, phú hay sách luận? Cũng có võ cử không?

Đ: Lấy người bằng khoa cử. Phép thi có khoa thi Hương, thi Hội. Khoa thi Hương thì trường thứ nhất có 9 câu văn sách, hỏi về Ngũ kinh thư; Trường thứ hai làm các bài chiếu, chế, biểu, mỗi thứ một bài; Trường thứ ba một bài thơ, một bài phú; trường thứ 4 một bài văn sách hỏi đường lối chính trị từ xưa đến nay. Khoa thi Hội thì trường thứ nhất đến trường thứ 4 giống như thi Hương, thêm trường thứ 5 làm bài đối sách ngay trước sân nhà vua. Khoa thi võ thì lấy chiến trận là trên hết thử thách về tài cưỡi ngựa, cưỡi voi, vừa cưỡi ngựa voi vừa bắn. Năm năm có một khoa thi.

H: Trước kia tôi nghe nói Vua nước ông là họ Mạc. Nay có phải họ Lê là Vua sáng nghiệp không? Có biến loạn gì mà có thay đổi thế?

Đ: Trước kia nước tôi vẫn là Vua Lê, sau bị họ Mạc cướp ngôi, nay họ Lê lấy lại cơ nghiệp cũ nên lại xin phong vương.

H: Vua Lê mất nước mấy năm mới lấy lại được nước cũ?

Đ: Hơn 50 năm.

H: Nước ông có Đô Thống Sứ là chức quan gì?

Đ: Nước tôi từ xưa dựng nước đến nay chưa từng có chức Đô Thống Sứ Ti bao giờ. Chỉ vì họ Mạc lấn cướp ngôi, Thiên triều tha cho tội chết, tạm đặt ra chức Đô Thống Sứ Ti, trật nhị phẩm để rộng tha tội chết cho kẻ tiếm nghịch. Như nay thì phải phong vương cho Vua Lê, đình thần đang bàn để xin ân thưởng.

https://tieulun.hopto.org

H: Họ Mạc có phải là Mạc Mậu Hợp không?

Đ: (Sứ thần ngạc nhiên, nhìn tôi hồi lâu rồi mới trả lời) Mạc Mậu Hợp là họ và tên vua cũ.

H: Vua Lê được làm vua là có công dẹp loạn hay được dân ông tôn?

Đ: Vua Lê được làm thay họ Trần không còn người kế tự, được nhân dân tôn lên.

H: Khi còn triều Mạc ngài làm quan gì?

Đ: Tôi ngu hèn già cả là di thần nhà Lê, không hề làm quan với họ Mạc.

H: Ở nước ông mùa đông ấm như mùa xuân, không có băng tuyết, có phải không?

Đ: Trời Nam xuân nhiều, đông ít.

H: Nước ông có giống lúa một năm hai mùa, có loại tơ tám lứa tằm, có phải không?

Đ: Ở nước tôi một năm có hai mùa lúa và ngô, có tám lứa tằm và gai.

H: Đất nước ông vuông bao nhiêu?

Đ: Đất vuông hơn 500 dặm.

H: Nước ông cách Vân Nam mấy dặm?

Đ: Nước tôi nhiều bờ cõi với Vân Nam nhưng cách ngàn trùng nước non.

H: Cách Lưu Cầu, Nhật Bản bao nhiêu dặm?

Đ: Nước tôi với Lưu Cầu, Nhật Bản cách biển không thông suốt được.

H: Cột đồng Mã Phục Ba dựng ở nơi nào?

Đ: Cổ truyền ở Mai Lĩnh, nay không còn.

Sứ thần họ Phùng hỏi lại nước ta chế độ như thế nào, tôi trả lời: "Quan chế thì phỏng theo Trung Quốc, có đặt ra Tam Công, Lục Bộ, Đài Sảnh. Còn pháp độ khác đều theo như Trung Hoa". Sứ thần họ Phùng còn nói: "Nước ông vốn vẫn gọi là nước văn hiến, thật hơn nước chúng tôi nhiều..."

(Trần Văn Giáp dịch)

https://tieulun.hopto.org

6/ Thơ xướng hoạ giữa Lý Chi Phong và Phùng Khắc Khoan khi ở Yên Kinh Bắc Kinh)

BÀI 1 (Dịch nôm):

Sơn lam muôn dặm quạnh hiu,
Trải bao nhiêu trạm tới triều quân vương.
Cột đồng Hán dựng phong cương,
Cống nghi Chu gọi Việt Thường từ xưa.
Đất thiêng non lạ không vừa,
Non nhiều tượng cốt, đất thừa long hương.
Mừng đây gặp buổi thánh vương,
Gió yên biển lặng lại càng thêm vui.

BÀI 2 (Dịch nôm):

Nghe ông nhà ở Cửu Chân,
Đường sông dặm suối muôn phần xa xa.
Kể chi áo mũ rườm rà,
Xem qua văn tự cũng là thi, thư.
Khác nào hiến trĩ thời xưa,
Bao mao lễ cống dâng vừa tới nơi.
Viêm Châu ngảnh lại xa khơi,
Chỉ nam ai chế như lời nhà Chu.

Sứ thần Phùng Khắc Khoan hoạ lại

BÀI 1 (Dịch nôm):

Khác miền lễ nghĩa khác đâu,
Mừng thăm nay lại cùng chầu quân vương.
Sân chầu tưởng tượng Ân thương,
Mũ xiêm vua Thuấn đủ đường uy nghi.
Ân ban yến tiệc trân kì,
Hương thơm đầy áo khi đi ra về.
Biết nhau quân tử thường lề,
Trong thơ lại được thêm bề tán dương.

https://tieulun.hopto.org

BÀI 2 (Dịch nôm):

Nghĩa an là gốc an cư,
Thành giao lễ tiếp có dư vui vầy.
Biển non dù cố khác đây,
Nguồn sâu chung sách thánh hiền mà ra.
Giao lân vốn ở thật thà,
Kính thời tiến đức phải là chủ trương.
Khi nào xe sứ hồi hương,
Trông mây năm sắc tỏ đường đông nam.

(**Trần Văn Giáp** dịch)

24. THÁM HOA NGUYỄN ĐĂNG CẢO GIẢI TRÒ ĐỐ CỦA SỨ THANH

Nguyễn Đăng Cảo người làng Hoài Bão huyện Tiên Du trấn Kinh Bắc, thường được gọi là làng Bịu, nay thuộc huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh.

Ông đậu thám hoa khoa Bính Tuất niên hiệu Phúc Thái IV (1646) đời Lê Chân Tông (khoa này không lấy Trạng nguyên). Sau đó ông lại đỗ đầu khoa Đông Các được cử giữ chức Đông Các Đại Học Sĩ. Ông chỉ làm quan được ba năm thì bị bãi chức. Ông là anh ruột của tiến sĩ Nguyễn Đăng Minh và là bác ruột của tiến sĩ Nguyễn Đăng Tuân và Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo.

Tương truyền vì là người tài giỏi văn chương, khả năng đối đáp sắc bén, ông đã nhiều lần thay mặt triều đình cùng với các quan khác tiếp sứ thần nhà Thanh, làm cho chúng phải kính phục. Vào một năm, sứ Thanh mang sắc phong cho Vua Lê, đi đến trạm Xương Giang thì dừng lại. Sứ sai quan đón tiếp đưa về cho triều đình một vuông gấm trong viết chữ Càn và bảo nếu không ai giảng nghĩa được thì không vào triều. Triều đình không ai đoán được nghĩa là gì. Vua Lê phải triệu thám hoa Nguyễn Đăng Cảo đang nghỉ quan ở nhà lên trạm Xương Giang tiếp sứ Thanh và ứng đối. Nghe các quan thuật lại. Nguyễn

https://tieulun.hopto.org

Đăng Cảo bèn nói:

- Cái trò đánh đố chữ nhỏ mọn ấy bõ bèn gì!

Nói xong ông dở vuông gấm ra xem, sai người nhà lấy bút mực rồi quệt đầm mực và viết một nét sổ cạnh chữ Càn của sứ Thanh. Ông giải thích cho các quan đến nghe:

- Tượng của quẻ Càn (trong *Kinh Dịch*) là 3 nét ngang thêm một nét sổ thành chữ vương. Như vậy có nghĩa lần này sứ Thanh sang phong vương cho Vua Lê, có thế thôi.

Khi nhận lại vuông gấm, dở ra xem, sứ Thanh mỉm cười và đi tiếp vào kinh đô Thăng Long.

Lễ phong vương xong, Vua Lê lại cử ông tiễn sứ Thanh lên biên giới. Qua mấy ngày hành trình trời mưa dầm không dứt, khi lên đến ải quan thì trời nắng ráo. Ngồi nghỉ trong nhà công quán, Nguyễn Đăng Cảo thấy Sứ Thanh đem sách ra phơi. Tính vốn ngang ngạnh và hay đùa vui, ông bèn sai lính trải chiếu rồi ra nằm phơi bụng. Sứ Thanh ngạc nhiên hỏi làm sao vậy, ông liền nói:

- Sách *Cửu kinh* của tôi cũng bị ẩm ướt, nay trời quang cũng phải đem ra phơi vì sách để ở trong bụng này.

Sứ Thanh kinh ngạc, nói với ông để thử tài:

Chúng tôi bị thất lạc mất mấy chương của sách *Đại học*, phiền ông chép giùm để mang về nước in.

Ông Đăng Cảo liền rút bút ghi liền một lúc 8, 9 chương trong sách rồi đưa cho Sứ.

Sứ Thanh rất phục về trí nhớ của ông và nói:

- Năm trước quan Thái sử tâu lên Vua Thanh là nước Nam có sao Văn Khuê chiếu sáng, nay sang quả thấy không sai.

Trả lại y phục

Vào năm 1653 niên hiệu Trịnh Đức đời Lê Thần Tông, nhà Thanh lại sai sứ mang chiếu chỉ sang cùng 10 vuông gấm gói các loại mũ xiêm, cùng quần áo... Vua không hiểu ý định của sứ thần là gì, lại cho quan về làng Hoài Bão mời Nguyễn Đăng Cảo lên kinh để hỏi. Ông xem qua các vật rồi tâu lên vua:

https://tieuluun.hopto.org

- Thưa bệ hạ đây là những đồ trang phục của người Trung Hoa, họ gửi sang là tỏ ý muốn ta phải theo Thiên triều, lệ thuộc vào họ, cách ăn mặc của nhà Thanh phải cắt tóc, để đuôi sam, khác với nhà Minh. Nay ta nên gửi trả lại bộ quần áo này và đưa lại cho họ bộ y phục dân tộc để cho họ thấy rõ ta không chịu chấp nhận họ.

Vua liền cử ông lên biên giới tiếp sứ Thanh và tìm cách thoái thác cách ăn mặc theo nhà Thanh. Ông cho lấy một tấm lĩnh, cho gói váy, áo, yếm... để trong một hòm kín đẹp, cho quân lính mang vào nhà công quán cho sứ Thanh. Sau đó ông đã biện bác từ bỏ chấp nhận ý định của Vua Thanh. Ông còn làm một bài biểu *Giải chư hầu hoặc* (Cởi bỏ những nhận định sai lầm về các nước gọi là chư hầu) để sứ Thanh mang về dâng vua. Lời lẽ bài biểu vạch rõ phong tục các nước khác nhau do biên cương bờ cõi khác, Vua Thanh xem xong khen: "Người giỏi nước Nam không đời nào không có".

Thế là chính sách định đồng hoá bằng phong tục của Vua Thanh đã thất bại.

Đối đáp

Tương truyền một lần khác, Nguyễn Đăng Cảo lại được vua cử dẫn đầu sứ bộ nước ta sang triều cống Vua Thanh. Biết tiếng thám hoa Đăng Cảo hay chữ và là người đã làm tờ biểu dâng năm trước nên Vua Thanh ra một vế đối khinh miệt:

- Lão khuyển lạc mao, do hướng đình tiền phệ nguyệt.

Nghĩa là: "Con chó già rụng lông còn ngóng ra sân sủa lên bóng trăng". Ý mỉa mai Đăng Cảo như con chó già sủa bậy bạ.

Ông rất căm tức Vua Thanh nên quyết dùng vế đối lại làm cho Vua và cả triều đình bẽ mặt, ông đọc:

- Tiểu oa đoản cảnh, mạn củ tỉnh đề khuy thiên.

Nghĩa là: ếch con ngắn cổ cũng dám ngồi đáy giếng nhòm trời.

Câu đối lại đã mỉa mai cả triều đình Thanh kiến thức hẹp hòi chỉ như ếch ngồi đáy giếng, tầm mắt hạn chế nên chỉ thấy bầu trời bằng miệng giếng mà thôi. Vế đối đã đốp chát cứng cỏi,

https://tieulun.hopto.org

ăn miếng trả miếng làm cho Vua Thanh tái mặt. Từ đó phải nể sợ ông, không dám sách nhiễu và coi thường sứ thần nước Nam nữa.

25. TRẠNG NGUYÊN NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO ĐÒI ĐẤT 3 ĐỘNG

Ông người xã Hoài Bão huyện Tiên Du trấn Kinh Bắc nay là xã Liêu Bão huyện Tiên Sơn tỉnh Bắc Ninh, sinh năm 1651, mất năm 1719. Ông là con của Tiến sĩ Nguyễn Đăng Minh, anh của Tiến sĩ Nguyễn Đăng Tuấn và là cháu của thám hoa Nguyễn Đăng Cảo. Năm 33 tuổi, ông đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhất danh (Trạng nguyên) khoa Quý Hợi, niên hiệu Chính Hoà IV (1683) đời Lê Hy Tông. Ông làm quan trải các chức Đô ngự sử, Nhập thị Kinh diên, Binh bộ Thượng thư, Tham tụng kiêm Đông Các Đại học sĩ. Năm 1697 ông được cử sang sứ nhà Thanh thương lượng đòi lại đất 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viện thuộc huyện Vị Xuyên.

Trong khoảng 10 năm từ năm 1688 đến 1679, theo sách sử như *Việt sử thông giám cương mục* và *Lịch triều hiến chương loại chí* đã ghi lại, nhiều vụ lấn chiếm biên giới nước ta của quan lại nhà Thanh đã xảy ra:

"Tháng 5-1688 thổ ti Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm biên giới ở ba châu thuộc Tuyên Quang và châu Thuỷ Vĩ thuộc Hưng Hoá giáp liền với địa phủ Khai Hóa nhà Thanh... Từ đấy trở đi đất ở ba châu bị mất về nhà Thanh."

"Tháng 6-1689, triều đình cử Đinh Tuấn Khoa, Hữu Thị lang Bộ Hình hội với quan nhà Thanh để khám xét biên giới thôn Na Oa, châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn... Tranh cãi mãi cuối cùng đất Na Oa vẫn bị mất về nhà Thanh."

Năm 1690 Việt Nam cử một phái đoàn gồm chánh sứ là Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, Phó sứ Nguyễn Tiến Sách và Trần Thọ sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống. Nhân tiện tâu về việc: 1) Dư đảng họ Mạc lẩn lút ở Vân Nam họp bè đảng

https://tieulun.hopto.org

cướp bóc biên giới thuộc Tuyên Quang, Hưng Hoá và Cao Bằng. 2) Thổ ti ở Khai Hóa và Mông Tự xâm chiếm các thôn động ở các châu Bảo Lạc, Vị Xuyên, Thuỷ Vĩ và Quỳnh Mai xin tra xét cho. Nhưng triều nhà Thanh vẫn im việc này đi, không trả lời."

Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thì đất đai bị mất do quân nhà Thanh lấn chiếm không phải chỉ là ba động mà còn nhiều hơn. Năm 1691 sứ thần nước ta tâu với nhà vua: Thổ ti phủ Khai Hóa xâm chiếm 60 động biên giới thuộc ba châu Vị Xuyên, Bảo Lạc và Thuỷ Vĩ và xâm chiếm 3 châu Quảng Lăng, Hoàng Nham và Hợp Phì. Tháng Giêng năm Đinh Sửu (1697) triều đình sai Chánh sứ là Nguyễn Đăng Đạo và Nguyễn Thế Bá, Phó sứ là Đặng Đình Tường và Nhữ Tiến Hiền sang Yên Kinh (Bắc Kinh ngày nay) nộp tuế cống và dâng quốc thư xin Vua Thanh trả đất 3 động. Nguyễn Đăng Đạo đã bàn luận với quan trong triều, trình bày những bằng chứng và bản đồ để chứng minh 3 động đó là của Vua Nam. Tuần phủ Vân Nam là Thạch Văn Thạnh vào dâng Vua Thanh bản đồ Vân Nam có vẽ 3 động của Việt Nam và nói với Vua Thanh: "Ba động ấy là của Trung Hoa từ đời nhà Minh nếu sứ thần Việt Nam đòi mà Vua chịu trả thì sau này họ đòi cả Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) là đất của Triệu Đà nước Nam Việt ngày xưa thì Trung Hoa cũng phải trả à?" Vua nhà Thanh nghe vậy bèn gạt việc đòi đất đi.

Tuy chưa đòi được đất nhưng thư của Vua Nam đã đến tận tay Vua Thanh. Những lý lẽ của Nguyễn Đăng Đạo làm cho Vua Thanh phải để ý đến việc đất đai vùng biên giới và phải khen tài ứng đối, biện bác xuất sắc của Nguyễn Đăng Đạo đã thể hiện văn tài của Trạng Nguyên nước Nam nên, theo tương truyền, đã phong cho Đăng Đạo là Lưỡng quốc Trạng nguyên.

Sứ bộ đi từ tháng Giêng năm trước đến mãi tháng Sáu mùa hè năm 1698 mới về đến Thăng Long.

Nguyễn Đăng Đạo làm thơ và câu đối ở Yên Kinh

Tương truyền trong lần đi sứ nhà Thanh năm Đinh Sửu, sứ bộ nước ta bị để nằm dài ở nhà công quán, chờ đợi mãi vẫn

https://tieulun.hopto.org

chưa được cho vào triều yết vua Thanh. Một đêm trăng sáng, không ngủ được, Đăng Đạo đi đi lại lại trong tiền sảnh, trông ánh trăng soi sáng nơi cung đình xa xa nên đã làm một bài phú có tên là *Bái nguyệt đình phú*. Sáng hôm sau, sứ bộ ta được vào yết kiến vua cùng với sứ bộ Triều Tiên. Vua Thanh nhận quốc thư, trao cho các quan phụng mệnh, sau đó muốn thử tài văn học của các sứ thần bèn hạ lệnh cho các sứ phải làm bài phú, tả cảnh trăng nơi cung đình. Sẵn bài phú nghĩ từ tối hôm trước, Đăng Đạo cầm bút viết trong nháy mắt là xong và đọc lên. Vua quan triều Thanh kinh ngạc vì vừa làm nhanh mà nội dung lại tuyệt hay. Sứ thần Triều Tiên cũng xin bái phục.

Vào một tối sáng trăng mùa xuân, Vua Thanh đi với các sứ bộ ở ngoài công quán vào ngắm trăng trong vườn thượng uyển. Trước cảnh trăng sáng lung linh, hương thơm ngào ngạt trong vườn xuân, vừa là thú thưởng thức văn học thanh tao vừa là để thử tài các sứ thần, một viên quan nhà Thanh ra vế đối và mời các sứ thần đối lại. Vế đối như ra sau:

- *Xuân tiêu phong nguyệt, nguyệt thiêm hoa sắc, phong tống hoa hương, hương sinh sắc, sắc sinh hương, hương hương sắc sắc mãn xuân tiêu, tương tư khách hứng tương tư khách*[1].

Dịch nghĩa:

- Đêm xuân đầy trăng và gió, trăng nhuộm sắc cho hoa, gió đưa hương hoa, hương theo sắc, sắc theo hương, hương hương sắc sắc tràn ngập đêm xuân, khách tương tư nhớ khách tương tư.

Mọi người đều khen vế đối thật hay, điệp âm luyến láy các từ, trầm bổng nhạc điệu đầy phóng khoáng.

Sứ thần Triều Tiên đối trước:

- *Tùng viện trúc mai mai sinh ngọc diệp, trúc hoạ ngọc chi, chi tỉ diệp, diệp tỉ chi, chi chi diệp diệp liên tùng viện, hữu tình nhân thức hữu tình nhân.*

Dịch nghĩa như sau:

- Mai trúc lầu tùng, mai nở lá đẹp, trúc vẽ cành đẹp, cành

[1] *Cũng có sách viết 2 câu đối trên là của Phùng Khắc Khoan.*

https://tieulun.hopto.org

liền lá lá liền cành, cành cành lá lá sát lầu tùng, người hữu tình nhắc kẻ hữu tình.

Đến lượt Đăng Đạo đọc vế đối:

- *Hạ nhật cầm thi, thi ngụ ngã tình, cầm ngụ ngã tính, tính viện tình, tình viện tính, tính tính tình tình, tình thư hạ nhật, tri âm nhân thức tri âm nhân.*

Dịch nghĩa như sau:

- Ngày hạ đàn thơ, thơ ngụ tình ta, đàn hoà tâm tính, tính nương tình, tình nhờ tính, tính tính tình tình, ngày hè nhàn nhã, người tri âm hiểu người tri âm.

Nghe xong hai sứ thần đối lại, viên quan nhà Thanh nhận xét là sứ Triều Tiên nói đến cành lá trúc mai tươi tốt, đến hạnh phúc chan hoà tươi tốt, còn câu đối của sứ thần nước Nam thật là tài tình phóng khoáng, tao nhã với âm nhạc và thi ca.

Nguyễn Đăng Đạo với học vấn uyên thâm, trí thức thông tuệ, với tài ứng đối thông minh mưu trí, lý lẽ sắc bén, đã ý thức chủ quyền cương vực, tiêu biểu cho phẩm chất của người phụng mệnh đi sứ.

26. SỨ THẦN TRẦN KHÁI VỚI NGHỀ THÊU

Trần Khái còn gọi là Trần Quốc Khái, người xã Quất Động huyện Thượng Phúc, trấn Sơn Nam, nay là thôn Quất Động, xã Quất Động huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây. Năm 32 tuổi, ông thi đậu Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Sửu niên hiệu Dương Hoà 3 (1637) đời Lê Thần Tông.

Chuyện kể hồi còn nhỏ ông rất chăm học, ông học cả những khi đi đốn củi, kéo vó tôm. Tối đến nhà không có dầu, ông đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng để đọc sách. Năm 18 tuổi, ông bị lí dịch bắt đi đắp đê sông Hồng. Sức yếu không vác nổi những hòn đất to nên bị chúng phạt chôn chân ở chỗ đào đất. Một viên quan coi đê đi qua, thấy thế liền hỏi vì sao. Ông bèn thưa vì mình là học trò sức yếu không vác nổi hòn đất to nên bị phạt. Viên quan nghe nói là học trò liền nói nếu đối lại

https://tieulun.hopto.org

được câu đối ông ra thì sẽ tha cho. Viên quan đọc:

- Ông quan thị, cắm đường cái tiêu, trị hồng thuỷ, cho dân được cậy.

Vế ra khá oái oăm, có tên bốn thứ quả: thị, chuối tiêu, hồng, cậy. Khái liền đọc ngay vế đối:

- Trai Quất Động, thi đỗ bảng nhãn, phù quân vương, phỉ chí mới cam.

Vế đối cũng đủ bốn thứ quả: quất, nhãn, bồ quân, cam.

Viên quân thấy vế đối rất chỉnh thầm khen là người học trò có tài và tha cho. Từ đấy Khái nổi tiếng trong vùng là hay chữ. Ít lâu sau, ông đi thi đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tả Thị lang và được cử đi sứ nhà Minh.

Tương truyền, để thử tài trí của sứ thần Đại Việt, Vua Minh sai dựng một cái lầu cao chót vót rồi mời ông lên chơi. Ông lên trên lầu thì ở dưới quân Minh cất thang đi. Không còn lối xuống, ông đành ở lại trên lầu một mình. Trên lầu chỉ có bàn thờ phật, phía trước treo một bức trướng thêu ba chữ: "phật tại tâm", nghĩa là Phật ở trong lòng, hai bên có hai cái lọng, phía ngoài có một vò nước mưa. Một ngày bị giữ ở trên lầu, không có gì ăn, bụng đói không đành uống nước cầm hơi. Ông đi đi lại lại trong lầu, nhìn pho tượng phật sơn son thiếp vàng. Nhìn những chữ trên bức trướng "phật tại tâm", ông suy nghĩ rồi mỉm cười và bẻ tay Phật ra nếm thử. Thì ra pho tượng phật không phải nặn bằng đất sét mà bằng bột chè lam. Từ đó ngày hai bữa, ông cứ ung dung bẻ dần tượng phật ra mà ăn. Ngồi buồn không có việc gì làm, ông hạ bức trướng xuống, tháo các đường chỉ kim tuyến để xem cách thêu, sau đó lại thêu vào như cũ.

Nhốt ông trên lầu được mấy hôm, quân Minh yên chí là ông sẽ bị chết đói, liền bắc thang lên xem. Thấy ông vẫn khoẻ mạnh, nhìn vào pho tượng Phật thấy bị vặt dần, chúng biết là ông đã tìm ra thức ăn; chúng lại bỏ ông trên đó và cất thang đi. Khi đã ăn gần hết pho tượng, ông quan sát xung quanh có gì có thể để sinh sống được không thì không thấy có gì, chỉ có hai cái lọng mà thôi. Buổi chiều ngồi ngắm trời mây, thấy những con

https://tieulun.hopto.org

dơi xoè cánh chao đi chao lại như chiếc lá, ông mỉm cười nghĩ đến hai chiếc lọng trên lầu. Sau khi đã ăn hết pho tượng, ông bèn hai tay cầm hai chiếc lọng và từ từ trên lầu cao nhảy xuống đất bình an vô sự.

Trước tài trí thông minh ứng xử của sứ thần Đại Việt, triều đình nhà Minh vô cùng kính phục ông, đã bày tiệc lớn tiễn đưa sứ bộ về nước. Khi về nước, ông được Vua Lê khen thưởng. Ông đem nghề thêu đã học được dạy cho dân làng Quất Động và các làng xung quanh vùng Thường Tín. Để ghi nhớ công ơn ông, dân trong vùng đã lập đền thờ ông sau khi ông mất và tôn ông là tổ nghề thêu.

Cũng có sách ghi câu truyện ở trên lầu cao bẻ tượng Phật là của sứ thần Bùi Công Hành người xã Quất Động huyện Thương Phú phủ Thường Tín (nay là Hà Tây) đi sứ dời Lê Thái Tông khi về nước đem nghề làm lọng dạy dân làng nên được coi là thuỷ tổ nghề làm lọng.

27. VIỆC ĐÓN TIẾP SỨ BỘ NHÀ THANH NĂM 1683

Vua Lê Huyền Tông mất năm 1671. Lê Gia Tông lên nối ngôi được bốn năm thì mất (1675). Trong vòng 10 năm do miền Nam Trung Quốc có đánh nhau nên đường đi sứ bị tắc. Mãi đến năm Nhâm Tuất (1682), triều đình nhà Lê mới cử được một sứ bộ do Thân Toàn và Đặng Công Chất sang tuế cống và cáo ai vua mất. Vua Khang Hy nhà Thanh cho biết năm sau sẽ cử hai sứ bộ sang tế và phong vương.

Sứ bộ sang tế hai vua mất gồm có Chánh sứ là Ô Hắc, Phó sứ là Chu Xán. Sứ bộ sang phong vương cho Vua Lê Hy Tông gồm Chánh sứ là Minh Đồ và Phó sứ là Tôn Trác. Tôn Trác trên đường đi bị bệnh mất ở Quảng Tây. Cả hai sứ bộ do Ô Hắc làm trưởng đoàn, với ba vị sứ thần và 227 người khi vào đến cửa Nam Quan. Hai sứ bộ đi từ Yên Kinh (Bắc Kinh) ngày 5 và 6 tháng 4 năm Quý Dậu (1638) đến 28 tháng 9 vào đến đất Đại Việt: ngày 4 tháng 10 đến công quán ở Gia Quất (Gia Lâm) sau

https://tieulun.hopto.org

khi dừng chân nghỉ ở bốn trạm thuộc Lạng Sơn là Pha Luy, Thành Đoàn, Nhân Lý và Chi Lăng; nghỉ sáu trạm tỉnh Bắc Ninh là Tiên Lệ, Kép, Thọ Xương, Thị Cầu, Lã Côi, Gia Quất, ở công quán, sứ bộ được chu cấp các đồ dùng và lương thực, thực phẩm đầy đủ.

Vua Lê cử 4 vị quan là Tống Nho, Vũ Duy Khương, Nguyễn Đình Trụ, Trần Thọ đem quân lên cửa ải để đón Sứ bộ nhà Thanh. Bốn viên quan nhà Lê theo nghi lễ, tới lạy long đình (nơi để các sắc, ấn Vua Thanh) chào ba vị sứ thần và cùng dẫn đi. Khi sứ bộ nhà Thanh đến Thọ Xương (phủ lị Lạng Giang ở bắc sông Thương), lại có 4 quan nhà Lê đến đón là Uông Nhuệ, Nguyễn Trạc Dũng, Nguyễn Đăng Tuân, Lê Hùng Xứng. Khi đến công quán thì có một số quan đại thần đón: Trịnh Thực, Nguyễn Lê Quang, Nguyễn Công Vọng, Lê Hi, Trần Đình Cổn, Hoàng Công Trí. Hai sứ bộ nghỉ ở công quán trong năm ngày để bàn bạc các nghi lễ cùng với quan nhà Lê.

1/ Lễ phong vương vua Lê Hy Tông

Hai bên ấn định ngày tổ chức lễ phong vương cho Vua Lê vào ngày 15 tháng 10 năm Quý Mậu (1683). Vua Lê sai quan quân tới công quán rước sắc mệnh và các Sứ tới bến Đông Vân (Ái Mộ). Thuyền thuỷ quân chở qua sông Hồng đến bến Chùa Mọc (có lẽ chỗ Hàng Buồm giáp đường đê và gần sông Tô Lịch). Từ phố Hàng Buồm,Sứ vào thành Thăng Long, có lẽ qua các phố Phúc Kiến, Hàng Gà, Hàng Điếu, Hàng Da đến Cấm Chỉ, qua đình Quảng Văn, qua cửa Đại Hưng, vào Hoàng Thành qua cửa sông Tràng An, đến các điện Triều Nguyên, Cần Chánh, Thị Triều, Kính Thiên. Các sứ nhà Thanh đến cửa Đại Hưng thì xuống ngựa, lên kiệu, đến cửa đông Tràng An thì xuống kiệu đi bộ. Vua Lê đội mũ xung thiên, mặc hoàng bào, đeo đai ngọc, đi hia thêu rồng vàng, có các quan hộ tùng, đi ra ngoài cửa Tam Môn vào đứng ở điện Thiếp Thụ để đón Sứ thần. Các sứ Thanh đến cửa đông Tràng An cùng với long đình thì đứng lại không chịu đi nữa. Vua Lê sai mời vào, sứ Thanh bảo: "Vua Lê thấy

https://tieulun.hopto.org

long đình mà không quỳ lạy là bất kính nên không rước long đình vào nữa". Vua Lê cử Tham tụng, Bồi tụng (như Thủ tướng và phó Thủ tướng) ra đối đáp với sứ Thanh mà nói:

- Nay được Hoàng đế (Vua Thanh) ban cho làm An Nam Quốc Vương, ấy là làm vẻ vang, bây giờ Sứ (nhà Thanh) lại bắt quỳ dưới đường cái để cả nước trông thấy, ấy là làm nhục. Xin Triều sứ chước đi cho.

Vua Lê chỉ chịu lạy long đình khi đã đặt trong điện. Theo quy định của nhà Thanh thì khi sứ Thanh tới kinh đô của các phiên quốc, vua nước đó phải làm lễ đón long đình ở chỗ sứ quán, làm lễ 3 quỳ, chín cúi. Có lẽ để đối phó với quy định phải đến sứ quán làm lễ, nước ta đã cho xây sứ quán ở bên kia sông, Vua chỉ đón long đình trước cửa hoàng thành. Vua Lê chỉ vái chào các sứ thần mà thôi.

Trong các điện Triều Nguyên, Thị Triều, Kính Thiên đều có trang hoàng và quân lính canh gác, các quan túc trực, hộ vệ Vua. Bên ngoài phố xá cũng treo cờ kết hoa.

Vào đến điện Thị Triều, Chánh sứ Minh Đồ đem các mệnh và các tứ vật (của Vua Thanh ban) đặt lên án. Vua Lê cùng các quan làm lễ tham kiến. Xong lễ, mở bức ngự bút có 4 chữ "trung hiếu thủ bang", mọi người đều kinh ngạc mừng rỡ. Sứ Thanh thấy Vua ngắm đi ngắm lại hỏi thì được Vua đáp:

- Ngự bút có thần có thép. Nay chúng tôi nhìn vào như thể thấy mặt vua. Đó là vật quý của nước An Nam, sẽ truyền lại đến muôn đời, vì vậy không nỡ rời tay.

Tất nhiên chúng ta đều thấy đây là những lời nói xã giao cho vừa lòng các sứ thần. Sau đó Vua Lê quỳ xuống để được nghe đọc các mệnh của Vua Thanh phong cho làm *An Nam Quốc Vương*.

Nội dung bài cáo

"Vâng trời nối vận, Hoàng đế ngỏ rằng: Gần yên xa phục, tỏ Trời yêu lòng kẻ hướng minh. Đạo một thói chung, theo đất kinh nghĩa - tôi tới cống. Vì tôn trên biết chữ, đỡ dốc trung

https://tieulun.hopto.org

trinh. Nên sông núi hưởng thề phúc truyền con cháu. Nay An Nam Quốc Vương tự Lê Huy Chân. Nhà ở miền Nam. Lòng quay cung Bắc. Nghìn năm chức tước hằng theo thanh giáo ban ra. Vạn dặm xa thư, từng hưởng tôn vinh nhiều hội. Nay đáng nối tước, xin mệnh tại triều. Đã làm rạng đạo phiên thần, càng nên ban đức. Vậy cho gia nhân ơn mới, bèn giáng sách khen. Đặc sai Hàn lâm viện Thị Độc Minh Đồ, Biên tu Tôn Trạc sang phong ngươi làm An Nam Quốc Vương. Ngươi hãy giữ gìn bờ rào, bền làm phên giậu. Cung kính chớ biếng kẻo mà phá hỏng công xưa. Trung hiếu gìn tây sẽ được ban ân mãi mãi. Kính đấy. Chớ quên lời Trẫm."

Sau khi đọc xong, Chánh sứ Minh Đồ đem cáo mệnh, ấn mới, bức ngự bút trao cho Vua Lê. Vua quỳ nhận lấy chuyển giao cho viên hầu, rồi theo lệ làm lễ tạ ơn.

2/ Vua Lê không chịu trả ấn cũ

Không rõ các lần phong vương các triều đại trước Bắc triều có thu ấn của vua trước không; lần này sang phong vương cho Lê Duy Chân (Lê Hy Tông), các sứ thần nhà Thanh đòi thu ấn ngay sau khi tuyên phong. Sứ thần nhà Thanh nói:

- Theo lệnh Bộ (Lễ) đã định, như đã tin cho quý quốc được hay thì phải trả ấn cũ.

Vua Lê do đã có ý từ trước, nên nói:

- Hôm nay đã được nhận sắc phong của Thiên tử là ngày vui chung của cả nước được thấm nhuần ơn. Nếu trao đổi ấn ngay lập tức thì như là không tôn kính. Xin để hôm khác sẽ đưa lại.

Ba sứ thần bằng lòng lui về, không hề nghi ngờ Vua Lê có ý không trả.

Bốn ngày sau, ngày 19 tháng 10. Vua Lê gửi cho 3 sứ thần một bức thư nói về việc không muốn trả ấn cũ. Nội dung thư viết:

"Tiên vương ta đã làm bề tôi thờ Thiên triều, giữ một lòng trung trinh, đã có nhiều công bắt giặc hiến nộp. Sự ấy đã ghi trong lòng Hoàng đế, nên đã được vẻ vang ban ấn tước Vương.

https://tieulun.hopto.org

Đó là niềm vinh lớn khi còn sống. Đến khi Hoàng đế được tin cáo phó, lại ban lễ tứ tuất. Đó là niềm vinh sau khi mất. Nay tiếp lời tư của quý Bộ (Lễ) bảo phải trả ấn cũ. Không ngờ khi sống thì cho, khi chết thì đòi lại như vậy thì làm thế nào để thoả chút lòng trung nghĩa còn để lại? Vả chăng tra cứu cựu điển thì không thấy có lệ phải trả ấn cũ khi được ban ấn mới. Vậy xin nhờ đại thần chuyển lời bản chức (Vua Lê) lên Bộ để không phải trả ấn cũ."

Ngày 21 tháng 10, nhân Vua Lê đặt tiệc mời và đưa quà tặng, sứ nhà Thanh nói với bọn Nguyễn Công Vọng là vì cớ gì mà vua không trả ấn? Nguyễn Công Vọng bèn thưa:

- Ấn cũ của Thiên tử đã ban cho tiền vương. Tiền vương được ban khi còn sống, cố nhiên như vậy là vinh hạnh. Đến nay mà phải gói lại đem trả thì chẳng phải có điều bị nhục sau khi mất.

Sứ thần nói:

- Thiên vương đã từng được nhận sách phong, như thế là khi sống được vẻ vang. Sau này khi mất được dụ tế, thế cũng là vẻ vang lắm rồi. Sao lại nói đến bị nhục?

Bọn Vọng bẩm:

- Sau khi tiên vương mất, chúng tôi lập tức đem ấn đã được ban đặt trước thần chủ để làm của báo muôn đời. Nếu nay gói ấn trả lại thì không còn gì truyền lại đời sau nữa.

Sứ thần nói:

- Tuy có gói trả ấn nhưng đã có ban ấn mới rồi. Từ rày về sau và muôn năm nữa, nước ngươi vẫn làm bề tôi thờ phụng thiên triều. Thay ấn cũ bằng ấn mới không phải là không được. Cần gì phải lấy cái cũ để truyền về sau trong nhà?

Bọn Vọng lí lẽ bị thất bại nên chỉ xin vâng.

Trưa 24 tháng 10 Vua Lê gửi thư đến các Sứ. Thư viết:

"Tiên vương chúng tôi đã giữ trọn tiết trung trinh. Hoàng thượng cũ đã thấu lòng. Thế mà nay lại bắt gửi trả ấn cũ. Không dè rằng khi sống thì ban cho, sau khi chết lại đòi thu. Mà xét trong điển lệ, xưa nay không có lệ khi ban ấn mới thì thu ấn cũ chúng tôi sẽ làm sớ riêng tâu xin cho giữ lại. Vậy làm tờ cam kết này."

https://tieulun.hopto.org

Các sứ thần nhà Thanh có trách nhiệm ban ấn mới và thu ấn cũ. Nay Vua Lê không trả và đã có lời cam kết làm sớ riêng tâu về việc này, vì vậy, các sứ Thanh phải chịu trách nhiệm về việc không thu được ấn cũ nên họ đành phải nhận lời.

3/ Sứ thần nhà Thanh tế vua Lê Huyền Tông và Lê Gia Tông

Theo thoả thuận thì sau ngày phong vương là 15 đến ngày 16 là ngày dụ tế. Sau đây là bài viết của các sứ nhà Thanh trong tập *Sứ Giao kỉ sự*:

"Ngày 16 ba sứ thần mặc công phục, lấy bài văn dụ tế đặt vào long đình rồi ra đi. Các quan và đầu mục văn võ nước ấy, lính các hạng và phu phen đều đổi y phục, mặc áo tang. Sự đón rước dọc đường đều như hôm trước. Vua nước ấy (Vua Lê) mặc áo tang đi bộ ra đón... Ba sứ thần hướng về phía Tây đứng đợi. Vua dẫn các quan đến đứng phía dưới, quay về phía đông quỳ đứng đợi. Chánh sứ Ô Hắc tiến lên. Nâng tờ văn tế Vua Lê Huyền Tông, trao cho quan Nam đọc. Xong tới đứng trước án dâng hương, dâng rượu, rồi trở lại chỗ mình. Một quan Nam chuyên đọc văn dụ tế.

Sau khi đọc xong văn tế của Lê Huyền Tông, phó sứ Chu Xán tiến lên, nâng đạo văn tế Lê Gia Tông, trao cho viên quan Nam đọc.

Tuyên đọc xong các sứ về công quán (qua sông về bên Gia Quất)

4/ Sứ nhà Thanh tế chúa Trịnh Tạc

Sau khi phong vương và tế hai Vua Lê, các sứ nhà Thanh được Vua sai quan đến mời tế cho chúa Trịnh Tạc, Nguyễn Công Vọng và Lê Huy được Vua Lê phái tới thưa:

- Quốc vương chúng tôi sai đến thưa cùng ba vị về việc: Quan Phụ chính chúng tôi họ Trịnh đã mất mà thần chủ còn tại nhà (mới mất 14 tháng chưa hết tang). Nếu được các ngài xét và bằng lòng tới làm lễ tế cho thì không những bên phủ Trịnh kẻ còn người mất đều được đội ơn và Quốc Vương chúng

https://tieulun.hopto.org

tôi cũng được vẻ vang.

Các sứ thần trả lời:

- Họ Trịnh đã có công phụ chính thì có tới tế nữa cũng chẳng hề chi. Các ngươi hãy chọn ngày rồi tới bẩm.

Sau đó định ngày 22 tháng 10 (cách tế Vua 5 hôm). Sứ nhà Thanh coi việc tế chúa Trịnh là một việc tư nên chỉ sai quan đến tế. Tuy vậy lễ tế vẫn được cử hành trọng thể và các sứ cũng ghi lại trong *Sứ Giao kỉ sự*. Khi tế, sứ Thanh đưa tế bài vị Chúa Trịnh 30 lạng bạc. Sau khi tế Vua và Chúa Trịnh đưa tiền trả lễ 190 lạng, họ nhận.

Việc sứ Thanh tế chúa Trịnh là một việc chưa từng thấy. Đối với nhà Thanh thì chúa Trịnh chỉ là viên quan phụ chính. Chúa không tham dự trực tiếp đón sứ. Sứ Thanh không thấy việc tế chúa là trái lệ, lại còn nhận lời vì lẽ nhà Thanh cũng hiểu lúc bấy giờ thực quyền trong nước ở tay Chúa Trịnh.

5/ Nguyễn Công Nho trả lời Sứ thần Chu Sán: "Nước tôi người có tài nhiều, không thể chép hết"

Trong sứ bộ nhà Thanh sang phong vương và dụ tế năm 1683 có Chu Xán là người làng Lê Sơn, đạo Quang Trung, tỉnh Thiểm Tây, đậu tiến sĩ năm 1659. Năm 1683, khi đi sứ sang ta mới gần 50 tuổi. Chắc Chu Xán là người viết văn sách phong và dụ tế cùng các văn kiện liên quan và tập *sứ giao kỉ sự* ghi chép về chuyến đi sứ.

Nguyễn Công Nho cùng với Nguyễn Trạc Dụng là hai viên quan được cử hộ tống sứ thần nhà Thanh. Nguyễn Công Nho người xã Vĩnh Cầu huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc, đậu tiến sĩ năm 1670 lúc 37 tuổi. Trong những lúc rỗi, sứ nhà Thanh là Chu Xán đặt ra một số câu hỏi về địa lí, xã hội, phong tục, nhân vật, tài nguyên của nước ta, cả thảy là 19 câu. Nguyễn Công Nho đã trả lời các câu và có ý không nói những vùng sông biển kĩ càng để tránh tiết lộ các bí mật quân sự, căn cứ, thành trì. Về giáo dục và phong tục thì Công Nho đã kể tên một số người và nói: "Nhân vật nước tôi xưa nay có người nổi tiếng về lí học,

https://tieulun.hopto.org

có người nổi tiếng về kinh tế, có người nổi tiếng về văn chương. Người có tài nhiều không thể chép hết."

Khi Chu Xán đi sang đến Quỷ Môn Quan (thuộc ải Chi Lăng) nơi quân xâm lược phương Bắc đã bao lần bị giết chết, làm bài thơ "*Qua cửa Quỷ Môn*". Bài dịch thơ:

"Cửa đá cheo leo gọi Quỷ Môn,
Gió thu thổi đạm bóng hoàng hôn,
Từ khi quy phục thiên triều lại,
Khắp chốn an nhàn chịu thánh ơn."

Bài thơ làm khi sang ta đã ca ngợi công ơn của Thiên triều đối với việc quy phục của nước Nam.

Nay khi trở về qua Quỷ Môn Quan, Chu Xán, với giọng nước lớn, cho rằng cái tên không được nhã, bèn tự đổi là *Uý Thiên* (sợ Trời) để tỏ rõ tiết nghĩa nước ta, biết nhờ nước lớn, hợp với đạo trời. Thơ dịch:

LẠI RA QUỶ MÔN

"Y quan văn vật trọng Nam bang,
Sao cửa mang tên rất chẳng tường,
Để gọi Uý Thiên nêu nghĩa thuận,
Muôn năm thế vững chống biên phương"

Chu Xán đã làm bài thơ từ biệt các quan Nam đi tiễn khi về đến Lạng Sơn. Phỏng dịch thơ:

"Mở quan tỏ rạng mặt trời, (cửa ải giữa 2 nước)
Nhìn ra được thấy con người Nam bang.
Đêm kia mưa gió ngút rừng,
Cảm người đi cạnh vượt vùng Trà Sơn,
Núi đèo dằng dặc nghìn trùng,
Ân cần xướng hoạ suốt chừng tháng nay.
Người khôn gặp gỡ quý thay,
Quay nhìn sẽ nhớ chốn này xa xăm."

Nguyễn Công Nho đã làm thơ tiễn sứ thần Chu Xán:

"Khoa danh rạng mặt hiền lương,
Bày ra trong các thi chương sứ thần.
Mười hàng chiếu ngự khâm ban,

https://tieulun.hopto.org

Xe loan vạn dặm định an Nam thuỳ.
Mặt trời rạng rỡ tinh kì,
Ung dung lễ nhạc, nhân thì tranh coi.
Lấy chi đem tiễn tặng người?
Kính mong quân nghiệp muôn đời nên danh."

Bài thơ tiễn sứ của Công Nho có ý thơ kính cẩn chân thành, lời thơ trang nhã, tình cảm quyến luyến.

6/ Sứ nhà Thanh tham lam đòi thêm tiền biếu

Ngày xưa khi tiễn khách phương xa đến, đều có lệ đưa tiền để chi phí trên đường đi. Đối với sứ bộ thì việc đưa tiền công khai thành nghi thức gọi là tiền *tẩn nghi*, bao gồm cả tặng phẩm ngoài tiền bạc. Theo ghi chép của một viên quan nhà Lê có dự việc đón sứ trong *Lược biên*, thì lễ tẫn nghi gồm:

"Đưa chánh sứ Minh Đồ 360 lạng bạc rời, lụa sống, phải thâm, đà la xanh, bình khí bằng đồng. Hai mươi tên gia nhân được đưa 60 lạng bạc rời, lụa sống, vải thâm; một viên quan bộ binh 100 lạng bạc rời, lụa sống, vải thâm; một viên quan bổng cáo: 80 lạng bạc rời lụa sống, vải thâm; 16 viên quan bộ binh hộ long kì, hoàng tán: 54 lạng bạc rời; một viên lễ sinh: 10 lạng bạc rời; một viên quan sai đạo tả giang 5 lạng bạc rời; một viên quan thông sứ: 5 lạng bạc rời; 24 tên khiêng kiệu, nhã nhạc 72 lạng bạc rời; 11 viên tuỳ dịch 22 lạng bạc rời.

Chánh sứ Ô Hắc và Phó sứ Chu Xán cùng tuỳ tùng của từng người cũng được biếu như của Minh Đồ. Số tiền biếu lên tới 300 lạng (chừng 120 kí) mà các sứ chưa chịu nhận, ra bộ doạ dẫm, giục lên đường về.

Các quan nhà Lê phải đi lại qua sông đến công quán nhiều lần, thương lượng tăng thêm quà biếu, các sứ cũng không nghe, không nhận, cứ lên đường về nước. Quan nhà Lê phải theo lên tới tận cửa ải điều đình. Ngày 5 tháng 11 Sứ Thanh tới Đồng Đăng, quan nhà Lê đưa thư tới nói tăng lễ vật mỗi vị sứ từ 360 lạng lên 500 lạng, bớt ở phần chung ra. Các sứ thấy bớt phần kẻ dưới để thêm phần người trên thì giận mà không nhận.

https://tieulun.hopto.org

Chánh sứ Đồ Minh và Ô Hắc lần lượt qua cửa quan, còn có Phó sứ Chu Xán ở lại để thương nghị. Chu Xán nói: "Không thể bớt dưới thêm trên, như thế là trái lẽ". Sau đó bằng lòng nhận, sai người kiểm lễ vật rồi mới qua cửa ải. Nhận xong ba vị sứ Thanh viết thư cảm tạ. (!)

Các quan nhà Lê còn bị quan coi cửa ải nhà Thanh đòi tiền mở cửa, phải nộp cho mỗi người 80 lạng bạc rời. Quan nhà Lê chỉ đem biếu mỗi người một nén bạc, họ thấy lễ ít nên không nhận. Quan nhà Thanh đuổi theo quan nhà Lê đến Đồng Đăng đòi tiền. Thấy vậy quan nhà Lê lấy 4 nén và thêm một nén lẻ 3 lạng cho viên mở cửa, cộng hết 5 nén 3 lạng. Quan nhà Thanh lại đột nhập một nhà quan ở gần đó cướp khí giới và tiền để đem về.

(Nén còn gọi là dật gồm 24 lạng, cũng có thể là 16 hay 20 lạng. Về sau nén gồm 10 lạng. Ở đây nén gồm 10 lạng).

28. CHÁNH SỨ NGUYỄN CÔNG HÃNG XIN BÃI BỎ CỐNG NƯỚC GIẾNG CỔ LOA

Nguyễn Công Hãng, hiệu là Tĩnh Trai, người làng Phù Chẩn huyện Đông Ngàn, nay là thôn Phù Chẩn, xã Phù Chẩn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, năm 21 tuổi đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thìn (1700) đời Lê Hy Tông. Ông từng giữ các chức Đề hình (1711) Thiên độ ngự sử rồi được bổ đi làm Đốc trấn Cao Bằng. Năm 1717, được triệu về, thăng Tả thị lang Bộ Binh. Mùa xuân năm sau (1718), ông được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh tâu vua Lê Hy Tông mất và xin phong vương vua mới.

Trong lần đi sứ này, ông đã xin bãi bỏ lệnh cống người vàng do Bắc triều lại đặt ra từ thời Lê trung hưng, và lệ cống nước giếng Cổ Loa. Không rõ việc cống nước giếng Cổ Loa do Bắc triều đề ra tự bao giờ. Theo truyền thuyết Mỵ Châu - Trọng Thuỷ thì những ngọc trai mò được ở biển đông đem về rửa ở nước giếng Cổ Loa, nơi Trọng Thuỷ, người phương Bắc sang ở rể đã ăn cắp nỏ thần và tự vẫn ở đó thì ngọc trai sẽ sáng hơn.

https://tieulun.hopto.org

Có lẽ việc cống nước giếng Cổ Loa gắn liền với việc cống ngọc trai. Theo kể lại thì mỗi sứ bộ phải có phu gánh hai vò đựng nước giếng Cổ Loa mang đi, trên quãng đường đi đầy khó khăn vất vả, lúc đi bộ, lúc đi thuyền hàng vạn dặm, trong hàng năm thì nước trong vò hoặc là đổ hoặc là bốc hơi không còn. Khi gần đến kinh đô, quân lính mới múc nước một giếng nào đó, lại gián giấy niêm phong vào đưa cho quan dâng vua phương Bắc và nói đó là nước giếng Cổ Loa. Vua quan phương Bắc có lẽ cũng biết việc đó nhưng thích "hành" các nước lân bang phiên thuộc. Lần đi sứ này, quân lính đánh đổ mất giếng nước Cổ Loa; ông Nguyễn Công Hãng đã múc nước giếng Ba Son để dâng Vua Thanh. Khi người Thanh mang rửa hạt trai thấy không sáng, bèn hỏi vặn ông. Ông liền trả lời: "Cái khí đã đến lâu ngày thì tất nhiên biến đi". Từ đó lệ cống nước giếng Cổ Loa để rửa ngọc trai cũng được huỷ.

29. CHÁNH SỨ PHẠM KHIÊM ÍCH ĐƯỢC VUA KHANG HY VỜI VÀO CUNG CẦN THANH HỎI CHUYỆN

Phạm Khiêm Ích nguyên là họ Nguyễn, người làng Kim Sơn huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Hà Nội) là cháu Nguyễn Mậu Tài, được người chú dượng là Phạm Công Thiện, tiến sĩ, quê ở làng Bảo Triệu nuôi làm con nên mới đổi là họ Phạm. Ông thi hương đỗ giải nguyên năm 37 tuổi, đỗ đình nguyên thám hoa khoa Canh Dần (1710) đời Lê Dụ Tông.

Năm 1720, ông làm Tả Thị lang Bộ Hình, sau thăng Hữu Thị lang Bộ Lại được vào Phủ Chúa làm Bồi tụng. Năm 1726, ông được cử làm Chánh sứ sang mừng vua cùng hai Phó sứ là Nguyễn Huy Nhuận và Phạm Đình Kính sang dẫn lễ cống. Khi tới Yên Kinh, vào đúng dịp "*Nhật nguyệt hợp bích. Ngũ tinh liên châu*". Theo các nhà nho ngày xưa thì đây là một cơ hội hiếm có: vào vận Thượng nguyên, ngày mồng một Giáp Tí, nửa đêm đông chí, lúc đó "mặt trời và mặt trăng như hai ngọc bích hợp một, lại có 5 ngôi sao Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ cùng mọc

https://tieulun.hopto.org

một phương nối liền nhau." Nhân dịp đó, ông có làm hai bài thơ đưa viên để đốc nhà Thanh để dâng lên Vua Thanh là Khang Hy. Vua Thanh khen hay, châu phê lời khen vào giấy rồi cho với ông vào cung Càn Thanh, hết lời thăm hỏi. Vua Thanh cũng đã nhân đó ban thưởng cho Vua Lê 3 bộ sách: *Cổ văn nguyên giám, Bội văn vận phủ, Uyên giám loại hàm.*

Làm tròn sứ mệnh, lại đề cao được quốc thể nên khi về nước, ông đã được phong Tả Thị lang Bộ Hộ, Thuật quận công, vẫn làm Bồi tụng ở phủ Chúa.

30. HAI PHÁI BỘ HỒ PHI TÍCH VÀ NGUYỄN HUY NHUẬN ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN NƯỚC TA Ở VÙNG MỎ TỤ LONG - HÀ GIANG

Tụ Long là một xã thuộc Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang, (thuộc tỉnh Hà Giang ngày nay) phía tây giáp phủ Khai Hoá (Trung Quốc) phía bắc giáp với Ngưu Dương (Trung Quốc) có sông Đỗ Chú làm biên giới tự nhiên. Ruộng đất màu mỡ, mỗi năm cấy vụ mùa mỗi mẫu được 20 gánh thóc, có gỗ thông nổi tiếng, người Trung Quốc tranh nhau mua. Ngoài ra có mỏ đồng và mỏ bạc ở làng Nà Ngọ. Dưới thời Lê - Trịnh mỏ đồng Tụ Long mỗi năm nấu được tới 45 vạn cân đồng (cân ta). 100 cân đồng trị giá 9 lạng bạc. Ngay ở xưởng đồng có khoảng 300 nhà, cạnh đó là phố chợ có tới ngàn nhà. Vào khoảng 1720 đến 1729 có tới hàng vạn người đúc đồng, quặng sa nấu 4 lần mới thành đồng, đồng nấu 2 lần nữa mới được bạc, 10.000 cân đồng nấu được 8 hốt bạc. Đồng được chở bằng ngựa thồ, mỗi con 70 cân, đi 5 ngày mới ra tới Hà Giang.

Trước một mảnh đất giàu tài nguyên nên quan lại nhà Thanh đã tìm mọi cách để chiếm giữ. Quan lại phủ Khai Hoá tỉnh Vân Nam một mặt cho lính xuống chiếm giữ mỏ đồng, một mặt gửi thư sang báo cho bên ta là biên giới của phủ Khai Hoá kéo dài xuống phía nam 240 dặm, không phải chỉ là sông Đỗ Chú mà là sông Ninh Biên, lập mốc biên giới ở Xưởng Chí, vu

https://tieulun.hopto.org

cho phía ta đã xâm chiếm nội địa Trung Quốc 40 dặm. Chúng cho lập bia mốc, đắp dinh luỹ và lập đồn ải.

Trước việc xâm chiếm của quan lại nhà Thanh, triều đình Lê - Trịnh làm công văn kháng nghị gửi cho tuần phủ Vân Nam và Vua Thanh. Tuần phủ Vân Nam lúc đó là Ngạc Nhĩ Thái đã làm tờ tư trả lời bản tâu của triều đình Lê - Trịnh, quở trách nghiêm khắc ta "càn rỡ" và bảo phải làm bản tâu khác tạ tội. Triều đình Lê - Trịnh phái Trịnh Kính là trấn thủ Tuyên Quang đem quân lên đề phòng, thổ quan ở Tụ Long là Hoàng Văn Tuy quyết tâm giữ đất mỏ. Chúa Trịnh Cương nghiêm sức cho quan quân Việt Nam chuẩn bị sẵn sàng nhưng không được gây chiến trước. Thư từ vẫn được trao đổi giữa Chúa Trịnh và tuần phủ Vân Nam và Vua Thanh. Quan Thanh thấy quân Việt Nam chuẩn bị sẵn sàng, khó lòng mà chiếm đoạt được vùng mỏ Tụ Long bằng quân sự, chúng viết thư gửi triều đình ta: "Địa giới từ sông Ninh Biên trở vào, từ con ngòi nhỏ núi Xưởng Chí trở ra, nói là địa phận của quý quốc (Việt Nam) cố nhiên có bằng cứ nhưng nói là địa phận của nội địa (nhà Thanh) cũng không phải là lời nói vu vơ, không phải nói chứng cớ của quý quốc lời nào cũng chính xác mà việc ghi chép của nội địa việc gì cũng khó tin, nhưng nay Thiên tử đã ban ơn mà Quốc vương (Vua Lê) đã chịu ơn trời ban cho, không cần tranh cãi về địa giới làm gì. Vậy nay nhất định phân chia địa giới chỗ đất 40 dặm kể từ con ngòi nhỏ núi Xưởng Chí trở vào và vùng Mã Bạc trở ra, mong Quốc vương uỷ cho viên chức thông thạo, định kì khám xét". Năm 1726, Chúa Trịnh Cương hạ lệnh cho tiến sĩ Hồ Phi Tính và thám hoa Vũ Công Tể lên Tụ Long cùng với quan lại nhà Thanh hội đàm. Cuộc đàm phán đã diễn ra gay gắt vì quan nhà Thanh đã cố tình mở rộng biên giới ra khỏi đường biên giới cũ mà hai nước đã phân chia từ thời nhà Minh.

Trước thái độ cương quyết và mềm dẻo của phía ta qua những thư từ gửi cho chúng, vào năm 1728 Ngạc Nhĩ Thái đã cho chuyển một chỉ dụ của Vua Ung Chính nhà Thanh sang cho Vua Lê, viết: "Nay Quốc vương đã cảm ơn hối lỗi, nhảy múa

https://tieulun.hopto.org

kính theo, nghĩ thưởng cho đất 40 dặm, đã cử đặc phái viên đại thần phụng sắc thư đi đường Quảng Đông. Vậy Quốc vương (Vua Lê) cần cử quan đại thần đến đón tiếp, đến phủ Khai Hóa nhận đất và lập địa giới". Sau khi đón tiếp khâm sứ của Vua Thanh đến kinh thành Thăng Long, tuyên đọc sắc chỉ vào ngày 17 tháng 6 là "thưởng cho đất 40 dặm" (!) Trịnh Cương đã cử một phái bộ lên Tụ Long để lập giới mốc gồm Tiến sĩ Nguyễn Huy Nhuận và Tiến sĩ Nguyễn Công Thái. Nhận trao trả đất lấy sông Đỗ Chú làm biên giới tự nhiên, nhưng quan lại nhà Thanh đã chỉ sông Đỗ Chú giả để coi vùng Tụ Long là đất nhà Thanh. Huy Nhuận và Công Thái đã khảo sát kỹ càng, nhận ra sông Đỗ Chú thật và dùng lí lẽ đấu tranh nên quan nhà Thanh mới phải chịu. Sách *Lịch triều tạp kỉ* của Ngô Cao Lãng viết: "Bấy giờ quan nhà Thanh cho chia ranh giới hai nước bằng sông Đỗ Chú, nhưng thổ quan phủ Khai Hóa chỉ láo vào sông Đỗ Chú để chực chặn lấy các thôn xã ở Bảo Sơn. Bọn Công Thái xông pha lam chướng, vượt nơi hiểm trở, đi qua các mỏ đồng mỏ bạc, nhận ra được sông Đỗ Chú thật, bèn cùng quan nhà Thanh, hai bên tư đi báo lại, tranh biện và bẻ lí mãi, rồi lập đồng trụ làm giới mốc. Thế là việc cương giới mới ổn định. Mỏ đồng Tụ Long lại thuộc về ta."

Trong *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn viết: "Nay chỗ lập giới mốc ở sông Đỗ Chú, về phía đông sông là đất Tụ Long của nước ta, bên bờ sông có bia đá, có nhà lợp bằng tranh để che mưa nắng, cỏ mọc um tùm.

Về phía tây sông này là đất phủ Khai Hoá, có lập bia ở trên núi đất, có nhà lợp bằng ngói để che mưa nắng và có đặt đồn canh giữ."

Nhà bia sông Đỗ Chú của nước ta dựng bia đá có khắc chữ như sau: "Giới mốc châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang, nước An Nam, lấy sông Đỗ Chú làm căn cứ. Ngày 18 tháng 9 năm Ung Chính thứ 6, chúng tôi là Nguyễn Huy Nhuận, Tả thị lang Bộ Binh, và Nguyễn Công Thái, Tế tửu Quốc Tử Giám, được triều đình phái uỷ, vâng theo chỉ dụ lập bia này." (năm 1731).

https://tieulun.hopto.org

Văn bia của nhà Thanh ghi như sau: "Phía nam phủ Khai Hoá ở góc trời giáp với đất Giao Chỉ, tra trong sổ sách ghi chép thì giới mốc phải ở vào sông Đỗ Chú, cách lị sở phủ Khai Hoá 240 dặm về phía nam. Chỉ vì về sau giới mốc lẫn lộn, viên quan do triều đình phái đi khám xét tâu xin lập giới mốc ở núi Mỏ Kẽm. Hoàng thượng ta (Vua Ung Chính nhà Thanh) ân uy rộng khắp phương xa, nghĩ Giao Chỉ đời đời giữ đạo kính thuận, ban dụ chỉ đem 40 dặm đất đã tra xét chính xác để trả lại cho. Bọn Sĩ, Côn chúng tôi, tuân theo tờ hịch của Tổng đốc Vân Quý (Vân Nam và Quý Châu), ngày 7 tháng 9 họp cùng Nguyễn Huy Nhuận là viên quan phái uỷ của Giao Chỉ, cùng bàn định, lấy con sông nhỏ ở phía nam tấn Bạch Ma làm giới mốc. Chỗ này tức là chỗ trong tờ tâu ở Quốc vương Giao Chỉ gọi là sông Đỗ Chú. Vậy chúng tôi tuân chỉ lập nhà bia giới mốc ở phía bắc sông. Từ đây biên cương bền vững lâu dài, ức muôn năm, được đội không bao giờ mai một. Ngày 18 tháng 9 năm Ung Chính thứ 6..."

Trải qua năm năm đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, nước ta đã lấy được 17 thôn (Lê Quý Đôn ghi rõ từng tên thôn).

Về phía ta, sau khi giữ được chủ quyền ở vùng Tụ Long, chúa Trịnh đã phái hơn hai ngàn quân lính lên canh giữ ngày đêm cho khai thác đồng bạc và thu thuế. Cuộc đấu tranh giữ vững chủ quyền lãnh thổ vào đầu thế kỉ 18 đã thắng lợi là cuộc đấu tranh ngoại giao kết hợp với thực lực quân sự ở mức độ cần thiết, lúc cứng rắn, lúc mềm dẻo, với những viên quan có tài năng và trách nhiệm cao, đã thể hiện chính sách ngoại giao khéo léo của nước ta.

Rất tiếc là sau khi chiếm xong đất nước ta, thực dân Pháp, trong khi phân chia biên giới với nhà Thanh, muốn mở đường sắt Lào Kay - Vân Nam, tiến vào vùng Hoa Nam của Trung Quốc, nên đã cắt vùng đất Tụ Long cho nhà Thanh. Thế là từ đầu thế kỷ 20, vùng đất Tụ Long không thuộc về chủ quyền nước ta nữa.

https://tieulun.hopto.org

31. NGUYỄN TÔNG KHUÊ LÀM THƠ NÔM MIÊU TẢ CẢNH TRÊN ĐƯỜNG ĐI SỨ

Nguyễn Tông Khuê (1693 - 1797) hiệu là Thư Hiên, người xã Phúc Khê, huyện Ngự Thiên, nay là xã Hiệp Hoà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đỗ Hoàng giáp năm 1721. Ông đi sứ nhà Thanh hai lần, năm 1744 làm Phó sứ và năm 1747 làm Chánh sứ. Trong thời gian đi sứ, ông đã làm nhiều thơ chữ Hán, để lại trong tập *Sứ hoa tùng vịnh*. Đặc biệt ông để lại một tập bút ký ghi lại những điều tai nghe, mắt thấy trong chuyến đi sứ, viết bằng văn Nam, thể thơ lục bát gọi là *lữ hành ngâm* cũng có tên là *Sứ trình tân truyện*. Nhà ngoại giao Nguyễn Tông Khuê lo làm tròn nhiệm vụ vua trao cũng là nhà thơ Thư Hiên dồi dào thi hứng trên đường đi sứ. Dưới con mắt nhà thơ, cảnh vật trên đường đi sứ đã được tả lại trong những vần thơ lục bát, từ đầu thế kỷ 18, đã khá trau chuốt, là cơ sở cho việc phát triển thể thơ dân tộc này ở những thế kỷ sau. Trích một số cảnh:

1. Quang cảnh khi sứ bộ đến miền biên giới Lạng Sơn:

... Non xanh nước biếc mây lồng,
Tam Thanh một động gồm cùng hoà ba.
Ngọc đông nên cảnh chiền già
Hương lừng màu quế, bóng loà màu đan,
Bồ lao om núi kêu ran,
Sơ sương một tiếng đánh tan mọi niềm.
Khâu Lừa (Kì Lừa) cây rợp bóng êm
Cửa the nhà gấm vây thêm tứ bề
Khách thương buôn bán đi về
Cửa thông hai nước, chợ lề sáu phiên.
Dịch Mai sẩy thấy tin truyền,
Quý đông, mồng bảy, sứ liền bá quan,
Tiếng người tiếng súng dậy ran[1]

[1] *Tiếng súng nổ mừng sứ bộ và mở cửa ải để sứ bộ qua.*

https://tieulun.hopto.org

Kẻ về Kinh Quốc, người sang Yên Đài.
Đã hay mến cảnh nhớ người,
Quân thân hai chữ một vai đã quằn
Tôi, ngươi đâu ngại nhọc nhằn
Song nghì cố quốc khôn ngăn được lòng.
Chinh phu dóng dả đã xong,
Xe xe ngựa ngựa ruổi dong lên đường.
Bên giời ác đã ban vàng
Lạ người lạ cảnh bước càng dừng chân.
Núi quang, đường phẳng, thôn gần
Điếm quan sặc sỡ, nhà dân sum vầy
Đầu ngàn khói toả pha cây
Trâu về tiếng địch lọt mây xoang đài...

2/ Thuyền qua sông Tiêu,Tương

Vĩnh Châu phong cảnh hữu tình,
Tiêu, Tương hai gác, một dòng chảy tuôn.
... Bảy mươi hai đỉnh cao xây
Non cao dặc dặc, tranh vây huyện thành.
Cá ngon, gạo trắng, bạch canh,
Đất sang, người xúm, sông thanh, nước dài...
... Tràng Sa thành rộng phố dầy,
Lầu thơ, điếm rượu tỉnh say đòi đoàn
Chèo thương, buồm khách, thuyền quan
Bóng mờ đáy nước, cột đan giữa dòng,
Ba cơn mới đổi thuyền hồng
Rèm the cửa triện bình bồng mặt ta...

3/ Qua hồ Động Đình

... Động Đình một nước một trời,
Rủ rê Phạm Lãi rong chơi bấy chầy.
Mênh mang bờ cõi khôn hay
Gió mong nghìn dặm trăng đầy ba thu.
Quân Sơn một đỉnh mù mù,

https://tieulun.hopto.org

Hồn Tương in trúc, cầm Ngu đượm tùng.
Nhạc Dương lầu nọ đứng trông,
Ba phen ông Lã đứng nồng chưa nguôi.
Đàn như Xích Bích vũng doi,
Non Nam (Nam Bình) còn dấu còn dài Cầu Phong
(Cầu gió)
Ngàn lau phơi phới gió đông,
Chẳng hay ba nước tranh hùng nơi nao?
Được thua mấy cuộc thấp cao,
Giang sơn đành rạnh khác nào ngày xưa...

4/ Thuyền lên đến Hoài Âm, đất phong của Hàn Tín

Hoài Âm đất phẳng như tờ,
Trong thành nghỉ ngút miếu thờ Hàn Vương.
Điếu Đài tạc biển bên giang,
Một đền Xiếu Mẫu khói hương chưa tàn.
Trách thay vua Hán đa đoan,
Bám mừng kẻ nọ, bám hằn kẻ kia.
Bát cơm còn biết giả nghì,
Lọ là tướng Hán vua Tề ơn sâu.
Những là thẹn mặt như hầu (tước hầu)
Trong lòng chẳng chút chi đâu mà ngờ.
Ví dầu biết chữ tri cơ,
Chỉ sàn với Khoái, chí thua với Phòng
(Phàn Khoái, Trương Tử Phòng)
Sụt sùi bóng ngả tịch dương,
Bên trời cái nhạn pha sương bay về.
Thớt thưa bến liễu làng hoè,
Vàng gieo dãy lá, bặc phơi đầu cành.
Tiếng thu xào xạc trên xanh,
Một đèn hãy tỏ ba canh chưa nằm.
Hoàng Hà sóng dẫy ầm ầm,
Vượt ngang hãy vững tay cầm lái ta...

https://tieulun.hopto.org

5/ Ngày về

... Giang san treo nặng túi thơ,
Trăng thanh gió mát thờ lơ hứng nồng.
Thuở đi, sương tuyết lạnh lùng,
Rầy về, hây hẩy gió đông chào người.
Thuở đi hỏi tuyết tìm mai,
Rày về quen mặt bẽ bai han chào.
Phất phơ một cán tuyết mao,
Đã ra Yên Kế lại vào Kinh Ngô.
Ngang trời sáu nước bảy châu[1]
Trải qua con mắt tóm thâu một thuyền.

Trích ***Lữ hành ngâm***

32. SỨ BỘ NHÀ LÊ ĐI CỐNG BẮC TRIỀU NĂM 1760

Căn cứ vào sách "*Bắc sứ thông lục*" (BSTL) của Lê Quý Đôn, chuyến đi sứ năm 1760 đã được tường thuật lại khá tỉ mỉ.

Sứ bộ gồm: Chánh sứ là Trần Huy Mật, tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736), 45 tuổi, người làng An Hoạch, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đang giữ chức Bồi tụng, Hữu Thị lang Bộ Lễ, tước Bái Xuyên Hầu.

Giáp Phó sứ là Lê Quý Đôn, bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) 33 tuổi, đang giữ chức Thiêm sai Binh phiên, hàm Hàn lâm viện thị giảng người làng Diên Hà, huyện Diên Hà tỉnh Thái Bình.

Ất Phó sứ Trịnh Xuân Phú, tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748), 55 tuổi, người làng Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn, Kinh Bắc, tạm giữ chức Tham chính trấn Thanh Hoa, hàm Hàn lâm viện Thị chế.

Chánh sứ chọn 5 *tuỳ nhân* (người giúp việc vặt). Mỗi Phó sứ chọn 3 tuỳ nhân và một *môn tử* (người bà con để hầu hạ). Cộng thêm 11 tuỳ nhân và 2 môn tử.

---

[1] *Sáu nước bảy châu: nước Việt, Sở, Tề, Lỗ, Yên, Ngô, Quế Lâm, châu Kinh, châu Dương, châu Từ, châu Duyệt, châu Thanh, châu Ký.*

https://tieulun.hopto.org

Ngoài ra còn có các *hành nhân* là những người giúp việc do triều đình chọn, gồm *thông sự* đảm nhận việc thông dịch, *trung thư* phụ trách việc ghi chép văn kiện và *y viện* là thầy thuốc chữa bệnh. Tất cả là 9 người. Cả sứ bộ gồm 3 sứ thần, 9 hành nhân, 11 tuỳ nhân, 2 môn tử, cộng là 25 người.

Nhiệm vụ thứ nhất: Làm *lễ tuế cống* triều Thanh theo lệ 3 năm một lần cống. Nhưng từ năm 1668 thì 6 năm đi một lần, mang theo hai lễ cống (bớt một lần đi do đường sá xa xôi khó khăn). Theo BSTL thì một lễ cống năm đó gồm: 21 nén vàng, 69 nén bạc, 690 lạng trầm hương và 2368 lạng tốc hương (nén bằng 10 lạng, mỗi lạng bằng 39,05g. Tính ra là 8,2 kg vàng, 27 kg bạc, 37,5 kg trầm hương và 92,5kg tốc hương). Mỗi lễ để riêng trong bốn hòm, như vậy cả thảy hai lễ có 8 hòm, cộng 3 hòm lễ cáo ai thành 11 hòm.

Nhiệm vụ thứ hai: Là *lễ cáo ai* (báo tin vua chết) Vua Lê Ý Tông (Vĩnh Hựu) làm Vua từ năm 1735 đến 1740, mất năm 1759. Chúa Trịnh thay Vua nhưng không báo cho nhà Thanh biết. Đồng thời với cáo ai là xin phong vương cho Lê Hiển Tông (Cảnh Hưng) đã làm vua từ năm 1740 rồi. Lễ cáo ai gồm 30 cân trầm hương và 70 cân tốc hương.

Trước khi sứ bộ lên đường, triều đình đã truyền cho quan ta ở Lạng Sơn điều tra chức tước phẩm hàm của các quan nhà Thanh ở hai tỉnh giáp giới để làm công văn báo tin Sứ bộ nhà Lê đi cống và hẹn ngày mở cửa quan.

Phục vụ cho Sứ bộ lên đường có các quan làm nhiệm vụ liên lạc với quan lại nhà Thanh ở Lưỡng Quảng và mang giao những cống vật ở Quảng Tây.

1/ Việc chi phí cho Sứ bộ

Ngoài việc chi tiêu lễ cống cho hai lần và lễ cáo ai, triều đình còn cấp lộc cho Sứ bộ. Theo *Bắc sứ thông lục* do Lê Quý Đôn ghi trong lần đi sứ này:

- Chánh sứ được cấp *dân lộc* một xã vừa (tiền sưu) là 120 quan tiền cổ và *điền lộc* (thuế ruộng) 50 mẫu.

https://tieulun.hopto.org

- Mỗi viên phó sứ được cấp *dân lộc* một xã vừa, 100 quan tiền cổ và *điền lộc* 40 mẫu.

- Mỗi hành nhân được cấp 12 *suất nhiêu phu* (suất tiền mà dân góp để được miễn lao dịch) và *điền lộc* 10 mẫu.

- Mỗi tuỳ nhân được cấp 6 *suất nhiêu phu* và *tiền lộc* 5 mẫu.

Ngoài chi phí cho Sứ bộ, triều đình còn chi cho các quan phục vụ việc giao dịch với nhà Thanh và đưa Sứ bộ lên biên giới, lễ vật biếu quan nhà Thanh khi gặp và khi mở cửa quan:

- Chi phí biếu cho các quan hầu tuế cống: Thổ ngân 700 lạng, thổ quyến 50 tấm, hồ tiêu 300 cân, quạt 200 chiếc, hương đen 2000 cây, hương trắng 2000 cây.

- Chi cho các quan đi phục lễ cáo ai: thổ ngân 350 lạng, thổ quyến 25 tấm, hồ tiêu 15 cân, quạt 100 chiếc, hương đen 1000, hương trắng 1000 cây.

- Chi phí biếu quan nhà Thanh về lễ tuế cống: thổ ngân 66 lạng, thổ quyến 29 tấm, hồ tiêu 29 cân, quạt 290 chiếc, sáp thơm 58 bình.

- Chi phí biếu quan Nhà Thanh về lễ cáo ai: thổ ngân 30 lạng, thổ quyến 10 tấm, hồ tiêu 10 cân, quạt 100 chiếc, sáp thơm 20 bình.

- Chi phí cho quan nhà Thanh để dùng trong việc nạp công văn và mở cửa.

Hành trình đi sứ dài và hiểm trở, theo tín ngưỡng thời xưa thì sông núi đều có thần coi giữ, sứ bộ qua những nơi đó muốn bình an phải có lễ cáo và cầu yên. Các nơi cần lễ trên đất Việt được triều đình cấp cho 59 quan cổ tiền, 5 tiền và 30 đồng (quan cổ tiền bằng 600 đồng). Các nơi lễ đó là: sông Hồng, 7 cung miếu ở Thăng Long, đền Lý Bát Đế, Doanh Cầu, Quỷ Môn Quan, đền Trung Vũ, Mai Pha, Đồng Đăng, cộng 8 địa điểm.

Ngoài ra còn phải chi tiền thuê pthu vận tải hành lí, thuê 729 phu, chi trả hết 2.445 quan.

Việc cấp dân lộc và điền lộc (như trên đã dẫn) là để cho các sứ thần chi phí trong công vụ. Phủ Chúa còn tổ chức hai tiệc ban yến các sứ thần gồm bạc, áo, mũ, đai chầu. Các hành nhân

https://tieulun.hopto.org

và tuỳ nhân cũng được Chúa ban.

2/ Đường đi sứ của Sứ bộ nhà Lê năm 1760

Ngày 28 tháng Giêng năm Canh Thìn (1760) Sứ bộ lên đường. Ngày 8 tháng Chạp tới Bắc Kinh (đi trong gần 1 năm). Ở Bắc Kinh gần 3 tháng làm nhiệm vụ. Ngày mồng 1 tháng 3 năm Tân Tị (1761) lên đường về nước. Ngày 9 tháng Chạp về đến Nam Ninh. Tháng Giêng năm Nhâm Ngọ mới qua cửa Nam Quan mà về tới Thăng Long.

Trước ngày lên đường, Sứ bộ vào chào Chúa Trịnh Doanh. Chúa ban một bài thơ chữ Hán:

Tạm dịch:

Cầm cương ngựa xa xăm phất roi liền liền
Sứ nhàn dong dả khi tạnh khi mưa.
Từng đọc ba trăm chương Kinh Thi,
Nay chớ hòm kíp vượt đường xa nghìn dặm
Khi tới kinh hãy tỏ lòng thành với Vua đất Bắc
Trên đất khách hãy làm cao giá nước Nam.
Xem xét nước người đi, ta đợi trở về cho nhanh.
Nước đẹp nhà vui mãi với đời.

Sứ bộ dời khỏi Giang Đình, là chỗ toà nhà dựng bên sông Hồng để các quan đến tiễn sứ, qua sông đến làng Ái Mộ, Gia Lâm, đến Cầu Doanh (Thị Cầu) Giáp Cầu) đến Thọ Xương (phủ Lạng Thương), qua hẻm đá Quỷ Môn Quan qua 2 núi Khảo Mẹ và Khảo Con đến trấn thành Lạng Sơn. Sứ bộ dợi ở Lạng Sơn, chờ giờ mở cửa. Đến giờ đã định, Sứ bộ Đại Việt từ phía nam và quan nhà Thanh từ phía bắc cùng tiến đến cửa quan, cửa quan mở, súng nổ đón chào. Quan nhà Thanh dẫn Sứ bộ đến nhà dợi ở phía bắc Chiêu Đức Đài để trao đổi biểu chương. Các quan nhà Lê có nhiệm vụ mang vác và bảo vệ đã hoàn thành nhiệm vụ trở về Thăng Long. Sứ bộ đi theo đường Bằng Tường, doanh Quý Đạo rồi xuống thuyền ở Ninh Minh. Lê Quý Đôn viết trong *Vân Đài loại ngữ*: "Từ Quảng Tây đến Hồ Nam đi bằng thuyền mộc mã làm bằng cây gỗ chương và cây [illegible], ở

https://tieulun.hopto.org

giữa nơi cao, trên mui gác sàn tre, hai bên bắc ván để đi chạy, gọi là *giang kiều*. Thuyền dài hơn 4 trượng, rộng 7 thước. (mỗi thước bằng 0,487m). Thuyền từ Ninh Minh xuôi dòng sông Tả Giang qua phủ Thái Bình, qua thành phố lớn trên sông là Nam Ninh. Thuyền lại xuôi đến Tầm Châu, là nơi sông Tầm gặp sông Quế từ phương Bắc chảy xuống. Từ Ngô Châu thuyền ngược dòng sông Quế rất vất vả. Tháng 5 thuyền đến Quế Lâm, trị sở Quảng Tây, theo lệ, các cống vật được đưa nạp tại đây. Quan nhà Thanh sai mở hòm kiểm các cống vật rồi chở các cống vật về kinh bằng đường bộ. Quan nhà Thanh mở tiệc chiêu đãi Sứ bộ. Từ sông Quế chuyển sang dòng sông Tương để xuôi dòng lên phương bắc nhờ những cống nước mà từ đời Tần đã biết xây đặt trong núi Mã Đầu. Thuyền xuôi dòng sông Tương, 19 tháng 7 đến Tràng Sa, sông Tương hợp với sông Tiêu tạo thành những cảnh nổi danh thường gọi là *Tiêu Tương bát cảnh*". Trong gần một tháng, Lê Quý Đôn đã ngâm vịnh, làm thơ về Tiêu Tương (tập *Tiêu Tương bát vịnh*). Tràng Sa là tỉnh lị Hồ Nam. Thuyền Sứ bộ qua hồ Động Đình, được cấp thêm thuyền *tuyên lâu*. Trong *Vân Đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn viết: "Ở Hồ Bắc, Giang Nam có nhiều thuyền tuyên lâu, hoàng khoái, có gác lầu, chia thành phòng, chạm, vẽ, sơn trang hoàng màu đỏ, có hai cột buồm lớn, hai bên có giang kiều. Thuyền dài hơn 8 trượng rộng 13 thước." Động Đình Hồ là nguồn thơ vô tận cho các sứ thần Việt Nam. Thuyền vào lạch sông Dương Tử (Trường Giang), xuôi dòng xuống Hán Khẩu, Vũ Xương (tỉnh lị Hồ Bắc). Sứ bộ đổi thuyền xuôi đến Kim Lăng (Nam Kinh) ngày 21 tháng 9. Ra đi từ Thăng Long tháng Giêng, 9 tháng sau mới tới Nam Kinh. Đoạn sông đi mất một tháng qua nhiều địa danh lịch sử: Lầu Hoàng Hạc, Xích Bích, bến Tầm Dương, Gác Đằng Vương, Ghềnh Thái Bạch với Lý Bạch, núi Lô Sơn và Đào Tiềm... Sứ bộ lưu lại Nam Kinh gần 20 ngày.

Sứ bộ thay thuyền, đời sông Dương Tử, quay vào kênh Vận Hà. Sông Vận Hà là một công trình vĩ đại do nhiều triều đại đã xây dựng để nối hai tỉnh Sơn Đông và Giang Nam thông với các

https://tieulun.hopto.org

sông Giang, Hoài, Hoàng, Bạch để đi lên phương bắc. Kênh có nhiều cống đá xây để nâng mực nước. Ngày 6 tháng 11, Sứ bộ qua sông Hoàng Hà. Ngày 14 đến Sơn Đông, đến cống Đài Nhi, lúc bấy giờ là tiết đông, trời lạnh, nước sông đã đóng băng làm cho các cửa sông không mở được dễ dàng. Quan địa phương cấp phu, xe ngựa để sứ bộ đi đường bộ lên Bắc Kinh. Ngày 8 tháng Chạp đến Bắc Kinh. Như vậy, thời gian trên đường đi gần một năm.

3/ Thư gửi Tổng đốc Lưỡng Quảng

Sau đây là thư gửi Tổng đốc Lưỡng Quảng báo việc cử Sứ bộ sang tuế cống và cáo ai năm Kỉ Mão (1759). Thư lấy lời vua Lê Cảnh Hưng (tên giả là Lê Huy Đoan):

"Tự vương (vua nối ngôi) nước An Nam Lê Duy Cảnh, vì việc cáo ai, thư rằng:

Nước tôi lấy đạo bề tôi thờ thiên quốc, kính cẩn theo mệnh. Năm nay gặp kì lưỡng cống sắp đến. Đã kính cẩn sửa soạn lễ vật, chọn lựa bồi thần, để đợi ngày đem tiến. Hồi tháng 3 đã từng tư báo quan Tả Giang nhờ chuyển rõ để quan Thượng hiến tâu về triều. Nay chưa nhận được lời phúc đáp. Không dè ngày mồng 8 tháng 6 nhuận này, vua trước nước tôi đã qua đời, trối giao nước cho cháu đích là Lê Duy Đoan.

Tôi đây là con trưởng Quốc vương xưa Lê Duy Hữu, đã tự minh nhận lời chúc thác, quyền coi việc nước để đợi lệnh triều đình. Lễ có cáo ai, theo lẽ đáng phải theo liền bồi thần kính tâu. Nhưng trộm xét các năm Khang Hy thứ II, thứ XI và năm Ung Chính thứ XIII, nước tôi cũng có sự cáo ai trùng với sự tế cống, thấy từng được quan Thượng hiến trước cho phụ nhận làm một thể và đã tâu về triều cho. Quy lệ còn đó.

Vì vậy viết thư này, mong ngài nghĩ đến tình kẻ ở xa mà tâu về cho.

Như may được nhận lời, thì báo tin cho nước tôi được theo làm kịp kì cống, để thoả lòng trông ngóng.

Tư cho quan thiên triều Binh Bộ Thượng thư, Tổng đốc

https://tieulun.hopto.org

Lưỡng Quảng họ Lý.

Càn Long năm thứ XXIV, tháng 6 nhuận, ngày 27."

4/ Tờ khải (báo cáo) của Sứ bộ Trần Huy Mật (sang Thanh khi về) trình lên chúa Minh (Trịnh Doanh)

Sứ bộ Trần Huy Mật đã tường trình việc đi sứ, lúc đi và về. Ra đi ngày 28 tháng Giêng năm Canh Thìn (1760). Ăn Tết Tân Tỵ (1761) ở Bắc Kinh. Ngày mồng 1 tháng 3 năm Tân Tỵ rời Bắc Kinh về nước. Tháng Giêng năm Nhâm Ngọ cũng ở nơi đất khách quê người. Cuộc đi sứ tròn hai năm.

Tờ báo cáo này viết bằng văn Nôm, trong câu xen lẫn chữ Hán do tự tay Lê Quý Đôn viết, đã cho biết chính xác các việc đã diễn ra trong việc đi sứ. Xin tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng Chạp năm Tân Tỵ

"... Tháng 5 Canh Thìn đến Quảng Tây, 18 tháng 7 đến Tràng Sa, 22 tháng 8 đến Hán Khẩu, 21 tháng 9 đến Nam Kinh, Ngày 9 tháng 10 qua sông Trường Giang, Ngày 6 tháng 11 qua sông Hoàng Hà, Ngày 14 đến Sơn Đông, cửa sông nước đóng băng, kênh bị tắc nghẽn. Phải đi xe và ngựa, Ngày 8 tháng Chạp đến Bắc Kinh.

Bộ Lễ cho quan ra ngoại thành 30 dặm đón tiếp. Đến trú tại nhà công quán ở Hoàng Thành. Quan đề đốc họ Sách đến làm lễ hỏi chào, làm bản kê khai họ tên quan chức sứ giả đưa lên bộ lễ để chuyển tâu.

Ngày 10 đến công đường Bộ Lễ dâng biểu văn (xin sắc phong và cáo ai). Quan Bộ Lễ bảo bất tất phải thay áo đi dâng biểu cáo ai vì Vua trước mất đã quá một năm rồi.

Ngày 11, nộp tờ trình xin sứ sang phong vương.

Ngày 14, Bộ Lễ dẫn đến Hồng Lô Tự tập làm lễ, ngày 15 đến điện Thái Hoà vào sân theo chức tước mà đứng làm lễ lạy. Rồi lại về công quán.

Ngày 17, vâng lời Chúa, xin đến Quốc Tử Giám chiêm bái và xin xem trong triều lễ nhạc. Quan nhà Thanh nói đợi năm sau.

https://tieulun.hopto.org

Ngày trừ tịch, lại truyền đi diễn lễ. Ban cho rượu, bánh, hoa, quả.

Ngày đầu năm mới đến làm lễ chúc năm mới lên nhà Vua, Vua ban cỗ bàn.

Ngày 10 tháng Giêng Tân Tỵ (1761) Bộ Lễ dẫn đi yết Văn Miếu.

Ngày 2 tháng 2 Bộ Lễ báo Vua đã chuẩn y sai quan sang sách phong.

Ngày 25 dẫn vào Ngọ Môn để Vua ban thưởng các tấm lụa màu và đoạn. Ban tiệc ở công đường Bộ Lễ.

Ngày 28 Bộ Lễ báo tin Vua phong tước và chia buồn. Ban thưởng 6 hộp.

Ngày mồng 1 tháng 3, được lệnh Vua Thanh cho về nước.

Ngày 7 tháng 6 tới Nam Kinh.

Ngày 9 tháng 9 đến Hán Khẩu.

Ngày 7 tháng 10 đến thành Quảng Tây, gửi tờ tư về nước báo tin Sứ bộ đã về.

Ngày 9 tháng 10 quan phủ Quế Lâm xuống khám thuyền. Quan lại Quảng Tây đã dùng chữ *Di Quan*, gửi công văn xin đừng dùng chữ *Di*.

Ngày 10 tháng Chạp đến Nam Ninh...

"Về tiết nầy (việc đi sứ lần này) chúng tôi trộm xem quan Trung Quốc có lòng kính trọng bản quốc (nước Nam) do đó đã kính trọng cả sứ thần ta. Từ ngày chúng tôi tiến Kinh, các quan tổng đốc, tuần phủ đều sai qua hộ tống. Khi đi đường thì các quan châu và huyện cung cấp đồ ăn, đồ dùng, trương màn kết vải mầu để đón rước. Khi vào triều thì các quan đều tới hỏi thăm, khen thưởng và uý lạo.

Cống sứ Cao Li và Lưu Cầu cũng đều hỏi han, thư từ trao đổi, khen ngợi..."

Bản báo cáo chỉ kể vắn tắt lộ trình và việc đón tiếp đã cho người đời sau thấy được việc đi sứ gian nan vất vả, phải tuân theo những nghi thức quy định.

https://tieulun.hopto.org

33. SỨ THẦN LÊ QUÝ ĐÔN

Ông người xã Duyên Hà, huyện Duyên Hà, nay là xã Độc Lập huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình, là con của tiến sĩ Lê Trung Thứ.

Ông đỗ bảng nhãn khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng XIII (1752) đời Lê Hiển Tông. Từ thi Hương, thi Hội đến thi Đình ông đều đỗ đầu (tam nguyên). Ông được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh năm 33 tuổi, là sứ thần trẻ nhất. Văn tài của ông đã làm cho người Thanh và sứ thần Triều Tiên khâm phục. Khi trở về được thăng chức Thừa chỉ, tước Dĩnh Thành bá. Năm 1764, ông cáo quan về quê, năm 1767 lại ra làm Nhập thị Bồi tụng, Hộ Bộ Tả thị lang. Cuối năm Ất Mùi 1775 vì con là Lê Quý Kiệt gian lận trong thi cử nên ông bị liên đới, giáng xuống chức Lễ Bộ Thị lang. Năm 1766 ông làm chức Tham tri kiêm Trấn thủ Thuận Hoá. Ít lâu sau về kinh làm Hộ Bộ Thị lang Hành đô ngự sử. Năm 1778 ông đổi sang võ chức làm Tả hiệu điểm quyền phủ sự. Năm 1738 làm Hiệp trấn Nghệ An, sau đó ít lâu về triều làm Đô ngự sử. Ông mất năm 1784.

Lê Quý Đôn là một nhà bác học lớn của nước Việt Nam trong thời phong kiến. Ông đã đọc nhiều sách và viết nhiều sách nhất. Ông là tác giả của 14 bộ sách: *Đại Việt thông sử, Kiến văn tiểu lục, Lê triều công thần liệt truyện, Quần thư khảo biện, Thánh mô hiền phạm lục, Bắc sứ thông lục. Vân đài loại ngữ, Phủ biên tạp lục, Thư kinh diễn nghĩa, Quế Đường thi tập, Âm chất văn phủ, Quế đường thi vựng, Tư thư ước giải, Toàn Việt thi lục*. Theo Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* thì ông còn là tác giả của 17 quyển sách khác nữa.

Lê Quý Đôn còn là một nhà chính trị xuất sắc luôn ước muốn thi hành pháp chế xã hội để đảm bảo đời sống yên lành cho nhân dân, ngăn chặn bọn cầm quyền phong kiến chà đạp lên pháp luật. Ông quan tâm đến người dân. Ông tâu lên Chúa Trịnh "lấy đức mà khoan sức cho dân". Ông viết: "Muốn hưởng mệnh trời lâu dài mà không chăm lo đến đời sống của nhân dân

https://tieulun.hopto.org

thì thật không hiểu lẽ trời là gì vậy." (*Thư kinh diễn nghĩa*). Ông nhắc quan phải giảm nhẹ hình phạt, đánh nhẹ tô thuế. Khi làm hiệp trấn ở Thuận Hoá, ông đã chăm lo việc cầy cấy, mở mang kinh tế cho dân. Ông xin chúa Trịnh cho lập đồn điền để lấy lương thực nuôi quân lính đỡ gánh nặng cho dân.

Lê Quý Đôn còn là nhà ngoại giao có tư tưởng tự tôn và tự hào dân tộc, hoàn thành nhiệm vụ đi sứ một cách xuất sắc, khiến cho các quan lại học giả Trung Quốc và sứ thần nước ngoài phải khâm phục. Trong những mẩu chuyện sau đây chúng ta chỉ kể về việc đi sứ của ông.

1/ Niềm tự hào khi được chọn đi sứ

Năm Kỷ Mão (1759) ông được triều đình tiến cử làm Phó sứ trong Sứ bộ nhà Thanh. Chúa Trịnh mến tài ông, muốn giữ lại bên cạnh để lo triều chính, đã nói: "Cha con nhà khanh đều trung ái, có thể nói là trung hiếu truyền gia. Ta không muốn khanh phải đi xa, muốn lưu khanh ở lại để cùng bàn luận." Ông thấy đi sứ là việc tốt để học tập và mở mang kiến thức nên đã xin đi. Ông thưa: "Thần tuổi còn trẻ, xin được sang thượng quốc để lịch lãm núi sông, hỏi han tình hình hiểu cách trị nước, để làm phong phú thêm kiến văn". Chúa Trịnh thấy thế đành để ông đi sứ.

Vào buổi tối tháng 9 năm Kỷ Mão, việc chuẩn bị đi sứ đã gần xong. Lê Quý Đôn dâng khải xin về quê "để chỉnh bị tư trang, một tháng sẽ trở lại kinh để đợi công việc". Trong bài *Đề từ* của tập *Bắc sứ thông lục*, ông có ghi lại những cảm nghĩ của mình từ câu chuyện đi học hồi nhỏ đến việc đi sứ ngày nay đối với mình đã trở thành hiện thực.

... "Nhớ lại ngày tôi 8, 9 tuổi, đại nhân nhà (tức là cha Lê Quý Đôn là Lê Trung Thứ, tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) dạy tôi học *Luận Ngữ* đến câu *Hành kỉ hữu sỉ, sứ ư tứ phương bất nhục quân mệnh, khả vi sĩ hĩ*". (Làm việc riêng của mình, biết điều thẹn. Đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua. Được như thế thì có thể gọi là kẻ sĩ) (lời Khổng tử trả lời Tử Cống

https://tieulun.hopto.org

trong thiên *Tử Lộ* sách *Luận Ngữ*). Cha hỏi tôi rằng: "Mày có làm như thế được không". Tôi trả lời: "Biết điều thẹn là khó mà thôi. Đi sứ làm rạng nước nhà, trọng mệnh vua thì có khó gì." Đại nhân nhà cười rằng: "Thằng bé này có khí hào", và bảo rằng: "Ý khí thì cố nhiên nên hào. Không thái quá. Không chịu thua. Không làm sai phẩm cách. Nhưng cũng nên êm dịu nhã nhặn, không thì thành như một tảng thô suất", Tôi trả lời xin vâng. Rồi tôi thi đậu đầu. Bảy năm sau vâng sứ mệnh với chức Phó sứ. Bấy giờ mới 33 tuổi. Đại nhân nhà mừng mà bảo rằng: "Đọc *Kinh Thi* 300 chương, nay thấy sự thật đúng đó. Hãy gắng sức." Tôi cũng cương quyết tự hứa".

Lê Quý Đôn quả là thật đã mãn nguyện với hoài bão từ thủa đi học khi còn tuổi nhỏ và tin tưởng vào nhiệm vụ được giao sẽ hoàn thành tốt khi đã trưởng thành.

2/ Lê Quý Đôn giữ quốc thể

Các sách ghi khi sứ bộ nước Nam đi qua Ngô Châu, trong khi họ Lý là Hiệp trấn tiếp đãi, bèn hỏi tên vua nước Nam là gì?

Ngày xưa, để tỏ lòng kính trọng, có hiếu với cha mẹ, người con không gọi tên cha mẹ ra. Người xung quanh, họ hàng thường lấy tên con để gọi thay bố. Dân không dám gọi tên của quan, thường chỉ gọi quan bằng chức tước của họ. Còn đối với Vua thì lại càng tôn kính vì Vua là thiên tử (con trời). Nếu nói tên vua ra là đại bất kính. Lê Quý Đôn muốn tỏ rõ mình là một bày tôi trung thành, hiểu biết lễ nghĩa và cũng giữ hoà khí nên đã trả lời:

- Từ xưa đến nay, chưa bao giờ thấy trong việc tiếp đãi sứ thần lại hỏi tên vua cả. Đại nhân không nên hỏi mà sứ thần cũng không nên trả lời, có như vậy mới đúng phép làm tôi.

Hiệp trấn họ Lý phải tỏ lời xin lỗi.

3/ Nước Nam không có thành?

Tương truyền, có một lần đi sứ đến Quảng Tây, tiếp kiến với tổng trấn Quảng Tây là Chu Bội Liên, Chu muốn làm giảm

https://tieulun.hopto.org

giá trị của kiến trúc nước Nam và cho là chưa văn minh nên đã nói với Lê Quý Đôn:

- Từ thời đô hộ, An Nam đã học tập phong tục giáo hoá của Trung Hoa, nhưng chẳng thấy nước Nam có thành quách gì cả, chắc là do không có nhân tài xây dựng?

Lê Quý Đôn bèn viện dẫn ngay sách của người Trung Hoa đời Minh là *Hoàng Minh thông ký* có ghi chép rõ là quan Thái giám người nước Nam là Nguyễn An đã xây dựng các cung điện ở Yên Kinh vào năm Vĩnh Lạc đời Minh. Về việc nước Nam không có thành quách thì Lê Quý Đôn đã cho Chu Bội Liên biết là:

"Từ xưa sách *Hán chí* của Trung Quốc đã ghi là nước Nam có 60 thành trì, Hai Bà Trưng đã lấy được 65 thành trì. Đến đời Minh lại xây thêm 20 thành trì nữa nhưng trong khi giao chiến với Lê Lợi thành bị san bằng mất cả. Sở dĩ phải san bằng là do các quan Hiệp trấn nơi biên ải của quý quốc thường hay tham công mà sinh sự, tràn sang xâm lấn, nếu có các thành trì họ chiếm được thì chúng tôi bị mất cả thành lẫn đất và dân. Chi bằng san thành đi, lập nhiều luỹ nhỏ, có dân giữ luỹ thì quân các ông không biết tìm nơi nào mà đánh, như vậy là hay hơn đắp thành không."

Chu Bội Liên Nghe vậy thấy thật là có lý.

4/ Các quan Trung Quốc khâm phục tài năng của Lê Quý Đôn

Năm 1760, ông phụng mệnh đi sứ Trung Quốc. Trên đường đi từ Quảng Tây đến Bắc Kinh, gặp nhiều quan lại Trung Quốc tiếp đón, để thử tài sứ thần, họ đã hỏi nhiều câu khó nhưng ông đã ứng đáp trôi chảy. Tháng Giêng năm Tân Tỵ (1761), Sứ bộ đến Bắc Kinh. Các quan trong triều như Thượng thư Bộ Binh là Lương Thì Chính, Thượng thư Bộ Công Quy Nghị Quang, Hàn lâm viện Đô Sát, nghe tiếng ông, đến hỏi chuyện chính trị, pháp luật, đất nước, lịch sử... đều được ông ứng đáp rõ ràng, trôi chảy làm cho mọi người đều kính phục và khen ngợi: "Quý quốc có người tài giỏi vậy!" Khi ở Bắc Kinh, ông trao đổi với Phó

https://tieulun.hopto.org

sứ Trịnh Xuân Thu: "Bọn ta nhận mệnh đi sứ, thamj quan cảnh đẹp của thượng quốc, nay các thành quân ở trước mặt, có thể đến bái yết cung vua, tìm hiểu lễ nhạc". Ông đã đến bái yết nhà Thái Học và các tiên thánh, xem trống đá thời Chu, hội đàm với Trợ giáo là Trương Nguyên Quán và bác sĩ (Nho học) là Trương Phượng Thư cùng nhau trao đổi về học thuật. Ông cũng thường biện luận các vấn đề sử học cùng một viên quan nhà Thanh có học vấn uyên bác là Tần Triều Vu và làm cho Tần phải kính phục và thốt lên: "Nhân tài của nước An Nam như quý sứ giả đây thì có độ bao nhiêu người?" Ông đã trả lời: "Những người có văn chương đức vọng và được làm việc nơi quán, các (các học viện, viện như ngày nay), nước tôi có khoảng 10 người." Tần Triều Vu thấy thế sửng sốt nói: "Thượng quốc tôi có tiếng là văn hiến nhiều nhân tài, nhưng so với sứ thần đây, thì cũng chỉ được vài người."

Ông cũng đưa hai tập sáng tác là *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm* cho viên quan Tổng trấn tỉnh Quảng Tây là Chu Bội Liên xem, Chu Bội Liên đã khen: Sách *Quần thư khảo biện* tuy có căn cứ vào *Kinh Truyện*, nhưng đã thể hiện được kiến thức uyên bác của tác giả. Còn sách *Thánh mô hiền phạm* thì đã làm sáng tỏ cái bản thể đạo lí của các bậc đại nho". Chu Bội Liên cũng đã trao đổi với ông về dư địa đồ, ông đã dẫn ra nhiều sách vở mà ông đã dựa vào để tra cứu dẫn giải. Khi chia tay Chu Bội Liên đã tiếc: "Muốn cùng sứ quân thương thuyết chuyện cổ kim, tiếc một nỗi là không ở cùng nhau được lâu."

Lê Quý Đôn làm cho các quan lớn nhà Thanh phải khâm phục sứ thần An Nam và kính trọng sứ bộ.

5/ Lê Quý Đôn bác bỏ những nhận xét phù bạc của Cao Hùng Trưng

Cao Hùng Trưng là giáo thụ Phủ Tư Minh đời nhà Minh Trung Hoa. Ông có biên soạn bộ *An Nam chí*. Sách viết về vị trí cương vực, lị sở, thành trì, núi sông, phường quách, hương trấn, thổ sản, cống phú, phong tục, hình thế, hộ khẩu, học hiệu, quân vệ, đàn tràng, kho tàng, chùa quán, đền miếu, cầu cống, cổ tích,

https://tieulun.hopto.org

cung nhà, bến đò, cửa ải, hang động, vườn ao, đê bối và cảnh vật. Lê Quý Đôn có nhận xét quyển sách đã căn cứ vào các tài liệu còn sót lại thời nhà Trần và các sự tích thời Minh đô hộ, mười phần cũng được độ hai, ba phần nhưng đáng ghét nhất là lời nói phần nhiều phù bạc.

Lê Quý Đôn nêu lên một dẫn chứng rất sai sự thật là Hùng Trưng đã viết về Giải Tấn là quan nhà Minh vì trái ý Minh Thánh Tổ nên bị truất chức và cho sang làm Tham nghị ở Giao Chỉ không đầy năm lại triệu về. Thế mà Hùng Trưng lại viết: "Nước Nam từ khi được Giải Tấn dạy bảo mới biết xu hướng về việc học tập, nên họ gọi Giải Tấn là *Giải Phu Tử*." Lê Quý Đôn cho rằng chép như thế là càn rỡ.

Khi Lê Quý Đôn phụng mệnh đi sứ, thấy các nhà nho Trung Hoa hỏi về việc An Nam tôn thờ Giải Phu Tử có phải không? Ông đã nói rõ những sai lầm của Cao Hùng Trưng cho mọi người biết và mọi người đều thấy từ thời Lý việc học tập đã phát triển, các kì thi tuyển chọn tiến sĩ đã có từ thời đó, đâu phải đợi đến Giải Tấn mãi đời Minh sang mới có. Lê Quý Đôn còn đưa cuốn *Trích diễm thi tập*[1] của tập Nguyễn Đức Lương[2] cho Chu Bội Liên là Đô đốc Quảng Tây xem để biết từ triều Trần đã có nhiều văn học thi chương chứ không phải từ Giải Tấn người Việt mới biết đến văn học.

6/ Trí nhớ thần kì của Lê Quý Đôn

Tương truyền trong thời gian đi sứ năm Canh Thìn, thấy Phó sứ Lê Quý Đôn là người còn trẻ lại được biết ông đã đỗ bảng nhãn, nên các quan nhà Thanh đã tìm cách thử tài ông. Một hôm quan nhà Thanh mời ông đi thăm phong cảnh một ngôi chùa ở gần cửa sông có nước thuỷ triều lên xuống. Chùa có

---

[1] Trích diễm thi tập: *chọn lọc thơ văn thời Trần và Lê sơ gồm thơ văn của Pháp Loa, Huyền Quang, Lê Thiếu Dĩnh, Nguyễn Vĩnh Tích, Phùng Thạc, Doãn Hành, Vương Sư Bá, Trần Khải, Vũ Quỳnh, Nguyễn Hứa...*

[2] *Hoàng Đức Lương người xã Ngọ Cầu huyện Gia Lâm, Bắc Ninh đỗ hoàng giáp khoa Mậu Tuất (1478) đi sứ năm 1488*

https://tieulun.hopto.org

một tấm bia cổ ghi một bài ký. Vào buổi chiều, khi nước triều bắt đầu dâng lên, quan nhà Thanh cùng Lê Quý Đôn đến đọc những hàng chữ khắc ở bia. Nước triều lúc mới đầu lên đến chân bia, chẳng mấy chốc đã dâng lên đến nửa thân bia và che hết phần chữ khắc. Mọi người ra về. Đến công quán quan nhà Thanh hỏi Lê Quý Đôn là nội dung bài ký khắc trên bia. Ông đã ung dung đọc lại toàn bộ bài văn bia cho mọi người nghe, không sai sót một chữ. Hết thảy đều ngạc nhiên về tài nhớ thần kỳ của ông, vì các dòng chữ Hán viết theo hàng dọc từ trên xuống dưới lần lượt từ phải sang trái trong khi nước thuỷ triều dâng từ dưới lên và xoá chìm các dòng chữ theo chiều ngang dưới trước trên sau.

Lê Quý Đôn cho biết là ông đã đọc theo hàng ngang, hàng dưới trước khi bị nước che rồi ngước lên hàng trên, rồi sau đó sắp xếp lại trật tự của các chữ trong câu. Mọi người nghe ông nói cách đọc và nhớ như thế lại càng khâm phục trí thông minh của ông.

7/ Lê Quý Đôn đấu tranh không được dùng chữ di quan (quan mọi rợ)

Sứ bộ Trần Huy Mật vâng lệnh vua Lê và chúa Trịnh lên đường sang Bắc Kinh làm lễ tuế cống và cáo ai năm 1760. Sau khi làm xong nhiệm vụ, đến ngày 1 tháng 3 năm Tân Tỵ (1671) từ Bắc Kinh lên đường về nước. Ngày 7 tháng 10 Tân Tỵ đến tỉnh thành Quảng Tây (Quế Lâm). Theo tờ khải của sứ bộ trình lên chúa Trịnh, được Lê Quý Đôn ghi trong *Bắc sứ thông lục*, thì tại đây Lê Quý Đôn đã đòi quan nhà Thanh không được dùng chữ di quan (quan tước mọi rợ). Nguyên văn đoạn báo cáo này được viết bằng chữ Nôm có xen lẫn chữ Hán như sau: (chữ Hán in nghiêng)

... "Tháng 10 ngày 7 chúng tôi đến Quảng Tây tỉnh thành. Viện lễ *đầu giản* (nộp thư) xin quan *phủ viện* (thủ hiến tỉnh) họ Hùng, *tiên hành tư đầu báo, thả hành bài quan Tả Giang đạo chuẩn cấp phu mã, cho tiền lộ dự hồi* báo tin (gửi tờ tư về nước ta báo tin cống sứ về tới đó trước khi sứ khởi hồi và gửi tờ

https://tieulun.hopto.org

sai quan coi đạo Tả Giang cấp phu và ngựa cho những viên đi trước của sứ bộ sẵn sàng về nước báo tin).

Ngày 9, quan phủ Quế Lâm xuống khám thuyền.

Ngày 11 quan Phủ viện tống tư văn cho.

Kì trước, chúng tôi *tiến quan* (sắp qua cửa quan) để vào *chí kiến* (gặp để chào) quan Nam Ninh, thì nó cũng chiếu *cựu lệ* (lệ cũ), nó xướng rằng: "di quan kiến" (quan rợ ra mắt). Kì này chúng tôi cũng có đầu văn nơi quan phủ viện *đạo đạt tình diêu* xin *hành văn đạo, phủ, hễ nghi chú văn thư, đình* di quan *Tự* (kể rõ thắc mắc, xin gửi tờ sức cho các đạo phủ rằng phàm trong nghi lễ, văn thư sẽ thôi dùng chữ *di quan*, nghĩa là quan rợ). Tối hôm ấy quan bố chính họ Diệp truyền hai quan bạn tống với thông sư lên công đường, trước hỏi, *uỷ vấn cống sứ nhất lộ tân khổ* (hỏi thăm cống sứ chuyến này đi dọc đường vất vả ra sao). Sau lấy trình văn bảo rằng: "*Nghiện cá thậm hảo, thuyết đắc hoạt lí* (Cái này nói rất hay, nói rất là diệu) *Đãn cổ ngữ vân: Thuấn sinh ư Gia Phùng, đông di chi nhân dã, Văn Vương sinh ư Kì Chu, tây di chi nhân dã* (Nhưng lời xưa nói: Vua Thuấn ở Gia Phùng, là người rợ bên sông, Vua Văn Vương sinh ở Kì Chu, là người rợ bên tây) *DI tự nguyên phi khinh mạn quý quốc* (chữ DI vốn không để khinh nhờn quý quốc). *Kim sứ thần dĩ thứ vi ngôn, dĩ mông phủ đài chuẩn doãn, hành nhất giác công văn, truyền Tả Giang đạo, cập các phủ, tự hậu đình hô DI tự, xưng An Nam quốc sứ.* (Nay sứ thần đã đem sự này bày tỏ nên lời, thì đã được nhờ ơn quan tuần phủ bằng lòng nghe. Đã gửi một ống công văn truyền cho đạo Tả Giang và các phủ, dặn từ rày về sau đừng hô chữ DI nữa mà xưng là *cống sứ nước An Nam*). *Sứ khả hồi khải* Quốc vương tri đạo (Sứ có thể về thưa với Quốc vương được rõ).

Ngày 12 chúng tôi lên tạ, *thả từ hành* (từ giã để về). Lại hỏi đường quan về *đầu công văn ấy* (đã gửi công văn hứa trên chưa?). Nó bảo rằng: "quan bố chánh *chuyển tường* (bảo rõ rằng), quan phủ viện truyền bá sang quan Tổng đốc Quảng Đông *mất hành hạ văn di tự kim chước trừ DI QUAN* (và bản

https://tieuluan.hopto.org

hành cho các nơi tờ văn báo từ rày bỏ chữ quan rợ)."

Qua lời tâu của sứ bộ Trần Duy Mật viết ở Nam Ninh ngày 11 tháng Chạp năm Tân Tỵ (1761) gửi về trình lên Chúa Trịnh, ta thấy việc đấu tranh chống gọi nước ta là mọi rợ đã thắng lợi. Trong các công văn giấy tờ từ đó quan nhà Thanh không còn gọi sứ bộ là DI QUAN nữa phải gọi là AN NAM cống sứ. Đây là một biểu hiện của lòng tự tôn dân tộc khi Sứ bộ đi ra nước ngoài, được ghi chép vào sử sách.

Cũng nên chú ý, vào thế kỷ 18, câu văn viết bằng chữ Nôm được xen kẽ giữa những chữ Hán cũng là sự khẳng định tính dân tộc của người nước Nam.

8/ Lê Quý Đôn học tập trên đường đi sứ

"Lê Quý Đôn là người thông minh, học giỏi từ thủa nhỏ, không sách gì không đọc, không vật gì không suy xét đến cùng, ngày thường ngẫm nghĩ được điều gì đều viết ngay thành sách, chất đầy bàn, đầy tủ, kể ra không xiết". (Trần Danh Lâm). Ông đọc suốt đời, vì vậy nên ngay trên đường đi sứ Trung Hoa, ông đã đọc thuộc và suy ngẫm về các câu đối viết trước các công môn hay chùa chiền. Ông còn ghi lại một số câu sau:

Câu đối ở cửa ngoài công đường phủ Nam Ninh:

- Hoặc vân: thể quốc như gia, hoặc vân: ưu quốc như gia. Chính kỳ nghị bất mưu kì lợi, cứu cánh ư quốc gia hồ hà bổ?

- Nhất tắc: quang thiên hoa nhật, nhất tắc: thanh thiên bạch nhật, Thực kì lộc nhi phân kì ưu, thử cơ đối thiên nhật nhi vô tâm.

Dịch nghĩa:

- Hoặc rằng: coi nước như nhà, hoặc rằng: lo việc nước quên việc nhà. Theo điều nghĩa mà việc lợi chẳng mưu toan, chung quy không bổ ích gì cho nhà nước.

- Một rằng: ngày vui trời thuận, hai rằng: rõ ràng trời sáng suốt. Ăn bổng lộc mà hoạn nạn cùng lo lắng, ngõ hầu không hổ thẹn với ngày trời.

Câu đối ở nhà Huệ Nam, thư viện Phụ Thành phủ Quế Lâm:

https://tieulun.hopto.org

- Thể thiên địa chi hiếu sinh, kính lão, từ ấu, tuất quả, căng cô thường thể dân bào vật dữ.

- Quảng triều đình chi lạc dục, sùng đức, trọng hiền, tuyển tài, tạo sĩ, hàn khâm tục dịch phong di.

Dịch nghĩa:

- Thể theo lòng trời đất hiếu sinh, kính già, yêu trẻ, thương xót kẻ goá bụa cô đơn, thường nghĩ dân là đồng bào, vật là đồng thể.

- Mở rộng ơn triều đình giáo dục, tôn đức, trọng hiền, cất nhắc nhân tài chí sĩ, mừng rằng tục được đổi mới, thói trở nên hay.

Câu đối ở nhà Vĩnh Dự:

- Dĩ bách tính chi tâm vi tâm tải tửu đông giao, chúc tuế tuế vũ dương thời nhược.

- Hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc, đình xa nam mẫu, nguyện thôn thôn dân vật điềm hi.

Dịch nghĩa:

- Bụng mình hợp bụng nhân dân, chở rượu đông giao, chúc hàng năm nắng mưa hoà thuận.

- Vui mình sau vui thiên hạ, dừng xe nam mẫu, mừng các làng nhân dân được yên vui.

Câu đối ở công đường bộ viên Tuần phủ tỉnh Quảng Tây:

- Thường trù quốc sự như gia sự.

- Mỗi thể dân tâm tự kỉ tâm.

Dịch nghĩa:

- Thường lo việc nước như việc nhà.

- Vẫn hiểu thấu lòng dân như lòng mình.

Câu đối ở công đường ti Bố chánh:

- Quan hệ độ chi, tức ti túc giai quan quốc khoá, quý báo xứng vô năng, khởi nhẫn tác tự gia chi kế.

- Địa biển loan kiệu, tuy Miêu, Man diệc hệ dân sinh, tư tuần tuyên hà nghĩa, hựu khởi đồ xuất nạp chi ti.

Dịch nghĩa:

- Quan giữ chức độ chi, dẫu hạt thóc sợi tơ đều là công

https://tieulun.hopto.org

thuế, thẹn đã không tài báo đáp, lẽ nào tự chiếm để riêng tây.

- Đất ở nơi rừng núi, tuy người Miêu người Man vẫn là sinh dân nghĩ sao hết nghĩa tuần tuyên, đâu phải chỉ chuyên bề xuất nạp,

Câu đối ở quan sảnh Lương đạo tỉnh Hồ Nam:

- *Hữu túc mễ chi chính, thường lẫm băng uyên kì cộng tế,*
- *Tòng đại phu chi hậu, cảm tồn ý kiến chi tương sai.*

Dịch nghĩa:

- Thuế thóc gạo nhận thu, thường như tới giá mỏng vực sâu, mong sao trót lọt.

- Theo quan trên chỉ bảo, đâu giám giữ bụng riêng, ý khác đến nỗi nghi ngờ.

Trên đây chỉ dẫn vài câu đối mà Lê Quý Đôn đã ghi lại trên đường đi sứ. Qua vài câu này chúng ta đều thấy rất rõ cái chí của người làm quan phải hết lòng vì nước vì dân, chăm lo cho dân, chiêu mộ người hiền tài, làm cho quốc gia được thịnh vượng, tuyệt không được vì tư lợi. Đó cũng chính là lí tưởng của kẻ sĩ. Sau này ông đã viết trong *Phủ biên tạp lục*: "Kẻ sĩ ra làm quan hành chính, có phải chỉ ung dung ở chốn miếu đường bàn bạc văn nhã và tỏ ra đức vọng mà thôi đâu. Có khi phải tuần xét biên giới, mà chịu trách nhiệm một người thì cũng phải nghĩ đến làm sao để vỗ về binh nông, lấy lợi trừ hại, tuyên bố những điều răn dạy, đổi dời phong tục đem hết khả năng tâm lực mà làm những điều chức phận nên làm..."

Trong *Thư kinh diễn nghĩa*, ông cũng viết: "Thiên tử cùng các quan đại phu, hằng ngày ăn mặc đều lấy ở dân. Người nông dân suốt năm cần cù lao động, không được nghỉ ngơi một lúc nào đến mùa mới vui mừng thu hoạch. Những hạt cơm ở trên mâm đều là *tân khổ*[1] của nông dân. Thóc gạo phải đem nộp

---

[1] "Tân khổ" *là từ thuần Hán. Tân ( ) = cay, khổ ( ) = đắng, hàm ý (nghĩa bóng) chỉ sự chịu đựng gian khổ cả về thể xác lẫn tinh thần, tuỳ theo ngữ cảnh mà có thể dùng các từ Việt sau: cay đắng, chịu khổ, cay cực, vất vả, khốn khó, cực nhọc... ở đây đã dịch từ Hán sang Nôm. Vậy có thể dùng một cụm từ hay gặp và khá chính xác: "mồ hôi, nước mắt".*

https://tieulun.hopto.org

vào đầy kho nhà nước. Người ta chỉ thấy có những thứ ấy một cách dễ dàng, song có ai biết nghĩ rằng vì đâu mới có thóc gạo đó. Có biết được công việc cày cấy vất vả, nghĩ đến vật lực không phải là dễ dàng thì mới biết tiếc của, dùng có điều độ, bỏ xa hoa, giảm hoang phí, không làm việc vô ích, không thích vật kì lạ, chính mình thực hành kiệm ước..."

34. LÊ QUÝ ĐÔN GIẢI NGHĨA "THƯ MƯỢN ÁO CẦU"

Tương truyền Lê Quý Đôn có người con là Lê Quý Kiệt và một người học trò cùng nổi tiếng hay chữ. Đến khoa Ất Mùi (1775), Vua Lê đoán con Lê Quý Đôn đỗ đầu, còn Chúa Trịnh lại đoán học trò của Lê Quý Đôn đỗ đầu. Lê Quý Đôn biết sức học của học trò hơn Quý Kiệt, nhưng để làm cho Chúa Trịnh thua cuộc, Lê Quý Đôn ngầm dặn học trò đánh tráo bài cho Quý Kiệt để đỗ đầu. Kết quả là Quý Kiệt đỗ đầu và học trò của Lê Quý Đôn đỗ thứ hai. Vua Lê được cuộc và Chúa thua cuộc. Chúa vốn biết sức học của anh học trò hơn Quý Kiệt thế mà lại thua thành tức lắm. Chúa cho các quan khảo sát các bài thi của hai người, từ đó biết được mưu gian của Lê Quý Đôn. Chúa giận lắm, cất chức Lê Quý Đôn và xoá tên hai người không cho đỗ.

Trong lúc Lê Quý Đôn bị cách chức ngồi nhà thì có sứ Thanh sang đến cửa ải, dừng lại và không đi nữa, chỉ đưa một tấm vóc có viết chữ *xa* không ra *xa, đông* không ra *đông* và bảo chừng nào vua quan nước Nam giải được thì mới chịu vào. Các quan trong chiều hội nhau lại, đoán xem chữ gì, nhưng đều chịu. Có quan tâu lên với Chúa là phải cho mời Lê Quý Đôn thì may ra mới giải được. Lê Quý Đôn được phục chức để vào triều nhưng xin Chúa phải trả lại khoa mục cho cả con và trò thì mới chịu giải. Chúa Trịnh bằng lòng. Lê Quý Đôn bèn bảo rằng cứ gửi cho sứ Thanh một tấm *áo cầu* thì tự khắc Sứ sẽ đến. Chúa và các quan chưa hiểu ý nghĩa ra sao nhưng cũng làm theo lời của Lê Quý Đôn. Quả nhiên nhận được áo cầu, sứ Thanh đến ngay kinh đô. Ông được cử ra tiếp sứ. Ông liền viết vào giấy 4

https://tieuluan.hopto.org

chữ "phỉ xa bất đông" rồi đưa cho sứ xem. Sứ Thanh xem xong liền đứng dậy, vái 4 vái, rồi lấy áo cầu trả lại cho quan nước Nam. Lúc bấy giờ, mọi người mới vỡ lẽ ra là: chữ viết không ra chữ xa mà cũng không ra chữ đông được đọc lên là: "phỉ xa bất đông". Đây là một vế trong bài thơ *Mao Khưu* (khâu) trong *Kinh Thi*: "Hồ cừu mông nhung, phỉ xa bất đông", có nghĩa là: áo hồ cừu rách rưới, chẳng phải là không có xe mà không đi sang phía đông". Sứ Thanh muốn nói là mình không có áo đại lễ nên không dám đến. Ý của cả một câu được thu vào một chữ không là chữ nào cả. Triều đình xôn xao phục tài người đố lại càng phục tài người giải đố.

36. SỨ BỘ VIỆT NAM TRAO ĐỔI VĂN THƠ VỚI SỨ BỘ TRIỀU TIÊN

Mùa đông năm Canh Thìn (1760) niên hiệu Cảnh Hưng, sứ bộ Việt Nam gồm Chánh sứ là Trần Huy Mật, Phó sứ là Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Thu phụng mệnh đi Yên Kinh. Hôm trừ tịch tại Hồng Lô Quán được gặp sứ thần Triều Tiên là Hồng Khải Hi, Triệu Vinh Tiến, và Lý Huy Trung, hai bên đã dùng giấy bút để trò chuyện. Lê Quý Đôn đã đưa những trước tác của mình như *Quần Thư khảo biện, Thanh mô hiển phạm lục* và *Tiên Tương bách vịnh thi* làm trong khi đi đường cho Hồng Khải Hi xem, Hồng Khải Hi đã viết lời giới thiệu trên đầu sách. Lý Huy Trung viết lời tựa tập thơ *Bách vịnh*. Sau khi trở về sứ quán, sứ thần Triều Tiên đã sai đem biếu sản vật địa phương. Sang đầu năm mới, họ lại sai ba con là Hồng Toàn Hối, Triệu Quang Quý và Lý Trích Phượng đến chúc tết. Trong 2 tháng trời ở Yên Kinh 2 sứ bộ đã thư từ trao đổi tỏ rõ cảm tình với nước ta. Lê Quý Đôn đã ghi lại trong *Kiến văn tiểu lục* như sau:

"Cuối năm, ngày trừ tịch đưa thư nói: Chúng tôi từng xem địa đồ và kinh sách, được biết quý quốc (Việt Nam) nhưng vì đông nam xa cách nên không gặp được nhau. Thế rồi được ngồi chung chiếu ở Hồng Lô Tự, thực vượt ra ngoài ý tưởng. Tuy lúc

https://tieulun.hopto.org

đầu chưa quen biết mà trong bụng rất kính mến. Khi tan cuộc nói chuyện, người theo hầu có trao cho tôi tờ giấy nhỏ, về sứ quán mở ra xem, có thể rõ được ý tứ trịnh trọng trong lúc ngồi đông người. Quý báu cảm tạ kể sao cho xiết. Việc mong có lần đến quý quán để lại được chiêm ngưỡng tôn dung, chúng tôi há lại không có ý nghĩ như thế sao? Nhưng vì thể lệ bó buộc hai bên chúng ta cùng như nhau, thật là đáng tiếc. Quạt giấy là thổ sản nước tôi cho nên gọi là có chút để làm kỉ niệm, không biết ngài có vui lòng nhận cho không?"

Đầu năm, ngày nguyên đán, sứ thần Triều Tiên lại đưa thư viết: "Trước đây tiếp được lời phúc đáp quý báu đến nay cầm lấy ngẫm nghĩ biết rằng tinh thần lưu luyến thì dẫu nước Yên nước Việt cũng không có gì là xa cách. Sau đó lại được người theo hầu của ngài mang thư đến thăm để rõ sức khoẻ trong dịp năm mới, thật là vui mừng khôn xiết. Chúng tôi chẳng qua là người xa cách ba ngàn dặm mà ở nơi đất khách, gặp năm mới còn khôn xiết bồn chồn về lòng riêng nhớ nước nhớ nhà, huống hồ các ngài lặn lội nước non hàng năm hàng tháng ngó đầu về phương nam thì làm thế nào mà nén được tấm lòng tưởng nhớ? Tôi muốn đến ngay quý quán bộc bạch ra ngòi bút đầu lưỡi để biết văn hiến phương Nam. Nhưng vừa bó buộc về thể lệ vừa lúc công việc bận rộn thành ra không thoả mãn được ý định, đúng như câu người ta nói là sát cánh nhau mà thành lỡ dịp, thật là đáng tiếc. Phẩm vật được ngài có thịnh tình ban cho xin nhận lĩnh đủ số và trân trọng tạ ơn bởi vì từ chối là không tôn kính như lời dạy của Mạnh Tử. Tuy vậy tôi vẫn không yên tâm, xin ngài biết cho."

Chánh sứ Hồng Khải Hi sau khi xem thơ của Lê Quý Đôn đã phúc đáp "Trông thấy dung nghi thanh nhã còn đinh ninh ghi nhớ trong lòng, nay nhận được bài thơ tươi đẹp không khác gì được thừa tiếp bóng dáng thanh tao. Bài thơ ấy ý tứ sát, âm điệu hay, làm cho người ta đọc đi đọc lại 2, 3 lần, dường như bắt được viên ngọc quý. Về nghề làm thơ tôi vẫn biếng nhác đi

https://tieulun.hopto.org

đường trường hàng ba ngàn dặm mà tự thẹn không có lấy một bài thơ. Nay được tiếp thịnh tình không có lẽ phụ lòng tốt vì thế quên cả vụng về quê kệch kính xin nối điệu (ý nói hoạ lại thơ) chỉ e bị chú nhỏ dưới màn cười khúc khích."

Một sứ thần phúc đáp về thơ của Lê Quý Đôn: "Thần Tương Thuỷ gảy đàn trên sông Thu Giang, khúc đàn đã kết thúc mà vẫn không thấy người. Cổ nhân dùng điển cố này ví với thơ văn tột bậc, ý nói thơ văn đến chỗ thần kì độc đáo. Nay túc hạ (chỉ Lê Quý Đôn, dùng ngòi bút mô tả cảnh hư không, thấu suốt một điểm linh tính, không ngại tần phiền. Tôi hai, ba lần đọc thơ văn gửi đến, khôn xiết nhảy múa vui mừng. Rất biết rằng lời tựa của Huyền Yến không làm tăng giá trị bài phú *Tam Đô*[1], giọng quê kệch ở thôn quê khó có thể hoạ được khúc *Dương Xuân bạch tuyết*[2] nhưng không dám hoàn toàn cô phụ lòng chu chuân của ngài. Nay xin đem hết tài nghệ con lừa[3] đáp lại, mong ngài vui lòng nhận cho thì may mắn lắm."

Trong thư phúc đáp của Lý Huy Trung về thơ của 3 vị sứ thần Việt Nam có viết: "Phương xa gặp nhau, nghiêng cây lọng cùng nhau nói chuyện, đấy không phải là sự tầm thường, khi xếp ban thứ ở sân rồng, được thừa tiếp dung nghi thanh nhã. Nhưng tiếc vì mấy câu chuyện sơ qua không khác gì trông bóng dưới nước, về nằm suông nơi công quán, áy náy suốt ngày. May được người giúp việc ngài hạ cố ban cho lời văn xinh tươi, gặp gỡ phương trời, được lời vàng ngọc phương Nam vang để ngâm nga mang về Đông Thổ, trân tàng trong níp trong rương. Xướng có hoạ không, muôn dặm không bỏ, lời vẫn tính dài, tinh thần càng tỏ".

---

[1] *Bài phú* Tam Đô *do Tả Tư nhà Tấn sáng tác trong 10 năm mới xong. Bài phú ấy được Huyền Yến là tên hiệu của Hoàng Phủ Mật là một người học rộng tài cao đời Tấn việt để tựa.*

[2] Dương Xuân bạch tuyết *là tên một khúc hát cổ rất cao siêu có ít người hoạ được. Ở đây ý nói thơ của Lê Quý Đôn cao siêu như khúc hát đó.*

[3] *Tài nghệ con lừa: điển tích ý nói nhún về tài nghệ hèn kém.*

https://tieulun.hopto.org

36. SỨ THẦN NGUYỄN NỄ ĐI TRONG TUYẾT RƠI

Nguyễn Nễ còn có tên là Nguyễn Đề (1761 - 1805), hiệu Quế Hiên, là anh ruột nhà thơ Nguyễn Du. Ông làm quan nhà Lê, giữ chức Hàn lâm viện thị thư, được cử làm Phó sứ sang tuế cống nhà Thanh. Trong những vần thơ làm khi đi sứ trong tập *Hoa trình tiêu khiển tập* ghi lại cảm xúc trên đường đi sứ có bài ghi lại cảnh sứ bộ đi trong tuyết, là sự việc rất lạ đối với người phương nam, quanh năm không bao giờ trông thấy.

Dịch nghĩa:

Mưa tuyết phơi phới tưới xuống đường hoa
Mười cỗ xe phủ kín đầm trong thuỷ tinh.
Rắc màu trắng hoa mai từ trên trời rơi xuống,
Lộn ngược bóng, người như đi trong tấm gương.
Sông hồ ngọc phủ không còn thấy bóng chim,
Núi đồng muối chất như có hình loài thú.
Nhất là nơi biệt thự lạnh lẽo trong núi sâu,
Không còn phân biệt cây mai non với cây bách già nữa.

https://tieulun.hopto.org

Chương V

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI NGUYỄN TÂY SƠN

https://tieulun.hopto.org

1. VIỆC ĐI SỨ VÀ TIẾP SỨ THỜI NGUYỄN TÂY SƠN

Vương triều Nguyễn Tây Sơn được tạo lập trên cơ sở phong trào nông dân khởi nghĩa rộng lớn chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc ta. Sau chiến thắng Đống Đa năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung đã phải tiến hành một chính sách ngoại giao khôn khéo để tránh đương đầu bằng quân sự với nhà Thanh để giữ vững hòa bình kiến thiết đất nước. Cuối năm Mậu Thân, khi kéo quân ra đến Tam Điệp, vua đã từng nói với bọn Ngô Thì Nhậm: "**Cứ để cho ta mười năm nữa, nước ta giầu, dân ta mạnh, thì ta có sợ gì chúng**". Chính sách ngoại giao của Quang Trung rõ ràng là nhằm mục đích giữ gìn hòa bình, xây dựng đất nước giầu mạnh để sẵn sàng đối phó với bọn xâm lược phương Bắc. Ngay khi chưa tiêu diệt lũ giặc Thanh, đường lối ngoại giao của Quang Trung cũng đã được thể hiện trong lời nói với các tướng lĩnh, trong đó có Ngô Thì Nhậm: "... Nước Thanh lớn hơn nước ta đến 10 lần. Bị thua, người Thanh lấy làm thẹn, chắc phải tìm cách rửa hờn. Nếu cứ để binh lửa liên miên thật không phải là phúc của dân, lòng ta sao nỡ. Vì vậy sau khi thắng trận, phải khéo dùng ngọn bút thay giáp binh. Việc đó ta sẽ giao cho Ngô Thì Nhậm..." *(Hoàng Lê nhất thống chí)*.

Việc đi sứ dưới triều Tây Sơn sau chiến thắng Đống Đa trước hết nhằm tranh thủ hòa bình, giữ vững chủ quyền dân tộc, tránh đổ máu tiếp, sau đó tiến đến đòi nhà Thanh công nhận nền độc lập của nước ta, phong Quang Trung làm An Nam Quốc Vương, đòi bỏ lệ cống người vàng, đòi lại 7 châu xứ Hưng Hóa đã bị nhà Thanh chiếm đoạt, đòi mở cửa biên giới để thông thương chợ búa và đến năm 1792 đã tiến thêm lên một bước nữa là đòi lại đất 2 tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây của An Nam đã bị phong kiến Trung Hoa chiếm đoạt từ khá xa xưa, kết hợp với việc xin cầu hôn công chúa Vua Thanh.

https://tieulun.hopto.org

Công việc nội trị và ngoại giao đang tiến triển thuận lợi thì Vua Quang Trung đã đột ngột qua đời vào năm 1792, lúc mới 39 tuổi.

Các sứ thần Triều Tây Sơn trong những lần đi sứ sang ải Nam Quan, Quảng Tây hay Yên Kinh cùng với các văn kiện ngoại giao đều thể hiện sự kết hợp khéo léo giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt. Đối với những vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia, danh dự và lợi ích tối cao của dân tộc thì bất kì trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ vững, không thể có thỏa hiệp hay nhân nhượng, đó là nguyên tắc. Còn trong ngôn từ, thái độ cụ thể, đã hết sức khéo léo, mềm mỏng, linh hoạt. Đại đô đốc Chấn quận công Ngô Văn Sở, trong một bức thư viết bằng chữ Nôm gửi nhà ngoại giao Phan Huy Ích đã yêu cầu: "**Khéo ở từ mệnh, nên kinh thời kinh, nên quyền thời quyền, làm sao cho xong việc nước, hiền hầu phải liệu lí do thập phần ổn đáng**" (Trích trong *Đại Việt quốc thư*).

Các sứ thần của Quang Trung trong nhiều trường hợp đã đấu tranh khá căng thẳng như xung quanh việc phong vương cho Quang Trung; việc Vua sang Yên Kinh chúc thọ Càn Long 80 tuổi... Nhà Thanh đã thất bại về quân sự, thấy không thể nào dùng quân sự mà thắng được nên dù muốn hay không cũng phải phong vương cho Quang Trung. Nhưng Thiên triều vốn vẫn nghĩ mình là nước lớn, muốn vớt vát chút thể diện sau thất trận nên hứa sẽ phong vương cho Quang Trung khi sang chầu Càn Long nhân dịp lễ mừng thọ 80 tuổi ở Yên Kinh. Như vậy, điều kiện mà nhà Thanh đặt ra là Vua Quang Trung muốn được phong thì phải sang chầu. Một ông vua vừa chiến thắng kẻ thù, nay lại phải sang chầu kẻ thù đó để xin phong vương, không bao giờ Quang Trung làm như vậy. Nhưng phản đối trực diện và gay gắt thì cũng không đem lại kết quả tốt đẹp, các sứ thần của Quang Trung đã đưa ra các văn bản trả lời với những lí do rất vụn vặt và "như trẻ con" là "nếu chưa được phong vương mà sang kinh đô nhà Thanh thì sợ ngượng với các nước phiên thuộc". Phúc Khang An là Tổng đốc Lưỡng Quảng đã

https://tieulun.hopto.org

dọa Vua: "nếu không được Vua Thanh phong sắc thì danh phận không chính, bề tôi cùng dân chúng đều theo ngoài mặt mà trong lòng không phục". Hay "nếu Vua không đến kinh đô để chiêm ngưỡng thiên nhan... thì lấy gì nêu được tấm lòng sợ mệnh trời thờ nước lớn."

Thấy Vua Quang Trung không nghe, nhà Thanh đã hạ mức là khi vua đi mừng thọ qua ải Nam Quan sẽ phong (vẫn có điều kiện là phải sang chầu). Nhưng các sứ thần mang văn bản đã từ chối khéo léo: "Nếu cứ đợi sau khi đến cửa quan mới ban phong điển, thì người biết nói rằng triều đình đã định sẵn, người không biết lại nói tại Hoàng đế phân biệt đối xử. Mỗi người nói một cách, ngoa truyền sai sự thực, sinh ra lắm chuyện, lại phiền một phen phải trấn tĩnh nữa, sao bằng sớm định ngày (phong vương) cho nhất trí". Vua quan nhà Thanh phải xuống thang và sai quan sang Thăng Long phong vương cho Quang Trung. Ngay khi sứ nhà Thanh đã sang phong vương rồi, các nhà ngoại giao Tây Sơn lại còn ép sứ nhà Thanh phải vào Thuận Hóa để phong với nhiều lí do như "đường sá đang sửa", "bận giặc giã", "bị ốm cảm mạo không ra được", hoặc "Thăng Long là nơi đã hết vượng khí...". Chưa bao giờ trong lịch sử ngoại giao của nước ta, Thiên triều lại bị động, xuống thang, không trịch thượng đến như thế. Cuối cùng Vua cũng không buồn ra Thăng Long nhận sắc phong và ủy cho cháu là Phạm Công Trị thay mặt nhận phong. Tuy vậy Vua vẫn làm biểu tạ ơn Thiên triều với lời lẽ nhã nhặn nghe cũng khá xuôi và hứa đến tháng 3 năm sau sẽ sang Yên Kinh chúc thọ vua Càn Long.

Nhưng đến lúc cử người đi chúc thọ Vua Càn Long thì lại là một cuộc đấu tranh gay gắt giữa 2 đoàn sứ thần. Về phía nhà Thanh do Phúc Khang An và Thang Hùng Nghiệp đứng đầu, về phía Việt Nam do Ngô Thì Nhậm đảm trách. Kết quả cuối cùng là phía Việt Nam nhất định không chịu đi, phía nhà Thanh đành phải gợi ý chọn người đóng giả Vua Quang Trung. Tây Sơn chấp nhận kế hoạch đó và phía nhà Thanh từ vua đến

https://tieulun.hopto.org

quan các cấp đều phải tiếp đón phái đoàn giả vương Quang Trung hết sức trọng thể, đầy ân tình như đối với vua thật vậy. Đoàn Nguyên Tuấn, một sứ thần cùng đi đã viết: "Từ trước đến giờ, người mình đi sứ Trung Quốc, chưa có lần nào *lạ lùng* và *vẻ vang* như thế".

Với lòng tự hào dân tộc và tư thế của người chiến thắng, các sứ thần Tây Sơn còn tiếp tục thực hiện các sứ mệnh trọng đại mà Quang Trung đã giao cho như đòi lại đất 7 châu ở Hưng Hóa, đòi lại đất 2 tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây...

Các sứ thần thời Tây Sơn được phái đi lên cửa ải, Nam Ninh hay Yên Kinh để làm nhiệm vụ được giao cũng đều nói lên xúc cảm của mình trong những vần thơ đi sứ, Ngô Thì Nhậm có tập *Hoàng hoa đồ phả*, Phan Huy Ích có *Tinh sà kỉ hành*, Vũ Huy Tấn có *Hoa nguyên tùy bộ tập*. Đoàn Nguyên Tuấn trong *Hải ông thi tập*... Thơ đi sứ thời Tây Sơn, ngoài những điểm chung, giống như xúc cảm của những sứ thần các thời trước còn có những điểm khác mà các thời trước ít có, đó là lòng tự tin, tự hào đặc biệt của khí thế người chiến thắng, đề cao dân tộc, khẳng định chủ quyền thiêng liêng, có nền văn hiến không thua kém ai...

2. SAU CHIẾN THẮNG ĐỐNG ĐA, THANG HÙNG NGHIỆP 4 LẦN GỬI MẬT THƯ CHO VUA QUANG TRUNG ĐỂ CẦU HÒA

Sau chiến thắng Đống Đa ngày 5 tháng 1 năm Kỉ Dậu (1789), quan coi việc quân sự của nhà Thanh ở Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp (Quảng Tây Tả giang Binh Bị đạo Thống lí biên vụ) đã chứng kiến tận mắt sức mạnh của quân đội Tây Sơn, đã thấy tàn binh Tôn Sĩ Nghị thảm hại rút về, nên nhìn thấy chỉ có chấm dứt chiến tranh, giảng hòa với Tây Sơn thì mới mong được yên ổn và có lợi cho bản thân. Nhưng việc giải hoà này phải do phía Tây Sơn nêu lên trước thì nhà Thanh là Thiên triều mới khỏi bị mất thể diện. Do đó chỉ sau chiến thắng Đống Đa có 7 ngày, tức ngày 12 tháng Giêng năm Kỷ Dậu,

https://tieulun.hopto.org

Thang Hùng Nghiệp đã viết một bức thư mật, sai quân lính chuyển đến Tây Sơn. Thư có đoạn viết:

"... Xét ra vua Lê nước An Nam phụng sự Thiên triều đã lâu, khi bị họ Nguyễn Tây Sơn chiếm đoạt quốc đô, Đại hoàng đế (vua Thanh) sai Nguyên nhung đem quân ra cửa Nam Quan lấy lại đất cho nhà Lê rồi lại nối phong cho làm quốc vương. Không ngờ Lê Duy Kỳ hèn yếu, không có tài năng, không chấn tác được gì lại đem mẹ ngầm trốn. Thế là họ Lê không dấy lên được, sau này (Đại hoàng đế) không đem An Nam giao cho nữa.

Đại hoàng đế coi bốn biển là một nhà, không thèm đem An Nam thu về làm quận huyện (!).

Nhưng đáng tiếc họ Nguyễn Tây Sơn lại kháng cự lại Thiên triều. Theo lẽ đó thực là bất thuận (?).

Bản đạo nghĩ An Nam vô chủ, nếu đại binh lại tiến đánh thế tất các tỉnh chia đường đều tiến, chẳng khỏi giết hại nhân dân. Họ Nguyễn, ngươi tự liệu sức có thể kháng cự mãi được không? Vì thế ta mật đưa trát dụ cho biết rằng: Họ Nguyễn Tây Sơn lúc này nhân lúc chưa có dụ chỉ, chọn ngay một vài viên quan lập tức đem biểu đến cửa Nam Quan tâu với Đại hoàng đế rằng:

"Vì Duy Kỳ khôngđược nhân dân quy phục đã trốn tránh đi hết, nên phải đem quân đến thay vì trấn thủ. Không ngờ khi đi đường gặp quân Thiên triều, thế rất dữ dội, gặp ai cũng giết. Bó tay chịu trói, thế tất bị giết tất cả, bởi thế những người cầm quân phải chống cự lại. Tự biết là mang tội rất nặng. Hiện đã tra ra những người kháng cự Thiên binh và đem chém đi rồi...

Tờ biểu này trang sau đề niên hiệu Thiên triều, đóng ấn Khâm ban An Nam quốc vương. Như thế thì lời biểu cung thuận, Đại hoàng đế xét lòng thành sẽ cho ngươi chủ trì quốc sự.

Ta sau này cùng An Nam giao thiệp rất nhiều, bởi thế mật dụ cho biết. Sau này họ Nguyễn Tây Sơn trình bẩm Cung bảo đại nhân, quyết không nên đề cập đến trát này của bản đạo, phải giữ cho kín. Thuận nghịch, họa phúc do Tây Sơn tự chủ. Bản đạo không nói đến lần thứ 2 nữa đâu.

Nay trát"

https://tieulun.hopto.org

Sau khi viết mật thư trên đây được 3 ngày, Thang Hùng Nghiệp lại thấy quân Tây Sơn đang truy kích quân Thanh, mặc dầu biết mật thư thứ nhất chưa đến tay Tây Sơn nhưng cũng đã viết tiếp mật thư thứ hai. Nguyên văn bức thư như sau:

"Xét họ Lê nước An Nam hèn nhát không tài, không giữ được nghiệp tổ. Nay lại bỏ nước ngầm trốn, thì người ấy quyết không thể lại cho làm chủ nước An Nam.

Bây giờ (chúng tôi) đang định tâu xin Đại hoàng đế cho lập người tài năng chính trực, để trấn thủ nước An Nam, trên dâng lễ cống, dưới thỏa đời sống của nhân dân.

Ngươi là họ Nguyễn Tây Sơn ở gần An Nam, chưa biết chừng được Đại hoàng đế phong cho làm An Nam Quốc Vương. Bởi vì hiện tại, trừ họ Nguyễn Tây Sơn ra, không có người nào có thể chủ trì được công việc nước An Nam.

Bản đạo trước đã sai người đem tờ biểu dụ đến đô thành nhà Lê. Ngày ấy chủ ngươi tất đã làm tờ phúc đưa đến. Hiện lại nghe nói lũ quan mục các ngươi (quân Tây Sơn) đã đến Lạng Sơn, nhưng không được làm hại quan dân trăm họ xứ ấy, phải để cho họ yên tĩnh, giữ phép, đợi chủ ngươi phúc bẩm. Nếu các ngươi không ước thúc các quan mục lại dám tự ý làm bậy, thì Đại hoàng đế không những không ban ân điển mà còn tức giận cho họp quân tiến đánh, không thể khoan thứ được".

Nay dụ:

Ngày 15 tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Càn Long thứ 5."

Qua mật thư thứ 2, Thang Hùng Nghiệp yêu cầu vua Quang Trung 2 việc coi như điều kiện để được phong vương là:

1. Không được tiến đánh các quan lại nhà Lê, tức là những người đã cộng tác với quân Thanh trong khi sang chiếm Việt Nam.

2. Không được tiến quân vào đất nhà Thanh.

Sau khi nhận được mật thư của Thang Hùng Nghiệp, Vua Quang Trung sai Ngô Thì Nhậm viết một bức thư trả lời và một tờ biểu dâng lên Vua Càn Long để nhờ Thang Hùng Nghiệp chuyển. Xem thư và biểu, Thang Hùng Nghiệp thấy thái độ của

https://tieulun.hopto.org

Tây Sơn cứng rắn bảo vệ chủ quyền quốc gia nên Thang ỉm tờ biểu đi không chuyển về Yên Kinh cho Vua Càn Long và lại gửi cho Tây Sơn một bức mật thư nữa. Trong đó có đoạn viết:

"... Bản đạo xem tờ biểu, thấy về thể chế rất là không hợp. Nên phải dụ cho rõ: Lê Duy Kỳ vốn là Quốc Vương An Nam, Đại hoàng đế đã sai quân hộ tống về nước, không ngờ sau khi được tập phong, Duy Kỳ lại bỏ nước ngầm trốn. (Như thế) là phụ ơn to, phạm tội rất nặng, pháp độ Thiên triều ngươi há chẳng biết hay sao. Lúc này nếu Duy Kỳ ở nước ngươi, còn phải áp giải đưa sang để trị tội. Thế mới là thành tâm thực phục.

Nay tờ biểu lại đòi tìm bắt Duy Kỳ, thực là ra ngoài tình lí. Lần này lại kháng cự quan quân, như thế là sai trái, phạm phận, Đại hoàng đế tất nổi giận lôi đình.

Nhân trước khi chưa có chỉ dụ (của Đại hoàng đế) Quốc trưởng ngươi đưa ngay những quan quân bị bắt ra nộp và tự trình bày rằng: Di binh không biết gì, làm phạm đến quan quân, nay đã đem những kẻ kháng cự ấy ra tra xét và chém đầu đi rồi. Phải nói như thế mới hợp thể chế.

Bản đạo giữ cửa ải ngoài biên sau này cùng ngươi còn giao thiệp còn nhiều. Vì thế mở lòng thực, mật vì khai đạo. Sau này Quốc trưởng ngươi có trình bày với Cung Bảo hộ đường, vạn phần không được nói đến việc này.

Ngày 22 tháng Giêng năm Kỉ Dậu".

Mật thư này lại kèm theo một mật thư khác, trong đó có câu: "Ta xem tờ biểu, ta thấy lạ lùng và sợ hãi quá! Như thế thì nước ngươi không cần phải là Đại hoàng đế phong vương cho mà là muốn gây mối binh đao vậy!".

Và Thang Hùng Nghiệp khuyên Tây Sơn nên làm tờ biểu khác.

3. ĐỖ ĐỐC HỒ HỔ HẦU SANG QUẢNG TÂY CHUYỂN THƯ CỦA VUA QUANG TRUNG CHO THANG HÙNG NGHIỆP

Ngay từ cuối năm Mậu Thân, khi chưa có chiến thắng Đống Đa, vua Quang Trung đã biết nhà Thanh sau khi thua

https://tieulun.hopto.org

trận sẽ bị hãm vào một thế tiến thoái lưỡng nan: Không đánh nữa thì xấu hổ, mất thể diện với các nước láng giềng, nếu đánh nữa thì chắc đâu đã thắng, và nếu lại thua thì uy tín của Thiên triều sẽ tiêu tan và vận mệnh triều đại Mãn Thanh sẽ lâm nguy. Khi tiếp được thư của quan nhà Thanh, biết được chỗ yếu của nhà Thanh là đang tìm cách giảng hòa, không dám đem quân sang xâm chiếm nữa, nên ngày 18 tháng Giêng năm Kỷ Dậu Vua Quang Trung đã sai Ngô Thì Nhậm viết thư cho Thang Hùng Nghiệp và sai Đô đốc Hô Hổ Hầu đem sang Quảng Tây ngay. Bức thư có đoạn viết như sau:

"Tôi là một người áo vải ở trại Tây Sơn nước An Nam, sinh trưởng ở cõi xa, hâm mộ thánh giáo Trung Hoa. Gặp lúc biến cố bèn theo chinh chiến. Mùa hạ năm Bính Ngọ (1786) có việc ở Tây thành rồi lại về Nam. Mùa xuân năm Mậu Thân (1788), nhân trong nước không yên, đem quân lại đến Thăng Long. Năm ấy đã khiến sứ giả đến cửa Nam Quan, đem đủ quốc tình tâu lên, cúi mong Đại hoàng đế phân xử. Nhưng Lưỡng Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị xé thư đuổi sứ về, rồi lại nghe lời người đàn bà nhà Lê nịnh hót nói khéo, vô cớ động binh, gây hiềm hấn ở ngoài biên.

Ngày mồng 5 tháng Giêng năm nay, lúc mới đến, tôi mong gặp Tôn Sĩ Nghị để hỏi xem việc dùng binh có phải là thực do Đại hoàng đế không? Nhưng Sĩ Nghị tự đón đánh, rồi bị đầy tớ của tôi đánh bại, quân sĩ giẫy xéo lên nhau chết không biết bao nhiêu mà kể. Những quân hiệu bị bắt còn hơn 800 người... tôi đã cấp cho ăn mặc và cho ở riêng một chỗ.

Tôi không lấn sang biên giới để phải tội với thượng quốc.

Chỉ vì con cháu nhà Lê hèn yếu, người nước đều về với tôi. Sĩ Nghị vì cớ tài sức phù trì người hèn yếu, không tài, đem lòng cung thuận của tôi vứt bỏ đi. Lại đưa thư vào trong cõi, muốn giết hại tôi cho sướng. Bởi thế gây nên binh đao rồi bị thảm bại.

Tôi ở xa bến biển, làm gì cũng bị Sĩ Nghị ức hiếp. Nay sự thể xui khiến, tôi đã mang tiếng lấy cánh tay bọ ngựa chống bánh xe. Tiếp được lời dụ của đại nhân, lòng mắt đều mở rộng

https://tieulun.hopto.org

ra. Tôn đài là quan trụ cột của Đại hoàng đế, cho nên hay tuyên dương đức ý, liệu lí biên tình như thế, thật là thành thật rõ ràng. Còn như cái tội sinh sự của Tôn Sĩ Nghị có thể nói hết được đâu? Nay đội ơn Tôn đài có thịnh tình soi xét. Tôi kính đem bài biểu nhờ chuyển vì đề đạt, trên nhờ ân điển của Đại hoàng đế, kính vâng lệ phiên thần, sửa lễ cống, khiến cho bình dân khỏi khổ vì binh đao, đó là đại nguyện vọng của tôi vậy. Còn như mẹ con Duy Kỳ gây nên hiềm hấn, rồi bỏ nước ngầm trốn, hoặc giả lại đến biên giới của thượng quốc. Tôi mong Tôn đài tra rõ tâu lên rồi đưa cho bản quốc lĩnh về xét xử cho hả lòng dân. Như thế mới là trừ ác trừ tận gốc...

Nay quân đội cốt ở chỗ đoàn kết một lòng, không cốt ở chỗ đông, binh lính quý ở chỗ tinh nhuệ, không quý ở chỗ nhiều. Kẻ khéo thắng ở chỗ vô cùng mềm dẻo chứ không phải ỷ mạnh lấn yếu, lấy đông hiếp ít đâu.

Nếu tình hình trên không được bày tỏ, Thiên triều không khoan dung, muốn động binh chinh chiến, thì nước nhỏ không được thờ nước lớn, tôi cũng đành nhờ trời mà thôi".

(Nhân tiện nộp kèm tờ hịch của Tôn Sĩ Nghị ức hiếp tôi để gây ra chinh chiến).

Thư gửi Thang Hùng Nghiệp đã kết tội mẹ con Lê Duy Kỳ bán nước và Tôn Sĩ Nghị ức hiếp nước Nam nên đã chuốc lấy thất bại. Thư cũng đòi nhà Thanh phải trả Lê Duy Kỳ để trị tội. Mặt khác cũng khẳng định ý muốn triều cống, nếu Vua Thanh không nghe, cứ đem binh sang trả thù thì là lỗi tại Thiên triều. Thư cũng cảnh cáo vua Thanh chớ cậy nước lớn quân đông mà định ức hiếp nước nhỏ. Nếu thế sẽ bị thất bại và không thể đổ cho là nước nhỏ không biết giữ lễ.

Thang Hùng Nghiệp sau khi xem biểu và thư do Hô Hổ Hầu mang đến đã rụng rời kinh hãi và nói với Hô Hổ Hầu: "Bây giờ không phải là lúc quân hai bên đánh nhau, vậy sao lại thả toàn giọng tức giận? Muốn cầu phong tước hay lại muốn gây binh tranh, mà nói những lời như thế?".

Sau đó, Thang Hùng Nghiệp đã ỉm bức thư ấy đi không

https://tieulun.hopto.org

dám để lọt đến mắt vua Càn Long.

4. SỨ THẦN NGUYỄN HỮU TRÙ TRẢ TÙ BINH CHO VUA THANH

Sau khi phá tan quân Thanh, vua Quang Trung vào thành Thăng Long, một mặt yết bảng chiêu an, cấm quân lính không được xâm phạm đến tài sản của dân chúng, một mặt ra lệnh cho quân Thanh còn trốn tránh phải ra đầu thú, không ai được chứa chấp và ngăn cấm dân chúng trả thù giết chúng. Lúc đó xung quanh thành Thăng Long có tới hơn 800 lính Thanh ra đầu thú. Chúng đều được ban phát lương ăn và áo mặc.

Muốn duy trì hòa bình, tránh việc can qua với nhà Thanh và cũng là thể hiện tinh thần nhân đạo của dân tộc ta. Vua Quang Trung quyết định trao trả số tù binh của nhà Thanh. Sai Sứ thần Nguyễn Hữu Trù đưa tù binh Thanh lên biên giới gặp quan nhà Thanh là Thang Hùng Nghiệp để trao trả. Bức thư của Vua do Nguyễn Hữu Trù đưa Thang Hùng Nghiệp có đoạn viết:

"... Về số quan quân còn ở lại Quốc đô (Thăng Long), hiện đã cho ở yên một chỗ. Chuyến trước còn chưa cho đưa về, không phải tôi có ý giữ lại để lấy nê mà cần gì đâu. Trong lúc lộn xộn, một khi họ đã bị bắt, nếu tôi có giận cá chém thớt thì đã để cho quân lính giết hại chúng nơi chiến trường rồi thì nay đâu còn. Chỉ vì trượng phu làm việc bao giờ cũng minh bạch, không giết kẻ đã xuống ngựa xin hàng, nên đối với họ tôi đã nhất nhất thu nuôi hết cả...

Nay đã điều tra cẩn thận thì số quan quân hiện còn ở Quốc đô, vào hơn 500 người. Ngoài số 20 tên do quân bản bộ (Tây Sơn) đem đến những nơi trấn thủ và ngót một trăm bị đau ốm tật dịch ra, tôi giao cho bồi thần là Nguyễn Hữu Trù sẽ đem đến cửa ải nộp trả hơn 550 tên, còn 200 tên nữa thì đang đi đường khác sẽ tiếp tục nộp sau...".

Qua đó thấy chính sách ngoại giao hòa bình và nhân đạo

https://tieulun.hopto.org

luôn luôn là chính sách lâu dài của đất nước ta.

5. CHÁU VUA QUANG TRUNG LÀ NGUYỄN QUANG HIỂN ĐI SỨ SANG GẶP VUA CÀN LONG Ở YÊN KINH (BẮC KINH)

Sau cuộc đại bại của Tôn Sĩ Nghị vào đầu xuân Kỷ Dậu, vua Càn Long đã cử Phúc Khang An, người Mãn Châu là chân tay thân cận làm Tổng đốc Lưỡng Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) huy động 50 vạn quân của 9 tỉnh chuẩn bị sang trả thù thua trận ở Việt Nam. Phúc Khang An được Thang Hùng Nghiệp báo cáo tình hình, cân nhắc kĩ và quyết định bãi bỏ chiến tranh với Việt Nam, cử người bí mật thương thuyết với Tây Sơn và tìm một người trong triều được vua Càn Long tin dùng là Hòa Thân khuyên Càn Long không nên động binh nơi biên cương. Hòa Thân thuyết phục Càn Long: "Từ xưa đến nay Trung Quốc chưa bao giờ đắc ý ở nước Nam. Triều Tống, triều Minh, triều Nguyên cuối cùng đều thua chạy, gương đó vẫn còn rành rành".

Càn Long nghe theo và chủ trương hòa hiếu với Tây Sơn, công nhận về ngoại giao, do đó sẵn sàng đón tiếp một Sứ bộ ngoại giao chính thức của Tây Sơn. Công việc về phía nhà Thanh do Hòa Thân và Phúc Khang An thu xếp. Về phía Việt Nam lúc này, Quang Trung đã vào Nam, việc ngoại giao do Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích lo liệu. Vào tháng 4 năm Kỉ Dậu, một Sứ bộ Tây Sơn do cháu vua Quang Trung là Nguyễn Quang Hiển dẫn đầu đã lên đường sang Yên Kinh dâng biểu xin phong vương và triều cống. Sứ bộ còn có Ngô Văn Sở, Võ Huy Tấn, Ngô Vi Quý, Nguyễn Đình Cừ, Nguyễn Văn Danh... đi theo. Nguyễn Quang Hiển mang theo thư của vua Quang Trung, trong đó có đoạn viết:

"... Tôi nổi lên từ Tây Sơn, lấy được đất Quảng Nam trước, đối với nhà Lê vốn không phân biệt trên dưới.

Năm ngoái (1788) đã sai người sang gõ cửa thượng quốc, giải bày duyên cớ gây chuyện với nhà Lê, nhưng vì biên thần

https://tieulun.hopto.org

dìm thư, cho nên không đạt lên được.

Kịp khi quân thượng quốc ra khỏi cửa ải để chực tiến đánh, thì tháng Giêng năm nay (1789) tôi trước đến đô thành nhà Lê, muốn hỏi Lê Duy Kỳ vì cớ sao cầu viện. Chẳng dè quan quân thượng quốc mới thoạt trông thấy đã vội hăng hái giết bừa. Bọn thủ hạ tôi khôn nỗi bó tay chịu trói. Lại gặp cầu sông đứt gãy đến nỗi quan quân có sự tổn thương.

Xiết đỗi sợ hãi, nhiều lần tôi phải sai người sang gõ cửa ải tạ tội và xin đưa trả những quan quân còn sót lại. Còn người giết hại quan Đề trấn Hứa Thế Hanh thì chính tôi đã trông thấy phải trị tội.

Đáng lẽ tôi phải thân đến cửa khuyết giải trình tạ tội là phải, ngặt vì nước tôi vừa mới qua cơn binh lửa, nên phải kính sai cháu tôi là Nguyễn Quang Hiển theo biểu vào chầu..."

Việc đón tiếp Sứ bộ của Tây Sơn ở tất cả các nơi đều rất long trọng. Khi Sứ bộ ra về, để tỏ tình thân mật yêu quý vua Quang Trung, vua Càn Long gửi tặng vua Quang Trung một chuỗi ngọc trân châu.

6. VUA CÀN LONG CHO VẼ TRANH SỨ BỘ NGUYỄN QUANG HIỂN VÀ TỰ ĐỀ THƠ

Sau chiến tranh Kỉ Dậu, để chống chế cho việc thua trận và vớt vát thể diện trong ngoại giao, khi Triều Tây Sơn ngỏ ý cầu hòa, Vua Càn Long đã cho khắc bộ tranh "*Bình định An Nam chiến đồ*" và tự tay viết thơ đề tựa. Bộ tranh này gồm 6 bức: năm bức trên vẽ lại các trận giao tranh, bức thứ 6 là "cảnh Sứ bộ Tây Sơn là Nguyễn Quang Hiển bệ kiến vua Càn Long". Theo lời lạc khoản "Càn Long Kỉ Dậu trọng thu (chi nguyệt) ngự bút" thì đây là thủ bút của nhà vua được viết vào tháng 8 năm Kỉ Dậu (1789) tức là chỉ 8 tháng sau khi chiến sự Việt - Thanh kết thúc. Nếu kể việc Sứ bộ Nguyễn Quang Hiển vào bệ kiến ngày Mậu Thân (ngày 24) tháng 7 cùng năm, thì bức

https://tieulun.hopto.org

tranh về Sứ bộ Nguyễn Quang Hiển được vẽ sau khi Sứ bộ đến Bắc Kinh khoảng 1 tháng.

Theo sử sách còn ghi lại thì vua Càn Long chỉ bỏ công ngự chế và ngự bút văn thơ cho một số ít các vũ công hiển hách nhất trong triều đại của mình. Qua đó, ta thấy tầm quan trọng của các cuộc chiến lúc đó và việc ngoại giao với triều Tây Sơn. Trong quan hệ ngoại giao giữa ta và Trung Hoa, có lẽ hiếm có một Sứ bộ nào của ta lại được vua Trung Hoa sai vẽ ghi lại và đề thơ như vậy.

Sau đây là Tiểu dẫn và bài thơ. (Bản dịch của Nguyễn Quốc Vĩnh. Đồ hình vẽ cảnh Nguyễn Quang Hiển là cháu của Nguyễn Huệ được sai vào bệ kiến và ban cho ăn yến).

"Sau khi Lê Duy Kì phục hồi lại đất nước thì không có tài để tự lập, vừa nghe Nguyễn Huệ trở lại, bèn tức khắc bỏ trốn sang nội địa (nước ta). Ta chỉ thờ trời, sao dám chẳng trừng trị sự vi phạm quá quắt, để lại dấy binh bao che cho hắn phục quốc vậy. Sau đó theo như Phúc Khang An tâu rằng Nguyễn Huệ ba bốn phen kêu xin khẩn khoản, hối tội quy thuận, đều xuất phát từ lòng chí thành. Ta cũng chẳng muốn làm ra quá đáng, nhân đó bèn thuận theo lời hắn xin triệt binh. Nguyễn Huệ sai cháu mình là Nguyễn Quang Hiển vào bệ kiến tỏ lòng thành, lại còn nói rằng sang năm sẽ đích thân đến tận nơi cửa khuyết triều đình mà chúc mừng việc sửa trị, nhân đó mà xin sắc phong. Hôm trước đã nhận biểu văn (ta) khen cho lời lẽ của y rất đỗi chân thành, gấp mong được Thi n triều phong hiệu mà làm vinh hiển, bèn tức khắc sắc phong cho làm An Nam Quốc Vương. Nay khi Nguyễn Quang Hiển đến tận sơn trang đúng dịp lễ tiết vạn thọ (của ta) nên lệnh cho hắn được cùng dự tiệc yến một thể, lấy đó mà tỏ rõ ân vi".

"Ai giỏi thắng người chẳng dụng binh?
Đánh cho biết sợ, phục nên thành.
Họ Lê đáng xót vì trời ghét
Nhà Nguyễn mừng cho được phúc lành.
Vốn đã thu này sai cháu đến,
Sang năm sẽ lại tự thân hành.

https://tieulun.hopto.org

Chân thành đến vậy, phiên bang hiếm,
Sao nỡ chẳng khen đặng hiển vinh."

7. ÉP SỨ NHÀ THANH PHẢI VÀO THUẬN HÓA PHONG VƯƠNG

Sau thất bại về quân sự, nhà Thanh dù không muốn đến trăm lần cũng phải "ngậm bồ hòn làm ngọt", nhận lời phong vương cho Quang Trung. Nhưng để vớt vát chút thể diện cho Thiên Triều, Vua Càn Long hứa sẽ phong tước cho Quang Trung vào năm Canh Tuất khi Vua Quang Trung sang mừng thọ Vua Càn Long 80 tuổi. Sang kinh đô nhà Thanh để được phong vương thì còn gì là tự trọng, tự hào đối với người vừa thắng trận. Song nếu gay gắt và công khai nêu ý đó thì cũng không đem lại sự hòa hiếu cần giữ gìn để chuyên tâm lo việc nước và củng cố thế lực, Vua Quang Trung, trong thư trả lời Phúc Khang An, đã lấy lí do là nếu chưa được sắc phong mà sang kinh đô nhà Thanh để chúc thọ thì sợ ngượng với các nước phiên thuộc và đòi Vua Thanh phải phong tước cho mình trước khi sang. Phúc Khang An thấy thế đã dọa Quang Trung là nếu không được Vua Thanh phong tước thì danh phận không chính, bề tôi và dân chúng đều theo ngoài mặt mà trong lòng không phục. Sau đó, không đòi Vua phải đến kinh đô nữa mà hứa khi Quang Trung đi mừng thọ, qua khỏi cửa ải Nam Quan sẽ được phong ngay; và nói Vua Thanh sẽ phong cho Quang Trung làm Thân vương, nghĩa là cao hơn cả Quân vương một bậc. Nhưng Vua Quang Trung vẫn một mực từ chối không chịu đi. Thư của Vua viết "Nếu cứ đợi sau khi đến cửa quan mới ban phong điển, thì người biết nói rằng triều đình đã định sẵn, người không biết lại nói tại Hoàng đế phân biệt đối xử. Mỗi người nói một cách, ngoa truyền sai sự thật, lại phiền một phen phải trần tình nữa, sao bằng sớm định ngày cho nhất trí".

Vua Thanh phải xuống thang lần nữa, không đòi vua Quang Trung sang khỏi ải Nam Quan mới phong vương mà đã

https://tieulun.hopto.org

cử sứ thần sang Thăng Long phong vương. Lần này Quang Trung nhận lời, nhưng cáo ốm, từ chối ra Thăng Long nhận sắc phong mà đòi sứ thần nhà Thanh phải vào Phú Xuân.

Sứ thần nhà Thanh là Thành Lâm, Hậu bổ tỉnh Quảng Tây, vâng mệnh Vua Thanh mang sắc phong sang. Khi mới đến cửa Nam Quan đã nhận được thư của Vua mời vào Phú Xuân.

Thư thứ nhất có đoạn viết:

"Hiện nay hãy tạm hoãn việc xây đô thành (Nghệ An), sai tướng sĩ bản bộ sắp sửa sẵn sàng ra thành Thăng Long chầu đợi để bái sắc thư và kính cẩn nhận lĩnh.

Những nghĩ khí hậu bản quốc, từ Thanh Hóa ra Bắc hay lụt vào mùa hè, tiểu phiên định đến hạ tuần tháng Tám thì từ Nghệ An sẽ lên đường ra Thăng Long, người ngựa đi đến đâu thì cầu cống trên sông bến ở đó tất phải một phen tu bổ sửa sang mới tiện đi lại. Như vậy không khỏi chậm mất ngày giờ một chút. Xin hẹn vào trung tuần tháng Chín mới đến Thăng Long được.

Tôi đã kính cẩn phi sức cho các tướng đóng giữ thành Thăng Long là Phan Văn Lân và Nguyễn Văn Danh tuân theo điều lệ từ trước: kíp sửa cầu cống đường sá và quán trạm cần dùng ở dọc đường. Lại xin lựa lấy các viên mục văn võ lên cửa Quan kính đệ. Ngoài những giấy tờ trình bẩm Tả giang Lâm đạo quan, nhờ chuyển báo lên những đại viên vào việc tiếp đón và hẹn chọn ngày tốt vào thượng tuần tháng Chín sẽ mở cửa ải để tiến trình, còn những biểu văn và nghi vật tạ ơn thì đợi tiểu phiên (Quang Trung) sau khi lĩnh sắc thư mới dám kén lựa viên mục đi gõ cửa ải mà đệ sang".

Đấy là lá thư thứ nhất nói Vua sẽ ra Thăng Long nhưng vin cớ đường sá hư hỏng nên phải chậm trễ để chuẩn bị thoái thác không ra Thăng Long. Đến bức thư sau, Vua Quang Trung lại viện cớ có đến hơn một trăm chiếc thuyền lạ trưng cờ Thanh và khí giới Thanh đang cướp bóc dân cư miền duyên hải nên phải quay về Phú Xuân, không ra Thăng Long được.

"Ngày 27 tháng này (tháng 8 Kỷ Dậu) tiểu phiên từ tân ấp

https://tieulun.hopto.org

Thành Nghệ An phải tức tốc lên đường, luôn đêm quay về Thành Phú Xuân ở Thuận Hóa để chuẩn bị việc đề phòng. Kính xin ủy thác con đẻ là Nguyễn Quang Thùy, võ thần thần là Ngô Văn Sở, văn thần thần là Loan Hồi Đại và Ngô Thì Nhậm, kính đến thành Thăng Long, đợi đón sắc sứ đại viên để mời tạm dừng ngựa nghỉ chân ở nhà công quán Gia Quất, bên bờ sông Phú Lương thuộc đô thành...".

Đến lá thư sau thì vua Quang Trung đã tìm mọi cách để không ra Thăng Long nhận phong vương như thường lệ trước đây. Vua nói là Thăng Long đã "hết vượng khí, cung khuyết hoang tàn..." định đóng đô ở Nghệ An nhưng chưa xây xong cung điện nên tạm đóng ở Phú Xuân... gần đây lại cảm chứng thương hàn nên không ra Thăng Long được... Đón chữ Vua (Càn Long) tuyên bảo cần phải ở chỗ đô hội sum họp mới yên tâm (Phú Xuân)...

"Từ khi nhà Lê mất quyền thành Thăng Long đã tiêu hết vượng khí. Tản Viên là núi có mạch chạy xuống đã băng mất ngọn dưới và ngọn trên. Nước sông Phú Lương bồi lấp mất hậu đầu. Gần đây hơn trăm năm nội nạn không yên, ngoại hoạn dồn dập. Gia dĩ vài năm nay tao loạn, cung khuyết hoang tàn đến một nửa cư dân trong thành cũng lại thưa thớt...

... Bói trông Nam Hà và Bắc Hà ở bản quốc chỉ có Nghệ An là đất trung đô. Tiểu phiên chọn đóng ở đây là muốn để khống chế cõi Nam, nhưng cuộc kinh doanh mới bắt đầu, đền đài chưa xong trọn.

Đô thành Phú Xuân sinh tụ dần thành chỗ đông vui..."

Sứ thần nhà Thanh là Thành Lâm cho thế là trái lệ từ xưa đến nay nên nhất định không vào Phú Xuân. Vua Quang Trung cũng găng, không buồn ra Thăng Long để nhận tờ sắc phong của "Thiên triều chiến bại" nên cứ tìm mọi cách để thoái thác mà không lo sợ gì. Việc làm này xưa nay chưa từng có. Nhưng rồi sau đó Quang Trung cũng muốn cho êm đẹp, nhà Thanh đã chính thức phong cho Quang Trung làm An Nam Quốc vương. Về mặt pháp lí, nhà Thanh không công nhận nhà Lê nữa. Bọn

https://tieulun.hopto.org

Lê Duy Kỳ không còn lí do gì để hoạt động phục quốc trên đất nhà Thanh. Bọn cựu thần nhà Lê ở trong nước cũng không còn lí do gì chính nghĩa để hoạt động chống phá Tây Sơn nữa, Quang Trung đã sai cháu ngoại là Phạm Công Trị mạo thay Nhà Vua đứng nhận phong ở Thăng Long. Còn sắc và ấn của vua Thanh ban thì đến ngày 12 tháng Chạp năm Canh Tuất (1790) khi Giả vương nước Nam (Phạm Công Trị) sang Yên Kinh chúc thọ vua Càn Long, đến ải Nam Quan, có sai lũ bồi thần là Nguyễn Văn Danh và Ngô Văn Sở đem bọn vệ sĩ Chiêu Đức Đài nhận lĩnh vào ngày hôm sau là 13 tháng Chạp Canh Tuất.

Như vậy là từ khi nhận được tin vua Càn Long phong vương ngày 26 tháng 7 năm Kỷ Dậu (sau 7 tháng chiến thắng ở Đống Đa) mãi đến cuối năm sau mới nhận sắc và ấn, đủ biết rằng Quang Trung cũng rất coi nhẹ việc phong này.

8. SỨ THẦN TÂY SƠN SANG TRUNG HOA MUA NHÂN SÂM

Trong bối cảnh, vua quan nhà Thanh tìm mọi cách để hòa hoãn ở biên cương phía Nam, quan hệ ngoại giao giữa nhà Thanh và Tây Sơn ngày càng tốt đẹp. Vua Càn Long là một vị vua tài giỏi của triều đình Mãn Thanh, đã đánh chiếm Tân Cương, Tây Tạng và Đài Loan, đã nhìn nhận thấy thiên tài quân sự của Quang Trung. Sau khi nhận tờ biểu "nộp lòng thành" của Quang Trung và tiếp cháu vua là Nguyễn Quang Hiển bệ kiến ở Yên Kinh, Càn Long đã ban chuỗi trân châu, phong vương cho Quang Trung, và còn ban cả thọ nữa. Sau này, khi biết tin mẹ Vua Quang Trung ốm mệt Vua Thanh đã ban cả một cân nhân sâm tốt nhất hạng nữa. Câu chuyện đó như sau:

Năm Kỷ Dậu, mẹ Vua Quang Trung đã tuổi 80, nên ốm yếu, cần nhân sâm để bổ dưỡng. Vua Quang Trung đã cho Sứ thần là Nguyễn Hoành Khuông sang Thanh giao dịch với Phúc Khang An, có đem theo một bức thư trong đó Nhà Vua dặn Sứ thần Khuông mua sâm cho mẹ. Vua liệu trước rằng bức thư đó

https://tieulun.hopto.org

sẽ lọt tới tay bọn quan lại nhà Thanh và khi đã hay biết vua Quang Trung cần mua sâm cho mẹ thì lẽ tất nhiên, họ sẽ lấy lòng khách chiến thắng và sẽ mang sâm đến biếu mà không cần phải mua.

Tổng đốc Phúc Khang An xem được thư, không lẽ làm ngơ, nên đã kiếm ngay 4 lạng nhân sâm giao cho Thang Hùng Nghiệp, cắt người ruổi ngựa đưa sang ngay tận Lạng Sơn để chuyển đạt lên vua Quang Trung.

Việc dặn sứ thần Nguyễn Hoành Khuông mua sâm của Vua Quang Trung được Phúc Khang An báo lên đến Vua Càn Long. Vua Thanh liền sai mở kho thượng phương, lấy một cân nhân sâm tốt nhất hạng cho người gửi sang biếu Quang Trung kèm theo lời dụ:

"... Quốc vương (Quang Trung) nhân vì mùa xuân năm nay (1790) sang chầu chúc phúc, muôn dặm đi xa phải tạm nhãng việc định tỉnh nên có dặn bọn bồi thần mua nhân sâm để phụng dưỡng mẹ già. Thế đủ thấy rằng Quốc vương đã chăm tỏ tấc thành chiêm cận, lại tha thiết lo việc thần hôn. Thật là trung hiếu kiêm toàn, đáng khen đáng chuộng lắm lắm.

Vậy ban cho một cân nhân sâm để giúp mẹ Khanh tẩm bổ tuổi già. Nếu giao cho bọn Nguyễn Hoành Khuông, thì e không kịp đem về trước khi Quốc vương khởi trình.

Vậy phải đặc cách cho chạy ngựa trạm, giao sâm cho tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh sai người đem đến ải Nam Quan chuyển giao cho Viên trấn mục nước Nam để lên Quốc vương thu nhận."

Thế là vua Quang Trung không phải mua, lại 2 lần nhận được sâm biếu từ Thiên triều, một thứ thuốc rất quý ở thời đại bấy giờ. Trong một tờ dụ khác, vua Càn Long đã nói cái đặc ân ấy:

"Nhân sâm không phải là của dễ kiếm được, thế mà Thiên triều ban cho như vậy, thật là cái ơn chan chứa ngoài lệ thường".

Phúc Khang An cũng cho biết đó là "một ân to lạ lùng", không những các phiên thần thuộc quốc không bao giờ được, mà cả đến các bậc thân quý trong triều đình cũng không bao

https://tieulun.hopto.org

giờ dám mộng tưởng đến!

Sứ thần Nguyễn Hoành Khuông sang Yên Kinh nhằm chuẩn bị cho việc Vua Quang Trung sang chúc mừng Vua Càn Long thượng thọ vào cuối năm.

Nhận được sâm của Vua Càn Long, Vua Quang Trung sai viết biểu tạ ơn trong đó có câu:

"Thần hữu mẫu, hữu thân, báo đáp ngưỡng bằng ư đại tạo.
Quân vi sư, vi phụ, sinh thành thâm kí ư long chiêm".

Dịch:

"Tôi có mẹ già, báo đáp nhờ công ơn gây dựng lớn.
Ngài là sư phụ, sinh thành mong tắm móc mưa rào".

9. ĐỜI BÃI BỎ LỆ CỐNG NGƯỜI VÀNG

Sau chiến thắng Chi Lăng, vua Lê phải cống người vàng thế mạng Liễu Thăng, bị quân ta giết chết. Từ đó mỗi khi triều đại thay đổi lại phải đúc người vàng cống Thiên triều. Vào thế kỉ XVI sau khi đoạt ngôi nhà Lê, Mạc Đăng Dung đã đúc người vàng đem cống vua Thế Tông nhà Minh. Sau này Tây Sơn đánh bại Tôn Sĩ Nghị, Triều Thanh ra điều kiện đòi An Nam phải cống người vàng như các triều đại trước. Phúc Khang An là Tổng đốc Lưỡng Quảng đã đòi cống người vàng. Lệ cống người vàng là lệ của kẻ mạnh bắt kẻ yếu phải theo. Tây Sơn sau chiến thắng Đống Đa, không phải là yếu như Mạc Đăng Dung nên nhất định không chịu theo lệ ấy, đó là một lệ xâm phạm đến danh dự và thể diện một dân tộc. Thiên triều đã bại trận thì đâu có thể định lệ ấy bắt kẻ chiến thắng tuân theo. Vì vậy Vua Quang Trung đã sai Ngô Thì Nhậm thảo một bức thư bác bỏ ý định đó của vua quan nhà Thanh và sai sứ đưa sang cho Phúc Khang An ở Quảng Tây. Bức thư phản kháng này được chép trong *Bang giao hảo thoại* của Ngô Thì Nhậm. Thư có đoạn viết:

"... Xưa các đời Trần, Mạc, vì có tội với Trung Quốc nên phải dâng người vàng để thế hình.

https://tieulun.hopto.org

Quốc trưởng nước tôi từ trước là một người áo vải, nhân thời thế, vùng lên làm việc. Đối với Lê vương, vốn không có cái vai lứa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay mất là do ở số trời, theo hay bỏ là do ở lòng người. Quốc trưởng nước tôi có ý lấy nước của vua Lê mà đem sánh với kẻ tranh giành cướp đoạt?

Vả lại, trước đây Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị đem binh lính sang, Quốc trưởng nước tôi bất đắc dĩ phải ứng phó lại chứ không hề xâm phạm bờ cõi của quý quốc để có tội.

Nay thấy ngài (Phúc Khang An) theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, vậy thì Quốc trưởng nước tôi được nước một cách quang minh chính đại té ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận từ tấc thành sợ Trời, thờ nước lớn lại phải chịu chung một lệ như nhà Trần giết Ô Mã Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư?

Như vậy kể về tình thì quốc trưởng nước tôi bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy.

Xưa kia chư hầu triều kiến thiên tử, hoặc chực ở phương nhạc hoặc chầu ở kinh sư. Ai đi chầu được thì tự mình đến, ai không đi được thì sai con em vào hầu, chỉ cốt dâng ngọc thám tỏ đồ tin, để cho cái tình trên dưới được thông suốt. Đến như bắt lấy người vàng thế hình vào chầu, thì suốt từ Đường, Ngu, Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tống chưa làm thế bao giờ.

Ngài đã rao truyền tiếng tăm giáo hóa của thượng quốc, cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều đại thịnh trị của đời xưa mà sai bảo các nước dưới, chứ bắt chước làm gì việc làm của Nguyên, Minh không chịu học theo cổ ấy.

Mong người soi xét miễn cho sự đúc dâng người vàng...".

Phúc Khang An phải tâu về vua Thanh và vua Thanh đã không thể không đồng ý vì "bắt chẳng được thì đành tha làm phúc" vậy. Vào năm 1790 khi đón tiếp vua Quang Trung giả sang Yên Kinh Vua Càn Long làm thơ tặng Quang Trung giả đã phải ghi nhận việc bãi bỏ lệ cống người vàng trong câu thơ:

"Thắng triều váng sự bỉ kim nhân!".

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là: (Nhà Thanh cho rằng) các triều trước bắt cống người vàng là đáng khinh bỉ!

Từ đó lệ cống người vàng đã bị bãi bỏ. Trước đây cũng đã có nhiều sứ thần Việt Nam đời Lê như Phùng Khắc Khoan Nguyễn Công Hãng đòi bãi bỏ lệ này và Thiên triều cũng đã có lần phải chấp nhận.

10. "TỪ TRƯỚC ĐẾN GIỜ, NGƯỜI MÌNH ĐI SỨ TRUNG QUỐC, CHƯA CÓ LẦN NÀO LẠ LÙNG VÀ VẺ VANG NHƯ THẾ".

Đó là nhận xét của Đoàn Nguyên Tuấn, một người trong đoàn Sứ bộ phù tá vua Quang Trung (giả) sang triều cận Vua Càn Long nhà Thanh ở Yên Kinh năm 1790.

Sau khi phong vương cho Quang Trung, Vua Càn Long muốn thắt chặt tình giao hảo giữa 2 nước nên nhân dịp "Bát tuần vạn thọ" (mừng thọ vua 80 tuổi) đã giao cho Phúc Khang An dụ mời Quang Trung sang Yên Kinh. Quang Trung vừa chiến thắng, không khi nào chịu đi chầu vua một nước vừa bị mình đánh bại. Hơn nữa trong lịch sử dân tộc chưa có vị vua nào chịu sang chầu vua Trung Hoa trừ trường hợp Mạc Đăng Dung vào năm 1529, sau khi đoạt ngôi vua, đã đi chân đất, cổ đeo thừng đến dinh tướng nhà Minh là Mao Bá Ôn ở Quảng Tây để xin hàng. Các vua nhà Trần, mặc dầu quân Nguyên đem quân sang đe dọa và xâm chiếm 3 lần, cũng cương quyết không chịu sang chầu. Vì vậy không có lí do gì để vua Quang Trung lại sang nhà Thanh dù là để mừng thọ cùng vua các nước lân bang của Trung Hoa.

Sứ bộ Việt Nam do Ngô Thì Nhậm dẫn đầu đã lên Lạng Sơn để bàn bạc cùng quan lại nhà Thanh và cho biết là mẹ vua vừa tạ thế ngày 28 tháng Giêng nên đang có tang không thể đi dự được. Sau đó hai bên cùng muốn yên chuyện và được việc nên thống nhất là phía An Nam sẽ cử một người đóng giả vua để sang Yên Kinh rồi báo cho vua Càn Long biết là vua Quang Trung sẽ sang. Sứ bộ An Nam do vua Quang Trung dẫn đầu

https://tieulun.hopto.org

sang mừng thọ vua Càn Long gồm có 159 người:

1. Một người là vua.
2. Bảy người là bồi thần.
3. Một người là vương sanh.
4. Mười sáu người là phiên dịch.
5. Một là phù tiết lang.
6. Chín người là hành nhân.
7. Mười hai người là nhạc sinh.
8. Ba mươi người là hộ vệ viên.
9. Bảy mươi ba người là tùy nhân.
10. Chín người là quản tượng.

Người đóng vua Quang Trung giả là Phạm Công Trị, con thứ của vua là Nguyễn Quang Thùy, các bề tôi tin cậy có Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chấn, Phan Huy Ích, Vũ Văn Tấn... đều theo hầu.

Ngày 29 tháng 3 năm Canh Tuất, Sứ bộ khởi hành từ Nghệ An. Ngày 13 tháng 4 thì tới Lạng Sơn, trước định đến ngày 29 tháng 3 đến Nam Quan. Theo lệnh của Triều đình Thanh, Tổng đốc Lưỡng Quảng là Phúc Khang An phải ban tống An Nam Quốc Vương từ Nam Quan đến Yên Kinh, nếu đi đường thủy phải có thuyền, đi đường bộ phải có kiệu hoặc ngựa, đi đến đâu nơi đó phải treo đèn kết hoa, tiền chi phí ăn uống dọc đường do triều đình chịu.

Nghe tin Nguyễn Quang Thùy cùng đi với Quang Trung, vua Càn Long tưởng Thùy là thế tử của Quốc vương nước Nam, đã đặc cách ban chỉ phong Thùy làm thế tử, nhưng khi biết Quang Toản là con trưởng thì đã có chế sách phong Quang Toản làm thế tử và vẫn ban tặng cho Quang Thùy những đồ ban từ trước như: một đôi ngự dùng hà bao lớn, hai đôi hà bao nhỏ, bốn hộp hương khí. Khi nghe tin Quang Thùy bị ốm dọc đường, vua Thanh lại thưởng cho Quang Thùy một cái như ý bằng ngọc và kèm thêm những lời chúc lành: "Để làm điềm tốt lành lớn tức, khắc ngày nay qua khỏi, yên lành". Vua Thanh lại dụ cho Phúc Khang An phái người hộ tống cho vương tử Quang

https://tieulun.hopto.org

Thùy về trước điều trị và đưa tới cửa ải Nam Quan.

Sứ bộ ngoài việc mang theo các cống phẩm theo lệ thường còn mang biếu 2 thớt voi. Hai thớt voi này giao cho quan quân nhà Thanh áp giải về kinh đô vì vậy nên quân lính phải phục dịch rất vất vả.

1. Việc đón tiếp dọc đường đi

Dọc đường đi, Sứ bộ đã được ưu đãi, yến tiệc. Theo lời khai của quan lại mỗi ngày hết cả thảy 3000 lạng bạc chi phí (nhưng thực tế mỗi ngày chỉ hết 2 lạng bạc). Khi có vật ngon hoặc lạ, vua Càn Long đều sai chạy ngựa trạm đem đến cho đoàn. Lúc mới đến biên giới, vua Thanh đã sai tặng bánh sữa, quạt và đồ hương khí. Vua Thanh lại sai chế áo mão đúng kiểu để cấp cho Quang Trung khi tới kinh. Lại ban cho một đai bằng da có nạm vàng (hoàng kim thính đới) và dặn cứ dùng khi đi đường. Vua Càn Long vừa in xong tập thơ cũng sai quân lính mang tặng. Vua Thanh lại sai bãi bỏ lệnh gửi thư không được dán kín trước đây (để kiểm duyệt) đối với Sứ bộ lúc đó. Vào ngày 24 tháng 6 khi Sứ bộ đến Hứa Châu, (cách Nhiệt Hà, nơi Vua nghỉ, hơn 2.100 dặm) để tỏ lòng quý trọng Vua Nam, Càn Long đã cho chạy ngựa trạm đến biếu Vua ta 5 quả vải tươi (tặng Vua 2 quả, Phúc Khang An 2 quả, Ngô Văn Sở 1 quả). Vua Thanh dặn Phúc Khang An nói với Quang Trung về tình cảm ân cần quý mến của Vua như sau: "Vải sản ở phương Nam, An Nam cũng có của này, tưởng không quý mấy. Nhưng ở kinh đô bên này, không hề có vải, mỗi năm phải do Mân Nam dâng tiến, nên rất quý. Trừ phi bậc vương công, đại thần thì không được thưởng cái ân khác thường ấy. Nay đặc cách cho chạy trạm đem đến ban thưởng, thật là một thứ ơn ban ngoài lệ thường. Lại nghĩ Ngô Văn Sở là bầy tôi thân tín và đắc lực của Quốc Vương, chuyến này Sở lại nài xin mấy lần xin cùng đi để chiêm cận, đáng khen tấm lòng thành đó. Vậy nên Sở cũng được thưởng cái ân này". Trước đó khi nhà bếp của Vua Thanh chế được một thứ bánh sữa dâng Vua, Vua đã cho chạy ngựa

https://tieulun.hopto.org

trạm đem bánh sữa tặng Vua nước Nam. Khi gần đến Yên Kinh, Vua còn cho ngựa chạy đến tặng đoàn: 5 tấm đoạn ngoài, 5 tấm đoạn trong, bốn tấm gấm, 4 tấm đoạn bông, 4 tấm đoạn vây, 1 đôi hà bao lớn, 2 đôi hà bao nhỏ và nhiều vóc, đoạn khác.

2. Vua Quang Trung (giả) đến Yên Kinh

Tháng 7 năm Canh Tuất (1790) Sứ bộ An Nam đến Yên Kinh vào lúc lễ vạn thọ đã cử hành, vua Càn Long đi nghỉ mát ở Nhiệt Hà. Nhà Vua cho mời đoàn đến Nhiệt Hà. Khi vào bệ kiến Vua Thanh tại hành cung ở Nhiệt Hà, An Nam Quốc Vương được tiếp đãi rất trọng hậu, không những không bị trách vì đi chậm mà còn được ban thưởng rất nhiều. Vua Quang Trung được tặng một viên ngọc như ý, một tòa Ngọc Phật, và nhiều phẩm vật quý từ kho của Vua. Nhà Vua tặng cả đoàn 1 vạn lạng bạc, tặng Ngô Văn Sở một cái mũ san hô tam phẩm.

Trong khi dự yến chúc thọ Vua Càn Long, các nhạc công nước ta đã hát 10 bài từ khúc chúc mừng Vua Thanh do Phan Huy Ích sáng tác. Mười khúc diệu ấy là: 1. Mãn đình phương, 2. Pháp giá dẫn, 3. Thiên thu tuế, 4. Lâm Giang Tiên, 5. Thu ba tế,. 6. Bốc dương tử, 7. Yết kim môn, 8. Hạ thánh triều, 9. Lạc xuân phong, 10. Phượng hoàng các.

Vua Thanh nghe, khen ngợi và thưởng cho các nhạc công tiền, lại sai kén 10 người Trung Hoa cho ăn mặc theo lối Nam, học hát tiếng Nam và sau đó cùng phối diễn.

Vua Càn Long làm bài thơ tặng Vua Quang Trung với lời lẽ rất tôn trọng và chan chứa tình cảm.

(Tạm dịch):

Nước ngoài vào chúc phúc, gặp lúc ta đương đi tuần,
Mới gặp nhau lần đầu mà thân mật y như quen đã từ lâu
Từ xưa, chưa nghe nói vua nước Nam đến triều cận bao giờ.
(Nhà Thanh cho) việc triều trước đã bị diệt, đòi cống người vàng là đáng bỉ!
Việc Thiên triều vỗ về người xa là một trong chín đạo cai trị,
Vận nhà Thanh được lâu dài muôn nghìn xuân.

https://tieulun.hopto.org

Vua đã sai Phan Huy Ích họa lại như sau:

(Tạm dịch):

Lên nơi quan tái, sang triều cận, gặp lúc vua ngự xe ngọc lộ đi tuần thú,

Tấc lòng tôn thần, thành thật như cây quỳ hướng về mặt trời.

Bể Quế lặng sóng (nước Nam) giữ pháp độ làm nước chư hầu,

Đến chỗ thềm mọc cỏ minh giáp, dưới bóng mặt trời, thấy thánh nhân (vua Thanh).

Muôn dặm trèo non vượt biển để quy phụ nhà vua,

Mưa móc xuống từ chín tầng trời, cây cỏ được tắm gội trong bầu "nhất thị đồng nhân".

Ngửa thấy vua theo tượng Kiền (Trời) vận hành không nghỉ ngài tất hưởng thọ vô cùng.

Khắp gầm trời đâu cũng được hả hê báng xuân của đời Đế.

Vua Thanh đã châu phê là "Thơ hay và êm".

3. Vua Quang Trung (giả) lên đường về nước

Ngày 20 tháng 8 năm Canh Tuất (1790) vua Thanh đặt tiệc tiễn Sứ bộ ta ở đền Chính Đại Quang Minh. Hai sứ thần nước Nam là Phan Huy Ích và Vũ Huy Tấn được đặc cách vời đến ngự tọa Vua Thanh, được ban thứ rượu "đề hồ" đựng trong chén bích ngọc do chính tay Vua Càn Long rót mời.

Khi Vua Quang Trung giả vào bệ kiến xin từ biệt, Vua Thanh đã mời vào bên giường ngự, lấy tay vỗ vai thân mật, lại sai họa công vẽ một bức chân dung đưa tặng làm kỉ niệm.

Ngày 29 tháng 11 năm Canh Tuất thì lên đường về nước, qua cửa ải Nam Quan. Hằng năm Vua Thanh vẫn thân viết chữ "Phúc" để tặng các vương công đại thần. Nay vua Thanh muốn tặng món quà đó cho Vua Quang Trung nên đã phải viết từ sớm để trao tặng Vua Nam, Vua Thanh lại tự viết bốn chữ đại tự "củng cực quy thành" (Triều củng sao Bắc thần, thật lòng theo về với) và đôi câu đối:

"Chúc hỗ hiệu tôn thân, vĩnh thỉ đan thầm tri phát thệ,

Cận quang ưng sủng tích, tái kê thanh sử vị tiền văn".

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa là:

"Sang chúc phúc tỏ ý hết lòng tôn thân ghi tạc lòng son lâu dài không bỏ.

Thân đi triều cận được ân sủng, xét suốt sử xanh trước giờ chưa hề thấy có ưu đãi như thế bao giờ".

Ngoài ra còn tặng thêm: một hộp các trái cây đã làm thành mứt để dùng ở dọc đường nhưng dặn là không phải viết biểu tạ ơn, một đôi hà bao lớn trong đựng đồ bát bảo bằng các thứ ngọc thạch nhiều màu sắc. Vua Thanh đã viết chữ "Phúc" lại còn viết chữ "Thọ" tặng vua Nam để làm quà tiết xuân mới.

Quan nhà Thanh là Trần Dụng Phu đã hộ tống suốt dọc đường về tới Nam Quan.

Theo *Đại Thanh thực lục* triều đình nhà Thanh đã phải bỏ ra 800.000 lạng bạc để chi tiêu vào việc đón tiếp Vua Quang Trung (giả) sang triều cận Vua Càn Long nhân dịp "bát tuần vạn thọ".

11. VÕ TƯỚNG VŨ VĂN DŨNG SANG YÊN KINH DÂNG BIỂU CẦU HÔN CHO VUA QUANG TRUNG VÀ ĐỔI ĐẤT QUẢNG ĐÔNG, QUẢNG TÂY

Năm Nhâm Tí (1792), Vua Quang Trung muốn thăm dò thái độ triều Thanh trong việc đòi lại đất Quảng Đông và Quảng Tây nên đã dâng biểu xin cầu hôn công chúa Mãn Thanh. Vua sai Ngô Thì Nhậm viết tờ biểu. Ban đầu gửi thư cho viên Tri phủ họ Vương nhà Thanh nhờ chuyển lên Cung Trung Đường đề nghị đứng ra làm mối. Thư có viết:

"...Quốc Vương tôi là chủ tể một nước, không thể thiếu tay giúp đỡ nội trị. Nghĩ muốn có cửa ải, dâng tờ biểu, kíp vì Quốc Vương mà cầu hôn, lại e việc là trọng đại, nếu chưa có tay trong dung nạp trước thì đâu dám tự bày tỏ để mang tiếng rằng chưa có rìu đã chực đẵn cây".

Sau đó lại viết những câu mềm mỏng nhưng có lí lẽ:

"Quốc vương tôi nổi lên từ nơi đồng bái, mở đất ở phía Nam

https://tieulun.hopto.org

để có nhân dân xã tắc, đã được Đại hoàng đế dựng làm phiên bình ở ngoài nếu lại được liên kết phủ phế thì các vương Mãn Châu, Mông Cổ có thể lấy tư cách là con rể mà giúp đỡ ở mặt Đông Bắc, Quốc Vương tôi há lại không lấy địa vị Châu Trần mà trổ sức ở phía Tây Nam hay sao?".

Theo gia phả họ Vũ, do Vũ Vĩnh Thứ, cháu 3 đời Vũ Văn Dũng, soạn năm Bính Ngọ (1870) thì vào ngày rằm tháng 4 năm Tân Hợi (1791), Vua sai người đem sắc lệnh cho Vũ Văn Dũng, là đại đô đốc, đang nghỉ giả hạn ở Hải Dương, phong làm Chánh sứ sang Thanh:

"Sắc truyền cho *Hải Dương Chiêu Viễn Đô đốc tướng quân, Dực vận công thần* Vũ quốc công được gia phong chức Chánh sứ đi sứ nước Thanh, được toàn quyền trong việc đối đáp tâu xin 2 tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây để dò ý Vua Càn Long và cầu hôn một vị công chúa để chọc tức. Phải thận trọng đấy. Hình thế trong chuyến dụng binh đều ở trong chuyến đi này. Ngày khác làm tiên phong (đánh Thanh) chính là khanh đấy. Kính thay sắc này".

Ngày 15 tháng Tư năm Quang Trung thứ IV".

Việc chọn một tướng tài giỏi đi sứ và một câu trong sắc chỉ: "*Hình thế trong chuyến dụng binh đều ở trong chuyến đi này*" đã cho ta thấy nhiệm vụ của Vũ Văn Dũng là dò xét tình hình quân sự, địa thế bố trí, chuẩn bị sẵn sàng cho các cuộc hành binh tiến công sau này của Quang Trung. Vũ Văn Dũng đã mang 2 tờ biểu: một tờ cầu hôn và một tờ xin đất Quảng Đông và Quảng Tây để đóng đô.

Vũ Văn Dũng đã sang Yên Kinh, bệ kiến vua Càn Long và trình bày về việc xin cầu hôn là: An Nam Quốc Vương tuổi đã lớn mà hôn nhân chưa định. Trong nước thì mọi người là thần tử cả, con gái các vua láng giềng thì Quốc Vương không ưa, vì vậy phải cầu Đại hoàng đế ban cho một vị công chúa làm Vương phi. Về vấn đề xin đất làm đô thì Vũ Văn Dũng trình bày là An Nam Quốc Vương ở một nước hẻo lánh, đường thủy, đường bộ đều không tiện, vượng khí của đô cũ đã hết rồi vì vậy

https://tieulun.hopto.org

phải xin hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây để đóng đô.

Theo gia phả họ Vũ thì Vua Càn Long đồng ý gả công chúa và chỉ cấp đất một tỉnh Quảng Tây.

Theo nhiều sách trong đó có *Đại Nam chính biên liệt truyện* thì khi Sứ bộ Vũ Văn Dũng đến nơi, được tin Vua Quang Trung mất (ngày 28 tháng 7 năm Nhâm Tí (1792) nên đã dìm tờ biểu xin cầu hôn và xin đất.

Cũng nên nhớ lại Vũ Văn Dũng nhận sắc chỉ, làm Chánh sứ tháng 4 Tân Hợi (1791) lên đường sang Yên Kinh có sớm cũng phải vào cuối tháng 4, có thể đến nơi vào cuối năm 1791 mà Vua mất vào tháng 7 năm 1792, vậy thì việc ỉm biểu cầu hôn đi là khó có. Sứ bộ Ngô Thì Nhậm đã sang đến Yên Kinh báo tang sau đó. Từ đó có thể kết luận là việc cầu hôn và đòi đất là đã đặt ra, nhưng sau đó do Vua mất nên thôi không nêu lại nữa.

12. THƯỢNG THƯ BỘ BINH NGÔ THÌ NHẬM ĐI SỨ NHÀ THANH

Ngô Thì Nhậm sinh ngày 25 tháng 10 năm 1746, người làng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai, nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội. Năm 1765 ông đỗ đầu thi hương, năm 1765 đỗ khoa sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương.

Năm 1775 ông đỗ tiến sĩ, được bổ Cấp sự trung Bộ Hộ, sau đó làm Đốc đồng trấn Kinh Bắc, Đốc đồng Thái Nguyên, năm 1779 làm Hiệu thư ở Tòa Đông Các. Năm 1782, tình hình Thăng Long phức tạp, ông về nghỉ ở Sơn Nam 6 năm. Tĩnh đô vương Trịnh Sâm qua con đường thi cử đã tuyển lựa được Ngô Thì Nhậm, đã nhận xét về viên quan trẻ tuổi của mình như sau: "Ta nuôi (Ngô) Thì Ngậm như nuôi tuấn mã... ngày đi nghìn dặm. Nhưng nếu không biết cách điều khiển thì không lôi kéo được sức nó. Những con ngựa thường, bảo sao nghe vậy, ai mà chả ưa, nhưng chỉ ăn no nằm chuồng, phí cả thóc cỏ...".

Năm 1786, Tây Sơn kéo quân ra Bắc, ông ra làm với Tây

https://tieulun.hopto.org

Sơn, giữ chức Đô cấp sự trung Bộ Hộ. Khi Quang Trung về Nam ông cùng Phan Huy Ích được Nguyễn Huệ giao cho trông coi việc ngoại giao. Năm 1790, ông được thăng Thượng thư Bộ Binh kiêm chức Tổng tài Quốc sử quán.

Nguyễn Huệ đã có nhiều lời nói về Ngô Thì Nhậm như: "Ngô Thì Nhậm vừa là bề tôi, vừa là khách của ta... Có lẽ ý trời muốn để dành người tài cho ta dùng... Đây là người do ta gây dựng lại..." *(Hoàng Lê nhất thống chí)*.

Ngô Thì Nhậm là một nhà ngoại giao tài giỏi vào bậc nhất của nước ta bấy giờ. Những văn kiện ngoại giao của Tây Sơn với nhà Thanh đều do ông thảo, về sau được tập hợp lại trong tập *Bang giao hảo thoại*. Những văn kiện này đã thể hiện tính nguyên tắc về chủ quyền lãnh thổ, danh dự quốc gia với tính mềm dẻo và nhún nhường về xưng hô, quan hệ. Chính ông đã hai lần trực tiếp đi sứ vào những dịp rất quan trọng: lần thứ nhất vào đầu năm 1790 để bàn bạc với Phúc Khang An và Thang Hùng Nghiệp chuẩn bị cho việc Vua Quang Trung (giả) sang mừng thọ Vua Càn Long và lần thứ hai vào năm 1792 - 1793 khi Vua Quang Trung mất.

1. Báo tang vua Quang Trung

Công việc gây dựng lực lượng, cầu hôn và đòi đất Lưỡng Quảng để thăm dò thái độ đối phó của Triều đình nhà Thanh đang được tiến hành thì đột ngột Vua Quang Trung mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý, niên hiệu Quang Trung thứ V (1792). Có sách chép ngày 29 tháng 9 năm Nhâm Tý *(Đại Nam Chính biên liệt truyện)*.

Triều đình một mặt đưa Quang Toản lên nối ngôi, lúc đó mới 10 tuổi (hay 15?), một mặt cử Sứ bộ sang Yên Kinh báo tang. Sứ bộ này do Chánh sứ là Ngô Thì Nhậm dẫn đầu. Khi Ngô Thì Nhậm dâng biểu. Vua Càn Long sửng sốt và phê vào hai chữ *"đáng tiếc"*. Nhà vua thân làm một bài thơ viếng, sau đó sai viên án sát Quảng Tây là Thành Lâm đến Nghệ An làm lễ đọc và đốt bài thơ này trước mộ Quang Trung. Vua lại giao

https://tieulun.hopto.org

cho Sứ bộ một tấm lụa *đại cát đạt* (lụa mỏng và quý của người Mãn dùng để tặng nhau) và 3000 lạng bạc để dùng vào việc làm ma chay cho Vua Quang Trung. Ngô Thì Nhậm lại tâu với Càn Long là trước khi từ trần, Vua Quang Trung đã dặn quần thần phải luôn tôn kính Thiên triều, vì vậy Vua Càn Long đã lấy hai chữ *Trung Thuần* để đặt tên thụy cho Vua Quang Trung. Đồng thời Vua Càn Long cũng phong cho Quang Toản làm An Nam Quốc Vương để chính danh và yên nhân tâm.

Khi Ngô Thì Nhậm dâng biểu báo tang Vua Quang Trung, có thể Vua Càn Long đã ra lệnh cho các quan trong triều làm lễ truy điệu Vua Nam, nên trong bài thơ *Vũ hành* (Đi trong mưa), Ngô Thì Nhậm có viết:

"Thạc tào tòng sự các gia ngạch,
Cá cá bất vong ngã tiên vương".

Nghĩa là:

Tất cả các vị quan to Thiên triều đều cúi đầu làm lễ.

Ai ai cũng không quên Tiên vương của chúng ta.

Trong thời gian đi sứ ở Yên Kinh năm Quý Sửu (1793), Chánh sứ Ngô Thì Nhậm đã được vua tôi nhà Thanh kính trọng và ưu đãi. Ông được "dự yến, xem hí kịch, ban thưởng những vật quý báu, mỗi ngày được ba lần ban các thực phẩm, suốt tuần được dự yến tiệc ca nhạc. Hoàng đế làm thơ, viết văn vào thiếp hoa ban cho..."

2. Ngô Thì Nhậm: Nhà ngoại giao, nhà thơ

Ngô Thì Nhậm đã nói về công việc ngoại giao vất vả của mình trong bài thơ *Kí hành thư thị vũ hiệu trạch* (Ghi hành trình, viết thơ đưa cho Vũ Huy Tấn). Dịch thơ:

Một năm ba bận đến Nam Quan,
Tuyết dãi, mai dầu, tóc đốm sương.
Đá, suối mang theo, người chặt túi,
Khe, non từng tiễn sứ dong cương.
Biên trù gấp rút, dồn thư tín
Cẩm kiếm long đong nhọc bước đường.

https://tieulun.hopto.org

Cùng bạn gắng lên xưa đã hẹn,
Ruổi dong, tin vững tấm gan vàng.

Khương Hữu Dụng dịch

Ông đã nhiều lần tiễn các sứ thần sang giao dịch với triều đình Thanh. Bản thân cũng đi lên Nam Quan nhiều lần những khi có việc trọng đại như lần chuẩn bị cho Vua Quang Trung (giả) sang Yên Kinh và đến khi Vua Quang Trung từ trần thì chính ông dẫn đầu Sứ bộ sang nhà Thanh báo tang và xin phong vương cho Quang Toản. Lần đi sứ xa xôi này có được ghi lại trong bài thơ *Vũ hành* (Đi trong mưa). Dịch văn xuôi:

Đi cả ngày đêm năm trăm dặm đường,
Người và ngựa ruổi giong không dám ngủ.
Quan triều đình hỏa tốc đem chiếu thư,
Viên phiên sứ ruổi sao tuân chiếu chỉ.
Mưa móc từ chín tầng trời làm trơn bánh xe,
Một hồi tối sầm lại một hồi mưa tầm tã.
Tiếng suối kêu to như sấm, nước chảy nhanh như tên,
Người lái đò gọi vang: "Mời ông sang đò!".
Vừa sang khỏi sông đã lại phải leo núi,
Đá núi nhọn hoắt, sắc trời mờ mịt.
Núi vắng tanh chẳng có khói bếp của làng xóm,
Tiếng người nói hình như nghe thấy trên mây.
Cầu ván xa xa, đèn đuốc lập lòe,
Lính đồn thú gọi nhau đến đón rước.
Khói sương mờ mịt chẳng trông rõ mặt người,
Phút chốc đằng đông, một vầng sáng nhô lên.
Núi sông in vào trong mắt tưởng có thể vẽ nên tranh.
Đèn đuốc sáng choang, đêm như ban ngày.
Trong thành Vĩnh Phúc nhân vật phồn hoa.
Lâu đài ven sông san sát như vẩy cá.
Nơi nhà tiếp khách chăng đèn kết hoa suốt đêm,
Sứ thần đang có đau thương, từ chối không dự cuộc vui.
Quan chức và người tùy tùng đều ôm trán,
Ai ai cũng không quên Tiên vương ta.

https://tieulun.hopto.org

Người xưa thường nói đường Tỉnh Hình hiểm trở,
Dù hiểm trở, hễ cẩn thận thì sẽ tốt lành.
Đi xa lên cao cần tự giữ mình,
Thiên vương (vua Thanh) đã hứa cho về nước sớm.

Ngô Thì Nhậm đã tự thuật lại việc đi sứ báo tang Vua Quang Trung mất, vua quan nhà Thanh cũng đều thương tiếc, sứ thần thì đau thương nên đã từ chối các cuộc vui và mong mỏi được sớm về nước.

Lòng tự hào dân tộc của sứ thần Ngô Thì Nhậm đã thể hiện rõ trong bài *Bài ca mỉm cười*, trong đó có đoạn (dịch văn xuôi):

"...Lớn lao thay thầy Chu (Chu Hy).
Lời của đại hiền thực thấu suốt.
Thầy Chu khen các phiên bang phía Tây Nam,
Có nhiều người giỏi văn chương,
Tất nhiên có người mở mang trước,
Không riêng gì Trung Quốc mới là hơn.
Lời bàn rộng ấy thật hợp lòng ta,
Ta về nói cùng các bạn
May mắn thay, chúng ta được sinh ra ở nước Nam.
Đường hoàng đai lưng, dây ấn,
Chớ bảo rằng ta kém văn minh.
Xưa kia đất Việt Thường có bậc kì lão,
Này hãy xem dòng sông Ninh Minh,
Cuồn cuộn nước về Đông.
Nguồn sông phát từ đâu?
Phát từ phương Nam chuyển sang phương Tây Bắc"

Ninh Minh giang kí kiến
(Ghi chép lúc nhìn thấy sông Ninh Minh)

Dịch thơ:

Chẳng đợi Phân Mao nhận Lĩnh Mai,
Bắc Nam ranh giới đã an bài.
Châu Nam núi hướng Vân, Kiềm ruổi,
Ngược Bắc, sông từ Bác, Lãng trôi.

https://tieulun.hopto.org

Mạch đất ẩn tàng do sẵn định,
Ý trời xếp đặt há rằng chơi.
Sách thiêng "định phận" làu làu thuộc,
Lấy bản dư đồ mở lại coi!

Khương Hữu Dụng dịch

Lời chú của tác giả: "Xét châu Ninh Minh, xưa là phủ Tư Minh, đời Thanh đổi là Ninh Minh, có một con sông phát nguyên từ châu An Bắc ở An Quảng (Việt Nam), chạy ngược qua Lạng Sơn ở châu Thoát Lãng và châu Lộc Bình (Việt Nam) rồi chảy vào đất Trung Quốc, dòng sông đi vòng vèo. Tóm lại từ hướng Khôn (tây nam) chảy sang hướng Cấn (đông bắc) cũng có khi từ hướng Đinh (nam hơi xế tây) chảy sang hướng Quý (bắc hơi xế đông), từ hướng Tốn (đông nam) chảy sang hướng Kiền (tây bắc), đó là chầu ngược ở Trung Quốc vậy. Duy có mạch núi từ Vân Nam: Kiềm Châu (tức Quý Châu) kéo xuống đi thẳng xuống Lạng Sơn, An Quảng như hình cánh cung vây quanh hướng về nước ta. Đó là mạch núi hướng vào trong mà mạch nước ra ngoài nên ta vẫn làm chúa tể nước ta. Cái lẽ ấy cũng là do địa thế vậy".

13. NỖI LÒNG PHAN HUY ÍCH TRONG MẤY VẦN THƠ ĐI SỨ

Trong Sứ bộ An Nam do Vua Quang Trung (giả) dẫn đầu sang Yên Kinh chúc mừng Vua Càn Long thọ 80 tuổi có Phan Huy Ích. Lúc trước định đến ngày 29 tháng 3 năm Canh Tuất (1790) đoàn sẽ đến Nam Quan, nhưng mãi đến ngày 15 tháng 5, vào giờ Tỵ, Phan Huy Ích cùng các sứ thần khác mới đến làm lễ ở đài Chiêu Đức (Lạng Sơn). Các quan Đốc phủ và Đề trấn dẫn đầu các viên chức các đạo, đài, phủ, huyện, tiếp đưa lên đường. Ngựa xe cờ xí sáng rực núi khe. Trong không khí trang nghiêm và vinh dự thay mặt cho quốc gia đi sứ. Phan Huy Ích đã nói lên tâm sự của mình trong bài thơ *Xuất quan* (ra cửa ải):

Dịch nghĩa:

https://tieulun.hopto.org

Ải Bắc trời cao, cỗ xe tứ mã chạy đều,
Đầy núi cờ lọng, hộ vệ người đi xa.
Chuyến đi này là hội áo xiêm hòa mục,
Nghĩ mình chỉ là một văn nhân bình thường.
Khúc li câu ngâm xong, vợi tình đất nước,
Tiếng chim kêu hoài rừng núi tạnh quang.
Cánh bằng bay chín vạn dặm trong chớp mắt,
Lần đầu đi sứ tầm mắt mới lạ.

Sứ thần xa quê hương, luôn tâm niệm làm tròn trách nhiệm, được vua giao phó, thỏa chí tang bồng hồ thỉ của đấng nam nhi. Vào những lúc đêm khuya thanh vắng hay sáng sớm trông về phương Nam, Phan Huy Ích không khỏi nghĩ đến quê nhà, nghĩ đến người mẹ đã mất trên ba chục năm nay, nghĩ đến việc giỗ cha khi vào mùa hạ. Nỗi lòng đó được ghi lại chân thật trong bài thơ *Quảng thành công quán cung trị tiên tỉ, hủy thần hựu phụng tiên khảo hạ tế lễ tảo khởi cảm tác* (Khi ở công quán thành Quảng, gặp ngày giỗ thân mẫu, lại gặp kì tế mùa hạ của thân phụ , dậy sớm cảm tác):

Dịch thơ:

Chợt dừng xe ở đất phồn hoa,
Thức dậy tình quê đứa trẻ xa.
Ba chục năm dài mơ bóng mẹ,
Chín nghìn dặm lẻ, giỗ đầu cha.
Mảy may chưa báo ơn người trước,
Xe, mã, càng thêm hổ phận ta.
Dán mắt trời Nam, mây sớm lượn,
Tiếc hoa khôn cầm nét mày sa.

Đào Phương Bình dịch

Sau khi hoàn thành tốt đẹp công việc củng cố mối tình giao hảo hai nước, làm cho Vua Thanh phải kính trọng và quý mến Vua Quang Trung, hiểu thêm nước Nam là nước văn hiến. Trở về đến ải Nam Quan Phan Huy Ích đã nói lên nỗi lòng của một bầy tôi, một người con xa quê hương và cũng tự hào đã làm tròn nhiệm vụ nặng nề. Bài thơ *Hồi trình khải quan* (Đường về mở

https://tieulun.hopto.org

cửa ải) đã cho người sau thấy được tâm tư của nhà ngoại giao Phan Huy Ích.

Dịch nghĩa:

Nguyên dẫn: ngày 29 tháng 11, đến chỗ đóng quân, cởi y phục sứ thần, mặc y phục nước nhà, từ biệt các vị quan hộ tống. Sáng hôm sau, tới ải Nam Quan, gặp người bà con là quan Binh Bộ, hỏi thăm và biết được tin nhà bình yên, vui mừng liền làm bài thơ này:

Trước đây cầm cờ đi xa, ra khỏi ải ngọc,
Tin hoa mai ở núi cũ, mừng vui nay khỏe mạnh trở về.
Việc bang giao trọn vẹn, tráp đầy giấy tờ,
Phúc nhà truyền tin đến, mặt nở tươi cười.
Chiêm bao thấy nhạc quân thiều, chiêm ngưỡng đã gần,
Hương thơm tỏa ra từ đai mãng, bước đi thảnh thơi.
Nhìn mây khói phương Nam thêm thôi thúc niềm
mong muốn trở về.
Trước đài Chiêu Đức là nơi thăm hỏi tin tức.

14. VÕ HUY TẤN LÀM THƠ GIỮ QUỐC THỂ

Võ Huy Tấn quê làng Mộ Trạch huyện Đường An, nay là huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Dương, không rõ năm sinh và mất, đậu hương cống dưới triều Lê, làm chức Thị nội ở Viện hàn lâm. Khi Tây Sơn ra bắc, ông ra làm quan, chức Đãi chế Viện hàn lâm. Ông đã được cử đi sứ nhà Thanh, được các quan nhà Thanh khâm phục vì tài ứng đối.

Có sách ghi, khi đi sứ nhà Thanh, một hôm ngồi trong công quán, ông thấy quan nhà Thanh ghi sổ những cống phẩm của nước ta có chép 2 chữ *di quan* (quan mọi) để chỉ Sứ bộ Việt Nam. Ông rất bất bình và nghĩ chẳng lẽ lại đi gây gổ với chúng. Là người giỏi văn thơ lại có tài ứng đối nên ông đã nghĩ ra một hình thức phản kháng vừa tao nhã vừa thích hợp để bảo vệ quốc thể. Ông đã làm một bài thơ.

Dịch nghĩa như sau:

https://tieulun.hopto.org

Di vốn là cung hợp với qua
Nước Nam văn hiến giống Trung Hoa
Từ xưa tên nước rành rành đó
Viết bậy là di há chẳng ngoa?

Bài thơ đã dùng phép chiết tự của chữ *Di* mà quan nhà Thanh dùng. Chữ *Di* gồm chữ *cung* và chữ *qua* hợp lại. Câu thơ có nghĩa là: các ông coi chúng tôi là *man di* nhưng *di* đây là *di* có sức mạnh cung và mác, đã làm cho thiên triều phải khiếp sợ, chứ không phải là *mọi rợ* đâu.

Bài thơ tỏ ý phản đối thái độ xấc xược của quan lại Trung Hoa vừa cương nghị, vừa khéo léo, sâu cay mà vẫn giữ được hòa khí. Nghe nói viên quan nhà Thanh rất thán phục và truyền tới tai vua Thanh, lối gọi miệt thị đó đã bị bãi bỏ.

Võ Huy Tấn làm thơ về cột đồng Mã Viện

Trên đường đi sứ, Võ Huy Tấn đã ghé qua nơi ngày xưa tướng Mã Viện dựng cột đồng phân chia ranh giới nước ta và Trung Hoa, ông đã cảm xúc làm bài thơ này. Đây là một bài thơ cảm khái gây ấn tượng sâu sắc về tinh thần tự hào dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia. Chỉ có sau chiến thắng Đống Đa vang dội, tiếp được sức mạnh về tự cường dân tộc ý chí đấu tranh đòi lại lãnh thổ của tổ tiên đã bị kẻ thù xâm chiếm của người anh hùng áo vải Quang Trung, các nhà ngoại giao - nhà thơ Việt Nam mới có những vần thơ như thế.

Đề tài Mã Viện và cây trụ đồng mà hắn dựng đã được đề cập đến trong thơ của nhiều sứ thần. Sau khi đánh bại cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Mã Viện một danh tướng của nhà Hán đã cho dựng một cột trụ đồng và cho khắc 6 chữ: "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt". Nghĩa là: "Cây trụ đồng bị gãy, dân Giao Chỉ sẽ bị tiêu diệt". Việc làm của Mã Viện là một đòn "tâm lí chiến", hòng làm cho nhân dân ta dù có căm tức chúng cũng không dám dạp đổ cây trụ đồng vì sợ làm như vậy thì nòi giống Giao Chỉ sẽ bị tiêu diệt. Nhưng nếu cứ để cây trụ đồng lù lù ra đó như ghi nhận một thất bại của nước ta và như công

https://tieulun.hopto.org

nhận sự cai trị của phương Bắc.

Nhân dân ta rất thông minh, đã tìm cách xóa sổ, làm biến mất cây trụ đồng bằng cách hàng ngày đi qua người dân sẽ ném vào đó một viên đá. Chẳng bao lâu, đá ném vào đã vùi lấp, làm thơ cây trụ đồng không còn dấu vết gì nữa và như vậy cái vết tích tượng trưng cho uy thế của kẻ xâm lược cũng không còn trơ trơ ra đó. Nhiều nhà thơ đã đả kích Mã Viện gay gắt việc dựng trụ đồng. Nguyễn Du trong lần đi sứ năm 1813 - 1814 đã có hai bài thơ viết về Mã Viện; nhà thơ đã phản đối việc phong kiến Trung Hoa bắt dân ta lập đền thờ và hằng năm phải cúng tế Mã Viện. Nguyễn Du đã mỉa mai Mã Viện là: "Cây trụ đồng chỉ lừa được đàn bà con gái Việt".

Trong bài thơ, Võ Huy Tấn đã viết những câu thơ ngậm ngùi về trang sử bi hùng của đất nước khi Hai Bà Trưng thất bại nhưng cảm xúc trở nên quyết liệt hơn là nghĩ đến phải đòi lại cho được những đất đai của tổ quốc đã bị xâm chiếm:

"Núi Phân Mao nơi đây,
Nam, Bắc chia ranh rẽ.
Mất mãi phải thu về,
Dấu lạ quên sao nhỉ".

Đó là 4 câu cuối trong bài thơ "*Vọng đồng trụ cảm hoài cổ phong nhất thủ*" (Trông chỗ cột đồng cảm xúc làm một bài cổ phong). Toàn bài được dịch ra như sau:

Dịch thơ:

Sớm rời thành Minh Châu.
Cột đồng tìm dấu cũ.
Dân vùng trỏ phía xa,
Đá xanh hai đống nọ!
Than ôi! Cột đồng kia,
Cõi nước ta xưa đó,
Từ thuở Trưng Nữ Vương,
Mã Viện bày ra nó.
Son phấn thật anh hùng,
Ngàn năm còn rạng vẻ.

https://tieulun.hopto.org

Khá giận đứa gian tà,
Cắt, dâng không tiếc rẻ.
Ranh giới bị phai nhòa,
Tới nay bao thế kỉ!
Mây khói với thời gian,
Cảm hoài bao xiết kể.
Núi Phân Mao nơi đây,
Nam, Bắc chia rành rẽ.
Mất mãi phải thu về,
Dấu lạ, quên sao nhỉ?

Ngô Linh Ngọc dịch

15. ĐOÀN NGUYÊN TUẤN ĐI SỨ VỚI NIỀM TỰ HÀO CỦA NGƯỜI CHIẾN THẮNG

Trong Sứ bộ do Vua Quang Trung (giả) dẫn đầu sang Thanh mừng thọ Vua Càn Long 80 tuổi, ngoài các quan văn võ cao cấp, trong số 159 người có viên quan là Đoàn Nguyên Tuấn. Ông người làng Hải An, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, đậu hương cống vào đời Cảnh Hưng, nhưng không làm quan dưới triều Lê. Năm 1788, ông cùng một số người vào Phú Xuân, yết kiến Nguyễn Huệ, được giao chức Trực học sĩ Viện hàn lâm. Sau khi đi sứ về ông được phong Lại Bộ Tả thị lang.

Với tư thế của người chiến thắng, khi đi sứ, ông đã làm thơ với tinh thần tự hào dân tộc. Khi ra khỏi thành Thăng Long, ngắm những đồn lũy còn lại của quân Tôn Sĩ Nghị, ông đã viết bài thơ *Quá Nhĩ hà quan bắc binh cố lũy* (Qua sông Nhị Hà, ngắm lũy xưa của quân Bắc (Thanh)).

Dịch thơ:

Sát khí xua tan muôn khói bếp,
Nhĩ Hà thành lũy bến trơ nằm.
Bóng chiều lại ấm, tươi cây cỏ.
Binh lửa từng treo ngược cổ dân,
Ngũ Lĩnh hồn về đành vạn dặm,

https://tieulun.hopto.org

Chương Dương chuyện cũ đã ngàn năm.
Phù Lê nghĩ thẹn cùng sông núi,
Sớm hỏi Tây Sơn gửi thiếp mừng.

Khương Hữu Dụng dịch

Khi sang đến đất Trung Hoa, Đoàn Nguyên Tuấn đã trò chuyện với các quan nơi biên thùy và trong triều, đã cho họ biết về nước Nam có đời sống ổn định, no ấm, yên vui, là một nước văn hiến không khác gì Trung Hoa. Bài thơ được làm như một bài trả lời, thường được gọi là bài *Đáp vấn*. Nguyên văn tên bài thơ là *Hồi Đáo Hán cảnh Hán quan nhân thư thỉnh vấn an nam phong cảnh như hà dư độc dĩ đáp* (Trở về đến vùng đất Hán, quan người Hán viết thư hỏi phong cảnh nước Nam ra sao, ta đọc thơ này để đáp).

Dịch thơ:

Cảnh vật nước nam khách hỏi a?
Nước Nam cảnh vật khác Trung hoa.
Không tia bụi vẩn, quang sông núi,
Suốt bốn mùa xuân rạng cỏ hoa.
Ít bừa ngô khoai, nhiều thóc gạo,
Khinh hàng lông dạ, chuộng the là.
Tuy nhiên có chỗ đồng nhau lớn,
Lễ nghĩa văn chương tựa một nhà.

Khương Hữu Dụng dịch

16. QUAN HỆ LÀO VIỆT DƯỚI THỜI LÊ TRỊNH VÀ TÂY SƠN

Vào thế kỉ XVIII, quan hệ bang giao Lào - Việt được thực hiện thông qua cửa ải Quy Hợp. Quy Hợp là một đồn binh, một tuyến giao thông Việt - Lào và là một châu rộng lớn, trước đây thuộc huyện Tuyên Hóa, ngày nay thuộc thôn Trùng Thanh, xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, giáp với vùng Khăm Muộn và Khăm Cọt thuộc Thà Khẹt của Lào. Quy Hợp là đất của nhà Lý từ thế kỉ XI, do một viên Tổng binh kiêm cả chức Tri châu và chức Thông sự. Chức này có nhiệm vụ truyền

https://tieulun.hopto.org

đạt mệnh lệnh của triều đình phong kiến Việt Nam tới các vùng phụ thuộc trên đất Lào. Tên cũ của vùng này gọi chung là xứ Lạc Hoàn.

Theo những tư liệu sưu tầm được ở Quy Hợp năm 1974 (của nhà nghiên cứu Trần Văn Quý) đã công bố trên một số báo chí, ta thấy việc buôn bán giữa hai nước qua con đường Quy Hợp dưới thời Lê - Trịnh, Tây Sơn đã phát triển, đồng thời việc bang giao giữa hai nước cũng thông qua con đường giao thông này.

Năm 1759, xứ Lạc Hoàn (Lào) đã cử Sứ bộ đến cống voi và phương vật. Phủ Chúa đã giao cho quan trấn thủ Nghệ An đón tiếp Sứ bộ. (Xem các văn bản tư liệu in kèm theo.)

Năm 1776, xứ Lạc Hoàn cử Chánh sứ Chậu Mường Khoa, Phó sứ Chậu Xà Niết, Tùy sai Nam Ta Xẻng Vô La Đam cùng với 28 phu đưa cống vật đến đồn Quy Hợp để đến kinh đô Thăng Long. Cống phẩm gồm 5 con voi, 4 sừng tê giác và 4 bức súc vóc màn. Phủ Chúa Trịnh đã chỉ thị cho quan châu Quy Hợp và tỉnh Nghệ An đón tiếp và cử người đưa về kinh. Việc cung cấp lương ăn, tiền bạc chi tiêu trên đường đi được ấn định cụ thể, rất chu đáo. (Xem các văn bản in kèm theo).

Đặc biệt là thông qua các tư liệu tìm thấy ở Quy Hợp, chúng ta thấy việc liên minh Lào - Việt để chống lại quân Xiêm đến xâm chiếm Lào. Trong bức thư của Đô đốc Định, trấn thủ Nghệ An, đề ngày mồng 3 tháng 10 năm Quang Trung V (16-11-1792) gửi Chậu Na, Chậu Luận, Chậu Chiểm, Chậu Luông Pha Mật ở Viêng Chăn. Bức thư bằng chữ Nôm. Do Tổng binh Quy hợp sao lại, dịch ra tiếng Lào và gửi đi. Một đoạn chính viết:

"Kì trước, các Chậu cho Chánh sứ, Phó sứ đưa thư nói bị Xiêm đem quân sang chiếm thành Viêng Chăn. Lại cho rằng quan tỉnh Nghệ An không cho họ đi kinh đô Phú Xuân để xin triều đình cất quân sang giúp. Thật ra trước tôi cho 7 người lên Lạc Hoàn và Trình Cao để xét, nhưng vì các Chậu dẫn đường (cho họ đi) không tốt nên chẳng dò được tình hình giặc Xiêm.

https://tieulun.hopto.org

Một lần xuất quân là một lần mường nước tốn phí (phải thận trọng) nay tôi cho 4 tên quân lên. Các Chậu hãy đưa hai tên đến thành Viêng Chăn dò xem tình hình Xiêm có không, rồi lại dẫn hai tên nữa đi do thám tình hình cho rõ. Để bốn tên ấy về trình, tôi sẽ suy lí rồi cho thư lên trước để các Chậu sắm sửa lương hướng cho đại binh ăn đầy đủ...".

Một bức thư của em vua Viêng Chăn là Chậu Chiếm gửi Đô đốc Định tháng 10 năm 1792. Bức thư khá dài, dịch từ chữ Lào ra chữ Nôm, lời lẽ khá chân thành. Lược trích nội dung:

"Kì trước tôi có sai phìa Chăn Thi Phả... xuống trình việc mường nước này, hiện nay nước thành Viêng Chăn bị Xiêm chiếm hết. Vua mới sai tôi xuống lo việc mường nước (lo việc kháng chiến) tại vùng núi Phọc Bản.

Ông lớn (quan Việt Nam) đã sai đội Quy Hợp 8 người đưa trát lên với 4 áo rồng, 4 cái khăn, 4 cái xống, 4 cái hòm ban cho. Ba anh em chúng tôi và Xămphamật đã vâng biết mọi việc trong trát. Ba anh em chúng tôi rất bằng lòng, truyền cho tôi về chầu ông lớn. Song tôi lo việc mường nước (kháng chiến) mà về chầu thì sợ Xiêm biết, nó chém cả cha mẹ anh em, dân chúng đi mất. Để giữ lòng tin tôi truyền cho những người đi sứ lần này thay tôi ăn thề. Nếu nước Nam còn thương lấy chúng tôi, nước anh nước em ngày trước, thì xin làm sao cho anh em dân sự tôi ở bên Xiêm được trở về với mường nước.

Xin đại quân (của nước Nam) đi đánh lấy nước Xiêm. Đại quân đi đường Châu Ba Vạn thì có tôi ở Phọc Bản rước. Đi đường Lạc Hoàn qua Ba Na Vạn thì có Châu Lạc Hoàn và Xăm pha mật rước. Còn đường Trấn Ninh thì hãy khoan đánh xuống vì quân Xiêm còn đóng ở thành Chăn (Viêng Chăn), nó sẽ sai vua Thành Chăn đi đánh, sợ lỗi với triều đình (Việt Nam).

Đại quân lên thì xin lên cho chóng, độ tháng Chạp... đại quân lên tháng nào, ngày nào thì xin đưa trát lên tôi xin sắm sửa rước.

Lào với Xiêm hay lẫn khi ra trận, đại quân lên thì phải ban dấu tích thế nào cho khác quân Xiêm để chúng tôi phân biệt".

https://tieulun.hopto.org

Lại có một tờ trình của đồn Quy Hợp lên, đề ngày 23-12-1792, ghi rõ 3 Sứ bộ Lào sang báo tin khẩn cấp về việc quân Xiêm sang đánh.

Một bức thư của Đô đốc Định Nhất Hầu gửi Chậu Chiếm đề ngày 22-12-1792 về việc sang đánh quân Xiêm giúp Lào. Thư có đoạn viết: "*Nay sai chỉ huy Lạng Nhất Hầu đồn Quy Hợp đưa 30 quân đi tiên phong lên xem tình hình giặc Xiêm mạnh yếu, nhiều ít để liệu phương cản ngự, sau đó sẽ có đại binh hậu tiếp. Quyết một phen tiễu trừ giặc ngoại xâm để các ngài được mường nước yên như cũ... Phải lo gấp cho bằng được việc đánh giặc để bếp nhà sáng rạng, thôn sách bền vững như cha ông thuở xưa*".

Trong những tư liệu ở Quy Hợp còn lại không thấy các tư liệu nói về diễn biến việc đánh Xiêm, chỉ thấy các thư sau viết: "*Mường nước trên dưới bình yên, vùng Viêng Chăn không có giặc giã chi, có giặc giã tôi sẽ có tờ về trình*".

Qua những tư liệu còn lại ít ỏi ở Quy Hợp, chúng ta thấy được việc bang giao giữa Việt Nam và các xứ của Lào hồi cuối thế kỉ XVIII. Qua đó ta cũng thấy được tình đoàn kết chiến đấu giữa hai nước là bền vững qua nhiều thế kỉ.

https://tieulun.hopto.org

Chương VI

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI NGUYỄN

https://tieulun.hopto.org

1. VIỆC ĐI SỨ VÀ ĐI TIẾP SỨ GIỮA TRIỀU NGUYỄN VÀ TRIỀU THANH

Lịch sử Việt Nam là lịch sử đấu tranh giữ vững nền độc lập. Những triều đại đã có công lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống ngoại xâm thắng lợi, giành lại chủ quyền, độc lập dân tộc đều được nhân dân đồng tình, ủng hộ, ca ngợi và có uy tín trong dân.

Triều Nguyễn dã đánh bại Tây Sơn, thống nhất đất nước, lên nắm chính quyền nhưng không có được cái uy tín như thế, đặc biệt đối với nhân dân Bắc Hà, khi lòng người và nhất là các sĩ phu vẫn còn hướng về nhà Lê. Một nhà Lê chính thống đứng đầu là vị anh hùng dân tộc Lê Lợi đã giành lại được nền độc lập cho đất nước sau 10 năm bị quân Minh xâm lược. Nhà Nguyễn không khẳng định được quyền lực và tính chính thống của mình bằng cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. Các vua nhà Nguyễn cũng không xuất hiện như những người cầm đầu quốc gia (vương) mà chỉ là những hậu duệ của các chúa (quý tộc địa phương), những quan lại địa phương đã cai trị nơi đây dưới triều các vua Lê và tự xưng là Chúa.

Vì vậy sau khi giành lại được chính quyền, các vua triều Nguyễn mong muốn được duy trì việc xin phong vương, triều cống với Trung Hoa. Việc cử các Sứ bộ sang xin phong vương và triều cống nhằm khẳng định mối quan hệ hòa hiếu, đảm bảo tính chính thống của ngôi vua mà Thiên triều ban cho vua nước Nam và những người kế vị. Tầng lớp sĩ phu và quan lại chỉ coi vua là chính thống khi vua được hoàng đế Trung Hoa phong vương. Sự thừa nhận 1 ông vua và phong vương cho ông vua đó là một cam kết đảm bảo an ninh và không xâm lược quốc gia do ông vua đã được phong, trừ những trường hợp rất đặc biệt. Việc triều cống cũng còn là một dịp trao đổi tặng vật, mặc dầu tặng vật ngày càng giảm, chỉ có tính tượng trưng. Triều đình Huế nhận được nhiều hàng hoá quý: hàng tiêu dùng trong triều đình, thuốc bắc, nhân sâm và các sách lịch, sách học... có khi tặng vật

https://tieulun.hopto.org

của Trung Hoa có giá trị hơn cống phẩm của Việt Nam.

Triều Nguyễn cần sự phong vương của Thiên triều một phần cũng để khẳng định vai trò của Việt Nam với các nước trong khu vực. Tuy chịu xin phong vương và triều cống Trung Hoa nhưng triều Nguyễn trong thực tế, vẫn coi mình ngang hàng. Các vua Nguyễn vẫn tự xưng là hoàng đế, là thiên tử, y hệt các hoàng đế Trung Hoa. Trong giao dịch với các nước láng giềng bé hơn như Lào, Miên... triều Nguyễn cũng tự coi mình như một "Trung Quốc" nhỏ hơn ở phía Nam đối với các chư hầu.

Sau khi lên ngôi vua, Gia Long và các vua kế vị vẫn đều đặn cử các Sứ bộ sang triều Thanh để xin phong vương, triều cống 3 năm một lần, báo tin vua Việt Nam từ trần, giải quyết các vụ vi phạm biên giới, giải quyết các vấn đề dân sự như trao trả những người bị đắm thuyền, dẫn độ phạm nhân... và đón tiếp các Sứ bộ triều Thanh sang phong vương. Việc đi sứ và tiếp sứ diễn ra đều đặn từ năm 1803 đến 1853 thì tạm ngưng, đến tận năm 1867 do cuộc nổi loạn của Thái Bình Thiên Quốc ở phía nam Trung Quốc, con đường đi sứ bị cắt. Việc phong vương cho các vua trước Tự Đức đều diễn ra ở Thăng Long, Hà Nội. Đến triều Tự Đức, lần phong vương cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, cho Tự Đức vào năm 1849, đã diễn ra ở Huế. Dưới triều Gia Long, năm 1803, một cuộc thương thuyết rất quan trọng về quốc hiệu dưới triều Nguyễn: Nam Việt hay Việt Nam. Đầu triều Tự Đức, vua cử 3 Sứ bộ đến Yên Kinh vào các năm 1847, 1848, và 1852. Sứ bộ đi năm 1847 có nhiệm vụ trình vua Thanh biết việc Tự Đức lên ngôi và xin cử một Sứ bộ sang tiến hành lễ tấn phong ở Huế. Hai Sứ bộ sau đi làm nhiệm vụ triều cống như thường lệ. Sứ bộ đi năm 1852 gặp khó khăn do quân Thái Bình Thiên Quốc chiếm các tỉnh Hoa Nam, đường đi bị cắt đứt, 3 năm sau vẫn chưa về. Cuối năm 1855 Sứ bộ mới về. Tự Đức đã lo lắng chăm sóc những gia đình các thành viên Sứ bộ bằng cách cấp tiền gạo. Việc triều cống từ sau đó được hoãn cho đến năm 1867 (sau khi Pháp xâm chiếm Nam Kỳ). Năm 1868, Tự Đức lại cử một Sứ bộ sang Trung Hoa để bình thường hóa

https://tieulun.hopto.org

quan hệ giữa hai nước. Khi thực dân Pháp xâm chiếm nước ta, ban đầu Tự Đức không có ý định cầu cứu nhà Thanh nên các Sứ bộ đi trước 1882 cũng không đề cập vấn đề cầu cứu. Tự Đức chỉ yêu cầu nhà Thanh gửi gấp một đơn vị đến vùng thượng du Bắc Kỳ để diệt tàn quân của Thái Bình Thiên Quốc đang cướp phá ở đây vào năm 1869.

Tháng 4 năm 1869, nhà Thanh đã cử tướng Phùng Tử Tài đem 31 doanh quân đội chính quy gồm khoảng 15.000 lính vào Lạng Sơn. Triều đình cử Vũ Trọng Bình là Thống lĩnh quân tiễu phỉ phối hợp cùng Phùng Tử Tài. Một số quan lại trong triều chống lại việc cầu viện quân Thanh tiễu phỉ vì cho là phải đài thọ tốn phí và việc trừng phạt của quân Thanh kém hiệu quả, nhưng Tự Đức đã không nghe.

Quân Thanh đã cùng phối hợp giết được một số tướng của phỉ Trung Hoa như Ngô Côn, Lý Dương Tài, Hoàng Sùng Anh; tuy vậy, bọn phỉ vẫn khôn ngoan lẩn tránh và cướp hại nhân dân vùng Bắc Bộ.

Sự có mặt của quân Thanh ở Bắc Kỳ gây khó khăn cho người Pháp bởi theo quan điểm của Pháp thì Tự Đức đã vi phạm Hiệp ước 1874 (quy định mọi công việc ngoại giao giữa Việt Nam với nước ngoài từ sau khi ký hiệp ước phải được sự đồng ý của Pháp). Triều đình Huế vẫn tiếp tục cử các Sứ bộ sang Thanh vào các năm 1868, 1872, 1876 và 1880. Thực dân Pháp nghi ngờ các Sứ bộ nhưng không ngăn cản được. Ngày 10 tháng 7 năm 1967 viên Trú sứ Rheinart ở Huế viết báo cáo: "Sứ bộ sắp đi Trung Hoa năm nay sang bên đó không chỉ để chúc mừng Thiên tử mới mà còn để dâng những cống phẩm mà Quốc vương An Nam phải nộp cho Trung Hoa 3 năm một lần với tư cách là nước chư hầu".

Ngày 12 tháng 8 năm 1880, Rheinart gửi Thống đốc Nam Kỳ: "Với những cống phẩm ít giá trị (30 thanh quế, 3 cân gỗ trầm, 1 sừng tê, 1 cặp ngà voi, 100 xấp lụa), Sứ bộ phải dâng 2 bức thư, 1 thư để dâng cống phẩm, 1 thư để tạ ơn việc Trung Hoa đã giúp Việt Nam diệt Lý Dương Tài. Theo tôi được biết,

https://tieulun.hopto.org

Sứ bộ không được giao thêm văn kiện nào nữa, tuy nhiên, tôi không thể khẳng định chắc chắn điều này. Tôi hoàn toàn không thể vận động nhằm ngăn cản việc cử Sứ bộ này. Nếu chúng ta coi việc ấy có chút ý nghĩa quan trọng nào đó, hay là chỉ cần chúng ta chú ý đến thôi, người An Nam sẽ tự hỏi nguyên nhân nào thúc đẩy chúng ta quan tâm đến một việc mà họ đã làm thường xuyên, định kỳ từ nhiều năm qua. Sự cảnh giác của họ sẽ được kích thích cao độ và họ sẽ quyết định xin Trung Hoa bảo vệ để thoát khỏi hành động của chúng ta. Dù sao mọi cố gắng vận động của tôi sẽ chẳng đạt kết quả gì, người ta sẽ viện lẽ là việc định kỳ cử người đi sứ Trung Hoa có từ lâu đời, rất lâu trước khi có hiệp ước và nó không bị hiệp ước xóa bỏ... Trong tình hình ấy, chẳng thà chúng ta không biết đến việc cử Sứ bộ".

2. SỨ BỘ TRỊNH HOÀI ĐỨC MỞ ĐẦU VIỆC BANG GIAO NHÀ NGUYỄN VỚI NHÀ THANH

Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh cho lập đàn tế cáo trời đất về việc đặt niên hiệu là Gia Long. Sau đó Gia Long bàn cùng các quan: "Nước ta tuy cũ nhưng mệnh đã đổi mới. Nghĩa lớn phục thù, người Thanh còn chưa hiểu rõ. Gần đây thuỷ binh ta bị bão, người Thanh hậu đãi cho về, ta chưa có dịp đáp lại. Nay ta bắt được ấn sách của Tây Sơn do nhà Thanh phong cho, lại bắt được giặc biển, cũng là giặc trốn của nhà Thanh, ta có thể sai người đưa sang trả trước và đem việc bắc phạt báo cho họ, đợi khi bình định được Bắc Hà sẽ nối lại việc bang giao cũ thì hay hơn". *(Đại Nam thực lục)*.

Gia Long nghe lời đề cử của đình thần, cử Trịnh Hoài Đức, Thượng thư Bộ Hộ làm Chánh sứ, Ngô Nhơn Tĩnh, Hữu Tham tri bộ Binh; Hoàng Ngọc Ẩn, Hữu tham tri Bộ Hình cùng làm Phó sứ. Sứ bộ Trịnh Hoài Đức đem quốc thư, phẩm vật biếu, ấn sách do nhà Thanh phong cho Tây Sơn bị bắt được cùng bọn giặc biển là Mạc Quang Phù, Lượng Văn Cảnh, Phan Văn Tài sang Trung Quốc. Sứ bộ đi đường biển trên hai con thuyền gỗ là

https://tieulun.hopto.org

Bạch Yến và Hoàng Hạc, đến cửa Hồ Môn tỉnh Quảng Đông. Tổng đốc Quảng Đông là Giác La Cát Khánh tiếp Sứ bộ, báo về cho Vua Thanh biết tin. Vua Thanh hạ lệnh cho giết bọn giặc biển và lưu Sứ bộ Trịnh Hoài Đức ở lại và tiếp đãi rất hậu.

Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), tự là Chi Sơn, hiệu là Cấn Trai, gốc là người Phúc Kiến, sau khi nhà Thanh diệt nhà Minh đã chạy sang ta, ngụ ở đất Biên Hòa. Ông là học trò của Võ Trường Toản, đỗ cử nhân năm 1788, làm quan thời Gia Long đến Thượng thư Bộ Lại, kiêm Bộ Hình. Năm 1802 được cử đi sứ nhà Thanh, những bài thơ đi sứ được ghi trong *Bắc sứ thi tập*, tình cảm chân thật, yêu nước, yêu nhà nồng nàn.

Thơ đi sứ của Trịnh Hoài Đức

LỮ THỨ HOA TRIÊU
(Tiết Hoa triêu ở nơi quán khách)

Dịch thơ:

Bốn chục năm rồi thấm thoắt mau
Bên dòng sông Quế gặp hoa triêu[1]
Trẻ kia bắt bướm, luồn hàng táo,
Chị nọ chăn tằm, giã chợ dâu.
Đương sứ gian nan chờ chực mãi,
Vợ nghèo đau yếu cách xa lâu.
Kinh doanh chí lớn ta lầm lẫn
Cười hứa tang bồng tự thuở nao.

Đào Phương Bình dịch

HÀ NAM LỘ TRUNG LẬP THU
(Tiết Lập thu trên đường Hà Nam)

Dịch thơ:

Đường qua phủ Khai Phong,
Bờ Liễu, xe lừa giong.
Xem lá vàng tơi tả,
Thấy gió may lạnh lùng.

---

[1] *Hoa triêu là ngày sinh của trăm hoa 12 tháng 2 hàng năm.*

https://tieulun.hopto.org

Mây mỏng mày ngài nhạt
Hố trong, bóng trăng lồng.
Thư nhà nhờ cánh nhạn,
Cõi Việt gửi niềm mong.

Trần Duy Vôn dịch

3. SỨ BỘ LÊ QUANG ĐỊNH SANG THANH XIN PHONG VƯƠNG CHO GIA LONG VÀ ĐẶT QUỐC HIỆU LÀ VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 7 năm 1802 Gia Long vào thành Thăng Long, việc thu hồi đất nước đã trọn vẹn, xúc tiến việc nối lại bang giao với nhà Thanh. Gia Long gửi thư sang Tổng đốc Lưỡng Quảng hỏi về việc xúc tiến bang giao nên như thế nào, sai hai người là Lê Chính Lộ - Thiêm sai Bộ Lại - và Trần Minh Nghĩa - Thiêm sự Bộ Binh - đợi mệnh vua Thanh ở Nam Quan. Gia Long lại cho là nước nhà mới dựng, muốn tiếp sứ nhà Thanh ở cửa ải khi làm lễ tuyên phong cho đỡ phiền phức. Đem việc ấy hỏi Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích, hai người đều nói từ trước chưa nghe làm như thế bao giờ, nên thôi.

Tháng 10 năm 1802, Gia Long sai Thượng thư Bộ Binh là Lê Quang Định làm Chánh sứ, Thiêm sự Bộ Lại là Lê Chính Lộ và Đông Các Đại học sĩ Nguyễn Gia Cát làm Phó sứ, mang biểu sang Thanh xin phong vương. Sứ bộ Trịnh Hoài Đức được chuyển đến Quảng Tây, cùng với Sứ bộ Lê Quang Định để đi Yên Kinh trong 1 đoàn xin phong vương và đặt quốc hiệu. Việc xin phong vương và đặt quốc hiệu mới đối với Gia Long lúc đó có ý nghĩa rất quan trọng.

Sứ bộ Lê Quang Định khi đến Quế Lâm (Quảng Tây) thì giao quốc thư cho các quan ở đây bẩm về triều Thanh, chờ đợi sự đồng ý của Vua Thanh cho đến Kinh đô. Về quốc hiệu nước ta, theo *Đại Nam thực lục* thì Gia Long cho rằng nước ta gồm cả Việt Thường ngày xưa và các đất miền Nam ngày nay do công lao khai phá của các chúa Nguyễn vì vậy đặt quốc hiệu là Nam Việt.

Khi quốc thư chuyển lên, Vua Thanh (lúc đó là Gia Khánh) đã không đồng ý cho lấy quốc hiệu là Nam Việt. Vua tôi nhà

https://tieulun.hopto.org

Thanh không ưng chữ Nam Việt với lý do là nước họ đã có vùng mang tên ấy rồi. Khoảng hai ngàn năm trước, nhà Tần mất vào tay nhà Hán (- 206) Triệu Đà là một biên thần đang cát cứ ở quận Nam Hải (Quảng Đông ngày nay) đã đánh chiếm hai quận Tượng và Quế Lâm (Quảng Tây ngày nay) rồi tự xưng là Nam Việt Vũ Vương lập ra nước Nam Việt. Năm - 183, Triệu Đà lại tự xưng là Nam Việt Vũ Đế, độc lập với nhà Hán. Nam Việt Vũ Đế bành trướng xuống phương Nam, thôn tính nước Âu Lạc của An Dương Vương (- 179). Âu Lạc bị chia làm 2 quận: Giao Chỉ (Bắc Bộ ngày nay) và Cửu Chân (Bắc Trung Bộ ngày nay). Như vậy Nam Việt bao gồm các đất Quảng Đông (còn gọi là Đông Việt), Quảng Tây (còn gọi là Tây Việt) và nước Âu Lạc cũ. Vua tôi nhà Thanh sợ rằng nếu công nhận tên Nam Việt thì e rằng Gia Long sẽ bắt chước Nguyễn Quang Trung mà đòi đất Lưỡng Quảng theo đúng đất đai nước Nam Việt của Triệu Đà.

Nhận được tin vua Thanh không cho đặt quốc hiệu là Nam Việt, mà có ý định đặt là An Nam, vua Gia Long đã cho họp triều thần. Nguyễn Đăng Sở tâu là không nên lấy chữ An Nam như gợi ý của vua Thanh, nên đảo chữ Nam Việt thành Việt Nam, có thể vua Thanh phải nghe. Trong khi đó, Lê Quang Định ở Quế Lâm đã bàn với án sát Quảng Tây là Tế Bố Sâm nên đảo lại chữ Nam Việt thành Việt Nam. Ý của Chánh sứ Lê Quang Định trùng hợp với ý của Gia Long là phải đảo lại quốc hiệu. Gia Long dâng biểu lên Gia Khánh, trong biểu có ý dọa nếu không công nhận quốc hiệu này sẽ không thụ phong.

Vua Thanh trả lời: "Lúc trước đã có đất Việt Thường xưng là nước Nam Việt. Nay lại có toàn cả đất An Nam, xét ra cho kỹ thời nên gồm cả đất đai mở rộng trước sau mà đặt danh hiệu tốt. Vậy thời định lấy chữ Việt để trên, nghĩa là tổ. Nước mở cõi Nam giao mà chịu mệnh trời mới, như thế thì danh xứng chính đại nghĩa chữ tốt lành, so với hai đất Việt nước Tàu, khác nhau xa lắm".

Vua Thanh đồng ý với quốc hiệu là Việt Nam. Tháng Giêng năm Giáp Tý (1804) vua nhà Thanh sai Tế Bố Sâm, án sát tỉnh Quảng Tây làm Chánh sứ sang Thăng Long làm lễ phong

https://tieulun.hopto.org

vương cho Gia Long. Tháng 5 Bính Dần (1806) Gia Long làm lễ lên ngôi Hoàng đế.

Thơ đi sứ của Lê Quang Định

Lê Quang Định (1750 - 1813) tự là Trí Chỉ, hiệu là Tấn Trai, người làng Phú Vang tỉnh Thừa Thiên-Huế. Mồ côi cha, nhà nghèo, ông vào Gia Định kiếm sống. Ông là học trò Võ Trường Toản, thi đỗ cử nhân năm 1788 cùng với Trịnh Hoài Đức. Sau khi thi đỗ được cử làm Hàn lâm viện Chế cáo giữ việc biên soạn sổ sách. Ít lâu thăng Hữu Tham tri rồi đến Thượng thư Bộ Binh. Năm 1802, ông được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh. Ông nổi tiếng về thơ văn, chữ đẹp và tài hội họa. Khi đi sứ, tài năng của ông từng được người Trung Hoa khen ngợi. Thơ văn đi sứ được xếp trong tập *Hoa nguyên thi tập*. Nhiều bài ý đẹp, lời hay.

NGÔ CHÂU TRỪ DẠ

(Đêm trừ tịch (30 tết) ở Ngô Châu). Dịch thơ:

Thuyền đi sông Ngô đang rã tuyết,
Khí đêm ấm, lạnh chuyển hai luồng.
Hương mai tháng chạp chia sai biệt,
Vần nhã, thơ xuân, lượm dọc đường.
Xa nước chưa về, mang gấm thẹn,
Sang năm rồi việc, dốc bầu xuông.
Ngờ đâu gươm báu ngời sao Đẩu,
Ngoái lại đèn dăng sáng phố phường.

Khương Hữu Dụng dịch

TÍN DƯƠNG HIỂU HÀNH

(Buổi sớm ra đi từ Tín Dương). Dịch nghĩa:

Tiếng chuông lầu giục sáng, chìm trong sương mù.
Nhạc ngựa xa xăm lướt trong gió nhẹ.
Trên thành Tín Dương trăng đã mờ,
Đầu ải Thường Đức gà đang gáy.
Mây đưa lòng quê, trong núi vừa đùn ra
Liễu đón xe khách, con mắt mới hé nửa.

https://tieuluan.hopto.org

Xông pha sương gió vốn là bổn phận kẻ làm tôi,
Soi gương chớ ngại hai mái tóc điểm bạc.

4. SỨ THẦN NGÔ NHÂN TĨNH (? - 1816)

Ngô Nhân Tĩnh tự là Nhữ Sơn. Người gốc Quảng Tây, Trung Quốc sau di cư sang Gia Định. Ông là học trò Võ Trường Toản cùng với Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định được đương thời xưng tụng là 3 nhà thơ lớn nhất Gia Định. Ông giúp Nguyễn Ánh lúc còn bôn tẩu ở Gia Định, lãnh chức Thị độc Viện Hàn lâm. Năm 1798 làm Hữu Tham tri Bộ Binh, được cử đi sứ nhà Thanh để dò xem tình thế. Năm 1802 được cử làm Giáp Phó sứ sang nhà Thanh lần 2 cùng với Trịnh Hoài Đức và Hoàng Ngọc Ẩn. Năm 1807, được cử làm Chánh sứ sang Chân Lạp, đem ấn sắc phong cho Nặc Ông Chân làm vua Chân Lạp.

Thơ đi sứ của ông có nhiều ý tưởng sâu, trong một số bài lòng thương nhớ quê hương rất sâu xa. Nguyễn Du từng khen "văn của ông hay như văn của 8 nhà văn lớn đời Đường Tống, làm đẹp cho cả hai nước Việt Trung (*Bát đại kì văn hoa lưỡng quốc*).

Bài: *Nhâm Tuất niên mạnh đông; Sứ hành do Quảng Đông Thủy trình văn Quảng Tây, hoạ Trịnh Cấn Trai thứ Lạp Ông tam thập vận* (tháng 10 năm Nhâm Tuất (1802) Sứ bộ từ Quảng Đông đi đường bộ đến Quảng Tây, họa lại bài thơ của Trịnh Hoài Đức, theo 30 vần của Lạp Ông).

BÀI 1 (Dịch thơ):

Chín khúc tơ vò sông uốn quanh,
Quan san dằng dặc đất Nam mình.
Giận ai khinh bạc, hoa theo nước,
Thương tớ cô đơn, nguyệt ghé mành.
Mấy nước sớm toan, cờ thắng chắc,
Năm canh xua mãi, ngủ lùi nhanh.
Trời sáng vẳng nghe Mai Hoa khúc
Tưởng điệu quê hương dặp cuối thành

Bùi Hạnh Cẩn dịch

https://tieulun.hopto.org

BÀI 5 (Dịch thơ):

Gian khổ cùng nhau tự thuở nào,
Gió sương muôn dặm có nài bao.
Từng qua biển biếc mang mang rộng,
Lại trải non xanh bước bước cao.
Rượu đuổi sầu xưa, sông giúp chén,
Thơ đề câu mới gió reo gào.
Nghìn vàng gươm báu trời xanh thẳm,
Chẳng thẹn làm trai, chí khí hào.

Bùi Hạnh Cẩn dịch

5. LỄ THỤ PHONG VUA MINH MẠNG TẠI HÀ NỘI
(Tài liệu do ngài Huỳnh, Thượng thư Bộ Lễ cung cấp, Hoàng Yến dịch thuật.)

Tháng Chạp năm Minh Mạng thứ Hai (tháng Giêng năm 1822) Sứ thần Trung Hoa, Phan Cung Thi, án sát sứ Quảng Tây đến An Nam để đưa sắc thư quyết định lấy ngày tháng 9 năm ấy (tháng 10 năm 1821) tiến hành lễ bang giao.

*

Ngày mồng 6 tháng ấy (1 tháng 10) làm lễ cáo ở Thái Miếu, sau đó vào ngày mồng 7 (2 tháng 10) thì lễ ở Điện Hoàng Nhơn. Ngày mồng 8 (3 tháng 10) có lễ chúc thọ ở Cung Từ Thọ.

Ngày 12 (7 tháng 10) Hoàng đế chỉ định một vị Hoàng tử em ruột cùng các Đại thần là các ông Nguyễn Văn Nhơn - Khâm sai - Chưởng Hữu Quân - Quận công, Tôn Thất Bính - Hữu Dinh Phó Đô Thống Chế và Lê Bá Phẩm - Thượng thư Bộ Hình lo việc xử lý Thường vụ tại Huế.

Ngày rằm (10 tháng 10) Hoàng thượng, cùng một phái đoàn đông đúc lên đường. Hai ngày sau, thì đến Tân Cảng ở Quảng Trị; vào ngày Bính Dần (14 tháng 10) thì đến Tiểu Khê Cảng ở Quảng Bình; ngày Mậu Thìn (16 tháng 10) đến Hành cung Quảng Bình; ngày Canh Ngọ (18 tháng 10) vượt sông

https://tieulun.hopto.org

Linh Giang; ngày Tân Mùi (19 tháng 10) qua đèo Hoành Sơn; ngày Nhâm Thân (20 tháng 10) dừng ở Hành cung Suối Sa ở Nghệ An, ngày Giáp Tuất (22 tháng 10) đến Hành cung Thạch Khê, ngày Bính Tý (24 tháng 10) đến Hành cung Nghệ An; ngày Nhâm Ngọ (30 tháng 10) đến Hành cung Thanh Hóa.

Ngày Mậu Tý (5 tháng 11 năm 1821) Hoàng đế viếng Nguyên Miếu và lên núi Triệu Tường ở đấy ngài bái vọng lăng Trường Nguyên.

Ngày Canh Dần (7 tháng 11) đến Hành cung Thanh Bình, ngày Ất Mùi (12 tháng 11), Hành cung Bắc Thành, ngày hôm đó trời tốt dân trong vùng kẻ dắt người già, người dẫn con nít ra vui vẻ đón đoàn. Tất cả đều khâm phục "*Đây là đoàn ngự giá thời bình, chưa bao giờ từng có*".

*

Vào tháng 12 (tháng 1 năm 1822) Hoàng thượng được báo là phái đoàn Trung Hoa đến Mục Nam Quan, ngài cử Phó đốc trấn Thanh Hóa Phan Văn Tuy, Tham bồi Lễ bộ Đinh Phiên mặc nhiên giữ nhiệm vụ, Quan thượng Hậu mạng sứ rồi Thần sách Phó Đô thống Nguyễn Văn Trí, Hình Bộ Hữu Tham tri Võ Thanh Thông và Thự Tham Tri Nguyễn Hữu Nghi để mặc nhiên giữ trọng trách Kinh Bắc giải thủ tiếp hậu sứ; cuối cùng Thị Nội Thống chế Võ Viết Bửu, Bộ Hộ Hữu Tham tri Nguyễn Công Thiệp để giữ nhiệm vụ gia quật công quán hậu tiếp sứ. Hoàng đế ban phát cho tất cả các quan chức ấy những ấn triện bằng ngà có khắc các chữ "hậu mạng" và "hậu tiếp"; rồi họ lên đường đến nhiệm sở.

Sau khi đã vượt qua cửa ải lớn của đất nước, Sứ thần Trung Hoa định ngày 20 tháng Chạp (22 tháng Giêng năm 1822) làm lễ tấn phong và ngày 21 (23 tháng Giêng) làm lễ giỗ Cao Hoàng đế Gia Long.

Hậu mạng sứ Phan Văn Tuy và các người khác đề nghị tiến hành lễ tấn phong ngày (11 tháng Giêng). Sứ Cung Thi đồng ý và giục gấp hành trình.

https://tieulun.hopto.org

Ngày Giáp Ngọ của tháng ấy (10 tháng 1) sáng sớm đã treo các huy hiệu bằng gỗ từ Điện Kính Thiên cho đến cổng Châu Tước (hay *"chim đỏ"*), đến bến sông Hồng Hà, ngoài ra còn phải bố trí từng chặng để đón rước số lượng lớn lính và voi.

Hoàng đế cử Tướng Tả quân, các đội bảo vệ của Trung quân của Tôn Thất Địch làm sứ mạng đại diện cho Hoàng gia với nhiệm vụ đến sứ quán cùng với Tổng đốc của Sơn Nam Nguyễn Văn Hiếu, Tham tri bộ Binh Trần Minh Nghĩa và Tham tri Tả Thị Lang Bộ Lễ Đoàn Viết Nguyên đi đến trại ở bến sông.

Nhà Vua đội mũ có thêu 9 con rồng, mặc áo bào đỏ thắt đai ngọc, đứng ở cổng Châu Tước cùng với các Hoàng tử và các Đại thần của triều đình mặc áo đại triều để đón tiếp phái đoàn.

Tổng trấn Bắc Thành Lê Chất cùng Hiệp Biện Đại Học Sĩ Trịnh Hoài Đức sung chức Thị vệ Đại thần.

*

Trước ngày quy định, trong gian giữa của Điện Kính Thiên được dặt long đình, phía Nam của long đình là hương án, vị trí của Hoàng thượng đứng là phía tây, trước một ít về phía nam, mặt hướng về đông và vị trí của sứ thần Trung Quốc đứng là phía đông trước một ít về phía nam, mặt trở về tây.

Vị chủ lễ đứng phía bên trái của điện, một vị quan được cử để nhận sắc thư, có hai Nội tán đứng phía bên phải điện; tám người phụ trách lễ và các ngoại bang chia đều ra đứng trong sân, bên phải và bên trái, phía ngoài năm cửa.

Còn chỉ định thêm 3 vị đại thần mặc triều phục cùng nhiều binh sĩ các cấp cưỡi voi, ngựa đến bến bờ Nam sông Hồng để đón phái bộ.

Đến ngày quy định - ngày 18 tháng Chạp (10 tháng1) sớm tinh sương một vị chức sắc cấp cao Hoàng gia trên nhất phẩm, cùng với một đội thị vệ, những người mang nghi trượng và nhạc công ăn mặc đại lễ đến sứ quán đưa thư của Vua. Thư được dặt trước Long đình nơi để bằng phong sắc. Sau đó đến viếng sứ thần Trung Quốc và

https://tieulun.hopto.org

xin mời lên đường: *"Các ngài sẽ được cung nghinh"*.

Quân sĩ mang nghi trượng xếp hàng cùng các quan lo việc tiếp đón đến trước Long đình, có đặt thư thụ phong, để lễ bái và sau đó viếng thăm sứ thần theo nghi thức. Sau đó là trống đánh bắt nhịp và đại bác ra lệnh xuất phát.

Sau khi qua sông, đến bến đò phía Nam, long đình được đặt cung kính trong gian nhà chính của một Đình Vọng lâu làm tạm bên bờ sông, còn sứ thần Trung Quốc đến nghỉ tại gian nhà sau để thay áo quần và uống trà.

Sau đó, các đại thần được chỉ định đến đón tiếp ở ngôi Vọng lâu đó, đến vái theo thường lệ và thăm viếng sứ Trung Hoa theo như quy định của nghi lễ. Khi mọi nghi lễ đã xong, đoàn bắt đầu lên đường theo nhịp trống các loạt súng lệnh, vị chức sắc cao của Hoàng gia và các đại thần lên ngựa đi đầu hướng dẫn, sau đến những người mang nghi trượng, nhạc công, bàn hương án rồi long đình và sau là kiệu của sứ thần, những người tùy tùng hoặc đi ngựa hoặc ngồi trên kiệu.

Khi đến cửa Đông Nam (cổng *"Đại Hưng"* cũ) đoàn tuỳ tùng và các quan chức đón tiếp xuống đi bộ và dẫn đoàn đến cổng Châu Tước, ở đó người phiên dịch và sứ thần xuống kiệu.

Đến giờ Ngọ (đứng bóng) Phan Cung Thi, theo long đình vào cổng.

Hoàng đế, có các quan đại thần tháp tùng, đứng chờ cung kính bên phải cổng Châu Tước. Khi long đình vào cổng giữa, Hoàng đế quỳ xuống và đứng dậy sau khi long đình đi qua. Sau đó Hoàng đế và Sứ thần vái chào nhau. Long đình đi qua đường bên phải, tất cả các quan văn võ đứng theo hàng ngũ quỳ xuống hai bên đường và sau khi đi qua họ lại đứng dậy.

Hoàng đế và Sứ thần theo sau Long đình vào gian giữa điện Kính Thiên. Sau khi Long đình được đặt vào vị trí đã định trước thì một chủ lễ mời sứ thần đến vị trí để đứng. Trong khi Nội tán xướng mời Hoàng thượng cũng làm như vậy, các quan văn võ sắp hàng trong sân.

*

https://tieulun.hopto.org

Nội tán xướng:

- *Chấp sự giả các kỳ sự* (tất cả quan chức chuẩn bị làm lễ).
- *Bài ban, ban tề.*
- *Tấu nghệ bái vị* (vua đứng vào bái vị).

Nội tán xướng:

- *Tấu ngũ bái* (mời Hoàng thượng vái 5vái).
- *Tấu hưng* (mời Hoàng thượng đứng dậy).
- *Tấu bình thân* (mời Hoàng thượng về vị trí).

Ngoại tán xướng:

- *Tuyên sắc* (đưa sắc chỉ ra để chuẩn bị đọc).

Nội tán xướng:

- *Tấu quỳ* (mời Hoàng thượng quỳ nghe chỉ).

Ngoại tán xướng:

- *Giai quỳ* (tất cả bá quan quỳ nghe chỉ)

Nội tán xướng:

- *Độc sắc* (Đọc sắc).

Quan tuyên sắc đọc xong. Nội tán xướng:

- *Tấu thụ sắc* (Mời Hoàng thượng nhận sắc chỉ).

Sứ thần nâng sắc thư trao cho Vua. Vua nhận lấy nâng lên ngang trán rồi trao cho quan thụ sắc. sứ thần lui ra đứng ở chỗ trước.

Nội tán xướng:

"*Tấu phủ phục, hưng, bình thân*" (phủ phục, ngồi lên, đứng lên).

- *Tấu phục vị* (mời Hoàng thượng và bá quan trở về vị trí đứng).

*

Ngoại tán xướng:

"*Tấu hành tạ ân lễ*" (Mời Hoàng thượng lễ tạ ơn).

Nội tán xướng:

"*Tấu ngũ bái, hưng,bình thân, tấu phục vị*".

Ngoại tán xướng:

"*Lễ thành*" (nghi lễ đã xong).

*

https://tieulun.hopto.org

Vua hướng sang Sứ thần làm lễ vái hai vái. Sứ đáp lễ lại. Viên Điển Nghi mời sứ thần xuống thềm.

Đến điện Cần Chánh, Vua ngồi bên phía tây, Sứ thần ngồi phía đông để mời nhau trà. Sau đó Vua tiễn sứ thần ra.

Tất cả quan theo sau ra ngoài cửa Châu Tước. Tất cả trao đổi với Sứ thần hai vái. Sứ thần lên kiệu, các quan văn võ và binh sĩ tiễn đến sứ quán.

*

Hoàng đế ban tặng cho Sứ bộ hai bữa tiệc và các quà thường lệ. Mỗi lần quà gồm có: 10 nén bạc mỗi nén 10 lạng; 4 livre quế hạng tốt; 20 tấm vải hoàng bố; 20 tấm vải bông. Ngoài số quà trên còn có thêm: 2 sừng tê giác; 1 đôi ngà voi; 1 bộ ly rượu bằng vàng; 2 livre trầm hương.

Trên đường về của sứ thần khi đến Mục Nam Quan, các quan chức chỉ định như đại diện còn biếu các quà như sau:

5 livre quế hạng tốt; 10 tấm vải hoàng bố; 10 tấm vải bông; 1 hộp đựng lông đuôi voi làm tăm có bọc vàng; 2 quạt ngà; 2 hộp đựng lông đuôi voi làm tăm có bọc bạc;

Ngoài ra còn có quà cho vị thư ký của Sứ thần và hai phụ lễ mỗi người 3 thỏi bạc cùng trọng lượng như trên. Cho mỗi vị trong bảy quan chức văn, võ Trung Hoa lo an ninh: 1 livere quế hạng tốt; 5 thỏi bạc nặng mỗi thỏi 10 lạng; 20 tấm vải hoàng bố; 10 tấm vải xuân câu.

Cho mỗi trong 2 viên lục sự: 10 thỏi bạc; 3 tấm vải hoàng bố; 5 tấm vải xuân xâu. Còn cho thêm: Mỗi một trong số 42 người gánh vông: 5 lạng bạc; 5 tấm vải bông. Mỗi một người phụ gánh: 3 lạng bạc; 3 tấm vải bông. Mỗi người lính trong đoàn tùy tùng của phái đoàn: 3 lạng bạc; 3 tấm vải bông.

Khi vào Việt Nam, sứ thần sau khi qua ải Nam Quan đã đi theo đường Lương Sơn - Bắc Ninh. Dọc đường có nhà khách chính thức hay công quán (Cụm kiến trúc dùng cho việc đón tiếp các Sứ bộ) ở Đồng Đăng, Lương Mai, Lượng Nhơn, Bắc Hòa, Bắc Cần, Bắc Mỹ, Bắc Khiêm và Gia Thụy.

Công quán ở Đồng Đăng là một nhà vuông, hai phía phải

https://tieulun.hopto.org

và trái có thêm nhà phụ, mỗi nhà có 5 phòng chính, hai nhà ngang và một nhà có 5 phòng chính và 2 phòng ngang. Tất cả đều lợp ngói. Còn 7 chỗ khác, thì có xây dựng:

Một nhà chính, dành cho đoàn sứ giả có 5 phòng chính và 2 phòng ngang, một nhà trước có 7 phòng chính và 2 phòng ngang, tất cả thành một lâu đài với dãy nhà phụ 18 phòng và một nhà bếp 5 gian chính và 2 phòng ngang.

Một nhà chính cho các quan chức hướng dẫn, gồm có 3 phòng chính và 2 phòng ngang và một nhà trước có 5 phòng chính và 2 phòng ngang, tất cả đều cụm lại thành một nhà lớn, có chuồng ngựa và một bếp 2 gian chính và 2 nhà ngang và 1 nhà phụ có 8 phòng.

Một nhà chính cho các quan chức phụ trách tiếp tân, gồm có 3 phòng chính và 2 phòng phụ, Tất cả cụm lại thành một nhà lớn với nhà phụ 6 gian. Các ngôi nhà đều trang trí long trọng bằng các câu đối và các thảm thêu cùng với huy hiệu và cờ.

Nhà để cúng bái gồm 5 gian chính và 2 gian phụ với một hàng hiên. Trong gian giữa có đặt bàn thờ.

Hai trại lính cho quân đội, mỗi trại 5 gian chính và 2 gian phụ.

Tất cả các ngôi nhà đều lợp tranh.

Khi đến Gia Thụy, sứ thần nghỉ lại Công quán vùng ấy để dưỡng sức.

Khi đến và khi trở về, phái đoàn Trung Hoa đều được chiêu đãi một bữa cỗ thượng hạng (30 món). Sáu bàn thứ phẩm (40 món) và 29 bàn hạng ba (30 món mỗi bàn).

Còn bữa tiệc vào lúc lễ phong sắc có thêm cho bàn hạng ba 16 món tráng miệng và bàn thứ hạng hai 12 món. Đây là thực đơn ở bàn hạng nhất:

Yến sào; Vi cá nhám; Bong bóng cá; Hải sâm; Mực khô; Gà rô ti; Gà luộc; Vịt luộc; Tôm hùm; Thịt dê; Lòng lợn; Cua; Thịt nạc lợn, thịt chiên; Canh cá; Bồ câu; Thịt luộc; Thịt lợn rán; Đùi dê; Chả rán; Chả luộc; Chả hoa; Giò lợn hầm; Thịt vịt rán; Thịt vịt luộc; Gà luộc; Mè xững; Bánh rãn mỡ; Bánh ngọt; Bánh ngũ sắc; Bánh ít; Bánh bột sắn vàng; Bánh bột sắn trắng; Bánh in;

https://tieulun.hopto.org

Nếp lạm; Nếp lức; Quít; Cam; Chuối; Chè hạt sen; Bánh đậu xanh; Bánh gói giấy;

Đây là thực đơn của 16 món ăn tráng miệng thêm:

Bánh bát bửu; Bánh hình tứ linh; Bánh hoa; Mứt; Nho; Bánh hình nghêu; Trái "Sơn trà"; Mứt bí; Bánh thuẫn; Đậu phụng; Hạt dưa; Mứt gừng; Mứt gừng củ; Mứt vừng; Bánh ngọt hình trái lựu.

*

Số lượng quan văn, võ, hộ tống Hoàng đế trong hành trình của Ngài là 1.782 người và số binh sĩ là 5.150 người

Phái đoàn đến tả ngạn sông Hồng theo con đường Bắc Ninh, sang sông và đến bến đò phía nam. Họ vào trong thành phố bản xứ nằm giữa bờ sông và Kinh thành, bằng hai cửa: Phía thượng nguồn là cổng Quang Trường hay cửa Đông; phía hạ lưu qua cổng khác; có thể là họ đã qua cổng đầu, sau này là lãnh sự quán Pháp; Phái đoàn đi qua đấy và cũng chính gần đấy họ dựng lên một vọng lâu để đón tiếp sứ thần nghỉ lại, thay áo quần và dùng trà. Họ đi qua thành phố bản xứ trên một trong các trục lộ lớn từ các cổng hay dọc theo phía đông của Kinh thành và sau khi đã vòng quanh pháo đài Đông Nam và vào cổng Đông Nam, cao ráo hơn vì phía nam là khu vực chính của Kinh đô, một Kinh thành, một điện xế về phía đông và bên trái so với điện chính và đó là phía quý trọng hơn.

Cổng Châu Tước (Chim đỏ) là một trong các cửa có thể vào thẳng thành nội của điện Kính Thiên và ở đó là trung tâm của Kinh thành. Cái tên của cổng cũng chỉ phía nam: "Chim đỏ" là vật tượng trưng ngự trị ở phía nam Thành nội.

(Trích tập san "***Những người bạn cố đô Huế***" năm 1917)

6. CẢNH SỨ BỘ NHÀ THANH SANG PHONG VƯƠNG DƯỚI CON MẮT MỘT GIÁM MỤC

Sau đây xin trích một đoạn tả cảnh Sứ bộ nhà Thanh sang phong vương cho các vua Nguyễn do giám mục Pellerin thuật

https://tieulun.hopto.org

lại, được Cadiere dẫn, trong bài viết của mình đăng trên "*Những người bạn cố đô Huế*" năm 1916.

"Hoàng đế (Trung Hoa) chỉ định một Chánh sứ và một Phó sứ. Khi đến biên giới An Nam, Vua (An Nam) sẽ cử những vị quan đến đón họ và có trọng trách chờ đợi họ một cách cung kính. Các quan An Nam thi lễ kính cẩn, đón nhận cái tráp rồng đựng những phong phẩm của Hoàng đế, có nghĩa là phải quỳ ba lần, lạy chín cái (đầu cụng vào đất) trước cái tráp.

Quan An Nam phải quỳ một lần, lạy ba lạy trước vị đại diện của Hoàng đế phương Bắc.

Khi đoàn đến địa phận An Nam thì các giấy tờ từ triều đình Trung Hoa, và các đồ vật từ Hoàng đế Trung Hoa gửi đến phải được cất giữ tại nhà khách dành cho phái đoàn Trung Hoa.

Sau khi đã làm lại thủ tục quỳ lạy thường lệ trước các phong phẩm ấy, các đại diện An Nam phải lạy ba lạy trước các đại diện Trung Hoa và đại diện Trung Hoa không được miễn cho các đại diện An Nam khỏi phải lạy.

Vào ngày ấn định tuyên đọc các tờ sắc phong, Vua An Nam cùng Thái tử và quan chức đến nhà khách của các đại diện ở để làm lễ đón rước các văn kiện của Hoàng đế và cái tráp rồng. Sau khi đã lễ bái theo thủ tục trước các phong phẩm, vua về cung và tờ sắc phong đựng trong tráp rồng cũng như các tặng phẩm từ Hoàng đế được đặt vào một cái xe riêng (long đình) và đưa về Hoàng cung.

Đoàn sứ giả Trung Hoa được dẫn đầu bởi cờ hiệu Hoàng đế, trống và nhạc công, họ đi qua cửa chính và theo sau là các vật phẩm để trao gửi; họ bước lên các bậc thềm của điện vua. Trong giữa điện đã đặt sẵn một hương án và hai bên cạnh có hai bàn khác nữa. Hương án là nơi đặt các tặng vật của Hoàng đế Trung Hoa.

Vua, Thái tử cùng các quan lại An Nam làm lễ trước các vật ấy bằng ba quỳ, chín lạy và sau đó đến quỳ trước bàn đặt phong sắc để nghe đọc tờ này (tuyên chỉ). Khi đọc xong thì tờ sắc được đặt trở lại trên bàn và Vua lại quỳ ba quỳ lạy chín

https://tieulun.hopto.org

lạy rồi đứng dậy. Các sứ giả Trung Hoa cáo từ, Vua và đoàn tùy tùng tiễn chân họ đến tận ngoài cửa tam quan rồi trở về cung. Lễ sắc phong phải được cử hành trong gian phòng chính yếu của hoàng cung theo cách thức đúng như vừa nêu trên đối với việc ban phát tờ sắc. Chỉ khi nào nhận tờ sắc thì Vua An Nam mới được mọi người công nhận là Vua, mới có thể làm lễ báo cáo việc lên ngôi trước thần thánh tại các đền miếu, mới chính thức lãnh nhận được những tôn vinh đối với quan lại.

Sau khi nhận sắc, Vua phải đích thân đến tại nhà khách của Sứ bộ Trung Hoa để cảm tạ phái đoàn và vua Trung Hoa, để nói lời ái ngại đã làm phiền lòng họ và vua của họ. Như vậy các sứ giả Trung Hoa đã hoàn thành sứ mạng và trở về Trung Hoa để trình báo lại triều đình.

.... Tôi hình dung được sự ngạo của sứ giả Trung Hoa và tùy tùng của họ, sự kiêu ngạo mà đức khâm mạng sẽ chứng minh đã diễn ra trong các lễ nghi do vua Trung Hoa vạch ra: Ai đã đếm hết được bao nhiêu lần quỳ gối và vô số bái lạy mà các sứ giả của vua An Nam phải thực hiện để nhận cái văn kiện mà các sứ giả đã đem đến. Các sứ giả của Trung Hoa cũng không được từ chối các bái lạy đó chỉ vì ngoại giao? Vua Trung Hoa đã đề phòng sự tự ái kiêu căng của sứ giả An Nam có thể từ chối không chịu sự quỵ lụy nhục nhã ấy và để đề phòng lòng tham lam của các sứ giả Trung Hoa có thể biến thành tiền bạc đút lót lớn cho những hình thức lễ nghi mà họ phải làm.

Lễ phong sắc, theo người Trung Hoa, đem lại uy quyền cho vua An Nam. Trước khi phong sắc, vua An Nam chỉ mang tên Quốc trưởng (người đứng đầu trong nước) hay là (thủ lĩnh của nước) và cũng chỉ là Vương, Hoàng hay Vua là cùng. Khi đã được phong sắc, các vua ở Huế tự xưng là Hoàng đế đó là cách chống lại các thủ tục quy định của Trung Hoa và nhất là vào lễ đăng quang và tuyên ngôn long trọng về việc lên ngôi trong các cung điện, lăng miếu Hoàng gia, ở Nam Giao và Xã Tắc.... Và trong truyện ký của Đức Khâm mạng Pellerin có kể khi làm lễ phong sắc trong các văn kiện có vài điểm thay đổi.

https://tieulun.hopto.org

Các hình thức phong sắc đã đè nặng lên các vị vua chúa An Nam mà họ cho là nhục nhã. Đức Khâm mạng có nêu lên vài chi tiết về sự liên lạc thư từ giữa Bắc Kinh và Huế khi Tự Đức lên ngôi. Ngài kể rằng, các vị tiên đế đều phải ra Hà Nội để nhận văn kiện phong sắc. Họ theo tập quán cũ và họ tự nhận là kế vị của các vua Lê đã trị vì tại Hà Nội. Có lẽ họ phải tuân thủ các điều kiện do vua Trung Hoa đề ra mà dù ở trong Nam thì thủ đô Hoàng gia vẫn phải ở Hà Nội. Những cuộc hành trình xa xôi và lễ nghi long trọng, mệt nhọc cho tất cả mọi người và dân chúng phải tốn kém nhiều chẳng ai muốn cả.

7. PHAN HUY CHÚ ĐI SỨ VỀ BỊ CÁCH CHỨC

Phan Huy Chú (1782 - 1840), tên tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, là con trai thứ 3 của Phan Huy Ích, mẹ là con gái của Ngô Thì Nhậm. Phan Huy Chú sinh ra và lớn lên trong một gia đình khoa bảng, hai bên nội ngoại đều có nhiều người làm quan nên ngay từ nhỏ, ông được nuôi dạy rất chu đáo. Vốn thông minh lại cần cù, ông nổi tiếng hay chữ khắp vùng. Hai lần đi thi chỉ đỗ Tú tài, nên người đương thời gọi ông là Kép Thầy.

Tuy nhiên tiếng tăm ông lan đến Kinh đô. Năm 1821, Minh Mạng cho gọi ông vào Huế giữ chức Biên tu Trường Quốc Tử Giám. Năm 1825, ông được cử vào Sứ bộ sang Trung Quốc. Khi về được giữ chức Phủ thừa Phủ Thừa Thiên. Năm 1929 thăng Hiệp trấn Quảng Nam, ít lâu bị giáng về Huế giữ chức Thị độc Viện Hàn lâm. Năm 1831 được cử làm Phó sứ Sứ bộ sang nhà Thanh, khi trở về thì cả Sứ bộ bị giáng chức vì tội "lộng quyền". Phan Huy Chú bị cách chức. Năm sau bị Minh Mệnh bắt đi xuất dương hiệu lực sang Giang Lưu Ba (đi công cán do vua sai làm việc gì đó ở Indonesia ngày nay). Lúc về được giữ chức Tư vụ Bộ Công. Ông chán cảnh quan trường, viện cớ đau chân, xin từ quan về dạy học và viết sách. Ngoài bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên, ông còn viết nhiều sách, trong đó có các sách viết về thời đi sứ như *Hoa*

https://tieulun.hopto.org

thiều ngâm lục, *Hoa trình ngâm lục*, và *Hải trình chí lược*. Sau đây xin giới thiệu vài bài thơ trong *Hoa thiều ngâm lục* và những ghi chép trong *Hải trình chí lược*.

HÀNH CHÂU VŨ DẠ VĂN CHUNG
(Ở Hành Châu đêm mưa, nghe tiếng chuông)

Dịch thơ:

Con thuyền ngàn dặm lướt dòng Tương,
Xa cách Nam Quan mấy độ đường.
Mát rượi đêm mưa bên núi Nhạn
Lòng quê thao thức mấy tiếng chuông...

Trần Duy Vôn dịch

BẠCH TUYẾT ĐƯỜNG VĂN HƯNG
(Cảm hứng buổi chiều ở bờ đê Bạch Tuyết)

Dịch thơ:

Mây rừng nhợt nhạt ánh trời chiều,
Sóng biếc lăn tăn khách nhẹ chèo.
Nước tiếp sông Minh dòng ngược mãi,
Non phơi nước Việt, vẻ xinh nhiều.
Cây chào cờ sứ, rung rinh bóng,
Chim tiễn thuyền ai, rộn rã kêu.
Đường tới Nhật Nam (Việt Nam), gần trước mặt,
Non quê in ráng mộng hồn theo.

Miễn Trai dịch

Hải trình chí lược là một tập ghi chép của Phan Huy Chú khi được vua Minh Mệnh cử đi công cán ở Batavia, thuộc Indonesia. Ông đã ghi lại những nhận xét về một đất nước còn xa lạ với người Việt Nam lúc đó. Cuốn sách đã ghi khái quát về Tân Gia Ba (Singapore) về tổ chức cai trị, quân lính, giờ làm việc, chữ viết... Sau đây là một đoạn ghi:

"... Về y phục, họ coi trọng màu trắng, mặc áo ngắn, quần dài, đều bó sát người. Mũ và giày đều màu đen, trông cũng chỉnh tề và đẹp đẽ. Đại để, y phục của người Tây Dương đều

https://tieulun.hopto.org

giống người Hồng Mao (Anh) và Hòa Lan. Riêng người Đồ Bà (Javva) thì mặc áo dài quần rộng và đều dùng vải hoa mầu hồng màu lam, kiểu cách có khác. Người Tây Dương ở nhà lầu xây bằng gạch 2,3 tầng. Cửa bịt pha lê lóng lánh, cao rộng sáng sủa. Quan và dân đi lại phần nhiều dùng xe, ngựa xe nối tiếp. Trên bờ sông thì phố san sát. Khách buôn tụ cư trong cảng. Thuyền biển tụ hội, hàng hóa lưu thông. Đấy là nơi phồn hoa của hải ngoại..."

Lễ hàng tuần của người phương Tây

... " Tục lệ phương Tây cứ 7 ngày một lần tụ tập nhau đi chơi, ăn uống gọi là "du yến". Ngày hôm đó, nhà nước nghỉ làm việc, chợ không buôn bán... Nói về tập tục của họ thì khi ăn không dùng đũa mà dùng thìa. Uống nước hay pha đường và thích lạnh. Thức ăn là thịt đầy bàn, phần nhiều họ lấy tay mà xé. Thích uống rượu cả chai, dốc ngược lên trông như uống bằng mũi. Kiểu cách yến tiệc của họ khác với Trung Hoa....".

Xe cộ

"... Xe cộ của người Tây rất tinh xảo, vừa nhẹ vừa chắc. Xe có 4 bánh xinh xắn cỡ vừa phải. Kiểu xe dưới tròn, trên vuông. Chỗ tròn có 4 thanh sắt uốn cong đỡ lấy. Bên trong có ghế ngồi cao. Bốn bên có cửa sổ thoáng rộng. Khung gỗ ngang dọc đều thanh và chắc, tất cả đều sơn màu xanh thẫm, giát vàng tươi sáng. Bánh xe nhỏ nên dễ di chuyển, khi xe lượn vòng khó bị lật đổ. Hai con ngựa kéo phía trước, chạy như bay ... Xem thế thì biết xe của Phương Tây tốt hơn".

Lịch pháp

Lịch pháp của Phương Tây không giống với Trung Hoa. Ngày đầu hàng năm là ngày Đông chí của lịch Trung Hoa đến 10 ngày. Về tháng, thì không có tháng đủ, tháng thiếu, không có tháng nhuận. Số ngày mỗi tháng là 30 hoặc 31, suy đi tính lại cũng chỉ có 12 tháng. Có lẽ họ chỉ lấy số ngày dư của một

https://tieulun.hopto.org

năm tăng thêm vào các tháng mà không tính đến khí, sóc và trăng lúc vơi lúc đầy, không như các nhà làm lịch Trung Hoa (lấy tháng nhuận để định mùa thời) tháng, năm...

Phép lịch sự và tục lệ đô thị

"... Tập quán phương Tây, lễ tục giản dị, không chuộng đẳng cấp quyền uy. Khi lên xe và khi ngồi ghế thì quan và dân đều ngang hàng nhau. Lúc gặp nhau thì bắt tay nhau bằng tay phải để tỏ lòng kính trọng. Người dưới yết kiến giản dị, mỗi khi đi xe ra ngoài, thấy có người chào, tay kính cẩn liền dừng xe để đáp lễ...

Phố xá Giang Lưu Ba (Batavia) có quy củ, điều lệ tiêm tất, tề chỉnh. Đường phố ngang dọc đều ngay thẳng và rộng rãi. Trên cảng sông có cầu bắc ngang, có lan can gỗ đôi bên. Buổi sáng có những người phu mang thùng nước tưới đường để tiện cho xe đi lại. Ban đêm đi lại ngoài đường cho đến canh tư mới thôi. Trên đường đều có binh, lính, dăm ba người mang dao chia nhau đi tuần, gặp kẻ trốn tránh lập tức bắt giữ. Rõ ràng mà đầy đủ, khoan dung mà có thể chế, đó cũng là quy mô của một nước vậy..."

Dưới con mắt của một nhà Nho, chưa hề tiếp xúc với một nền văn minh nào khác Trung Hoa, những nhận xét đó là khá sắc bén, thấy được cái hay của người và cái dở của mình.

Quyển *Hải trình chí lược* đã được dịch ra chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp bởi 3 tác giả là Phan Huy Lê, Claudi Salmon và Tạ Trọng Hiệp. Sách dày 228 trang do Hội Archipel xuất bản ở Pháp năm 1994.

8. LÝ VĂN PHÚC: "NƯỚC TA KHÔNG PHẢI LÀ MAN DI"

Lý Văn Phúc quê làng Hồ Khẩu, huyện Vĩnh Thuận, nay thuộc phường Bưởi quận Tây Hồ, Hà Nội. Năm 1819, Lý Văn Phúc và em ruột là Lý Văn Hảo cùng đỗ cử nhân tại Trường thi Thăng Long, ông xếp thứ 2. Sau đó ông được cử làm Hàn Lâm Biên tu ở Sứ quán.

Dưới triều Minh Mạng, vào năm 1831, quan nhà Thanh là

https://tieulun.hopto.org

Trần Khải cùng binh lính bị bão đánh giạt thuyền vào vùng biển nước ta. Họ đã được các quan lại địa phương giữ lại và chu cấp cho ăn uống đầy đủ. Để giữ quan hệ hữu hảo với nhà Thanh. Triều đình đã phái Lý Văn Phúc làm trưởng đoàn sứ thần Việt Nam sang tỉnh Phúc Kiến để trao trả quân lính Thanh. Khi lên bờ, đến nơi trao đổi, Lý Văn Phúc cùng đoàn công cán nước ta thấy quan nhà Thanh đã treo bảng đề tại sứ quán, nơi Sứ bộ ta ở là "*Việt Nam di sứ quán*". Ông cùng các quan tùy tùng nhất định không vào. Ông nói với quan nhà Thanh: "Nước ta không phải là Man Di, nên ta không vào chỗ này". Quan nhà Thanh đã phải sai xóa dòng chữ đó. Quan sở tại là Hoàng Trạch Trung đã phải tới xin lỗi và cho thay bằng hàng chữ: "*Việt Nam Quốc sứ công quán*". Khi đó, ông mới chịu vào và bàn bạc, trao cho nhà Thanh danh sách các quan lại và binh lính đã bị bắt giữ vì bão đánh trôi dạt vào vùng biển nước ta. Ông đã làm một bài biện luận "*Di Biện*" nói rõ thế nào gọi là Man Di và nước Việt Nam không thể gọi là Man Di. Quan nhà Thanh đã phải nghe theo, công nhận, bỏ thái độ coi khinh người nước ta.

Xoay quanh câu chuyện người phương Bắc gọi nước ta là "*Man Di*" thì ở triều vua nào cũng đã xảy ra. Lê Quý Đôn, Vũ Huy Tấn đã bác bỏ việc dùng chữ *Di*, "*Di quan, di sứ...*". Đến đời Nguyễn, quan nhà Thanh lại vẫn dùng chữ *Di* để gọi nước ta. Đó là thái độ khinh mạn của người theo chủ nghĩa nước lớn sẵn có từ xưa.

9. VÌ SAO TỰ ĐỨC ĐỀ NGHỊ VỚI NHÀ THANH CỬ SỨ BỘ SANG PHONG VƯƠNG Ở HUẾ

Ba vua đầu Triều Nguyễn là Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đều nhận sắc phong vương của Triều đình Thanh ở Kinh đô cũ của nhà Lê là Thăng Long - Hà Nội. Đến khi Tự Đức lên ngôi vua, ông muốn được Sứ bộ nhà Thanh phong vương ở Huế chứ không phải ra Hà Nội. Sách *Đại Nam thực lục* viết:

https://tieulun.hopto.org

"Nguyễn Đăng Giai và Tôn Thất Bạc đề nghị Sứ bộ Việt Nam thương lượng với triều đình Bắc Kinh đổi nơi làm lễ thụ phong, chuyển từ Hà Nội về Huế. Họ đã nêu ba lý do sau:

1. Vì triều Nguyễn đã dời đô từ Hà Nội về Huế, nên kể từ đó, Hà Nội chỉ còn là một tỉnh thành. Trung Hoa đã đồng ý đổi tên An Nam là Việt Nam.

2. Huế là kinh sư căn bản trọng địa. Nếu Nhà Vua đi ngàn dặm tuần du không khỏi không lo về sự xảy ra bất ngờ.

3. Như vậy có thể tiết kiệm được cho chuyến đi của Vua."

Giám mục Pellerin, Phó Đại diện Tổng tòa tại Giáo phận Đông Đàng Trong (khu 5 ngày nay), đang ở Việt Nam vào lúc diễn ra lễ thụ phong của vua Tự Đức, viết:

"Huế, Kinh đô xứ An Nam ngày 16 tháng 12 năm 1849

... Cho đến nay, lễ thụ phong vẫn tiến hành ở Kẻ Chợ, xưa kia là Kinh đô của Vương quốc và là nơi ở của các Vua. Kể cả khi Đàng Ngoài và Đàng Trong đã hợp thành một nước với Kinh đô là Huế nằm ở phía bắc Đàng Trong, các Vua còn đi ra Kẻ Chợ để gặp các sứ thần Trung Hoa ở đó. Khi Vua Tự Đức lên ngôi, các quan đã xin Vua yêu cầu các sứ giả của Thiên triều đến làm lễ phong vương cho Nhà Vua ngay tại Kinh đô (hình như người ta còn định là nếu Trung Hoa từ chối, người ta sẵn sàng không tuân theo thủ tục tấn phong). Sau vài cuộc thương lượng, Trung Hoa đã chấp thuận yêu cầu của Vua mới và ngay sau khi tin tức về sự nhượng bộ này đến An Nam, người ta đã vội vàng sắp xếp để Sứ bộ nước ngoài có một ấn tượng về sự lớn mạnh của Vương quốc An Nam."

Hai năm sau, 1851, giám mục Retord đã làm sáng tỏ thêm việc Tự Đức yêu cầu Sứ bộ nhà Thanh vào Huế phong vương:

"Một tai họa đầu tiên cho đất nước này là chuyến đi của sứ giả Trung Hoa, họ đã đến đây vào khoảng giữa năm ngoái, do Hoàng đế Trung Hoa cử để mang sắc phong vương cho ông Vua nhỏ của chúng ta. Theo tập quán, sứ giả chỉ đến Kinh đô của Đàng Ngoài và Vua mới phải từ Đàng Trong đi ra. Nưng ông Vua hiện nay... sợ rằng nhân dịp mình đi ra Bắc, *anh cả của*

https://tieulun.hopto.org

ngài sẽ lợi dụng lúc ngài vắng mặt để lên tiếm ngôi, nên không dám dời khỏi trung tâm đất nước. Chính vì vậy, Nhà Vua đã yêu cầu và đã được cho phép khỏi phải thân hành ra Đàng Ngoài, và các sứ giả Trung Hoa sẽ phải vào tận Phú Xuân để thi hành nhiệm vụ".

Đây có thể là nguyên nhân chính để Tự Đức yêu cầu Sứ bộ nhà Thanh sang phong vương cho ông phải vào Huế.

Sự thật về việc sợ người anh tiếm ngôi Vua như thế nào?

Theo *Đại Nam thực lục* thì trước khi từ trần, ngày 25 tháng 10 năm 1847, Thiệu Trị cho gọi 4 đại thần là Trương Đăng Quế, Lâm Duy Thiệp, Vũ Văn Giai, Nguyễn Tri Phương đến bên giường bảo cho họ biết ý định chỉ định con thứ hai là Hồng Nhậm kế vị, thay vì con trưởng là Hồng Bảo.

Nhà Vua nêu lý do: "Các con ta, Hồng Bảo tuy lớn, nhưng là con vợ thứ, mà lại ngu độn, ít học, chỉ ham vui chơi, không thể để cho kế thừa nghiệp lớn được. Hoàng tử thứ hai là Phước Tuy Công (Hồng Nhậm) thông minh, nhanh nhẹn, chăm học, giống như ta có thể nối ngôi hoàng đế...".

Sau đó Thiệu Trị cử 4 đại thần để giúp vua mới. Hồng Nhậm lên ngôi vua lấy niên hiệu là Tự Đức (có nghĩa là thừa tự những đạo đức).

Nhưng theo một số tài liệu khác (của các giáo sĩ) việc đưa con thứ là Hồng Nhậm lên nối ngôi là do hai đại thần là Trương Đăng Quế và Nguyễn Tri Phương. Trong ngày đăng quang của Tự Đức, Hồng Bảo đang dự đã ngất xỉu, người ta phải vực dậy. Sau này Hồng Bảo đã âm mưu liên hệ với các thế lực giáo dân để lật đổ Tự Đức nhưng không thành.

Vì vậy việc Tự Đức xin phong vương ở Huế có ý nghĩa vô cùng quan trọng: nó cho phép Tự Đức khẳng định tính chính thống của việc nối ngôi với Triều đình, trong hoàng tộc, gạt bỏ hẳn ý định nhòm ngó lật đổ của người anh là Hồng Bảo. Nó cũng tạo nên một tiền lệ là từ nay việc phong vương của triều đình Trung Hoa cho các vua sau (nếu có) sẽ không diễn ra ở Thăng Long Kinh đô cũ của nhà Lê mà phải diễn ra ở Huế.

https://tieulun.hopto.org

Kinh đô của nhà Nguyễn; các vua nhà Nguyễn sẽ không phải đi xa, hạ mình để nhận sắc phong của Thiên Triều; nó đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa là Trung Quốc hoàn toàn thừa nhận một triều đại mới tách ra khỏi triều Lê: Triều Nguyễn độc lập với sứ mạng trước lịch sử Việt Nam.

Lễ thụ phong diễn ra ngày 10 tháng 9 năm 1849 đã được giám mục Pellerin miêu tả: "... Địa điểm hành lễ là nơi cung điện Vua nơi các quan triều yết. Buổi sáng, 6 phát đại bác báo là các sứ thần vừa rời cung quán, và sau đó không lâu, 9 phát đại bác nữa cho biết họ đã đến cổng thành nội. Tự Đức đã đến đó, Vua ra ngoài cổng thành để đón các vị sứ thần, vừa thấy nhà Vua, các sứ thần xuống kiệu cùng vào thành nội. Vua đi bên phải, các sứ thần đi bên trái. Sắc phong của Hoàng đế (Vua Thanh) được đặt trên một hương án thay ban thờ giữa hương trầm nghi ngút. Lúc đó vị quan phụ trách nghi lễ báo cho Vua bước lên và Tự Đức đến trước bàn hương án, phủ phục 5 lần, sau đó Vua vẫn tiếp tục quỳ gối. Viên chánh sứ cầm sắc giao cho nhà Vua, Vua nâng tờ sắc phong lên trên đầu, quỳ lạy một cách long trọng. Sau đó sắc được giao cho một ông hoàng và nhà Vua lại phải chào một lần nữa bằng cách phủ phục 5 lần. Xong việc Tự Đức tiễn các sứ thần ra về đến ngoài cổng thành và ai về nhà ấy theo thứ tự lúc đến."

Sau đây là cảnh tả lại buổi lễ thụ phong của Tự Đức ở Huế do Thượng thư Bộ Lễ triều đình Huế cung cấp. Ngô Đình Khôi dịch ra tiếng Pháp đăng trong tập san *Những người bạn cố đô Huế* (năm 1916) (Bản dịch lại ra tiếng Việt từ tiếng Pháp):

10. ĐOÀN SỨ GIẢ TRUNG HOA SẮC PHONG VUA TỰ ĐỨC TẠI HUẾ

Lễ sắc phong vào năm thứ II niên hiệu Tự Đức (1849). Phái đoàn Trung Hoa gồm có án sát (quan Bộ Hình) tỉnh Quảng Tây tên là Lao Sùng Quang chánh quán Trường Sa, tỉnh Hồ Nam làm Chánh sứ, Lê Lương Trạch cấp bậc Dụng đạo và Trương

https://tieulun.hopto.org

Như Đình, Tri phủ.

Khi phái đoàn Trung Hoa qua khỏi cửa ải Nam Quan thì các quan tỉnh Lạng Sơn, cùng với các quan phụ trách việc tiếp tân trong suốt thời gian đoàn Trung Hoa ở lại An Nam, lo sắp đặt trên địa phận phủ Thái Bình hai hương án và một chiếc kiệu được vẽ hình rồng. Kiệu là để khiêng sắc phong và tặng phẩm do Hoàng đế Trung Hoa gửi sang nhân dịp lễ cùng với tờ sắc. Đi ngang qua đâu, thì các phủ huyện, tổng, làng đều phải treo biển ngữ bằng giấy đỏ mang hai chữ to: "*Cung nghinh*" (đón tiếp cung kính) ở chỗ đi vào địa phận.

Khi họ đi qua các đền chùa nổi danh như Phục Ba, Quỷ Môn cũng như các lăng tẩm thì người ta cúng lễ tam sinh. Khi đến địa phận của tỉnh nào, thì quan chức của các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình phải gửi thiếp chào, quà biếu và ba mâm thức ăn đến Đại sứ.

Đến bến đò Hồ Xá phía bắc tỉnh Quảng Trị, đoàn được các quan tiếp tân của Kinh đô đến đón tiếp. Các quan cùng với 1 đoàn thuyền trương cờ xí chở 1400 lính bộ và 1000 lính thủy, đi theo thứ tự, đến đón đoàn và đưa đoàn về bến đò Hương Giang. Để chào mừng ngày này, người ta treo cờ lên trên các cổng thành vào kéo một lá cờ lớn màu vàng tung bay trên cột cờ. Từ bến Hương giang đến sứ quán (ngôi nhà sau này dùng cho cơ quan ngoại giao) Thượng thư Bộ Binh bố trí tiêu binh cùng 200 ngựa xếp hàng 2 bên đường với cờ, biểu, nghi trượng để đón Sứ bộ và đưa Đại sứ qua cửa Đông Nam (cổng số 8) đến góc Đông Nam của sứ quán.

Các quan chức Tỉnh Thừa Thiên và các quan phụ trách nghinh tiếp đến trao thiệp chúc tụng và quà biếu cho Đại sứ để hoàn thành lễ tiếp tân. Một chức sắc Hoàng gia cũng đến trao thiệp thăm viếng của Vua và quà biếu, cũng mục đích như vậy.

Ngày 22 tháng 7 là ngày sắc phong. Ba hồi trống trên cửa Ngọ Môn vang lên, các quan được đặt dưới quyền điều khiển của sứ quán và quan phụ trách tiếp đoàn, từ đầu canh năm đã

https://tieulun.hopto.org

ra lệnh cho sĩ quan, binh lính áo mũ rực rỡ cùng với những người mang cờ biển của Đại sứ, dàn hàng trước sứ quán; một trăm ngựa cũng được chuẩn bị cho tùy tùng của đoàn.

Từ sáng sớm, các đại diện Hoàng gia, các quan văn, võ mặc triều phục sắp hàng đứng đợi hai bên tả hữu. Quan tam phẩm và cao hơn đứng trên sân triều, quan tứ phẩm và thấp hơn đứng hai bên cầu Kim Thủy. Một chức sắc Hoàng gia phẩm trật trên nhất phẩm và hai quan phụ trách tiếp tân đi đến sứ quán dẫn theo các thông ngôn, các sĩ quan đứng đầu 500 lính có cấp bậc của Hoàng gia, cùng 50 người để khiêng kiệu có tờ sắc, khiêng 2 hương án, kiệu ngồi của Đại sứ, cầm long đình lọng và kiếm. Đoàn ca nhạc cũng đi theo với họ.

Các quan phụ trách tiếp tân quỳ xuống vái ba vái và mời Đại sứ lên đường. Khi long đình ra khỏi sứ quán thì được chào mừng bằng ba phát súng lệnh. Ba hồi trống được đánh lên để báo hiệu xuất hành. Vị chức sắc Hoàng gia và các quan tiếp tân lên ngựa dẫn đầu đoàn người mang cờ, biển và trướng. Tiếp theo là đội nhạc công, rồi hương án, rồi những người lính mang kiếm, lính khiêng kiệu, kiệu có Đại sứ. Tiếp theo đoàn phụ tá cũng ngồi trên kiệu hay trên ngựa. Sau cùng là các quan chức, nhân viên, thông ngôn đi ngựa hay nằm võng.

Đến góc Đông Nam của Hoàng Thành, đại diện của Hoàng gia quan chức, nhân viên và những người tùy tùng của Đại sứ dều xuống đi bộ; các phụ tá của Đại sứ đến Đại tướng quân xưởng mới xuống. Vị Đại sứ thì được ngồi kiệu cho đến tận bên trái lều đón tiếp.

Đức Vua, đội mũ chín rồng, khoác hoàng bào, lưng đeo đai ngọc, đứng bên phải, phía trong lều đón tiếp. Người ta dựng trước điện Thái Hòa một ngôi nhà lớn tạm dùng được gọi là Thể Điện (điện lụa hoa) và từ điện này trở ra dựng thêm các lều đón tiếp Trương Thứ cho đến cầu Kim Thủy. Trên nền sân trước các điện và lều đều có trải chiếu.

Kiệu mang tờ sắc đi ngay vào giữa lều tiếp tân. Vua quỳ xuống cùng với các quan phụ trách tiếp tân được gọi là Khâm

https://tieulun.hopto.org

Mạng và Khâm Điểm, các chức sắc đại diện Hoàng gia và các quan văn võ. Tất cả họ chỉ đứng dậy khi kiệu đã đi qua. Trước đó, khi kiệu đi qua cổng giữa Ngọ Môn, được đón chào bằng chín phát súng. Kiệu đi qua cầu giữa, đi ngang gian giữa của điện Tuyên Đức được dựng tạm ở phía Nam của Thể Điện, đi ngang qua lối chính của sân danh dự rồi cùng với các hương án đi lên các bậc chính giữa để vào an vị tại gian giữa của Thể Điện.

Lúc Đại sứ đến lều tiếp tân Vua chào bằng một cái cúi đầu trang trọng rồi hai người cùng đi trên lối đi chính giữa đến Thể Điện. Đại sứ bước qua các bậc thềm bên phía đông, Vua đi thềm phía tây.

Đứng trước thềm là các chức sắc Hoàng gia và các quan chức trong đoàn tùy tùng của Đại sứ. Một vị quan cử lễ mời Đại sứ đến đứng ở chỗ đã được quy định phía đông của hương án, có nhích về phía nam một chút, mặt hướng về phía tây. Các quan xướng lễ ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng đến đứng vào vị trí"[1] (phía tây các hương án có nhích một chút về phía nam mặt hướng về phía đông).

Các quan xướng ở ngoài hô: "Các chức năng liên quan hãy làm công việc, mọi người hãy sắp hàng" "Hàng phải ngay thẳng".

Các quan xướng ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng đến chỗ đứng lạy". Chỗ này ở phía nam chỗ đứng của vị quan có trách nhiệm nhận tờ sắc của Vua Trung Hoa. "Kính mời Hoàng thượng lạy" (Vua lạy năm lần) " Kính mời Hoàng thượng đứng dậy". Các vị xưng lễ ở ngoài xướng "Bắt đầu làm lễ nhận tờ sắc của Hoàng đế".

Các quan xướng ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng đến trước kiệu có tờ sắc" "Hoàng thượng vào thế quỳ".

Các quan xướng ở trong hô: "Xin mời đọc sắc chỉ của Hoàng đế".

Hai vị quan đã được chỉ định tiến đến mở bức thư, một vị

---

[1] *Tất cả các khẩu lệnh này đều hô bằng từ Hán. Trong câu này được hô là "Tấu Nghệ bái vị"... Ở đây dịch sang tiếng Việt để người đọc dễ tiếp thu.*

https://tieulun.hopto.org

quan được Đại sứ chỉ định tiếp đọc to sắc chỉ và trao lại cho Đại sứ.

Các quan xướng bên trong hô: "Kính mời Hoàng thượng nhận phong sắc".

Đại sứ cầm lá thư của Hoàng đế Trung Hoa và tờ phong sắc trao lại cho Vua, Vua nhận cúi đầu chào sau đó trao lại cho các chức sắc đại diện Hoàng gia quỳ bên cạnh. Các chức sắc và Đại sứ trở về chỗ.

Các vị quan xướng ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng trở về chỗ lạy".

Các quan xướng ở ngoài hô: "Lễ cảm ơn bắt đầu".

Các quan xướng ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng lạy" (5 lần). "Kính mời Hoàng Thượng đứng lên", "Kính mời Hoàng thượng đứng nguyên tại chỗ".

Các quan xướng ở ngoài hô: "Giải tán hàng ngũ". "Buổi lễ kết thúc".

Vua quay lại và chào Đại sứ bằng một cái cúi đầu cung kính. Một quan cử lễ mời Đại sứ bước xuống các tầng cấp phía đông.

Các quan xướng ở trong hô: "Kính mời Hoàng thượng bước xuống qua thềm phía tây".

Về điện Tuyên Đức. Vua ngồi trên ghế bên phía tây và Đại sứ ngồi phía đông để dễ dùng trà. Các đại diện của Hoàng gia, và tất cả các quan chức đứng chầu bên phải và trái của sân chầu. Các thông ngôn mời các vị phụ tá của Đại sứ vào dùng trà trong các lều tiếp tân bên trái.

Sau khi dùng trà Vua tiễn Đại sứ về chào bằng một cái cúi đầu. Đại sứ bước ra khỏi điện tiếp tân. Vua trở về cung, các chức sắc Hoàng gia và quan chức giải tán.

Đại sứ lên kiệu, tiếp theo là đoàn phụ tá được hộ tống trở về nhà khách và ở đây đã được soạn sẵn bữa tiệc chiêu đãi rất long trọng cùng các quà biếu như thủ tục.

Ngày hôm sau, Đại sứ và cả đoàn tùy tùng gửi lời cáo từ trang trọng đến Vua và lên đường trở về trong một đoàn hộ tống giống như khi đến. Khi đến Nam Quan, thì các quan đặc

https://tieulun.hopto.org

trách đưa tiễn, các quan phủ, quan huyện trao đổi lời từ biệt với Đại sứ và tùy tùng; rồi thì ai đi đường ấy.

11. TRÍCH TƯỜNG THUẬT CẢNH SỨ BỘ NHÀ THANH SANG PHONG VƯƠNG CHO TỰ ĐỨC CỦA GIÁM MỤC PELLERIN

(Do Cadiére dẫn lại trong bài viết của mình)
đăng trên "*Những người bạn cố đô Huế*" 1916

".... đức cha Pellerin nói: "Các sứ giả Trung Hoa tỏ ra khinh miệt người An Nam. Trong hành trình họ hạch sách đủ điều, xài phí vô tội vạ các lương thực thực phẩm đóng góp cho họ. Những thứ không dùng họ ném xuống ruộng hoặc xuống sông. Tuy nhiên, tính tham ăn là bản nhiên đối với họ: ở các trạm nghỉ, họ cân con người để xem có sút cái khối thịt đi không, và nếu có nhẹ đi chút nào thì họ ở lại ăn cho đến khi đủ cân mới chịu đi."

Đức cha Pellerin nói: "Tất cả dân chúng ở hai bên đường có phái đoàn đi qua đều phải làm việc phục dịch trong bốn năm tháng". Con chiên cung cấp tin tức cho Đức cha ở đây rất đông. Trong các sự việc được Cha Pellerin kể như trên, tôi nhận thấy thực sự có cái âm vang của những điều nhạo báng từ phía người dân thường An Nam khi thấy các người Tàu bụng phệ, bao tử to, béo mỡ và đầy đủ lại tự cân ở từng trạm và đòi ăn cho đến khi phục hồi. Nếu như người Trung Hoa khinh miệt người An Nam thì người An Nam vốn là dân tộc hài hước khôn lanh, đã trả giá lại bằng những lời giễu cợt và đả kích cay cú mà khổ thay cho các sứ giả và bọn tùy tùng là chẳng biết gì hết!

"Đoàn khoảng một trăm bốn mươi người: đầu đoàn là một vị quan bậc nhì sứ giả, rồi đến ba vị quan trung cấp, một thông ngôn, bốn hay năm phù thủy hay thầy xem thiên văn, và còn lại là quân lính". Họ du hành không vội vàng.

"Người ta phải gấp gáp chuẩn bị đầy đủ để tạo cho phái đoàn nước ngoài có một ý niệm lớn hơn về đất nước An Nam... Người ta quyết định chỉ cho đi ít trong mỗi ngày, để phái đoàn

https://tieulun.hopto.org

thấy đi lâu mà nghĩ rằng đất nước này là mênh mông. Cứ mỗi chặng đường độ 4 đến 5 dặm, họ lại dựng một nhà sang trọng cho phái đoàn và tùy tùng nghỉ chân.

Bốn đến năm dặm là khoảng cách thông thường giữa hai trạm. Như vậy là các sứ giả mỗi ngày chỉ dừng chân một lần mà thôi. Có thể là một sự dừng chân vài giờ để ăn uống. Dù sao kể từ khi đến biên giới phía Bắc của Bắc Kỳ, thì phái đoàn phải đi một tháng để đến Huế. Một chi tiết đặc biệt rất An Nam: "Phái đoàn được công bố nhiều lần".

An Nam của năm 1849 cũng như ngày nay, mỗi khi có các quan lớn đi ngang qua quốc lộ, thì họ được công bố nhiều lần, và đây là điều phiền phức cho dân chúng bị buộc phải tránh xa nhiều lần một cách vô ích.

Ngày 17 tháng 7 (Âm lịch) nghĩa là 5 tháng 9 năm 1849 "Các sứ giả đến Kinh đô và được đón tiếp bởi nhiều quan lại lớn nhỏ y phục đại triều". Sự đón tiếp các sứ giả Trung Hoa là ở ngoại thành, nhưng tại chỗ nào mới là chính xác? Khi đến chợ Huyện, ranh giới Bắc Quảng Trị thì họ không đi đường bộ mà xuống thuyền đi trên các con sông nhỏ và sông lớn nối liền Quảng Trị và Thừa Thiên. Trong trường hợp này, thì sự gặp gỡ giữa phái đoàn và quan chức An Nam tiếp tân ắt phải diễn ra ở Bao Vinh hay ở sông Đông Ba, trước một trong hai cổng, có thể là cổng IV. Hoặc giả cứ đi đường bộ đến Huế, theo đường cái quan thì họ sẽ được các quan chức An Nam đón tiếp phía bắc Kinh thành tại chợ An Hòa. Theo thủ tục ngoại giao như chúng ta đã xem ở trên thì tại đây các quan chức cũng phải làm giống như các quan chức khác đã làm khi phái đoàn vào địa phận An Nam "Ba quỳ chín lạy (cúi đầu sát đất) trước tráp đựng tờ sắc và một quỳ ba bái trước Chánh và Phó sứ giả Trung Hoa". Người Trung Hoa là bậc thầy và cấp trên đến với kẻ dưới nên buộc kẻ dưới phải có cử chỉ phục tùng.

Phái đoàn ở đấy trọn bốn ngày để lấy lại sức sau cuộc hành trình và cũng có thể làm vài cuộc du ngoạn trong thành phố và ngoại ô.

https://tieulun.hopto.org

Ngày 22 tháng 7 (10 tháng 9 năm 1849) là ngày được quy định làm lễ phong sắc và vị trí là tại nhà thiết triều. Như vậy khi các sứ giả vào điện Thái Hòa và lễ lạy lớn diễn ra. Tại đây vua đứng đầu các quan để cùng nhau lạy. Ta có thể hình dung cảnh tượng giống như khi tế Nam Giao là khi Vua làm lễ lạy trời. Trong lễ sắc phong, thì Vua quỳ lạy trước tờ sắc của Con Trời. "Tăng sang, sáu phát súng lệnh báo tin là các Đại sứ rời khỏi nhà khách, và tiếp đó là chín phát báo tin họ đã đến trước Hoàng thành". Cửa này phải là cửa chính, tức là Ngọ Môn, và các sứ giả phải đi qua cửa giữa.

Theo nghi lễ Trung Hoa thì Tự Đức đáng lẽ phải đến tận nhà của các sứ giả để long trọng làm lễ rước các văn kiện của Hoàng đế và cái tráp chín rồng. Nhưng thiết nghĩ Vua đã được miễn các thủ tục hạ mình đó. Đức cha kể lại rằng: "Vua Tự Đức đã đến trước cửa Ngọ Môn và khi các sứ giả đến thì ra khỏi cửa để đón chào các sứ giả". Theo tôi nghĩ chỉ một vài bước của Vua ra khỏi Đại Nội để ra đón các sứ giả Trung Hoa cũng thỏa mãn các yêu cầu của nghi thức ngoại giao và đủ để thay thế cho việc Vua đến thăm các sứ giả tại nhà khách.

"Khi các sứ giả thấy Vua, thì họ xuống kiệu và tất cả cùng vào một lần. Vua bên phải, các sứ giả bên trái; một lần nữa, tôi rất khâm phục tính chính xác của các thông tin do đức cha Pellerin đưa ra. Trong các chi tiết đó tôi thấy có bằng chứng của nhiều nhượng bộ về phía Trung Hoa. Thường thì Vua An Nam phải đến viếng thăm các sứ giả ở nhà khách rồi trở về cung. Sau đó các sứ giả như là những người chủ, tự đi một mình qua cửa chính của Ngọ Môn. Người ta đã miễn cho Vua Tự Đức khỏi phải đến thăm ở nhà khách. Tuy nhiên một khi Vua ra đón các sứ giả rồi bước trước mà đi vào thì không được, mà nếu đi sau thì tỏ ra quá quỵ lụy. Vậy là một biện pháp dung hòa đã được vận dụng, nghĩa là Vua cùng các sứ giả đi ngang hàng nhưng phía vinh dự bên trái dành cho các con trời. Như vậy thì mọi thủ tục lịch sự đều được bảo đảm và không bên nào lòng tự ái bị thương tổn. Nếu muốn biết rõ các khó khăn khi phải giải quyết các việc nhỏ nhặt trong

https://tieulun.hopto.org

vấn đề đặc quyền ưu tiên ngoại giao tại Huế thì mong sao người ta sẽ đọc lại, viết lại các sự kiện đã xảy ra, đọc lại các thư văn đã được trao đổi giữa triều đình An Nam với đại diện Pháp liên quan tới việc đi vào Đại Nội. Và buổi lễ tiếp tục trong không khí trang nghiêm. Tờ sắc phong của Hoàng đế được đặt giữa các lọ trầm trên một cái bệ hay nói đúng hơn là cái bàn thờ; vị quan cử lễ mời Vua bước tới, lạy năm lạy và quỳ xuống. Sứ giả trưởng đoàn cầm tờ phong sắc, đứng trước ban thờ, đọc hết và giao lại cho Vua. Vua nhận rồi đưa ngang trên đầu, vái một vái và giao lại cho một trong các vị Hoàng tử. Vua lại lạy thêm năm lần tờ phong sắc. Lạy xong, Vua Tự Đức tiễn Sứ giả ra ngoài cửa và họ về đúng theo trật tự như khi đến".

12. BÙI NGỌC QUỸ (1796 - 1861) LÀM THƠ TẢ CẢNH ĐI SỨ TRONG "YẾN ĐÀI ANH THOẠI"

Bùi Ngọc Quỹ còn gọi là Bùi Quỹ, người làng Hải Thiện, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Ông đỗ cử nhân năm 1828, đỗ tiến sĩ năm 1829. Sau khi đỗ được bổ chức Hàn lâm viện Biên tu, điều đi làm Tri phủ Thiệu Phong, thăng án sát Quảng Trị, rồi được điều về Kinh đô làm Biện lý Bộ Công, thăng Hữu Thị Lang, Tham tri Bộ Hình năm 1841. Năm Tự Đức Nguyên niên, ông được cử làm Chánh sứ sang Thanh. Ông có viết *Yến Đài anh thoại* là tập bút ký bằng thơ xen lẫn văn xuôi, ghi lại hành trình đi sứ. Tác phẩm viết theo thể thất ngôn trường thiên gồm 224 câu (61 đoạn mỗi đoạn 4 câu). Sau mỗi câu hoặc mỗi đoạn có thuyết minh bằng văn xuôi ghi những điều tai nghe mắt thấy trên đường đi.

Ở đây xin trích một số đoạn:

Dịch nghĩa:

1. *Mở cửa quan, gió nam thổi, cờ bay phất phới,*
   Lính canh đeo cung kiếm, hai bên đường đon tiếp.
   Mỗi bước chân, cảnh núi thêm lạ mắt khách,
   Sớm ra đi từ Mạc Phủ, tối đến Hàng Thành.

https://tieulun.hopto.org

Tiểu dẫn của tác giả:

"Ngày 14 tháng 5 đến phủ Trường Định (xưa là Đăng Dung), sáng sớm ngày 18 vào đài Ngưỡng Đức (ở phía nam cửa quan xưa lợp tranh, năm Cảnh Hưng thứ XLV đời Lê, ông Nguyễn Trọng Đương ở Lạng Sơn mới làm lại bằng ngói), tiếp được danh thiếp thăm hỏi của các quan chức nhà Thanh: Vũ công Tướng quân là Minh Lộc, Tri phủ Thái Bình là Vương Thức Hòa, Tạm lãnh việc phủ Thái Bình là Từ Sĩ Hạnh, Chiêu vũ Đô úy của Doanh Quỳ Đạo là Vương Ứng Tuyển, Vũ lược Kị ứng ở Trấn Nam Quan là Chung Quảng Nhân người ban tống giữ chức Trung hiếu Đại phu, Tri phủ mới bổ làm Binh bị đạo là Mỵ Lương Trạch, v.v... Sứ bộ cũng thông danh thiếp lại.

Ở đất Trung Quốc, cứ 10 dặm hoặc 4,5 dặm đặt một điếm canh đê hoặc trạm kiểm soát, có 6,7 người lính giữ việc xét hỏi kẻ gian phi và truyền đệ công văn. Khi hộ tống Sứ bộ, họ đều đeo cung kiếm, đốt pháo, quỳ gối mà đón tiếp. Nếu đi thuyền thì ở hai bên bờ sông cũng đón tiếp như thế.

Qua cửa quan 20 dặm đến một nơi gọi là Mặc Phủ. Nhà cửa chỉnh tề. Tương truyền khoảng niên hiệu Càn Long nhà Thanh, Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị, đem quân sang nước Nam, tạm đóng quân ở đây, do đó thành có tên Mặc Phủ. Lại đi 30 dặm nữa đến thành Thụ Hàng, cái tên này không có bia để tra xét. Có thuyết cho là khoảng Gia Tĩnh nhà Minh, họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, vua nhà Minh sai Đại tướng Mao Bá Ôn đem binh hỏi tội. Mạc Đăng Dung đem gia quyến đến xin hàng. Mao Bá Ôn nhận lễ xin hàng ở đây, từ đó gọi là Thụ Hàng Thành (thành nhận sự đầu hàng)".

2. *Thành phố Nam Ninh ôm núi Ngũ Phong xanh xanh cao ngất,*
Là nơi phồn hoa, xưa gọi Tiểu Nam Kinh.
Đến trên sông, sực nhớ chiến dịch Ung Châu.
Cây cỏ còn ngờ là binh mã họ Lý.

"Phủ Nam Ninh, xưa là Ung Châu, trong thành có núi Ngũ Hoa Phong, phố xá sầm uất, thuyền bè tấp nập gọi là

https://tieulun.hopto.org

Tiểu Nam Kinh. Tương truyền có 2 cột đồng, một ở Tả Giang, một ở Hữu Giang.

Vào năm thứ IV niên hiệu Thái Ninh triều Lý Nhân Tông (1075) (Tống Hy Ninh V) nhà vua sai Lý Thường Kiệt đem 10 vạn binh, chia 3 đường đánh Ung Châu, truyền hịch kể tội Vương An Thạch đặt pháp chế mới, nhiễu hại nhân dân, chém Đô giám là Trương Thủ Tiết, phá thành Ung Châu, Tri châu là Tô Giám chết. Đó là chiến công đệ nhất của nước ta. (Đây là một chiến lược tấn công để phòng ngự của Lý Thường Kiệt. Lúc ấy nhà Tống có âm mưu thôn tính Việt Nam, ngầm sai Tô Giám chuẩn bị vật chất cho cuộc xâm lược như tích trữ lương thực, v.v... Ở Ung Châu. Lý Thường Kiệt dò biết nên chủ trương tấn công trước. Chiến thắng Ung Châu bẻ gãy âm mưu xâm lược của nhà Tống)".

3. Tướng quân "khuân gạch" còn lưu lại ngôi miếu cổ,
(Đào Khản).
Tên đất vốn gọi theo danh hiệu chúa quan.
Không còn phấn son của mấy nàng họ Dương
(Dương Quý Phi).
Vải chín vàng chỉ có tiếng chim kêu.

"Huyện Bình Nam thuộc phủ Tầm Châu. Đời Tấn, Bình Nam Tướng quân là Đào Khản sinh ở đây, sau nhân đó đặt tên huyện. Trong thành còn đền thờ ông. Chị em Dương Thái Châu (Dương Quý Phi) cũng sinh ở ấp bên quê Đào Khản. Địa phương này là Ngô Châu trồng nhiều vải. Thái Châu thích ăn vải. Vua Đường Huyền Tông bắt phương Nam cống vải. Từ phương Nam phải chạy bằng ngựa trạm đem vải đến Kinh đô Tràng An. Vải tới được Tràng An thì cả người và ngựa đều chết. Đỗ Mục đời Đường có câu thơ "*Nhất kị hồng trần phi tử tiểu, vô nhân tri thị lệ chi lai*". (Một ngựa phi trong đám bụi đỏ. Nàng Phi cười, không ai biết là có vải lại)".

4. Đầu cửa quan Vũ Thắng, núi muôn trượng dăng bày
Đường đèo Tín Dương đến Xác Thành mười hai bằng phẳng.

https://tieulun.hopto.org

Qua đất Toại Bình, chợt nhớ trận chiến thắng Hoài Tây,
Lòng riêng hâm mộ một "điểm linh đài" của ông.

"Ải Vũ Thắng là nơi giáp giới Hồ Bắc và Hà Nam, núi non trùng điệp, xây đá làm cửa quan. Phía trong cửa quan nước chảy về hướng bắc, phía ngoài cửa quan nước chảy về hướng nam, nên cũng gọi là cửa ải phân thủy.

Châu Tín Dương và huyện Xác Sơn đều thuộc tỉnh Hà Nam. Ở Tín Dương đường núi gập ghềnh, đến Xác Sơn mới hơi bằng phẳng.

Huyện Toại Bình thuộc phủ Nhữ Ninh tỉnh Hà Nam, đời Đường gọi là đất Ngô Phòng. Bùi Tấn Công (Bùi Độ) đốc quân đánh giặc ở Hoài Thái, sai Lý Tố trước đánh Ngô Phòng rồi tiến sát thành Thái Châu, bắt được tướng giặc là Ngô Nguyên Tế, nhân đổi tên đất là Toại Bình (bình định được giặc)".

Chú thích thêm của người dịch: Bùi Độ đời Đường đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Đồng bình Chương sự, có công đánh giặc ở Hoài Thai được phong Tấn quốc công. Tướng mạo tầm thường, trong bài đề tấm chân dung của mình có câu: "*Nhất điểm linh đài, đan thanh mạc trạng* (một điểm đài thiêng, nét bút không thể vẽ được). Đài thiêng tức là trái tim, ý nói những nét xanh đỏ chỉ có thể vẽ được tướng mạo bề ngoài chứ không thể vẽ được tâm linh của mình.

5. *Lúc về qua hai cửa quan, gió mát phe phẩy ống tay áo,*
Nở nụ cười ngoái nhìn làn mây, rặng cây.
Lũ con chờ đón, không nói gì khác.
Chỉ từ trên ngựa báo tin bình an.

"Ngày mồng 6 tháng 5, mở cửa quan, về đến địa phận tỉnh Bắc Ninh. Gia quyến đã chờ sẵn, đón đợi ở đây từ trước.

Từ Ninh Minh đến Yên Kinh dài 1 vạn 1 nghìn 8 trăm dặm".

6. *Hương sen tháng 5 vẫn thoảng theo làn gió mát,*
Quang cảnh mây khói Tản Viên, Tam Đảo vẫn đẹp như xưa.
Ngóng về Nam, nơi sông Hương núi Ngự, tha thiết lòng về,
Nắng hè thiêu đốt nhưng không biết nhọc mệt.

https://tieulun.hopto.org

7. Trên đường đi về vừa tròn một năm
Ghi lại những điều tai nghe mắt thấy trong chuyến đi này.
Chính là muốn nói với các bậc thi nhân thức giả rằng.
Trong rừng thơ nay có đứa trẻ học nói.

"Ngày mở cửa Nam Quan ra đi là ngày 17 tháng 5, ngày về đến Nam Quan là ngày mồng 6 tháng 5 năm sau, tính ra là 1 năm".

13. SỨ THẦN ĐẶNG HUY TRỨ, NGƯỜI KHAI SINH NGHỀ NHIẾP ẢNH Ở VIỆT NAM

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) tự Hoàng Trung, người làng Thanh Lương, nay là xã Hương Xuân, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông đỗ tiến sĩ năm 1847, từng là Tri huyện, Ngự sử, Bố chánh Quảng Nam, Biện lý Bộ Hộ phụ trách Ti Bình Chuẩn Hà Nội. Ông được Vua Tự Đức cử đi sứ 2 lần đến Hồng Kông, Quảng Châu, Ma Cao để tìm hiểu tình hình các mặt của những nơi đã giao tiếp với Tây phương. Ông đã để lại một sự nghiệp văn chương khá đồ sộ: 12 tập thơ với trên 1.200 bài, 4 tập văn và hồi ký. Ông là người có đầu óc canh tân, kinh doanh, đã đề xuất nhiều cải cách về kinh tế, quân sự, và cũng chính ông là người đã thực hiện việc mở mang thương mại, mở nhiều hiệu buôn.

Trong 2 lần đi sứ vào năm 1865, 1867, ông đã có dịp quan sát nghề ảnh. Ông đã chụp hai bức ảnh của mình, đem về nước giới thiệu cùng mọi người. Ông đã mua máy ảnh, phụ tùng về ảnh và mở hiệu ảnh đầu tiên ở Hà Nội là Cảm Hiếu Đường ở phố Thanh Hà. Mục đích mở hiệu ảnh của ông không phải là kinh doanh kiếm lời mà là muốn quảng cáo kỹ thuật mới của khoa học trên thế giới, để giúp cho con cái có một tấm ảnh của cha mẹ khi qua đời để tôn thờ cho trọn chữ hiếu. Chính vì vậy mà hiệu ảnh của ông có tên là *Cảm Hiếu Đường*. Hiệu ảnh đầu tiên này được mở năm 1869, đúng 30 năm sau kỹ thuật nhiếp ảnh của châu Âu ra đời.

Sau khi hiệu ảnh Cảm Hiếu Đường ra đời, vào những năm 70 cuối thế kỷ XIX, vua Tự Đức đã cử một người làm việc ở Bộ

https://tieulun.hopto.org

Hộ là Trương Văn Sán sang Pháp học nghề thợ ảnh để về nước mở hiệu (vị trí hiệu ảnh này nằm trên phố Trần Hưng Đạo ngày nay). Bức ảnh chụp Vua Đồng Khánh, còn lưu giữ đến ngày nay, đã được chụp tại hiệu ảnh này vào năm 1886.

Những bài thơ đi sứ của ông chứa chan tình yêu nước thương dân.

Dưới đây là một số bài thơ đi sứ của ông.

VỌNG KIẾN HƯƠNG CẢNG CHI SƠN
(Xa trông dãy núi Hương Cảng)

Dịch thơ:

Sấm chớp đêm qua tỉnh mộng nhà,
Núi non Hương Cảng hiện nơi xa.
Hai vai trọng trách đang chờ đón,
Một nước kỳ quan sắp mở ra.
Hồ hải cố giương tầm mắt rộng,
Giang sơn vui đón cảnh dân hòa.
Chỉ e mây khói che đường tới,
Mong có thuyền qua hỏi bến bờ.

Bồ Giang dịch

TỐNG TRẦN CUNG TRỌNG, NGUYỄN CỰ XUYÊN HỒI QUỐC
(Tiễn Trần Cung Trọng, Nguyễn Cự Xuyên về nước)

Dịch thơ:

Sang Đông (Quảng Đông) theo lệnh đức vua sai
Trải khắp non sông thêm trí tài.
Về nước, nếu như vua hỏi đến.
Xin đừng lớn tiếng tán dương Tây

Khương Hữu Dụng dịch

14. PHẠM HY LƯỢNG VÀ CHUYẾN ĐI SỨ BẮC TRIỀU (1870)

Từ năm 1864, tàn quân của Thái Bình Thiên Quốc (một phong trào của nông dân Trung Quốc chống nhà Thanh) bị đàn

https://tieulun.hopto.org

áp đã tràn sang các tỉnh biên giới nước ta và trở thành thổ phỉ. Năm 1869 triều đình Huế đồng ý cho tướng nhà Thanh là Phùng Tử Tài đem gần một vạn quân sang Việt Nam để dẹp nhóm tàn quân đó.

Vì vậy, năm 1870 đời Tự Đức thứ XXIII, Triều đình cử một phái đoàn đi sứ sang nhà Thanh để cảm ơn việc dẹp loạn và cũng để dò xét tình hình các nước phương Tây đang gây sức ép với nhà Thanh. Phái đoàn đi sứ có Nguyễn Hữu Lập làm Chánh sứ, Phạm Hy Lượng làm Phó sứ thứ nhất, Trần Văn Chuẩn là Phó sứ thứ hai[1] và một đoàn tuỳ tùng. Cống vật gồm nhiều đặc sản và hai con voi.

Trước khi đi, Sứ bộ đến điện Văn Minh (Huế) nhận lệnh. Tự Đức dụ rằng: "Ba người các ngươi đều có học vấn, nay ủy cho ra ngoài biên cương, mọi việc đều phải hết sức trù liệu, cốt giữ cho được quốc thể. Trên đường đi cũng nên tìm hiểu tình hình nước Thanh và các nước Anh, Pháp, Nga, Ý, để lúc về báo cáo đầy đủ cho trẫm biết. Viên tướng súy họ Phùng (chỉ Phùng Tử Tài) khi bàn bạc công việc cố nhiên có nhiều chỗ chưa khéo nhưng xét cho cùng ông ta cũng vì đất nước mà lo chuyện giặc giã. Nếu Trung Quốc có hỏi đến việc này thì nên khéo léo trả lời họ, đừng bới chỗ sở đoản của người ta ra làm gì, như vậy không phải là nhân hậu. Lúc ở Bộ bàn công việc có vẻ bê trễ, nay nhận lệnh đi sứ, nên bàn bạc cùng nhau để đạt được kết quả tốt đẹp. Việc biên cương tuy có trù liệu trước rồi, nhưng cũng tùy nghi mà thưa hỏi, chớ nên cứng nhắc, cốt làm sao giữ được quốc thể mới là hay. Hãy kính cẩn nhớ lấy".

Có lẽ không một Sứ bộ nào có một cuộc hành trình được ghi vào nhật ký tỉ mỉ như Sứ bộ này. Ngày nay ta còn được đọc

---

[1] *Nguyễn Hữu Lập quê Nam Đàn, Nghệ An, đậu hoàng giáp năm 1862 - Phạm Hy Lượng quê Nam Ngư, Hà Nội đỗ phó bảng 1862. Trần Văn Chuẩn quê Quảng Trạch, Quảng Bình đỗ tiến sĩ năm 1862. Hai vị đầu làm các bộ trong triều. Trần Văn Chuẩn làm Án sát Thanh Hóa. Sau khi đi sứ về, ông Lập được thăng Thượng thư Bộ Binh, ông Chuẩn được cử làm Tuần phủ Hưng Yên và ông Lượng làm Bố chánh Nghệ An.*

https://tieulun.hopto.org

nhật ký đi sứ của Phạm Hy Lượng, qua đó ta thấy nổi lên các đặc điểm sau (không kể thơ ca xướng họa và các đoạn ghi thắng cảnh, di tích lịch sử Trung Quốc).

1. Thời gian đi và về khá dài

Ngày 25 tháng 10 năm Canh Ngọ (1870) nhận lệnh lên đường, đến ngày 13 tháng 12 mới tới được cửa Nam Quan. Giai đoạn này ở các tỉnh biên giới vẫn còn nhiều thổ phỉ cướp bóc nên Phó Lãnh binh phải đem theo 500 quân đi hộ vệ Sứ bộ đến tận biên giới. Thể lệ đi qua cửa quan được ghi như sau: "Ngày 13, canh năm, cùng viên Hầu mệnh dẫn binh tượng hai tỉnh Bắc - Lạng hộ tống quốc thư và các hòm xiểng công tư tiến vào cửa quan. Viên phiên dịch mang tờ thiếp đi liên hệ. Một lúc sau thì nhận được thiếp chào hỏi của Tri phủ Thái Bình... Đến giờ Mão, mở cửa quan. Hai bên cùng bắn pháo mừng nhau. Sứ bộ đều mặc triều phục, kính cẩn khiêng long đình đựng quốc thư đến đài Chiêu Đức làm lễ (ba quỳ chín lạy). Lễ xong trở về đài Nghinh Đức thay mặc lễ phục làm lễ ra mắt. Quan lại nhà Thanh đáp lễ xong, hỏi thăm sức khoẻ Hoàng Thượng và mùa màng trong nước. Sau khi thông dịch các câu trả lời của bên ta, họ mời Sứ bộ uống trà. Quà tặng trong lễ ra mắt của ta có quế chi, tượng vĩ, hương lạp, nậm rượu, lụa, là... nhưng người Thanh đều từ chối không nhận".

2. Các chặng đường đi bộ và thuỷ thật gian nan vất vả

Từ Châu Minh Sứ bộ đi bằng thuyền (8 chiếc) nhưng 2 voi và quản tượng cứ theo đường bộ mà đi. Nhân dân địa phương tụ tập hai bên đường để xem voi. Cũng có chặng đường đi bộ nhưng quan lại sở tại không cho phu phục dịch, Sứ bộ phải bỏ tiền ra thuê người gánh đồ đạc. Chặng đi thuyền cũng bị tai nạn. Ngày 23 tháng Giêng Tân Mùi (1871) có một thuyền bị rò và chìm. Các đồ đạc trong thuyền bị ướt hết phải dừng lại để phơi cho khô. Ngày 10 tháng 3, một tuỳ tùng là Trần Đình Hương bị ốm chết. Ngày 5 tháng 5 một con voi cống bị chết phải

https://tieulun.hopto.org

lấy da và ngà để đem đi làm chứng. Ngày 4 tháng 6 khi ngủ ở nhà trọ quan Phó sứ Trần Văn Chuẩn bị mất trộm, bộ triều phục và trang phục bị mất. Quan địa phương truy mấy hôm không tìm được thủ phạm, phải phái người cấp tốc đi Bắc Kinh để đặt may triều phục cho quan Phó sứ.

Vất vả nhất là gặp tiết mưa lụt, Sứ bộ đành phải dừng lại ở huyện Định Hưng. Phòng trọ bị dột không còn chỗ nào khô. Sứ bộ và chủ quán phải lấy bao tải che mưa, lấy tre kê trên nền ướt mà ngồi. Xong trận lụt, đường sá vô cùng lầy lội, nhiều bùn quá nên ngựa không kéo nổi xe, người phải lội bùn mà đẩy. Tác giả nhật ký phải thốt lên: "Bình sinh chưa tưởng tượng nổi cảnh khổ cực như thế này". Trên đường về, một người ngã xuống sông chết mất xác, một người ốm chết.

3. Việc tìm hiểu tình hình các nước phương Tây đang gây sức ép với nhà Thanh.

Đây cũng là một nhiệm vụ mà triều đình Huế giao cho Sứ bộ. Nhưng qua nhật ký của Phạm Hy Lượng việc tìm hiểu không được nhiều. Dưới đây là một vài đoạn đối đáp:

Sứ bộ nhân thể hỏi về việc Thiên triều khu xử vụ Thiên Tân như thế nào.

Quan phủ nói:

- Trước đây dân Thiên Tân có giết tám chín mươi người Tây dương, những kẻ khác vì vậy đều bỏ trốn, mãi đến giờ vẫn chưa trở lại. Nếu nội địa đánh nhau với bọn Tây Di này thì quý quốc có thể nhân cơ hội mà thu phục lại đất Nam Kỳ.

Sứ ta nói:

- Hạ quốc ngày đêm cũng đang suy nghĩ về việc này muốn chờ có cơ hội tốt. Nhưng phía Bắc còn chưa yên tĩnh, mong các đại nhân đốc tâm xử lý cho tốt khiến tình hình ổn định thì chúng tôi mới có thể dốc sức vào công việc phía Nam được.

Viên quan nói:

Năm Đạo Quang thứ X một chiếc thuyền của người Anh đến Trung Quốc, đã tâu lên và sức cho Tổng đốc Lưỡng Quảng nghiêm khắc đuổi đi khiến cho người Anh không còn cách gì tới

https://tieulun.hopto.org

để quấy nhiều nữa. Thế mà họ vẫn đến, tất cả đều nói là thông thương. Đã nhiều lần nói rõ chủ kiến nhưng họ đều lờ đi không nghe. Thật kỳ quái, đáng ghét. Tuy triều đình nghiêm cấm, rốt cục cũng khó ngăn được ý đồ thâm độc.

4. Sứ bộ đến Bắc Kinh

Ngày 28 Sứ bộ giao cho hành nhân và phiên dịch đến Phủ nội vụ nộp đồ cống và được thông báo là ngày 30 xa giá của Vua ngự lúc trở về sẽ được chiêm ngưỡng.

Ngày 30 đầu giờ Dần, xa giá đi ra. Kiệu của Nhà Vua bọc bằng vải màu vàng. Một chiếc lọng vàng cán cong đi trước dẫn đường. Hơn mười người đeo dao cưỡi ngựa đi sau bảo vệ. Vương công, đại thần, bá quan phần nhiều cưỡi ngựa. Số còn lại, phía trước và phía sau bá quan đều mặc áo mã đề, buông tay tung tẩy mà đi. Chừng vài giờ sau xa giá trở về, Sứ bộ quỳ ở bên trái đường trước Ngọ Môn, cách đường Nhà Vua đi không xa.

Quan Thị lang Bộ Lễ quỳ tâu:

- Bồi thần Việt Nam chiêm ngưỡng thiên nhan.

Xa giá dừng lại một chút, được Hoàng đế gửi lời hỏi thăm Hoàng thượng của ta.

Xa giá đi qua, đứng dậy đi về. Đến giờ Ngọ thấy người đem các loại thịt dê và bánh đến ban cho. Sứ bộ lạy nhận. Sứ bộ được quan Bộ Lễ báo cho biết ngày 5 sẽ tuyên bố kết quả thi võ. Hoàng đế ngự trên điện, Sứ bộ được phép đến Điện Thái Hòa để lạy mừng. Đến ngày, giờ Dần, Sứ bộ ta mặc triều phục được quán sứ dẫn vào. Bá quan nối nhau tới, đều đứng hầu theo ban, một ban ngoảnh mặt về hướng đông, một ban ngoảnh về hướng tây. Đầu giờ Mão, nghe tiếng chuông trống, nhạc nổi lên. Hoàng đế từ bên trong bước ra, ngự trên điện, mùi thơm trong lư hương toả ngát dưới thềm. Sứ thần đứng ở ban phía tây ngoảnh mặt về hướng bắc làm lễ "tam quỳ cửu khấu". Lễ xong lại ra đứng ở chỗ cũ. Một lát nghe hiệu lệnh, các cống sĩ (thí sinh thi võ) quỳ xuống nghe xướng tên. Ba người đỗ đầu bước ra khỏi hàng, quỳ xuống làm lễ. Số người đỗ sau không bước ra

https://tieulun.hopto.org

khởi hàng, chỉ quỳ làm lễ.

Ngày 7 quan Lễ ty đem quần áo rét đến theo lệnh vua ban. Mỗi người được một mũ da, khăn quàng cổ, áo bằng da chồn, áo bông, quần bông. Riêng giày, tất mỗi người được hai đôi.

Ngày 1 tháng 11. Sứ bộ được nhận các tặng phẩm. Theo sắc thư, các thứ tặng cho Vua ta gồm: gấm đoạn có thêu, gấm đoạn tô vẽ mỗi thứ 8 xấp, 8 thỏi vàng, là 12 xấp, lục 5 xấp. Sứ thần được 3 thỏi vàng, 8 xấp đoạn, lụa mỗi thứ 5 xấp, lục mỗi thứ 5 xấp, tơ 2 xấp. Hành nhân và quản tượng mỗi người 5 xấp đoạn, 5 xấp lục, 3 xấp là. Bộ Lễ thông báo ngày 10 Đoàn sứ thần ta sẽ trở về nước. Trước hôm về, Bộ Lễ đem thuốc tễ đến để tặng Vua ta: 40 viên sâm, 4 bình rượu. Sứ thần được tặng 10 viên thuốc, 4 bình rượu. Các người tùy tùng mỗi người được 5 viên thuốc, 1 bình rượu. Sứ thần được cấp 3 con ngựa, những người đi theo dùng chung 17 con ngựa. Số còn lại phải tự lo lấy.

Đúng ngày 10 tháng 8 năm Tân Mùi (1871) Sứ bộ từ Bắc Kinh lên đường về nước và về đến kinh đô Huế ngày 8 tháng 8 năm Nhâm Thân (1872).

"*Nhật ký đi sứ phương Bắc*" của Phạm Hy Lượng. Nguyên văn viết bằng chữ Hán: "*Phạm Ngư Đường Bắc sà nhật kí*" do Nguyễn Xuân Diện và Vũ Thanh Hằng dịch và chú thích, Trần Nghĩa hiệu đính, đã được in trong sách "*Phạm Hy Lượng, cuộc đời và tác phẩm*", do nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin in năm 1997.

15. SỨ BỘ PHAN SĨ THỰC ĐI THANH TRỞ VỀ, BỊ NGHẼN ĐƯỜNG Ở LẠNG SƠN, BỊ CÁCH CHỨC VÌ VỀ QUÊ TRƯỚC VÀ MUA HÀNG KHÔNG THÍCH DỤNG (1874)

Năm 1874 Sứ bộ Phan Sĩ Thực sang cống nhà Thanh về đến Lạng Sơn thì bị nghẽn đường. Phan Sĩ Thực người xã Vũ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đỗ tiến sĩ năm 1849. Năm 1868 về kinh làm Lang trung Bộ Lại, rồi Bố chánh Quảng Ngãi, Tuần phủ tỉnh Quảng Trị, được cử làm Chánh sứ. Sứ bộ có Văn Quan là Thị độc học sĩ, và Tu Nguyên là Hồng lô Tự

https://tieulun.hopto.org

thiếu khanh.

Lúc đó đường từ Lạng Sơn về đến Hà Nội bị một đám "giặc" tên là Trân, khoảng 2000 người kết hợp cùng với tàn quân từ nước Thanh sang chiếm giữ các huyện Lạng Giang, Yên Dũng nên không đi được. Trước đây khi "giặc" này nổi lên, Vua đã sai Thị sư là Nguyễn Uy cùng Tham tán là Tôn Thất Thuyết đem quân đi dẹp nhưng cũng không được yên. Sứ bộ về đến Lạng Sơn phải chờ đợi lâu mà không đi được đã làm sớ tâu lên Tự Đức. Vua bảo rằng: "Các ngươi cách năm lặn lội, muôn dặm khó nhọc, nay may trở về sớm lấy làm vui mừng. Trước đây nghe nói đường quan lộ tiếp giáp hạt Bắc Ninh bị ngăn trở, đã chuẩn cho quan tỉnh và quan quân thứ dẹp yên để tiện trở về bình yên. Nhân xuống dụ quở trách quan quân thứ rằng Nguyễn Uy là chức trách Thị sư, ở trong quân trù tính việc gì cũng nghe theo cả, đến nay chưa dẹp yên. Trước đây đã xin đến mùa xuân năm nay là xong, lời nói ấy để đâu, đáng giận lắm. Tôn Thất Thuyết từ xa đến cùng đánh, đến nay đã quá một tháng, thắng trận còn nhỏ, lòng người chưa hả, đến nỗi xe Sứ bộ trở về còn nghẽn. Nay phải cho bắt ngay, bọn ngươi phải dốc sức quân, quét sạch bọn giặc không để một tên nào, hộ vệ Sứ bộ trở về chóng đến kinh sư, thì công của các ngươi có thể trừ được lỗi".

Nghe lời quở trách của Tự Đức, Nguyễn Uy và Tôn Thất Thuyết đã cố dẹp bọn giặc, Sứ bộ Phan Sĩ Thục đã trở về được an toàn. Trên đường về kinh đô Phan Sĩ Thục và 2 Phó sứ đều tạt về quê nhà trước khi về kinh đô Huế. Bộ Lại xét các hàng hóa Sứ bộ mua về cho triều đình phần nhiều không thích dụng nên đã lập tờ tâu lên xin cách chức 3 người.

Tờ tâu lên, vua Tự Đức xem và phê phán là Sứ bộ đã chậm trễ, khinh thường, sơ suất, đáng lẽ phải cách chức nhưng cũng thể tất, cả 3 đều chỉ bị giáng chức: Sĩ Thục giáng làm Biện lí Bộ Lại, Văn Quan làm Biện lí Bộ Binh, Tu làm Thị độc học sĩ.

Sách *Đại Nam thực lục* chỉ nói là hàng mua về phần nhiều không thích dụng. Chúng ta ngày nay không biết rõ là những hàng gì và qua đó thấy là ngoài việc đi triều cống, các Sứ bộ còn

https://tieulun.hopto.org

làm việc đi mua hàng cho triều đình dùng.

Khi Sứ bộ Phan Sĩ Thực vào tạ, vua Tự Đức đã hỏi Sứ bộ về:

1) Nước Thanh đối xử với các nước phương Tây như thế nào?

2) Chính sự của Vua Đồng Trị nhà Thanh, quan lại được hay hỏng, thế nước có thịnh hay không.

Phan Sĩ Thực đã tâu: "Nước Thanh cắt đất chia cho người phương Tây đến ở, làm nhà, (Trấn Hán Dương cho người Đại Anh đến ở, có lập bia đá, khắc chữ "*Đại Anh quảng long địa giới*", chỗ ở của họ đều dựng cờ làm phân biệt). Tổng đốc Hồ Bắc là Lý Hãn Chương làm thông thương đại thần để thông đi lại. Chính Định có nhà thờ đạo, Yên Kinh cũng vậy. Sĩ phu bàn ngang, không nghe. Có người nói: Vua Đồng Trị tuổi con ít, lại thêm vài mươi năm nay quân mỏi mệt, của sút kém, tạm hãy chịu để hồi hộ. Gần đây đã sắc xuống cho quân cơ sửa soạn phương lược dẹp yên. Ở Giang Tô lại mở cục kĩ xảo, các tỉnh sai tập súng của Tây, lúc nào cũng tự cố gắng. Còn như xử trí với người Tây, ở chỗ quân cơ, bọn thần không nghe thấy. Vua Đồng Trị từ khi thân coi việc nước đến giờ, chính sự hết thảy tuân theo điển lệ trước, chuyên dùng bầy tôi cũ. Quan lại thì từ năm Hàm Phong đến giờ, phức tạp, tham nhũng nhiều. Đời sống dân càng quẫn bách, quyên, nộp sinh ra tệ. Lý Hồng Chương ở Trực Lệ, Tôn Thất Đường ở Thiểm Cam, đều là tướng có nho học. Lý Hãn Chương ở Hồ Quảng là người trầm tĩnh có mưu cơ. Lưu Trương Hựu là Tuần phủ Quảng Tây thì nghiêm trang mà am hiểu hàng trận, Đan Mậu Khiêm ở Bộ Binh, Vạn Thanh Lê ở Bộ Lễ là bề tôi có danh tiếng.

Lại nghe nói giặc ở Cam Túc làm hại đã hơn 10 năm, chuyên do Tả Tôn Đường trù tính, mùa đông năm ngoái đã dẹp yên. Hiện nay 4 phương không xảy ra việc gì. Dọc đường bọn thần đi, xem về đại thể, đến khi ở Yên Kinh, xem các nhật báo, đại khái của dùng trong nước hơi thiếu, nhưng sức quân vẫn mạnh, còn như việc ở nơi quân cơ, bọn thần không thể biết được".

Đó là những nhận xét về tình hình Thiên triều mà Sứ bộ nhận xét tâu lên Tự Đức vì từ khi nước ta đối diện với phương Tây và nhất là sau khi bị Pháp xâm chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ thì

https://tieulun.hopto.org

việc dò xét xem cách xử sự của triều Thanh với phương Tây là một nhiệm vụ mà Vua giao cho các Sứ bộ sang Thanh lúc đó.

16. CHÁNH SỨ BÙI VĂN DỊ ĐƯỢC QUAN LẠI NHÀ THANH KHÂM PHỤC, CHO IN THƠ NGAY Ở TRUNG HOA

Bùi Văn Dị còn có tên là Bùi Ân Niên, sinh ngày 17/5/1833, quê làng Châu Cầu, huyện Kim Bảng, nay là thị xã Phủ Lý. Ông đi thi hương hai khoa 1850 và 1852, đều chỉ đỗ Tú tài. Năm 1855 thi đỗ cử nhân, 1865 thi Hội đỗ phó bảng. Sau khi thi đỗ, ông làm quan ở tỉnh Bắc Ninh, 1871 được triều đình cử làm quan ở Nội các. Năm 1876 được phong làm Thị lang Bộ Lễ và cử làm Chánh sứ đi tuế cống nhà Thanh cùng hai Phó sứ là Lâm Hoàng và Lê Cát. Trước khi đi, vua Tự Đức có làm thơ ban tặng và ân cần dặn ông: "Bậc đại phu mang đồ lễ ra nước ngoài là rất khó khăn và trọng đại". Thời gian cả đi và về của Sứ bộ hết 20 tháng.

Ra đi từ giữa năm 1876 đến mùa Xuân năm 1878. Mặc dầu phương tiện đi lại thô sơ, vất vả nhưng ông đã sáng tác rất khoẻ và phong phú về đề tài. Ông có tập *Vạn lý hành ngâm*, gồm 275 bài thơ cùng gần 5 chục bài thơ xướng họa với Dương Ân Thọ là quan Trung Quốc, trong tập *Trĩ Chu thù xướng*[1]. Tập này được khắc và in ngay ở Trung Quốc lúc đó. Đặc biệt ông còn có một tập văn bút ký dài 4,5 vạn chữ ghi chép những hiểu biết về Trung Quốc thời ấy, rất có lợi cho các Sứ bộ đi sau tên là *Du hiên tùng bút*.

Trong chuyến đi sứ này, Chánh sứ Bùi Văn Dị đã gây được sự khâm phục trong một số quan lại nhà Thanh. Viên quan nhị phẩm Nghê Mẫu Lễ được cử đi hộ cống đã nhận xét:

"Sứ thần Việt Nam là Tôn bá Châu Giang Bùi Văn Dị là một người thung dung, phong nhã, trác lạc, khó ai bằng. Ngoài lúc

---

[1] *Trĩ Chu: Sang cống Trung Quốc, thời thượng cổ nước ta mang cống nhà Chu con chim trĩ trắng và được tặng lại cái "xe chỉ nam" (xe có la bàn) từ đó Trĩ Chu để chỉ việc sang sứ Trung Quốc.*

https://tieulun.hopto.org

bút đàm ra, nghe giọng nói thanh cao, biết rằng sự am hiểu về lễ nhạc đã đạt đến độ uẩn súc rất sâu". Đọc xong tập *Vạn lý hành ngâm* ông này đã ghi cảm tưởng: "Tôi đem ra đọc suốt đêm, tự nhiên thấy trong mình thần thanh khí sảng, bất giác phải vùng dậy. Đó là do thơ gửi ý sâu, lời ra thật khéo. Tất cả đều do bản tính mà ra, tuyệt không tơ hào tô điểm. Điều mà người ta bảo là không cầu kì một chữ mà văn vẫn toát ra vẻ phong lưu là như vậy chăng?" Viên quan Tiếp bạn sứ, người đã cho in ngay tức khắc tập thơ chung *Trĩ Chu thù xướng* đã ghi lại:

"Thị lang Bùi Văn Dị tài thơ mẫn tiệp không ai bằng. Thơ trước của tôi vừa gửi đi thì bài họa của ông đã gửi tới. Có đêm mưa gió đã khuya, ông đã cởi áo đi nằm, có thơ tôi gửi đến, ông liền vùng ngay dậy, vén tay áo họa đáp, không đợi cho trời kịp sáng. Cứ hạ bút là thao thao bất tuyệt".

Sau đây là "Lời tựa *Vạn lý hành ngâm*" của Tiến sĩ Long Văn Bân (Trung Quốc).

"... Không bao lâu, Bùi sứ quân đến kinh đô, uổng công đoái tới, đưa cho tôi xem tập *Vạn lý hành ngâm* và bảo: "Thường ngày đọc sách, tôi lấy làm mến mộ cái tốt đẹp của núi sông, nhân vật Trung Hoa. Nay tích góp những bài thơ làm được ở những nơi xe sứ đi qua ngày càng nhiều, đợi đến sau này nghỉ ngơi nhàn rỗi thì núi sông muôn dặm như vẫn còn hiển hiện trước mắt. Vậy xin ông đề cho bài tựa để ghi lại cái tình tri giao bút mực giữa hai nước."

Tôi nhận lời than rằng: ông thật là người không phụ mệnh cử đi sứ. Xưa người ta nói, vâng lệnh rong ruổi sứ trình muôn dặm, cái còn lại là *Chức*, sóng gió hiểm trở, chân đi để lượng hết ý quỷ thần, phải nhờ vào lòng *Thành*, gặp nơi phong vật, tham dự hội hè, hát xướng, ngâm vịnh, xướng họa, phải trông cậy vào *Tài*, đủ ba điều đó mới có thể đi sứ được. Còn tôi thì nghĩ: *Kinh Thư* viết để nói *Chí*, ba trăm thiên trong *Kinh Thi* là những bài do các quan khanh đại phu làm ra khi hành dịch. Trăm đời sau đọc đến vẫn như thấy chân đạp trên đất, tiếp với người mà chí sinh cảm không thể nào che dấu được. Kể từ thời Xuân Thu đến nay, bạn bè

https://tieulun.hopto.org

yến nhạc với nhau, làm thơ để tỏ *Chí*. Tuy ở phương xa cõi lạ, phong thổ khác biệt mà trong lòng vì có vui buồn, mừng lo mà sinh ra uất ức, bồng bột xúc động mà không tự biết, những tình cảm đó đều ở ngoài ba điều kiện nói trên, song lại liên hệ đến cái *Chí*. Chí không có chỗ ký thác, những toan khắc tạc vào gió, vào trăng, để dấu cái lạ, cái khéo thì những điều đó có giúp ích gì cho việc đi sứ đâu. Tấm lòng son ở ông thể hiện trong việc hoài cổ, ghi lại cảnh đẹp, lo đời, cảm việc, khi tuôn trào, lúc khích lệ, thế thì đủ biết là cái *Chí* vẫn còn vậy. Có phải ông chỉ có đủ ba điều kiện đi sứ đã nói trên mà thôi đâu...".

Đinh Sửu, Quang Tự năm thứ III (1877)

Tiến sĩ xuất thân LongVăn Bân."

Lời tựa tập thơ chính là lời ngợi khen Bùi Văn Dị có đủ 3 phẩm chất của người đi sứ là *chức, lòng thành, tài*. Lại có thêm cái cao siêu của người xưa là cái *Chí*.

Chánh sứ Bùi Văn Dị vừa làm tròn nhiệm vụ đi cống, lại còn làm cho quan lại Trung Quốc phải khâm phục tài văn thơ của mình, một người đại diện cho nước Việt Nam văn hiến.

Trích thơ *Vạn lý hành ngâm*.

ĐĂNG HOÀNG HẠC LÂU

(Lên lầu Hoàng Hạc[1])

Dịch thơ:

Lầu ngất tầng cao đẫm khói sương,
Gió hoa man mác nhuốm tà dương.
Phí tiên[2] cười hạc không qua nữa,
Thôi lão[3] đề thơ ai dám đương.

---

[1] Lầu Hoàng Hạc ở huyện Vũ Xương tỉnh Hà Bắc, trên mỏm đá Hoàng Hạc nhìn xuống sông Giang Hán.

(2) Phí tiên: sách Hoàn Vũ kí *chép tiên ông Phí Văn Vi thường cưỡi hạc lên tiên, qua nghỉ lại đây.*

(3) Thôi lão: Thôi Hiệu, nhà thơ nổi tiếng thời Thịnh Đường, có bài thơ Hoàng Hạc lâu rất hay. Tương truyền khi Lý Bạch qua đây định làm thơ vịnh, đọc thấy thơ của Thôi Hiệu thì thấy không còn ý để viết thơ nữa.

https://tieulun.hopto.org

Thành quách một dòng chia Miễn Hán[1],
Non sông nghìn dặm chốn Kinh - Tương[2]
Mắt đầy khói sóng khơi niềm cảm,
Mênh mang vũ trụ mặc tang thương

Nguyễn Văn Huyền dịch

ĐĂNG NHẠC DƯƠNG LÂU
(Lên lầu Nhạc Dương[3])

Dịch thơ:

Lầu soi hồ tám trăm năm,
Lên lầu, ánh mắt vương tầm khói mây
Đất bằng Tam Sở là đây,[2]
Chín dòng sông,[3] *sóng xuân nay vỗ bờ.*
Bao nhiêu danh thắng từ xưa,
Miên man nhớ cảnh hè thu giao thời.
Tìm đâu Phạm Lão[4] *anh tài?*
Buồn âm thầm trước đất trời mênh mang!

Vũ Minh Am dịch

---

(1) Sông Miễn: con sông thuộc huyện Miễn, tỉnh Thiểm Tây, hạ lưu gọi là Hán Thủy.

(2) Kinh: một trong 9 châu thời cổ, nay là trọn vẹn hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc cùng một số vùng lân cận.

3) Nhạc Dương: lầu nổi tiếng ở huyện Lạc Dương, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, đời Tống đã sửa sang lại.

(4) Tam Sở tên 3 vùng đất Sở: Đông Sở, Tây Sở, Nam Sở.

(5) Cửu Giang: chín sông chảy vào hồ Động Đình.

(6) Phạm Lão: tức Phạm Trọng Yêm, người đời Tống, đỗ tiến sĩ, có tài trí đảm đương nhiều trọng trách dưới triều Tống Nhân Tông, coi việc trong thiên hạ là trách nhiệm của mình... Trong bài Nhạc Dương lâu ký của ông có câu nổi tiếng: Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ (Tiên thiên hạ chi ưu, hậu thiên hạ chi lạc).

https://tieulun.hopto.org

17. NHÀ THANH CỬ SỨ BỘ SANG VIỆT NAM THĂM DÒ TÌNH HÌNH QUÂN PHÁP

Theo truyền thống, Trung Hoa ít quan tâm đến những chuyện xảy ra ở các nước phiên bang. Từ sau cuộc Chiến tranh nha phiến, nhà Thanh phải lo đối phó với các nước đế quốc xâu xé. Đường đi sứ với Việt Nam đã bị cắt đứt. Triều đình Tự Đức không có ý muốn thông báo về việc Pháp sang xâm chiếm, nên việc Pháp đánh phá Việt Nam có thể mãi đến năm 1870 nhà Thanh mới biết.

Năm 1870, nhân vụ Thiên Tân, lãnh sự Pháp là Henri Fontanier, hai giáo sĩ Thừa sai và một số người Pháp bị giết, quan hệ ngoại giao giữa Pháp và nhà Thanh trở nên căng thẳng. Theo đề nghị của Định Nhất Xương, Tuần phủ tỉnh Giang Tô, nhà Thanh đã cử một Sứ bộ sang Việt Nam, nhằm mục đích thăm dò khả năng hợp tác đánh Pháp. Sứ bộ nhà Thanh do Từ Diên Húc, Tri phủ Thái Bình thuộc tỉnh Quảng Tây dẫn đầu. Sứ bộ có nhiệm vụ thu thập tại chỗ những ý kiến của quan lại Việt Nam đối với người Pháp và nghiên cứu các hoạt động của Pháp ở Việt Nam. Cuối năm 1870, Từ Diên Húc cùng Sứ bộ đã đến Lạng Sơn một cách không chính thức và đã gửi một báo cáo về Bắc Kinh ngày 28 tháng 2 năm 1871. Báo cáo này lần đầu tiên báo cho triều đình nhà Thanh biết là quân Pháp đã chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ. Báo cáo cũng cung cấp những thông tin về hệ thống đường bộ, tên làng, thành phố giữa Huế và Hà Nội... (theo Yamamoto).

Năm sau, Từ Diên Húc lại sang Việt Nam và năm 1877, trên cơ sở những thông tin do ông thu thập và các sách cổ Trung Quốc, ông đã cho ra đời một cuốn sách về Việt Nam nhan đề là *Việt Nam Thực Lục*. Cuốn sách đã cung cấp những thông tin tương đối chính xác về Việt Nam cho giới quan lại nhà Thanh về lịch sử, địa lý có kèm bản đồ, di tích lịch sử, phong tục văn hoá, quan hệ ngoại giao... Từ Diên Húc sau được bổ nhiệm làm Tuần phủ Quảng Tây và Tổng chỉ huy quân viễn chinh trong chiến tranh Pháp - Hoa năm 1883.

https://tieulun.hopto.org

Hiệp định 1874 có quy định đường lối ngoại giao của Việt Nam phụ thuộc vào Pháp, không có liên quan đến các nước khác (Trung Hoa) do đó, ngày 24 tháng 5 năm 1875, đại diện Pháp ở Bắc Kinh là De Rochechouart đã trao cho Triều đình Thanh bản hiệp định. Triều đình Thanh phản ứng và trả lời: "*Chí Giao Chỉ tức Việt Nam, bổn hệ Trung Quốc thuộc quốc,*" nghĩa là: "Từ Giao Chỉ đến Việt Nam (trong suốt quá trình đã hàng ngàn năm nay, dù tên gọi là Giao Chỉ cho đến nay tên gọi là Việt Nam), thì nước này vẫn là thuộc quốc của Trung Quốc." Nhưng do người phiên dịch của tòa lãnh sự Pháp, câu ấy được dịch ra là: "Giao Chỉ cũng là xứ được gọi là Việt Nam, xứ này đã từng là nước đã thần phục Trung Quốc."

Do dịch sai, không hiểu hết ý của nhà Thanh, Pháp hiểu câu trả lời là Trung Hoa không có gì để phản đối hiệp định 1874, trong lúc Trung Hoa nghĩ rằng mình đã phát biểu phản đối hiệp ước này một cách rõ ràng. Sự hiểu lầm này kéo dài mãi đến tháng 11 năm 1880, khi Công sứ của Trung Hoa ở Pháp là Tăng Kỳ Trạch khẳng định lại với Chính phủ Pháp rằng: "Việt Nam là chư hầu của Trung Hoa".

Vào năm 1882 sau khi Hà Nội thất thủ thì Từ Diên Húc là Bố chính Quảng Tây đã đem quân ra đóng ngoài cửa quan để đề phòng. Sau khi Riviere bị giết chết, Từ Diên Húc kéo quân từ Lạng Sơn đến Bắc Cầu để cứu ứng nước Nam. Bùi Ân Niên yết kiến, đem tình hình Bắc Kỳ ra thương thuyết. Từ Diên Húc có nói lại Lý Hồng Chương đã trách Công sứ Pháp, Công sứ Pháp có đưa ra điều khoản Việt Nam là một nước tự chủ, việc Việt Nam không can gì đến Trung Quốc, do đó nên Trung Quốc chỉ có thể giúp ngầm để cho người Pháp không thể vin cớ phản đối. Nhà Thanh sẽ giúp súng ống cho Lưu Vĩnh Phúc.

Bùi Ân Niên dâng sớ lên tâu với Vua là Bố chính Từ thực lòng giúp Việt Nam, Vua nên viết thư hỏi thăm và an ủi.

Sau đó Từ Diên Húc cùng với các tướng là Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đem quân đến đóng ở Bắc Ninh. Bùi Ân Niên đem lễ vật đến úy lạo và xin hết sức giúp cho.

https://tieulun.hopto.org

18. SỨ BỘ NGUYỄN THUẬT CỦA TRIỀU NGUYỄN SANG TRIỀU CỐNG NHÀ THANH NĂM 1880

Sau khi ký Hiệp định 1874, chính sách ngoại giao của Triều đình Huế theo quy định của điều khoản 3, đã phải phụ thuộc vào đường lối ngoại giao của Pháp, nước Việt Nam không được có quan hệ ngoại giao với các nước nếu không được sự đồng ý của nước Pháp. Nhưng đã từ lâu, Việt Nam, trên danh nghĩa vẫn là "chư hầu", phụ thuộc vào Trung Quốc; vua Trung Quốc cử sứ thần sang phong vương cho vua Việt Nam; theo định kỳ, Việt Nam 3 năm một lần phải sang triều cống vua Trung Quốc. Việc triều đình Huế cử Sứ bộ sang triều cống nhà Thanh sau khi ký Hiệp định 1874 theo thông lệ tự nhiên từ trước đã làm cho Pháp băn khoăn. Triều đình Huế đã cử các Sứ bộ vào các năm 1868, 1872, 1876, 1880. Pháp đã tìm cách ngăn cản các Sứ bộ nhưng không được. Ngày 19 tháng 7 năm 1876, viên Trú sứ Pháp là Rheinart ở Huế đã viết:

"Sứ bộ sắp đi Trung Hoa, năm nay sang bên đó, không chỉ để chúc mừng Thiên tử mới mà còn để dâng những cống phẩm mà Quốc vương An Nam phải nộp cho Trung Hoa 3 năm một lần với tư cách là nước chư hầu".

De Kergaradec, Lãnh sự Pháp ở Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 1876 đã báo cáo: "Thưa Đô đốc, ở Sài Gòn, tôi đã trình ngài về một Sứ bộ mà Quốc vương An Nam sắp cử sang Trung Hoa. Chính Sứ bộ này sắp rời Hà Nội vào đúng lúc tôi về đến đây. Theo lời người ta nói với tôi, đây là Sứ bộ mà Triều đình Huế cử sang Trung Hoa 3 năm một lần theo một thông lệ từ xưa và không có tính chất đặc biệt nào khác. Có thể tin đó là sự thật vì những người được cử đi đều là quan chức cấp thấp. Sứ bộ đã đi ngày 6 tháng 9, có bắn một loạt pháo đưa tiễn.

Trong khi nói chuyện với Bùi Văn Kỷ (?), tôi đã cố gắng tìm hiểu xem Triều đình Huế muốn giữ thái độ như thế nào đối với chúng ta trước mặt người Trung Hoa và tôi có hỏi ông ta khi đến nơi ông có đến thăm Đại sứ Pháp không. Ông ta không

https://tieulun.hopto.org

giấu tôi rằng ông đã nhận được chỉ thị về vấn đề này, và sau khi hoàn thành nhiệm vụ, phải đến thăm Đại sứ Pháp khi được sự đồng ý của các quan Trung Hoa. Thưa Đô đốc, đây là Sứ bộ đầu tiên mà người An Nam cử sang Bắc Kinh sau khi ký Hiệp ước 1874. Thái độ cư xử tốt hay xấu của sứ giả sau này có thể được nhắc đến như những tiền lệ".

Trong năm 1880, Tự Đức đã bí mật cử một Sứ bộ sang Thanh, sau khi Sứ bộ đi được mấy tháng một cách bí mật thì Tự Đức mới tuyên bố cử Sứ bộ. Tháng 12 năm 1880 do phái bộ của Pháp ở Yên Kinh thông tin về việc Sứ bộ Đại Nam sang Trung Quốc để thắt chặt quan hệ giữa hai nước và có lẽ cầu mong viện trợ để chống lại sự xâm lăng của Pháp.

Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Pháp tỏ ý không tán thành việc triều đình Huế cử Sứ bộ sang Trung Hoa, trong "Thư gửi Thống đốc Nam Kỳ ngày 5.6.1880" viết:

"Tôi cho rằng chúng ta cần dồn tất cả nỗ lực để gián tiếp thúc đẩy chính quyền An Nam từ bỏ ý định của họ (cử Sứ bộ sang Trung Hoa). Vì mục đích ấy, xin ông yêu cầu ông Rheinart trình bày cho triều đình Huế biết là, tuy không chính thức phản đối, nước Pháp sẽ nhìn với con mắt thiếu thiện cảm việc cử Sứ bộ sang Bắc Kinh. Rất có thể là viện đại biện của chúng ta phát biểu theo hướng đó với sự kiên quyết và thận trọng cần thiết, các Thượng thư của Tự Đức sẽ suy nghĩ chín chắn hơn về công việc họ đang chuẩn bị và họ sẽ tiến hành với sự chậm chạp và trì hoãn, rốt cuộc họ sẽ có lợi cho ta vì nó cho phép chúng ta tranh thủ thời gian cho đến khi chúng ta có thể quan tâm một cách nghiêm túc đến việc xem xét lại các hiệp ước năm 1874."[1]

Ngày 12 tháng 8 năm 1880, Rheinart gửi Thống đốc Nam Kỳ:

"Với những cống phẩm ít giá trị (30 thanh quế, 3 cân gỗ trầm, 1 sừng tê, 1 cặp ngà voi, 100 sấp lụa), Sứ bộ phải dâng 2 bức thư, 1 thư để dâng cống phẩm, 1 thư để tạ ơn việc Trung Hoa đã giúp Việt Nam diệt Lý Dương Tài. Theo tôi được biết, Sứ bộ không được giao thêm văn kiện nào nữa, tuy nhiên, tôi không thể khẳng định chắc chắn điều này. Tôi hoàn toàn không thể vận

https://tieulun.hopto.org

động nhằm ngăn cản việc cử Sứ bộ này. Nếu chúng ta coi việc ấy có chút ý nghĩa quan trọng nào đó, hay là chỉ cần chúng ta chú ý đến thôi, người An Nam sẽ tự hỏi nguyên nhân nào thúc đẩy chúng ta quan tâm đến một việc mà họ đã làm thường xuyên, định kỳ từ nhiều năm qua. Sự cảnh giác của họ sẽ được kích thích cao độ và họ sẽ quyết định xin Trung Hoa bảo vệ để thoát khỏi hành động của chúng ta. Dù sao mọi cố gắng vận động của tôi sẽ chẳng đạt kết quả gì, người ta sẽ viện lẽ là việc định kỳ cử người đi sứ Trung Hoa đã có từ lâu đời, rất lâu trước khi có hiệp ước và nó không bị hiệp ước xóa bỏ... Trong tình hình ấy, *chẳng thà chúng ta không biết đến việc cử Sứ bộ*...".

Trong bức thư của vua Tự Đức gửi kèm lễ vật sang Triều Thanh có nội dung chính như sau:

"Vua An Nam xin cúi đầu tận đất và cung kính chân thành ngoảnh mặt về phía Hoàng đế. Xét theo việc thống nhất trong sự cai trị và ảnh hưởng của cùng một nền văn học trải rộng khắp 4 bể dưới ánh mặt trời thì những bờ cõi phương Nam (An Nam) dù ở xa vẫn phụ thuộc Trung Hoa và đều phải đến để dâng hiến sản phẩm. Giữa trầm hương nghi ngút thành kính đốt lên ở triều đình nước Nam, mà tâm trí của chúng thần luôn luôn hướng về Thiên tử (tiếp đến là những lời khen ngợi và chúc mừng vị Con Trời).

Hiện nay bọn cướp gây rối loạn giữa biên thùy hai nước đã dẹp xong. Chúng thần, kẻ lệ thuộc, xin cung kính giữ lấy phép tắc của vua nước nhỏ là mang lễ vật đến triều cống. Trong lúc gửi sứ thần ra đi thì chúng thần tưởng tượng rằng bản thân đang đến chầu trước Hoàng đế.

Chúng thần rất sung sướng thấy rằng ánh sáng của mặt trời và mặt trăng (Hoàng đế và Hoàng thái hậu nhiếp chính) đã làm cho tan đám mây chiến tranh. Chúng thần mong ước giữ hòa bình, luôn luôn trung thành và không bao giờ chống đối mệnh lệnh của Hoàng đế...".

https://tieulun.hopto.org

19. VIỆT NAM NGỎ Ý MUỐN ĐẶT ĐẠI SỨ VÀ LÃNH SỰ TẠI TRUNG HOA

Vào năm 1881, trước âm mưu của Pháp xâm chiếm toàn bộ Bắc Kỳ, nhà Thanh lại cử tiếp một Sứ thần là Dương Đình Canh sang đến phủ Hải Ninh rồi đáp thuyền vào Huế. Vua đã cử Nguyễn Văn Thúy và Trần Thúc Nhân đón tiếp. Dương Đình Canh đem thư của Tổng đốc Lưỡng Quảng là Trương Thu Thanh dâng Vua, báo tình hình. Vua chỏ Nguyễn Văn Tường bàn kín với Dương Đình Canh, Vua không dám tiếp, sợ người Pháp biết sinh ngờ. Đình Canh báo cho Triều Nguyễn biết là theo tin của Tăng Kỳ Trạch, Khâm sai của nhà Thanh tại Anh và Pháp cho biết là: Nghị viện nước Pháp đã bàn bạc thấy Bắc Kỳ rất giàu có tài nguyên, việc đánh chiếm rất dễ như trở bàn tay, nên đã chuẩn y cho đem 1.200 quân đến đánh lấy Bắc Kỳ. Còn lý do người Pháp nói là họ chỉ "muốn đuổi Lưu Vĩnh Phúc đi", chỉ là cái cớ bề ngoài mà thôi. Vì vậy triều đình Huế phải lo toan phòng bị để giữ lấy Bắc Kỳ.

Vua sai Nguyễn Văn Tường bàn với Dương Đình Canh 3 việc nhờ nói với Vua Thanh:

1. Từ trước Nước Nam vẫn triều cống Thanh, nước Thanh đặt Tổng lý nha môn để nêu công luận ở đấy. Nếu nay người Pháp sinh lòng, trái lời ước, thì nước Thanh lên tiếng phản đối trước công luận. Nay nước Thanh cho nước ta đặt chức quan ở kinh đô nước Thanh, nếu có việc gì thì tố cáo ở Tổng lý nha môn. (Cho lập tòa Đại sứ).

2. Ở Quảng Đông có nhiều lãnh sự các nước, Tổng đốc Quảng Đông cho nước ta đặt lãnh sự ở đó để tiện đi lại buôn bán và thông báo tin tức, nhân cùng với các nước giao du để thông hiểu tình ý.

3. Nước Đại Nam muốn phái người đi khắp các nước như: Anh, Nga, Pháp, Áo, Nhật Bản để xem xét và học hỏi, xong chưa thuận tiện. Nước Thanh có tàu thường đi các nước ấy, nay muốn Nhà nước Thanh giúp đỡ việc ấy.

https://tieulun.hopto.org

Khi Dương Đình Canh về, Vua sai viết thư gửi Tổng đốc Lưỡng Quảng và Đại thần Lý Hồng Chương, đồng thời biếu mỗi người một đôi ngà voi hạng nhất, một cái sừng tê hạng nhất. Tổng đốc Trương Thụ Thanh đem đồ vật ấy trả lại, nói rằng nếu nhận sợ người Pháp ngờ, có việc gì sau này xảy ra khó tranh luận. Lý Hồng Chương trả lời khuyên nên "tự cường" (có nghĩa là không sang cứu, bỏ mặc Việt Nam cho Pháp chiếm).

20. SAU KHI HÀ NỘI THẤT THỦ NĂM 1882, SỨ BỘ PHẠM THẬN DUẬT SANG THANH CẦU CỨU

Sau khi Hà Nội thất thủ, năm 1882, Tổng đốc Hà Nội là Hoàng Diệu tuẫn tiết, tình hình Bắc Kỳ trở nên rất phức tạp. Vua sai Thượng thư Bộ Hộ là Phạm Thận Duật làm Khâm sai đại thần, Nguyễn Thuật làm Phó đi sang Thiên Tân để gặp Lý Hồng Chương cầu cứu. Nguyễn Phiên sung chức Khâm phái sang Quảng Đông để đệ tin báo. Trước đây Nguyễn Thuật đã vâng mệnh Vua sang Thanh, khi về đến Lạng Sơn thì nghe tin quân Pháp đánh Hà Nội, Nguyễn Thuật đã phải dừng lại ở Lạng Sơn, sau đó về đến Bắc Ninh rồi sang Mỹ Đức, Ninh Bình, Thanh Hóa rồi về đến Huế, nay lại được cử sang Thiên Tân. Khi đến Quảng Đông, Sứ bộ trình tình hình với Tổng đốc Quảng Đông là Tăng Quốc Thuyên bàn cách giúp đỡ. Đến đây Sứ bộ nhận được điện của Lý Hồng Chương mời lên Thiên Tân để hỏi han và bàn việc đối phó với Pháp.

Khi nghe tin Hà Nội thất thủ, Lý Hồng Chương đã thương thuyết với Công sứ Pháp là Bảo Hải, Bảo Hải nói đợi trả lời từ bên Pháp. Đến tháng 2 năm sau thì Thận Duật đến Thiên Tân, Pháp đã trả lời Lý Hồng Chương là Pháp không điều đình, lấy cớ trong Hoà ước Giáp Tuất 1874 đã viết: "Nước Đại Nam có quyền tự chủ, không phải theo phục nước nào", nên không công nhận vai trò của nhà Thanh can thiệp việc Pháp đánh Bắc Kỳ. Pháp rút sứ Bảo Hải về nước, cử sứ Đức Lý Cố sang thay. Sau đó lại nghe tin quân Pháp là Lý Bá Lợi (Henri Rivière) chết ở

https://tieuluh.hopto.org

Cầu Giấy nên lại càng không cho Lý Hồng Chương can thiệp vào việc Bắc Kỳ. Lý Hồng Chương báo cho Tăng Kỳ Trạch là Đại sứ của nhà Thanh ở Anh và Pháp, trao đổi với các sứ thần nước Anh, Nga, Đức về việc Pháp chiếm Hà Nội, nhưng các nước này cũng không muốn can thiệp. Tiếp sau đó, đến tháng 8 thì có Hoà ước mới ký trong đó có khoản: "Nước Thanh không được dự vào việc của nước Nam" nên các quan lại nhà Thanh cũng nhân đó mà không muốn dính vào. Tổng đốc Quảng Đông đã nhiều lần lấy cớ ốm không tiếp đại diện của vua Tự Đức. Mùa đông năm đó các sứ thần Việt Nam lục tục kéo về nước.

Sau đó Lý Hồng Chương đã viết thư gửi Vua Thanh đại ý nói Việt Nam là phên giậu của Trung Quốc hơn 2000 năm rất là cung kính, rất muốn khu xử các việc, mong cử đại thần đến Thiên Tân để hỏi cặn kẽ và tuỳ cơ tìm cách điều đình với Công sứ Pháp. Vua đã viết thư báo tình hình Pháp đóng quân ở các nơi như Hà Nội, Hải Dương... mong Tổng lý xử trí khéo giúp sao cho Pháp phải nghe.

21. ĐẠI SỨ NHÀ THANH Ở PHÁP LÀ TĂNG KỲ TRẠCH PHẢN ĐỐI PHÁP ĐÁNH CHIẾM HÀ NỘI

Sau khi nghe tin quân Pháp đánh chiếm Hà Nội lần thứ II, quân Thanh ở các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam bèn phái quân đến sát biên giới. Vua Thanh cũng sai quân sang phòng bị biên ải. Tổng đốc Trực Lệ kiêm Thông thương Sứ vụ Đại thần là Trương Thụ Thanh (trước đây đã làm Tổng đốc Lưỡng Quảng) tâu lên: "Người Pháp độc ác ngầm, Nam Kỳ đã bị họ lấy mất, Bắc Kỳ đâu dễ giữ được. Sở dĩ họ chưa dám thôn tính, ngại vì hiểm trở, cũng ngại sợ Trung Quốc hỏi đến, cho nên đã buộc Việt Nam vào những điều ước thông thường, nhân lúc sơ hở làm ra trái ước, bắt làm ước lại, tức bề trong thu lợi đất đai, mà bề ngoài không mang tiếng cướp nước, không phạm đến Trung Quốc, ta cũng không có lý để sinh sự. Mưu mô xảo trá của Pháp xâm chiếm Việt Nam là không thể tránh được...

https://tieulun.hopto.org

Các tỉnh của Bắc Kỳ là phên che của Vân Nam và Lưỡng Quảng, trong 3 tháng quân Pháp đánh Bắc Kỳ là việc gấp, đánh xong lại đem giao trả, quỷ quyệt, biến đổi không thể lường biết, rồi lại dùng mưu cũ chiếm 6 tỉnh ở Nam Kỳ, làm hoà ước mới rồi thu Bắc Kỳ vào trong tay bắt nước Việt Nam phải theo. Việc đến thế đối phó càng khó. Cách phòng giữ biên giới ngày nay của Trung Quốc là chỉ có sai quân đóng giữ cửa các tỉnh , lấy tiếng đánh thổ phỉ nước Việt Nam để mưu tiến lên... Nước Việt Nam khó mong tự tính được, Trung Quốc tất không nên để lỡ việc."

Vua Thanh nghe theo, sai các quan Tổng đốc Quảng Đông là Du Khoan, Tuần phủ Quảng Tây là Nghê Văn Uốt, Tổng đốc Vân Quý là Lưu Trường Hiệu đem quân đóng chỗ hiểm yếu và thuỷ quân phòng giữ. Pháp nghe tin cũng đem quân đóng ở Sơn Tây, Hưng Hóa, Bạch Hạc.

Vua Thanh cho quan đại thần đến chất vấn Sứ thần Pháp đóng ở Trung Hoa và nói Việt Nam vốn là thuộc quốc của Trung Hoa, như vậy sẽ ảnh hưởng đến mối giao hảo giữa hai nước Pháp - Hoa. Mặt khác Vua Thanh cũng điện cho Tăng Kì Trạch Đại sứ Trung Hoa tại Pháp phản đối việc Pháp đánh chiếm Hà Nội và đòi Pháp phải rút quân ra khỏi Hà Nội để giữ vững tình hoà hảo. Phía Pháp lừng chừng không chịu trả lời, thi hành chính sách lấn dần.

Nghe tin Vua Thanh phản đối Pháp, Vua Tự Đức ra lệnh cho các quan Việt Nam "sẵn sàng khoản tiếp quân Thanh, không để mất lòng."

22. GÂY QUAN HỆ TỐT VỚI LÃNH SỰ ANH Ở HƯƠNG CẢNG

Sau khi bị thất bại ở Hà Nội, bị Pháp bao vây, o ép nhiều bề, Triều đình Huế muốn mở rộng quan hệ với các nước phương Tây. Vì vậy vào năm 1883, Vua đã cho đem phẩm vật để tặng Tổng đốc và Án sát nước Anh ở Hương Cảng gồm: Tiền vàng có giây đeo và hộp khảm xà cừ, mỗi thứ 1 cái. Trước đây vua nước

https://tieulun.hopto.org

ta cũng đem giải người buôn nước Thanh đúc tiền giả ở Hương Cảng đem vào tiêu ở Việt Nam. Quan nước Anh ở Hương Cảng đã nhận bắt những người tiêu tiền giả đó và viết thư cảm ơn.

Vua lại sai quan tỉnh Lạng Sơn sang Hương Cảng mua 200 cây súng tây và 2 hòm đạn trị giá 414 lạng bạc để dùng. Sau đó lại sai bọn Trần Hữu Việt đi học bắn súng mới ở nước Thanh gồm 17 người để về nước chia nhau đi dạy các cấm binh và thần binh trong 3 tháng phải thuộc cách bắn.

Có thể dây cũng là những cơ hội để Triều đình Huế mong mỏi làm quen thoát dần sự trói buộc nặng nề của quân Pháp chăng,nhưng đã quá chậm trễ!

23. SỐ PHẬN CHIẾC ẤN VUA THANH BAN CHO GIA LONG, QUAN HỆ BANG GIAO GIỮA TRIỀU NGUYỄN VÀ TRIỀU THANH CHẤM HẾT

Từ khi xâm chiếm Nam Kỳ, lần lượt ký các hiệp ước với Việt Nam, thực dân Pháp đã muốn gạt bỏ ảnh hưởng của Trung Hoa ra khỏi nước này. Pháp uy hiếp bằng quân sự và tấn công hải phận Trung Quốc, buộc Lý Hồng Chương, đại diện Vua Thanh phải ký Hiệp ước Thiên Tân ngày 11.5.1884 với Pháp do Patenôtre đại diện, trong đó có hai điều khoản mấu chốt là: Trung Hoa rút hết quân ra khỏi Bắc Kỳ và tôn trọng các hiệp ước Pháp đã ký với An Nam, An Nam hoàn toàn thoát ly khỏi mọi ảnh hưởng của Trung Hoa. Trên đường về Pháp, Patenôtre dừng lại ở Huế, chỉnh lý lại Hiệp ước Harmad ký năm 1883 tại Huế. Hiệp ước sửa lại trả Bình Thuận cho An Nam và Pháp trả 5 triệu đồng nợ bồi thường chiến phí cho Tây Ban Nha thay cho vua An Nam để xoa dịu cái thua thiệt bại trận cho triều đình. Patenôtre đòi triều đình Huế nộp cho Pháp cái ấn của vua Thanh đã ban cho triều Nguyễn để đem về Paris vì theo hiệp ước Thiên Tân, cái ấn ấy không còn lý do tồn tại nữa.

Trước đòi hỏi của Patenôtre, Phụ chánh Nguyễn Văn Tường đã kêu lên: "*Nộp cho các ông cái ấn ấy tức là các ông*

https://tieulun.hopto.org

muốn các sĩ phu cho tôi uống thuốc độc hay sao".

Cái ấn do vua Trung Hoa ban, tượng trưng cho sự thần phục của An Nam với Trung Hoa, có giá trị như một loại bùa. Ấn này bằng bạc mạ bằng vàng, cạnh từ 10 đến 12cm, có một núm cầm chạm hình con lạc đà nằm, bên trong có chữ: "*Việt Nam Quốc vương chi ấn*". Cái ấn nay chỉ còn có tính tượng trưng trong biểu, thư gửi sang Trung Hoa chứ không dùng cho công văn giấy tờ trong nước. Để đổi lấy việc tỉnh Bình Thuận trở lại Trung Kỳ, trước khi ký hiệp ước Patenôtre, hai bên đi đến một thoả thuận là đem nấu chảy nó ra. Hiệp ước quy định vào ngày 6.6.1884. Đến ngày giờ đã định, ông Nguyễn Văn Tường và Thương Bạc đã đưa cái ấn Trung Hoa ấy đến nhà phái bộ và đặt nó lên một cái bàn trước mặt ông Patenôtre, đặt chính giữa phòng khách một ống thụt bễ và một cái lò bằng đất và thổi lửa.

Ông Patenôtre lại yêu cầu đem về Pháp một lần nữa, nhưng các quan lại từ chối. Trong chốc lát cái ấn chỉ còn lại một khối bạc, không còn hình dáng gì nữa. Hiệp ước được ký vào tối hôm ấy. Cùng ngày ấy, ông Rheinart đến với ông Patenôtre và đã được trao ghế ngồi tại phái bộ Pháp như một vị khâm sứ An Nam tạm thời.

Trích theo Delvaux trong bài

"***Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên***."

https://tieulun.hopto.org

Chương VII

VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI NGUYỄN (VỚI PHÁP)

https://tieulun.hopto.org

1. QUAN HỆ NGOẠI GIAO CỦA TRIỀU NGUYỄN VỚI CÁC NƯỚC PHƯƠNG TÂY (TRƯỚC 1859)

Khác với các triều đại phong kiến trước, Việt Nam chỉ quan hệ với các nước trong khu vực, láng giềng, chủ yếu là với Trung Hoa, dưới triều Nguyễn xuất hiện quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây. Do sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc, các nước này đã có mặt trong vùng Viễn Đông với các giáo sĩ thừa sai đi truyền giáo, các tầu chiến và các tàu buôn. Quan hệ ngoại giao giữa Triều đình Huế và các nước phương Tây (với chính phủ) ban đầu gồm Pháp và Tây Ban Nha, sau đó chỉ còn lại Pháp là nước tiến hành cuộc xâm chiếm Việt Nam đến khi Việt Nam trở thành thuộc địa của chúng.

Chính sách ngoại giao của Pháp với Việt Nam là "chính sách ngoại giao pháo hạm". Đánh bằng quân sự và sau đó áp đặt các điều khoản trong các hiệp ước, thôn tính dần dần cho đến khi biến thành một thuộc địa.

Đối với Triều đình nhà Nguyễn, ngoài việc bang giao truyền thống với Thiên Triều, lần đầu tiên trong lịch sử phải đối mặt với các nước phương Tây. Với tư tưởng bảo thủ và chính sách "bế quan tỏa cảng", Triều Nguyễn thiếu những hiểu biết về đối phương (chủ nghĩa đế quốc), bị thất bại về quân sự liên tiếp, tình hình trong nước rối loạn, nên đường lối ngoại giao đã thực hiện là lần lượt đầu hàng.

Từ trước khi nổ tiếng súng xâm lược, chính phủ Pháp đã cử nhiều phái bộ tới Việt Nam nhưng không được các vua quan nhà Nguyễn tiếp. Năm 1817, Napoléon đã phái chiến thuyền Cibéle do đại tá Kergariou chỉ huy đến Đà Nẵng vào tháng 12 năm 1818 nhưng đã không được yết kiến vua Gia Long vì "vua đang bị bệnh". Chính phủ Trùng hưng Pháp lại phái một chiến hạm thứ 2 vào năm 1821 và một chiến hạm thứ 3 vào năm 1824 nhưng đã bị Minh Mạng từ chối không cho vào Huế.

Cuộc Chiến tranh Nha phiến (1839 - 1842), với hiệp ước

https://tieulun.hopto.org

Nam Kinh, nước Anh chiếm đóng Hương Cảng, một căn cứ cho hoạt động thương nghiệp và hải thuyền trong vùng biển Trung Hoa. Francois Guizot, bộ trưởng Ngoại giao Pháp cho rằng Pháp cũng cần có căn cứ cho chiến hạm và thương thuyền của Pháp. Guizot đã cử Lagrené đến làm Đại sứ ở Trung Hoa để ký một Hiệp ước tương tự như hiệp ước Nam Kinh giữa Anh và Trung Hoa vào tháng 10 năm 1844. Guizot đã chỉ thị cho Lagrené tìm cho được một căn cứ hoạt động:

"Nhà Vua... quyết định từ nay một đoàn hải quân sẽ đậu lại giữa vùng biển Trung Hoa và Nhật Bản với sứ mệnh che chở và bảo vệ, nếu cần, những quyền lợi chính trị và thương mại của chúng ta.

Nhưng nước Pháp chưa có một điểm tựa nào trong vùng biển này để tàu thuyền đóng thường trực nơi đây có thể tiếp tế lương thực, sửa chữa rò thủng, đưa lên bộ những kẻ đau yếu, vậy nên phải xin với thuộc địa Bồ Đào Nha ở Ma Cao hoặc Hải quân công xưởng ở Lugon (Philippine) một điểm tựa, một điểm trú ẩn, một điểm tiếp tế.

Đây là sự thể không thể chấp nhận được. Thật không thích đáng với nước Pháp phải vắng mặt trong phần thế giới rộng lớn nhường ấy khi mà các nước Âu Tây khác đã có cơ ngơi tại đây..."

Qua chỉ thị đó, chúng ta đã thấy được chủ trương chiếm căn cứ, thuộc địa của đế quốc Pháp ở Viễn Đông. Vì vậy sẽ không lạ gì những lần sau đó, chúng cho chiến hạm đến bắn phá các cửa biển của Việt Nam lấy cớ để bảo vệ cho giáo sỹ truyền đạo Kito. Năm 1843, khi Vua Thiệu Trị bắt giam 5 giáo sĩ và kết án tử hình, Pháp đã cho chiến hạm Héroine với 30 khẩu đại bác tới Đà Nẵng uy hiếp buộc phải thả. Thiệu Trị đã nhân nhượng. Sau đó khi nghe tin giám mục Lefèbvre bị bắt giữ, tháng 5 năm 1845 chiến hạm Alcmène lại đến Đà Nẵng đòi thả giám mục Lefébvre. Tháng 3 năm 1847 hai chiến hạm Victorieuse (với 24 khẩu đại bác) do Trung tá Rigault de Genouilly chỉ huy và chiến hạm Glorie (với 54 khẩu đại bác) do Đại tá Augustin Lapierre chỉ huy đã đến Đà Nẵng yêu cầu thả

https://tieulun.hopto.org

các giám mục bị bắt và ký hiệp định đảm bảo tự do truyền đạo Kitô. Tức giận trước thái độ yên lặng của Triều đình Huế, ngày 15/4/1847, hai chiến hạm đã pháo kích Đà Nẵng, phá huỷ 5 chiếc tàu Việt Nam. Sau đó vào tháng 9 năm 1856, pháo hạm Catinat (với 10 khẩu đại bác) lại đến Đà Nẵng. Tháng 10 năm 1856 tàu Capricieuse với Phái bộ Charles de Montigny đến Đà Nẵng, do Napoléon III phái sang để ký một thoả hiệp (?) nhưng cũng phải rút lui. Montigny bị thất bại không ký được thoả hiệp đã làm cho chính phủ Napoléon quyết tâm can thiệp bằng quân sự. Rigault de Genouilly được cử làm Tư lệnh quân viễn chinh Pháp đã đánh chiếm Đà Nẵng ngày 10/9/1859, rồi sau đó vào đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ, dẫn tới việc Triều đình Huế phải ký hiệp ước cắt đất cho Pháp vào năm 1862. Chính sách ngoại giao bằng pháo hạm của Pháp đã thành công. Triều đình Huế cắt đất rồi đầu hàng.

2. TỔNG TRẤN LÊ VĂN DUYỆT TIẾP SỨ BỘ ANH NĂM 1822

Năm 1822, một phái bộ Anh quốc đến Gia Định yết kiến Lê Văn Duyệt để xin được đặt quan hệ ngoại thương. Khi về nước, trưởng phái bộ là John Grawfurd kể lại như sau:

Ngày 2 tháng 9 năm 1822: Mọi việc chuẩn bị đã xong từ đêm trước cho cuộc yết kiến của chúng tôi. Theo ý các quan danh sách tặng phẩm phải được ghi bằng chữ Hán trên một tờ giấy màu hồng theo đúng phong tục ở đây. Mọi chi tiết đều được tiên liệu cho cuộc hội kiến và cả nghi thức mà chúng tôi phải theo khi được giới thiệu. Mọi sự đã sẵn sàng, khoảng 7 giờ 30 tôi yêu cầu cho cáng hay voi để chuyên chở phái bộ. Việc ấy chưa sẵn sàng, và tôi ngỏ ý gián tiếp là nếu không có thì chúng tôi đi bộ. Tôi làm thế vì hiểu rằng chúng tôi không thể đi một bước mà thiếu phương tiện xứng đáng, nên chỉ sau 10 phút 5 con voi được đưa đến chỗ chúng tôi. Khoảng 8 giờ chúng tôi rời công quán vào thành, có 13 tùy viên đi theo, nhưng chúng tôi phải để lại những lính hầu người Ấn ở nhà. Ông Finlayson (bác

https://tieulun.hopto.org

sĩ đoàn) mang theo thư của Toàn quyền Ấn Độ. Một số lính tùy tùng cầm giáo đi chân đất, và một số kỵ mã cưỡi những con ngựa nhỏ mà hung hãn, giống như kiểu ngựa Ấn Độ đi theo đám rước. Mất độ 20 phút, chúng tôi tới thành, bên cạnh là hào nước thẳng tắp mà trú quán của chúng tôi ở đầu phía kia, hai bên hào là hai con đường bằng phẳng. Một số rất đông lính cầm giáo từ trong thành ra đứng hai bên đường đón, đặc biệt ở trước cửa công thự nơi chúng tôi sẽ được tiếp kiến. Chúng tôi không rời khỏi lưng voi cho tới trước cửa công thự. Công thự này mở rộng cửa phía trước, rất dài ở mặt tiền song không sâu lắm, hoàn toàn làm bằng gỗ, không có chỗ nào được đánh bóng hay sơn phết. Đây là một dinh thự đơn sơ nghèo nàn, không như các ngôi nhà của người Hoa mà ngày hôm trước chúng tôi đã thăm viếng ở Chợ Lớn. Phong tục người Việt Nam là ngồi trên những tấm phản rộng, cao trên mặt đất 1 bộ rưỡi, hoặc trên bục cao chừng 8 hay 9 đốt tay từ mặt đất. Các bục cao đặt từ phía trước, bục thấp đặt ở phía sau. Trên sàn hay trên bục bao giờ cũng trải chiếu. Ngay chính giữa sảnh đường có đặt một bục cao, có lẽ cao hơn thường lệ, quan Tổng trấn ngồi trên đó. Chúng tôi tiến đến trước mặt ông và cúi đầu chào, không thấy ông cúi đầu đáp lại. Chúng tôi được chỉ tới ngồi trên mấy cái ghế đặt bên tay mặt ông Tổng trấn. Bên tay trái ông là nơi ngồi của vị Phó tổng trấn, một ông già mặt mũi sáng sủa ở khoảng tuổi bảy mươi. Phần còn lại của các quan dưới quyền Tổng trấn thì ngồi phía sau chúng tôi trên một bục khác. Ngồi đầu hàng này là ông Quản binh, một vị quan võ đã đứng điều đình mọi việc với chúng tôi (có lẽ là Trần Văn Học, NĐĐ). Nghe nói vị Tổng trấn già là một hoạn quan, nhưng nếu không biết trước thì chúng tôi không nhận ra điều ấy. Tiếng nói của ông hơi nhỏ và dịu như tiếng phụ nữ, song không quá độ để có thể gây nghi ngờ gì.

Ông là một nhân vật đã dự phần đặc biệt vào các cuộc chiến và cách mạng ở Việt Nam. Khi chúng tôi đến yết kiến thì ông ở độ tuổi 58. Ông có phong cách linh lợi và thông minh. Thân hình hơi thấp, ông tỏ ra năng động và không có khuyết

https://tieulun.hopto.org

tật gì, tuy nhiên hàm răng không còn nguyên vẹn mà đã mất nhiều cái. Các quan viên khác đều mặc đồ gấm hoa sang trọng. Trái lại ông Tổng trấn tỏ ta ít quan tâm và coi thường việc ăn mặc, ông chỉ mặc một áo dài bằng nhiễu màu đen trơn và chít chiếc khăn đồng màu.

Ông bắt đầu hỏi chuyện chúng tôi là cuộc hành trình xa xôi bao nhiêu. Sau khi chúng tôi trả lời câu hỏi đó, ông liền đi ngay vào vấn đề và nói rằng người nước Anh sẽ được hoan nghênh vào buôn bán ở Việt Nam; rằng thuế nhập khẩu không nặng, đối với nước nào cũng ngang nhau. Chúng tôi trả lời đó là điều chính vị Toàn quyền Ấn Độ mong muốn và không yêu cầu gì khác. Ông Tổng trấn nói thêm, nếu người Việt Nam sang buôn bán bên Liên hiệp Anh tức phải chịu theo luật lệ Anh, còn nếu chúng tôi đến Việt Nam thì cũng phải tuân thủ như vậy. Tôi liền đáp lại là tình hữu nghị và sự thông cảm giữa các quốc gia sẽ không thể hiện ngoài những nguyên tắc ấy. Sau đó, ông Tổng trấn nhận xét và hứa cho phái bộ chúng tôi một chứng chỉ đặc biệt để ra kinh đô, ông giới thiệu chúng tôi với vị Quan Quản Tượng đứng đầu ngoại vụ. Rồi ông nhận định rằng chỉ có quốc vương mới trao đổi thư từ với quốc vương, thế thì Vua nước Anh có thể viết cho Vua nước Việt Nam, và ông Toàn quyền Ấn Độ thì chỉ có thể viết thư cho Quan Quản Tượng mà thôi. Cũng như mấy lần trước, chúng tôi giải thích là Vua nước Anh ở một nơi rất xa xôi không thể trực tiếp trao đổi quốc thư với các vị quân vương phương Đông, do đó, việc này đã được ông Toàn quyền Ấn Độ chủ yếu phụ trách. Ông trả lời đây là lối hành sự hoàn toàn trái ngược với tập quán của Việt Nam, những sự thể sai nguyên tắc này sẽ ngăn cản phái bộ trên bước đầu của công cuộc kết thân giữa hai triều đình. Rồi chúng tôi tiến dâng lên ông Tổng trấn một ít tặng phẩm của Toàn quyền Ấn Độ cùng với một tờ kê khai vật phẩm. Sau khi nghe đọc bản danh sách tặng phẩm, quan Tổng trấn nói là rất cảm ơn ông Toàn quyền Ấn Độ về sự lịch thiệp đã gởi quà tặng, nhưng vì cuộc thương thuyết còn dở dang, nên ông chưa có thể nhận tặng phẩm đó. Tuy nhiên quan Tổng trấn hy vọng sau

https://tieulun.hopto.org

này sẽ có nhiều thương thuyền Anh tới thăm thành phố Sài Gòn, lúc ấy sẽ trao đổi tặng phẩm lại. Chúng tôi không từ chối giữ lại tặng phẩm, nhưng sự thể ấy làm nổi bật sự so sánh của chúng tôi đối với tính tham lam của các quan chức Xiêm La trong trường hợp tương tự.

Ông Tổng trấn hỏi chúng tôi muốn khi nào từ biệt Sài Gòn. Thời điểm liền được ấn định. Ông Tổng trấn trả lời là mọi sự sẽ chuẩn bị sẵn sàng để chúng tôi ra đi được thuận lợi. Chúng tôi rất muốn là ông Tổng trấn mở xem bức thư của Toàn quyền Ấn Độ, dù chỉ vì tò mò nhưng ông chỉ nhìn qua, ông không rút thư từ phong bì lụa ra, rồi lịch sự hoàn trả lại tức khắc. Như để làm chúng tôi vui lòng, ông bảo đem thư trả về nơi lưu trú của chúng tôi. Cho thêm phần trịnh trọng, ông ra lệnh cho lấy ba con voi trang sức đẹp đẽ rước trả bức thư ấy. Trong chuyện vãn, ông Tổng trấn hỏi tuổi người theo tôi (Finlayson) và tuổi tôi. Những người hầu Ấn Độ của chúng tôi và y phục của họ đã làm ông rất chú ý quan sát. Người Việt Nam hoàn toàn xa lạ với người dân nước Ấn Độ (Hindustan), và không có một người nào thuộc dân xứ đó cư ngụ tại Sài Gòn. Con người, hình dáng, cử chỉ, quần áo của người Ấn Độ đã gây sự tò mò chú ý hơn là đối với chúng tôi.

Sau khi uống trà, chúng tôi được mời đi xem một cuộc đấu hổ tượng, chúng tôi lại lên voi và đi về hướng bờ thành, nơi có đấu trường. Ông Tổng trấn đi theo một cổng khác và đã tới trước chúng tôi bằng cáng. Khi sàn đấu trống trơ, một võ sĩ ra hô to cuộc đấu khai mạc. Với lễ hội đặc biệt này, khán giả đã thấy có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và trang hoàng rực rỡ. Một võ sĩ ra biểu diễn dương oai trông thật man rợ. Anh uốn mình ra sau, phưỡn bụng lên, hai tay chống nạnh và trong tư thế kỳ cục ấy, anh đã hò hét thật lâu và cao giọng. Một con hổ được đưa trình diễn ngay trước mặt rạp đấu trường và được dẫn tới góc một hàng rào. Mọi người đều hô vang cổ võ cuộc biểu diễn. Con hổ bị trói ngang thân và buộc vào một cái cọc vững chắc bằng một sợi thừng dài khoảng 30 sải (yard). Mõm hổ đã bị khâu lại,

https://tieulun.hopto.org

nanh, vuốt bị dứt bỏ. Hổ có tầm cỡ khá lớn và coi bộ rất hung hãn. Không dưới 46 con voi, voi đực thật đồ sộ, được dẫn ra theo đuôi nhau. Bỗng một con voi xông vào đánh hổ. Voi thứ nhất này tiến lên, với vẻ can đảm cao, và chúng tôi nghĩ là với điệu bộ quyết liệt như vậy thì voi ta sẽ hạ địch thủ hổ trong giây lát. Bằng một gắng sức ban đầu, voi lấy hai chiếc ngà tung hổ lên một tầm cao vút và tung hổ ra xa tới gần 20 bộ. Dù bị thế, hổ thu mình lại, nhảy phóng lên lưng voi và hất luôn người quản tượng đang ngồi trên cổ voi. Voi ta kêu rống lên, vội chạy ra xa, hổ đuổi theo tới hết mức thừng buộc phải ngừng lại. Tuy không bị thương tích gì, voi chạy trốn kêu thảm thương và không có cách gì làm cho nó trở lại đấu với hổ nữa. Mười mười hai con voi nối tiếp nhau vào húc hổ, nó bị chết hẳn sau nhiều lần bị các cặp ngà tung lên cao rồi ngã xuống. Trước đây, tôi không hề tưởng tượng nổi sức mạnh của những con vật kinh khủng đến thế. Có những con voi ném tung con hổ ra xa tới 30 bộ, sau cái ngã như vậy hổ như hết sống không còn kháng cự được nữa. Chúng tôi không thể nghĩ tới mà không sợ hãi đứng trước cảnh tượng những con voi hành hạ phạm nhân bị tội tử hình. Trong trường hợp ấy, tôi nghĩ chỉ một cái húc và tung cao, như tôi vừa tả, cũng đủ để giết chết một mạng người.

Sau cuộc đấu hổ voi, chúng tôi được xem một cuộc tập trận giả, đây là một đàn voi công phá một hàng rào phòng thủ. Một tường ngăn dài từ 40 đến 50 bộ bằng vật liệu nhẹ, bên trên chất đầy cỏ khô, bên trong bày ra cảnh bố phòng của nhiều lính cầm giáo mác. Khi cỏ khô vừa bắt lửa, nhiều tiếng pháo nổ vang, cờ phất lia lịa, trống đánh dồn dập và một khẩu pháo bắt đầu nhả đạn. Khi ấy, đoàn voi được thúc tiến lên. Chúng liền bỏ tính e dè bình thường vẫn có, dù khi ngọn lửa còn cháy, tường thành giả như chưa bị đốt hết, chỉ cần một chút gan lì là có thể băng qua được chướng ngại vật đó.

Sau cuộc diễn trò ấy, ông Tổng trấn cho gọi chúng tôi lại gần để nói chuyện... Ông rất tiếc là cuộc viếng thăm của chúng tôi chỉ có hai ngày thì quá ít không xem thêm được phố phường

https://tieulun.hopto.org

và nhất là ông không kịp cho chúng tôi coi một đêm hát bội...

Theo Gohn Crawfurd, Journal of an embassy from the Gouvernor general of India to the courts of Siam and Cochinchina. London, 1830. (**Nguyễn Đình Đầu** dịch. Trích *Xưa và nay*. Số 47b. 1988)

Lê Văn Duyệt, người mở đầu cho việc bang giao với Mianma.

Đời Minh Mạng năm thứ IV (1823), được sự đồng ý của Triều đình Huế, Tổng trấn thành Gia Định là Lê Văn Duyệt đã cử Nguyễn Văn Độ dùng tàu buôn đi mua khí giới ở nước ngoài để tăng cường việc phòng thủ đất nước. Không may tàu bị bão và dạt vào bờ biển Mianma (Miến Điện). Quan tỉnh trưởng tỉnh Tavoy nghi là gián diệp nên đã bắt giải về kinh đô An Va. Sau khi cho điều tra, Vua Miến Điện biết đây là tàu của Việt Nam nên đã ân cần tiếp đón và tạo điều kiện giúp đỡ để trở về nước. Nhân dịp này, Vua Miến Điện còn cử một Sứ bộ mang quốc thư và tặng phẩm đến Việt Nam. Tặng phẩm gồm một quả ấn bằng vàng, 40 nhẫn vàng, một hộp đựng trầu sơn đỏ, một chuỗi ngọc kị lửa, một bức thảm đỏ, hai bức màn lụa trắng. Khi Sứ thần đến Gia Định đã được Tổng trấn Lê Văn Duyệt tiếp đón và cho dịch quốc thư trình lên Vua Minh Mạng. Bức thư nói rõ ý nguyện của Vua Miến Điện muốn thiết lập mối bang giao với Việt Nam. Nhận được quốc thư, Vua Minh Mạng đã truyền rằng: "Họ đã tốn công vượt biển đến, ta nên ân cần tiếp đón" và lệnh cho Lê Văn Duyệt sắp xếp chu đáo, chỗ ở, cấp lương cho họ ăn (gạo mỗi người một hộc, Sứ thần 10 quan tiền tiêu, nhân viên Sứ bộ mỗi người 8 quan tiền). Khi Sứ bộ về, Vua Minh Mạng gửi biếu: 3 cân quế Thanh, 5 cân quế Nghệ, 10 cân quế Quảng Nam, 100 tấm vóc, 100 cân đường. Lại tặng Sứ thần một áo vóc thêu rồng và 100 nén bạc. Mỗi nhân viên Sứ bộ được tặng một áo nhiễu và 60 nén bạc. Các tặng phẩm của Miến Điện mang sang, Triều đình chỉ nhận một chiếc nhẫn mặt ngọc còn bao nhiêu trả lại hết.

Trước khi tàu nhổ neo rời Gia Định, Tổng trấn Lê Văn Duyệt cấp cho 3 tháng lương bằng gạo và tiền để ăn đường.

https://tieulun.hopto.org

3. SỨ BỘ TÔN THẤT TRƯỜNG TRIỀU MINH MỆNH KHÔNG ĐƯỢC VUA PHÁP TIẾP

Thi hành chính sách bế quan tỏa cảng và cấm đạo, triều Vua Minh Mệnh đã khước từ mọi việc giao dịch với các nước phương Tây, 2 lần từ chối quốc thư của Vua Pháp.

Năm 1839, khi cuộc Chiến tranh Nha phiến nổ ra ở Trung Quốc, quân Anh thắng lợi, đã làm cho Minh Mệnh không khỏi suy nghĩ về cách đối phó với các nước phương Tây. Minh Mệnh đã cử một sứ bộ sang Pháp. Có 4 người gồm Tôn Thất Trường, Trần Viết Xương và hai thông ngôn, (một tiếng Anh, và một tiếng Pháp) nhằm mục đích gây thân thiện để tránh cuộc xung đột và thăm dò ý đồ chiến tranh. Một giáo sĩ người Pháp là Franzois Régerau ở chủng viện Penang, Malaysia đã viết: "Ngày 28 tháng 2 năm 1840, một thuyền của Vua An Nam thả neo ở cảng Penang. Chiếc tàu này đi Calcutta để xem người Anh chuẩn bị chiến tranh như thế nào. Một chiếc tàu cũng của Vua Minh Mệnh đi Batavia để xem người Hà Lan có động binh không. Bởi vì căn cứ theo nhiều báo cáo nhận được, Vua Minh Mệnh không thể ngủ yên giấc. Một chiếc tàu đi London và Pháp..."

Các báo Pháp khi đó đã đưa tin về sứ bộ Việt Nam đến Pháp. Tờ *L'Armonicain* ra ngày 25/11/1841 viết: "Có bốn người An Nam đến để bày tỏ với chính phủ Pháp những cảm tình của xứ sở họ và đi thăm các công trường, các xưởng đóng tàu. Họ gây được sự chú ý bởi những cặp mắt mở to, nước da nâu bóng, hàm răng màu đen nhờ nước cốt chanh... (họ mặc) áo dài bằng lụa xanh quét đất, mũ chỏm đầu đen có mảnh che gáy, trên gắn một quả cầu bằng bạc. Một tấm bảng gắn từ giữa ngực xuống đến bụng có hình những con chim thêu bằng chỉ bạc..."

Tờ báo *Moniteur universel* đã tường thuật: "Chiều hôm trước, những người An Nam được giới thiệu với ông Bộ trưởng Thương mại. Họ mặc đại triều phục, thay mặt vua nước họ đến Paris để nghiên cứu phong tục của ta. Mỗi lần thấy phong tục lạ, họ ngạc nhiên, họ lấy từ thắt lưng ra một miếng gỗ bọc bằng

https://tieulun.hopto.org

giấy tàu, mực, bút lông và lặng lẽ ghi chép những nhận xét của họ, ngay cả khi họ đứng giữa đường. (Ngày 5/1/1841).

Hôm qua 5/1/1841, các sứ giả An Nam đã tham dự một phiên họp của Viện công khanh (Chambre de Paris) tất cả các tia nhòm đều hướng về khán đài nơi họ ngồi và họ chịu những hành vi hiếu kỳ khiếm nhã với một sự thản nhiên như không." (Số ra ngày 6/1/1841).

Nhưng sau đó không một tờ báo nào viết về Sứ bộ An Nam nữa. Vua Pháp lúc đó là Louis Philippe đã nhận được các thư của Hội truyền giáo ngoại quốc và của Giáo hoàng La Mã tố cáo việc cấm đạo Thiên chúa và giết hại giáo sĩ của Vua An Nam và yêu cầu Vua Pháp có biện pháp can thiệp. Vì vậy Vua Pháp đã không tiếp kiến sứ bộ Vua An Nam. Sứ bộ An Nam bị đe dọa là chính phủ Pháp đã biết các việc cấm đạo và giết hại giáo sĩ, sẽ tìm cách can thiệp trả thù.

Không đạt được mục đích là cải thiện quan hệ với Pháp, Sứ bộ đã xuống tàu sang Anh. Họ được Thủ tướng Anh là Huân tước Melbourne tiếp đãi nhưng không được đề cập đến việc họ muốn tìm hiểu. Sứ bộ quay về Bordeaux và trở về nước, không làm tròn được sứ mệnh giao phó.

Sau này, vào năm 1863, khi Sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp điều đình để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ thì vợ (người Việt) và con của Chagneau và Vannier đến thăm sứ bộ ở Paris có kể lại cuộc gặp gỡ đó và hỏi thăm tin tức những người này.

4. SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN VÀO SÀI GÒN KÝ HIỆP ƯỚC 1862

1. Báo cáo của sứ bộ Phan Thanh Giản lên vua Tự Đức về việc vào Sài Gòn đàm phán với Bonard, Phó Đô đốc tổng chỉ huy quân Pháp và Palanca, Đại tá tổng chỉ huy quân Tây Ban Nha để ký Hiệp ước 1862. (trích)

Ngày 16 tháng 5, năm thứ XV niên hiệu Tự Đức (11 tháng 6

https://tieulun.hopto.org

năm 1862). Chúng tôi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, các đại sứ Toàn quyền kính dâng Hoàng thượng báo cáo sau đây:

Ngày 24 tháng trước (tháng 4) (ngày 22 tháng 5 năm 1862), đầu giờ Dần[1] thuyền chúng tôi nhổ neo và ra khơi lạch Thuận An. Đến giờ Thìn chúng tôi đến vị trí của chiếc tàu nơi người Pháp Simon đang đậu. Người này cho thòng dây và hạ một chiếc xuồng xuống nước, rồi vào ngồi trong đó cùng với người thông ngôn tiếng Pháp là cụ Trưởng và 6 thủy thủ, để đến gặp chúng tôi. Sau khi chào hỏi, xã giao, mời trà và rượu, thì viên đại úy ra lệnh cho lính của ông ta móc nối thuyền của chúng tôi vào tàu của họ bằng một dây thừng lớn buộc vào cột buồm của thuyền chúng tôi. Sau khi đã thỏa thuận với chúng tôi các điều kiện hành trình, thì đại uý lên tàu.

Chúng tôi qua cảng Tư Hiền vào giờ Mùi, quá núi Sơn Trà vào giờ Thân, qua vùng Đại Chiêu cũng vào chiều hôm ấy. Sáng ngày 25 (ngày 23 tháng 5) chúng tôi đi qua trước cảng Sa Huỳnh của tỉnh Quảng Nghĩa; đến chiều chúng tôi đến địa phận Khánh Hòa. Sáng ngày 26 chúng tôi ở trong vùng biển Khánh Hòa, chiều chúng tôi đi qua mũi Mỏ Diều. Trong đêm 26 rạng ngày 27, một lính thủy của đại đội 5, trung đoàn 3 thuộc cánh tả của thủy quân tên Nguyễn Văn Nghệ, đứng trên mạn thuyền để tiểu tiện bị sóng vỗ mạnh, trật tay ngã xuống biển; gió thổi mạnh, tàu chạy nhanh, đêm tối mịt nên không cứu được. Sáng ngày 27 (25 tháng 5) chúng tôi đi qua trước Mũi Né của Bình Thuận. Vào giờ Tuất chúng tôi vào cảng Cần Giờ (Vũng Tàu). Chiếc tàu Pháp, thắp đèn để báo hiệu thuyền của chúng tôi theo các điều kiện như đã định trước, mở dây thừng và thả neo.

Gần chúng tôi có một chiếc tàu "Đa Sách"[2], chúng tôi biết đó là tàu dùng để tuần tiễu trong cảng.

---

[1] *Giờ Tí: 11h đến 1 giờ đêm. Sửu: 1h đến 3h. Dần: 3h đến 5h. Mẹo: 5h đến 7h. Thìn: 7h đến 9h. Tị: 9h đến 11h. Ngọ 11h đến 1h chiều. Mùi: 1h đến 3h. Thân 3h đến 5h. Dậu: 5h đến 7h. Tuất: 7h đến 9h. Hợi: 9h đến 11h. Mỗi giờ bắt đầu là bổn, ở giữa là trung và cuối là mạt.*

[2] *Loại tàu có nhiều dây thừng, thuyền buồm.*

https://tieulun.hopto.org

Sáng ngày 28 (26 tháng 5), nghĩ đến sự tốt bụng và công kéo thuyền, chúng tôi cho viên đại úy Simon và thủy thủ đoàn của người này 5 thanh quế Nghệ và 1000 đồng uy ân tiền, tức là huy chương bạc gồm có 10 đồng Triệu dân, 10 Ngũ khúc, 10 Tứ nữ, 20 Tam thọ, 20 đồng nhỏ Triệu dân và 30 Bát bửu[2]*. Quế đem đến cho đại úy. Còn các đồng bạc phân phát cho thủy thủ. Đại úy khước từ quà biếu của chúng tôi, và chỉ chấp nhận sau khi chúng tôi khẩn khoản yêu cầu.*

Vào giờ Thìn, Đại úy Simon ra lệnh ghép hai chiếc lại gần nhau và để cùng đi ngược dòng sông.

Ngày mồng 1 tháng ấy (28 tháng 5) Phó Suý và giám đốc đến thay mặt cho hai Tổng chỉ huy trưởng thăm hỏi chúng tôi: Aubanet nói: "Tôi rất hân hạnh được trình bày ý nguyện của các ngài Tổng chỉ huy của chúng tôi là xin mời các ngài Quốc vụ Toàn quyền rời gót ngọc đến cơ quan của các ông ấy để tỏ tình thân mật, vui vẻ và định ngày đàm phán sắp đến". *Chúng tôi trả lời*: "Những quan hệ hữu hảo giữa hai nước chúng ta là việc làm của chúng tôi và là điều làm chúng tôi lo lắng. Nhưng hãy đàm phán xong rồi gặp mặt nhau và trò truyện cũng chưa muộn." *Giám đốc Aubanet trả lời như sau*: "Các vị tổng chỉ huy suy ra từ sự có mặt của các ngài Quốc vụ Toàn quyền, là khi đến với chúng tôi các Ngài đã mang theo thiện chí mong sao cho quân đội được nghỉ ngơi, dân chúng được thái bình. Họ rất cảm kích trong cuộc đàm phán trước đây, các điều kiện (hòa bình) chưa được tỏ bày trọn vẹn cho nên dương nhiên họ mong một cuộc đàm phán mới. Dẫu sao tôi cũng đồng ý hoàn toàn về sự trả lời của các Ngài, tôi xin chuyển những lời này đến các Tổng chỉ huy của tôi, và chắc chắn các vị cũng vừa ý. Một hiệp ước hòa bình là dấu hiệu hạnh phúc cho quân đội ba nước; không nên trì hoãn nữa và vậy thì các Quốc vụ Toàn quyền đến đây nhân danh đức Vua (An Nam) có mang theo một vài điều kiện hòa bình nào đã được triều đình An Nam định sẵn hay không".

---

[2] *Chữ khắc trên huy chương.*

https://tieulun.hopto.org

Đây là trả lời của chúng tôi: "An Nam từ trước đến nay chưa từng ký kết hiệp ước với nước Pháp. Chúng tôi nghĩ rằng giấy tờ viết hoặc phiên dịch từ tiếng này sang tiếng khác là mất ý nghĩa thật sự của nó và dễ gây sự hiểu nhầm, nên chúng tôi nghĩ rằng các cuộc đàm thoại trực tiếp là cần thiết. Xin các ngài cho ý kiến". *Aubaret đáp lại:* "Đã như vậy xin các Ngài cứ tỏ bày ý muốn chẳng có trở ngại gì cả. Các ngài tổng chỉ huy đã tỏ sự tin cậy vào chúng tôi, đã cử các phụ tá đến mời chúng tôi. Chúng tôi đang chờ đợi với niềm tin về các quyết định mà các Ngài phải cân nhắc thế nào để cho tất cả mọi bên đều được an lòng". *Ông Aubaret nói là sẽ thuật lại cuộc đối thoại cho các vị Tổng chỉ huy và hẹn sau đó sẽ trả lời chúng tôi. Chúng tôi nói thêm:* "Chúng tôi đã già rồi, sức khỏe giảm sút đi nhiều trong cuộc hành trình giữa sóng gió. Đức Vua của chúng tôi đang luôn nghĩ đến chúng tôi. Bản tường thuật về việc chúng tôi đến nơi an toàn, những cảm tưởng đầu tiên của chúng tôi trong những ngày dừng chân tại đây được ghi lại trong cuốn vở này. Chúng tôi chỉ mong mỏi vì tình hữu nghị mà ông sẽ giúp đỡ chúng tôi giữ nó". *Ông Aubaret trả lời vui lòng giúp đỡ và sẽ trình lại với các chỉ huy. Và cuốn vở được gửi ra Huế ngày mồng 3 (30 tháng 5).*

Trong ngày ấy vào giờ Mùi, hai tổng chỉ huy ra lệnh cho giám đốc Aubaret và thông ngôn quốc tịch Trung Hoa tên là Lý Liên Phương đem đến cho chúng tôi một văn bản về các điều kiện hòa bình mà họ đề xướng. Các điều kiện mặc dầu cô đọng trong 8 điều khoản (các điều kiện hòa bình trước đây thì dài dòng và tối nghĩa) nhưng rất trầm trọng vì nó có mục đích buộc nhượng 6 tỉnh và bồi thường số tiền lớn là 5.000.000 Đôla. Đó không phải là những vấn đề có thể bàn cãi giải quyết xong trong một cuộc họp. Bình tĩnh và từ từ từng chữ một chúng tôi trả lời: "Theo ý nghĩ trong văn chương này, hình như các vị chỉ huy chưa muốn hòa bình, cho nên mới nêu lên các đòi hỏi quá nặng nề như vậy. Muốn hòa bình lâu dài, thì phải công bằng, không nên để một bên phải khó héo, còn bên kia thì xanh tươi.

https://tieulun.hopto.org

Kẻ nào có thể chấp nhận cái hòa bình của các Tổng chỉ huy cho được. Các ông hãy đi về, hãy nói lại với ngài Tổng chỉ huy và mong các Ngài nên sửa lại các điều khoản (hòa ước) thế nào để giữ được danh dự cho cả hai vương quốc và cả hai đều có thể có lợi. Đó là việc làm để chúng tôi mang ơn nghĩa các ông." *Đáp lại:* "Thưa Ngài, quyết định của các Tổng chỉ huy đã dứt khoát, có thương lượng nữa cũng không kết quả". "Xin các ông trở về chuyển lại cho các Ngài ấy lời yêu cầu của chúng tôi và các yêu cầu này hẳn làm cho họ có suy nghĩ mới". *Ông Aubaret nhận lời của chúng tôi và ra về.*

Ngày sau, cũng xảy ra như thế. Aubaret nói thêm: "Các Ngài quyết định không chấp nhận điều kiện của chúng tôi thì hòa bình không có được và cần phải lo sợ cái rắc rối mới và trầm trọng hơn có thể xảy ra".

"Các Ngài Tổng chỉ huy đã muốn hòa bình và đã lợi dụng lợi thế về lực lượng để áp đặt cho chúng tôi. Nếu hòa bình như thế thì sẽ làm tổn thương đến danh dự và tiếng tăm của nước họ dưới mắt của cả thế giới. Nếu chúng tôi chấp nhận thì chúng tôi không có một lập luận nào để trình bày với triều đình cả. Các khó khăn sẽ lớn hơn."

Từ ngày mồng 3 (30 tháng 5 cho đến ngày mồng 6 (2 tháng 6) ông Aubaret tiếp xúc với chúng tôi hàng ngày. Ông ta lợi dụng mọi cơ hội để nói với chúng tôi về vấn đề này, và khuyên chúng tôi nên chấp thuận tất cả các điều khoản của hiệp ước. Chúng tôi luôn luôn giữ thái độ bình tĩnh và lễ độ.

Các cuộc đàm phán tiếp tục. Từ đây là vấn đề nhượng 4 tỉnh chứ không còn 6 tỉnh nữa và là 4.000.000 Đôla chứ không còn là 5.000.000 Đôla nữa. Ông Auberet nhấn mạnh cho chúng tôi thấy là các Tổng chỉ huy đã bỏ nhiều yêu sách, và nếu chúng tôi muốn hòa bình thì đừng mất công thương thuyết nữa. Nhận định rằng trong hoàn cảnh đặc biệt này, thật là không mấy tế nhị nếu cứ trì hoãn vấn đề bàn cãi, một khi mà các Tổng chỉ huy đã trải qua nhiều lần xem xét nó, chúng tôi liền nhờ giám đốc, một lần cuối cùng, chuyển lại lời nói của chúng tôi cho cấp trên của ông ấy

https://tieulun.hopto.org

nhân danh các Tổng chỉ huy. Aubaret nói với chúng tôi như sau: "Chính phủ chúng tôi muốn nối tiếp các quan hệ hữu nghị, và vì mục đích đó nên tôi thấy không có trở ngại gì để giao trả lại tỉnh Vĩnh Long và các đảo Phú Quốc". *Nhưng đổi lại thì ông ta đưa ra 12 điều khoản bổ sung để bàn cãi. Đối với nhiều nhận xét mà chúng tôi đưa ra liên quan đến điều khoản "tự do tín ngưỡng" thì Aubaret đã phản đối một cách quyết liệt, không lay chuyển được. Thấy tính tinh của người Tổng chỉ huy thẳng thắn lanh lợi và đã chịu sửa đổi các điều khoản hòa bình mà ông có thể làm được trong nội dung của văn bản, và cũng thấy rằng nếu cứ kéo dài mãi việc bàn cãi gây nguy cơ tổn thương hòa bình và tạo nên khó khăn mới, chúng tôi đã chấp nhận ký vào hiệp định ấy. Trong hiệp định có sửa đổi một chút về hình thức các từ (về phương diện thể thức và văn phong). Cuối cùng, cả hai bên đều nhận bản sao của quyết định.*

Trước đó chúng tôi đã có quy định với Tổng chỉ huy là vào ngày 9 (5 tháng 6) thì trao đổi các đồng bản hiệp ước.

Buổi sáng ngày 9. Phó súy và đại úy Simon đến với danh nghĩa của Tổng chỉ huy trưởng để đưa chúng tôi đi. Mặc áo lễ triều và "nhung y" nghĩa là "áo trận" chúng tôi bước lên tàu đem theo hộp đựng khuôn dấu của Quốc vụ Toàn quyền. Đến bến đò, thì đã có các quan võ với những đồng phục khác nhau đang sắp hàng hai bên đường. Phó súy và các viên chức khác đợi chúng tôi ở cầu. Hai xe ngựa kiểu Âu châu, có 4 ngựa kéo dành sẵn cho chúng tôi.

Tôi, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, lên xe theo thứ tự của cấp bậc; hai Phó súy cưỡi ngựa đi trước chúng tôi, các tham tán cũng ngồi ngựa đi theo chúng tôi. Các xe khi đi ngang qua được các sĩ quan đứng chào, nhạc vang dội và dừng lại ở ngưỡng cửa phòng hội.

Ngồi đối diện với hai Tổng chỉ huy, và sau khi đoàn đã so sánh, xem xét các đồng bản của hiệp định, chúng tôi ký tên, áp dấu vào đó.

Hai tổng chỉ huy đối xử với chúng tôi với khuôn phép lễ độ

https://tieulun.hopto.org

như trong các cuộc họp trước. Tiếp đến Giám đốc Aubaret mời chúng tôi ra dự duyệt binh. Các đơn vị bộ binh có kỵ binh dẫn đầu cất bước diễu hành, các thao tác vận động của diễu hành cho chúng ta thấy sức mạnh của người, sức mạnh của ngựa, trong tiếng nhạc tưng bừng vang lên và người An Nam, Pháp, Tàu đông đặc đứng xem.

Hai mươi phát đại bác được bắn đi, tiếp đến là hai mươi mốt phát đại bác từ chiếc tàu thủy của Đô đốc, thuyền của chúng tôi đáp lại bằng chín phát.

Người ta mời chúng tôi chụp ảnh với bộ áo lễ triều, chúng tôi phải chuẩn bị các chỉ thị đặc biệt để công bố cho chính quyền của các tỉnh Vĩnh Long, Long An và Hà Tiên và cho các đồn lũy tản mạn trong khắp Nam Kỳ. Các chỉ thị đó sẽ gởi đi ngày 10 (6 tháng 6).

Chúng tôi cũng đã loan báo là chúng tôi sẽ trở về ngày 11 (7 tháng 6).

Sau đó họ trả lại cho chúng tôi các nhân vật đã bị những người cầm quyền quân sự Pháp giam giữ.

Đốc binh Hồ Văn Nghị, Phó Quản cơ Hoàn Danh, 4 đội; 3 đội Thi San Ban Biện; Ngũ Đẳng Thị vệ Đặng Văn Duật; Hai đội trưởng Ngoại úy; 3 Ngũ trưởng Binh Đinh; 5 người có hay không có trong danh sách; 1 Hiệu đinh. Tổng cộng 21 người. Chúng tôi cho họ về cùng thuyền và chia xẻ lương thực và thực phẩm với họ.

Ngày 11 (7 tháng 6) vào giờ Tỵ, thuyền được kéo đi. Mười bảy phát đại bác, bắn từ chiếc tàu Đô đốc, đem lại cho chúng tôi lời chào từ biệt của các Tổng chỉ huy. Trong chiều ngày 12 (8 tháng 6), chúng tôi đã đến vịnh Cam Ranh của tỉnh Khánh Hòa. Sáng ngày 13 (9 tháng 6) chúng tôi đi ngang trước cảng Đà Nẵng của tỉnh Quảng Nghĩa. Trong đêm 13 rạng ngày 14 (10 tháng 6) vào giờ Sửu chúng tôi đến chỗ đậu ở Thuận An và chúng tôi thả neo.

Tổng chỉ huy Bonard có chuyển giao: 2 viễn vọng kính, 7 thùng đủ loại rượu Âu, 4 bao đường Âu, 3 lợn, 10 vịt, một số cau trầu.

https://tieulun.hopto.org

Tổng chỉ huy Tây Ban Nha có chuyển giao: 11 thùng cỡ nhỏ đựng thuốc xì gà, 6 thùng đủ loại rượu Âu.

Về phía chúng tôi, chúng tôi cho chuyển đến Tổng chỉ huy Bonard: 60 lạng trà, 500 lạng đường, 50 tấm vải nhiều loại, 15 thanh quế.

- Chuyển cho chỉ huy Palanca: 20 lạng trà, 200 lạng đường, 10 thanh quế, 10 tấm vải đủ loại.

- Cho các ông Tham tán và Phó súy Pháp: 15 lạng chè, 100 lạng đường cát, 10 tấm vải đủ loại, 10 thanh quế.

- Cho vị Đốc bố Pháp cũ của tỉnh Gia Định và Phó suý Pháp: 15 lạng trà, 100 lạng đường cát, 5 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế.

- Cho Bố chánh và Án sát Pháp: 5 lạng trà, 5 tấm vải, 5 thanh quế. 2 hộp đường cát.

- Phân phối cho thuỷ thủ đoàn tàu đại uý Simon: 100 đồng bạc đủ loại.

- Cho Giám đốc Aubaret: 5 lạng trà, 100 lạng đường cát, 10 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế.

- Cho cựu Đốc bố Pháp: 10 lạng trà, 2 hộp đường bột, 5 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế.

- Cho đại úy Simon: 3 lạng trà, 1 hộp đường phèn, 2 hộp đường sơn đỏ chạy chỉ vàng, 5 thanh quế.

- Cho thông ngôn Pháp Cụ Trường: 10 tấm vải đủ loại, 5 thanh quế, 10 đồng bạc đủ loại.

Ký tên: Phan Thanh Giản.

Ký Tên: Lâm Duy Hiệp.

2. Nhận xét về cuộc tiếp xúc đàm phán

Sứ bộ Phan Thanh Giản phải vào Sài Gòn, là nơi quân Pháp và Tây Ban Nha đang chiếm đóng, đã thể hiện sự yếu thế, thua kém do bị bại trận, mất ba tỉnh miền đông Nam Kỳ. Tàu sứ bộ chạy bằng buồm và sức người đã phải buộc bằng dây vào tàu của Pháp chạy bằng hơi nước để đi cho nhanh. Khi vào đến vùng bị Pháp chiếm, Sứ bộ đã trông thấy hàng chục tàu của chúng chạy

https://tieulun.hopto.org

bằng hơi nước, trông thấy đội quân hùng mạnh của chúng phô trương lực lượng, được mời tham gia duyệt binh của bộ binh, kị binh. Sứ bộ cũng trông thấy tiến bộ khoa học như điện tín, chụp ảnh... Tất cả đều nhằm uy hiếp tinh thần Sứ bộ làm cho phải khiếp sợ sức mạnh của quân Pháp và Tây Ban Nha.

Việc đón tiếp Sứ bộ long trọng và gửi nhiều quà biếu của chúng chỉ là mưu mô hòng mua chuộc Sứ bộ và che đậy bộ mặt cướp nước của chúng. Sứ bộ chỉ nhận 3 thùng rượu Tây và 2 thùng thuốc lá cho lính và thủy thủ, từ chối nhận tiền mỗi ngày 40 Franc cung cấp thực phẩm cho đoàn thủy thủ của Sứ bộ. Phan Thanh Giản cũng từ chối không nhận một bộ ấm chén Pháp để pha trà và hai ống nhòm một cách lịch sự.

Về nội dung cuộc đàm phán: Đây là một vấn đề mới mẻ đầu tiên trong lịch sử ngoại giao của phía Việt Nam, trong lịch sử chưa bao giờ chịu thua mất đất và ký hiệp ước cắt một phần đất nước cho nước ngoài, nên có lẽ sứ bộ Phan Thanh Giản không chuẩn bị văn bản cho việc ký kết, thể hiện qua câu trả lời: "An Nam từ trước đến nay chưa từng ký kết hiệp ước với Pháp. Chúng tôi nghĩ rằng giấy tờ viết hoặc phiên dịch từ tiếng này sang tiếng khác là mất ý nghĩa thật sự của nó và dễ gây sự hiểu lầm, nên chúng tôi nghĩ rằng các cuộc đàm thoại trực tiếp là cần thiết".

Có thể là triều đình Tự Đức và Sứ bộ cũng chưa hình dung được cuộc đàm phán mà phía Pháp đưa ra hết sức nặng nề gần như là một cuộc đầu hàng, bồi thường chiến phí tới 5 triệu đôla và mất gần hết Nam Kỳ cho Pháp. Có thể là Triều đình Huế chuẩn bị chỉ bồi thường chút ít và nhượng bộ cho chúng đóng quân ở vài địa điểm, truyền đạo Thiên Chúa tự do mà thôi nên khi thấy chúng đưa ra dự thảo hiệp ước buộc nhường 6 tỉnh (toàn bộ Nam Kỳ) và bồi thường 5 triệu đôla đã rất sửng sốt. Trong hoàn cảnh đó, sứ bộ đã đấu tranh vì lợi ích của dân tộc khá cương quyết: "... *hình như các vị chỉ huy chưa muốn hòa bình cho nên mới nêu lên các đòi hỏi quá nặng nề như vậy. Muốn hòa bình lâu dài thì phải công bằng,*

https://tieulun.hopto.org

không nên để một bên phải khô héo, còn bên kia thì xanh tươi. Kẻ nào có thể chấp nhận cái hòa bình của các Tổng chỉ huy (Pháp) cho được... Mong các ngài nên sửa lại các điều khoản thế nào để giữ được danh dự cho cả hai quốc vương và cả hai bên đều có thể có lợi".

Sau nhiều lần tên Aubaret đe dọa, không cho bàn bạc gì thêm, uy hiếp "cái lo sợ rắc rối mới và trầm trọng hơn có thể xảy ra..." Sứ bộ Phan Thanh Giản vẫn không chịu chấp nhận: "*Các ngài Tổng chỉ huy đã muốn hòa bình và đã lợi dụng lợi thế và lực lượng để áp đặt cho chúng tôi. Nếu hòa bình như thế thì sẽ tổn thương đến danh dự và tiếng tăm của nước tôi dưới mắt cả thế giới. Nếu chúng tôi chấp nhận thì chúng tôi không có một lập luận nào để trình bày với triều đình cả. Các khó khăn sẽ lớn hơn*".

Kết quả của đàm phán là rút bớt việc phải nhượng 6 tỉnh và bồi thường chiến phí từ 5 triệu đôla xuống còn nhượng 4 tỉnh và bồi thường 4 triệu, về việc tự do giảng đạo không sao thay đổi được. Cuối cùng, Sứ bộ nhận định: "Đối với nhiều nhận xét mà chúng tôi đưa ra liên quan đến điều khoản" tự do tín ngưỡng" thì Aubaret đã phản đối một cách quyết liệt, không lay chuyển được. Thấy tính tình của người Tổng chỉ huy thẳng thắn lanh lợi đã chịu sửa đổi tất cả các điều khoản hòa bình mà ông có thể làm được trong nội dung của văn bản, và cũng thấy rằng cứ kéo dài mãi việc bàn cãi gây nguy cơ tổn thương hòa bình và tạo nên khó khăn mới, chúng tôi đã chấp nhận ký vào hiệp định ấy".

Suy cho đầy đủ hoàn cảnh đàm phán để đi đến ký kết hiệp ước thì thấy: trong tình thế thua trận, mất đất, trong tay không còn gì để làm hậu thuẫn thì Sứ bộ chỉ có một con đường là công nhận nền đô hộ của chúng và ký vào hiệp ước do chúng đưa ra hoặc không ký gì cả và tiếp tục đánh nhau. Đây lại là trái với ý của Triều đình và, trong trường hợp không ký, Phan Thanh Giản có thể bị xét tội không tuân lệnh Vua. Một chứng cớ để thấy việc ký hòa ước là do Tự Đức chỉ thị là: sau đó Tự Đức đã

https://tieulun.hopto.org

phê chuẩn Hiệp ước này khi tiếp Bonard và Palanca vào tháng 4 năm sau là 1863. Trong 12 điều khoản của Hiệp ước, trừ điều 1 và 12 là thủ tục, còn 10 điều đều có lợi cho Pháp và Tây Ban Nha, của chủ quyền lãnh thổ bị mất hoàn toàn trên 3 hay 4 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường (Mỹ Tho), Côn Đảo. Vĩnh Long vẫn thuộc Pháp canh giữ, sẽ trả nếu dẹp tắt các cuộc nổi loạn (chống Pháp). Các điều khoản khác cũng rất ngặt nghèo cho phía Việt Nam. Chủ quyền trên toàn lãnh thổ Nam Kỳ và nhiều nơi khác đã không còn, tạo điều kiện thuận lợi cho phía Pháp xâm chiếm nốt các tỉnh còn lại và mở rộng xâm lăng ra cả nước.

Xem qua báo cáo của Phan Thanh Giản lên Tự Đức, trong tình thế ấy, cũng không nên kết tội Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp là "mãi quốc" vì 2 quan chức cấp cao của triều đình này khó có thể làm khác được và trên thực tế hai vị cũng thương thuyết giảm từ chiếm đóng 6 tỉnh xuống còn 3, giảm bồi thường chiến phí từ 5 triệu xuống còn 4 triệu và thái độ, lời nói của các vị khi thương thuyết rõ ràng cũng không phải là bán rẻ đất nước cho thực dân Pháp.

5. PHÓ ĐÔ ĐỐC BONARD RA HUẾ PHÊ CHUẨN HIỆP ƯỚC 1862 KHÔNG CHỊU BỎ KIẾM VÀ KHÔNG CHỊU QUỲ LẠY TRƯỚC VUA TỰ ĐỨC

Hiệp ước 1862 sau khi kí phải được hoàng đế 3 nước phê chuẩn. Phái đoàn Pháp và Tây Ban Nha ra Huế tháng Năm 1863 để yết kiến Vua Tự Đức và nhận văn bản phê chuẩn. Phái đoàn gồm có:

- Pháp: Phó đô đốc Bonard, Thống đốc, Tổng chỉ huy ở Nam Kỳ, Đại diện toàn quyền của Hoàng đế Napoléon III, Đại tá Reboul, Đại úy Tricault, Đại úy Aubaret, Trung úy Bugé.

- Tây Ban Nha: Đại tá Palanca, Tổng chỉ huy quân viễn chinh Tây Ban Nha, Đại diện toàn quyền Hoàng hậu Isabelle là trưởng đoàn; Roig de Luis, Tổng tham mưu trưởng; Tiểu đoàn Trưởng Torontegui; Carballo, chỉ huy tàu; Le Grand de Liraye,

https://tieulun.hopto.org

Trưởng phòng công vụ.

Mỗi phái đoàn có 40 lính đi hộ tống.

Phan Thanh Giản với chức vụ Tổng đốc Vĩnh Long sau khi là Khâm sai đại diện toàn quyền ký hiệp ước. Lâm Duy Hiệp với chức vụ Tuần vũ Phú Khánh có trách nhiệm chuẩn bị nghi thức cho việc hai phái đoàn Pháp và Tây Ban Nha yết kiến Vua Tự Đức và trao đổi văn bản phê chuẩn.

Ngày 14, phê chuẩn hiệp ước ở Phú Văn Lâu.

Ngày 16 tháng 4 năm 1863 phái đoàn Pháp - Tây Ban Nha được long trọng đón tiếp tại Hoàng cung Huế.

Về nghi thức Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã trao đổi với phía Pháp và Tây Ban Nha là các đại sứ không được mang kiếm khi vào Hoàng cung, nhưng đã bị phía Pháp - Tây từ chối, họ nói: "Ở nước chúng tôi, các công chức hay sĩ quan được mang kiếm. Chỉ có tù nhân mới không mang kiếm. Không kiếm chúng tôi sẽ bị giới quân sự phê bình và hơn thế nữa vua của chúng tôi sẽ phạt nặng ..."

Về việc phải lạy quỳ trước vua, họ không chịu, chỉ cất mũ và đưa tay chào chứ không chịu quỳ lạy. Họ nói: "Kỷ luật của chúng tôi buộc chúng tôi phải cất mũ và đưa tay lên để chào vua chúa. Trong quan hệ giữa chúng tôi và nhà nước các ông, chúng tôi muốn giữ phong tục của chúng tôi. Trong những cuộc giao tiếp ở hoàng cung, chúng tôi sẽ cất mũ cúi chào 1 lần khi đến trước mặt vua và sau khi chúc tụng xong, chúng tôi cúi chào 3 lần và rút lui."

Tất nhiên, lần đầu tiên tiến hành thể thức ngoại giao với phương Tây, các nghi thức có khác, triều đình phải chấp nhận. Hơn nữa trước mặt kẻ thắng trận, kẻ thua làm sao có thể bắt họ theo các nghi thức đã có từ ngàn đời của nước mình là không ai được mang kiếm khi vào nơi vua ở, nay lại mang kiếm đứng trước mặt vua. Dù quan to trong triều khi gặp vua đều phải cúi lạy 3 quỳ, 9 vái... nay đã bị phế bỏ trước bọn võ quan da trắng thắng trận. Lễ nghi của triều đình phong kiến Việt Nam lần đầu bị bác bỏ.

https://tieulun.hopto.org

Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp là người đã ký Hiệp ước 1862, được Pháp đưa ra Huế từ ngày 1 tháng 4 trên chiếc tàu Forbin để chuẩn bị cho việc đón tiếp và trao đổi văn bản đã được vua 3 nước phê chuẩn.

Lúc này ở Huế có bệnh dịch tả. Ngày 14 tháng 6 trao đổi Hiệp ước phê chuẩn xong thì ngày 15 Khâm sai Lâm Duy Hiệp do phải chịu đựng nhiều mệt nhọc để lo liệu và kết thúc buổi lễ đã mắc dịch tả chết.

Bonard, Thống đốc Nam Kỳ, trưởng đoàn Pháp đã ghi lại cảnh đón tiếp của triều đình Huế trong một báo cáo gửi Bộ trưởng Thuộc địa Pháp:

"... Tất cả sự xa hoa lộng lẫy ở Đông Dương đã được triều đình An Nam phô bày trong dịp này. Hơn 20.000 lính với các binh chủng đã được sắp hàng trên chặng đường chúng tôi đi qua. Các con voi kể cả voi ngự được trang phục và điều khiển bởi các ông Nải, trông đồ sộ, nổi bật lên trên cái đơn điệu của những dám quân cờ xí đủ màu sắc lòe loẹt, đầy khắp con đường của kinh thành.

Đoàn hộ tống vũ trang của chúng tôi, theo tục lệ phải dừng trước cổng hoàng thành, và chỉ có chúng tôi mới được đi vào cung cấm để yết kiến Vua Tự Đức.

Chúng tôi được miễn quỳ lạy vì việc này không có trong phong tục của chúng tôi, và được giữ thanh kiếm bên mình. Theo như quy ước với nhau thì chúng tôi chỉ cúi đầu 1 lần khi đến gần cái bệ ngai vua và cúi đầu 3 lần nữa khi cáo từ Vua Tự Đức.

Vua An Nam ở trong phòng rộng lớn được trang trí bằng tơ lụa và cờ xí, xung quanh có hoàng tử nhiều đời, không dưới 150 hay 200 người, đã tiếp đón chúng tôi trước cái bàn thếp vàng.

Tất cả các chức sắc, các quan lại triều đình, các nhà văn nho, các thị vệ của Vua, mặc áo lụa, đều cùng chúng tôi đọc trực tiếp cho Vua nghe bài diễn văn đã được thỏa thuận trước và trình cho Vua một bản sao. Bài diễn văn được lặp lại cho Vua nghe bằng tiếng Hán bởi đại úy Aubaret (chỉ huy chiếc tàu cỡ trung) và sau đó là lời đáp từ của Vua được Khâm sai toàn

https://tieulun.hopto.org

quyền Phan Thanh Giản lặp lại và dịch cho chúng tôi nghe bởi một thành viên của Hội đồng tư vấn bên cạnh Vua".

Trong khi tiếp kiến Tự Đức, Bonard đã nói:

"Tôi được hoàng đế Pháp cử đến để trao đổi sự phê chuẩn và có đóng dấu quân đội của Ngài và để chuyển đến đức Vua An Nam những lời hoan nghênh của Hoàng đế Pháp. Hoàng đế Pháp mong ước hòa bình và hữu nghị được bền vững giữa Pháp và An Nam. Hoàng đế Pháp cầu mong sự thịnh vượng của đất nước này cũng như ngọc thể của đức Vúa An Nam được an khang."

Đại tá Palanca cũng phát biểu bằng tiếng Tây Ban Nha và được dịch cho Vua nghe.

Vua Tự Đức đã đáp từ:

"Các đại sứ đã phải bao nhiêu khó nhọc để đến tận đây thật là đáng quý. Đức Vua An Nam rất khen ngợi và chào mừng sứ mạng của các vị. Khi các đại sứ trở về nước với các đức vua, mong nói lại là hòa bình đã được ký kết, từ nay trở đi mọi việc đều được thương lượng một cách ôn hòa và tình hữu nghị chân thành nhất sẽ tồn tại lâu dài cho hạnh phúc của cả 3 nước.

Mong các đại sứ sẽ khắc sâu những lời nói đó trong tâm trí và cũng vì lẽ ấy mà đức vua đã nói ra những lời lẽ đó."

(Có thể do dịch từ tiếng Hán sang Pháp rồi từ Pháp sang quốc ngữ nên lời lẽ trong đáp từ này không thuận".

Có thể là Tự Đức miễn cưỡng bề ngoài phải nói ra những lời về hòa bình như trong đáp từ, nhưng trong thâm tâm thì rất uất hận vì việc phải cắt đất, cho nên sau đó lại cử Phan Thanh Giản dẫn đầu sứ bộ sang Pháp xin điều đình chuộc lại 3 tỉnh đã mất.

6. GIỚI THIỆU TÓM TẮT "HÀNH TRÌNH ĐI TÂY" CỦA SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN NĂM 1863 - 1864

Đầu đề của cuốn nhật ký "Tây sứ trình nhật ký" là báo cáo của sứ bộ Phan Thanh Giản lên vua Tự Đức do Phạm Phú Thứ thảo, Phan Thanh Giản và Ngụy Khắc Đản duyệt lại. Cuốn nhật ký viết bằng chữ Hán rất đẹp, gồm 313 trang khổ giấy

https://tieulun.hopto.org

33cm x 19cm, gồm 3 quyển. Cuốn 1 kể lại hành trình từ Huế đến Lyon, cuốn 2 ghi những ngày trên đất Pháp. Cuốn 3 ghi những ngày trên đất Tây Ban Nha và trên đường trở về. Sau đây xin lược trích vài đoạn trong nhật ký.

"... *Chúng tôi: sứ bộ đi châu Âu gồm Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản, giữ chức Khâm sai xin kính trình: chúng tôi lên đường tháng 5 năm ngoái, hôm nay đã trở về. Ngoài các công văn chính thức và sổ sách chi tiêu các vật phẩm phân phát đã đệ lên, nay xin trình Bệ hạ nhật ký ghi những điều xảy ra trên đường đi và những gì đã nghe và tìm hiểu:*

- Lên đường ngày 7 tháng 5 niên hiệu Tự Đức Ngũ niên (22/6/1963).

- Xuống tàu Echo do Thống đốc Nam Kỳ là De la Grandière gửi ra để đón. Tàu này bọc sắt, dài 15 trượng, rộng trên 2 trượng, cao 3 trượng, có 3 cột buồm, 2 ống khói, 2 guồng nước ở hai bên thân tàu. Có 3 đại bác, hơn 100 súng.

- Ngày 25 tháng 6 năm 1863 đến cảng Cần Giờ, lên ở một dinh thự cũ làng Tân Khai.

- Sứ bộ xuống chiến hạm Européen ngày 3 tháng 7 năm 1863. Tàu dài 20 trượng, rộng 2 trượng 4 thước, cao 3 trượng 5 thước. Tàu gồm 4 tầng, có 3 cột buồm, 2 ống khói, có 3 khẩu đại bác, mỗi khẩu dài 5,6 thước, đường kính 4,5 tấc, thủy quân ước chừng 160 người, có 300 lính về nước đi cùng.

- Tàu lấy lương thực và than xong, tiếp tục lên đường ngày 12 tháng 7. Ngày 16 đến Ấn Độ Dương.

- 7 giờ sáng ngày 8 tháng 8 tàu đến cảng Aden của người Anh. Dân bản xứ da đen, tóc quăn, ăn ngô, khoai lang. Thời tiết khắc nghiệt, cả năm chỉ mưa vài lần, phải xây bể chứa nước. Lãnh sự Pháp ở Aden lên tàu thăm. Thông ngôn Nguyễn Văn Trường (?) chết đột ngột, nói với lãnh sự Pháp cho một miếng đất để chôn dưới chân dãy đồi Aden.

- Gặp một tàu Pháp đi Sài Gòn, nhờ chuyển 3 phong bì về nước đến Bộ Lễ. Đi 7 ngày từ cảng Aden đến cảng Suez vào ngày 17 tháng 8 năm 1863. Dân cư vào khoảng 4 - 5000 người.

https://tieulun.hopto.org

Thống đốc Suez và lãnh sự Pháp ở đây đến thăm. Đến đây chuyển sang đường bộ, hành lý được chuyển lên các toa tầu đường sắt. Sứ bộ lấy tiền bạc, bạc nén, trà, lụa cùng các loại vải biếu chỉ huy một số lính thủy thủ tàu Europeén. Đường đen và gạo chuyển theo đường sắt, một số cho lính dùng còn để lại trên tàu cho khi về. Aubaret nhắc cho lính tắm hơi và bảo thầy thuốc Pháp đưa thuốc ghẻ và hắc lào cho lính điều trị vì lên đất liền sẽ có nhiều người nhìn vào, tùy tùng phải sạch sẽ. Phó đại sứ Cảng Alexandrie mời xuống tàu nhổ treo quốc kỳ Đại Nam màu đỏ có thêu chữ "Đại Nam Khâm sứ" để lên đất liền.

- Thống đốc Alexandrie ra đón. Ngày 19 tháng 8 lên tàu hỏa đi Cairo, kinh đô Ai Cập. Nhật ký tả chiếc tàu hỏa:

"Đầu máy được chế tạo trong các nhà máy ở châu Âu. Phần trước có nồi hơi, than đá, nước cùng với máy, sau đó là chỗ đứng của người lái tàu. Đầu máy có thể kéo từ 10 đến 67 va-gông, mỗi chiếc có 4 bánh. Tàu có 3 hạng, hạng 3 dùng để chở hàng hóa, hạng 2 cho khách bình thường và hạng nhất cho nhân vật quan trọng. Chuyến tàu đặc biệt này rất rộng rãi, nệm ghế đều có bọc và các cửa đều bằng kính. Nội thất có ghế tựa, bàn... Đây là đoàn tàu của Phó vương Ai Cập..."

Tiếp sau nhật ký nói đến phong tục, tôn giáo Đạo Hồi thờ Mohamet. Dân số 4 triệu... Lên lầu ngắm các Kim tự tháp làm lăng tẩm của Vua, cao 370 xích, cần đến 120.000 người làm trong 20 năm.

- Đi xem sông Nil, lưu ý các đập nước.

- Ngày 25 tháng 8 năm 1863 cai đội Nguyễn Hữu Tước mắc bệnh hủi.

- Ngày 26 đi xem các đền thờ đạo Hồi.

- Ngày 2 tháng 9 năm 1863 xuống tàu hơi nước Labrador, phía trước tàu kéo cờ Ai Cập, phía giữa là cờ Đại Nam, phía sau là cờ Pháp.

Ngày 9 tháng 9 năm 1863 đến cảng Toulon, Pháp. Lên thăm Toulon, quan sát xưởng làm dây thừng cho các tàu (bằng máy cả). Thăm xưởng đúc kim loại nấu trong lò chảy lỏng như

https://tieulun.hopto.org

nước, xem nhà máy đúc súng đại bác, làm đạn, xưởng đóng tàu. Xem các pháo đài, xem tàu thủy của Hoàng đế Pháp, xem chiến hạm cao 7 tầng, có 120 đại bác với 1.200 lính.

Xem chiến hạm thao diễn. Dân cư Toulon hơn 83 ngàn người, là một quân cảng của Pháp.

- Ngày 11 tháng 9 đến cảng Marseille, ở khách sạn 7 tầng, thắp sáng bằng hơi ga. Đến thăm Thị trưởng thành phố, xem vườn bách thú. Buổi tối đến rạp hát xem biểu diễn, có hàng ngàn khán giả vỗ tay các màn kịch và nhảy múa hát.

- Ngày 12 tháng 9 ra ga đi tàu hỏa lên Paris..."

Vài nhận xét: Một điều làm người đọc ngày nay rất ngạc nhiên là *Nhật ký* đã ghi chép đầy đủ chi tiết, từng hướng đi của con tàu, tên các vùng đi qua với những tri thức về địa lý, lịch sử, những số liệu rất cụ thể. Đối với một người theo Nho học, sống trong một nước nông nghiệp lạc hậu khi tiếp xúc với các nước ngoài, không khỏi bỡ ngỡ, rối mù như chim chích vào rừng. Nhưng ở đây, chúng ta lại phải khâm phục những quan sát tinh tế, những kiến thức đã ghi chép rất bổ ích cho việc tìm hiểu thế giới mà từ trước đến nay ta chưa hề biết.

7. SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN VÀ QUỐC KỲ ĐẠI NAM

Truyện kể, khi sứ bộ Phan Thanh Giản đến hải cảng Alexandrie thì viên sĩ quan Pháp cùng đi theo đoàn về Pháp là Aubaret đã trao đổi với Chánh sứ Phan Thanh Giản:

- Theo thủ tục quốc tế khi tàu của một vị sứ thần ngoại quốc đến một hải cảng nào, thì hải cảng ấy phải bắn 19 phát súng lệnh để chào, và tàu phải kéo quốc kỳ của mình lên để đáp lễ. Vậy xin các sứ thần kéo quốc kỳ của nước Đại Nam lên cột tầu để đáp lễ cùng chính phủ Ai Cập khi họ bắn súng chào.

Nước ta lúc ấy chưa có quốc kỳ, lá cờ đuôi nheo thêu rồng, là kỳ hiệu của nhà vua, sứ bộ không được phép dùng. Sứ bộ hết sức bối rối, không ai ngờ trong thủ tục ngoại giao lại có lệ chào cờ như thế này. Lấy cờ như thế nào, ở đâu ra mà treo bây giờ, ai

https://tieulun.hopto.org

nấy đều lấy làm nan giải. Trong khi các vị sứ thần nổi tiếng mưu lược của Triều đình Tự Đức đang vò đầu bứt tai thì người trưởng đoàn tùy tùng hộ vệ lên tiếng:

- Bẩm ba cụ lớn, nước ta không có quốc kỳ, mà việc treo quốc kỳ thì cấp bách, không thể giải quyết ngay được. Con thấy chiếc khăn gói của cụ chánh làm bằng lụa kiều cầu còn mới tinh, màu đỏ tươi đẹp quá. Con xin đề nghị ba cụ tạm dùng cái khăn gói ấy làm cờ treo. Sau này về nước tâu lên Hoàng thượng ngự tường.

Vì không còn cách nào khác nên ba vị chánh phó sứ đành chấp thuận cách làm đó. Nhưng khi đưa lá cờ cho viên quan Pháp để treo, thì y bảo.

- Lá cờ này không thể dùng được bởi lẽ nó giống quốc kỳ của Ai Cập.

Thế là sứ bộ lại phải bàn bạc. Cụ Phạm Phú Thứ bèn nói:

- Thì ta cho thêu quách bốn chữ vàng *Đại Nam Khâm Sứ* ở giữa cái khăn để không còn sợ lầm lẫn với quốc kỳ Ai Cập nữa.

Mọi người đều khen là thần diệu và cho làm ngay. Trong đoàn lính hộ vệ có anh thợ thêu lành nghề nên không mấy chốc việc thêu 4 chữ đã được làm xong và đưa cho viên sĩ quan Pháp kéo lên. Cờ trên tầu của nước Đại Nam được kéo lên khi cập bến sau lúc 19 phát súng lệnh từ trên cảng của nước Ai Cập được bắn lên chào mừng. Cờ đỏ có 4 chữ *Đại Nam Khâm Sứ* đã trở thành quốc kỳ nước ta trong suốt hành trình của sứ bộ Phan Thanh Giản khi sang Pháp và Tây Ban Nha.

8. SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN TÌM HIỂU CHẾ ĐỘ THUẾ KHÓA CHÂU ÂU

Trong thời gian lưu ở Paris, Sứ bộ Phan Thanh Giản đã chú ý đến chế độ thuế khóa ở một số nước. Ông đã mời Phó đại sứ Áo và các sứ thần Thổ Nhĩ Kỳ đến trao đổi. Trong báo cáo gửi lên Vua Tự Đức đã ghi:

"Ngày 21 tháng 10 năm 1863 (...) chúng tôi mời Phó đại sứ

https://tieulun.hopto.org

nước Áo tới khách sạn, chúng tôi tỏ lòng kính trọng và hỏi thăm sức khỏe của ông. Chúng tôi mời ông dùng cà phê và hút thuốc. Sau đó vị quan chức ấy đã cho chúng tôi biết nước ông đã đặt ra thuế đánh trên thuốc lá: "Mỗi năm thu thuế này được 12 triệu Franc (ở châu Âu, đồng Franc là loại đồng tiền nhỏ bằng bạc có giá trị một quan tiền ở bên ta). Đại sứ Áo hỏi chúng tôi: "Thế ở bên các ông có thứ thuế nào như vậy không?". Chúng tôi trả lời: "Nhà nước chúng tôi chỉ bắt dân đóng thuế ruộng đất và một loại thuế chung cho các loại thổ sản thôi, không có gì khác nữa".

Ngày 14 tháng 10 năm 1863 (...) Chánh và Phó đại sứ Thổ Nhĩ Kỳ tới khách sạn chúng tôi và được mời dùng trà. Sau đó ông Chánh sứ hỏi một câu về chế độ thuế khóa ở nước ta như thế nào? Chúng tôi trả lời ông ấy: "Dân có đăng bộ đóng thuế thân. Ruộng chia làm 4 hạng và tùy theo hạng người ta đóng một mức thuế bằng tiền hay thóc. Ngoài ra các sản phẩm của vùng núi, rừng rú, sông suối và ao hồ được các viên chức của chính quyền trưng thu hoặc có khi trưng mua theo giá thỏa thuận tùy theo nhu cầu".

Qua đó, ta thấy sự quan tâm đến thuế khóa làm tăng ngân sách để trang trải cho nhiều việc chi tiêu lúc đó.

9. SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN VÀ NHỮNG ĐIỀU KỲ LẠ TRÔNG THẤY Ở CHÂU ÂU

Vốn sống trong một nước nông nghiệp lạc hậu, công kỹ nghệ không phát triển, việc thương mại lại bị chính sách bế quan tỏa cảng ngăn cấm, nên việc tiếp xúc với thế giới bên ngoài của nước Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX gần như không có. Hơn nữa với đầu óc bảo thủ, tự tôn một cách mù quáng, tự coi văn minh phương Đông là trung tâm của thế giới, nên các quan lại, trí thức Việt Nam thời này gần như hoàn toàn không biết gì về sự phát triển của khoa học kỹ thuật thế giới.

Khi quân Pháp và Tây Ban Nha nổ súng xâm lược 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, triều đình Huế thất bại, phải ký giấy đầu

https://tieulun.hopto.org

hàng nhường đất cho chúng. Vào Gia Định để ký giấy đầu hàng, Sứ bộ Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã nhìn thấy các tàu thủy của chúng chạy bằng hơi nước có chân vịt phía sau hoặc có hai bánh guồng nước ở hai bên hông tầu và không hiểu nổi tại sao chúng lại có thể sáng chế như vậy. Thuyền của Phan Thanh Giản vào Gia Định bị chúng lấy giây buộc vào tàu của chúng để lôi đi cho nhanh (không phải người chèo hay nhờ buồm).

Chuyện kỳ lạ thứ hai là khi sang đến Ai Cập, họ trông thấy những nhà cao tầng, cung điện nguy nga cùng các con đường thủy bộ; thấy người ta đào xuyên qua núi để làm đường đi cho thẳng; đào sông to để cho thuyền vào sâu trong đất liền. Những việc đó, người Việt Nam chưa thể hình dung nổi. Khi sang đến Pháp, Sứ bộ thấy mọi việc đều có máy làm, từ việc bện thừng, làm kính, nấu quặng, làm đạn, súng ống... Tất cả đều làm cho Sứ bộ bỡ ngỡ như chim chích lạc vào rừng vậy.

Lạ lùng hơn cả là Sứ bộ được ngồi trên xe lửa đi trên hai đường ray bằng sắt. Một đoàn tàu dài gồm tới 10 toa, mỗi toa chở được mấy chục người, chạy bon bon trên hai thanh sắt thẳng, nhanh chóng, mà không cần đến voi hay hàng chục con ngựa kéo. Kỳ lạ! kỳ lạ đến khiếp sợ! Kỳ lạ hơn nữa là đèn sáng thắp ngược (đèn điện). Ở bên ta hồi đó còn thắp đèn bằng dầu thực vật hay mỡ súc vật. Người ta đổ dầu đó ra một cái đĩa, để vào đấy một cái bấc và châm lửa cho nó cháy, ngọn lửa cháy từ bấc đèn, hướng từ dưới. Nay sang đến châu Âu, Sứ bộ không trông thấy dầu đèn, không thấy bấc đèn, mà ngọn lửa lại từ trên cao quay xuống, ánh sáng lại sáng rực hơn nhiều, nhiều người ngắm mãi không biết chán, không hiểu tại sao họ lại sáng chế kỳ lạ vậy; có người lại hỏi hay là họ có phép phù thủy, ma? Đến nỗi chính Chánh sứ Phan Thanh Giản cũng phải thốt lên trong một bài thơ:

"Trăm nghề khéo léo bằng trời đất,
Chỉ còn việc sống chết là quyền của tạo hóa."

Khi về nước, Sứ bộ thuật lại chuyện đèn thắp sáng ngược, ngọn lửa chiếu xuống đất, nhiều quan lại trong triều vẫn không

https://tieulun.hopto.org

tin đó là sự thật và còn cho là do sứ bộ bị mê hoặc. Làm sao với đầu óc người nông dân chưa biết đến khoa học kỹ thuật lại có thể tin như vậy được (có khác nào là người dân tộc trong rừng sâu ngày nay thấy ánh sáng điện thì cho là ma).

Ba mươi năm sau (1894) khi Nguyễn Trọng Hợp sang Pháp, mắt được chứng kiến cảnh đèn điện sáng rực ban đêm ở kinh thành Paris cũng đã phải thốt lên:

"Gác lớn, lầu cao nối tiếp liền,
Chiều tà xe ngựa rộn huyên thiên,
Bổng ngờ sao rụng trên trời xuống,
Đèn sáng, trời không biết có đêm.

Hay:

"Thành Quách chen nhau nhấp nhô cao ngất trời xanh...
Đêm đêm ánh đèn sáng rực trên 24 chiếc cầu..."

Sau này câu chuyện "đèn thắp sáng lộn ngược" thường dùng để chỉ tình trạng quá ư lạc hậu, thiếu văn minh của những người chưa hề biết đến kỹ thuật phát triển.

10. PHẠM PHÚ THỨ ĐI SỨ LÀ ĐỂ HỌC HỎI

Phạm Phú Thứ sinh năm 1820, hiệu là Trúc Đường, quê làng Đông Bàn, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông thi hương đỗ giải nguyên năm 1842, thi Hội đỗ hội nguyên. Đệ tam giáp đồng tiến sĩ. Ông được cử giữ các chức vụ quan trọng trong triều như Thượng thư Bộ Hộ...

Năm 1863, ông được cử làm Phó sứ trong Sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp và Tây Ban Nha để điều đình xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Trước khi đi Pháp ông đã được cử sang Quảng Châu, Ma Cao nên đã có dịp nhìn thấy sự phát triển của tư bản ở nước ngoài. Với hành trang đi sứ, không chỉ cân đai áo mão vua ban, các vật phẩm làm quà và các lễ nghi bái yết, băn khoăn của Phó sứ Phạm Phú Thứ là tìm hiểu xem vì sao các nước cường thịnh, vì sao nước ta hèn yếu, thua thiệt. Ông đã quan sát và ghi chép trên 330 trang giấy về những tiến

https://tieulun.hopto.org

bộ của các nước trong tập *Tây hành nhật ký* (Nhật ký đi Tây) của chuyến đi dài gần 9 tháng từ tháng 6 năm 1863 đến tháng 3 năm 1864.

Điểm qua *Nhật ký đi Tây* để thấy rõ:

- Ngày 21, 22, 23 tháng 8 năm 1863: Sứ bộ thăm thành phố Le Caire, bảo tàng nhà vua, xưởng đúc súng làm gươm. Phạm Phú Thứ đã ghi nhiều điều mới lạ.

- Ngày 26 tháng 8: Ông ghi lại lễ hội của Đạo Hồi và nhiều sinh hoạt dân gian.

- Ngày 10 tháng 9 năm 1863: Tham quan thành phố Toulon, đến xem xưởng làm dây thừng bằng máy, xí nghiệp đúc súng, làm đạn.

- Ngày 23 tháng 9, ở Paris: Đi thăm xí nghiệp mạ vàng, bạc. Ông đã ghi lại quy trình chế tạo đồng, sắt đến công đoạn mạ đồng, mạ bạc, mạ vàng.

- Ngày 25 tháng 9: Đi thăm cơ sở làm khí đốt. Ông đã ghi lại quy trình sản xuất và giá tiền rẻ hơn đèn dầu, đèn sáp.

- Ngày 29 tháng 9: Đi thăm xí nghiệp chế tạo đồng hồ các loại.

- Ngày 3 tháng 10: Đi thăm cơ sở làm đồ gốm cho quốc trưởng làm đồ tặng và dùng trong hoàng cung.

- Ngày 6 tháng 10: Đi thăm xưởng chế tạo hạt nổ, ông ghi chép phương pháp chế tạo hạt nổ.

- Ngày 9 tháng 10: Đi thăm bảo tàng khí cụ bách nghệ, máy dệt có hàng trăm loại, máy gặt, xe 2 bánh, 4 bánh...

- Ngày 15 tháng 10: Đi thăm công xưởng chế tạo giấy màu.

- Ngày 16 tháng 10: Đi xem xưởng chế tạo thuốc lá.

- Ngày 20 tháng 10: Đi thăm xưởng chế tạo tàu thủy, tàu hỏa, làm máy ép mía, máy làm thuốc lá.

- Ngày 28 tháng 10: Đi thăm xí nghiệp sản suất pha lê.

- Ngày 5 tháng 11: Tới điện Louvre dự phiên họp của Quốc hội nước Pháp do Quốc trưởng chủ tọa.

Ngoài các công việc ngoại giao và trình quốc thư với Napoléon III để xin chuộc lại 3 tỉnh, Sứ bộ đã xen kẽ các cuộc đi thăm các công xưởng như đã dẫn. Từ đó ta thấy rõ ý thức học

https://tieulun.hopto.org

hội của Phạm Phú Thứ và Sứ bộ. Trên đường về qua Tây Ban Nha và Ý, Sứ bộ cũng tranh thủ thăm thủ đô các nước này để hiểu biết thêm. Cùng trong chuyến đi sứ, Chánh sứ Phan Thanh Giản hình như bị choáng ngợp trước sự phát triển của văn minh phương Tây:

"Từ ngày đi sứ đến Tây kinh.
Thấy việc Tây Âu phải giựt mình."

Hoặc: *"Bá ban xảo nghệ tề thiên đại,*
Duy hữu tử sinh tạo hóa quyền."

Dịch: *"Trăm nghề khéo léo bằng trời đất,*
Chỉ còn việc sống chết là thuộc quyền tạo hóa".

Phạm Phú Thứ thấy cái hay, cái tài giỏi của nước ngoài, thấy cái yếu của nước mình nhưng vẫn tin vào truyền thống của dân tộc:

"Tảo giao Đông thổ kiêm trường kỹ,
Ba Lê, Luân Đôn vị túc hiền".

Dịch: *"Giá như phương Đông sớm giỏi công nghệ,*
Ba Lê, Luân Đôn chắc gì hơn ta".

Có thể nói cuốn *Tây hành nhật ký* của Phạm Phú Thứ là một công trình khảo sát nghiêm túc về sự phát triển kỹ nghệ của Châu Âu thời bấy giờ.

11. PHÓ SỨ PHẠM PHÚ THỨ VÀ CHIẾC XE TRÂU LẤY NƯỚC TƯỚI RUỘNG

Ngày 19 tháng 8 năm 1863, Sứ bộ rời cảng Suez đến Le Cairo thủ đô Ai Cập. Trong những ngày cuối tháng 8, Sứ bộ đã đi thăm nhiều nơi như Bảo tàng nhà vua, xưởng đúc súng, làm gươm, phố xá và hai bên bờ sông Nil. Chính trên các thửa ruộng hai bên bờ sông Nil, Phạm Phú Thứ đã nhìn thấy những người dân ở đây lấy nước tưới ruộng bằng xe trâu, đỡ tốn sức người rất nhiều. Ông đã nghĩ đến những người nông dân trong nước ta quá vất vả vì phải tưới ruộng bằng gầu sòng hay gầu giai, năng suất thấp. Ông đã cho vẽ kiểu xe trâu tưới nước và

https://tieulun.hopto.org

tính toán cụ thể về năng suất để phổ biến cho những người dân ở quê ông và một số vùng ở miền Trung thực hiện, hiệu quả thật rõ rệt.

Qua điều tra về lợi ích của xe trâu tưới nước cho ruộng, ông đã so sánh cho người nông dân thấy: nếu tát nước bằng gầu sòng cho 2 mẫu ruộng thì phí tổn mất 15 quan tiền. Nếu dùng xe trâu, tưới cho 3 mẫu ruộng cũng chỉ tốn phí có 15 quan.

Bài thơ nói về lợi ích của xe trâu tưới nước:

Nương đá đốt rừng: hạ nắng a.
Ba vùng bứt rứt ngóng mưa sa.
Gầu xưa hao tốn bao công sức,
Xe nước ngày nay tiện lợi là.
Thay thế sức người thêm giảm phí
Khư khư giữ vụng, dại riêng ta.

Một số nơi sau này làm xe tưới nước dọc bờ sông, lợi dụng sức nước để quay bánh xe múc nước đổ vào máng dẫn là cũng làm theo kiểu xe trâu do ông mang mẫu từ Ai Cập về.

12. VÌ SAO SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN KHÔNG CHUỘC ĐƯỢC 3 TỈNH MIỀN ĐÔNG?

Mục đích chính của Sứ bộ Phan Thanh Giản sang Pháp theo lệnh của Tự Đức là để chuộc lại 3 tỉnh miền Đông mà Hòa ước năm 1862 đã nhường cho Pháp.

Khi Sứ bộ đến Paris thì Vua Pháp đang đi nghỉ mát ở Biarritz. Đại diện của vua Pháp là Fluillet de Couches đã đến chào mừng và đưa Sứ bộ về nghỉ tại khách sạn số 17 phố Lord Byron gần Khải Hoàn Môn. Ngày 18 tháng 9 Sứ bộ đến thăm Thượng thư Bộ Tài chính là Achile Fould và điều đình về việc dùng tiền chuộc lại 3 tỉnh miền Đông do một chính khách là Drouyn de Rhuys thu xếp. Nhiều chính khách Pháp cũng ủng hộ việc Pháp nhận tiền bồi thường và rút quân khỏi Nam Kỳ nhưng những tướng tá quân đội viễn chinh ở Bộ Hải quân và Thuộc địa thì chủ trương chiếm đất thực dân. Cuộc điều đình

https://tieulun.hopto.org

chỉ diễn ra với Bộ Ngoại giao và Tài chính. Theo nguồn tin tiết lộ ban đầu do các báo Pháp và ngoại quốc đăng lúc đó thì Vua Nam phải chi 85 triệu quan để chuộc 3 tỉnh, chỉ phải nhường Sài Gòn cho Pháp.

Napoléon III về Paris, trong buổi họp của Viện lập pháp, đã đọc diễn văn nói về chính sách xâm chiếm của Pháp, trong đó có đoạn: "... Những cuộc viễn chinh (đi xâm chiếm thuộc địa) của chính phủ thường bị công kích, là do sự việc bị bắt buộc, không phải là do dự định sẵn. Làm sao để mở rộng việc thương mại của nước Pháp nếu một khi chúng ta bỏ quyền lợi ở châu Mỹ (Mexico) mà các nước như Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan có nhiều thuộc địa rộng rãi, lẽ nào nước Pháp lại không có một thuộc địa nào vùng biển Châu Á?

Chúng ta đã lấy Nam Kỳ không có gì khó khăn lắm. Chính phủ xứ ấy lại giúp ta khai khẩn những nguyên liệu dồi dào và mở mang thương mại".

Qua đó, ta thấy chính sách thực dân của Pháp đã rõ ràng. Do cuộc chiến tranh Mêxicô, ngân sách Pháp thiếu hụt 972 triệu quan nên rất cần số tiền chuộc 3 tỉnh Nam Kỳ để trả nợ. Ngày 7 tháng 11 năm 1863 Vua Pháp tiếp Sứ bộ Phan Thanh Giản ở điện Tuileries. Cuộc tiếp kiến do Aubaret phiên dịch. Cuối bài đáp từ của Vua Pháp có đoạn, vì do Aubaret dịch sai từ "coi chừng" ra từ "phải sợ": "Nước Pháp rất có thiện cảm với các nước và che chở cho các nước nhỏ, nhưng nếu nước nào ngăn trở bước tiến của bản quốc thì sẽ *phải coi chừng sự nghiêm trị*". Aubaret đã dịch là: "...nếu nước nào ngăn trở bước tiến của bản quốc sẽ phải sợ sự nghiêm khắc". (Nguyên văn: "La France est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles, mais ceux qui lenstravent dans sa marche ont à *craindre sa sévérité*".

Sứ bộ cho là việc chuộc lại như thế là thất bại. Tuy vậy về phía Pháp cuộc đấu tranh giữa 2 phe chiếm giữ Nam Kỳ hay trả lại để lấy tiền chuộc vẫn đang diễn ra, nên ngày 12 tháng 11 năm 1863, tờ báo *Moniteur Universel* đăng tin Chính phủ

https://tieulun.hopto.org

Pháp sẽ xem xét lại Hòa ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862 với Vua Nam. Sứ bộ Phan Thanh Giản nghe tin đó, cho là việc dàn xếp đã ổn thỏa nên qua Tây Ban Nha yết kiến Nữ hoàng Isabelle và về nước ngày 18 tháng 2 năm 1864.

Ngày 18 tháng 3 năm 1864, Phan Thanh Giản lại trở vào Sài Gòn để thương lượng về việc trả lại 3 tỉnh cho Triều đình, bàn thảo một hiệp ước mới mà những điều khoản chung đã được chấp thuận tại Paris với sự đồng tình của sứ bộ Phan Thanh Giản.

Tháng 6 năm 1864, Aubaret, lãnh sự Pháp tại Bangkok đã đến Huế để yêu cầu Triều đình thông qua những nguyên tắc và một số điều khoản mà hai bên sắp ký hiệp ước. Ngày 15 tháng 7 năm 1864 Chánh sứ Phan Thanh Giản và Aubaret đã ký một Hiệp ước mới chấp thuận trả lại 3 tỉnh Nam Kỳ cho triều đình Huế, nhưng chỉ có tính chất tạm thời trong khi chờ chỉ thị, trong đó ghi rõ là dành quyền quyết định cuối cùng cho Chính phủ Pháp chấp nhận hay khước từ hiệp ước mới.

Trong bản sửa đổi Hòa ước đã được ký ngày 15 tháng 7 năm 1864 giữa Phan Thanh Giản và Aubaret gồm việc Pháp trả lại ba tỉnh nhưng được quyền bảo hộ cả 6 tỉnh Nam Kỳ: người Pháp được đến một số nơi như Sài Gòn, Mỹ Tho, Vũng Tàu, Đà Nẵng. Nước Nam phải bồi thường chiến phí là 80 triệu quan và trả trong thời hạn 40 năm.

Nội các Pháp họp ngày 10 tháng 11 năm 1864, quyết định không phê chuẩn hiệp ước mới này do Phan Thanh Giản và Auberet đã ký. Ngày 20 tháng 7 năm 1865, Thống đốc Nam Kỳ báo cho biết: Pháp bác bỏ việc cho chuộc lại 3 tỉnh.

Trong khi ấy tình hình ở Nam Kỳ đã thay đổi, Pháp đã đặt quyền bảo hộ lên Cao Miên, Đô đốc De la Grandiére được cử làm Thống đốc Nam Kỳ, giới quân sự hiếu chiến thúc đẩy Vua Pháp chiếm đất không cho chuộc và chiếm luôn 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên vào năm 1867.

https://tieulun.hopto.org

13. SỨ BỘ PHAN THANH GIẢN TIẾP BÀ CON VIỆT KIỀU Ở PARIS

Người Việt Nam sang sinh sống ở đất Pháp từ bao giờ? Có bao nhiêu người sang từ thế kỷ trước? Đó là câu hỏi chưa có câu trả lời chính xác. Chắc chắn là từ đầu thế kỷ 19, những phụ nữ Việt Nam theo chồng là những sĩ quan đã từng giúp Gia Long lên ngôi vua, đã sang Pháp cùng với họ sau khi đánh thắng Tây Sơn, trong đó có vợ con của 2 sĩ quan là Chaigneau và Vannier.

Năm 1863, Sứ bộ Phan Thanh Giản, Ngụy Khắc Đản và Phạm Phú Thứ sang Pháp để điều đình chuộc lại 3 tỉnh miền đông đến Paris, đã tiếp và trò truyện với vợ con của hai người này. *Nhật ký hành trình* của Phó sứ Phạm Phú Thứ đã ghi lại câu chuyện đó.

"Ngày 12 tháng 8 niên hiệu Tự Đức (24/9/1863), vào giờ Tị (9 - 11) một người Pháp (lai) tên là Nguyễn Văn Đức (Michel Đức Chaigneau) con của người xưa kia chỉ huy chiếc tàu Long Phi, tức là ông Nguyễn Văn Thắng nói viết theo tiếng Pháp là Chaigneau đã đến gặp chúng tôi tại nhà sứ thần.

Ông ta nói là đã trở về Pháp với cha ông cách đây 37 năm và đã có dịp gặp 3 người đồng bào cũ nước ta cách đây 20 năm. Đó là Tôn Thất Thường, Trần Viết Xướng và người thông ngôn là Võ Đông từ Singapore đến Pháp vào năm Minh Mạng XXI (1840). Ông Đức đã 58 tuổi, còn nhớ rất rõ những kỷ niệm về nước An Nam, nhưng nói là vì đã già yếu nên không thể đi xa được nữa. Vì có tấm lòng, lẽ ra ông Đức đã tìm đến thăm ngay khi biết tin chúng tôi qua đây, nhưng ông đến chậm, vì sợ mang tiếng là không được kín đáo. Ông ta mong rằng cử chỉ này sẽ không bị tiếng tăm gì.

Chúng tôi (Sứ bộ) hỏi ông ở đâu và làm việc gì thì ông đáp: Tôi trở về Pháp với cha tôi và với người chỉ huy chiếc tàu Phượng Phi tên là Nguyễn Văn Chấn (Vannier). Tất cả đều về ở Lorient là thành phố hải cảng, 11 năm sau cha tôi mất. Tiếp theo đến ở tại E. Semont và hiện nay tôi làm Tham tá (thư ký)

https://tieulun.hopto.org

các văn phòng giám dốc Kho bạc ở Paris. Sau khi uống trà với chúng tôi, ông ra về.

Ngày 23 (5/10/1863) vào buổi chiều, bà Nguyễn Thị Sen, vợ của nguyên chỉ huy chiếc Phượng Phi - Nguyễn Văn Chấn - đã đến tại khách sạn chúng tôi. Có con gái của bà là Marie đi theo. Hai người đều đến từ Lorient. Trước đây 10 hôm, bà Sen có gửi thư cho ông Aubaret báo rằng nghe tin có sứ bộ An Nam đến, bà rất mừng và sẽ đến thăm. Sau khi được thư trả lời bà đã cùng con gái đi tàu hỏa đến Paris và bà ở khách sạn. Gặp chúng tôi bà vừa nói vừa khóc là đã về Pháp với chồng đến nay đã 37 năm. Tính tuổi theo lối người Âu thì bà đã thọ 75 tuổi rưỡi. Bà nói tiếp: chồng tôi có hứa sẽ trở lại An Nam, nhưng ông ta đã mất nên chúng tôi không có diễm phúc ấy nữa...

Bà Sen quá yếu và hơn nữa con cái giữ bà ở lại Pháp nên bà không hi vọng một chuyến trở về đầy mong ước. Bà sinh được 3 con trai và 7 con gái. Trong 3 con trai chỉ có một người sinh được một cháu nội nay đã 20 tuổi và ở Nam Kỳ với các sĩ quan Pháp (hay công chức Pháp). Hai người trong số con gái đã có chồng, nhưng chỉ có cô Marie trở về Pháp khi mới lên 2 tuổi, nay đã 39 tuổi, và đã có con trai 17 tuổi.

Bà Sen nói: "Được tiếp chuyện với những người đồng hương, bà rất sung sướng. Bà chắp tay lên trán và cầu chúc Đức Vua được vạn thọ: Chồng tôi và tôi được các đức vua Gia Long và Minh Mạng ban cho áo mão lễ triều, áo mão lễ hội và bằng cấp mà chúng tôi lưu giữ một cách cung kính để kỷ niệm về đất nước An Nam. Trong tiệc trà, bà cho biết là gốc ở Phường Đúc, có cha là Nguyễn Văn Dồng..."

Sau đó bà có nhắc là cách đây 20 năm có hai đồng hương của chúng ta là Liễu (Tôn Thất Thường) và Đông khi đi kinh lý tại Pháp có đến gặp bà và chồng bà và để lại cho ông bà niềm hạnh phúc lớn bằng cách kể lại những chuyện đầy mến thương cũng như những kỷ niệm của đất nước nơi bà đã sinh ra. Bà hỏi xem hai vị ấy còn sống không. Chúng tôi trả lời rằng vào niên hiệu Minh Mạng II (1840) hai ông đó không còn nhận nhiệm vụ

https://tieulun.hopto.org

nhà nước nữa và nay là những thương gia làm việc đời thường. Bà cảm động nhắc rằng vì qua Pháp quá lâu nên nay có nhiều khó khăn khi nói tiếng An Nam. Cuộc nói chuyện diễn ra may trúng, rủi trật, trước sự hiện diện của con gái bà là Marie chỉ hiểu được đôi ba tiếng An Nam. Và trong sự giúp đỡ của các ông Aubaret và Lý A Nai (?), chính các ông này cũng cảm thấy thích thú trong cuộc nói chuyện. Sau đó bà Nguyễn Thị Sen cáo từ chúng tôi ra về...

Ngày 25 cũng trong tháng này (7/10/1863) nhân dịp lễ sinh nhật Đức Vua ông Nguyễn Văn Đức (Đức Chaigneau), bà Nguyễn Thị Sen và con trai là Nguyễn văn Lễ đã 51 tuổi và con gái là Marie có đến dự tiệc chiêu đãi của Sứ bộ. Các bà đội khăn nhung, mặc áo gấm. Bà Sen nói: "Các lễ phục này là từ tay các đức vua ban cho."

14. VUA TỰ ĐỨC TIẾP SỨ BỘ PHÁP TRAO ĐỔI PHÊ CHUẨN HÒA ƯỚC 1874

Sau khi ký Hòa ước Nhâm Tuất (5/6/1862) nhường 3 tỉnh miền đông Nam Kỳ cho thực dân Pháp, Triều đình Huế lại bị buộc phải ký tiếp Hòa ước Giáp Tuất ngày 15 tháng 3 năm 1874 tại Gia Định giữa Chánh sứ Lê Tuấn, Phó sứ Nguyễn Văn Tường với đại diện Vua Pháp là Toàn quyền Nam Kỳ Dupré. Hòa ước gồm 22 khoản, trong đó có *khoản 5* công nhận sự chiếm đóng vĩnh viễn của Pháp đối với 6 tỉnh Nam Kỳ: "Vua nước Đại Nam biết rõ địa hạt nước Đại Pháp được cai trị, tức là 6 tỉnh: Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên phía đông giáp biển và địa đầu phía tây tỉnh Bình Thuận nước Đại Nam, phía tây, phía nam đều giáp biển, phía bắc giáp nước Cao Miên và địa đầu phía nam tỉnh Bình Thuận nước Đại Nam, đều về quản hạt của nước Đại Pháp, riêng giữ quyền tư hữu..." *(Đại Nam thực lục tập 33)*. Chủ quyền ngoại giao hoàn toàn lệ thuộc vào Pháp, phải cho tự do giảng đạo không được cấm, giết hại giáo dân và giáo sĩ, phải tự do thông

https://tieulun.hopto.org

thương trên sông Hồng và mở các cửa biển Thị Nại, Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội. Pháp được đặt lãnh sự tại các cảng buôn bán và buôn bán trong cả nước, đặt đại sứ ở Huế... Điều 22 ấn định đợi được Vua 2 nước phê chuẩn thì đem đến kinh thành nước Đại Nam cùng giao cho nhau để lưu chiểu.

Tháng 4 năm 1875, sau khi Hòa ước được Vua pháp phê chuẩn, Thống đốc Nam Kỳ là Duperré đã cử một sứ bộ đến Huế để trao tận tay Vua Tự Đức hiệp ước đã được Pháp phê chuẩn cùng trao huân chương Đại Công và các tặng phẩm của Vua Pháp cho Vua Tự Đức. Sứ bộ gồm: Brossaid de Corbigny, Đại úy; Reynault de Rémesnil, Đại úy; Brossard de Corbigny, Trung úy; Rioux sĩ quan thủy quân lục chiến; Ba Thương, thông ngôn; Nicolas thông ngôn. Đoàn hộ tống có 10 thủy quân và 25 thủy quân lục chiến.

Về việc trao đổi phê chuẩn hiệp ước 1874, sách *Đại Nam thực lục* ghi:

"Sai Khâm phái đại thần Nguyễn Văn Tường, Phó khâm phái Phạm Ý cùng với Chánh khâm sứ nước Pháp là Ba Long Bô, Phó khâm sứ là Lê Nho cùng giao hòa ước cho nhau (khoản 22 nói rõ ở trên) ở trước sân dưới lầu Ngọ Môn.

Sứ nước Pháp vào yết ở điện Cần Chánh, sứ nước Pháp làm lễ 1 vái, kính nâng Bội tinh và phẩm nghi của Quốc trưởng nước Pháp kính tặng dâng lên. Đến khi truyền chỉ khen nhận, viên sứ ấy lại làm lễ 3 vái.

Làm 7 chiếc khánh vàng tặng Vua nước Pháp và Quản lý ngoại quốc sự vụ đại thần, tướng mới, tướng cũ ở Gia Định, Chánh, Phó sứ giao hòa ước. (Trừ các thứ nhục quế, trầm hương, ngà voi, sừng tê, sa, lụa ra, tặng thêm Vua nước ấy một chiếc ngọc trân trâu, san hô to nhất có dây buông xuống khắc 4 chữ "*Giảng tín tu mục*" (bàn thực thà sửa hòa thuận). Còn 6 chiếc đều bằng ngọc, có dây buông xuống, khắc chữ "*khác cẩn*" (kính cẩn), tặng Quản lý ngoại quốc sự vụ đại thần 1 chiếc, tướng cũ Ka Lăng 1 chiếc, tướng mới Du Bi Lê 1 chiếc. Lại nghĩ Du Bi Lê năm trước đã sung làm tướng cũ, tặng riêng 1 chiếc,

https://tieulun.hopto.org

Chánh phó sứ giao hòa ước mỗi người 1 chiếc). Từ tham biện trở xuống cũng thưởng ngân tiền, sa, lụa theo thứ bậc." (*Đại Nam thực lục chính biên* tập 33. Tr 178).

*

Trích tường thuật vua Tự Đức đón tiếp sứ bộ Pháp đến Huế trao đổi Phê chuẩn hòa ước 1874.

(Do trung úy Brossard de Corbigny đi trong sứ bộ L.Cadière dẫn đăng trong tạp chí "Những người bạn cố đô Huế". 1916).

".... Ngày 4 tháng 4 năm 1875, phái đoàn xuống tàu thủy đi trên hai tuần dương hạm Duchafaut và Antilope, vài ngày sau, phái đoàn đến bến Đà Nẵng, và tại đây các quan chức địa phương đã vội vàng lên tàu.

Buổi hội kiến đầu tiên đã để lại trong trí của tác giả một kỷ niệm có hơi thất vọng. Ông ta mến phục cái phong cách cao thượng và điềm đạm của các quan An Nam, đó là "*Kết quả của nền văn học phương Đông*" và ông ta cũng lưu ý đến cái sạch sẽ tương đối của đoàn người đi theo quan và ngay bản thân các quan, và ông ta phác họa vài nét các chiếc đò được trang bị một cách sơ sài, cái này kéo theo cái kia đến đậu thành hàng trước các thuyền máy...

Tiếp sau ngày chiếc Antilope vào cảng Thuận An, thì vào ngày 10 tháng 4 lúc tảng sáng có người liên lạc của vua, với cây cờ được giao mạng lệnh tiến đến "thở không ra hơi" vào báo tin "cho biết là Vua cho phép phái đoàn đi ngược dòng sông bằng tàu chiến."

Chi tiết này không phải là không trải qua nhiều thương lượng dông dài vào lúc cần phải giải quyết các hình thức nghi lễ liên quan đến sự nhập cảnh của phái đoàn và sự đón tiếp của phái đoàn trong Hoàng cung. Sự hiện diện của một chiếc tuần dương hạm Pháp trong vùng lân cận Kinh thành đã gây xúc động mạnh đối với triều đình và làm cho triều đình dùng phòng

https://tieulun.hopto.org

thủ đặc biệt. "Về sau, chúng tôi mới được biết là chúng tôi bị nhiều nghi kỵ".

... "Chúng tôi đi ngược dòng sông theo bản đồ đến ngang các rào cọc được cắm từ bờ này sang bờ kia, các vị trí phòng thủ này được bảo vệ bởi hai pháo đài, chỉ để dành một lối đi qua rất hẹp, cho các thuyền lớn và bao giờ cũng có thể lấp được một cách dễ dàng bởi các đống đá đã được dồn sẵn ở hai bên bờ. Giữa hai rào chắn, chiếc Antilope không thể có được hai mét rưỡi nước để đi qua và chúng tôi phải chờ đến sáng ngày mai mới có đò để đón."

... Khi đi ngang qua trước cồn Triều Sơn, phái đoàn được đón chào bằng những phát đại bác của vị trí quân sự Đại đồn, và các vọng gác báo hiệu cho Kinh thành biết là phái đoàn Pháp đến...

Cuối cùng, đoàn người đến bến đò để đi đến những nhà được chuẩn bị đón tiếp phái đoàn; đó là bến đò gần đường quan bên phải sông Hương đúng chỗ cầu Thành Thái... Hầu hết dân chúng chưa thấy người Âu và may ra thì chỉ nhìn thấy được các vị linh mục. Khi nhìn thấy bộ đồng phục của chúng tôi, của đoàn người bước lũ lượt thì cái lạ lùng của họ hiện rõ trên nét mặt.

"Hiệp ước được hai thủy thủ mang đi trước; Phái đoàn và các tham tri đi tiếp theo. Người ta che lọng và đèn lồng trên đầu chúng tôi và chúng tôi đi đến sứ quán dưới hàng nghìn lá cờ bay theo gió."

... Ngôi nhà để đón các đại sứ không có cái gì là hào nhoáng. Vị trí của ngôi nhà hiện nay là nơi làm cư xá cho các sĩ quan của đại đội bộ binh và thuộc địa của toà Khâm sứ. Đó là sứ quán, là chỗ ở.

Nhiệm vụ mà Nam tước Brossard de Corbigny phải hoàn thành có hai điểm chính: trao đổi sự phê chuẩn Hiệp ước và chuyển giao huân chương Đại công cao quý cùng các tặng phẩm do Tổng thống Cộng hòa gửi tặng Hoàng đế, trong một buổi lễ đại triều."

Sau một ngày đàm phán thì ngày 13 tháng 4, được chọn là

https://tieulun.hopto.org

ngày trao đổi các Hiệp ước. Lễ này được cử hành trên sân lát gạch trước cửa Ngọ Môn. Ở khu sân mà sau là cửa Ngọ Môn và trước là cầu Kim Thủy.

... "Cuối cùng các văn bản Hiệp ước được ký kết, đóng triện vào và cả hai đoàn tham dự ký kết đi ra sân gạch trước cửa Ngọ Môn. Có ba cầu dẫn đến đó. Cửa Ngọ Môn được trổ ba lối chính diện và hai lối hai bên. Trên cửa Ngọ Môn là các lầu chồng lên nhau nhìn xuống bao quát cả khu nền sân. Người ta bảo rằng vua đứng sau các tấm rèm và tha hồ nhìn chúng tôi. Mỗi đoàn đi ở mỗi bên và đi đến giữa sân. Các cây lọng được dàn hàng dưới chân thành; xung quanh cửa người của Vua kẻ thì bưng các lư trầm bốc khói, người thì bưng các khay dựng các phất trần. Hai hàng người cầm chùy, mặc áo đỏ góp mặt thêm với đội dàn hầu. Các đại diện đến trước mặt nhau nói vài lời thủ tục và trao đổi các văn kiện cho nhau. Người đại diện thứ nhất phía An Nam báo cho chúng tôi biết là vào buổi chiều sẽ có đồng nghiệp của ông ta ở Bộ Lễ đến. Trình bày các luật lệ về nghi lễ của triều đình cần được làm theo trong cuộc yết kiến ngày mai, và tiếp đó ai nấy từ từ rút lui. Chúng tôi lên cáng và những người phu cáng chạy đều đều đưa chúng tôi trở về thuyền."

... Ngày hôm sau là ngày yết kiến, phái đoàn vẫn theo con đường cũ đến Ngọ Môn. Đoàn vào cửa Ngọ Môn bằng phía tây, hay là bên phải. (Như vậy là không qua lối thông bên chính giữa). Đoàn rẽ sang trái rồi vòng qua phải, đi tiếp theo bờ hồ nước Đại Thủy và các nền sân nhiều bậc trước Điện Thái Hòa, và đi theo ngay cả bên trong của Điện ấy mà hướng dẫn viên đã không nói trong lược đồ nêu ra, để rồi dừng lại ở phía tây của Đại Cung Môn trong một ngôi nhà dựng tạm gần cửa Nguyệt Ánh Môn hay trong một ngôi nhà mà hiện nay chỉ còn phần nền đó là Hữu Đãi Lâu Viện (nhà chờ đợi phía bên phải). Nhưng tôi không thể nói cái nhà này được dựng thời Gia Long, trùng tu thời Minh Mạng, có còn tồn tại vào năm 1875 hay không?

Vào bên trong Tử Cấm Thành, đi theo nhà hành lang bên phải Hữu Dược Long và vào nhà bên phải Hữu Vu. May mắn là

https://tieulun.hopto.org

lúc đó không có những bức tranh rất khó chịu như những bức tranh trang hoàng cho nhà đó như hiện nay. Cuộc yết kiến diễn ra tại sân Điện Cần Chánh, là nơi họp triều thông thường. Chỉ các cuộc họp triều long trọng thì mới được cử hành tại Điện Thái Hòa. Theo như trong sơ đồ và hình in, thì các đại sứ Pháp đứng ở phía các quan ở bên phải, trước mặt hàng rào của các quan này, và ngang hàng với các quan nhất phẩm của Triều đình. Theo tập tục, thì bên trong điện chỉ có Vua và các ông hoàng chính thống mà thôi.

... Sau buổi lễ trao đổi các văn kiện chuẩn y Hiệp ước, thì vị đại diện phía An Nam báo tin là vào buổi chiều vị Thượng thư Bộ Lễ sẽ đến tại sứ quán để hướng dẫn diễn tập về nghi lễ triều kiến cho ngày tiếp theo. Các cuộc diễn tập theo loại này không thể không gây ra những điều tức cười.

Vào buổi chiều, Thượng thư Bộ Lễ đích thân, cùng với các thuộc cấp, đến sứ quán tập cho chúng tôi những động tác về nghi lễ yết kiến. Vị ấy làm những bước tiến bước lùi mà những người hướng dẫn chúng tôi sẽ phải làm, và cũng làm các động tác nghi lễ mà ngay cả bản thân chúng tôi sẽ làm trước mặt Vua, và theo một thứ tự, v.v... Ông ta nói: "Chiếc ghế này là Vua ngồi; ở đây, bên phải cái bục lớn là ông Thượng thư đầu triều và đầu kia ở cái cột là người loan báo lời nói của Vua". Tiếp theo bảo đặt xuống đất năm cái nệm vuông đối xứng với nhau. Không biết các vị ấy sẽ làm những động tác nghi lễ bằng những cái uốn cong mình và bật dậy theo tục lệ của triều đình, mà rồi có yêu cầu chúng tôi làm theo như vậy trước mặt Đức Vua hay không? Sự béo phì của vị xướng lễ làm tôi yên dạ... Các nệm vuông ấy chẳng qua chỉ là những vị trí mà ngày mai chúng tôi sẽ đến đứng trong lễ triều như những hòn đảo nhỏ để trú ẩn giữa sân chầu mênh mông.

"Cuộc tập diễn đến khuya mới chấm dứt và cả hai phe không khỏi bật tiếng cười. Tối nay thì các vị quan có thể vui vẻ nhưng ngày mai... thì hẳn không ai dám cười; bởi vì tùy thuộc sự việc xảy ra tốt hay xấu, mà người ta có thể được ban thưởng

https://tieulun.hopto.org

hay lãnh năm mươi đòn roi mây. Tùy theo thái độ của người ngoại quốc mà người ta có thể được thăng cấp hay bị cụt đầu.

"Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ vẫn giữ vũ khí chào theo kiểu Pháp khi bước vào, và tiếp đó vẫn đội mũ trên đầu bởi cuộc yết kiến ở giữa sân ngoài trời. Từ hai phe những lời đối thoại được trao đổi, dứt khoát từng từ một. Trong các chi tiết không có gì là không nhất quán phù hợp với nghi lễ và thể thống của cả hai nước."

Thế là ngày 14 tháng 4 năm 1875 tức ngày triều kiến. Đây là lần thứ hai phái đoàn Pháp đi vào đại nội của các vị vua An Nam và sẽ được trình diện với Vua Tự Đức

Chúng tôi đến nơi nền sân mà chúng tôi đã dừng chân hôm qua, và hôm nay chúng tôi thấy tại đây lính tráng mặc áo đủ màu. Chúng tôi để đội lính bộ binh hộ tống ở lại, và tiếp tục đi cùng với mười người lính thủy đi trước cùng với chúng tôi đến cửa Ngọ Môn. Tại đây, chúng tôi xuống võng, vì vào bên trong thành thứ hai thì không được trương lọng.

Đối diện với cửa là một quang cảnh lạ mắt làm ta phải chú ý. Trên chiều rộng của sân nhiều hàng lính dài đứng đối diện, để ở giữa một khoảng trống dành cho các chiếc xe của Vua được sắp xếp thứ tự. Sau lính là voi mặc lễ phục, có ngà đứng hai bên, thành hàng rào, trên lưng có bành rước tức là những cái ghế có hình khối vuông hai bên có đeo các tấm vải phủ lớn. Người "nài" ngồi trên cổ voi, giữ yên voi, và một người khác ngồi đằng sau, trên lưng voi cắm một chiếc lọng cao màu sắc rực rỡ. Trong số các xe để riêng ở giữa có một chiếc nổi bật. Đó là chiếc xe ngựa màu đỏ trong như gương; và có thể nói đó là một cây đèn lồng bằng giấy lớn có bánh xe lăn. Một chiếc khăn màu xanh và vàng giống các cỗ xe ngựa công cộng thời xưa. Người ta nói là loại xe này mới ra đời dưới đời vua hiện nay. Tuy nhiên hình dáng thì của Pháp và ít nhất thuộc về một trăm năm trước. Các con ngựa màu trắng được thắng yên màu vàng đứng bên các cỗ xe và được che lọng bởi các người cầm lọng. Sau khi qua Ngọ Môn chúng tôi thấy hai con voi to nhất

https://tieulun.hopto.org

của Vua đứng gác không động đậy. Hai con voi mặc áo triều, gác lối đi vào. Trên ngực và hai bên hông là những tấm vải vàng được thêu rồng đủ màu sắc. Trên lưng là ngai vua được buộc vào vai bằng những dây đỏ và gút vàng. Ngà voi được đeo vòng vàng và chân voi được đeo xuyến cũng vàng, cái đầu voi được trang trí bằng các sợi dây đỏ chéo nhau. Hai thớt voi được ưu đãi này của Vua, có nài là một ông quan áo xanh và trên lưng có một người hầu cầm lọng vải vàng có tua, tiếp theo chúng tôi đi ngang qua những lính cầm khiên sắp hàng dọc theo một lối đi có cây lớn. Bên trái có hai con ngựa trắng, để Vua cưỡi cũng đứng trong hàng. Bên phải có các hố nước có bao lơn thông ánh sáng dường như những hồ nuôi cá sấu. Ở đây cũng như ở Trung Hoa, đuôi loại cá ấy là món ăn ngon. Giữa các hồ cá sấu là hai con hổ dữ tợn vàng chói ngồi chồm hỗm trên các cái đế, và đưa mắt vượt cao hơn các chậu sành màu lam, nhìn trừng trừng về phía chúng tôi với những con mắt bằng men lồi ra khỏi hốc mắt. Ở cuối đường là quan của bốn cấp phẩm hàm thấp nhất đứng tựa vào vòng thành thứ ba, và bởi vì phẩm hàm thấp nên họ không được vào bên trong vòng thành thứ ba. Tại đây chúng tôi dừng lại bên phía tay trái, trong một nhà cầu để chờ đợi giờ yết kiến.

... Sau cùng thì tất cả đã sẵn sàng; chúng tôi theo người hướng dẫn đi qua một cái cửa thấp có nhiều nhạc công; người thì có những cây đàn bảng bằng da trăn, người thì có các loại vĩ cầm, các kèn loa bằng ngà, hoặc các xấp xõa ba hộc như những ngọn lá ba hộc. Tất cả những bộ sậu inh ỏi của những cái phèng cái trống đều có trong tay họ, tuy nhiên trong một vài nhạc cụ có tính cách Trung Hoa, có một cái mà lúc còn bé tôi cứ tưởng là mang từ Bắc Kinh đến để đáp ứng lại với cái trống của đại đoàn tức là cái mũ đồng hình chóp được viền dục đạc gốc Trung Hoa, thì đã thiếu mặt hẳn trong bộ sưu tập nhạc cụ om sòm. Giấc mơ hão huyền nghệ thuật đã biến mất!

Đến đây các cửa lớn của vòng thành thứ ba các cánh cửa đều sơn đỏ được trang trí rồng vàng uốn éo dữ tợn và bộ sườn

https://tieulun.hopto.org

để đôi mái cửa cũng rập theo kiểu cách như vậy. Bằng cách vòng qua trái, người ta dẫn bước chúng tôi đi dưới nhà cầu đến nền sân lát gạch là nơi tiến hành yết kiến Vua. Ngồi trong bóng im, chúng tôi có đủ thì giờ để thấy rõ sự dàn dựng để tôn vinh cuộc hội kiến này. Bên trái chúng tôi ở cuối nhà cầu là một ông hoàng, từng nhóm nhìn chúng tôi một cách tò mò. Họ mặc áo lụa vàng hoa văn sặc sỡ, và đầu đội mũ vàng chói trông đẹp mắt, khuôn mặt thanh tao, màu da có vẻ trắng ợt; có thể thấy ngay là họ có phong thái khác với các quan chức. Gần họ là khởi đầu của một ngôi nhà lớn mở rộng đối diện với lối vào sân chầu. Và đó là nơi vua ngự. Trước mặt chúng tôi, về phía bên kia sân chầu vuông cũng là hành lang có mái. Trên chỗ lát gạch rộng ấy dưới ánh nắng chói chang có cả nghìn trướng liễn đang phất phơ, được cầm bởi những người lính đứng dựa theo các bờ thành và trước họ là những hàng lính cầm các khung bảng, các cây lọng và giáo nhọn đủ loại. Ở các hàng đầu là các quan đại thần, đứng thẳng hàng, không cử động, mỗi bên khoảng một trăm người phơi bày các áo rộng được thêu dệt đủ màu trong ánh sáng mặt trời, trước mặt các quan là các hạ đang bưng các lò trầm bốc khói. Trong hai góc sân là hai nhóm nhạc công góp mặt thêm cho đầy đủ các tập hợp muôn nghìn sắc màu. Hàng người đứng im chỉ có cờ xí, lọng tàn, liễn trướng mới phất phơ trước gió, và ánh sáng mặt trời tạo ra những tương phản bất ngờ trong tập hợp màu sắc đó. Ở chính giữa những áo rộng lụa được trang điểm bởi những chủ đề thêu Trung Hoa lắm màu sắc long lanh phản chiếu ánh sáng dưới bầu trời trong vắt của miền nhiệt đới. Chúng tôi được thưởng thức một quang cảnh của triều đình hiếm có, Vua An Nam trong lễ áo đại triều.

Lại một thời gian chờ đợi nữa ở dưới hành lang có mái, và đây là thời gian rất lo sợ cho những người hướng dẫn chúng tôi, đến nỗi có người không biết ai trong chúng tôi để mà đưa ra lời mời. Cuối cùng họ dẫn chúng tôi đi qua các hàng rào lắm màu sắc để đến chỗ sắp hàng của các quan lớn... Một tiếng hô vang dội, các tiếng đại bác nổ từ xa. Vua đến, các cửa đỏ cùng mở

https://tieulun.hopto.org

một lúc cho phép chúng tôi nghe được tiếng hòa tấu của các đội nhạc đứng giữa sân vào. Tiếng hòa tấu không đến nỗi mệt tai như chúng tôi trước đó lo sợ chỉ kéo dài vài phút, và im bặt khi Vua ngồi vào chỗ. Từ gần bên một cái bàn Vua đã tiến đến chỗ ngồi mặc dầu ánh sáng chói mắt chúng tôi và bóng dim của tòa nhà dim chỗ Vua ngồi. Chúng tôi cũng có thể trông thấy được cái khuôn mặt hơi xanh, chòm râu dài thưa, và trang phục đế vương sang trọng màu vàng của Vua.

Quan thượng thư Bộ Lễ đến trước Vua, quỳ xuống, cúi đầu, chắp tay, và luôn quỳ gối, cúi đầu, chắp tay, tâu với Vua xin được phép tiến dẫn đại sứ Pháp.

"Vua cho người xướng ngôn trả lời và lễ yết kiến bắt đầu. Và chúng tôi đến đứng trên tấm đệm. Sau khi chào Vua, người đại diện đặc biệt trình bày mục đích cuộc hành trình là đại diện cho chính phủ Pháp, đến thăm hỏi Vua An Nam, chuyển giao giải màu Quốc đoàn đại công cao quý, và quà tặng để biểu lộ sự mừng lòng về việc trao đổi các hiệp ước ngày hôm qua. Các lời nói đầu được thông ngôn của phái đoàn phiên dịch, được hai xướng ngôn viên lặp lại hai lần. Mặc dầu Vua đã nghe rõ, và tiếp đó giải màu cao quý cùng với các danh sách tặng phẩm được đặt trên bàn, trước mặt Vua Tự Đức. Vua đáp lễ bằng lời cảm ơn, hỏi thăm sức khỏe của Tổng thống nước Cộng hòa Pháp (những tiếng này có vẻ khó hiểu đối với một vị chúa phương Đông). Những lời rất quý hiếm của Vua được lặp đi lặp lại nhiều lần do các người phiên dịch; sau cùng là câu đáp từ và lời cảm ơn của Đại sứ.

Vua trở về cung với một đoàn cầm quạt theo hầu. Chúng tôi chào Vua, khi Vua trở gót; về phía chúng tôi cũng đến lúc giã từ.

"Khi nghĩ đến cái bí ẩn bao trùm trên bản thể thiêng liêng của cái vị á thần ấy cả trước mặt những người tôi trung thì ta có thể biết được sự hội kiến đó là một cố gắng mệt mỏi đối với ông Vua Việt Nam, và cũng biết được rằng tại sao cuộc yết triều đã không được kết thúc bằng những chuyện trò thân mật như

https://tieulun.hopto.org

đã từng diễn ra ở Thái Lan và ở Nhật Bản. Nếu Vua Tự Đức tỏ ra làm cho chúng tôi vui lòng hôm nay thì thật ra trong sự tiếp xúc hiếm hoi với người Pháp chẳng bao giờ Vua có được thái độ như thế. Trong cuộc tiếp xúc độc nhất trước kia, con người linh thiêng ấy đã ngồi sau cái màn chẳng cho ai thấy. Như vậy thì hôm nay có tiến bộ hơn và mọi việc xảy ra tốt đẹp. Tuy nhiên người ta nói rằng có một sự cố không đâu xảy ra để cho lông mày ngài nhíu lại là: có hai ông hoàng ở phía dưới bệ có lẽ đã dám cười khi thấy chúng tôi không búi tóc.

... "Đây là một cuộc yết kiến Vua An Nam trong cái năm ân huệ 1875, một cuộc triều kiến chẳng khác mấy so với các triều kiến cách đây một trăm năm; nhưng từ đây cho đến trăm năm sau, cái gì sẽ còn lại từ nơi các khung cảnh đó từ các quan lại đó. Có thể có nhiều ý nghĩ khác đến với vấn đề này".

... Ngày trao đổi quà tặng là ngày 15 tháng 4. Các ngày sau đó được dành cho các cuộc dạo chơi ở các vùng lân cận của Huế. Ngày 21 tháng 4 có bữa tiệc lớn. Bữa tiệc tiễn đưa được Vua ban cho tổ chức tại sứ quán. Các quan chức có liên hệ đến phái đoàn đều đến dự, và họ đã ăn ngon miệng hơn các thành viên của phái đoàn Pháp, mặc dầu các thành viên này cũng rất thiện chí tham dự.

Ngày 22 tháng 4, sau lần thăm cuối từ phía quan chức An Nam thì phái đoàn Pháp lên tàu Antilope và đến Đà Nẵng vào buổi chiều cùng ngày, hai hôm sau tàu thả neo tại bến Sài Gòn.

Vua Tự Đức phạt các hoàng thân và quan lại đón tiếp sứ bộ Pháp không nghiêm chỉnh.

Trong khi đón tiếp Sứ bộ Pháp vào triều trao đổi phê chuẩn Hiệp ước 1874, 2 hoàng thân và một số quan lại đã có thái độ thiếu nghiêm chỉnh, vua Tự Đức đã quở trách Tông Hóa Quận công Miên Trữ và Trấn Tĩnh Quận công Miên Dần và 2 viên quan huyện. Sách *Đại Nam thực lục* ghi: "Vua cho là khi sứ nước Pháp vào triều yết, bọn Quận công Miên Trữ đứng hầu không có lễ phép, bèn xuống dụ khiển trách rằng: ở chốn triều đình, lễ cốt ở kính, phàm các quan đều phải yên lặng ở ngôi

https://tieulun.hopto.org

mình, kính cẩn, có uy nghi để làm phép cho dân bắt chước, đâu dám tự bỏ yên lặng để thêm nhiều lỗi. Gần đây, Sứ nước Pháp vào chầu nghiêm túc lễ phép đến bực nào. Chúng là người ngoài vòng đức hóa còn biết lễ độ, rất sợ thất lễ đến người chê cười. Thế mà dự ở ban, đứng trên điện là Tông Hóa Quận công Miên Trữ, Trấn Tĩnh Quận công Miên Dần thì coi xuống, nhòm trông. Hai ông huyện đứng gần viên Phó sứ (Pháp) ở bên hữu trước sân, thì cùng nhau ngửng trông, nói nhỏ, cười sẽ, rất thiếu vẻ nhã quan, ở chốn điện đình, ở trước Vua cha, sao lại không biết tự xét mà quen làm thói phóng đãng, trông xem không nghiêm chỉnh, không sợ người ngoài chê cười, đó là tâm địa ra sao? Nay phạt lương 4 người ấy 1 năm. Các viên khoa đạo dự vào kiểm sát lễ nghi, không biết xét hặc, đều bị phạt lương 9 tháng. Vương công phủ Tôn Nhân và Tôn Khanh, 2 bên tả hữu, ngày thường không biết dạy bảo đều phạt lương 3 tháng. Tạm trừng phạt nhẹ để răn người không biết cấm ước. Phép vua thông vị người thân, lời Trẫm nói không hai lời, tất cả đều phải kính theo, chớ coi thường".

15. NGUYỄN THÀNH Ý, LÃNH SỰ ĐẦU TIÊN CỦA TRIỀU NGUYỄN Ở GIA ĐỊNH

Nguyễn Thành Ý người làng Túy La, ngụ tại làng Bất Nhi, xã Diễn Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông đỗ cử nhân dưới triều Thiệu Trị được bổ làm quan ở Huế. Chuyện kể rằng Vua Tự Đức rất coi thường những quan lại chưa đỗ đại khoa (tiến sĩ, phó bảng). Một hôm có sứ Vạn Tượng qua triều cống, Vua Tự Đức ra lệnh các quan làm thơ ca ngợi cảnh thái bình. Khi các quan dâng thơ lên, Vua chỉ xem mấy bài của các vị quan đại khoa đến hồi cuối mới xem những bài khác. Đọc đến bài của Nguyễn Thành Ý, Vua Tự Đức phải thốt lên: *"Trẫm không ngờ Nguyễn Thành Ý lại làm thơ hay đến thế"*.

Nhờ được Tự Đức biết đến qua tài văn chương, nên sau đó ông được bổ làm Hộ đốc Gia Định rồi thăng Tuần phủ Vĩnh

https://tieulun.hopto.org

Long. Trong thời gian làm quan ở Nam Kỳ, ông giao thiệp rộng nên được nhiều người biết đến. Ông cũng học thêm tiếng Pháp để tìm hiểu âm mưu của chúng. Khi Nam Kỳ lọt vào tay Pháp, ông được bổ chức Hải phòng tỉnh Quảng Nam.

Sau khi thực dân Pháp xâm chiếm toàn bộ Nam Kỳ rồi hạ thành Hà Nội lần thứ nhất, Triều đình Huế phải ký hòa ước 1874, trong đó điều khoản 20 ghi..." Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ thần ở Paris và Sài Gòn". Về việc đặt sứ thần Việt Nam ở hai nơi trên, sách *Đại Nam thực lục* của *Quốc Sử Quán* Triều Nguyễn có ghi:

"Nguyễn Văn Tường (tháng 9 năm 1874 là Thượng thư Bộ Hình, đến tháng 6 năm 1875 được cử làm Thượng thư Bộ Hộ kiêm Thương Bạc) đại thần coi việc ngoại giao và ngoại thương tâu nói: Khâm sứ và lãnh sự cùng đặt với nhau (khoản 1 của ước trước, ta đặt Khâm sứ ở kinh đô Pháp, đặt lãnh sự ở Gia Định, nước Pháp cũng có Khâm sứ và lãnh sự ở kinh đô nước ta) là để bàn việc công, thông tình hiếu. Nhưng xem các nước Tây phiên đi lại hòa hợp, tiếng nói chữ viết cùng thông, lại có điện báo để thông tin tức, nếu ta giao thiệp với nước ấy, chỉ dựa vào giấy tờ, một khi phiên dịch sai đi, lại sinh không hợp, thì đặt Khâm sứ ở kinh đô nước Pháp không có ích gì. Nếu đặt lãnh sự ở Gia Định là xem Gia Định ngang hàng với kinh đô, chưa là thỏa đáng. Hoặc chỉ đặt lãnh sự thì phẩm trật danh vọng thấp kém, theo tục nước Tây không được dự bàn việc công nghị, đặt một viên Khâm phái kiêm Lãnh sự ở Gia Định, lại đặt thêm một viên Phó lãnh sự giúp ủy làm việc. Thần trước phụng mạng đi sứ đã thông thương với tướng ấy (Dupré) ý hợp, nếu được chuẩn cho xin giao cho đình thần dự chọn và nghĩ làm công việc. Vua theo lời." (Tập 33, Tr 106 - 107).

Do đó Nguyễn Thành Ý đã được chọn làm Khâm phái kiêm Lãnh sự Việt Nam tại Sài Gòn từ tháng 11 năm 1874. Để cho ông có uy thế, trước khi lên đường nhận nhiệm vụ, Vua Tự Đức đã thăng cho ông Hồng Lô Tự Khanh. Giúp việc cho ông có Phó lãnh sự Phan Kiêm Ích.

https://tieulun.hopto.org

Làm ngoại giao trong khi toàn bộ Nam Kỳ đã bị xâm chiếm, thực dân Pháp vẫn lăm le xâm chiếm cả nước, trong nước gặp nhiều khó khăn, ông vẫn giữ lòng trung, giao thiệp với Pháp nhã nhặn, khôn khéo, giữ vững được uy thế của Việt Nam; người Pháp phải kính nể. Mặt khác, với sự có mặt của lãnh sự Việt Nam tại Gia Định, lòng trung nghĩa của sĩ phu vẫn hướng về kinh đô.

Năm 1877, ông được thăng Quang Lộc Tự Khanh và xung chức Chánh khâm phái đem hàng hóa, đặc sản Việt Nam sang dự cuộc đấu xảo quốc tế ở Paris. Nguyễn Lập là Biện lý Bộ Lễ được cử vào thay ông. Năm 1879, ông lại được cử đưa học sinh Việt Nam sang học Trường cơ khí Toulon. Năm 1880, về nước, ông lại tái nhậm chức Khâm phái kiêm Lãnh sự Việt Nam ở Gia Định. Năm 1881, ông được gọi về kinh đô nhậm chức Tuần phủ Bình Định, ít lâu sau được thăng Tả thị lang Bộ Hộ.

Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội lần thứ 2, ông được cử vào Sài Gòn dàn xếp với chính quyền Pháp. Khi Nguyễn Lập bị bệnh nặng, ông lại được phái vào Sài Gòn làm Chánh lãnh sự. Năm 1883, Pháp đơn phương bãi bỏ Tòa lãnh sự Việt Nam tại Sài Gòn, ra lệnh trục xuất Nguyễn Thành Ý ra khỏi thuộc địa của Pháp ngày 23 tháng 6 năm 1883. Trở về triều, ông được Triều đình biểu dương tinh thần làm việc là thăng chức Hữu Tham tri Bộ Binh (tháng 7 năm 1883). Sau khi quân Pháp đánh phá Thuận An, ông được Triều đình sai xuống tiếp xúc đàm phán. Vốn biết Nguyễn Thành Ý là người mưu lược, khôn khéo trong ngoại giao nên Pháp đã từ chối với lý do: "đã bị chính phủ Pháp trục xuất khỏi đất Nam Kỳ, không còn đủ tư cách thương thuyết". Cuộc đời làm ngoại giao của ông dừng lại. Tháng 12 năm 1883, ông làm Thự Tá Tham tri Bộ Công sau đó làm Tổng đốc Thanh Nghệ, rồi về Huế làm Hiệp biện đại học sĩ và dạy hai người con nuôi của Vua Tự Đức (sau này lên làm vua là Hàm Nghi và Đồng Khánh). Sau đó ít lâu ông làm Tổng đốc Hải Dương rồi về hưu.

https://tieulun.hopto.org

16. QUY ĐỊNH ĐIỀU KHOẢN CHO SỨ BỘ PHÁP ĐÓNG Ở HUẾ BÊN CẠNH TRIỀU ĐÌNH

Trong thời gian Sứ bộ Pháp đến Huế để trao đổi phê chuẩn hiệp ước 1874, đã đàm phán với Sứ bộ Đại Nam do Nguyễn Văn Tường là Chánh sứ và Phạm Ý là Phó sứ để quy định những điều khoản cho Sứ bộ Pháp đến đóng ở Huế bên cạnh triều đình. Quy định này gồm 14 điều khoản:

1. Đồ dùng, xe ngựa, võng, lọng của viên Khâm sứ nước Pháp giống như quan Tham tri nước ta.

2. Khâm sứ nước Pháp đóng ở ta không phải nộp khoản thuế lệ nào.

3. Người nước ta không được tự tiện dự vào việc gì trong dinh thự viên Khâm sứ ấy. Bộ thuộc của viên ấy cũng không được tự tiện dự vào việc gì ở dinh thự các quan nước ta.

4. Người theo hầu của Khâm sứ nước Pháp can phạm khoản gì, ta bắt giao cho viên Khâm sứ để xử theo lẽ công bằng.

5. Văn thư của viên Khâm sứ ấy giao cho người nước ta không được bóc ra tự tiện xem.

6. Khâm sứ nước ấy đến công thự của Thương Bạc đại thần phải đưa giấy thông báo trước.

7. Nước ấy đưa thư cho nước ta, việc thuộc về nước ấy, do Khâm sứ ấy xét trước chuyển sang. Việc thuộc về nước ta do viên lãnh sự nước ta xét trước chuyển sang.

8. Quan Tham biện nước ấy bằng Lang trung nước ta, Ký lục bằng Từ vụ.

9. Quan Đại thần đóng ở kinh đô của 2 nước, làm việc công gì đều chiểu theo lễ tục nước ấy.

10. Sắc thư của nước ấy đưa đến cho đại viên đóng ở kinh thành nước ta thì đại viên ấy phải mặc triều phục mang đến giao cho Thương Bạc đại thần nước ta xem xét.

11. Khâm sứ nước ấy mua gỗ làm dinh thự, thứ nào là hạng cấm thì không được mua bán.

12. Người theo hầu của khâm sứ ấy không được tự tiện vào

https://tieulun.hopto.org

trong kinh thành và các nơi cấm ở ngoài thành.

13. Nước ta đặt quan lãnh sự đóng ở Gia Định cũng giống với các nước đặt ra.

14. Binh thuyền nước ấy đến cửa biển Thuận An thì chiểu theo khoản thứ 26 của Thương ước đã định (không được quá. Thuyền, không được chở binh khí.)

Hai bên là Nguyễn Văn Tường và Phạm Ý cùng sứ nước Pháp là Ba Lông Bô và Lê Nho đã bàn xét, cùng tâm xin chuẩn cho thi hành. Lập làm 2 bản, giao mỗi bên một bản chấp chiểu.

17. CHÂN DUNG CÁC NHÀ NGOẠI GIAO PHÁP GIAO DỊCH VỚI TRIỀU NGUYỄN

Bên cạnh bộ mặt hiếu chiến của các sĩ quan Hải quân bộ mặt thâm độc dính líu với chính trị, can thiệp vào nội bộ của nước đến truyền giáo của các giáo sĩ bộ mặt lỳ lợm, khả ố của vài thương gia Pháp, phải kể đến vai trò của vài nhà ngoại giao Pháp ở Việt Nam trong giai đoạn đầu của cuộc xâm chiếm đã góp phần vào việc hoàn thành công cuộc xâm chiếm nước Việt Nam của Pháp.

Sau khi ký Hiệp ước 15/3/1874 giữa Đô đốc Pháp là Dupré với Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường, Pháp đã đặt 1 viên Trú sứ (đại sứ cấp 2) ở Huế bên cạnh triều đình năm 1875 và 3 viên lãnh sự tại Hà Nội, Hải Phòng năm 1875 và Quy Nhơn năm 1876 theo thỏa thuận.

Trú sứ Rheinart, thực dân hiếu chiến

Bá tước Pierre Paul Rheinart Des Eissarts được cử làm Trú sứ Pháp tại Huế từ khi tòa đại diện mở vào tháng 7 năm 1875.

Bức thư của Rheinart đề ngày 9 tháng 10 năm 1875 gửi về Pháp và Thống đốc Nam Kỳ: "Người Nam (triều đình Huế) từ chối không thi hành hiệp định (khoản 9) họ vi phạm hiệp ước ngay cả bằng biện pháp trái với điều đã thỏa hiệp. Họ chỉ muốn để chúng tôi ở đây (Huế), xa nơi nhòm ngó, không được ai biết

https://tieulun.hopto.org

đến, không ai được nhìn thấy quốc kỳ của chúng ta.

Sau cùng người ta nói xấu chúng tôi trong các văn kiện chính thức, nay thì chính Nhà Vua đã làm gương trong việc nguyền rủa thậm tệ.

Đối với tôi, tôi xin tuyên bố là *tuyệt đối không còn giải pháp nào ngoài việc dùng võ lực.*

Mọi liên minh với chính phủ này đều không thể được. Nhà Vua đã ngự trị 28 năm nay, nhất định không chịu thay đổi thói quen, chúng ta phải tìm kiếm một đồng minh khác. Trước đây tôi đã đặt nhiều hy vọng vào Nhà Vua, mới đây một tháng, tôi cho là mọi khó khăn là đều do từ Nội các mà ra. Khi ấy tôi đã ước mơ bằng cách gạt bỏ Nội các, đến thẳng với Ông (Tự Đức). Không thể sau 28 năm trên ngôi, sống giữa 300 bà vợ, tai chỉ nghe những lời lừa dối và phỉnh nịnh, mà Ông có thể xích lại gần chúng ta. Hiệp định nào ký với Tự Đức cũng là vô ích. Vì quyền lợi của chúng ta, chúng ta phải tìm kiếm một kẻ liên minh khác để thay thế Ông. Rút cục chắc chắn đó là sự thúc ép chúng ta.

Nếu trong trường hợp chẳng may, người ta phải nhân nhượng trước một tối hậu thư, thì phải đưa vào hiệp định những điều khoản mới và *phải thiết lập một nền bảo hộ thật sự với một trại quân Pháp đóng ở Huế,* bằng kinh phí của chính phủ Nam triều. Phải để tàu thuyền cho Nhà Vua sử dụng nhưng thủy thủ đoàn phải do ta cung ứng, họ phải chịu mọi phí tổn và sau cùng phải lập tức trang trải hết mọi bồi thường".

Tháng 7 năm 1880, Rheinart lại báo cáo với Thống đốc Nam Kỳ: "Người Nam tỏ ra kiên quyết không chịu quan tâm đến những cam kết đã hứa với chúng ta, thí dụ như muốn vào cửa Thuận An thì phải xin và có phép của họ.

Từ năm 1875 đến năm 1876, *đã hơn 10 lần tôi trình bày về sự cần thiết phải thiết lập nền bảo hộ.* Tôi đã khẩn khoản nhắc lại điều ấy, đặc biệt nhân dịp người Nam vi phạm Điều 2 của Hòa ước hồi tháng 1 năm 1876, khi họ viết cho Thống đốc Anh ở Hương Cảng để xin phái lãnh sự An Nam tới bến cảng này...

https://tieulun.hopto.org

Thiết lập nền bảo hộ đã trở thành việc cần thiết nghiêm trọng".

Qua những thư gửi và báo cáo của Rheinart, Trú sứ tại Huế, ta thấy rất rõ dầu óc thực dân và bộ mặt hiếu chiến của hắn.

Rheinart phản đối việc dùng "những chữ Hán bất lịch sự"

Rheinart được cử làm Trú sứ tại Huế bên cạnh Triều đình Huế để thi hành hiệp định 1874, thường có những buổi điều đình cùng quan Thượng thư Thương Bạc (bộ Thương mại và quan hệ đối ngoại của Triều đình Huế) để yêu cầu thi hành các điều khoản của Hiệp định. Trong giao dịch, Rheinart đã bị các quan Việt Nam dùng những chữ Hán bất lịch sự, làm tổn thương đến uy tín nước Pháp, ông ta đã phản đối những vụ này với giọng điệu trịch thượng. Ông ta đã gửi thư về Thống đốc Nam Kỳ ngày 13 tháng 9 năm 1875, có đoạn viết:

"Cho đến nay tôi đã có thể nhận xét thấy hầu hết các văn kiện của người Nam gửi cho chúng ta hoặc nói về chúng ta đều chứa đựng, khi thì một thiếu sót, khi thì mấy chữ kém nghiêm chỉnh. Có lúc bất ngờ, tôi đã nói lên nhận xét đó, người ta liền cáo lỗi cho là do đãng trí hay quên lãng của người viết văn kiện đó.

... Thường là chúng tôi bỏ qua những từ ngữ ít nghiêm chỉnh, những câu chữ có dụng ý xúc phạm mà không trách cứ hay yêu sách gì, bởi vì chúng ta coi những trêu chọc đó là chuyện tiểu nhân, không đáng để chúng ta quan tâm vì chúng không chạm được đến ta.

Kiến thức và học vấn của ta cao đã làm ta khoan dung và nhân nhượng đối với các nước kém tiến bộ. Họ nghĩ là sẽ tìm thấy thỏa mãn tự ái trong những châm chọc nhỏ ấy và sự báo thù trong tình trạng kém thông minh của họ."

Do chưa có điều kiện tiếp xúc với những tài liệu văn kiện của Nha Thương bạc do Nguyễn Văn Tường đứng đầu trao đổi với Pháp qua Rheinart nên chưa tìm hiểu được những điều mà viên Trú sứ nêu lên cụ thể như thế nào; nhưng chắc chắn là những tiểu xảo mà các nhà nho ta đã làm vì căm tức người Pháp, không đánh đuổi được chúng, bị chúng ức hiếp là điều dễ hiểu.

https://tieulun.hopto.org

Đại diện chính phủ Pháp bên cạnh triều đình Huế, Trú sứ Rheinart, tự tiện xây nhà ở không phép

Hiệp ước 15 tháng 3 năm 1874 có điều khoản quy định Chính phủ Pháp bổ nhiệm một công sứ bên cạnh triều đình Huế, ngang chức bộ trưởng. Hiệp ước thương mại ngày 31 tháng 8 năm 1874 cũng có quy định việc xây một tòa nhà cho lãnh sự Pháp ở Huế và mảnh đất ấy là do triều đình nhượng không cho Pháp. Toàn quyền Pháp ở Nam Kỳ là Dupré đã cử viên Đại úy thủy quân là Rheinart làm nhiệm vụ từ tháng 2 năm 1875. Tháng 7 năm 1875 Rheinart ra Huế ở tạm tòa nhà của các đại sứ. Ông chọn đất để đặt trụ sở cạnh Hoàng thành. Các quan trong triều đã bác bỏ những mảnh đất mà Rheinart chọn gần thành và chỉ cho xây ở một nơi xa, nơi bị ngập nước về mùa mưa hoặc ở làng Văn Dương...

Rheinart không nghe theo. Một hôm ông ta cùng đốc công và khoảng 30 người thợ Hoa Kiều đến san mặt bằng và đóng cọc tại Lịch Đại, gần nơi miếu thờ các triều đại của Hoàng gia (gần bên ga Huế ngày nay). Triều đình đã cấp tốc gửi một nhân viên qua yêu cầu Rheinart dình chỉ thi công, nhưng ông này làm ngơ, không nghe. Việc xây tòa sứ quán Pháp bên cạnh miếu thờ của Hoàng gia là một việc làm phạm thượng táo bạo với triều đình. Sau gần một năm nhà cứ xây và hai bên cứ thương lượng. Cuối cùng vào ngày 12 tháng 5 năm 1876, triều đình Huế phải nhượng bộ và viết giấy tờ nhượng đất cho Pháp.

Tầng trệt xây xong, chỉ riêng việc xây lầu cao hơn các cung điện trong Nội thành làm cho mọi người quan lại phàn nàn. Nhà xây gần xong thì Rheinart bị gọi về Sài Gòn. Pháp cử Philastre ra thay. Mùa hè năm 1878, tòa nhà xây xong, người ta thay gói lợp bằng tôn kẽm. Việc thay đổi cái lợp đó gây dư luận xôn xao, trong triều cho là mái đó để chống đạn đại bác của triều đình. Tháng 7 năm 1878, Công sứ Pháp dọn đến trụ sở mới và trả nhà cũ cho Triều đình. Tòa nhà xây tốn hết 800.000 Franc, chu vi khoảng 200m, đó là ngôi nhà lớn 1 tầng có thêm tầng dưới mái, có thêm hai cánh thẳng ra hai bên là

https://tieulun.hopto.org

tầng trệt. Các nhà phụ đều là những dãy thấp vuông góc với nhà chính. Auby, thầy thuốc của phái bộ Pháp lúc đó viết: "Công trình cốt mang đến cho người An Nam một ý niệm rõ ràng về những cái gì mà người Pháp làm được ở Pháp, và mặc dù không hiểu biết nền văn minh Tây phương, họ phải rất ngạc nhiên và có lẽ phải ca ngợi".

Triều đình Huế tẩy chay Trú sứ Rheinart

Rheinart là vị Trú sứ đầu tiên đại diện cho chính phủ Pháp bên cạnh triều đình Huế từ tháng 2 năm 1875. Đến tháng 5 năm 1876, ông bị gọi về Sài Gòn, Philastre được cử ra thay từ ngày 1 tháng 6 năm 1876, nhưng do Philastre không tán thành việc bảo hộ của Pháp đối với An Nam nên cũng chỉ được giữ chức đó trong vòng 3 năm. Tháng 7 năm 1889, Rheinart lại được cử giữ chức Trú sứ bên cạnh triều đình Huế. Rheinart là một thực dân hiếu chiến, gây nhiều chuyện ngang ngược, nên lần này khi Rheinart lại được cử ra Huế, triều đình Huế đã tẩy chay, bao vây, không hợp tác. Một viên quan Pháp ở tòa Thống đốc Sài Gòn đã báo cáo về Bộ Thuộc địa Pháp: "... Những đòi hỏi của ông Rheinart gửi cho Tự Đức đã gặp phải một sự bất đồng có tính toán, cũng như gặp phải các phương pháp cách ly và kìm hãm có hệ thống do ác ý và nghi ngờ làm cho những điều nhượng bộ của họ đối với chúng ta thành ra vô hiệu."

"... Hiện nay Nội thành của Vua đang đóng cửa không tiếp đại diện của chúng tôi, tất cả lời nói và trình bày của chúng tôi chỉ đến tai Vua qua trung gian một Thượng thư Bộ Ngoại giao (Thương bạc) ít sợ bị nghi ngờ hay thất sủng. Cần phải đòi hỏi sao cho có nghi lễ nghiêm chỉnh cho các buổi triều kiến và sau đó phải buộc chấp nhận nguyên tắc triều kiến riêng lẻ cho đại diện của Pháp để có thể trình bày trực tiếp với Vua những sự kiện nghiêm trọng có liên quan đến hai chính phủ, cũng như ở châu Âu, một đại diện có thể tiếp kiến với các vị vua chúa các nước lớn.

Cuối năm 1879 Rheinart cùng viên thầy thuốc đi đò lên Kim Long, lúc về bị thuyền thủy quân An Nam chặn lại bắt lên

https://tieulun.hopto.org

bờ, đi quanh các đám ruộng để về nhà, với lý do là nhà Vua đang câu cá ở khúc sông đó.

Đến tháng 10 năm 1880, Rheinart bị thay bởi Champeaux.

Qua lời báo cáo của người Pháp do Delvaux thuật lại, ta thấy lý do chính là tuy buộc phải ký các hiệp ước chung nhưng triều đình Huế tìm mọi cách để không thi hành những điều khoản có hại cho mình và vẫn tìm cách giành lại những đất đai đã mất.

18. LÃNH SỰ PHÁP TẠI HÀ NỘI DE KERGARADEC, TRÙM TÌNH BÁO, HIẾU CHIẾN

Bá tước De Kergaradec là lãnh sự đầu tiên của Pháp tới Hà Nội năm 1875 cho đến cuối năm 1883. Trong thời gian là lãnh sự tại Hà Nội, De Kergaradec đã cố sức thu lượm các tin tức về chính trị, quân sự và kinh tế ở Bắc Kỳ. Hắn đã tiếp xúc với Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội và Bắc Ninh), các quan đầu tỉnh khác; hắn đã trực tiếp tiếp xúc với các giáo sĩ thừa sai, người Hoa. Năm 1877, hắn đã ngược dòng sông Hồng lên đến Vân Nam không những để trắc nghiệm khả năng chuyên chở đường sông, còn tìm cách hoạt động đồng lõa và giấu tay với một cánh của quân Cờ Đen. Năm 1881, hắn đi Hồng Kông qua ngả Hải Nam. Hắn thường xuyên tiếp xúc với tên giám mục thực dân Puginier và tín đồ Kitô. Năm 1880 De Kergaradec đã gửi "*Báo cáo về các lực lượng An Nam có thể dùng khi hữu sự tại Bắc Kỳ*" (dài 25 trang, lưu trữ Aix, Amiraux 13208). Tóm tắt tình hình quân sự trong báo cáo:

1. Quân đội: Quân đội An Nam ứng trực tại Bắc Kỳ không chia ra kị binh hay pháo binh, chỉ gồm toàn bộ binh. Gồm 2 loại:

- Lính của triều đình Huế, coi như ưu tú nhất, gồm 2 tiểu đoàn, dưới sự chỉ huy của Hoàng Kế Viêm, đóng ở Sơn Tây. 1500 lính khác được phân cho Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội, Hải Dương. Lính triều đình ở Bắc Kỳ lên tới 2.500 người.

- Lính các tỉnh: trên giấy tờ khoảng 60.000, nhưng thực tế

https://tieulun.hopto.org

chỉ có khoảng 15.000 người là cùng. Ngoài ra có 5.000 lính phủ huyện và 5.000 lính phu trạm.

Cũng ghi nhận là có quân lực khác đồn trú tại Bắc Kỳ như quân Cờ Đen khoảng 1.500 đến 1.600 tên, dũng cảm và có vũ khí tốt hơn.

2. Về vũ khí: Hai phần ba lính không có súng, chỉ có 1 lưỡi giáo hay gươm. Một phần ba có súng là súng hỏa mai cũ kĩ. Người ta thấy có 100 khẩu súng nhồi thuốc trong thành Hà Nội.

Tình hình phòng thủ Hà Nội.

- Tổng số lính ghi tên:	7.496 người.
- Số lính chính quy:	5.922 người.
+ Mười tiểu đoàn pháo thủ:	5.122
+ Thủy binh	542
+ Hai trung đội thủ thế	108
Pháo binh giữ trong thành	150
- Số lính phụ binh:	1.574
+ Một tiểu đoàn lính tình nguyện:	442
+ Lính giám thành	500
+ Lính chạy trạm	632

Thành Hà Nội: Mỗi cạnh thành dài ít nhất 1.200m. Tường thành bằng đất, bên ngoài phủ một lớp gạch lớn rất chắc. Trên mặt thành có 49 khẩu đại bác nhưng tất cả đều bị rỉ sét và chắc là không phát hỏa được.

Kết luận, De Kergaradec viết: "Tôi phỏng là chỉ cần 3.500 quân, kể cả lính trên các tàu hơi nước nhỏ của hạm đội thì đủ để chinh phục và chiếm giữ Bắc Kỳ".

Qua những báo cáo của tên lãnh sự này, ta thấy đầu óc hiếu chiến, thực dân của hắn và rõ ràng hắn với nhiệm vụ lãnh sự ngoại giao, đã làm tên trùm tình báo cung cấp các số liệu quân sự, tình hình các mặt và thúc đẩy Pháp xúc tiến việc đánh chiếm nốt Bắc Kỳ làm thuộc địa.

Rheinart cùng với De Kergaradec là những nhà ngoại giao thực dân hiếu chiến đã góp phần thúc đẩy quá trình xâm chiếm Việt Nam của Chính phủ Pháp một cách nhanh chóng từ sau

https://tieulun.hopto.org

Hiệp định 1874 qua các thư và báo cáo về Thống đốc Nam Kỳ.

19. PAUL PHILASTRE, NHÀ NGOẠI GIAO PHÁP DUY NHẤT ĐƯỢC VUA TỰ ĐỨC BAN DANH HIỆU "NGƯỜI TRÍ THỨC ĐỆ NHẤT CỦA VƯƠNG QUỐC"

Nhiều người Việt Nam chưa biết đến một người Pháp, một nhà ngoại giao, một nhà Việt Nam học đầu tiên đã tìm hiểu, nghiên cứu khá sâu sắc lịch sử, văn hoá Việt Nam và phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp hồi cuối thế kỷ XIX ngay từ những ngày đầu, đó là Paul Philastre, một sĩ quan Hải quân Bản xứ sự vụ. Bản xứ sự vụ là một cơ quan do thực dân Pháp lập gia từ năm 1861 ở Nam Kỳ, lựa chọn người trong các sĩ quan Hải quân, cựu thừa sai, hiểu biết về ngôn ngữ và phong tục văn hóa nước ta, để làm việc giao dịch với triều đình Huế và chuẩn bị cho việc cai trị sau khi chiếm đất. Paul Philastre là một sĩ quan Hải quân đầu tiên gia nhập cơ quan này. Ông đã học tập rất nhanh chóng tiếng Việt, chữ Nôm, chữ Hán, tinh thông ngôn ngữ và hiểu biết sâu sắc về văn hóa Việt Nam, tỏ lòng khâm phục và kính trọng nhân dân Việt Nam. Năm 1874, ông đã dịch bộ Luật Việt Nam ra tiếng Pháp và xuất bản thành 2 tập.

Vào tháng Chạp năm 1873, sau khi Francis Garnier đánh chiếm Hà Nội và một số tỉnh xung quanh, Thống đốc Nam Kỳ là Dupré đã phái Philastre ra Huế cùng Triều đình dàn xếp các việc. Tuân theo chỉ thị của Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa tại Paris (là Chính phủ Pháp cam kết với triều đình Huế không tiến hành xâm chiếm Việt Nam với điều kiện là không đóng các cửa khẩu và không giết hại giáo dân) và của Dupré (là cần phải tái lập việc giao hảo với triều đình Huế), ông cùng Khâm sai Nguyễn Văn Tường ra đến Hà Nội ngày 3 tháng 1 năm 1874 (Garnier vừa bị giết chết được 3 ngày). Ngày 7 tháng 1 và ngày 6 tháng 2 năm 1874, ông đã ký với Nguyễn Văn Tường hai Thỏa ước rút quân và cho thi hành ngay việc rút quân ra khỏi các tỉnh mà Garnier vừa chiếm, trong đó có thành Hà Nội. Trên

https://tieulun.hopto.org

cơ sở hai Thỏa ước đó, một Hòa ước mới được ký tại Sài Gòn vào ngày 15 tháng 3 năm 1874 giữa bên Pháp là Dupré với bên Việt Nam là Chánh sứ Lê Tuấn và Phó sứ Nguyễn Văn Tường. Hoàn thành công việc, Philastre đã được Chính phủ Pháp tuyên dương Bắc Đẩu bội tinh vì là "*người tâm phúc của mọi tư tưởng và mọi dự án*", "*đã có công phục vụ phi thường tại Nam Kỳ và Bắc Kỳ*".

Ông cũng đã được vua Tự Đức tuyên dương và khen thưởng rất trọng thể. *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 33 ghi như sau:

"*Thống sát nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh (Philastre) cùng Khâm sai Nguyễn Văn Tường đến sứ quán. Vua cho là Đạo Sinh đi chuyến này rất là có lòng vì mình, sai quan Viện Bạc (coi việc ngoại giao và ngoại thương) đến hỏi thăm, đặc cách cho một đạo dụ để nêu công lao tài năng. (Trong dụ nói các ý: mùa Đông năm ngoái An Nghiệp (Garnier) sinh việc, viên ấy vâng mệnh tướng (Dupré) đến Bắc Kỳ giao trả 4 tỉnh. Sau khi xong việc lại biết hiểu dụ dẹp yên, giữ lòng thuần cố, xử sự ổn thỏa, như thế không những có thể giãi tỏ lòng sẵn có của Tướng, cũng có tiếng tốt cho nước Nam ta. Trẫm thực rất khen ngợi, đặc cách ban dụ này để nêu công lao tài năng). (Khi ấy Nguyễn Văn Tường xét tâu, đã ủy cho Nguyễn Hoằng (giám mục đi theo ra Hà Nội làm phiên dịch) dò xem ý viên ấy muốn được sắc dụ khen ngợi viết vào lụa để làm của báu đời đời, cho nên đặc ân ban cho để thỏa lòng viên ấy. Và thưởng một cái khánh bằng vàng (nặng 3 đồng cân), mặt khắc hai chữ:* Kỷ công *cùng các thứ Kim tiền, Ngân tiền, lụa màu hàng Nam, hàng Trung Quốc. Quan có trách nhiệm vâng chỉ truyền ban. Kim tiền khắc chữ:* Ngũ phúc, Tứ mĩ, Tam thọ, Nghị nghi, *mỗi thứ một đồng. Ngân tiền khắc chữ:* Vạn thế vĩnh lại, *hạng nhất 2 đồng, hạng nhì 2 đồng; ngân tiền chọn 2 con rồng hạng lớn hạng nhỏ mỗi hạng 3 đồng; nhiễu trơn màu, nhiễu hoa mỗi thứ 2 cuộn; sa Nam tốt nhuộm màu 3 tấm; lụa Nam màu 10 tấm; sa Nam 5 tấm; trừu hoa 5 tấm).*

Theo A. Delveaux trong bài "Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên" đăng trong BAVH năm 1916 thì những chữ viết

https://tieulun.hopto.org

trong dụ ấy là: "*Người trí thức đệ nhất của vương quốc*" (do dịch từ chữ Hán sang tiếng Pháp rồi lại dịch sang tiếng Việt nên chưa biết chính xác những chữ đó là gì). Như thế đủ biết cả hai phía Pháp và Việt Nam đều đánh giá công lao của Philastre rất cao, nhưng những sĩ quan thân cận của Garnier, bọn hiếu chiến và Giám mục Puginier (địa phận Hà Nội) lại coi việc làm của Philastre là "*phản bội*" là "*mất tính chất Âu Tây*" là "*An Nam hóa hơn cả sĩ phu*", là "*bạn thân của Tự Đức*". Những cụm từ mà bọn người đó dùng để gán cho Philastre đã giúp cho ta thấy được bản chất của tư tưởng tiến bộ của một người Pháp trong khi nước Pháp đang tiến hành xâm lược nước ta và thấy việc Triều đình Việt Nam tuyên dương khen thưởng một người da trắng (Tây dương) ở bên phía mà chúng ta đang đánh nhau với họ là có ý nghĩa như thế nào đối với việc bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia.

Đối chiếu tình hình nước ta năm 1873 với việc giải quyết của Philastre khi ra Hà Nội và nội dung hiệp ước 1874, chúng ta sẽ thấy việc Triều đình Huế tuyên dương và khen thưởng ông là hoàn toàn xứng đáng. Trong tương quan lực lượng trên chiến trường ở Bắc Kỳ, ta tuy vừa giết được Garnier nhưng Pháp vẫn chiếm giữ được Hà Nội và một số tỉnh xung quanh, đại bộ phận quân lính không có sức đề kháng, cả vùng đồng bằng trong tình trạng hỗn loạn, thì việc Philastre ra lệnh Pháp phải rút hết quân và trao trả các tỉnh cho Việt Nam là những điều kiện và thời cơ vô cùng quý giá để ta củng cố lực lượng, tổ chức lại việc phòng thủ, kháng chiến. Hiệp ước 1874 được ký kết trên cơ sở của hai Thỏa ước Philastre đã ký ở Hà Nội với Nguyễn Văn Tường, gồm 22 điều khoản, có nhiều điều khoản có lợi cho phía Việt Nam như: *Điều 2:* Pháp công nhận độc lập và chủ quyền của Việt Nam (... *Reconnaisant la Souveraineté du roi de l'Annam et son entière indépendance vis à vis de toute puissance étrangère quelle qu'elle soit...) Điều 4:*[1] Pháp giúp cho Việt Nam 5 tầu chiến có trang bị đầy đủ, 100 súng lớn và

(1) *Trong Văn bản chính có ghi là "Khoản".*

https://tieulun.hopto.org

1000 súng nhỏ, đạn dược cùng huấn luyện quân quân đội giúp cho Việt Nam xây dựng lực lượng quân sự rất lạc hậu để vươn lên bảo vệ đất nước. *Điều 6:* xóa bỏ toàn bộ tiền bồi thường chiến tranh của hiệp ước 1862. Chỉ có 2 điều khoản, Điều 5 và Điều 11 là xâm phạm đến toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam. *Điều 5*: Việt Nam phải công nhận 6 tỉnh Nam Kỳ là thuộc Pháp. Trên thực tế thì Hiệp ước 1862 đã công nhận việc Pháp chiếm đóng 3 tỉnh miền Đông và sau đó từ 1867 Pháp đã chiếm nốt và cai trị 3 tỉnh miền Tây rồi, Điều 5 của Hiệp ước 1874 chỉ là chính thức hóa mà thôi. *Điều 11:* Việt Nam cam kết mở (s'engage à ouvrir au commerce) các cửa biển Quy Nhơn, Hải Phòng và mở Sông Hồng lên đến Vân Nam cho tàu bè nước ngoài vào buôn bán. Việc tuy có làm cho Triều đình khó chịu nhưng cũng không phải là vi phạm chủ quyền nếu khi cho thông thương biết quản lý. *Điều 9*: cho tự do truyền đạo Thiên Chúa là tất yếu lịch sử... Cái mà trên chiến trường Việt Nam không giành được, đã mất 4 tỉnh thành, thì nay trên Hiệp ước đã có, lấy lại được, do đường lối không can thiệp bằng quân sự vào Việt Nam của người giải quyết vấn đề, Paul Philastre, đó chẳng phải là một biểu hiện của lòng yêu chuộng hòa bình, tinh thần hữu nghị tôn trọng đất nước hay sao?

Theo Hiệp ước 1874, hai nước Việt Nam và Pháp, sau 1 năm sẽ đặt 1 "quan Khâm sứ hạng nhì" (*un Résident ayant le rang de ministre*) ở kinh đô của nhau để đôn đốc thực hiện Hiệp định. Philastre đã được cử làm Khâm sứ ở Huế từ ngày 1 tháng 6 năm 1876, thay cho tên thực dân hiếu chiến Rheinart. Trong thời gian làm Khâm sứ ở Huế, ông đã góp phần vào việc thực hiện Hiệp định, chuyển giao 5 tàu chiến và vũ khí cho phía Việt Nam. Về Hiệp ước 1874 vừa ký, trong thư gửi thống đốc Nam Kỳ năm 1878, Philastre có nhận định "*Bản Hiệp định mà chúng ta đã ký kết không cho phép chúng ta, nếu không phải là lừa đảo, đẩy mình vào những âm mưu chống lại chính quyền hiện tại, và lại hoạt động của chúng ta sẽ bị tiết lộ trước khi thi hành. Thế là có thể làm cho mọi sự quay lại chống với ý muốn*

https://tieulun.hopto.org

của chúng ta..." Ông phản đối mọi mưu toan can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta và phản đối mọi cuộc viễn chinh quân sự: "*Còn việc chúng ta tính nhận lấy trách nhiệm làm cho xứ sở này được hạnh phúc, thì tôi mong là nước Pháp đừng làm, giá như tôi chưa được yên tâm chống lại giả thuyết ấy. Tôi nghe nói nhiều người sẽ rất sung sướng khi thấy ta gây chiến tranh ở Bắc Kỳ, họ cho là có thể chiếm được xứ sở này với vài trung đội; tôi tin chắc rằng không thể giữ nổi với 10.000 binh lính và rằng người Bắc Kỳ sẽ không chịu phục tùng chính quyền ta hơn phục chính phủ của họ*".

Trong thời gian ở Huế, ông đã có những nhận xét về Tự Đức và bộ máy chính quyền phong kiến lúc đó rất sâu sắc. Về Tự Đức: "*Nhà Vua cũng như mọi ông hoàng độc tôn khác không có tài năng. Tự Đức chỉ lấy làm vinh dự ở chỗ giữ nguyên đất nước, không đổi mới gì hết, lý tưởng của ông là để lại cho kẻ kế thừa một đất nước y nguyên như tình trạng khi ông lên ngôi*" "*Nhà Vua rất cương nghị, rất thất thường, rất dễ giận như bao kẻ không con khác, không hề biết kìm hãm quyền bính của mình, lại thường làm những điều liều lĩnh và dại dột*" "*Ông chỉ quan tâm đến việc kéo dài hiện tại, ông không thể làm bất cứ điều gì cho nhân dân ông*".

Ông đã thấy sự bất lực và bảo thủ của Tự Đức đồng thời cũng thấy rất rõ sự tê liệt của hệ thống chính quyền phong kiến đã làm cho đất nước nghèo nàn, lạc hậu: "*Đất nước này hết sức nghèo nàn, chính phủ bị ràng buộc trong các hoài bão có thể có và trong những ý muốn cải cách sợi dây không thể cắt đứt mà không đổ vỡ hàng loạt. Chính phủ còn bị kìm hãm bởi những điều mê tín của một xã hội đã được cấu tạo rất chặt chẽ. Đối với người đứng đầu, những mê tín đó là viện dẫn để bảo vệ quyền lợi đã có, đối với mọi người khác thì đó là khí giới phòng thủ chống lại mọi thay đổi. Mỗi người đều biết mình có lợi gì khi thay đổi, nhưng chú ý nhất đến những gì sẽ mất và họ đều không muốn bắt đầu từ đấy. Lý do của suy nghĩ ấy cũng đơn giản: những quan chức cao cấp muốn làm tốt một số nỗ lực;*

https://tieulun.hopto.org

nhưng vì ít kiên nghị nên trở thành bất lực trước tập đoàn quan lại cấp thấp luôn tiêu cực chống lại. Quan cấp thấp không muốn ai động đến bất cứ cái gì. Họ tự biết mình không có khả năng làm bất cứ việc gì, nên không muốn tạo ra sự so sánh giữa cái bất lực của họ với các hoạt động hay tài năng của người ngoại quốc, điều ấy xâm phạm vào lý do tồn tại của chính họ. Họ thích thú được mãi mãi dùng lính tráng và thợ thuyền nhà nước để làm việc riêng, nào là bổ củi hay làm bếp, hoặc kiếm tiền bằng cách bán cho lính giấy phép được trở về nhà lại lấy thêm được suất lương mà chính phủ trả cho người lính ấy."

Ông cũng vạch rõ sự tồi tệ của chính quyền phong kiến trong việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật, vũ khí mà Pháp đã chuyển giao: "*Chính phủ An Nam đã nhận được 2000 khẩu súng, đó là thứ khí giới tạm dùng được nếu người ta chịu chăm sóc nó. Ngay bây giờ hoặc một năm sau nữa là cùng, có lẽ không một khẩu súng nào trong số ấy còn dùng được bình thường. Các tàu thủy cũng thế, cái gì cũng vậy cả. Người ta nhận được hay mua về, rồi để mặc cho thối đi hoặc rã rời vì thiếu chăm sóc. Trong hoàn cảnh như vậy, có lẽ kinh tế nhất là đừng mua gì, đừng thuê mướn ai cả và cứ ngồi yên mà chờ giờ tan nát cuối cùng*".

Philastre đã phát triển những nghiên cứu của mình về hệ thống chính trị và kinh tế của Việt Nam và đã chỉ ra chiều hướng phải theo để làm cho đất nước tiến lên được: "... *Nhưng tôi nói thêm, nếu không có sự thay đổi về cơ bản những nguyên tắc kinh tế của chính phủ thì những mối lợi sẽ chỉ là trong tình trạng khả năng, chứ không thành hiện thực. Chỉ bằng sự tự do rộng hơn cho thương nghiệp và cho sáng kiến cá nhân trong việc lựa chọn trồng trọt và nghề nghiệp cũng như việc sử dụng sản phẩm thì tài nguyên trong nước mới có thể phát triển. Một khi mà chính phủ chủ trương quy định hết mọi sự, như cấm trồng loại này, bắt trồng loại khác, lập ra những trang trại hay độc quyền chuyên đoán cho chính mối lợi của mình hay của sở hữu nước ngoài, thì không làm cho tài nguyên nông nghiệp có thể phát triển được*".

https://tieulun.hopto.org

Về tương lai của nước Việt Nam, ông nhận định: "*Nước An Nam chỉ có thể trỗi dậy bằng một cuộc cải cách toàn diện và cuộc cải cách này phải có tính chất toàn quốc. Nhà Vua hiện tại không thể làm cải cách và còn chống lại cải cách. Nếu Bắc Kỳ được coi như một quốc gia thì tôi thấy thật ít cơ may để trở thành một quốc gia thanh bình như Nam Kỳ.*"

Những nhận xét của Philastre về Tự Đức, về bộ máy chính quyền phong kiến; về mọi mặt của tình hình xã hội Việt Nam; về hệ tư tưởng Nho giáo thống trị - đang đè nặng lên toàn bộ mọi suy nghĩ và hoạt động xã hội của những người có trách nhiệm trước vận mệnh quốc gia cũng như tương lai của đất nước Việt Nam lúc đó - chứng tỏ ông là người đã nghiên cứu toàn diện và am hiểu rất sâu sắc đất nước Việt Nam ngay trong những năm đầu tiên tiếp xúc với mảnh đất này. Khó có người ngoại quốc da trắng nào vượt qua được ngưỡng cửa của sự khinh thị màu da để có được lòng kính trọng nền văn hiến của người "da vàng An Nam" và đòi không được can thiệp vào xứ sở này.

Trong biển cả của những tư tưởng đế quốc thực dân trong nửa sau thế kỷ XIX, những kiến nghị của ông đã bị coi là thiểu số, đi ngược dòng, không được chú ý nghe. Phe hiếu chiến chủ trương can thiệp bằng quân sự đã thắng thế. Ông thất vọng, sức khỏe sa sút và xin về nghỉ hưu ngay năm 1879, lúc mới 42 tuổi. Ông mất năm 1902.

Năm 1916, một nhà ngoại giao Pháp là Delveaux đã nhận định về Philastre như sau: "*Bản thân ông Philastre, như ông đã nhiều lần bày tỏ từ lúc còn ở Bắc Kỳ, là thật tình không tán thành về việc đặt nền bảo hộ của Pháp ở Đông Dương. Ông cho đó là nguồn gốc của một thất bại và tai hại. Nước An Nam, theo ý ông, không cần đến sự giúp đỡ tốt của chúng ta và đây là một tội ác về vi phạm nhân đạo, bóp chết một nền văn hóa lâu đời và đáng trọng này. Tôi không trách ông Philastre về sự mến chuộng của ông đối với nền văn minh xứ này và tôi xin nghiêng mình cảm phục về tính năng động và trình độ hiểu biết của ông; nhưng tôi nghĩ rằng tốt hơn là ông đừng nhận cái trong*

https://tieufun.hopto.org

trách kinh khủng là làm đại diện và bênh vực quyền lợi của nước Pháp bên cạnh triều đình Huế.".

Chính những đánh giá về Philastre (sau khi ông chết) của nhà ngoại giao Pháp này đã làm cho chúng ta ngày nay thấy được những tư tưởng lớn của nhà Việt Nam học đầu tiên người Pháp. Thật vậy, ở nửa sau thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa đế quốc đang trên đà bành trướng mở mang thuộc địa, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đầu óc thực dân phổ biến, tinh thần kỳ thị chủng tộc, coi khinh các giống da vàng, da đen là "mọi rợ" cần được "khai hóa văn minh" là đầy rẫy, thì tư tưởng và việc làm của một người Pháp như Philastre là cao quý và đẹp đẽ biết bao. Đối lập hoàn toàn với những người Pháp khác, tìm hiểu nghiên cứu Việt Nam là để tìm cách đánh chiếm, cai trị, chia rẽ, bóc lột và coi khinh nhân dân ta, Philastre đã có những nghiên cứu về Việt Nam để thêm yêu mến, kính trọng nền văn minh của Việt Nam và phản đối mọi hành động chiến tranh ghê tởm của chính phủ nước ông. Có thể nói ông là người Pháp đầu tiên giương cao ngọn cờ phản chiến và với suy nghĩ sâu sắc của mình ông đã hành động đầy quả cảm. Ông cũng hơn hẳn những người đồng hương của mình trong nửa đầu thế kỷ 20 đã nghiên cứu Việt Nam đơn thuần *khoa học vì khoa học*. Với những chuyển biến tư tưởng của một sĩ quan Hải quân Pháp trở thành một nhà Việt Nam Học chân chính của Philastre, khi tiếp xúc với lịch sử và văn hóa Việt Nam, một điều mà chúng ta ngày nay càng nhận rõ thêm là: *sức mạnh Việt Nam* nằm ngay trong lịch sử và văn hóa Việt Nam cũng như những nhà Việt Nam Học (người nước ngoài), khi được tiếp xúc, nhất định sẽ đem lại sức mạnh. Nên chăng trách nhiệm của chúng ta ngày nay là phải làm cho nhân dân ta và bạn bè trên thế giới hiểu biết đầy đủ lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Theo sách "*Đại Nam thực lục*", "*Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*" của Y.Tsuboi, "*Phái bộ Pháp ở Huế và những phái viên đầu tiên*" của A.Delveaux.

https://tieulun.hopto.org

20. VUA TỰ ĐỨC BAN THƯỞNG CHO SỨ THẦN PHILASTRE

Sau khi Pháp gây chiến ở Nam Kỳ, với Hòa ước 1862, Triều đình Huế đã phải cắt cho chúng 3 tỉnh miền Đông đến năm 1867 thì lại bị mất nốt 3 tỉnh miền Tây. Năm 1872, thực dân Pháp lại đem quân ra Bắc, đánh chiếm các tỉnh đồng bằng. Tự Đức càng lo sợ, sau khi đã mất hết Nam Kỳ nay lại mất nốt Bắc Kỳ thì đất nước Việt Nam liệu còn giữ được bao lâu nữa. Sau khi cử Nguyễn Văn Tường vào Sài Gòn để bàn bạc rồi cùng ra Hà Nội dàn xếp với Philastre, Hoà ước 1874 đã được ký kết. Triều đình Huế coi như đã thu hồi được các tỉnh bị Pháp chiếm nên đã coi đó là một thắng lợi (tuy chính thức hóa công nhận quyền thống trị của Pháp đối với 3 tỉnh niền Tây Nam Kỳ), tỏ lòng biết ơn với sứ thần Philastre, đã ban thưởng cho sứ thần Pháp và sứ bộ Việt Nam ra Hà Nội. Sách *Đại Nam thực lục* đã viết:

"Vua nghĩ nghị hòa ở Bắc Kỳ đã thành, thưởng cho tướng nước Pháp (Philastre) Kim tiền hạng rất lớn, đồng tiền có chữ *Vạn thế vĩnh lại*, một mặt khắc bài thơ và thưởng cho tất cả các quan quân ở tàu nước Tây phải đi: ngân bài, ngân tiền theo thứ bậc.. Thưởng cho Nguyễn Hoằng, nguyên là giám mục, kim khánh để đeo cho được vinh hiển và 20 lạng bạc. Giám mục Nguyễn Bình được thưởng 1 đồng tiền ngũ phúc và 3 đồng ngân tiền các hạng. Linh mục Đăng được thưởng một đồng kim tiền Tam Thọ và 3 đồng ngân tiền các hạng".

(Những giám mục là linh mục là những người phiên dịch cho sứ bộ).

Sau này khi Philastre làm Trú sứ ở Huế đã muốn học sách Nho, đã đưa thư cho quan Thương Bạc (Nguyễn Văn Tường) nhờ mời thầy dạy.

"Quan Thương Bạc tâu lên, vua chuẩn cho thuộc viên Nha Thương Bạc là Cao Hữu Trung, đỗ cử nhân, đến sứ quán ở làm bạn cho tiện học hỏi, (Vua) lại ban cấp của quý cần dùng ở án sách (các thứ: lọ nước, giá bút, nghiên đá, chặn giấy, ống bút) để khuyến khích. Sứ ấy cúi đầu nhận lãnh cảm tạ, xin chăm học hơn để xứng ý Vua."

https://tieulun.hopto.org

Những việc ghi chép trong sách sử của Triều Nguyễn đã cho thấy rõ phần nào chân dung của Philastre, một người Pháp đã học hỏi nhiều về Việt Nam, kính trọng nền văn hóa Việt Nam đồng thời là người yêu chuộng hòa bình hữu nghị.

21. NGUYỄN VĂN TƯỜNG, NHÀ NGOẠI GIAO LÚC ĐẤT NƯỚC GẶP NHIỀU SÓNG GIÓ

Nguyễn Văn Tường (1818 (?) - 1886), người xã An Cự, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị, nguyên tên là Nguyễn Phước Tường, sau đổi là Nguyễn Văn Tường học giỏi, đỗ cử nhân khoa Canh Tuất, Tự Đức thứ III (1850).

Ông bắt đầu sự nghiệp quan trường bằng cách tập sự trong các bộ, rồi được nhận một chức trong Bộ Hình. Sau đó ông được cử đi làm việc ở các tỉnh rồi được gọi về làm Biện lý Bộ Binh, sau đó làm Phủ doãn phủ Thừa Thiên. Nhưng vì để xảy ra các cuộc chính biến của Hồng Tập năm 1864 và Đoàn Trưng năm 1866 nên ông bị giáng chức, sai đi làm lính ở Bắc Kỳ trong 7 năm.

Năm 1873, nhờ Trần Tiễn Thành tiến cử, ông được Vua Tự Đức gọi về kinh và cử làm Phó sứ trong phái đoàn điều đình với chính phủ Pháp về việc quân Pháp đánh chiếm Hà Nội năm 1873. Ông tới Sài Gòn ngày 31 tháng 8 năm 1873 rồi sau đó cùng Philastre ra Hà Nội dàn xếp công việc. Ông và Philastre đã ký hai thỏa ước rút quân Pháp vào ngày 7 tháng 1 năm 1874 và ngày 6 tháng 2 năm 1874. Theo 2 thỏa ước này, quân Pháp trả cho triều đình 4 tỉnh chiếm ở Bắc Kỳ. Trên cơ sở những thỏa ước đó, một Hòa ước đã được ký ngày 15 tháng 3 năm 1874 và một Thương ước ký vào ngày 31 tháng 8 năm 1874.

Như đã biết, với chính sách tôn trọng chủ quyền Việt Nam của Trú sứ Philastre nên cuộc dàn xếp đã nhanh chóng thu được kết quả, Triều đình Huế coi như đã giành được thắng lợi và đánh giá công lao của Nguyễn Văn Tường rất cao. Tháng 9 năm 1874 ông được cử làm Thượng thư Bộ Bạc đại thần (trông coi việc ngoại giao và ngoại thương).

https://tieulun.hopto.org

Thành công trong thương thuyết của Nguyễn Văn Tường đã tạo cho ông uy tín rất lớn trong Triều đình. Rheinart sau này là Trú sứ ở Huế đã viết:

"Philastre đã tới Bắc Kỳ với ý định dứt khoát là lập tức trả lại những thành trì mà Francis Garnier đã chiếm được. Sứ thần Nguyễn Văn Tường chỉ phải "mệt nhọc" là nhận những thành trì đó từ tay phái viên Pháp, nhưng khi trở lại Huế, Tường đã tuyên bố rằng thành công là nhờ vào tài khéo léo và sức thuyết phục của mình rằng Tự Đức đã chịu ơn khi thu hồi lại các tỉnh Bắc Kỳ trong một thời gian đã tưởng là bị mất. Giả thuyết ấy được người ta tin và làm cho Tường, kể từ năm 1874 trở thành nhân vật ảnh hưởng nhất triều đình Huế. Được coi như người dũng mãnh đã làm cho Pháp phải nhả Bắc Kỳ, nay Tường cũng được coi như người có khả năng làm cho Pháp nhả nốt Nam Kỳ" (30 tháng 11 năm 1881).

Giữ chức Thương Bạc đại thần đến năm 1881, Nguyễn Văn Tường đã tham gia vào mọi cuộc đàm phán với Pháp, thương thỏa với các Trú sứ Pháp tại Huế là Rheinart và sau là Philastre, trao đổi phê chuẩn hiệp ước. Ông là người chủ trương chống Pháp nên đã bị Champeaux, Trú sứ Pháp ở Huế làm áp lực với Trần Tiễn Thành, nhân vật đầu triều, bãi chức ông. Mặc dù phải thôi chức Thương Bạc Đại thần, ông vẫn có ảnh hưởng trong triều với tư cách là Thượng thư Bộ Hộ. Khi sứ bộ bán chính thức của nhà Thanh là Dương Đình Canh tới Huế để bàn với triều đình Huế thái độ đối với Pháp, ông đã được Vua Tự Đức ủy quyền cho tiếp và bàn bạc. Tự Đức rất tin cậy ông, đã thu xếp cho con trai ông lấy chị của Ưng Đăng, con nuôi thứ 3 của Tự Đức (sau này được lên làm vua là Kiến Phúc).

Sau khi Tự Đức mất (7/1883) trong cung đình đã xảy ra nhiều vụ chính biến, ông đã giữ một vai chính yếu? Sau cuộc nổi dậy đánh Pháp do Tôn Thất Thuyết chủ trương ngày 5 tháng 7 năm 1888, ông bị giặc Pháp bắt đầy đi Côn Đảo rồi sau đó sang Tahiti, rồi tới Papeete vào tháng 2 năm 1886. Tại đây, ông chết vì bệnh ung thư cổ ngày 30 tháng 7 năm 1886.

https://tieulun.hopto.org

Theo một nhận định của người nước ngoài, ông là "*một gương mẫu tiêu biểu về một chính khách quan lại kiểu Việt Nam: thông minh, có văn hóa, kiên nhẫn, bình tĩnh, vừa khéo léo thương nghị hoặc gây mưu đồ ở hành lang, vừa biết vâng phục nhà vua hoặc trốn trách nhiệm*".

22. SỨ BỘ TRẦN ĐÌNH TÚC CHẤP NHẬN 27 KHOẢN CỦA HIỆP ƯỚC 1883

Để hoàn thành việc xâm chiếm toàn bộ nước Việt Nam, tháng 3 năm 1882, Pháp đã phái tên Henri Rivière đem quân từ Sài Gòn ra Bắc, lấy cớ là triều đình Huế vi phạm các điều khoản của Hiệp ước 1873 như vẫn cấm giết đạo, không đảm bảo cho tàu Pháp đi lại buôn bán trên sông, tiếp tục có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Tên Rivière đã đánh chiếm Hà Nội ngày 25 tháng 4 năm 1882, sau đó chiếm vùng mỏ than Quảng Yên, Hòn Gai (12/3/1883), Nam Định (27/3/1883). Trong một trận đánh ra cửa ngõ phía tây Hà Nội, hắn đã phải bỏ mạng, nhưng quân Pháp đã xin thêm viện binh ở Sài Gòn ra và đánh lên Sơn Tây, là đại bản doanh của các lực lượng kháng chiến ngoài Bắc, đồng thời phối hợp tấn công cửa biển Thuận An (20/8/1883). Vua Tự Đức mới mất (19/7/1883), nạn phế lập xảy ra liên tiếp, triều đình Huế bối rối.

Trong hoàn cảnh nguy ngập đó, Nguyễn Trọng Hợp đang giữ chức Thượng thư Bộ Lại, được cử xuống Thuận An ngay tối hôm đó để điều đình với Pháp. Harmand đã đưa ra nhiều yêu sách ngang ngược như Triều đình Huế phải triệt binh, phá hủy hết đạn dược, lương thực trong các đồn binh từ Thuận An đến Huế, triệt bỏ các chướng ngại vật trên sông Hương, trả lại nước Pháp 2 chiếc tàu mà Pháp đã tặng theo Hiệp ước 1874. Việc thương thuyết phải diễn ra tại Huế.

Trần Đình Túc được cử làm Chánh sứ, Nguyễn Trọng Hợp làm Phó sứ. Hai người sang Sứ quán Pháp bên hữu ngạn sông Hương để điều đình. Harmand đã đưa ra một bản hiệp ước gồm

https://tieulun.hopto.org

27 khoản và hạn cho Triều đình Huế phải trả lời trong 24 tiếng đồng hồ (như một tối hậu thư). Lúc này Triều đình Huế đang ở vào thế thua, không còn làm được việc gì ngoài việc hạ bút ký chấp nhận 27 điều khoản do Pháp đưa ra.

Hiệp ước ký ngày 25 tháng 8 năm 1883 - *Hiệp ước Qúy Mùi* - (còn gọi là hiệp ước Harmand), xác lập quyền bảo hộ lâu dài của Pháp trên toàn bộ nước ta.

Xin tóm tắt sơ lược vài điều khoản đầu hàng nhục nhã của Hiệp ước Quý Mùi 25/8/1883 như sau:

Điều 1: Nước Việt Nam công nhận và thừa nhận quyền bảo hộ của chính phủ Pháp với nước Nam trên mọi phương diện, trong mọi quan hệ ngoại giao với các nước, kể cả Trung Hoa, chính phủ nước Việt Nam chỉ giao dịch với các nước với sự trung gian của nước Pháp.

Điều 2: Tỉnh Bình Thuận bị sáp nhập vào Nam Kỳ.

Điều 3: Quân đội Pháp được đóng thường xuyên suốt dọc dãy núi từ Đèo Ngang đến Vũng Kim (?), cửa sông vào thành Huế, những đồn đó được xây theo ý của quân Pháp...

Điều 4: Nam Triều phải gọi hết các quân lính đang chiến đấu ở Bắc Kỳ triệt binh.

Điều 5: Nam Triều hạ lệnh cho các quan cai trị ở Bắc Kỳ phải trở lại vị trí làm việc, bổ những người thiếu vào các chức vụ, những chức vụ đó phải có sự đồng ý của nhà chức trách Pháp.

Điều 6: Những quan lại Nam triều từ Bình Thuận trở ra đến Đèo Ngang vẫn như cũ, không chịu sự kiểm soát của người Pháp, trừ những việc thuế đoan, công chính thì do sự chỉ huy của người Pháp.

Điều 7: Nước Nam phải mở các cửa biển buôn bán với tất cả các nước trừ Quy Nhơn, Đà Nẵng, Xuân Đáy (đã nhường cho Pháp). Những nơi đó là nhượng địa của Pháp và chịu sự chỉ huy của Công sứ Pháp.

Điều 8: Nước Pháp sẽ dựng các hải đăng ở Varlla, Padaran, Poulo Cécir.

Điều 9: Nam Triều phải sửa con đường từ Sài Gòn đi Hà

https://tieulun.hopto.org

Nội để cho xe cộ đi lại. Nước Pháp sẽ cung cấp các kỹ sư cầu và đường ngầm.

Điều 10: Nước Pháp sẽ dựng một đường dây điện tín trên nước Việt Nam. Một phần thu nhập sẽ giao cho Nam Triều.

Điều 11:Pháp đặt một quan chức cao cấp ở Huế đại diện cho chính phủ Pháp, có mọi quyền hành kiểm tra mọi việc giao dịch với nước ngoài của Nam Triều và đại diện cho Nam Triều (không can thiệp vào các việc nội bộ của thành phố Huế). Viên Khâm sứ có quyền ưu tiên gặp vua nước Nam bất kỳ lúc nào, không được phép từ chối.

Điều 12: Ở Bắc Kỳ tại Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh ven biển, có một viên công sứ người Pháp đóng ở tỉnh lỵ, các tỉnh khác cũng cần tuân theo hệ thống cai trị trên.

Điều 13: Các quan công sứ đều có một đội quân bảo vệ và những người giúp việc đóng ở tỉnh thành.

Điều 14: Việc cai trị trong các tỉnh do quan lại Nam triều, những viên này phải chịu sự kiểm tra của các quan Pháp và sẽ bị chuyển đi nếu không tuân lệnh các nhà cầm quyền của Pháp.

Điều 15: Các viên chức chuyên môn của Pháp như bưu điện, công chính chỉ liên hệ với quan chức An Nam qua các công sứ các tỉnh.

Điều 16: Các công sứ Pháp nắm quyền xét xử mọi việc dân sự, buôn bán với người châu Âu, người bản xứ...

Điều 17: Những viên công sứ trông coi trị an trong thành phố và kiểm tra quan lại Nam Triều về việc trị an nông thôn.

Điều 18: Các viên công sứ kiểm tra việc thu thuế và kiểm tra việc chi tiêu của các quan Bố chính.

Điều 22: Nước Pháp sẽ đóng các đồn binh dọc sông Hồng để đảm bảo việc đi lại được thuận tiện, an toàn.

Điều 23: Nước Pháp đảm bảo toàn vẹn chủ quyền của nước Nam, bảo vệ chống lại mọi sự xâm lược từ bên ngoài và các cuộc phiến loạn nổi dậy từ bên trong và bảo đảm những tài sản chính đáng của Pháp chống lại mọi nước ngoài...

Về những điều khoản mà Harmand đưa ra bắt ký, triều

https://tieulun.hopto.org

đình Huế đã nhận định là "*những khoản trong hòa ước có nhiều điều bị kém, bị nhục khó chịu, đáng lẽ ta không nghe... Ta vẫn biết cục hòa ước có nhiều điều khó chịu nhưng vì thế bắt buộc không thể không được...*"

Trong một đoạn khác ĐNTL lại viết: "Các điều khoản trong thư có *nhiều điều khoản rất không thể được*. Nhưng nay quan tài Tiên đế (Tự Đức) chưa rước an táng. Từ Dũ Thái hoàng hậu và Hoàng thái hậu tuổi nhiều già yếu và đương lúc thương xót, mà gặp biến cố như thế. Lại tiếp tỉnh Hải Dương phi báo là thất thủ... Việc ấy là Trẫm[1] tạm châm chước thời nghi, vạn bất đắc dĩ, muốn trên thì yên linh hồn tiên đế, yên lòng hai cung, dưới thì bảo toàn tính mạng muôn dân..."

Sau khi phải ký hòa ước, Vua đã sai viết thư dưa sang Tổng đốc Lưỡng Quảng và Lý Hồng Chương cùng Tổng lý nha môn nước Thanh báo về việc nước Pháp đã ức hiếp phải ký hòa ước 1883.

23. SỨ BỘ PHÁP PATENÔTRE TRAO ĐỔI TẶNG PHẨM SAU KHI KÝ HÒA ƯỚC 1884

Sau khi ký Hòa ước 1884, sửa lại đôi chút trong Hòa ước 1883, để làm vừa lòng Triều đình Huế, sứ thần Patenôtre đại diện chính phủ Pháp đã dâng quà tặng Triều đình Huế như sau:

- Dâng vua: 1 chiếc kiệu, 1 máy nói (máy hát), 1 lồng chim, 4 tấm gấm hoa vàng, rượu thơm "Lacotrê" 15 chai, rượu "Maccatel" 15 chai.

- Biếu Hồng Hưu: 1 bộ chén nậm bằng pha lê, 3 tấm lụa, 1 chiếc áo mưa, 1 mục kỉnh bằng vàng, 8 chai rượu Mala gà, 8 chai rượu Macten.

- Biếu Nguyễn Văn Tường: 1 thùng dạn máy.

- Biếu Tôn Thất Thuyết: 1 bộ mâm chén uống rượu bằng pha lê, gương soi, áo mưa, nậm đựng rượu đều như trước.

---

[1] "*Trẫm*" *ở đây là Vua Kiến Phúc.*

https://tieulun.hopto.org

- Biếu Phạm Thận Duật: 2 mục kỉnh bằng bạc, 1 tấm vũ đoạn, 2 chiếc áo mưa, rượu "Machi" 6 chai, rượu " Mala gà" 6 chai.

- Biếu Tôn Thất Phan và Chu Đình Kế: Mục kỉnh bằng bạc, vũ đoạn 1 tấm, áo mưa 2 chiếc, gương lương thành và áo vũ đoạn như trước, rượu "Ma chi" 2 chai, rượu "Mala gà" 2 chai (mỗi người đều như nhau).

Ngoài ra còn có áo, mục kỉnh, nậm rượu và rượu nữa để biếu các đình thần.

24. TRIỀU ĐÌNH HUẾ TRAO ĐỔI TẶNG PHẨM

Sau khi nhận quà tặng của Sứ bộ Pháp, Triều đình Huế đã tặng lại phía Pháp như sau:

- Tặng quốc trưởng Pháp: Ngà voi 1 cặp nặng trên 40 cân, kiếm deo bọc vàng 1 chiếc, khánh vàng trong khắc chữ *Vĩnh Hảo* 1 chiếc (dây đeo bằng trân châu, san hô) câu đối khảm xà cừ 1 đôi, trong khắc chữ: "*Thảo bất tri danh tùy xứ lục. Điểu như hữu ý dĩ xuân minh*". (Tạm dịch: Cỏ báu chẳng biết tên, nơi nào không xanh thắm. Chim khôn như cố ý, xuân đến lại hót vang). Tiền vàng hạng nhì 1 đồng, nặng 5 đồng cân, dây deo bằng ngọc châu, trong khắc chữ *Vạn Thế vĩnh lại*, tiền bạc 1 đồng, tiền bạc Ngũ phúc 1 đồng, the tốt nhuộm màu 5 tấm, the mỏng nhuộm màu 5 tấm (lại tặng 1 chiếc ngà voi sống nặng 16 cân 5 lạng, xin để ở trường Bác vật).

- Tặng Toàn quyền: Ngà voi 1 đôi nặng độ 30 cân, nậm rượu 1 chiếc, 1 cái hộp trầu chạm bạc hình vuông khảm xà cừ bằng thứ gỗ dỏ, tiền vàng chạm rồng hạng lớn 7 đồng cân 1 chiếc, 1 đồng tiền bạc hạng nhất nặng 1 lạng, nhiễu trắng 1 súc, 5 tấm tơ chín nhuộm màu, gương đeo bọc bạc 1 chiếc, 1 đôi câu đối khảm xà cừ, trong khắc chữ "*Hữu tình đoan tự vô tình thủy, Quân kiến hà như nhất kiến tân*", (Nghĩa là: "Có tình vốn tự không tính trước, quen thấy sao bằng mới thấy hơn.")

- Tặng giám đốc: Ngà voi 1 cặp nặng 25 cân, 1 cái hộp trầu bao bạc, 1 đồng tiền vàng nặng hơn 4 đồng cân khắc chữ sử dân

https://tieulun.hopto.org

phú thọ, 1 đồng tiền bạc khắc chữ Ngũ phúc, 2 súc nhiễu trắng, 2 tấm the chín nhuộm màu, 1 chiếc khánh vàng.

- Tặng quan ba, tham hiệp, ký lục: 1 đồng tiền vàng hạng lớn, khắc chữ sử dân phú thọ, 1 đồng tiền bạc khắc chữ Tứ Mỹ, the mát nhuộm màu 2 tấm, lụa dày trắng 3 tấm, khay trầu vuông khảm xà cừ 1 chiếc (ba người đều được như nhau).

- Tặng Thương bạc (ngoại giao), thượng thư, phó thượng thư: Mỗi người 1 đồng tiền vàng hạng hai, mỗi người 1 đồng tiền bạc có chữ Ngũ phúc, mỗi người 1 bộ đĩa ngà, the mát nhuộm màu mỗi người 1 tấm, bình hoa bằng ngà voi mỗi người 1 chiếc.

Ngoài ra còn tiền vàng, tiền bạc và đồ dùng khác nữa tặng cho quan đóng ở cửa biển Thuận An.

Kèm theo tặng phẩm gửi Vua nước Pháp còn có thư của Vua Nam viết:

"Đại Nam hoàng đế kính thư gửi Quốc trưởng Đại Pháp biết: Nay quý quốc đặc phái Toàn quyền đại thần trước lại đây đính điều hòa ước lưu giữ tình giao hảo, nay việc đã xong, thực xin cảm tạ. Kính dâng những đồ vật thổ nghi nhỏ mọn, giao quý Toàn quyền đem về kính biếu để bày tỏ lòng tốt. Các thứ thổ ngơi đã ghi ở trên".

Ngày 10 tháng 5 năm Kiến Phúc I (1884) vua Kiến Phúc cũng viết thư ban tặng tặng phẩm cho Toàn quyền. Còn đối với các quan Pháp thì do quan đại thần Thương bạc là Tôn Thất Phan viết giấy ban cấp.

Ngoài ra cũng cấp tiền kèm thưởng cho các quan bên dưới và lính hầu.

25. SỨ THẦN VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐẾN MỸ KHÔNG QUỐC THƯ: BÙI VIỆN

Bùi Viện quê làng Trình Phố, tổng An Hội, huyện Trực Định, phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Ông sinh năm 1839, từ thuở nhỏ theo đòi Nho học. Năm 1864, ông đỗ tú tài năm 20

https://tieulun.hopto.org

tuổi, 4 năm sau, 1868 mới đỗ cử nhân (theo *Quốc triều hương khoa lục* của Cao Xuân Dục). Sau đó ông đã thi hội 2 lần nhưng không thành. Ông theo giúp Lê Tuấn dẹp giặc ngoài Bắc, sau đó lại giúp cho Doanh điền sứ Doãn Khuê xây dựng bến Ninh Hải (Hải Phòng).

Tình hình Việt Nam lúc này gặp rất nhiều khó khăn, thực dân Pháp đã chiếm xong 6 tỉnh Nam Kỳ, Triều đình đã ký Hòa ước Nhâm Tuất (1862). Pháp lăm le chiếm nốt Bắc và Trung Kỳ. Nội bộ Triều đình Huế bị phân hóa, phe chủ hòa chống lại phe chủ chiến. Tự Đức và một số quan lại đã nhận thấy sự cần thiết phải mở rộng giao thiệp với các nước để khỏi bị cô lập; tranh thủ sự giúp đỡ của các nước khác để làm giảm bớt áp lực của quân Pháp xâm lược. Triều đình đã giao cho Bùi Viện sang Trung Hoa để tìm cách giao dịch với các nước, tranh thủ sự giúp đỡ. Đầu tháng 7 năm Quý Dậu (8/1873), ông xuống thuyền ra cửa bể Thuận An đi lên phương Bắc. Sau 2 tháng lênh đênh trên biển cả, ông tới Hương Cảng (Hồng Kông). Khi đó đã thành nhượng địa của Anh từ năm 1842, nơi đây có nhiều người nước ngoài lui tới. Ở đây, thông qua một số nhân sĩ Trung Hoa, Bùi Viện đã kết giao được với Lãnh sự Hoa Kỳ tại Hương Cảng.

Với sự giúp đỡ của viên lãnh sự, ông xuống tàu sang hải cảng Yokohama Nhật Bản và từ đó sang San Francisco (Cựu Kim Sơn) rồi từ đó sang thủ đô Washington (từ bờ biển phía Tây sang bờ biển phía đông Hoa Kỳ). Ông lại phải tìm cách vận động để gặp được Tổng thống Mỹ là Grant. Ông đã khẩn cầu Tổng thống Mỹ viện trợ cho Việt Nam đánh Pháp ra khỏi nước. Hoa Kỳ đã từ lâu muốn tìm một chỗ đứng ở phương Đông, nhưng vì chậm chân sau Anh, Pháp, Đức, Nga nên cũng nhân cơ hội này muốn tìm chỗ đứng ở Việt Nam. Nhưng sứ thần Bùi Viện đi một mình, không mang quốc thư ủy nhiệm nên không có đủ tư cách để ký hiệp ước. Không nản lòng, ông tức tốc lên đường về nước để xin quốc thư, định sau đó trở lại Hoa Kỳ thương thuyết chính thức.

Về tới Hải Phòng, ông không tạt qua nhà, tranh thủ đi

https://tieulun.hopto.org

đường bộ vào Huế gặp Vua Tự Đức để báo cáo tình hình. Vua Tự Đức thấy đây là một cơ hội tốt để thoát khỏi nanh vuốt tư bản Pháp nên đã ủy thác ông cầm quốc thư trở lại Hoa Kỳ gấp để ký kết. Nhưng khi ông trở lại Hoa Kỳ lần thứ hai vào năm 1875 thì tình hình chuyển biến bất lợi. Tổng thống Grant trước đây đã bảo ông về lấy quốc thư sang để ký kết nay lại lấy lý do tình hình trong nước thay đổi nên từ chối giúp đỡ. Sự thật là sau khi triều đình Huế ký với Pháp hòa ước Giáp Tuất (1873). Thì vai trò của Pháp trên nước Việt Nam đã được khẳng định, Nam Kỳ trở thành thuộc địa, Bắc và Trung Kỳ cũng trở thành vùng bảo hộ. Toàn bộ nước Việt Nam trên thực tế đã trở thành đất bảo hộ của người Pháp. Trong tình thế ấy, Hoa Kỳ không thể nhảy vào tranh với Pháp dù rằng muốn có chỗ đứng ở Châu Á.

Bùi Viện thất vọng về chuyến đi đầy tin tưởng, xuống tàu về nước qua Ykohama thì được tin ở nhà mẹ mất. Khi về đến Huế, ông báo cáo lại tình hình thất bại của chuyến đi. Chuyến công cán của ông vượt muôn vàn khó khăn, đơn thương độc mã, xuất phát từ ý thức trách nhiệm cao cả đối với vận mạng đất nước đang đứng trước cơn nguy khốn, bị thực dân chiếm, số phận của nhân dân đang bị đẩy vào vòng nô lệ. Chính Vua Tự Đức trong lời phê vào đơn của ông xin về quê chịu tang mẹ đã xác nhận việc làm cao cả của ông:

"Trẫm ư từ vị cữu thâm ân nghĩa, từ nãi dĩ quốc an, nãi bảo gia an, thâm đồ viễn lự, quý thần dương diệc giám chi".

Nghĩa là:

"Trẫm đối với ngươi chưa có ân nghĩa gì mà ngươi đã coi việc nước như việc nhà, không quản xa xôi, lo lắng, quỷ thần ắt cũng chứng cho".

Ông bị bệnh nặng và mất ở Huế ngày 2 tháng 11 năm Mậu Dần (1878).

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC SỨ BỘ VIỆT NAM ĐI VÀ SỨ BỘ NƯỚC NGOÀI ĐẾN (954 - 1884)

Ghi chú: Dấu - Chỉ sứ bộ Việt Nam đi.
Dấu (+) Chỉ sứ bộ nước ngoài đến.
Sứ bộ biết tên ghi tên Chánh, Phó sứ.
Sứ bộ không có tên ghi tên triều đại.

https://tieulun.hopto.org

1. TRIỀU NGÔ - ĐINH - LÊ

Năm 954: - Ngô Xương Tấn sang Nam Hán
Nam 972: - Đinh Liễn sang Tống
Năm 974: + Sứ Tống sang phong Đinh Bộ Lĩnh là Giao Chỉ quận vương
Năm 975: - Trịnh Tú sang cống sừng tê, ngà voi
+ Cao Bảo Tự, Vương Ngạn Phù sang phong Nam Việt Vương.
Năm 976: - Trần Nguyên Thái sang đáp lễ.
Năm 977: - Sứ nhà Đinh sang mừng Tống Thái Tông lên ngôi
Năm 983: - Giang Cự Vọng, Vương Thiệu Tộ sang xin cho Đinh Toàn nối ngôi.
Năm 983: - Lê Hoàn cho sứ sang báo tin đánh thắng Chiêm Thành, giao hảo.
Năm 985: + Sứ nhà Tống sang
- Sứ nhà Lê sang lĩnh Tiết trấn
Năm 986: + Lý Nhược Chuyết, Lý Giác sang phong cho Lê Hoàn.
- Ngô Quốc ân sang đáp lễ và biếu voi.
Năm 987: + Lý Giác lại sang (làm thơ với Pháp Thuận)
Năm 988: - Sứ nhà Lê sang biếu sản vật
+ Mậu Tường, Lý Độ sang phong chức Khai quốc công.
Năm 990: + Tống Cảo, Vương Thế Tắc sang phong chức Đặc tiến.
Năm 991: - Đào Cần sang đáp lễ, biếu sản vật.
Năm 993: + Vương Thế Tắc, Lý Cự Giản sang phong Giao Chỉ quận vương.
Năm 994: - Phí Sùng Đức sang đáp lễ, biếu sản vật.
Năm 995: - Đỗ Hanh sang giao hảo.
Năm 996: - Sứ nhà Lê sang Tống về vấn đề trấn Như Hồng, Như tích.
+ Lý Nhược Chuyết sang ban đai ngọc cho vua Lê.
Năm 997: + Sứ nhà Tống sang phong chức Nam Bình Vương.
- Sứ nhà Lê sang đáp lễ, tâu đã đẹp Chiêm Thành.

https://tieuluan.hoptn.org

Năm 1004: - Minh Đệ sang Tống giao hảo
Năm 1006: + Thực Việp đem thư sang hiểu dụ
Năm 1007: - Minh Sưởng, Hoàng Thanh Nhã sang Tống xin Kinh, biếu tê trắng.
+ Sứ Tống sang phong Giao Chỉ quân vương.
Năm 1009: - Sứ Lê sang Tống dâng tê ngưu.

2. TRIỀU LÝ

Năm 1010: - Lý Nhậm Văn, Lê Tái Nghiêm sang báo tin Lý Công Uẩn lên ngôi
+ Sứ Tống sang phong là Giao Chỉ Quận Vương
Năm 1011: - Lý Nhân Mỹ, Đào Khánh Vân sang giao hảo
Năm 1012: Đào Thạc Phụ, Ngô Nhương sang giao hảo
Năm 1014: - Phùng Châm, Lý Thạc sang báo đánh thắng Hạc Xác, biếu 100 ngựa.
Năm 1018: - Nguyễn Đạo Thanh, Phạm Hạc sang xin kinh Tam Tạng.
Năm 1021: - Nguyễn Khoan Thái, Nguyễn Thủ Cường sang mừng Tống Nhân Tông lên ngôi.
Năm 1026: - Lý Trưng Hiếu, Lê Tái Nghiêm sang Tống giao hảo.
- Sứ nhà Lý sang báo tang Lý Thái Tổ.
Năm 1029: + Chương Dĩnh, Vương Duy Chính sang điếu Lý Thái Tổ, phong Lý Thái Tông là Giao Chỉ Quận Vương.
Năm 1030: - Lê ác Thuyên, Nguyễn Viết Thân sang đáp lễ.
Năm 1034: - Hà Thụ, Phùng Văn Khánh sang biếu 2 voi.
- Trần ứng Cơ sang biếu con kỳ lân
Năm 1036: - Đỗ Khoan sang Tống giao hảo.
Năm 1038: + Sứ nhà Tống sang phong Nam Bình Vương
Năm 1040: - Sư Dụng Hòa, Đỗ Hưng sang Tống giao hảo.
Năm 1042: - Đỗ Khánh, Lương Mậu Tài sang cống 5 voi.
Năm 1047: - Đỗ Văn Phú, Văn Xương sang Tống giao hảo
Năm 1055: - Sứ nhà Lý sang báo tang Lý Thái Tông.
+ Tô Yên Thế sang điếu Vua Lý Thái Tông phong

https://tieulun.hopto.org

Lý Thánh Tông là Giao Chỉ Quận Vương.

Năm 1057: - Mai Nguyên Thanh sang cống con kỳ lân.

Năm 1060: - Sứ nhà Lý sang họp ở Ung Châu.

Năm 1067: + Sứ Tống sang phong Lý Thánh Tông là Nam Bình Vương.

Năm 1068: - Sứ Lý sang tạ ơn.

Năm 1069: - Quách Sĩ An, Đào Xùng Nguyên báo tin đánh thắng Chiêm Thành.

Năm 1070: - Lý Kế Nguyên sang Tống giao hảo.

Năm 1073: - Lý Hoài Tổ sang Tống báo tang Lý Thánh Tông.
+ Sứ Tống sang viếng, phong Lý Nhân Tông là Giao Chỉ Quân Vương.

Năm 1077: - Kiều Văn ứng sang gặp Quách Quỳ xin giảng hòa.
- Lý Kế Nguyên sang cống.

Năm 1078: - Đào Tông Nguyên sang đòi trả đất Quảng Nguyên, biếu 5 voi.

Năm 1081: - Lương Dụng Luật, Nguyễn Văn Bổn xin kinh Phật, đòi đất Vật Dương.

Năm 1083: - Đào Tông Nguyên đến họp ở Vĩnh Bình chia địa giới.

Năm 1084: - Lê Văn Thịnh, Nguyễn Văn Bổi lên chia địa giới Vĩnh Bình.

Năm 1085: + Sứ Tống sang phong, báo Tống Triết Tông lên ngôi

Năm 1087: - Lê Chung, Đỗ Anh Bổi sang mừng Tống Triết Tông lên ngôi.
+ Sứ Tống sang phong vua Lý Nhân Tông là Nam Bình Vương.

Năm 1090: - Sứ Lý sang giao hảo.

Năm 1094: - Nguyễn Lợi Dụng sang Tống giao hảo

Năm 1098: - Nguyễn Văn Tín sang xin kinh Tam Tạng.

Năm 1101: + Sứ Tống sang phong vì Tống Huy Tông lên ngôi.

Năm 1102: - Đỗ Anh Hậu sang Tống giao hảo.

Năm 1106: - Ngụy Văn Tường sang xin mua sách.

Năm 1110: - Đào Ngạn sang giao hảo.

Năm 1114: - Đào Tín Hậu sang cống voi

Năm 1118: - Nguyễn Bá Độ, Lý Bảo Thần cống 1 tê trâng,

https://tieulun.hopto.org

1 tê đen, voi.

Năm 1119: + Sứ tống sang phong vì Tống Khâm Tông lên ngôi.

Năm 1122: - Đinh Khánh An, Viên Sĩ Minh cống voi.

Năm 1126: - Nghiêm Trường, Từ Diên sang Quế Châu phải trở về vì Tống bị nhà Kim đánh.

Năm 1128: - Sứ Lý sang báo tang Lý Nhân Tông và xin phong cho Lý Thần Tông.

Năm 1130: + Sứ Tống sang viếng Lý Nhân Tông, phong Lý Thần Tông là Giao Chỉ Quận Vương.
- Lý Phụng Ấu, Đoàn Anh Khảo sang đáp lễ.

Năm 1132: + Sứ Tống sang phong Lý Thần Tông là Nam Bình vương.

Năm 1138: - Sứ Lý sang báo tang Lý Thần Tông, xin phong cho Lý Anh tông.

Năm 1139: + Sứ Tống sang phong cho Lý Anh tông là Giao Chỉ Quận Vương.

Năm 1158: - Nguyễn Quốc sang giao hảo.

Năm 1161: - Sứ Lý sang cống voi.

Năm 1164: - Doãn Tử Tu sang Tống giao hảo.
+ Sứ Tống sang phong Lý Anh Tông là An Nam Quốc Vương (Tống sắp mất)

Năm 1168: + Sứ Tống sang, sứ Kim sang. Vua Lý tiếp cả hai, không cho gặp nhau

Năm 1172: - Doãn Tử Tu, Lý Bang Chính sang Tống biếu 15 voi.

3. TRIỀU TRẦN

Năm 1186: + Sứ Tống sang giao hảo.
- Lê Hòe Khanh sang đáp lễ.

Năm 1229: - Sứ Trần sang giao hảo.
+ Sứ Tống phong Trần Cảnh là An Nam Quốc Vương.

Năm 1257: + Sứ Nguyên 3 lần sang dụ vua Trần hàng.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1258: - Lê Phụ Trần, Chu Bác Lãm sang sứ nhà Nguyên.
+ Sứ Nguyên là Nột Lạt Đinh đòi cống vật, dụ vua Trần sang chầu.
Năm 1261: + Mạnh Giáp, Lý Tuấn sang cho vua Trần theo điển lệ cũ.
- Trần Phụng Công, Nguyễn Thâu sang Nguyên giao hảo.
Năm 1262: + Sứ Nguyên sang đòi cống nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói.
+ Nạp Tốc Lạt Đinh, Mạnh Giáp sang phong vua Trần An Nam Quốc Vương, đặt chức quan Đạt lỗ hoa xích.
+ Mã Hợp Bộ hạch vua Trần sang chúc mừng.
Năm 1263: - Phạm Cự Địa, Trần Kiều sang Nguyên giao hảo.
Năm 1266: + Nột Lạt Đinh sang dụ vua Trần
- Dương An Dưỡng, Vũ Hoàn sang giao hảo.
Năm 1267: + Sứ Nguyên đòi thực hiên theo 6 yêu cầu của vua Nguyên.
+ Sứ Nguyên đòi trả thương nhân Hồi Hột
Năm 1268: + Hốt Lung Hải Nha sang làm quan Đạt Lỗ Hoa Xích.
+ Trương Đình Trân sang đòi thương nhân Hồi Hột.
Năm 1269: - Lê Đà, Đinh Củng Viên sang Nguyên.
Năm 1271: + Sứ Nguyên đòi vua Trần sang chầu.
Năm 1272: + Sứ Nguyên đòi khám cột đồng
- Đồng Tử, Đỗ Dã Mục sang Nguyên.
Năm 1275: - Lê Khắc Phục, Lê Túy Kim sang Nguyên.
Năm 1276: - Đào Thế Quang sang Long Châu mua thuốc dò la tình hình Nguyên.
+ Hốt Lung Hải Nha sang đòi vua Trần thực hiện 6 yêu cầu.
- Chu Trọng Ngạn, Ngô Đức Thiện sang Nguyên.
+ Sài Thung sang gặp vua Trần
Năm 1278: - Trịnh Đình Toàn, Đỗ Quốc Kế sang Nguyên bị giữ lại.
Năm 1281: - Trần Di Ái (chú vua), Lê Mục, Lê Tuấn sang

https://tieulun.hopto.org

Nguyên.
+ Sài Thung đưa Trần Di Ái về nước
Năm 1283: - Hoàng Ư Linh, Nguyễn Chương sang Nguyên.
Năm 1284: - Trần Phu sang xin hoãn binh.
Năm 1288: - Đỗ Thiên Hứ sang Nguyên.
Năm 1289: + Lưu Đình Trực, Lý Tư Diễn sang Trần.
Năm 1290: - Ngô Đình sang Nguyên báo tang Trần Thánh Tông.
Năm 1291: + Trương Lập Đạo sang đòi vua Trần sang chầu.
- Nguyễn Đại Phạp sang từ chối.
Năm 1293: + Lương Tăng sang đòi vua Trần sang chầu.
- Đào Tử kỳ, Lương Văn Tảo sang cống bị giữ lại ở Giang Lăng.
Năm 1294: + Tiêu Thoái Đăng, Lý Khản sang tuyên bố bãi binh (lần 4).
Năm 1295: - Trần Khắc Dụng, Phạm Thảo giao hảo, xin kinh (cùng đi với Tiêu).
Năm 1298: - Đặng Nhữ Lâm đến Yên Kinh vẽ bản đồ.
Năm 1299: + Mã Hợp, Kiều Tôn Lượng sang trách việc Nhữ Lâm.
Năm 1307: - Lê Tống Nguyên, Bùi Mộc Đạc sang Nguyên giao hảo.
Năm 1309: - Mạc Đĩnh Chi sang Nguyên.
Năm 1319: + An Lỗ Uy sang báo tin vua Nguyên lên ngôi.
Năm 1312: + Nãi Má Phá sang Trần.
- Sứ Trần sang Nguyên
Năm 1314: + Sứ Nguyên sang đưa quốc thư.
- Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Mại sang giao hảo.
Năm 1321: - Sứ Trần sang mừng Nguyên Anh Tông lên ngôi.
Năm 1322: - Doãn Bang Hiến sang tranh luận về biên giới, đi đường ốm chết.
Năm 1324: + Mã Hợp Mưu, Dương Tông Thụy sang ban lịch.
Năm 1331: + Tân Chỉ Ngõa sang Trần báo tin vua Nguyên lên ngôi.
- Đoàn Tử Trình sang mừng.
Năm 1335: + Thiết Trụ sang Trần

https://tieulun.hopto.org

Năm 1345: + Vương Sĩ Hàn sang hỏi về cột đồng
- Phạm Sư Mạnh sang tranh biện về cột đồng.
Năm 1359: + Sứ Minh sang giao hảo.
- Lê Kính Phu sang dò tình hình.
Năm 1368: + Dịch Tế Dân sang báo tin Minh Thái Tổ lên ngôi.
- Đào Văn Đỉnh sang Minh chào mừng.
Năm 1369: + Ngưu Lượng, Trương Dĩ Ninh sang phong Vương cho Trần Dụ Tông.
Năm 1377: - Trần Đình Thân sang báo tang Trần Duệ Tông.
Năm 1385: + Sứ Minh đòi nộp 20 tăng nhân.
Năm 1386: + Sứ minh đòi cống các cây cau, mít, nhãn...
- Phạm Đình đem sản vật sang.
Năm 1387: + Lý Anh sang đòi 50 voi.
Năm 1388: + Sứ Minh là Đỗ Tử Hiền, Ô Lãn sang phong cho Trần Nghiễm (chết).
Năm 1395: + Nhân Hanh Thái sang đòi quân để dẹp phỉ.
Năm 1400: - Hồ Quý Ly sai sứ sang Minh.
Năm 1403: + Ô Tu sang Hồ.
+ Nguyễn Cán, Từ Cá sang dò la tình hình nhà Hồ.
Năm 1404: + Lý ỷ sang Hồ dò la tình hình (Phạm Quốc Tải đuổi giết không kịp).
Năm 1405: + Sứ Minh đòi cắt đất Châu Lộc. Phạm Hối Khanh trả 59 thôn Cổ Lâu.
+ Nguyễn Tông Đạo sang dọa đánh.
- Phạm Canh, Lưu Quang Đình sang xin giảng hoà
Năm 1406: - Trần Cung Túc, Mai Tú Phủ sang Minh xin giảng hòa, bị giữ lại.

4. TRIỀU LÊ - MẠC - LÊ TRUNG HƯNG

Năm 1427: - Lê Thiếu Dĩnh, Lê Cảnh Quang sang Minh cầu phong Trần Cảo làm An Nam quốc vương.
Năm 1428: + Lý Kỳ, La Nhữ Kính sang phong cho Trần Cảo
- Lê Quốc Khí, Phạm Thành sang Minh tạ ơn.
Năm 1429: + Lý Kỳ, Từ Vĩnh Dật sang đòi tìm con cháu họ Trần.
- Đào Công Soạn, Lê Đức Huy sang xin phong

https://tieulun.hopto.org

vương cho Lê Lợi

Năm 1430: - Lê Nhữ Lâm, Hà Lật sang cầu phong
+ Chương Xương, Từ Kỳ mang ấn sang phong cho Lê Lợi quyền thự An Nam Quốc Vương.

Năm 1431: - Nguyễn Văn Huyến, Nguyễn Tông Chi sang tạ ơn, cống vàng,
+ Từ Kỳ, Quách Tế sang đòi vàng cống.

Năm 1433: - Trần Thuấn Du, Nguyễn Khả Chi sang Minh cống.
- Lê Vi, Trình Châu sang báo tang Lê Thái Tổ

Năm 1434: - Nguyễn Phú, Phạm Thì Trung sang tâu về tù binh và số vàng cống
- Nguyễn Tông Trụ, Thái Quân Thực sang cầu phong cho Lê Thái Tông
- Quách Tế, Chu Bật sang điếu Lê Thái Tổ.
- Lê Bích, Phan Ninh sang tạ ơn

Năm 1435: + Chương Xưởng, Hầu Tấn sang phong Lê Thái Tông.
- Phan Tử Viết, Trình Nguyên Hy sang tạ ơn.
+ Chu Bật, Tạ Kính sang báo tang vua Minh.
- Nguyễn Văn Huyến, Lương Thiên Phúc sang mừng vua Minh lên ngôi.

Năm 1436: - Đào Công Soạn, Nguyễn Thúc Huệ sang Minh cầu phong vương cho Vua Lê Thái Tông.

Năm 1437: + Lý ức, Lý Hanh sang phong vương cho Vua Lê, ban ấn vàng 100 lạng.
+ Trại Cương Lạt, sứ Chiêm sang cống Vua Lê.
- Thái Minh, Hà Phủ sang cảm ơn.

Năm 1438: - Nguyễn Đình Lịch, Trình Hiến sang Minh nộp cống.
+ Thang Đỉnh, Cao Dân sang nói về việc địa phương.
- Lê Bá Kỳ, Bùi Cầm Hổ sang Minh về việc tỉnh Thái Bình (Trung Quốc).

Năm 1441: - Nguyễn Nhật, Nguyễn Hữu Quang sang Minh nộp cống.

Năm 1442: - Nguyễn Thúc Huệ, Đỗ Thi Việp sang tạ ơn vua Minh ban mũ áo.

https://tieulun.hopto.org

- Triệu Thái sang về vấn đề châu Khâm
- Nguyễn Đình Lịch, Phạm Du sang báo tang Lê Thái Tông.
- Lê Truyền, Nguyễn Văn Kiệt sang xin phong vương cho Lê Nhân.
+ Trình Cảnh sang tế Lê Thái Tông.
+ Tống Kiệt, Tiết Khiêm sang phong Vương cho Lê Nhân Tông.
- Trình Dụng, Trình Thanh sang Minh tạ ơn.

Năm 1444: - Đào Công Soạn, Lê Quát sang nộp cống.
- Nguyễn Lan sang về vấn đề châu Khâm

Năm 1446: - Nguyễn Thúc Huệ, Nguyễn Đình Mỹ sang về vấn đề Long Châu.
- Nguyễn Tông Nhân, Trịnh Hoằng Nghi sang báo việc Chiêm thành.

Năm 1447: - Hà Phủ, Đinh Lan sang nộp cống, bàn việc châu Khâm.
- Trình Ngư sang về vấn đề Long Châu.

Năm 1448: + Sứ Bồn Man đến cống sừng tê, vàng bạc, voi 3 ngà.
+ Sứ Chiêm Thành cống sản vật, không nhận.

Năm 1449: + Sứ Chiêm Thành sang về việc vua Chiêm bị giết.

Năm 1450: - Hà Lật, Nguyễn Như Đổ sang nộp cống.

Năm 1451: + Biên Vinh, Trình Huệ sang báo tin Vua Minh lên ngôi, cho vóc, lụa.
- Trình Châu, Nguyễn Đình Mỹ sang mừng Vua Minh.

Năm 1452: + Trần Kim, Quách Trung Nam sang báo tin lập Hoàng thái tử.
- Phạm Du, Nguyễn Bá Ký sang mừng.

Năm 1453: - Nguyễn Nguyên Kiêm, Nguyễn Thà sang nộp cống.

Năm 1456: - Lê Văn Lão, Nguyễn Đình Mỹ sang nộp cống, tạ ơn ban áo.

Năm 1457: + Hoàng Giám, Châu Doãn Long sang báo tin Minh Anh Tông lên ngôi.
- Lê Hy Cát, Trịnh Thiết Trường sang mừng.

Năm 1459: - Lê Cảnh Huy, Nguyễn Như Đổ sang nộp cống, xin bỏ lệ mò ngọc trai.

https://tieulun.hopto.org

- Trần Phong, Lương Như Hộc sang cầu phong cho Vua Lê Nghi Dân.

Năm 1460: - Đinh Lan, Nguyễn Phục sang cáo tang Lê Nghi Dân.

- Nguyễn Nhật Thăng, Phạm Duy Trinh sang cầu phong cho Lê Thánh Tông.

Năm 1462: + Lưu Trật sang tế Lê Nhân Tông.

+ Tiền Phổ, Vương Dự sang phong Vương

+ Sài Thăng, Trương Tuấn sang mua hương liệu

- Lê Công Lộ, Trần Bảng sang tạ ơn.

- Lê Văn Hiện, Hoàng Văn Ngọ sang nộp cống và xin ban mũ áo.

Năm 1464: + Tô Lăng Tín, Thiệu Châu sang báo tin Minh Hiến Tông lên ngôi.

- Phạm Bá Khuê, Lê Hữu Thực sang mừng Vua Minh. Lê Tông Vinh, Phạm Cư sang tạ ơn cho vóc lụa

Năm 1465: - Đào Tuấn, Đào Chính Ký sang nộp cống.

- Nguyễn Sĩ Hưng sang về việc châu Bảo Lạc bị cướp.

Năm 1467: - Dương Văn Đàm, Phạm Giám sang nộp cống.

+ Sứ Chiêm Thành sang nộp cống.

+ Sứ Trảo Oa đến ra mắt, giao hảo.

Năm 1470: - Nguyễn Đình Mỹ, Quách Đình Bảo sang về việc Chiêm Thành.

Năm 1471: - Bùi Viết Lương, Nguyễn Lãm sang nộp cống

- Nguyễn Đức Trinh, Phạm Mục sang tâu về việc đánh Chiêm Thành

+ Sứ Ai Lao ra mắt.

Năm 1474: - Lê Hoằng Dực, nguyễn Đôn Phục sang nộp cống.

- Nghiên Nhân Thọ, Nguyễn Đình Mỹ sang về việc Chiêm Thành.

Năm 1476: + Nhạc Chương, Trương Đình Cương sang báo tin lập Hoàng thái tử.

- Bùi Sơn, Vương Khắc Thuật sang mừng, tạ ơn.

Năm 1477: - Trần Trung Lập, Lê Ngạn Tuấn sang nộp cống.

Năm 1480: - Nguyễn Văn Chất, Doãn Thành Tuấn sang nộp cống.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1483: - Lê Đức Khánh, Nguyễn Trung sang nộp cống.

Năm 1486: - Lê Năng Nhượng, Phạm Phúc Chiêu sang nộp cống.

Năm 1488: + Lưu Tiễn, Lã Hiến sang báo Minh Hiển Tông lên ngôi

- Đàm Văn Lễ, Vương Khắc Thuật sang mừng.

Năm 1489: - Nguyễn Khắc Cung, Bùi Xương Trạch sang nộp cống.

Năm 1492: - Lê Du, Bùi Sùng Đạo sang nộp cống

- Khổng Ngu sang Minh về việc người Tàu sang buôn.

+ Thẩm Phụng, Đồng Chấn sang báo tin lập Hoàng thái tử.

Năm 1493: - Nguyễn Hoàng Thạc, Lê Trung sang tạ ơn.

Năm 1495: - Lê Hán Đỉnh, Vũ Dương sang nộp cống.

- Lê Tuấn Ngạn, Nguyễn Xao sang về việc đường trạm.

Năm 1497: - Phạm Hưng Văn, Nguyễn Đức Thuận sang báo tin Lê Thánh Tông chết.

- Phan Tông, Phạm Khắc Thuần sang cầu phong.

Năm 1498: - Nguyễn Quan Hiền, Phạm Thịnh sang nộp cống.

Năm 1499: + Từ Ngọc sang viếng Lê Thánh Tông.

+ Lương Chư, Vương Chấn sang phong Vương cho Lê Hiến Tông.

- Lê Năng Nhượng, Trịnh Công Đán lên Lạng Sơn đón.

Năm 1500: - Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Nho Tông sang tạ ơn.

Năm 1501: - Nguyễn úc, Đinh Cương sang nộp cống.

Năm 1502: - Quách Hữu Nghiêm, Nguyễn Bỉnh Hòa sang tạ ơn.

Năm 1503: - Đặng Tám, Khuất Quỳnh Cửu, sang nộp cống.

- Nguyễn Lân, Nguyễn Kính Nghiêm sang báo tang Lê Hiến Tông.

- Nguyễn Bảo Khuê, Trần Viết Lương sang cầu phong cho Lê Túc Tông.

Năm 1507: + Hà Lô sang viếng Lê Hiến Tông.

+ Thẩm Đào, Hứa Thiên Tích sang phong cho Lê Uy Mục.

https://tieulun.hopto.org

+ Tăng Lộc, Trương Hoàng Chi sang báo tin Minh Vũ Tông lên ngôi.

- Dương Trực Nguyên, Chu Tống Văn... sang sứ Minh.

Năm 1510: - Đàm Thuận Huy, Nguyễn Thái sang cầu phong cho Lê Tương Dực.

Năm 1510: - Đỗ Ký Khiêm, Nguyễn Bỉnh Hòa sang nộp cống.

Năm 1513: + Trạm Nhược Thủy, Phạm Hy Tăng sang phong vương cho Lê Tương Dực.

- Nguyễn Trọng Quỳ, Hứa Tam Tỉnh sang nộp cống.

Năm 1538: - Vua Mạc sai Nguyễn Văn Thái sang dâng biểu đầu hàng, cắt đất.

Năm 1540: - Mạc Văn Minh, Nguyễn Văn Thái sang dâng biểu đầu hàng.

Năm 1542: - Mạc Phúc Hải lên Lạng Sơn nhận sắc phong cho Mạc Đăng Dung.

- Nguyễn Điền Kính, Nguyễn Công Nghi sang tạ ơn, nộp cống.

Năm 1543: - Nhà Mạc sai sứ sang cống.

Năm 1548: - Lê Quan Bí sang cống bị giữ lại 18 năm.

Năm 1564: + Sứ Ai Lao sang cống sản vật, 4 voi đực.

Năm 1566: - Giáp Hải, Phạm Duy Quyết lên Lạng Sơn đón Lê Quang Bí về nước.

Năm 1580: - Lương Phùng Thần, Nguyễn Nhân An sang cống Minh.

Năm 1584: - Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Năng Nhuận sang nộp cống xin đổi lệ cống 6 năm 1 lần.

Năm 1596: - Đỗ Uông, Nguyễn Văn Giai lên Lạng Sơn bàn xin phong vương cho vua Lê Thế Tông (Lê trung hưng).

- Phùng Khắc Khoan, Lê Ngạnh đem một số kỳ lão lên Lạng Sơn cho nhà Minh kiểm tra con cháu vua Lê còn không.

+ Sứ nhà Minh đến gặp và khám.

- Lê Thế Tông lên Lạng Sơn chờ khám, quan Minh không đến phải về.

- Đỗ Uông, Trịnh Vĩnh Lộc lại lên Lạng Sơn.

+ Vương Kiến Lập đòi lễ cống và hội khám

https://tieulun.hopto.org

Năm 1597: - Đỗ Uông, Nguyễn Văn Giai lên Lạng Sơn, bị Mạc đánh úp, chạy trốn.
- Lê Thế Tông, Hoàng Đình ái, Nguyễn Hoàng qua cửa Nam Quan gặp Trần Đôn Lâm để khám.
- Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiện sang Yên Kinh cầu phong.
+ Vương Kiến Lập sang phong cho Lê Thế Tông (cùng đi với Phùng Khắc Khoan).

Năm 1606: - Lê Bật Tứ, Nguyễn Dụng sang tạ ơn.
- Ngô Trí Hóa, Nguyễn Thực sang nộp cống.

Năm 1613: - Lưu Đình Chất, Nguyễn Đăng sang nộp cống.

Năm 1620: - Nguyễn Thế Tiêu, Nguyễn Cung sang nộp cống.

Năm 1626: - Nguyễn Tiến Dụng, Trần Vi hai sứ bộ cống cho 2 kỳ.

Năm 1630: + Hai sứ bộ Minh sang đòi lễ cống.
- Trần Hữu Lễ, Dương Trí Trạch sang nộp cống.

Năm 1637: - Nguyễn Duy Hiển, Giang Văn Minh sang cống.

Năm 1646: - Nguyễn Nhân Chính, Phạm Vĩnh Miêu sang cầu phong cho Lê Chân Tông.

Năm 1647: + Phan Kỳ, Lý Dụng Tiếp sang phong vương (đi theo Nhân Chính)

Năm 1651: + Sứ Minh sang phong chúa Trịnh làm An Nam Phó Vuốc Vương.

Năm 1663: - Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Danh Thực lên Lạng Sơn nhận sắc nhà Thanh.
- Lê Hiệu, Dương Hạo sang cống, tạ ơn, báo tang

Năm 1664: + Ngô Quang, Chú, Chí Viễn sang tế Lê Thần Tông.

Năm 1666: + Phạm Thành Công, Mã Văn Bích đến Lạng Sơn giao giặc biển.
- Bùi Đình Viện, Đào Công lên nhận.

Năm 1667: + Trình Phương Triều, Trương Dịch Bí sang phong Lê Huyền Tông.
- Nguyễn Quốc Khôi, Nguyễn Công Bích sang tạ ơn.
- Nguyễn Nhận, Trịnh Thì Tế sang cống nhà Thanh.

Năm 1673: - Nguyễn Mậu Tài, Hồ Sĩ Dương sang cống, báo tang Lê Huyền Tông.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1682: - Nhân Toàn, Đặng Công Chất sang nộp cống.
Năm 1683: + Ô Hắc, Chu Xán viếng và phong vương.
- Tống Nho, Vũ Duy Khuông lên Lạng Sơn đón.
Năm 1685: - Nguyễn Đình Cần, Hoàng Công Tứ sang cống.
Năm 1690: - Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức sang cống.
Năm 1697: - Nguyễn Đăng Đạ, Nguyễn Thế Bá sang cống
Năm 1702: - Hà Tông Mục, Nguyễn Dương Bao sang cống.
Năm 1709: - Trần Đình Giản, Lê Khả Tông sang cống.
Năm 1715: - Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn sang cống.
Năm 1718: - Nguyễn Mậu áng sang cống Thanh.
Năm 1721: - Hồ Phi Tích, Tô Thế Huy sang cống .
Năm 1726: - Phạm Khiêm Ích sang cống Thanh.
Năm 1729: - Đinh Phụ Ích, Đoàn Bá Dung sang cống Thanh.
Năm 1741: - Nguyễn Kiều, Nguyễn Tông Quai sang cống Thanh.
Năm 1747: - Nguyễn Tông Quai, Nguyễn thế Lạp sang cống Thanh
Năm 1753: - Vũ Khâm Lạn, Đào Xuân Hương sang cống Thanh.
Năm 1760: - Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn sang cống Thanh
Năm 1761: + Đức Bảo, Cổ Nhữ Tu sang Thăng Long.
Năm 1765: - Nguyễn Huy Oánh, Lê Doãn Thân sang cống Thanh.
Năm 1771: - Nguyễn Thục, Nguyễn Huy Đỉnh sang cống Thanh.
Năm 1777: - Phan Tuấn, Ngô Hi Chỉ sang cống Thanh.
Năm 1783: - Hoàng Bình Chính, Lê Hữu Dung sang cống Thanh.

5. TRIỀU TÂY SƠN

Năm 1789: - Nguyễn Quang Hiển, Võ Huy Tấn sang Yên Kinh.
Năm 1790: - Giả vương Quang Trung, Ngô Văn Sở, Phan Huy ích sang Yên Kinh mừng thọ vua Càn Long 80 tuổi
Năm 1792: - Trần Quang Diệu dâng biểu cầu hôn, đòi đất Lưỡng Quảng.
Năm 1793: - Ngô Thì Nhậm sang báo tang Quang Trung và cầu phong cho Cảnh Thịnh.

https://tieulun.hopto.org

6. TRIỀU NGUYỄN

Năm 1802: - Trịnh Hoài Đức đi sứ
- Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh đi sứ cầu phong vương cho Gia Long và đặt tên nước là Việt Nam.

Năm 1804: + Tế Bố Sâm sang phong vương cho Gia Long

Năm 1807: - Vũ Trinh, Ngô Nhân Tĩnh sang nộp cống

Năm 1809: - Nguyễn Hữu Thuận, Ngô Thì Vị sang cống.

Năm 1813: - Nguyễn Du sang nộp cống.

Năm 1817: - Phan Huy Thực sang nộp cống.

Năm 1820: - Ngô Thì Vị đi sứ. (Thay Nguyễn Du chết) ốm chết ở Nam Ninh.
+ Đoàn Cung Thi sang phong vương cho Minh Mệnh.

Năm 1825: - Phan Huy Chú sang nộp cống.

Năm 1831: - Phan Huy Chú đi sứ nộp cống.

Năm 1841: - Lý Văn Phúc sang báo tang Minh Mệnh
+ Bảo Thanh đến phong vương cho Thiệu Trị ở Hà Nội.

Năm 1846: - Nguyễn Thu sang cống Thanh.

Năm 1847: - Bùi Ngọc Quỳ sang Huế phong vương cho Tự Đức.
+ Từ Sùng Quang sang báo tang vua Thiệu Trị và xin phong vương cho Tự Đức.

Năm 1849: - Nguyễn Giản, Nguyễn Văn Siêu sang cống Thanh. Ba năm một lần vua Tự Đức cử sứ bộ sang nộp cống triều Thanh.

Năm 1880: - Nguyễn Thuật sang Thanh lần cống cuối cùng.

7. VỚI CÁC NƯỚC PHƯƠNG TÂY

Năm 1840: - Tôn Thất Thường sang Pháp, Anh thăm dò tình hình.

Năm 1862: - Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp vào Gia Định ký hòa ước.

Năm 1863: +Bonard được Tự Đức tiếp phê chuẩn Hòa ước 1862.
- Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ sang Pháp

https://tieulun.hopto.org

điều đình chuộc 3 tỉnh.

Năm 1874: - Lê Tuấn, Nguyễn Văn Tường vào Gia Định ký Hòa ước 1874.

Năm 1875: + Brossard de Corbigny đến Huế phê chuẩn Hòa ước 1874.

Năm 1883: - Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp ký hòa ước 1883.

+ Harmand đến Huế ký Hòa ước.

Năm 1884: + Patenôtre đến Huế ký Hòa ước 1884.

Nước Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, mất hết chủ quyền độc lập, triều đình chỉ là bù nhìn, mọi việc bang giao đều do thực dân pháp quyết định, không còn các sứ bộ ngoại giao nữa.

Bản danh sách này được lập dựa theo *Đại Việt sử ký toàn thư* đến 1765 và từ 1765 theo *Việt sử Thông giám cương mục.*

https://tieulun.hopto.org

TRÍCH GIỚI THIỆU MỘT SỐ CÔNG VĂN CỦA TÂY SƠN CHO CÁC QUAN VỀ VIỆC ĐÓN TIẾP SỨ BỘ LÀO

(Dịch từ nguyên bản Hán)

Các quan Ngũ Phủ Liêu.

Truyền cho:

- Quan trấn thủ Nghệ An kiêm châu Bố Chính, kiêm Đốc suất xứ Trấn Ninh là Quán Quận công Văn Đình Ức.

- Quan Đốc thị, Hữu thị lang Bộ Lễ là Do Lĩnh hầu Trần Danh Lâm, được biết:

Kỳ này có việc Lạc Hoàn về cống voi và phương vật, Phủ Liêu đã cho đệ đến giới cận Nghệ An. Các quan trấn Nghệ An được ủy quyền tiếp nhận và đệ về kinh. Các ngài liệu cử lính của trấn hộ tống một Chánh sai, một Phó sai, thông sự một người, tùy tùng hai người dẫn về kinh đô, còn những người khác thì liệu cung cấp lương thực để họ trở về. Nay truyền.

- Lại sai Triệu Trung Bá cũng liệu sai lính đệ tiến về kinh nộp luôn thể.

Cảnh Hưng năm thứ 20 tháng 6 này 29 (21/7/1759).

(Dịch từ nguyên bản Hán)

Phụng sao

Các quan chức Ngũ phủ Phủ Liêu.

Truyền cho ngài Nguyễn Thưởng, Tham lĩnh xứ Nghệ An:

Kỳ này sứ bộ Lạc Hoàn về tiến cống, Chánh sứ là Châu Mường Khoa, Phó sứ là Châu Xà Niết, tùy sai là Nam Ta Xéng Vô La Đam và 28 người tùy tùng mang cống vật đến đồn Quy Hợp xin cho được về kinh bái tạ.

Chuẩn định: Voi đực 5 con giao cho mục trường Lạc Xuyên nuôi dưỡng. Còn 4 chiếc sừng tê giác và 4 súc vóc màu thì về kinh tiến nộp. Chánh, Phó sứ và các người tùy tùng thì tạm lưu lại Quy Hợp đợi lệnh.

https://tieulun.hopto.org

Yêu cầu Quan Kiều Nhạc hầu và ngài Khánh Xuyên bá cử quan và lính hộ tống 4 vị Chánh Phó sứ và 10 người tùy tùng về kinh bái tạ. Các ông cứ theo lệ chuẩn cấp, giúp đỡ chu đáo cho sứ bộ và cung kính đối đãi như sứ bộ một xứ xưa nay là phên dậu của đất nước.

Các con voi thì quan Tham lĩnh sai quân lính cho đệ về kinh để họ cúng tiến, 14 người tạm lưu lại Quy Hợp thì quan Tham lĩnh trích tiền công chu cấp lương thực cho họ đợi tiến cống xong thì hộ tống về một thể.

- Chánh sứ, Phó chánh sứ cộng hai người: cấp cho mỗi vị 8 tên phu, và khẩu lương mỗi vị một ngày 1 tiền cổ tiền, gạo 2 quan bát.

- Tùy sai 2 người, cấp cho mỗi người 6 tên phu, khẩu lương mỗi người một ngày là1 tiền sử tiền, gạo 1 quan bát.

- Tùy tùng 10 người cấp mỗi người 1 tên phu, khẩu lương mỗi người một ngày là 24 đồng tiền cổ, gạo 1 quan bát.

Số lượng tiền kể trên sẽ được cấp tại các trạm dịch dọc đường kể từ Quy Hợp, qua các huyện Hương Sơn, La Sơn, Nam Đường, Đông Thành, Quỳnh Lưu. Các tên phu đi phục vụ sứ bộ phải chọn người khỏe nhất, đi qua huyện nào thì huyện ấy phải chuẩn cấp, tốn phí hết bao nhiêu thì trích công tiền để chi theo lệ các trạm luân dịch.

- Năm con voi đực thì ủy cho quản tượng trại voi Lạc Xuyên là Nhạc Võ điều quan và lính của trấn đệ về kinh, cỏ cho voi ăn dọc đường thì do quân lính cung cấp, không được bắt dân xã cung cấp, nếu sinh sự nhiễu dân thì bị xử tội.

Khi các vị Chánh Phó sứ và người tùy tùng đến giới phận Thanh Hoa thì các ông tin trước cho trấn Thanh Hoa sai quân lính hộ tống tiếp.

Năm con voi cũng báo cho Thanh Hoa cử quân lính đệ tiếp về kinh. Còn quản tượng 5 người thì cho đi về đến kinh, khẩu lương trích tiền công cung cấp cho đầy đủ, tiêu chuẩn ngang với các vị tùy sai trong sứ bộ Lạc Hoàn.

Tốn phí mọi khoản hết bao nhiêu yêu cầu các cấp kê khai rõ để Phủ Liêu tiện tra cứu.

Cảnh Hưng năm thứ 37 tháng 2 ngày 26 (14/4/1776).

https://tieulun.hopto.org

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *An Nam chí lược* - Lê Trác. Viện đại học Huế xuất bản 1961.
2. *Bang giao hảo thoại* - Ngô Thì Nhậm. Viện nghiên cứu Hán Nôm.
3. *Bắc sứ thông lục* - Lê Quý Đôn. Thư viện quốc gia Hà Nội.
4. *Chúa Trịnh, vị trí và vai trò lịch sử* - Nxb Thanh Hóa 1996
5. *Chuyện cũ cố đô* - Nguyễn Đắc Xuân - Hội văn nghệ Bình Trị Thiên xuất bản 1987
6. *Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông* - Hà Văn Tấn, Phạm thị Tâm. Nxb KHXH 1965.
7. *Đại Nam liệt truyện* 4 tập - Nxb Thuận Hóa 1993
8. *Đại Nam thực lục* 36 tập - Nxb KHXH 1975
9. *Đại Việt sử ký toàn thư* - Ngô Sĩ Liên, 4 tập. Nxb KHXH 1973.
10. *Đại việt thông sử* - Lê Quý Đôn, 4 tập. Nxb KHXH 1978
11. *Giai thoại văn học* - Hoàng Ngọc Phách, Kiều Thu Hoạch. Nxb Văn học 1986.
12. *Kiến văn tiểu lục* - Lê Quý Đôn. Nxb KHXH 1977.
13. *Kho tàng về các truyện Trạng Việt Nam* - Vũ Ngọc Khánh. Nxb VH - TT 1994.
14. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* - 3 tập. Nxb Giáo dục 1998.
15. *Lịch triều hiến chương loại chí* - Phan Huy Chú, 3 tập. Nxb KHXH 1975.
16. *Lịch triều tạp kỷ* - Ngô Cao Lãng, 2 tập. Nxb KHXH 1992.
17. *Lưỡng quốc trạng nguyên* - Nguyễn Đăng Đạo, Nguyễn Thị Huế. Sở VH - TT Hà Bắc.
18. *Nam Hải dị nhân* - Phan Kế Bính. Nxb Đồng Tháp 1994
19. *Ngô Thì Nhậm, con người và sự nghiệp* - Văn Tân chủ biên. Nxb Hà Tây 1974
20. *Người Việt Nam ở Triều Tiên* - Hội Khoa học lịch sử xuất bản 1997.
21. *Những người bạn cố đô Huế từ 1914 đến 1919* - Nxb Thuận Hóa 1997.
22. *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* -

https://tieuluan.hopto.org

Yoshiharu Tsuboi. Nxb Trẻ thành phố Hồ Chí Minh . 1997
23. *Phạm Hy Lượng, cuộc đời và thơ văn* - Nxb VH-TT 1997
24. *Phạm Phú Thứ và tư tưởng cách tân* - Nxb Đà Nẵng. 1995
25. *Phan Huy ích, cuộc đời và văn thơ* - Vũ Khiêu chủ biên. Nxb KHXH 1978
26. *Phùng Khắc Khoan, cuộc đời và thơ văn* - Trần Lê Sáng. Nxb Hà Nội 1985.
27. *Phụng sứ yên đài tổng ca* - Nguyễn Huy Oánh. Viện nghiên cứu Hán Nôm.
28. *Quang Trung, anh hùng dân tộc* - Hoa Bằng, Hoàng Thúc Trâm. Nxb VH-TT 1998
29. *Quân trung từ mệnh tập* - Nguyễn Trãi. Nxb Văn sử địa 1961.
30. *Sứ thần Việt Nam* - Nguyễn Thị Thảo... Nxb Văn hoá - TT 1996
31. *Thơ đi sứ - Phạm Thiều*, Đào Phương Bình chủ biên. Nxb KHXH 1993
32. *Việt sử lược* - NXB thành phố Hồ Chí Minh 1993
33. *Việt nam sử lược* - Trần Trọng Kim- NXB - VHTT 1999
34. *Việt sử thông giám cương mục*, 4 tập - Nxb Văn sử địa 1958.
35. *Yên đài anh thoại* - Bùi Quỹ. Viện nghiên cứu Hán Nôm

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Lời nói đầu: 5

CHƯƠNG I: MẤY NÉT CHUNG

1. Mấy nét chung 9
2. Việc xin phong vương của các triều đại phong kiến Việt Nam 18
3. Nghi thức phong vương 25
4. Nghi thức đón tiếp sứ thần phương Bắc 30
5. Việc cử sứ thần đi cống Bắc triều 37
6. Đồ cống Bắc triều và lệ cống người vàng. 43
7. Khen thưởng và kỷ luật đối với sứ thần. 46
8. Đấu tranh không cho gọi nước Nam là "Man di" 47
9. Việc giám sát các sứ thần nước ngoài. 48

CHƯƠNG II: VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI ĐINH, TIỀN LÊ, LÝ

1 Việc đi sứ, tiếp sứ thời Đinh 53
2 Sứ thần Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ mang thư xin nhà Tống hoãn binh. 54
3 Vua Lê Đại Hành không lạy khi nhận chế văn của vua Tống 57
4 Vua Lê Đại Hành tiếp sứ thần nhà Tống là Lý Nhược Chuyết và Lý Giác. 59
5 Đỗ Pháp Thuận: nhà sư, nhà sứ, nhà thơ 60
6 Vua Lê Đại Hành nhận sắc phong và đai ngọc của vua Tống. 62
7 Sứ thần Minh Sưởng sang Tống xin sách và kinh Phật. 65
8 Việc đi sứ sang Tống của nhà Lý. 66
9 Sứ thần Mai Nguyên Thanh mang cống vua Tống con kỳ lân. 69

https://tieulun.hopto.org

10	Sứ thần Lê Thuận Tông đòi lại châu Lôi Hỏa	69
11	Sứ thần Kiều Văn Ứng sang dinh Quách Quỳ bàn giảng hòa.	70
12	Biểu dâng vua Tống viết phạm húy, Sứ thần Lý Kế Nguyên phải trở về.	72
13	Sứ thần Đào Tông Nguyên đòi đất Quảng Nguyên	74
14	Việc đón tiếp Sứ bộ Đào Tông Nguyên lần thứ nhất năm 1078.	76
15	Sứ thần Đại Việt trao trả tù binh cho Vua Tống.	77
16	Một sứ bộ gồm tới 156 người.	78
17	Sứ bộ Đào Tông Nguyên đi lần 2, đòi động Vật Dương, Vật Ác.	79
18	Sứ thần Lê Văn Thịnh dùng lý lẽ đòi động Vật Dương, Vật Ác năm 1084.	80
19	Vua Lý cử sứ thần 6 lần đi đòi đất Vật Dương, Vật Ác.	82
20	Sứ thần nhà Lý phải đem đồ cống về.	86

CHƯƠNG III: VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI TRẦN

1	Việc đi sứ, tiếp sứ đầu đời Trần.	91
2	Các vua Trần không chịu lạy khi nhận chiếu thư của vua Mông Cổ.	96
3	Không chịu tiến cống đầy đủ và đúng hạn.	100
4	Vua Trần vô hiệu hóa tên quan Đạt Lỗ Hoa Xích.	101
5	Mười lần, các vua Trần không sang chầu Hốt Tất Liệt.	103
6	Sứ Nguyên lo sợ khi đi sứ Đại Việt.	113
7	Vua Trần từ chối việc giúp Mông Cổ đánh Chiêm Thành.	114
8	Đỗ Khắc Chung đối đáp với Ô Mã Nhi	115
9	Vua Trần trả lời Hốt Tất Liệt về vấn đề tù binh Mông Cổ và Ô Mã Nhi.	117
10	Vua Trần Thái Tông làm thơ tiễn sứ Trương Hiển Khanh	122
11	Vua Trần Nhân Tông làm thơ tiễn sứ nhà Nguyên.	123
12	Trần Quang Khải làm thơ tiễn Sài Nghiêm Khanh	124

https://tieulun.hopto.org

13	Trần Nhật Duật tiếp các sứ thần không cần phiên dịch	125
14	Sứ nhà Nguyên hỏi mốc giới cột đồng Mã Viện.	130
15	Sứ thần Nguyễn Đại Pháp: "Ta nay là sứ thần của một nước"	131
16	Sứ thần nhà Trần là Đặng Nhữ Lâm làm tình báo.	133
17	Một sự kiện ngoại giao hiếm có đời Trần.	134
18	Vua Trần trả lời về việc đánh châu Quy Thuận và Dưỡng Lợi	135
19	Trạng nguyên Nguyễn Hiền giải thơ đố của sứ Tàu.	136
20	Sứ thần Đoàn Như Hài không lạy vua Chiêm.	137
21	Sứ thần phương Bắc khen vua nước Nam	138
22	Nguyễn Trung Ngạn bắt Mã Hợp Mưu phải xuống ngựa.	139
23	Vua Trần Minh Tông làm thơ tiễn sứ Mã Hợp Mưu.	142
24	Phạm Sư Mạnh họa thơ với sứ nhà Minh là Dư Quý.	142
25	Vua Trần Nghệ Tông làm thơ tiễn sứ Ngưu Lượng.	146
26	Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi hai lần đi sứ.	146
	- Câu đối qua cửa ải.	147
	- Chim sẻ đậu cành trúc.	147
	- Lưỡng quốc trạng nguyên.	148
	- Phương Nam mạnh hay phương Bắc mạnh	149
	- Chim Chích, ếch ộp	150
	- Câu đối ghép tên người.	151
	- Thử tài văn tự của Mạc Đĩnh Chi	151
	- Trăng là cung sao là đạn.	152
	- Mạc Đĩnh Chi đọc văn tế.	153
	- Mạc Đĩnh Chi thắng trạng cờ Trung Hoa	154
	- Mạc Đĩnh Chi giữ tình hòa hảo.	155
	- Thử tài lần cuối.	155
27	Sứ thần nhà Minh sang phong vương Trần Dụ Tông và viếng Trần Dụ tông.	157
28	Sứ thần Trần Đình Thám không làm nhục mệnh vua.	159
29	Sứ thần Hồ Tông Thốc chê Hạng Võ, chữa thơ Vương Bột	160
30	Sứ thần nhà Minh sách nhiễu, làm tình báo chuẩn bị xâm lăng.	163
31	Vua Minh Thành Tổ giết sứ thần nhà Trần.	166

https://tieulun.hopto.org

32 Vua Trần Trùng Quang giết Chánh sứ Hồ Ngạn Thần sau khi đi sứ về. 167
33 Nguyễn Biểu đi sứ ăn cỗ đầu người, bị tướng nhà Minh giết chết. 168

CHƯƠNG IV: VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI LÊ, MẠC, LÊ TRUNG HƯNG

1 Việc cầu phong vương của Vua Lê Thái Tổ. 173
2 Sứ thần Lê Thiếu Dĩnh dâng biểu cầu phong cho Trần Cảo 173
3 Sứ bộ Lê Thiếu Dĩnh dâng biểu trần tình và tiến cống 176
4 Sứ thần Hà Lật dâng tờ tâu về con cháu họ Trần. 178
5 Sứ thần nhà Minh vẫn đòi tìm con cháu nhà Trần. 179
6 Sứ thần Đỗ Như Hùng sang Yên Kinh tìm con gái Vua Lê Thái Tổ 180
7 Sứ thần nhà Minh tham lam, buôn bán, 181
8 Sứ thần đầu tiên Triều Lê cũng tranh thủ buôn bán. 182
9 Sứ thần Thái Quận Thực và Nguyễn Tông Trụ đánh nhau vỡ mặt ở Bắc Kinh 183
10 Sứ thần Chiêm thành biện bạch không nhận tội 185
11 Trạng nguyên Lương Thế Vinh tiếp sứ nhà Minh 186
- Cân voi. 186
- Đo tờ giấy mỏng. 187
12 Trạng nguyên Nguyễn Trực và bảng nhãn Trịnh Thiết Trường đi sứ Trung Hoa. 187
13 Sứ thần nhà Minh là Tiền Phổ bắt bẻ nghi thức đón tiếp và phong vương 189
14 Vũ Huyến giúp vua đánh cờ thắng sứ Trung Hoa. 201
15 Chánh sứ Quách Hữu Nghiêm làm bài văn, được Vua Minh thưởng áo. 202
16 Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ: "Trạng Chiếu" 204
17 Sứ bộ Mạc Văn Minh dâng biểu xin cầu hòa năm 1540. 205

https://tieulun.hopto.org

18	Phó sứ Trần Lư học nghề vẽ sơn.	209
19	Tiếp đón sứ thần ngày xưa phải biết làm thơ họa.	210
20	Trạng nguyên Giáp Hải họa lại bài thơ của Mao Bá Ôn.	211
21	Vua Lê Trang Tông sai Trịnh Duy Liễu vượt biển cầu cứu nhà Minh.	212
22	Sứ thần Giang Văn Minh đối lại câu đối.	213
23	Chánh sứ Phùng Khắc Khoan đi sứ lúc 70 tuổi.	214
	1 - Bỏ lệ cống người vàng cúi mặt	220
	2 - Phùng Khắc Khoan đoán chữ của sứ thần nhà Minh.	221
	3 - Chánh sứ Phùng Khắc Khoan đem về nước hạt giống ngô và nghề dệt lượt.	221
	4 - Chánh sứ Phùng Khắc Khoan giao hảo với sứ thần Triều Tiên.	222
	5 - Bài hậu chí của sứ thần Triều Tiên Lý Túy Quang.	
	6 – Thơ xướng họa của 2 sứ thần.	223
24	Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo giải trò đố của sứ Thanh	227
25	Trạng nguyên Nguyễn Đăng Đạo đối đất 3 động	230
	- Nguyễn Đăng Đạo làm thơ và câu đối ở Yên Kinh.	231
26	Sứ thần Trần Khải với nghề thêu.	233
27	Việc đón tiếp sứ bộ nhà Thanh năm 1683	235
	1 - Lễ phong vương Vua Lê Hy Tông.	236
	2 - Vua Lê không chịu trả ấn cũ	238
	3 - Sứ thần nhà Thanh tế Vua Lê Huyền Tông và Lê Gia Tông.	240
	4 - Sứ thần nhà Thanh tế chúa Trịnh Tạc.	240
	5 - Nguyễn Công Nho trả lời sứ thần Chu Xán	241
	6 - Sứ nhà Thanh tham lam đòi thêm tiền biếu.	243
28	Chánh sứ Nguyễn Công Hãng xin bãi bỏ cống nước giếng Cổ Loa.	244
29	Chánh sứ Phạm Khiêm Ích được Vua Khang Hy vời vào cung Càn Thanh hỏi chuyện.	245
30	Hai phái bộ Hồ Phi Tích và Nguyễn Huy Nhuận đòi đất vùng mỏ Tụ Long.	246

https://tieulun.hopto.org

31 Nguyễn Tông Khuê làm thơ Nôm tả cảnh trên đường đi sứ. 250
1 - Quang cảnh khi Sứ bộ đến miền biên giới Lạng Sơn 250
2 - Thuyền qua sông Tiêu, Tương... 251
3 - Qua hồ Động Đình. 251
4 - Thuyền lên đến Hoài Âm 252
5 - Ngày về. 253
32 Sứ bộ nhà Lê đi cống Bắc triều năm 1760 253
1 - Việc chi phí cho sứ bộ. 254
2 - Đường đi của sứ bộ năm 1760. 256
3 - Thư gửi Tổng đốc Lưỡng Quảng. 258
4 - Tờ khải của sứ bộ Trần Huy Mật 259
33 Sứ thần Lê Quý Đôn. 261
1 - Niềm tự hào khi được chọn đi sứ 262
2 - Lê Quý Đôn giữ quốc thể. 263
3 - Nước Nam không có thành 263
4 - Các quan Trung Quốc khâm phục tài năng của Lê Quý Đôn. 264
5 - Bác bỏ những nhận xét phù bạc của Cao Hùng Trưng. 265
6 - Trí nhớ thần kỳ của Lê Quý Đôn 266
7 - Đấu tranh không dùng chữ "di quan" 167
8 - Lê Quý Đôn học tập trên đường đi sứ. 269
34 Lê Quý Đôn giải nghĩa chữ: *Thư mượn áo cầu*. 272
35 Sứ bộ Việt Nam trao đổi văn thơ với sứ bộ Triều Tiên. 273
36 Sứ thần Nguyễn Nễ đi trong tuyết rơi 276

CHƯƠNG V: VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI TÂY SƠN

1 Việc đi sứ, tiếp sứ thời Nguyễn Tây Sơn. 279
2 Thang Hùng Nghiệp gửi mật thư cho vua Quang Trung 4 lần để cầu hòa. 282

https://tieulun.hopto.org

3	Đô đốc Hô Hổ Hầu sang Quảng Tây chuyển thư của vua Quang Trung.	285
4	Sứ thần Nguyễn Hữu Trù trả tù binh cho vua Thanh.	288
5	Nguyễn Quang Hiển đi sứ sang Yên Kinh.	289
6	Vua Càn Long cho vẽ tranh sứ bộ Nguyễn Quang Hiển và tự đề thơ.	290
7	Ép sứ nhà Thanh phải vào Thuận Hóa phong vương.	292
8	Sứ thần Tây Sơn sang Trung Hoa mua nhân sâm.	295
9	Đòi bãi bỏ lệ cống người vàng.	297
10	"Từ trước đến giờ, người mình đi sứ Trung Quốc, chưa có lần nào lạ lùng và vẻ vang như thế"	299
	1 - Việc đón tiếp dọc đường đi	301
	2 - Vua Quang Trung (giả) đến Yên Kinh	302
	3 - Vua Quang Trung (giả) lên đường về nước.	303
11	Võ Tướng Vũ Văn Dũng đi sứ dâng biểu cầu hôn và đòi đất Quảng Đông, Quảng Tây.	304
12	Thượng thư bộ Binh Ngô Thì Nhậm đi sứ nhà Thanh.	306
	1 - Báo tang vua Quang Trung.	307
	2 - Ngô Thì Nhậm, nhà ngoại giao, nhà thơ.	308
13	Nỗi lòng Phan Huy Ích trong mấy vần thơ đi sứ.	311
14	Võ Huy Tấn làm thơ giữ quốc thể.	313
15	Đoàn Nguyễn Tuấn đi sứ với niềm tự hào của người chiến thắng	316
16	Quan hệ Lào – Việt dưới thời Lê - Trịnh và Tây Sơn	317

CHƯƠNG VI: VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ GIỮA TRIỀU NGUYỄN VÀ TRIỀU THANH

1	Việc đi sứ, tiếp sứ thời Nguyễn và triều Thanh	323
2	Sứ bộ Trịnh Hoài Đức mở đầu việc bang giao giữa nhà Nguyễn với nhà Thanh.	326
	- Thơ đi sứ của Trịnh Hoài Đức.	327
3	Sứ bộ Lê Quang Định sang Thanh xin phong vương cho Gia Long ...	328

https://tieulun.hopto.org

	- Thơ đi sứ của Lê Quang Định	327
3	Sứ thần Ngô Nhân Tĩnh.	331
4	Lễ thụ phong vua Minh Mạng tại Hà Nội.	332
5	Cảnh sứ bộ nhà Thanh sang phong vương dưới con mắt một giám mục.	339
6	Phan Huy Chú đi sứ về bị cách chức.	342
7	Lý Văn Phúc: "Nước ta không phải là man di"	345
8	Vì sao Tự Đức đề nghị nhà Thanh cử sứ bộ sang phong vương ở Huế.	346
9	Đoàn sứ giả Trung Hoa sắc phong vua Tự Đức tại Huế	349
10	Trích tường thuật cảnh sứ bộ nhà Thanh sang phong vương cho vua Tự Đức của giám mục Pellerin.	354
11	Bùi Ngọc Quỹ làm thơ tả cảnh đi sứ trong: "Yên Đài anh thoại"	357
12	Sứ thần Đặng Huy Trứ, người khai sinh nghề nhiếp ảnh ở Việt Nam.	361
13	Phạm Hy Lượng và chuyến đi sứ Bắc triều năm1870.	362
14	Sứ bộ Phan Sĩ Thực đi Thanh trở về bị nghẽn đường ở Lạng Sơn ...	367
15	Chánh sứ Bùi Văn Dị được cho in thơ ngay ở Trung Hoa	370
16	Nhà Thanh cử sứ bộ sang Việt Nam thăm dò tình hình quân Pháp.	374
17	Sứ bộ Nguyễn Thuật sang triều cống nhà Thanh năm 1880.	376
18	Việt Nam ngỏ ý muốn đặt đại sứ và lãnh sự tại Trung Hoa.	379
19	Sau khi Hà Nội thất thủ (1982) Sứ bộ Phạm Thận Duật sang Thanh cầu cứu	380
20	Đại sứ nhà Thanh ở Pháp là Tăng Kỳ Trạch phản đối Pháp chiếm đánh Hà Nội.	381
21	Gây quan hệ tốt với lãnh sự Anh ở Hương Cảng.	382
22	Số phận chiếc ấn của Vua Thanh ban cho vua Gia Long sau Hòa ước 1884	383

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG VII : VIỆC ĐI SỨ, TIẾP SỨ THỜI NGUYỄN (VỚI PHÁP)

1. Quan hệ ngoại giao của triều Nguyễn với các nước phương Tây (trước 1858). 387
2. Tổng trấn Lê Văn Duyệt tiếp sứ bộ Anh năm 1822. 389
Lê Văn Duyệt người mở đầu việc bang giao với Mianma (Miến Điện). 394
3. Sứ bộ Tôn Thất Thường triều Minh Mệnh không được vua Pháp tiếp. 395
4. Sứ bộ Phan Thanh Giản vào Sài Gòn ký hiệp ước 1862. 396
- Báo cáo của sứ bộ Phan Thanh Giản lên vua Tự Đức 396
- Nhận xét về cuộc tiếp xúc đàm phán. 403
5. Phó Đô đốc Bonard ra Huế phê chuẩn hiệp ước, không bỏ kiếm, không quỳ lạy trước mặt vua Tự Đức. 406
6. Giới thiệu tóm tắt "Hành trình đi Tây" của sứ bộ Phan Thanh Giản năm 1863 - 1864. 409
7. Sứ bộ Phan Thanh Giản và quốc kỳ Đại Nam. 412
8. Sứ bộ Phan Thanh Giản tìm hiểu về chế độ thuế khóa châu Âu. 413
9. Sứ bộ Phan Thanh Giản và những điều kỳ lạ trông thấy ở châu Âu. 414
10. Phó sứ Phạm Phú Thứ đi sứ là để học hỏi. 416
11. Phó sứ Phạm Phú Thứ và chiếc xe trâu lấy nước tưới ruộng 418
12. Vì sao sứ bộ Phan Thanh Giản không chuộc được 3 tỉnh miền Đông? 419
13. Sứ bộ Phan Thanh Giản tiếp bà con Việt kiều ở Paris. 422
14 Vua Tự Đức tiếp sứ bộ Pháp trao đổi phê chuẩn hiệp ước 1874. 424
- Trích tường thuật của một võ quan Pháp. 426
- Vua Tự Đức phạt các hoàng thân và quan lại đón sứ bộ Pháp không nghiêm chỉnh. 434

https://tieulun.hopto.org

15. Nguyễn Thành Ý, lãnh sự đầu tiên của triều Nguyễn ở Gia Định. 435
16. Quy định 14 điều khoản cho sứ bộ Pháp đóng ở Huế bên cạnh Triều đình. 438
17. Chân dung các nhà ngoại giao Pháp giao dịch với triều Nguyễn: Trú sứ Rheinart, thực dân hiếu chiến. 439
- Rheinart phản đối việc dùng "những chữ Hán bất lịch sự" 441
- Trú sứ Rheinart tự tìm đất và xây nhà ở không báo cho triều đình Huế. 442
- Triều đình Huế tẩy chay Rheinart. 443
18. Lãnh sự Pháp tại Hà Nội De Kergaradec, trùm tình báo hiếu chiến. 444
19. Paul Philastre được ban danh hiệu: "*Người trí thức đệ nhất của vương quốc*". 446
20. Vua Tự Đức ban thưởng cho sứ thần Philastre 454
21. Nguyễn Văn Tường, nhà ngoại giao lúc đất nước gặp nhiều sóng gió. 455
22. Sứ bộ Trần Đình Túc chấp nhận 27 khoản của Hiệp ước 1883. 457
23. Sứ bộ Pháp Patenôtre trao đổi tặng phẩm sau khi ký hiệp ước 1884. 460
24. Triều đình Huế trao đổi tặng phẩm sau khi ký hiệp ước 1884 với Patenôtre. 461
25. Sứ thần Việt Nam đầu tiên đến Mỹ không quốc thư: Bùi Việt. 462

PHỤ LỤC

Danh sách các sứ bộ Việt Nam đi và sứ bộ nước ngoài đến từ năm 954 đến 1884 (những sứ bộ chính) 465
Trích một số công văn của Tây Sơn... 482
Tài liệu tham khảo 484
Mục lục 486

https://tieulun.hopto.org

Chịu trách nhiệm xuất bản:
VŨ AN CHƯƠNG
Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM NGỌC LUẬT
Biên tập:
TRẦN THANH VÂN
Trình bày bìa:
TRẦN ĐẠI THẮNG
Trình bày sách:
DƯƠNG PHONG
Sửa bản in:
PHÒNG CHẾ BẢN NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

Nguyễn Thế Long
CHUYỆN ĐI SỨ, TIẾP SỨ NGÀY XƯA
Nhà xuất bản Văn hóa-Thông tin, 43 Lò Đúc, Hà Nội - 2001
Những tư liệu có giá trị lịch sử và văn học về ngoại giao của các vị vua và sứ thần nước Việt ngày xưa.

In 800 cuốn khổ 14, 5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp in Á Phi
Giấy phép xuất bản số 321/- CXB, ngày 14/02 / 2001.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2001

https://tieulun.hopto.org